

GS.TS. NGUYỄN XUÂN THẮNG

TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN VỚI ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
TS. VÕ VĂN BÉ

Biên tập nội dung:	ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH ThS. NGUYỄN MINH HUỆ TRẦN THỊ THANH PHIỆT ThS. NGUYỄN TRƯỜNG TAM ThS. HOÀNG NGỌC ĐIỆP ThS. TRỊNH THỊ NGỌC QUỲNH TRẦN PHAN BÍCH LIỄU
Trình bày bìa:	PHẠM THÚY LIỄU
Chế bản vi tính:	LÂM THỊ HƯƠNG
Sửa bản in:	PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu:	BAN SÁCH KINH TẾ VIỆT HÀ

TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN VỚI ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC



GS.TS. NGUYỄN XUÂN THẮNG

**TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN
VỚI ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN
ĐẤT NƯỚC**



**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2021**

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hơn 90 năm qua, con thuyền cách mạng Việt Nam đã vượt qua những chặng đường khó khăn, gian khổ, nhiều thử thách cam go, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà đất nước ta, dân tộc ta có được hôm nay là minh chứng sinh động, hùng hồn khẳng định rằng, sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng là nhân tố quan trọng hàng đầu, quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam; đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại.

Công cuộc đổi mới toàn diện, đồng bộ của đất nước ta đang đặt ra nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn mới, phức tạp cần tiếp tục nghiên cứu, tổng kết và làm sáng tỏ; nắm vững nguyên tắc kế thừa và phát triển, kiên định và đổi mới, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận với thực tiễn để vận dụng, bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hoàn thiện hệ thống lý luận về đường lối đổi mới của Đảng, lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam trong bối cảnh mới.

Nhằm cung cấp cho bạn đọc có thêm tư liệu nghiên cứu, tìm hiểu sâu sắc hơn về nền tảng tư tưởng của Đảng, lịch sử và truyền thống cách mạng Việt Nam và một số vấn đề lý luận căn cốt trong

sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Tư tưởng, lý luận với đổi mới và phát triển đất nước*** của GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Cuốn sách được biên soạn trên cơ sở tập hợp các phát biểu của GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng tại các hội thảo khoa học, hội thảo kỷ niệm cùng một số bài viết đã được đăng trên các báo, tạp chí, sách... trong thời gian từ năm 2016 đến nay, và được kết cấu gồm 3 phần:

Phân thứ nhất: Vững vàng trên nền tảng tư tưởng của Đảng;

Phân thứ hai: Bản hùng ca của dân tộc và phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa và cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng;

Phân thứ ba: Cơ đồ dân tộc, khát vọng và tầm nhìn phát triển đất nước.

Cuốn sách ***Tư tưởng, lý luận với đổi mới và phát triển đất nước*** là tài liệu quý, có giá trị khoa học và giáo dục, giúp các cấp ủy, tổ chức đảng các cấp quán triệt sâu sắc hơn về nền tảng tư tưởng, quan điểm chỉ đạo, nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giáo dục truyền thống yêu nước và đạo đức cách mạng, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là thế hệ trẻ, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phấn đấu vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa phồn vinh, hạnh phúc, cùng tiến bước, sánh vai với các cường quốc năm châu, thực hiện thành công tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và ước vọng của toàn dân tộc ta.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 5 năm 2021

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

PHẦN THỨ NHẤT

VỮNG VÀNG TRÊN NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

C. MÁC - NHÀ TƯ TƯỞNG THIÊN TÀI, NHÀ CÁCH MẠNG VĨ ĐẠI*

Cách đây 200 năm, ngày 5/5/1818, C. Mác - một nhân cách vĩ đại, nhà lý luận thiên tài, lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới đã chào đời tại Tơrivơ thuộc nước Phổ.

C. Mác nổi bật về trí thông minh và lòng vị tha, yêu thương con người; đức tính giản dị và tấm lòng nhiệt huyết; ý chí vươn lên và năng lực lao động phi thường; lòng can đảm và sự khoan dung, độ lượng. Cuộc đời và những di sản tư tưởng của C. Mác đã đi vào lịch sử nhân loại với vị trí kiệt xuất trong hàng ngũ những vĩ nhân. Đúng như Ph. Ăngghen khẳng định: “Tên tuổi Người, sự nghiệp của Người sống mãi nghìn thu!”.

C. Mác đã để lại cho chúng ta một kho tàng tri thức đồ sộ và phong phú ở nhiều mặt, trên nhiều lĩnh vực như: triết học, xã hội học, kinh tế học, lịch sử, pháp lý, chính trị, v.v.. Đó là kết quả của sự lao động quên mình, niềm say mê nghiên cứu khoa học, tiếp thu có phê phán, vượt qua cả

* Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo khoa học quốc tế “Di sản tư tưởng của C. Mác và ý nghĩa thời đại” tổ chức ngày 04/5/2018 tại Hà Nội; bài đăng trên Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 5/2018; có chỉnh sửa.

những thiên tài xuất sắc trước đó, kể từ thời cổ đại Hy Lạp cho đến thời đại mà C. Mác sống. Đó còn là kết quả của sự tổng kết thực tiễn và khái quát lý luận về phong trào công nhân châu Âu cực kỳ sôi động lúc bấy giờ. Nhưng trên hết và trước hết, đó là sự sáng tạo tuyệt vời của một bộ óc thiên tài, một bậc vĩ nhân, có ảnh hưởng to lớn nhất trong mọi thời đại của nhân loại.

1. Trong di sản lý luận đồ sộ, sâu sắc của C. Mác, công lao to lớn và đầu tiên là ông đã xây dựng *một thế giới quan và phương pháp luận mới, khoa học và cách mạng*, đem lại cho nhân loại tiến bộ, nhất là cho giai cấp công nhân một công cụ vĩ đại để nhận thức và cải tạo thế giới. Đó là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Theo đó, C. Mác đã thực hiện một cuộc cách mạng trong toàn bộ quan niệm về lịch sử thế giới. Lần đầu tiên trong lịch sử, các *quy luật phát triển của xã hội loài người* được phát hiện, tích hợp và trình bày trong một hệ thống các quy luật: quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng; tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, chứ không phải ngược lại; kinh tế, xét đến cùng, quyết định chính trị; sự phát triển của các *hình thái kinh tế - xã hội* như một quá trình lịch sử - tự nhiên. Nhờ vậy, lần đầu tiên nhân loại có một học thuyết phát triển tương đối hoàn chỉnh. C. Mác chỉ ra rằng, lịch sử loài người trước hết là lịch sử phát triển của nền sản xuất xã hội; phương thức sản xuất vật chất quyết định các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Chính thực tiễn của chủ nghĩa tư bản châu Âu đương

thời đã được C. Mác mổ xé, phân tích, giải phẫu và minh chứng sâu sắc cho các quan điểm lý luận của mình.

Vượt trên các cách giải thích khác lúc bấy giờ về lịch sử xã hội loài người, C. Mác đã kiên trì đi tìm và đã tìm ra “những điều bí ẩn của lịch sử”, “chủ thể của lịch sử” và “chiave khóa của lịch sử đích thực”. Theo ông, động lực thúc đẩy sự vận động của lịch sử không phải là sức mạnh siêu tự nhiên, cũng không phải là những tư tưởng hay ý chí của các vĩ nhân, mà chính là nền sản xuất vật chất, là những lợi ích vật chất và trong đó, chính quần chúng nhân dân mới là những người sáng tạo chân chính ra lịch sử. V.I. Lê nin khẳng định: “Chủ nghĩa duy vật lịch sử của Mác là thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học. Một lý luận khoa học hết sức hoàn chỉnh và chặt chẽ đã thay cho sự lộn xộn và sự tùy tiện, vẫn ngự trị từ trước đến nay trong các quan niệm về lịch sử và chính trị”¹.

2. Vận dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử vào nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, C. Mác đã vạch ra những quy luật kinh tế của xã hội tư bản chủ nghĩa, nhìn nhận chủ nghĩa tư bản trong cả quá trình phát sinh, phát triển và diệt vong của nó. Trong lời giới thiệu cho cuốn *Tại sao Mác đúng*, tác giả Terry Eagleton đã viết: “Các Mác là người đầu tiên nhận biết đối tượng lịch sử được biết đến là chủ nghĩa tư bản - chứng minh nó xuất hiện như thế nào, hoạt động theo quy luật nào và có thể đi đến chỗ kết thúc ra sao. Cũng giống như Newton đã

1. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1980, t.23, tr.53.

phát hiện ra những sức mạnh vô hình được biết đến là luật vạn vật hấp dẫn, hay Freud đã chỉ ra hoạt động của một hiện tượng vô hình được gọi là vô thức, Các Mác đã khám phá cuộc sống hằng ngày của chúng ta để phát hiện một thực thể chưa từng được nhận biết gọi là *phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa*¹.

Một trong hai phát kiến vĩ đại của C. Mác là việc phát hiện ra quy luật giá trị thặng dư được ví như “hòn đá tảng” trong toàn bộ học thuyết của C. Mác. Quy luật giá trị thặng dư là quy luật cơ bản, phổ biến của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. C. Mác chỉ rõ mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là mâu thuẫn giữa tính xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với tính tư nhân tư bản chủ nghĩa của việc chiếm hữu tư liệu sản xuất. Để tồn tại và vượt qua các cuộc khủng hoảng, các cú sốc trong sự phát triển, chủ nghĩa tư bản luôn phải tự điều chỉnh để điều hòa mâu thuẫn này. Điều đó cho thấy, phát kiến vĩ đại của C. Mác luôn đúng, ngay cả khi chủ nghĩa tư bản hiện đại bước vào thời đại toàn cầu hóa và chịu sự tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

3. Với hai phát kiến khoa học vĩ đại là chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư, C. Mác đã đặt nền móng vững chắc cho việc hiện thực hóa tư tưởng về chủ nghĩa xã hội khoa học - học thuyết về sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân và giải phóng loài người khỏi mọi hình thức nô

1. Terry Eagleton: *Why Marx was right*, Đinh Xuân Hà và Phương Sơn dịch.

dịch, áp bức, bóc lột và tha hóa. V.I. Lênin đã nhận định rằng, điểm cốt yếu của học thuyết Mác là soi sáng vai trò lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân với tư cách là người xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa thay thế xã hội tư bản.

Nhờ có thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận khoa học, C. Mác đã phát hiện ra quy luật phát triển của xã hội và lực lượng xã hội có thể đấu tranh xóa bỏ chế độ tư bản, xây dựng thành công xã hội mới, đó là giai cấp vô sản. C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ cho giai cấp vô sản hiểu rõ ràng, trước hết họ phải tự mình vùng lên giải phóng khỏi ách thống trị của chế độ tư bản chủ nghĩa. Trong cuộc đấu tranh đó, giai cấp vô sản phải đoàn kết xung quanh mình tất cả những người lao động.

V.I. Lênin khẳng định: “Học thuyết của Mác là học thuyết vạn năng vì nó là một học thuyết chính xác. Nó là một học thuyết hoàn bị và chặt chẽ; nó cung cấp cho người ta một thế giới quan hoàn chỉnh, không thỏa hiệp với bất cứ một sự mâu thuẫn nào, một thế lực phản động nào, một hành vi nào bảo vệ sự áp bức của tư sản”¹. Đối với giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới thì học thuyết của Mác là vũ khí lý luận, vũ khí tư tưởng sắc bén trong cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột cũng như trong sự nghiệp xây dựng xã hội tương lai tươi đẹp.

Vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác vào điều kiện lịch sử cụ thể ở nước Nga trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.23, tr.50.

nghĩa, bước đầu bắt tay xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực, V.I. Lênin đã bổ sung, phát triển, tạo nên giai đoạn Lênin trong sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác và hình thành nên chủ nghĩa Mác - Lênin. Với thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại năm 1917, chủ nghĩa xã hội từ một học thuyết trở thành một chế độ chính trị - xã hội hiện thực; chủ nghĩa Mác từ một “bóng ma ám ảnh châu Âu” đã được hiện thực hóa trong phong trào công nhân, mở ra một thời đại mới, thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Sự hình thành hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đã tác động mạnh mẽ đến tiến trình phát triển của loài người, là chỗ dựa cho các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đứng lên đấu tranh tự giải phóng, xóa bỏ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ và mới. Những thắng lợi to lớn của chủ nghĩa xã hội đã làm thay đổi bộ mặt thế giới, là minh chứng hùng hồn cho sức sống mãnh liệt, trường tồn của chủ nghĩa Mác - Lênin, học thuyết khoa học và cách mạng, nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

C. Mác không chỉ là nhà lý luận thiên tài mà còn là nhà cách mạng vĩ đại. Học thuyết do ông sáng lập là ngọn đèn pha soi sáng con đường cách mạng cho giai cấp vô sản và nhân dân lao động toàn thế giới. Sự ra đời của chủ nghĩa Mác và sau này là chủ nghĩa Mác - Lênin đã chấm dứt thời kỳ “mò mẫm như trong đêm tối” của hàng triệu nhân dân lao động sống dưới ách áp bức và bóc lột, tìm đường giải phóng cho mình. Lý luận của C. Mác được truyền bá rộng rãi trên toàn thế giới, có tầm ảnh hưởng sâu rộng đến mọi quốc gia,

dân tộc, đến các nền văn hóa - chính trị trong nhiều bối cảnh lịch sử khác nhau.

4. Kể từ khi ra đời đến nay, chủ nghĩa Mác đã trải qua hơn 170 năm. Thực tiễn đã có nhiều thay đổi; khoa học - kỹ thuật có những bước phát triển vượt bậc; phong trào công nhân trở nên rất đa dạng và có những thay đổi to lớn; chủ nghĩa tư bản với những thích nghi mới vẫn tồn tại, song những thách thức, khủng hoảng thuộc về bản chất nội tại của nó vẫn tiếp tục tiềm ẩn. Mặc dù các lực lượng thù địch dùng nhiều thủ đoạn chống phá, bôi nhọ, xuyên tạc, thậm chí tìm mọi cách phủ nhận, nhưng tư tưởng của C. Mác cùng với chủ nghĩa Mác - Lê nin vẫn phát triển, vẫn tràn đầy sức sống, vẫn là thế giới quan, phương pháp luận khoa học của hàng triệu người trên trái đất. Nhiều giá trị của chủ nghĩa Mác - Lê nin với phương pháp biện chứng duy vật, quan niệm duy vật về lịch sử, học thuyết về giá trị thặng dư, học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân, học thuyết về chủ nghĩa xã hội, v.v. vẫn mang sức sống trường tồn, vẫn tiếp tục tỏa sáng với chủ nghĩa nhân văn vì con người.

Với tinh thần khoa học và khách quan, chúng ta cần phải đặt mình trong bối cảnh lịch sử cụ thể thời C. Mác lúc bấy giờ để nhìn nhận, đánh giá đúng những luận điểm của học thuyết Mác. Trọng trách của chúng ta hiện nay là cần học tập tầm nhìn chiến lược, phương pháp tư duy và bản lĩnh của V.I. Lê nin và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác vào điều kiện cụ thể, làm cơ sở để bổ sung, hoàn thiện chủ nghĩa Mác. Chúng ta có sứ mạng tiếp tục lan tỏa học thuyết Mác trên tinh thần của một học thuyết

phát triển, học thuyết cải tạo và thay đổi thế giới, học thuyết giải phóng con người, theo đó, tư duy và định hình cho đường lối phát triển của chúng ta phù hợp với bối cảnh và điều kiện mới. Điều phải hết sức tránh là đánh giá học thuyết Mác một cách giáo điều, chung chung; đặc biệt, *vững vàng trên nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lenin, tiếp tục đấu tranh, bác bỏ những quan điểm sai trái, xuyên tạc học thuyết Mác - Lenin; vững tin vào sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.*

5. C. Mác là một thiên tài nhưng ông vẫn bị quy định bởi chính những điều kiện lịch sử của thời đại mình. Chúng ta không thể đòi hỏi C. Mác suy nghĩ thay cho các thế hệ sau những vấn đề chưa đặt ra trong thời đại của ông. Chính sự hình thành tư tưởng của C. Mác cũng là một quá trình phát triển từ tinh thần dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản chủ nghĩa; từ thế giới quan duy tâm sang thế giới quan duy vật biện chứng. Mỗi nguyên lý trong học thuyết của C. Mác cũng luôn được ông bổ sung, phát triển bằng tổng kết thực tiễn phong trào công nhân và khai quát các thành tựu khoa học hiện đại. Sau này, V.I. Lenin, xuất phát từ những điều kiện thực tiễn cụ thể của thời đại mình đã bổ sung, phát triển lý luận của C. Mác. Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những vận dụng hết sức sáng tạo và bổ sung nhiều luận điểm mới cho chủ nghĩa Mác phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Chẳng hạn, để giải quyết một trong những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam là đấu tranh giành độc lập dân tộc và giải phóng giai cấp, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định phải tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và tiếp theo là cách mạng xã

hội chủ nghĩa; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của hơn 30 năm đổi mới một lần nữa khẳng định sức sống bền vững của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tính đúng đắn của đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều này nói lên rằng, nghiên cứu và vận dụng, bổ sung, phát triển tư tưởng của C. Mác phải dựa trên tinh thần biện chứng chứ không được giáo điều, xơ cứng; phải linh hoạt, tùy từng điều kiện thực tiễn lịch sử cụ thể của mỗi quốc gia, dân tộc.

V.I. Lê nin cũng từng nhận định: “Chúng ta không kỳ vọng rằng Mác hay những người theo chủ nghĩa Mác đều hiểu biết mọi mặt cụ thể của con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Như thế sẽ là phi lý. Chúng ta chỉ biết phương hướng của con đường đó và những lực lượng giai cấp nào dẫn đến con đường đó; còn như về cụ thể và trên thực tế con đường đó ra sao, thì *kinh nghiệm* của hàng triệu con người sẽ chỉ rõ, khi họ bắt tay vào hành động”¹. Thực tiễn cách mạng Việt Nam và thế giới đã chứng tỏ rằng: lúc nào, ở đâu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin được vận dụng đúng đắn, sáng tạo thì ở nơi đó, lúc đó cách mạng vượt qua được những thử thách để tiến lên. Ngược lại, ở đâu và lúc nào, các nguyên lý ấy bị hiểu sai, vận dụng máy móc, giáo điều, xét lại, thì cách mạng gặp khó khăn, tổn thất, thậm chí thất bại.

1. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, t.34, tr.152-153.

6. Chủ nghĩa tư bản hiện đại mặc dù có tiến bộ hơn so với chính nó vào thời điểm mà C. Mác nghiên cứu nhưng vẫn có những khiếm khuyết nội tại không thể tự mình khắc phục. Bất bình đẳng xã hội vẫn tồn tại và ngày càng gay gắt ở ngay các nước tư bản giàu có; chênh lệch giàu nghèo giữa các nước phát triển và đa số các nước đang phát triển ngày càng trầm trọng. Xung đột, khủng bố, bạo lực và bất ổn xã hội vẫn diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới. Ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu đang trở thành thách thức lớn của nhân loại. Học giả Allen W. Wood thậm chí đã chỉ ra rằng, phần lớn mọi người đều cho rằng Mỹ là quốc gia giàu có nhất trên thế giới, nhưng đó cũng là quốc gia bất bình đẳng nhất trên thế giới: 400 người giàu nhất nước Mỹ sở hữu khối lượng tài sản cao hơn tổng số tài sản của 150 triệu người nghèo nhất. Những người giàu nhất chiếm 1% dân số nhưng lại sở hữu hơn 1/3 tổng lượng tài sản của toàn xã hội, vượt quá tổng lượng tài sản của những người có thu nhập thấp nhất nước Mỹ - đối tượng chiếm tới 95% dân số. Điều này càng chứng tỏ, lý luận của chủ nghĩa Mác về xã hội tư bản chủ nghĩa vẫn luôn đúng và lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa xã hội vẫn giữ nguyên giá trị khoa học, thực tiễn.

Có ý kiến cho rằng, trong nền kinh tế tri thức và cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sứ mệnh lịch sử hiện nay không còn thuộc về giai cấp công nhân mà là thuộc về một số tầng lớp, giai cấp khác; thậm chí thuộc về người máy... Nhờ lý luận của C. Mác, chúng ta thấy rõ, dù nền sản xuất hiện đại được tự động hóa, nhưng xét về nội dung kinh tế thì giai cấp công nhân hiện đại vẫn là người sản xuất ra của cải vật

chất chủ yếu cho xã hội và là những người phải được hưởng thụ xứng đáng các thành quả phát triển. Xét về khía cạnh tư tưởng - chính trị thì chỉ có giai cấp công nhân mới tập hợp được các giai tầng lao động khác do Đảng Cộng sản lãnh đạo để xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Do địa vị chính trị - xã hội của mình nên chỉ có giai cấp công nhân mới giải quyết được các vấn đề chính trị - xã hội trong quá trình xây dựng xã hội mới. Xét về nội dung văn hóa - tư tưởng, chỉ có giai cấp công nhân mới là lực lượng xác lập được các hệ giá trị mới, như: lao động, công bằng, dân chủ, bình đẳng, tự do... để thay thế cho hệ giá trị tư sản cũ. Do vậy, học thuyết của C. Mác và chủ nghĩa Mác - Lê nin về vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay vẫn còn nguyên giá trị, ý nghĩa thời sự.

Thực tế cho thấy, sự phát triển của lực lượng sản xuất dựa trên nền tảng tiến bộ khoa học - công nghệ đang đưa nhân loại tới những mô hình phát triển rất mới như công nghiệp 4.0 hay xã hội siêu thông minh 5.0 là phù hợp với học thuyết về sự thay thế, phát triển các hình thái kinh tế - xã hội của C. Mác. Những mục tiêu mà các mô hình này đặt ra như: mang đến cho con người một cuộc sống tiện nghi, không phân biệt về tuổi tác, sức khỏe, giới tính, địa lý, ngôn ngữ; bảo đảm phát triển bao trùm và bền vững, không để một ai bị tụt lại phía sau; giải phóng và phát triển con người... cũng chính là luận điểm căn bản mà C. Mác đã tiên lượng trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* cách nay hơn 170 năm, phù hợp với bản chất nhân văn cao đẹp của chủ nghĩa xã hội. Ý nghĩa thời đại của học thuyết Mác với những tiên lượng và

giá trị trường tồn của nó, là luận cứ khoa học đầy sức thuyết phục, luôn thôi thúc chúng ta *xây dựng khát vọng và tầm nhìn phát triển hướng tới một xã hội hiện đại, nhân văn, bao trùm và bền vững*, vì con người, lấy con người làm trung tâm, do con người và giải phóng con người như một giá trị cốt lõi, phổ quát nhất của nhân loại. Đúng như Terry Eagleton đã nhận định về Mác: “Quan niệm của Mác về tự nhiên và môi trường đáng ngạc nhiên là đã vượt xa thời đại mà ông đang sống. Không thể có người chiến sĩ kiên trung nào vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ, hòa bình thế giới, chống chủ nghĩa phát xít và độc lập cho các nước thuộc địa như phong trào chính trị mà công trình của Mác đã sản sinh ra”¹.

C. Mác đã rời xa chúng ta và yên nghỉ tại nghĩa trang Haighest, Luân Đôn từ năm 1883, nhưng tư tưởng của ông vẫn còn sống mãi với nhân loại, bởi bản chất khoa học, cách mạng và nhân văn của những di sản tư tưởng của C. Mác và chủ nghĩa Mác - Lenin vẫn hoàn toàn đúng đắn và hơn nữa, lại luôn được bổ sung, phát triển bởi những người mácxít chân chính.

1. Allyn Fives và Keith Breen (chủ biên): *Triết học và sự tham gia chính trị: Nhìn từ lĩnh vực công*, Nxb. Palgrave Macmillan, 2016 (theo nguồn phòng khai thác và phổ biến tin của Viện Thông tin khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh).

SỨC SỐNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY*

C. Mác đã để lại cho nhân loại một kho tàng tri thức lý luận rất đồ sộ và phong phú trên nhiều lĩnh vực, nhưng điển hình nhất là triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, kinh tế chính trị học mácxít và chủ nghĩa xã hội khoa học. Hơn 170 năm qua, chứng kiến nhiều thăng trầm của lịch sử nhân loại và chịu sự công kích, chống phá từ nhiều kẻ thù tư tưởng khác nhau, chủ nghĩa Mác vẫn tồn tại, đứng vững và luôn được bổ sung, phát triển bởi những người mácxít chân chính.

Với sự sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, C. Mác đã thực hiện một cuộc cách mạng trong lịch sử triết học. Lần đầu tiên, các quy luật phát triển của xã hội loài người được giải thích một cách khoa học, khách quan, xuất phát từ các quy luật vận động và phát triển của nền sản xuất xã hội. Triết học Mác không hề hạ

* Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo trao đổi lý luận thường niên lần thứ 8 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Nhật Bản tổ chức ngày 16 và 17/10/2018 tại thành phố Cần Thơ; bài đăng trên Báo *Nhân Dân*, ngày 17/10/2018 và *Tạp chí Cộng sản*, số 913, tháng 11/2018; có chỉnh sửa.

thấp mà còn nhấn mạnh sự tác động trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất; kiến trúc thương tầng đối với cơ sở hạ tầng; ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội; chính trị đối với kinh tế,... Hơn nữa, triết học Mác luôn quan niệm: vấn đề không chỉ là giải thích thế giới mà quan trọng hơn là cải tạo thế giới bằng hoạt động thực tiễn, phục vụ con người. Kế thừa những người đi trước song vượt lên khỏi tư duy của chủ nghĩa “duy vật tầm thường” và chủ nghĩa “duy kinh tế”, C. Mác đã sáng tạo ra học thuyết khoa học biện chứng về phát triển¹.

C. Mác và người đồng sự chí cốt của ông, Ph. Ăngghen, đã phân tích rõ và chỉ ra mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa: đó là mâu thuẫn giữa tính xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với tính tư nhân tư bản chủ nghĩa của việc chiếm hữu tư liệu sản xuất. Chủ nghĩa tư bản càng phát triển, mâu thuẫn này không mất đi mà càng bộc lộ dưới nhiều hình thức khác nhau. Bằng chứng là, ngày nay nhiều quốc gia tư bản giàu có vẫn đứng trước rủi ro của các cuộc khủng hoảng kinh tế, khủng hoảng chu kỳ, cơ cấu, khủng hoảng mô hình phát triển, khủng hoảng thể chế. Chiến tranh thương mại, chiến tranh tiền tệ, các cú sốc tài chính,... tình trạng bất bình đẳng, phân hóa giàu nghèo, xung đột xã hội tiếp tục gia tăng và rất khó điều hòa trong bối cảnh toàn cầu hóa. Chính trị cường quyền, sự áp

1. Xem Nguyễn Xuân Thắng: “Giá trị lý luận và sức sống của chủ nghĩa Mác trong thời đại ngày nay”, Chuyên san Hội đồng Lý luận Trung ương, 2018.

đặt của chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa dân tộc cực đoan đang tạo ra những bất bình trong cộng đồng quốc tế, dẫn đến nguy cơ xung đột ở nhiều nơi. Hệ thống quản trị toàn cầu vận hành trên những nguyên tắc lỗi thời đang không thể xử lý được những thách thức cấp bách của nhân loại như: ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu và nước biển dâng, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chủ nghĩa khủng bố và nhiều vấn đề toàn cầu mới nảy sinh khác.

Học thuyết Mác là vũ khí lý luận và tư tưởng sắc bén trong cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột và bất công. Với việc phát hiện ra quy luật giá trị thặng dư, C. Mác đã chỉ ra bản chất, hình thức biểu hiện và cách thức mà nhà tư bản bóc lột người công nhân và nhân dân lao động. Giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất có khả năng liên minh, đoàn kết với các giai tầng khác để thực hiện sứ mệnh lịch sử lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, xây dựng một chế độ xã hội không còn người bóc lột người. Muốn vậy, trước hết, giai cấp công nhân phải tự mình đứng lên giải phóng chính mình¹. Với lập luận đó ở thời đại của ông, C. Mác đã tạo ra một cuộc cách mạng trong lịch sử tư tưởng của chủ nghĩa xã hội, làm cho chủ nghĩa xã hội từ không tưởng trở thành thực sự khoa học; hình thành ở chủ nghĩa Mác lý luận về sự giải phóng: giải phóng con người, giải phóng giai cấp và giải phóng nhân loại. Sự giải phóng đó chỉ có thể tìm thấy ở chủ nghĩa xã hội, như trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã chỉ ra, một xã hội mà ở đó “... sự phát

1. Xem Nguyễn Xuân Thắng: “Giá trị lý luận và sức sống của chủ nghĩa Mác trong thời đại ngày nay”, *Tlđd*.

triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”¹. Ngày nay, khi nhân loại đang hướng về những mục tiêu phát triển bao trùm và bền vững, phát triển toàn diện con người, vì con người, lấy con người là trung tâm càng chứng tỏ rằng, lý luận của chủ nghĩa Mác để giải phẫu xã hội tư bản chủ nghĩa hiện đại vẫn đúng, lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa xã hội vẫn giữ nguyên giá trị thực tiễn; đồng thời càng khẳng định một trong những giá trị vĩ đại nhất của chủ nghĩa Mác là tư tưởng nhân văn vì con người, mà trước hết là vì những người lao động.

C. Mác là một thiên tài, lý luận của ông tuy có tầm nhìn xa nhưng vẫn bị quy định bởi những điều kiện lịch sử cụ thể. Chúng ta không thể đòi hỏi C. Mác phải tiên lượng được hết, suy nghĩ và giải quyết thay cho các thế hệ sau những vấn đề chưa hề đặt ra trong thời đại của ông. Ph. Ăngghen đã từng lưu ý: “Lý luận của chúng tôi là lý luận của sự phát triển, chứ không phải là một giáo điều mà người ta phải học thuộc lòng và lắp lại một cách máy móc”². Do vậy, những người mácxít phải biết tổng kết thực tiễn thời đại mình để vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác phù hợp với từng điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia, dân tộc.

Tính lịch sử - cụ thể luôn là điểm then chốt trong phương pháp tiếp cận của học thuyết Mác. Bởi theo ông, lịch sử bắt

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, t.4, tr.628.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1999, t.36, tr.796.

đầu từ đâu thì tư duy bắt đầu từ đó; lý luận phải xuất phát từ thực tiễn, được tổng kết, khái quát từ thực tiễn. Bản thân C. Mác và Ph. Ăngghen cũng thường xuyên bổ sung, hoàn thiện lý luận của mình bằng thực tiễn hoạt động cách mạng. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời năm 1848 là kết quả của sự kết hợp giữa nghiên cứu khoa học với việc tổng kết thực tiễn phong trào cách mạng của giai cấp công nhân châu Âu giữa thế kỷ XIX. Trong Lời tựa viết cho lần xuất bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* bằng tiếng Đức vào năm 1872, C. Mác và Ph. Ăngghen đã nhấn mạnh, bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng các nguyên lý trong Tuyên ngôn cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời. Đó chính là thái độ mẫu mực, cách ứng xử khoa học nhất đối với việc vận dụng và phát triển lý luận trong thực tiễn.

Xuất phát từ thực tiễn cụ thể của bối cảnh nước Nga trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, V.I. Lênin đã bổ sung, phát triển lý luận của C. Mác và hình thành nên chủ nghĩa Mác - Lênin. Thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại mở đầu cho sự chuyển biến của chủ nghĩa xã hội từ học thuyết trở thành hiện thực, từ hiện thực của một nước trở thành hiện thực của một hệ thống thế giới, mở ra một thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa Mác và tiếp nối là chủ nghĩa Mác - Lênin đã thực sự trở thành ngọn đèn pha rọi sáng, chấm dứt thời kỳ “mờ măm như trong đêm tối” của hàng triệu nhân dân lao động và người dân ở các nước thuộc địa tìm đường giải phóng cho mình và cho dân tộc mình. Sự hình thành hệ thống các nước xã hội

chủ nghĩa với những thành tựu phát triển to lớn là chố dựa cho các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đứng lên đấu tranh tự giải phóng, xóa bỏ ách thống trị của chế độ thực dân. Đồng thời, thực tiễn phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở những quốc gia mới giành được độc lập đã bồ sung, làm phong phú thêm hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin trong thế kỷ XX. Với những giá trị tiến bộ, lý luận của Mác được truyền bá rộng rãi trên toàn thế giới, ảnh hưởng sâu rộng đến các quốc gia, dân tộc, các nền văn hóa, hệ tư tưởng của các đảng phái, phong trào xã hội và đến niềm tin, khát vọng của từng cá nhân. Dù ở các châu lục khác nhau, với những trình độ phát triển khác nhau, trong nhiều bối cảnh lịch sử, đặc thù, các đảng cộng sản và giai cấp công nhân ở mỗi nước đều có thể tìm thấy những căn cứ lý luận chung ở chủ nghĩa Mác về khả năng làm tăng thật nhanh lực lượng sản xuất lên; về kiểu tổ chức một mô hình xã hội công bằng, bình đẳng; về sự tự do, giải phóng con người, giải phóng giai cấp; về quan hệ giữa các dân tộc, quốc gia trên cơ sở của hòa bình, đoàn kết quốc tế,...¹.

Sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, song đây không phải là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội nói chung, lại càng không phải là sự sụp đổ của chủ nghĩa Mác - Lê nin. Đó chỉ là sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã

1. Xem Nguyễn Xuân Thắng: Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo khoa học quốc tế “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản - Giá trị lý luận và thực tiễn trong thời đại ngày nay”, Hà Nội, tháng 02/2018.

hội giáo điêu, xa dân, xa rời những nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, nhất là những nguyên tắc lịch sử - cụ thể, nguyên tắc thực tiễn và sự thiêu thích ứng với những thay đổi thường xuyên của đời sống chính trị - xã hội. Đó còn là hệ quả của những sai lầm về đường lối phát triển kinh tế - xã hội; sai lầm nghiêm trọng về đường lối chính trị và sự buông lỏng công tác chính trị - tư tưởng, công tác cán bộ của đảng cầm quyền trong quá trình cải tổ. Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận định: “Chủ nghĩa xã hội trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại cũng như từ khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc, có điều kiện và khả năng tạo ra bước phát triển mới”¹. Thực tiễn cải cách và phát triển của các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay, những chuyển biến tích cực về niềm tin và thái độ đối với lý tưởng xã hội chủ nghĩa trong lòng các nước tư bản chủ nghĩa, cùng với nỗ lực không ngừng đấu tranh, tìm tòi con đường phát triển mới của các đảng cộng sản và công nhân trên thế giới là những minh chứng không thể bác bỏ sức sống mãnh liệt và giá trị của học thuyết Mác.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng sáng tạo và bổ sung nhiều luận điểm mới cho chủ nghĩa Mác - Lê nin xuất phát từ thực tiễn Việt Nam. Lãnh tụ Hồ Chí Minh là người đầu tiên đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, kế thừa và phát

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.52.

triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, hình thành một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Người đã nghiên cứu sâu sắc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lenin, tiếp thu hợp lý tinh thần *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* trong bối cảnh lịch sử mới của cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Người đã tìm thấy giá trị về quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mỹ và Bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp. Người đã nghiên cứu chủ nghĩa tam dân của nhà cách mạng Tôn Trung Sơn và hiểu rằng khát vọng “dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc” khó thể đạt và duy trì bền vững qua con đường cách mạng dân chủ tư sản. Bởi vậy, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam là tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và tiếp theo là cách mạng xã hội chủ nghĩa để giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, kiên định giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa Mác - Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, là kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Dưới sự lãnh đạo, dẫn dắt của Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và

của dân tộc, nhân dân Việt Nam đã liên tục giành thắng lợi vẻ vang trong công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thực tiễn thế giới và Việt Nam đã chứng tỏ rằng: lúc nào, ở đâu chủ nghĩa Mác được vận dụng đúng đắn, sáng tạo thì ở nơi đó, lúc đó tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội vượt qua được những thử thách phát triển để tiếp tục đi lên. Ngược lại, ở đâu và lúc nào, chủ nghĩa Mác bị hiểu sai, vận dụng máy móc giáo điều, thì con đường đó gặp nhiều khăn, thậm chí thụt lùi, thất bại. Xuất phát từ thực tiễn phát triển của Việt Nam, phù hợp với quy luật và xu thế phát triển chung của nhân loại, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khởi xướng công cuộc đổi mới, chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Công cuộc đổi mới là sản phẩm sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam. Đó là chặng đường cách mạng mới của toàn Đảng, toàn dân tộc Việt Nam, mang tầm vóc và ý nghĩa phát triển to lớn vì mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Thành công của công cuộc đổi mới ở Việt Nam là biểu trưng cho sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Trong thực tiễn lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển con người,

thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường trong từng bước đi và từng chính sách phát triển. Với xuất phát điểm là một nước có thu nhập thấp, trong giai đoạn đầu, Việt Nam đã rất chú trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh nhằm xóa đói, giảm nghèo, tạo ra lực lượng vật chất dồi dào và phong phú hơn cho việc thực hiện phân phối và phân phối lại, đảm bảo công bằng xã hội. Hiện nay, Việt Nam đang cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiềng rộng sang chiềng sâu, thực hiện phát triển bao trùm và bền vững đất nước. Thực tiễn phát triển của thế giới và Việt Nam cho thấy, nếu chỉ chú ý đến tăng trưởng kinh tế mà thiếu quan tâm đến tiến bộ, công bằng xã hội thì không thể tạo lập được nền tảng cho tăng trưởng bền vững. Ngược lại, nếu chỉ quan tâm đến tiến bộ, công bằng xã hội mà thiếu đi nguồn lực vật chất làm điều kiện, tiền đề, thì có nguy cơ dẫn tới sự cào bùng trong nghèo khổ¹.

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, Đảng Cộng sản Việt Nam thống nhất nhận thức rằng, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam. Kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại, có thể phát triển và thích ứng với nhiều hình thái xã hội khác nhau. Kinh tế thị trường phát triển đạt tới trình độ cao dưới chủ nghĩa tư bản song không đồng nhất với chủ nghĩa tư bản và cũng không đối lập với chủ nghĩa xã hội.

1. Xem “Phát triển bền vững, thực hiện công bằng xã hội, nhìn từ thực tiễn đổi mới ở Việt Nam”, Phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng tại Trường Đại học Tổng hợp La Habana, Cuba, tháng 3/2018.

Dù có những khiếm khuyết và mặt trái không thể phủ nhận, song thị trường vẫn chứng tỏ là một cơ chế huy động, phân bổ nguồn lực, thúc đẩy sáng tạo và phát triển tốt nhất hiện nay. Một quốc gia vận dụng các quy luật thị trường để phát triển kinh tế có thể chưa chắc thành công, song một quốc gia muốn thành công và phát triển bền vững thì dứt khoát không thể không phát triển kinh tế thị trường. Tự thân kinh tế thị trường không đưa đến chủ nghĩa xã hội, nhưng muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công chắc chắn phải phát triển kinh tế thị trường¹.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường; là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế². Định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện ở việc phát triển kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, hướng vào con người, lấy con người làm trung tâm của sự phát triển, vì lợi ích của nhân dân, mọi người dân được tham gia và mọi người dân được hưởng lợi. Đây cũng chính là thuộc tính nhân văn, đặc trưng riêng có của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hơn 30 năm qua, từ một nước kém phát triển, có thu nhập bình quân đầu người chỉ ở mức dưới 100 đôla Mỹ vào những năm đầu đổi mới, đến năm 2010, Việt Nam đã vượt

1. Xem “Phát triển bền vững, thực hiện công bằng xã hội, nhìn từ thực tiễn đổi mới ở Việt Nam”, *Tlđd*.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.102.

qua nồng thu nhập bình quân đầu người 1.000 đôla Mỹ, gia nhập nhóm nước có thu nhập trung bình thấp và đến năm 2018, GDP bình quân đầu người ước đạt 2.540 đôla Mỹ. Chỉ trong vòng hơn hai thập niên sau khi tiến hành đổi mới, khoảng 30 triệu người Việt Nam đã thoát khỏi cảnh đói nghèo. Tỷ lệ người nghèo đã giảm từ gần 60% vào đầu những năm 1990 xuống mức dưới 10% hiện nay¹. Năm 2017, quy mô nền kinh tế Việt Nam đã vượt 220 tỷ đôla Mỹ, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt trên 420 tỷ đôla Mỹ². Cùng với thu nhập được nâng cao, đời sống vật chất, sức khỏe, giáo dục và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện. Từ chỗ bị bao vây, cô lập, cấm vận, Việt Nam đã có quan hệ đối ngoại rộng mở, trở thành thành viên tích cực và có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của hơn 30 năm đổi mới đã tiếp tục khẳng định: Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam; sự vững vàng, kiên định trên nền tảng tư tưởng của Đảng, vận dụng sáng tạo, đúng đắn chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là tiền đề và điều kiện tiên quyết nhất để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội mang bản sắc Việt Nam, của Việt Nam

1. Xem Ngân hàng Thế giới: “Khởi đầu tốt nhưng chưa phải đã hoàn thành: Thành tựu ấn tượng của Việt Nam về giảm nghèo và những thách thức mới”, Hà Nội, 2012; Ngân hàng Thế giới: “Bước tiến mới: Giảm nghèo và thịnh vượng chung ở Việt Nam”, Hà Nội, 2018.

2. Xem Tổng cục Thống kê: *Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội năm 2017*, Hà Nội, 2017.

và do con người Việt Nam thực hiện, với khát vọng đưa Việt Nam trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI.

C. Mác đã rời xa chúng ta nhưng tư tưởng của ông vẫn còn sống mãi cùng nhân loại, bởi bản chất khoa học, cách mạng, phát triển và nhân văn của tư tưởng đó vẫn hoàn toàn đúng đắn. Nhiều giá trị lý luận của chủ nghĩa Mác mang sức sống trường tồn vẫn tiếp tục tỏa sáng, như: phương pháp biện chứng duy vật, quan niệm duy vật về lịch sử, học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, học thuyết phát triển, chủ nghĩa nhân văn vì con người, học thuyết về chủ nghĩa xã hội,...

Thực tiễn cho thấy, cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất hiện đại, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thế giới đang tụ về những giá trị chung phù hợp với bản chất nhân văn cao đẹp của chủ nghĩa xã hội, như: đảm bảo phát triển bao trùm và bền vững, không để một ai bị tụt lại phía sau; phát triển toàn diện con người,... Bởi vậy, học thuyết Mác vẫn là luận cứ khoa học đầy sức thuyết phục, luôn thôi thúc chúng ta xây dựng khát vọng và tầm nhìn phát triển hướng tới một xã hội tiến bộ, công bằng và nhân văn, với những giá trị cốt lõi, phổ quát của nhân loại, như: vì con người, lấy con người làm trung tâm, do con người và giải phóng con người¹.

Với tinh thần khoa học và khách quan, chúng ta cần nghiên cứu, trao đổi để tiếp tục phát triển và vận dụng sáng

1. Xem Nguyễn Xuân Thắng: Báo cáo đề dẫn Hội thảo khoa học quốc tế “Di sản tư tưởng của C. Mác và ý nghĩa thời đại” tổ chức ngày 04/5/2018 tại Hà Nội.

tạo chủ nghĩa Mác trong xây dựng khát vọng và tầm nhìn phát triển của chủ nghĩa xã hội hiện thực trong thế kỷ XXI. Chúng ta có sứ mệnh tiếp tục lan tỏa học thuyết Mác trên tinh thần của một học thuyết khoa học, cách mạng và phát triển; học thuyết cải tạo và thay đổi thế giới; học thuyết giải phóng con người; và đương nhiên, như chính học thuyết Mác đã chỉ ra, tư duy và định hình đường lối phát triển của chúng ta phải luôn thích ứng với sự thay đổi, phù hợp với bối cảnh và điều kiện mới để thành công.

DI SẢN TƯ TƯỞNG PH. ĂNGGHEN: GIÁ TRỊ VÀ SỨC SỐNG THỜI ĐẠI*

Ph. Ăngghen - người bạn lớn, người đồng chí thân thiết, người đã cùng C. Mác sáng lập học thuyết khoa học, giải phóng và cách mạng của giai cấp công nhân và nhân loại tiến bộ trên toàn thế giới. Bằng cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú với những cống hiến to lớn, đặc biệt xuất sắc của mình, cùng với C. Mác, Ph. Ăngghen đã trở thành lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới.

1. Ph. Ăngghen là người đồng sáng lập học thuyết Mác - học thuyết khoa học, cách mạng để giải phóng giai cấp công nhân và toàn nhân loại khỏi sự bất công, áp bức, bóc lột

Xuất thân trong một gia đình tư sản nhỏ nhưng cả cuộc đời của Ph. Ăngghen lại gắn bó mật thiết với giai cấp công nhân và lý tưởng cộng sản. Với tư chất thông minh, nhạy

* Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo khoa học “Di sản tư tưởng Ph. Ăngghen: Giá trị và sức sống thời đại” tổ chức ngày 27/11/2020 tại Hà Nội; bài đăng trên Báo Nhân Dân, ngày 28/11/2020; có chỉnh sửa.

cảm chính trị, khát vọng lớn lao muốn giải phóng nhân loại và phát triển toàn diện con người, Ph. Ăngghen đã cùng C. Mác dấn thân vào hoạt động thực tiễn, nghiên cứu lý luận để giải đáp những vấn đề cơ bản về sự phát triển và tiến bộ của nhân loại mà thời đại các ông đặt ra. Nếu như C. Mác là người sớm nhận thấy cần phải dựa vào lý luận triết học để hiểu sâu hơn bản chất của lịch sử, thì Ph. Ăngghen là người từ tổng kết thực tiễn đã góp phần cung cấp chất liệu để hình thành và hoàn thiện lý luận triết học ấy. Tuy nghiên cứu độc lập với nhau nhưng như một lẽ tự nhiên, hai ông đã gặp gỡ, nhất trí với nhau về lý tưởng, quan điểm lý luận và phương pháp tiếp cận khoa học. Năm 1843, C. Mác viết *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen*, còn Ph. Ăngghen viết *Lược thảo phê phán khoa kinh tế chính trị*. Năm 1845, C. Mác viết *Luận cương về Phoiobắc*, trong khi Ph. Ăngghen viết *Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh*. Năm 1847, C. Mác viết *Sự khốn cùng của triết học*, còn Ph. Ăngghen viết *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản*.

Trên nền tảng những điểm tương đồng và thống nhất đó, Ph. Ăngghen và C. Mác đã xây đắp nên mối quan hệ cộng sự vững chắc, một tình bạn, tình đồng chí vĩ đại để cùng nhau xây dựng một lý luận khoa học mới, một thế giới quan khoa học và nhân sinh quan mới mang hơi thở của thời đại. Sau cuộc gặp gỡ lịch sử vào tháng 8/1844, Ph. Ăngghen đã cùng với C. Mác bắt đầu viết chung các tác phẩm và từ đây, chúng ta đã có những công trình vĩ đại mà hai ông để lại cho đời sau, như: *Gia đình thần thánh* (1844), *Hệ tư tưởng Đức* (1845-1846)...

Là người dày công nghiên cứu lịch sử phát triển của nhân loại, tổng kết thực tiễn phong phú trong thời đại mình đang sống, đúc rút, khái quát thành lý luận, Ph. Ăngghen đã góp phần xây dựng, bổ sung và hoàn chỉnh chủ nghĩa Mác:

Về triết học, Ph. Ăngghen đã bổ sung, không ngừng đấu tranh bảo vệ, phát triển và làm sâu sắc các nguyên lý duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trên cơ sở tổng kết thực tiễn và khái quát các thành tựu của khoa học tự nhiên đương thời. Những đóng góp to lớn của Ph. Ăngghen về triết học được thể hiện nổi bật qua các tác phẩm xuất sắc như: *Chóng Duyrinh* (1876-1878), *Biện chứng của tự nhiên* (1873-1883), *Lútvích Phoiobắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức* (1886)...

Về kinh tế chính trị học, Ph. Ăngghen đã tập trung phân tích, luận giải bản chất, quy luật vận động, biến đổi của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Những bài viết của ông như: *Lược thảo phê phán khoa kinh tế chính trị*, năm 1843; *Góp phần phê phán chính trị - kinh tế học*, năm 1844, được C. Mác coi là những tác phẩm kinh tế chính trị học xuất sắc về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Ngoài những công trình khoa học viết chung với C. Mác, sau khi C. Mác mất, Ph. Ăngghen đã dồn tâm lực để sắp xếp, xử lý, biên tập quyển II, quyển III của bộ *Tư bản* - bộ sách đồ sộ mà Mác nung nấu cả đời nhưng chưa kịp hoàn thành. Việc bộ *Tư bản* sau khi hoàn thành thể hiện một sự nhất quán, hoàn chỉnh như chính của cùng một người soạn thảo đã cho thấy, không có ai hiểu C. Mác bằng Ph. Ăngghen và ngược lại.

Về chủ nghĩa xã hội khoa học, trong tác phẩm *Tình cảnh của giai cấp công nhân Anh*, Ph. Ăngghen là người đầu tiên khẳng định rằng, giai cấp công nhân không chỉ là một giai cấp đau khổ mà còn là giai cấp cách mạng. Chính địa vị kinh tế xã hội của giai cấp công nhân quy định địa vị lịch sử là giai cấp cách mạng của họ. Trong đấu tranh cách mạng, giai cấp công nhân sẽ từng bước giác ngộ rằng, đối với họ, không có con đường nào khác hơn để giải phóng chính mình là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội chỉ trở thành sức mạnh khi nó là mục tiêu đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân¹.

Năm 1848, được sự ủy nhiệm của tổ chức Liên đoàn những người cộng sản, Ph. Ăngghen đã cùng với C. Mác soạn thảo và công bố tác phẩm bất hủ *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử tư tưởng của nhân loại. Từ đây, chủ nghĩa xã hội đã phát triển từ không tưởng trở thành khoa học, chủ nghĩa Mác trở thành vũ khí lý luận sắc bén của giai cấp công nhân nhằm thực hiện sứ mệnh lịch sử giải phóng chính bản thân mình và giải phóng toàn nhân loại.

Sau khi C. Mác qua đời, trước những biến đổi của tình hình thế giới, nhất là phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Ph. Ăngghen đã phân tích, luận giải và bổ sung, phát triển nhiều luận điểm có ý nghĩa sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn, trong đó có những vấn đề về phương pháp cách mạng, “con đường phát triển rút ngắn” ở các nước đi sau,

1. Xem V.I. Lenin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, t.2, tr.7-8.

chiến tranh và nghệ thuật quân sự, xây dựng chính đảng cách mạng và đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, về nhà nước và giai cấp, dân tộc, tôn giáo; về đoàn kết quốc tế, bảo vệ môi trường, phát triển hài hòa, bền vững, tình yêu, hôn nhân gia đình và giải phóng phụ nữ trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa... Nói cách khác, Ph. Ăngghen đã bổ sung, hoàn chỉnh học thuyết Mác, tiếp tục làm cho chủ nghĩa Mác trở thành cẩm nang toàn diện, vũ khí sắc bén của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên con đường đấu tranh giải phóng và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Với những cống hiến to lớn của Ph. Ăngghen, có thể khẳng định chắc chắn rằng, “chủ nghĩa Mác trên tất cả các phương diện cấu thành của nó, từ nội dung đến phương pháp, từ những mầm mống đầu tiên đến khi có một diện mạo trưởng thành, từ những luận chiến đanh thép để tự bảo vệ trước những đòn tấn công, xuyên tạc của kẻ thù cho đến những tổng kết thực tiễn đặc sắc và những dự báo khoa học về xã hội tương lai đều in đậm dấu ấn những đóng góp kiệt xuất của Ph. Ăngghen”¹.

2. Ph. Ăngghen - lãnh tụ lối lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế

Không màng tiền tài, địa vị và danh vọng, Ph. Ăngghen đã dâng hiến toàn bộ sức lực, trí tuệ, nghị lực và trái tim

1. Xem Hoàng Chí Bảo: “Cống hiến vĩ đại của Ph. Ăngghen trong lịch sử chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xã hội”, trong Kỷ yếu hội thảo khoa học: *Giá trị tư tưởng của Ph. Ăngghen trong thời đại ngày nay*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2016, tr.26.

của mình cho cuộc đấu tranh chống áp bức, bất công vì tự do, hạnh phúc của giai cấp công nhân và toàn nhân loại. Cùng với C. Mác, Ph. Ăngghen đã nghiên cứu, tổng kết thực tiễn làm sáng tỏ sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân; luận chứng, làm sâu sắc các điều kiện, nguyên tắc, quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa, xã hội cộng sản và con đường, biện pháp đi lên xã hội cộng sản ở những nước khác nhau.

Không chỉ hoạt động trong lĩnh vực tư tưởng mang đến cho giai cấp công nhân vũ khí lý luận đấu tranh sắc bén, bản thân Ph. Ăngghen còn dành nhiều tâm sức để hoạt động thực tiễn và có đóng góp không nhỏ vào hoạt động của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Nỗ lực của C. Mác và Ph. Ăngghen đã góp phần đưa đến việc cải tổ *Đồng minh những người chính nghĩa* thành *Liên đoàn những người cộng sản* vào năm 1847. Đây là tổ chức công nhân quốc tế đầu tiên lấy chủ nghĩa Mác làm ngọn cờ tư tưởng, chính thức mở ra giai đoạn chủ nghĩa Mác thâm nhập vào phong trào công nhân. Ph. Ăngghen đã tích cực tham gia *Hội liên hiệp công nhân quốc tế* (Quốc tế I) do C. Mác sáng lập, tổ chức tuyên truyền chủ nghĩa xã hội khoa học, lãnh đạo phong trào công nhân quốc tế, đấu tranh khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực của chủ nghĩa xã hội không tưởng và đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, phản động trong phong trào công nhân.

Sau khi C. Mác qua đời, trước yêu cầu mới, năm 1889, Ph. Ăngghen tham gia sáng lập và lãnh đạo *Quốc tế xã hội chủ nghĩa* (Quốc tế II), nhờ đó đã khôi phục tổ chức quốc tế của giai cấp công nhân sau khi Quốc tế I giải thể vào năm 1876,

tiếp tục giương cao ngọn cờ đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ này, với vốn kiến thức uyên bác, với kinh nghiệm phong phú và uy tín của mình, Ph. Ăngghen tiếp tục là người chỉ dẫn, cố vấn tin cậy cho những người xã hội chủ nghĩa ở nhiều nước châu Âu, kể cả những người cách mạng ở Nga. Khi trung tâm cách mạng của thế giới dần dịch chuyển sang Nga, bằng sự am hiểu sâu sắc về lý luận và nhạy cảm chính trị, Ph. Ăngghen đặt nhiều niềm tin vào khả năng tiến triển của chủ nghĩa cộng sản ở Nga cũng như ở nhiều nước khác trên thế giới¹.

Cùng với C. Mác, Ph. Ăngghen đã đấu tranh không khoan nhượng chống lại những khuynh hướng cải lương và biệt phái (như Prud'ong, Latxan, Bacunin...) để củng cố sự thống nhất trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Ph. Ăngghen là người đỡ đầu và có ảnh hưởng to lớn đối với Đảng Dân chủ - Xã hội Đức. Những nhà xã hội chủ nghĩa của Pháp, Áo, Anh, Hà Lan, Hunggari, Ba Lan, Tây Ban Nha, Italia, Nga và nhiều nước khác đều nhận được sự giúp đỡ của Ph. Ăngghen. Bằng những nỗ lực không biết mệt mỏi và những đóng góp cực kỳ xuất sắc cả về tư tưởng, lý luận và hoạt động thực tiễn nhằm thúc đẩy phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Ph. Ăngghen đã được tôn vinh là một trong những lãnh tụ vĩ đại nhất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới. V.I. Lênin đã nói: Ph. Ăngghen là “bó đuốc sáng ngời” trong những trí tuệ anh

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, t.22, tr.632.

minh, “là nhà bác học và người thầy lối lạc nhất của giai cấp vô sản hiện đại trong toàn thế giới văn minh”¹.

3. Ph. Ăngghen - tấm gương mẫu mực về nhân cách, về tình đồng chí, tình bạn cao thượng của một lãnh tụ cách mạng chân chính

Dù xuất thân và địa vị xã hội khác nhau, lý tưởng cao đẹp và khát vọng giải phóng con người, giải phóng giai cấp và giải phóng nhân loại đã đưa C. Mác và Ph. Ăngghen đi chung một con đường. Sự gặp gỡ và gắn bó giữa C. Mác và Ph. Ăngghen là sự kết hợp hài hòa giữa trí tuệ, tư tưởng, nghị lực phi thường và những nhân cách cao thượng. Ph. Ăngghen không những đã cùng với C. Mác xây dựng, sáng lập, bồi sung, phát triển chủ nghĩa Mác mà còn chia sẻ, giúp đỡ C. Mác và gia đình vượt qua những thử thách cam go trong cuộc sống².

Đúng như V.I. Lênin đã từng nói, “Từ ngày mà vận mệnh đã gắn liền C. Mác với Ph. Ăngghen thì sự nghiệp suốt đời của hai người bạn ấy trở thành sự nghiệp chung của họ”³. “Muốn đánh giá đúng đắn những quan điểm của Mác, tuyệt đối phải đọc những tác phẩm của người cùng tư tưởng và người cộng tác gần gũi nhất của Mác là Ph. Ăngghen. Không thể nào hiểu được chủ nghĩa Mác và trình bày đầy đủ được chủ nghĩa Mác, nếu không chú ý đến toàn bộ những tác

1, 3. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.3.

2. Xem Hoàng Chí Bảo: “Cống hiến vĩ đại của Ph. Ăngghen trong lịch sử chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xã hội”, Sđd, tr.26.

phẩm của Ăngghen”¹. Qua 40 năm gắn bó, tình đồng chí, tình bạn mến mực của C. Mác và Ph. Ăngghen đã “... vượt xa tất cả những gì là cảm động nhất trong những truyền thuyết của đời xưa kể về tình bạn của con người”².

Tuy nhiên, từ trong suy nghĩ của bản thân và cả trước công luận, với tất cả sự khiêm nhường, Ph. Ăngghen chỉ nhận mình là “cây vĩ cầm thứ hai” bên cạnh C. Mác. Trong tác phẩm *Lútvích Phoiobắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức* (1888), Ph. Ăngghen bày tỏ: “Tôi không thể phủ nhận rằng trước khi cộng tác với Mác và trong 40 năm cộng tác với Mác, tôi đã góp một phần của riêng mình vào việc xây dựng, nhất là vào việc phát triển học thuyết ấy. Nhưng đại bộ phận những tư tưởng chỉ đạo cơ bản, nhất là trong các lĩnh vực kinh tế và lịch sử, và đặc biệt là việc trình bày những tư tưởng ấy thành những công thức chặt chẽ cuối cùng, đều là thuộc về Mác. Phần đóng góp của tôi - không kể có thể ngoại trừ một vài lĩnh vực chuyên môn - thì không có tôi, Mác vẫn có thể làm được. Nhưng điều mà Mác đã làm thì tôi không thể làm được. Mác đứng cao hơn, nhìn xa hơn, rộng hơn và nhanh hơn tất cả chúng tôi. Mác là một thiên tài. Còn chúng tôi may mắn cũng chỉ là những tài năng thô thiển. Nếu không có Mác thì lý luận thật khó mà được như ngày nay. Vì vậy, lý luận đó mang tên của Mác là điều chính đáng”³. Bằng chính sự khiêm nhường đó, Ph. Ăngghen đã thể

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.26, tr.110.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.12.

3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.21, tr.428.

hiện nhân cách cao đẹp của một người cộng sản mẫu mực, chân chính, là một trái tim vĩ đại trong những trái tim vĩ đại và là tấm gương đạo đức cách mạng mãi tỏa sáng cho đời sau.

4. Tiếp tục vận dụng, bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin trong sự nghiệp đầy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Xuất phát từ thực tiễn và luôn gắn với thực tiễn, học thuyết Mác là học thuyết mở, mang tính lịch sử - cụ thể, luôn đòi hỏi phải sáng tạo và đổi mới trong vận dụng. Bản thân C. Mác và Ph. Ăngghen đã thường xuyên bổ sung, hoàn thiện lý luận của mình bằng thực tiễn hoạt động cách mạng phong phú của các ông. Chính Ph. Ăngghen đã từng lưu ý: “Lý luận của chúng tôi là lý luận của sự phát triển, chứ không phải là một giáo điều mà người ta phải học thuộc lòng và lắp lại một cách máy móc”¹. Đó chính là nguyên tắc và là phương pháp luận vững chắc, sắc bén để chúng ta bảo vệ, đồng thời tiếp tục vận dụng, bổ sung và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác trong bối cảnh mới.

Hơn 170 năm qua kể từ khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời, dù trải qua những bước thăng trầm của lịch sử và chịu sự công kích, chống phá từ nhiều kẻ thù tư tưởng khác nhau, chủ nghĩa Mác vẫn đứng vững và có sức sống mãnh liệt bởi đó là một học thuyết khoa học, nhân văn, phát triển và giải phóng con người, học thuyết luôn được bổ sung, hoàn

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.36, tr.796.

thiện bởi những người mácxít chân chính; và do đó, chúng ta có học thuyết Mác - Lênin tiếp tục là nền tảng tư tưởng cốt lõi để tư duy và định hình đường lối phát triển thích ứng với mọi sự thay đổi, phù hợp với mọi bối cảnh và điều kiện mới.

Vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, cái căn cốt nhất trong học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là: học tập tinh thần, học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng¹; là "... học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta"².

Hơn 90 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đã lãnh đạo đưa con thuyền cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong gần 35 năm qua, một lần nữa, khẳng định sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của Đảng ta trong công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội của Việt Nam và do chính con người Việt Nam thực hiện.

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.11, tr.95.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.611.

Kỷ niệm 200 năm ngày sinh Ph. Ăngghen, bằng luận giải sâu sắc những đóng góp, cống hiến to lớn của ông đối với sự nghiệp giải phóng nhân loại, giải phóng con người, chúng ta càng kiên định, vững vàng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh mà Đảng ta đã lựa chọn; nâng cao trách nhiệm khoa học, tình cảm và sự ngưỡng mộ của những người đi theo lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, kiên quyết đấu tranh, phản bác những quan điểm sai trái, xuyên tạc, lệch lạc, chỉ ra những cách hiểu sai, hiểu chưa đúng để bảo vệ giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết Mác - Lê nin.

Trong không khí phấn khởi của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trước sự thành công của đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới và góp phần vào sự thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, chúng ta càng có niềm tin vững chắc vào con đường mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn, càng có thêm nguồn cảm hứng mãnh liệt để tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, đưa đất nước ta bước vào một giai đoạn phát triển mới, với khát vọng và tầm nhìn trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI.

TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN: GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY*

Tháng 02/1848, cách đây vừa đúng 170 năm, tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* do C. Mác và Ph. Ăngghen soạn thảo đã được công bố.

Được sự ủy thác của “Liên đoàn những người cộng sản” - tổ chức quốc tế đầu tiên của giai cấp công nhân và các đảng cộng sản, C. Mác và Ph. Ăngghen đã thay mặt giai cấp công nhân, những người cộng sản và cả nhân loại tiến bộ trình bày toàn bộ những quy luật phát triển cơ bản của xã hội hiện đại; sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân; tính tất yếu bị phủ định của chủ nghĩa tư bản và tính tất thắng của chủ nghĩa cộng sản.

* Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo khoa học quốc tế “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản - Giá trị lý luận và thực tiễn trong thời đại ngày nay” tổ chức ngày 26/02/2018 tại Hà Nội; in trong cuốn sách: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng, Hội đồng Lý luận Trung ương, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản - Giá trị lý luận và thực tiễn trong thời đại ngày nay*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019; có chỉnh sửa.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là tác phẩm đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa Mác. Từ khi ra đời đến nay, thực tiễn đã có nhiều đổi thay, nhưng giá trị khoa học và sức sống vững bền của *Tuyên ngôn* với tư cách là cương lĩnh chính trị của giai cấp công nhân trên toàn thế giới vẫn còn nguyên giá trị.

Thứ nhất, khẳng định giá trị lý luận và ý nghĩa thực tiễn của Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đối với cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam.

Giá trị lý luận vĩ đại của *Tuyên ngôn* thể hiện ở nhận thức khoa học về quy luật phát triển của xã hội loài người và định hướng tích cực về tương lai của chủ nghĩa cộng sản. Điều này đã được thực tiễn lịch sử xã hội loài người khẳng định suốt 170 năm qua.

Về tổng thể, *Tuyên ngôn* là áng văn chứa đựng nhiều giá trị lý luận nền tảng. Triết học mácxít tìm thấy ở đây những giá trị nền tảng của chủ nghĩa duy vật lịch sử và một hình mẫu cho việc vận dụng phương pháp luận duy vật lịch sử vào phân tích giai cấp, nhà nước, đảng phái, dân tộc và nhiều vấn đề xã hội khác. Kinh tế chính trị mácxít tìm thấy ở đây phương pháp luận khoa học cho việc khám phá bí mật ẩn giấu đằng sau các quan hệ hàng hóa cũng như bí mật của giá trị thặng dư, nguồn gốc của bóc lột sức lao động sống trong nền sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa, v.v.. Chủ nghĩa xã hội khoa học tìm thấy những nguyên lý cơ bản nhất của mình trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, như phát hiện về “sự mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân hiện đại”; những nguyên lý, quy luật, biện pháp của cách mạng xã hội chủ nghĩa và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, v.v..

Tuyên ngôn là lời tuyên bố về sự diệt vong không thể tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản, đồng thời khẳng định sự tất thăng của chủ nghĩa cộng sản trên cơ sở tất yếu kinh tế quy định. Cho dù “Giai cấp tư sản đã đóng một vai trò hết sức cách mạng trong lịch sử”¹, nhưng thăng lợi của nó trước chế độ phong kiến, vũ khí đại công nghiệp mà nó dùng để đánh bại giai cấp phong kiến, cũng chính là “vũ khí để tự giết mình”. C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ ra, việc thủ tiêu chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa và cùng với nó là xóa bỏ toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa đã được chuẩn bị một cách khách quan, bởi sự tác động của chính ngay các quy luật của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa mà điển hình là quy luật giá trị thặng dư. Xu thế chung là không ngừng xã hội hóa lực lượng sản xuất trong kinh tế và dân chủ hóa trong chính trị - xã hội. Những xu thế ấy sẽ tích lũy những nhân tố, tiền đề, điều kiện cho một xã hội mới ra đời ngay trong lòng chủ nghĩa tư bản. Phủ định chủ nghĩa tư bản, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là sứ mệnh mà lịch sử đã lựa chọn và trao cho giai cấp công nhân hiện đại. “Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thực sự cách mạng”² vì họ gắn liền với sự phát triển không ngừng của sản xuất công nghiệp ngày càng hiện đại.

Biện chứng và lôgíc phát triển của lịch sử loài người đã được khẳng định rõ trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*: “... cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, chính cái nền tảng trên đó giai cấp tư sản đã sản xuất và chiếm hữu sản

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, t.4, tr.599, 610.

phẩm của nó, đã bị phá sập dưới chân giai cấp tư sản. Trước hết, giai cấp tư sản sản sinh ra những người đào huyệt chôn chính nó. Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”¹.

Giá trị thực tiễn của *Tuyên ngôn* đã được minh chứng sống động bằng Công xã Paris, thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại năm 1917; bằng sự ra đời và phát triển của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa với những thành tựu to lớn không thể phủ nhận; bằng sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân ở chính trong lòng các nước tư bản chủ nghĩa; bằng phong trào đấu tranh đòi độc lập dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn cầu và bằng sự thành công của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Trung Quốc, Việt Nam và Lào hiện nay. Thực tiễn đó đã chứng tỏ, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* cùng với chủ nghĩa Mác - Lê nin thực sự luôn là ngọn đuốc lý luận soi đường, dẫn lối cho các phong trào cách mạng ấy. Dù ở các châu lục khác nhau, với những trình độ phát triển khác nhau, các đảng cộng sản và giai cấp công nhân ở mỗi nước đều có thể tìm thấy những căn cứ lý luận về khả năng “làm tăng thật nhanh lực lượng sản xuất lên”; về kiểu tổ chức xã hội công bằng, bình đẳng để cho “... sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”²; về quan hệ quốc tế giữa các dân tộc, quốc gia “trên cơ sở của hòa bình và lao động”... Những phác thảo khoa học ở tầm cao chiến lược trong *Tuyên ngôn* đã được thực tiễn cách mạng thế giới chứng minh là đúng đắn.

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.613, 628.

Tuyên ngôn cũng đề cập *những biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội* cùng với lời dặn rất rõ ràng rằng, “Trong những nước khác nhau, những biện pháp ấy dĩ nhiên sẽ khác nhau rất nhiều”¹ và trong thực tế thì “những biện pháp ấy sẽ vượt quá bản thân chúng”... Những chỉ dẫn này vừa chính xác, vừa giàu tính phuong pháp luận. Thực tiễn của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới, đặc biệt là thực tiễn cải cách, mở cửa và đổi mới của các nước xã hội chủ nghĩa gần đây đã xác nhận những luận cứ khoa học mà C. Mác và Ph. Ăngghen đã nêu trong *Tuyên ngôn*.

Đối với cách mạng Việt Nam, Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản có vị trí đặc biệt quan trọng. Lãnh tụ Hồ Chí Minh tiếp nhận tinh thần của *Tuyên ngôn* qua đọc và tiếp thu nội dung *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lê-nin vào năm 1920 tại Pari. Đây là một trong những tác phẩm thể hiện đúng đắn, sinh động tinh thần của *Tuyên ngôn* trong bối cảnh lịch sử mới của các cuộc cách mạng giải phóng các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. Theo đó, Hồ Chí Minh khẳng định: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản. Độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, đó là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam theo tinh thần của *Tuyên ngôn* và chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong thời đại mới. Những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hơn 30 năm

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.627.

qua là minh chứng sống động thể hiện sự vận dụng, phát triển đúng đắn, sáng tạo tinh thần của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* trong điều kiện mới. Sự thật lịch sử đó xác nhận tính khoa học, cách mạng và sáng tạo của các nguyên lý cơ bản trong *Tuyên ngôn*.

Thứ hai, phê phán những quan điểm sai trái, thù địch để bảo vệ tư tưởng khoa học, cách mạng của Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.

Tuyên ngôn ra đời là kết quả nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn cách mạng trong phong trào cộng sản quốc tế của C. Mác và Ph. Ăngghen. Trong *Tuyên ngôn*, các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác được trình bày khái quát, cô đọng ở tầm triết học nhưng cũng rất đầy đủ, chi tiết cả về mặt lý luận và về mặt thực tiễn¹. Nội dung và hình thức của *Tuyên ngôn* hoàn chỉnh, chặt chẽ. Do vậy, việc nghiên cứu, đánh giá, vận dụng *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* phải khách quan, toàn diện, phải hiểu được thực chất tinh thần của mỗi nguyên lý, mỗi luận điểm trong tính chỉnh thể của nó.

170 năm qua, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* và chủ nghĩa Mác luôn phải đối mặt với sự xuyên tạc, thậm chí hiểu sai, hiểu chưa đúng. Luận điểm nổi bật chung nhất của các kẻ thù của chủ nghĩa Mác là cố tình xuyên tạc cho rằng *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đòi xóa bỏ tư hữu ngay lập tức và tất thảy mọi hình thức của sở hữu này. Thực tế,

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr.7.

Tuyên ngôn đã chỉ rõ: “Đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xóa bỏ chế độ sở hữu nói chung, mà là xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản” - “... biểu hiện cuối cùng và đầy đủ nhất của phương thức sản xuất và chiếm hữu sản phẩm dựa trên những đối kháng giai cấp, trên cơ sở những người này bóc lột những người kia”¹. Tuy nhiên, đó là một quá trình do lịch sử phát triển sức sản xuất quy định. Ph. Ăngghen đã từng khẳng định không thể thủ tiêu chế độ tư hữu ấy ngay lập tức, vì chúng ta: “... không thể làm cho lực lượng sản xuất hiện có tăng lên *ngay lập tức* đến mức cần thiết để xây dựng một nền kinh tế công hữu”².

Hoặc có luận điểm cho rằng, tư tưởng cơ bản, chủ đạo của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* chỉ là tư tưởng về đấu tranh giai cấp; *Tuyên ngôn* đề cao giai cấp, xem nhẹ dân tộc (!). Hiểu như vậy là phiến diện, cắt xén hoặc tách thường hóa *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Vì *Tuyên ngôn* đã viết rất rõ về quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, giữa trách nhiệm dân tộc và nghĩa vụ quốc tế của giai cấp công nhân: “... giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc,...”³; “Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc. Đương nhiên là trước hết, giai cấp vô sản mỗi nước phải thanh toán xong giai cấp tư sản nước mình đã”⁴.

1, 2, 3, 4. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.615, 469, 623-624, 611.

Trong *Lời tựa cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” xuất bản năm 1883*, Ph. Ăngghen từng khẳng định lý tưởng cao cả về giải phóng xã hội, giải phóng cả nhân loại của giai cấp công nhân: “... hiện nay đã đến một giai đoạn mà giai cấp bị bóc lột và bị áp bức (tức là giai cấp vô sản) không còn có thể tự giải phóng khỏi tay giai cấp bóc lột và áp bức mình (tức là giai cấp tư sản) được nữa, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức và khỏi cuộc đấu tranh giai cấp...”¹.

Những năm gần đây, một số người còn cho rằng, những tư tưởng trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* chỉ phù hợp với thế kỷ XIX, cùng lăm là thế kỷ XX, không còn phù hợp trong thế kỷ XXI. Rằng trong kinh tế tri thức, cách mạng công nghiệp 4.0, sứ mệnh lịch sử hiện nay không còn thuộc về giai cấp công nhân mà là thuộc về một số tầng lớp, giai cấp khác... Những người này phủ nhận vị thế quyết định của sản xuất vật chất, tảng lờ thực tế là không chỉ giai cấp công nhân hiện đại mà còn rất nhiều tầng lớp lao động khác, cũng như thế kỷ XIX, “... bị giai cấp tư sản biến thành những người làm thuê được trả lương của nó”².

Trách nhiệm khoa học và cũng là tình cảm của chúng ta hiện nay, những người đi theo lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, là đấu tranh với những tư tưởng sai trái, lệch lạc, chỉ ra những cách hiểu sai, hiểu chưa đúng để bảo vệ giá trị khoa học và cách mạng của *Tuyên ngôn*.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.21, tr.11-12.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.600.

Thứ ba, tiếp tục vận dụng và phát triển tinh thần Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản trong bối cảnh mới.

Trong *Lời tựa viết cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”* xuất bản năm 1872, C. Mác và Ph. Ăngghen đã nói, bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào việc áp dụng các nguyên lý trong *Tuyên ngôn* cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời. Sau đó, việc bổ sung, phát triển nhiều tư tưởng của *Tuyên ngôn* được C. Mác, Ph. Ăngghen thực hiện không chỉ bằng các lời tựa viết cho các lần xuất bản *Tuyên ngôn* mà còn bằng rất nhiều công trình nghiên cứu đồ sộ. Đó chính là thái độ mẫu mực, cách ứng xử khoa học đối với một học thuyết khoa học của C. Mác, Ph. Ăngghen. Theo tinh thần đó, V.I. Lênin cũng từng nhận định: “Chúng ta không kỳ vọng rằng Mác hay những người theo chủ nghĩa Mác đều hiểu biết mọi mặt cụ thể của con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Như thế sẽ là phi lý. Chúng ta chỉ biết phương hướng của con đường đó và những lực lượng giai cấp nào dẫn đến con đường đó; còn như về cụ thể và trên thực tế con đường đó ra sao, thì kinh nghiệm của hàng triệu con người sẽ chỉ rõ, khi họ bắt tay vào hành động”¹.

Tuyên ngôn nói riêng, chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung là lý luận mang tính mở của sự phát triển. Nó có nhu cầu và khả năng thường xuyên nạp thêm năng lượng mới từ thực tiễn phong phú của cuộc sống. Từ đòi hỏi mới của thực tiễn cách mạng, từ sự soi rọi về tinh thần và phương pháp của *Tuyên ngôn*, có những điểm chúng ta cần phải nhận thức lại

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, t.34, tr.152-153.

và có những điểm chúng ta cần phải nghiên cứu bổ sung, phát triển, làm sâu sắc thêm.

Thế giới ngày nay đã phát triển hơn cách đây 170 năm rất nhiều. Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân hiện đại, giai cấp tư sản hiện nay đã có nhiều biến đổi, phát triển. Nhiều vấn đề chính trị - xã hội mà *Tuyên ngôn* từng đề cập nay cũng đã thay đổi phạm vi, tốc độ và mức độ ảnh hưởng. Hiện tượng quốc tế hóa thời Mác và toàn cầu hóa hiện nay, tuy giống nhau ở bản chất là “giai cấp tư sản tạo ra một thế giới theo hình ảnh của nó”, nhưng theo đó, xã hội hóa, dân chủ hóa cũng đạt tới một tầm vóc mới và làm chín muồi hơn nhiều tiền đề, điều kiện cho sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa với giai đoạn đầu là xã hội xã hội chủ nghĩa. Những vấn đề đặt ra trong mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, giữa trách nhiệm dân tộc và nghĩa vụ quốc tế, giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân mà *Tuyên ngôn* đề cập, đến hôm nay vẫn còn nóng hổi và ngày càng phức tạp hơn.

Thực tiễn cải cách, đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa; sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, mối quan hệ giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản; mối quan hệ giữa lợi ích của giai cấp công nhân và lợi ích quốc gia, dân tộc; mối quan hệ giữa tính phổ biến và tính đặc thù của chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước; mối quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa, v.v. trong bối cảnh mới đang đặt ra cho các nhà khoa học, các chính khách, các nhà quản lý nhiều vấn đề mới mẻ.

Bằng việc sử dụng phương pháp duy vật biện chứng về lịch sử của *Tuyên ngôn* và các phương pháp nghiên cứu hiện đại, từ những xu thế của thời đại, những dữ kiện lịch sử, từ thực tiễn của các quốc gia, các nhà khoa học tham gia Hội thảo hôm nay sẽ cung cấp cho chúng ta những kiến giải mới, cách nhìn mới góp phần khẳng định giá trị bền vững và tăng cường sức sống cho *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* trong thế kỷ XXI.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản vẫn là cương lĩnh, là ngọn cờ chiến đấu của những người cộng sản. Những giá trị và thông điệp thời đại từ *Tuyên ngôn* vẫn là mục tiêu cao cả của toàn thể nhân loại hôm nay: Thực hiện sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân, thực hiện lý tưởng cộng sản chủ nghĩa là để cho “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của mọi người”; để các quốc gia, dân tộc được độc lập, tự do, hòa bình, thịnh vượng và hạnh phúc.

DI SẢN CỦA V.I. LÊNIN: GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM*

Bằng hoạt động lý luận và thực tiễn xuất sắc, V.I. Lenin đã bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác trong giai đoạn lịch sử mới - giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản; lãnh đạo thành công cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại năm 1917, lập nên nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới, đưa chủ nghĩa xã hội từ lý luận khoa học trở thành hiện thực sinh động, mở ra thời đại mới trong lịch sử nhân loại - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Cuộc đổi và sự nghiệp cách mạng của V.I. Lenin là vô cùng vĩ đại, những đóng góp của Người cho giai cấp công nhân và những người lao động bị áp bức trên toàn thế giới là đặc biệt to lớn, mang ý nghĩa thời đại sâu sắc.

V.I. Lenin phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác về khả năng thắng lợi của cách mạng vô sản trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, lãnh đạo thành công cuộc Cách mạng

* Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo khoa học “Di sản của V.I. Lenin - Giá trị lý luận và thực tiễn đối với cách mạng thế giới và Việt Nam” tổ chức ngày 22/4/2020 tại Hà Nội; bài đăng trên Tạp chí *Chủ nghĩa xã hội - Lý luận và hiện thực*, số 2/2020; *Tạp chí Cộng sản*, số 940, tháng 4/2020; Báo *Nhân Dân*, ngày 23/4/2020; có chỉnh sửa.

Tháng Mười Nga, mở ra thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Phân tích quá trình phát triển mang tính lịch sử - tự nhiên của nhân loại trong thời đại tư bản chủ nghĩa, C. Mác và Ph. Ăngghen dự báo, cách mạng công sản chủ nghĩa “sẽ đồng thời xảy ra ở trong tất cả các nước văn minh, tức là ít nhất, ở Anh, Mỹ, Pháp và Đức”¹. Theo quy luật chung, khi lực lượng sản xuất phát triển đến độ không thể tương dung với quan hệ sản xuất hiện tồn thì tất yếu sẽ nổ ra cuộc cách mạng xã hội nhằm thủ tiêu quan hệ sản xuất cũ, xác lập quan hệ sản xuất mới phù hợp hơn với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Tuy nhiên, khi phân tích bản chất của chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, V.I. Lênin thấy rằng, chủ nghĩa tư bản đã có những đặc điểm mới. Trong tác phẩm *Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản*, V.I. Lênin phát hiện ra quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản và đưa ra dự báo: “Chủ nghĩa xã hội có thể thắng lợi trước hết là trong một số ít nước tư bản chủ nghĩa hoặc thậm chí chỉ trong một nước tư bản chủ nghĩa”².

Trên cơ sở phân tích hoàn cảnh cụ thể của nước Nga cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, V.I. Lênin nhận định, nước Nga đã trở thành nơi hội tụ cao độ những mâu thuẫn của thời đại và là khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền của chủ nghĩa đế quốc

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, t.4, tr.472.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, t.26, tr.447.

thế giới¹. Từ đó, V.I. Lênin và những người mácxít Nga chân chính tích cực chuẩn bị các điều kiện cho cuộc cách mạng vô sản Nga. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Bônsêvích, đứng đầu là V.I. Lênin, giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga đã vùng dậy tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, lật đổ chính quyền tư sản phản động, lập nên nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới; đưa chủ nghĩa xã hội khoa học từ lý luận trở thành hiện thực, mở đầu cho sự chuyển biến từ hiện thực của một nước trở thành hiện thực của một hệ thống thế giới, mở ra thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga không phải là một sự “đẻ non”, càng không phải là kết quả của “ngẫu hứng chủ quan” hay là “một sự ăn may” như luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch. Thắng lợi đó là tất yếu khách quan, bởi chủ nghĩa đế quốc ở nước Nga đã bộc lộ những mâu thuẫn gay gắt chưa từng thấy mà bản thân nó không thể khắc phục được: Chế độ Nga hoàng trở nên quá thối nát, giai cấp tư sản Nga trở thành lực lượng cực kỳ phản động; giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga bị đẩy đến đường cùng, sẵn sàng vùng lên lật đổ ách áp bức, bóc lột. Đó còn là kết quả tất yếu của một quá trình xây dựng, chuẩn bị công phu, tự giác, lâu dài của V.I. Lênin và Đảng Bônsêvich Nga, một đảng cách mạng chân chính được vũ trang bởi học thuyết khoa học, cách mạng và phát triển của chủ nghĩa Mác do chính V.I. Lênin

1. Xem Nguyễn Anh Thái (Chủ biên): *Lịch sử thế giới hiện đại* (tái bản lần thứ năm), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2005, tr.10-11.

bổ sung, phát triển và vận dụng sáng tạo vào điều kiện đặc thù của nước Nga.

V.I. Lênin bổ sung, phát triển sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

Sau Cách mạng Tháng Mười Nga, một vấn đề vừa có tính cơ bản, vừa có tính cấp bách đặt ra cho V.I. Lenin và Đảng Bônsêvích Nga là quản lý và phát triển đất nước, đưa nước Nga - một quốc gia lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội. Trọng trách lịch sử tiếp tục đặt lên vai lãnh tụ V.I. Lenin là phải vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên của nhân loại ở Nga.

Những năm đầu sau Cách mạng Tháng Mười Nga, *Chính sách công sản thời chiến* được áp dụng như một biện pháp tình thế (từ năm 1918 đến năm 1921) để đáp ứng yêu cầu cấp bách của cuộc nội chiến chống thù trong, giặc ngoài, bảo vệ chính quyền Xôviết non trẻ. Tuy nhiên, khi nước Nga Xôviết bước vào thời kỳ hòa bình, xây dựng đất nước, chính sách đó không còn phù hợp, trở thành lực cản đối với sự phát triển; gây đình đốn sản xuất; đẩy đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội và có nguy cơ dẫn đến khủng hoảng chính trị.

Nhận thức được điều đó, bằng trí tuệ và bản lĩnh của những người cộng sản, tháng 3/1921, tại Đại hội Xôviết toàn Nga lần thứ X, V.I. Lenin và Đảng Bônsêvich Nga đưa ra một quyết định mang tính lịch sử, đó là thay thế *Chính sách công sản thời chiến* bằng *Chính sách kinh tế mới* (NEP),

chuyển trọng tâm của cách mạng vào chăm lo phát triển kinh tế và văn hóa, thực hiện một cuộc cải cách có tính tổng thể về mô hình và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội với tinh thần: phải lùi lại, phải đi đường vòng, “bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc” để quá độ lên chủ nghĩa xã hội¹.

Với những biện pháp cải cách sâu sắc và mạnh mẽ, *Chính sách kinh tế mới* chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng trưng mua và chính sách thuế lương thực; mở rộng trao đổi hàng hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp; cho thương nhân được tự do hoạt động; áp dụng chế độ hạch toán kinh tế; quan tâm đến lợi ích thiết thân của người lao động, khuyến khích lợi ích cá nhân. Với tư duy khoa học và biện chứng của chủ nghĩa Mác, V.I. Lê nin đã thấy rõ, muốn phát triển chủ nghĩa xã hội ở nước Nga thành công, phải học tập, kế thừa thành tựu của chủ nghĩa tư bản; phải “Dùng cả hai tay mà lấy những cái tốt của nước ngoài...”². V.I. Lê nin nêu rõ, người cộng sản cũng phải học cách buôn bán, học cách tổ chức lãnh đạo, quản lý, phải biết làm giàu trí tuệ của mình “bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng trí thức mà nhân loại đã tạo ra”³. Tổng thể những biện pháp đó là nhằm khai thác, phát huy mọi nguồn lực, mọi thành phần kinh tế để phát triển sản xuất, “đưa chủ nghĩa xã hội vào cuộc sống hàng ngày”⁴; xây dựng mô hình

1. Xem V.I. Lê nin: *Toàn tập, Sđd*, t.44, tr.189.

2. V.I. Lê nin: *Toàn tập, Sđd*, t.36, tr.684.

3. V.I. Lê nin: *Toàn tập, Sđd*, t.41, tr.362.

4. V.I. Lê nin: *Toàn tập, Sđd*, t.45, tr.358.

chủ nghĩa xã hội hiện thực bằng thực tiễn sinh động: từ sản xuất, trong sản xuất và phát triển sản xuất.

Trong điều kiện nước Nga lúc bấy giờ, việc thực hiện *Chính sách kinh tế mới* không phải là một tiến trình suôn sẻ. Ngay trong hàng ngũ các đảng viên cộng sản, không ít người nghi ngờ rằng đó là sự “thỏa hiệp” với chủ nghĩa tư bản, là nguy cơ khôi phục chủ nghĩa tư bản ở Nga, phản bội sự nghiệp cách mạng theo di huấn của C. Mác. Phân tích thực tiễn, V.I. Lênin nhận thấy, trong một quốc gia lạc hậu quá độ lên chủ nghĩa xã hội, kết cấu kinh tế nhiều thành phần là tất yếu khách quan¹. Điều đó không mâu thuẫn với lý luận của chủ nghĩa Mác. Trong tác phẩm *Phê phán cương lĩnh Gôta*, C. Mác chỉ ra rằng, do vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa nên xã hội trong thời kỳ quá độ về mọi phương diện - kinh tế, đạo đức, tinh thần - còn mang những dấu vết của xã hội cũ mà nó đã lọt lòng ra². Đó là đặc điểm khách quan trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhất là đối với những nước tiểu nông, lạc hậu. Thực tế đã chứng minh, nhờ *Chính sách kinh tế mới*, nước Nga Xôviết đã nhanh chóng khôi phục kinh tế, ổn định xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, từ đó chứng tỏ sức sống và những ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Đáng tiếc là, sau khi V.I. Lênin mất, chính sách này không được thực hiện đầy đủ.

Hơn 100 năm qua, chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới trải qua nhiều biến cố, thăng trầm. Trong quá trình

1. Xem V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.43, tr.248.

2. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.19, tr.33.

tồn tại và phát triển của mình, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đã đạt được nhiều thành tựu vĩ đại, song từ những năm 70 của thế kỷ XX lâm vào trì trệ, rồi vào khủng hoảng trầm trọng và cuối cùng, chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Đây là tổn thất to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, song rõ ràng đó không phải là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội nói chung, càng không phải là sự sụp đổ của chủ nghĩa Mác - Lê nin. Đó chỉ là sự sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực mang nhiều khiếm khuyết, như kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, duy ý chí, giáo điều, xa dân, xa rời những nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, nhất là nguyên tắc lịch sử - cụ thể, buông lỏng vai trò lãnh đạo của đảng tiên phong, không thích ứng với những thay đổi diễn ra thường xuyên của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội. Đó còn là hệ lụy từ những sai lầm nghiêm trọng về đường lối chính trị, tư tưởng và công tác cán bộ của đảng cầm quyền trong quá trình cải tổ. Thất bại đó khiến chúng ta càng thấy được ý nghĩa to lớn của việc chuyển từ *Chính sách cộng sản thời chiến* sang *Chính sách kinh tế mới*, với những chỉ dẫn kinh điển quý báu của V.I. Lê nin cho công cuộc cải cách, đổi mới của chủ nghĩa xã hội hiện thực để vượt qua trì trệ, khủng hoảng và tiếp tục hồi sinh, phát triển sau này.

V.I. Lê nin là tấm gương mẫu mực trong cuộc đấu tranh bảo vệ, bổ sung và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác

Trong bối cảnh chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và sự phân rã của Quốc tế II, V.I. Lê nin đã

kiên trì, quyết liệt đấu tranh với các trào lưu cơ hội tấn công, xuyên tạc chủ nghĩa Mác. Người đã viết hàng loạt tác phẩm nổi tiếng, như *Làm gì?* (năm 1902), *Một bước tiến, hai bước lùi* (năm 1904), *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán* (năm 1909), *Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản* (năm 1916), *Nhà nước và cách mạng* (năm 1917), *Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-xky* (năm 1918)... Qua đây, V.I. Lênin chỉ rõ bản chất của những kẻ cơ hội là “dễ dàng thừa nhận mọi công thức và rời bỏ mọi công thức cũng dễ dàng như thế”¹; họ thừa nhận khẩu hiệu bảo vệ Tổ quốc và chủ nghĩa ái quốc tư sản; họ thừa nhận đấu tranh giai cấp nhưng về bản chất là phủ nhận chuyên chính vô sản, phủ nhận bạo lực cách mạng, ca tụng con đường cải lương, ủng hộ những cải cách nhỏ, nhất thời trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản; họ chỉ thừa nhận chủ nghĩa Mác ở đầu lưỡi, họ khoác áo mácxít để chôn vùi chủ nghĩa Mác; họ hô hào, ủng hộ công nhân đấu tranh nhưng với điều kiện không được phá hủy bộ máy nhà nước tư sản và thay bằng nhà nước vô sản..., nghĩa là công nhân cứ đấu tranh nhưng tuyệt đối không được giành thắng lợi (!)². Bằng trí tuệ uyên bác, kinh nghiệm thực tiễn cách mạng phong phú và niềm tin tuyệt đối vào chủ nghĩa Mác cùng phương pháp luận chiến sắc sảo, V.I. Lênin đã vạch trần, bác bỏ các quan điểm sai lầm, phản động của chủ nghĩa cơ hội để bảo vệ tính khoa học, cách mạng và sự trong sáng của chủ nghĩa Mác.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.239.

2. Xem V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.37, tr.328-330.

Chiến thắng về tư tưởng, lý luận của V.I. Lênin và những người cộng sản Nga chân chính trước chủ nghĩa cơ hội là điều kiện, tiền đề quan trọng để chủ nghĩa Mác thực sự là ngọn cờ tư tưởng, lý luận dẫn tới thắng lợi tất yếu của Cách mạng Tháng Mười Nga.

Theo V.I. Lênin, bảo vệ chủ nghĩa Mác phải gắn liền với việc giải quyết các nhiệm vụ chính trị thực tiễn ở tầm chiến lược và sách lược của cách mạng. Sau khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, V.I. Lênin chỉ rõ, những người làm cách mạng “phải chứng minh trên thực tế rằng họ không những có khả năng lật đổ bọn bóc lột, mà còn có khả năng tự tổ chức, huy động hết thảy để tự bảo vệ lấy mình”¹. V.I. Lênin cho rằng, “cách mạng phải biết tự bảo vệ” để chống lại sự phản kháng của các thế lực tư sản, áp bức và bóc lột luôn tìm mọi cách giành lại “thiên đường đã mất”; phải kiên quyết chống chủ nghĩa cơ hội, phản động nhằm bảo vệ thành quả cách mạng và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

V.I. Lênin khẳng định, để bảo vệ thành quả cách mạng, không chỉ cần tăng cường sức mạnh quân sự, quốc phòng, mà quan trọng hơn, phải tự mình sáng tạo ra những quan hệ kinh tế mới, sáng tạo ra một xã hội mới², có nền kinh tế phát triển hiện đại, năng suất cao; văn hóa, dân trí cao; một nhà nước kiểu mới, một nền chính trị dân chủ thu hút đông đảo nhân dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội. Đó không chỉ

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.38, tr.166.

2. Xem V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.39, tr.15.

là việc phải thường xuyên đấu tranh chống các luận điệu, hành vi thù địch từ bên ngoài mà còn phải thường xuyên phòng, chống những tật bệnh và sự suy thoái từ trong nội bộ, nhất là tệ quan liêu, tham nhũng, hối lộ, bệnh kiêu ngạo cộng sản. V.I. Lênin cảnh báo: “Không ai có thể tiêu diệt được chúng ta, ngoài những sai lầm của bản thân chúng ta. Toàn bộ vấn đề là ở chữ “nếu” này. Nếu chúng ta do sai lầm mà gây ra sự chia rẽ thì tất cả sẽ sụp đổ”¹.

Lịch sử ghi nhận V.I. Lênin như một nhà cải cách đầu tiên trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện chủ nghĩa xã hội hiện thực. Chính trong bối cảnh chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, từ thực tiễn đấu tranh và lãnh đạo cách mạng Nga, V.I. Lênin đã vận dụng, bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác một cách toàn diện trên cả ba bộ phận cơ bản cấu thành: triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học, hình thành nên chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó là cống hiến đặc biệt xuất sắc mang giá trị thời đại của V.I. Lênin cho nhân loại tiến bộ trên toàn thế giới.

Lý luận về dân tộc và dân tộc thuộc địa của V.I. Lênin là chỉ dẫn quý báu cho các dân tộc bị áp bức trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc

Khi chủ nghĩa tư bản phát triển thành chủ nghĩa đế quốc, đẩy mạnh việc xâm chiếm thuộc địa, tiến hành các cuộc chiến tranh đế quốc thì vấn đề dân tộc thuộc địa trở thành

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.42, tr.311.

vấn đề chính trị thực tiễn cơ bản, cấp bách đối với các đảng cộng sản và công nhân. Vì thế, V.I. Lê nin đã dành nhiều công sức nghiên cứu vấn đề này và hình thành lý luận khoa học về con đường giải phóng các dân tộc thuộc địa, thể hiện trong một số tác phẩm, như *Về cương lĩnh dân tộc của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga* (năm 1913), *Về quyền dân tộc tự quyết* (năm 1914), *Cách mạng xã hội và quyền dân tộc tự quyết* (năm 1916), *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* (năm 1920)... Xuyên suốt trong các tác phẩm đó là tinh thần: các dân tộc hoàn toàn bình đẳng; các dân tộc được quyền tự quyết; liên hợp công nhân tất cả các dân tộc lại.

Theo V.I. Lê nin, cách mạng vô sản ở chính quốc phải gắn liền với cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa; và để giải quyết triệt để vấn đề dân tộc, cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa phải vận động theo quỹ đạo của cách mạng vô sản. Giải phóng dân tộc thuộc địa không chỉ là trách nhiệm, nghĩa vụ mà còn là điều kiện bảo đảm cho sự thắng lợi của cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và những người cộng sản ở chính quốc. Trong điều kiện mới, việc thực hiện cương lĩnh dân tộc phải gắn liền với phong trào cách mạng thế giới và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. Khẩu hiệu “Vô sản toàn thế giới liên hiệp lại!” đã được V.I. Lê nin phát triển thành khẩu hiệu “Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!”, trở thành khẩu hiệu hành động chung của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

Thông qua việc lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga Xôviết cũng như sáng lập và lãnh đạo Quốc tế Cộng sản (tháng 3/1919), V.I. Lênin đã làm hết sức mình vì sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa và xem đó là một trong những mục tiêu, nhiệm vụ có tính sống còn của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Được soi sáng bởi chủ nghĩa Lênin, với niềm cảm hứng mãnh liệt từ tấm gương Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, với sự giúp đỡ có hiệu quả từ Quốc tế Cộng sản do V.I. Lênin sáng lập, nhân dân lao động ở nhiều nước thuộc địa đã thức tỉnh, vùng dậy đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân cũ và mới để giành độc lập, tự do. Nhiều quốc gia, dân tộc sau khi tự giải phóng khỏi xiềng xích của đế quốc, thực dân đã lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa, góp phần tạo nên ba dòng thác vĩ đại của phong trào cách mạng thế giới trong thế kỷ XX. Đồng thời, qua thực tiễn phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và từ quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, các chính đảng cộng sản, công nhân đã bổ sung nhiều luận điểm, quan điểm có giá trị vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong đó có những luận điểm ghi đậm dấu ấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong bối cảnh mới của thời đại và xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, chủ nghĩa cộng sản thâm nhập vào châu Á dễ dàng hơn là ở châu Âu; cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa có thể nổ ra và giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; thực hiện đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng dân tộc

dân chủ nhân dân ở hai miền đất nước Việt Nam... Những tìm tòi, sáng tạo đó đã góp phần bổ sung, phát triển, làm phong phú thêm và khẳng định sức sống của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại mới.

Di sản của V.I. Lênin là ánh sáng soi đường cho cách mạng Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh

Trong hành trình tìm đường cứu nước, từ một người yêu nước, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành một người cộng sản. Bước ngoặt ấy đến khi Người được tiếp cận *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* (năm 1920) của V.I. Lênin. Người viết: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”. Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh tin theo V.I. Lênin, tin theo Cách mạng Tháng Mười Nga và lựa chọn con đường cách mạng vô sản không chỉ xuất phát từ tình cảm, sự kính trọng V.I. Lênin và lòng yêu mến, ngưỡng mộ Cách mạng Tháng Mười Nga do V.I. Lênin lãnh đạo. Điều quan trọng là, từ hành trình tìm đường cứu nước, nghiên cứu thực tiễn chính trị và tư tưởng,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.12, tr.562.

lý luận hàng chục năm ở nhiều nước, Người nhận thấy: “cách mạng” có nhiều thứ, “chủ nghĩa”, “học thuyết” cũng có nhiều nhưng chỉ có Cách mạng Tháng Mười Nga là thành công “đến nơi” và chủ nghĩa Lê nin là “chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất”¹. Chỉ theo con đường Cách mạng Tháng Mười Nga và theo chủ nghĩa Mác - Lê nin mới có thể giải đáp được những yêu cầu khách quan của lịch sử dân tộc, đó là độc lập cho dân tộc và ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Từ đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”². Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; đồng thời, không thể giải phóng được giai cấp vô sản nếu không giải quyết được vấn đề độc lập dân tộc. Độc lập dân tộc gắn liền và dựa trên cơ sở bảo đảm các quyền con người, như quyền được sống, quyền bình đẳng, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Cách mạng Việt Nam chỉ có một con đường tất yếu là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân gắn liền với cách mạng xã hội chủ nghĩa. Kiên định, vững vàng giương cao ngọn cờ “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội” - một cách tiếp cận hoàn toàn mới, chưa hề có tiền lệ trong lịch sử, kết quả của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, trở thành phương châm lãnh đạo của Đảng Cộng sản

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.289.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.30.

Việt Nam và là con đường duy nhất đúng đắn cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và sự nghiệp phát triển đất nước đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Bản lĩnh, trí tuệ và đổi mới, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - Đảng ta nhất định sẽ lãnh đạo nhân dân ta thành công trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn đất nước cùng với nhận thức sâu sắc về những quy luật phát triển tất yếu, khách quan, Đảng ta đã tiến hành công cuộc đổi mới, chuyển từ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; tiếp tục vững bước đi trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Từ thực tiễn công cuộc đổi mới, Đảng ta đã không ngừng bổ sung, hoàn thiện nhận thức, lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trên cơ sở đó, đề ra các chủ trương về hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tập trung đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển

bền vững, gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, con người, giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường; xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam; phát huy tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển, kết hợp sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc với sức mạnh thời đại; kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đất nước đi đôi với giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; giữ vững độc lập, tự chủ, bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc trên hết và trước hết trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế, bình đẳng, cùng có lợi.

Qua 90 năm xây dựng và trưởng thành, với kinh nghiệm và bản lĩnh vững vàng của một đảng cách mạng chân chính, Đảng ta luôn nhận thức rõ yêu cầu phải tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; luôn nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu giải quyết những khó khăn, thách thức, những vấn đề lý luận và thực tiễn mới, phức tạp nảy sinh trong tiến trình đổi mới. Đặc biệt, trong nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” được Đảng ta triển khai quyết liệt, đồng bộ, bài bản, đi vào

chiều sâu, có bước đột phá và đạt nhiều kết quả nổi bật. Nhờ đó, tình trạng tham nhũng, tiêu cực, lãng phí từng bước được kiềm chế và đẩy lùi, được cán bộ, đảng viên và nhân dân hoan nghênh, đánh giá cao, đồng tình ủng hộ, góp phần tạo nên dấu ấn nổi bật trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng của nhiệm kỳ Đại hội XII.

Sau 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, nhất là 10 năm gần đây, “Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử,... chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”¹. Việt Nam đã vươn lên trở thành nước đang phát triển, thuộc nhóm quốc gia có mức thu nhập trung bình. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Văn hóa, xã hội, con người phát triển toàn diện; đời sống vật chất và tinh thần của mọi người dân được cải thiện, ngày càng trở nên phong phú; khôi đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố vững chắc. Chính trị, xã hội ổn định; quốc phòng - an ninh được tăng cường; độc lập, chủ quyền được giữ vững; vị thế, uy tín và hình ảnh của đất nước ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

Những thành tựu rất đáng tự hào đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, tiếp tục khẳng định: Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là phù hợp với thực tiễn đất nước và xu thế phát triển của thời đại;

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XII của Đảng* (Tài liệu sử dụng tại Đại hội chi bộ, đảng bộ cơ sở), Hà Nội, tháng 02/2020.

đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, ngọn cờ chiến đấu, ngọn cờ quy tụ, tập hợp, cổ vũ toàn Đảng, toàn dân ta; là nền tảng để Đảng ta tiếp tục phát triển hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, hoàn thiện đường lối xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ mới¹.

*

* * *

Kỷ niệm 150 năm Ngày sinh của vị lãnh tụ thiên tài V.I. Lê-nin (22/4/1870 - 22/4/2020) là dịp để chúng ta tôn vinh cuộc đời, sự nghiệp và những công hiến vĩ đại của Người cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Đây cũng là dịp để chúng ta tiếp tục nghiên cứu nhằm hiểu sâu sắc hơn trí tuệ, bản lĩnh, nhân cách của V.I. Lê-nin trong việc bảo vệ, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực ở nước Nga Xôviết; để khắc ghi những bài học kinh nghiệm quý báu trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới. Từ đó, chúng ta có thêm bản lĩnh để kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo

1. Phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng bế mạc Hội nghị Trung ương 11 khóa XII, ngày 12/10/2019.

chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới; có ý chí, quyết tâm và khát vọng mãnh liệt vượt qua mọi khó khăn, thử thách, để làm nên kỳ tích phát triển Việt Nam, với tầm nhìn đưa nước ta trở thành một nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu như sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại hằng mong muốn.

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC - GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VÀ Ý NGHĨA THỜI ĐẠI*

Cách đây 100 năm, ngày 07/11/1917 đã nổ ra cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga, một sự kiện lịch sử làm rung chuyển thế giới, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại. Sự thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga đã khai sinh ra chủ nghĩa xã hội hiện thực. Một thế kỷ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội đã diễn ra với rất nhiều thăng trầm: có cả những thành tựu to lớn đã đạt được ở mỗi nước và cả những đổ vỡ, thất bại. Nhưng cũng chính từ thực tiễn thăng trầm đó, mỗi nước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực đã đúc rút ra nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho mình. Với cách mạng Việt Nam, Cách mạng Tháng Mười Nga

* Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo khoa học “Cách mạng Tháng Mười Nga và chủ nghĩa xã hội hiện thực (1917-2017) - Giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại” tổ chức ngày 26/10/2017 tại Hà Nội; bài đăng trên Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 11/2017; in trong cuốn sách: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội đồng Lý luận Trung ương, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam: *100 năm Cách mạng Tháng Mười Nga và Chủ nghĩa xã hội hiện thực (1917-2017) - Giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018; có chỉnh sửa.

và lịch sử thăng trầm của chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới luôn có ý nghĩa thiêng liêng và sâu sắc đặc biệt. Mỗi lần kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga không chỉ là một lần chúng ta bày tỏ lòng biết ơn đối với nhân dân Liên Xô và đối với lãnh tụ V.I. Lenin vĩ đại, mà còn là dịp để chúng ta nhìn nhận đầy đủ, sâu sắc hơn về quá khứ, hiện tại và tương lai của chủ nghĩa xã hội trên thế giới; về giá trị, sức sống của chủ nghĩa Mác - Lenin và thực tiễn vận dụng chủ nghĩa Mác - Lenin trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội; về những thuận lợi và khó khăn, những thời cơ và thách thức, những bài học lịch sử từ những thành công và sai lầm, thất bại; về mục tiêu, con đường xã hội chủ nghĩa và tiền đồ của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam...

Thời gian càng lùi xa càng cho phép chúng ta đánh giá, nhìn nhận rộng hơn, đa chiều, sâu sắc hơn và khách quan hơn về ý nghĩa lịch sử, tầm vóc thời đại của Cách mạng Tháng Mười, cũng như địa vị, vai trò của chủ nghĩa xã hội hiện thực đối với tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại.

Thứ nhất, giá trị thời đại, ý nghĩa mở đường và tinh thần khai sáng cho một thế kỷ phát triển của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917.

Cho đến nay, các nhà tư tưởng lớn và nhiều nhà khoa học trên thế giới đều khẳng định về giá trị của Cách mạng Tháng Mười Nga. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga đã đập tan ách áp bức, bóc lột của chế độ phong kiến và chủ nghĩa tư bản ở nước Nga, đưa giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lên nắm chính quyền; biến ước mơ, nguyện vọng hàng nghìn năm của quần chúng lao động về một chế độ

xã hội không còn bóc lột, áp bức, bất công và nhân dân trở thành chủ nhân của xã hội thành hiện thực. Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi và đã đi vào lịch sử nhân loại như một sự kiện vĩ đại nhất của thế kỷ XX, mở đầu thời đại mới - thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới. Nó đã đánh dấu bước chuyển biến về chất của chủ nghĩa xã hội khoa học: từ lý luận đã trở thành hiện thực sinh động. V.I. Lenin từng nhận định, Cách mạng Tháng Mười Nga đã mở đầu cho "... một thời đại mới trong lịch sử loài người", "một sự nghiệp mới mẻ sáng tạo ra một chế độ nhà nước xưa nay chưa từng có".

Cách mạng Tháng Mười Nga đã thúc tinh và cỗ vũ các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc vùng lên giành độc lập dân tộc, tự giải phóng khỏi mọi áp bức, bất công, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga đã khẳng định bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lenin và cung cấp những bài học lịch sử vô giá cho các cuộc cách mạng vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhận định: "Giống như mặt trời chói lọi, Cách mạng Tháng Mười chiếu sáng khắp năm châu, thức tỉnh hàng triệu hàng triệu người bị áp bức, bóc lột trên trái đất. Trong lịch sử loài người chưa từng có cuộc cách mạng nào có ý nghĩa to lớn và sâu xa như thế"¹.

Tuy vậy, từ sau sự kiện Đông Âu - Liên Xô (1989-1991) cho đến gần đây đã xuất hiện những ý kiến trái chiều, đặt lại

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr.387.

vấn đề về giá trị của Cách mạng Tháng Mười Nga. Chẳng hạn, các ý kiến cho rằng đó là “sự lầm lạc lịch sử”; rằng, “đó chỉ là một cuộc phiêu lưu”, “sự áp đặt từ bên trên”; rằng nó “phải chịu trách nhiệm cho cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội” hiện thực sau này; v.v.. Tuy nhiên, trên thực tế, cũng đã có nhiều ý kiến phản bác sắc sảo từ chính các học giả phương Tây về những quan điểm xuyên tạc, phủ nhận giá trị của Cách mạng Tháng Mười Nga. Cho nên, với tinh thần khách quan, khoa học và có trách nhiệm, các nhà khoa học hãy cùng nhau trao đổi, đánh giá một cách khách quan, sâu sắc, toàn diện về giá trị của Cách mạng Tháng Mười Nga và ảnh hưởng của nó đến sự hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội hiện thực trong một thế kỷ qua.

Thứ hai, về chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới: thành tựu, hạn chế, nguyên nhân, thời cơ, thách thức và triển vọng của nó.

Chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới được bắt đầu từ năm 1917 với thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga đến nay đã được một thế kỷ. Có thành tựu và bất cập, đỗ võ và cải cách, đổi mới và khơi dậy bao nhiêu cảm xúc và tranh trở trong lương tri của nhân loại trong một thế kỷ qua.

Thành tựu nổi bật của một thế kỷ xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự lớn mạnh nhanh chóng, sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội và sự xuất hiện nhiều mô hình xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã trở thành một hệ thống thế giới mang tính đối trọng với chủ nghĩa tư bản đế quốc và là một con đường phát triển, một hình mẫu của tổ chức xã hội mang lại tự do, công bằng

và hạnh phúc cho đa số nhân dân. Nhiều thành tựu trong tổ chức quản lý xã hội của chủ nghĩa xã hội đã khiến cho các nước tư bản chủ nghĩa cũng phải thừa nhận và học tập. Thế giới đã phát triển bình đẳng hơn, công bằng hơn. Sự lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa đã trở thành một xu thế lớn.

Đã có nhiều mô hình và các thử nghiệm ban đầu để xây dựng chủ nghĩa xã hội trong một thế kỷ qua. Chỉ riêng nước Nga, giai đoạn 1917-1927 đã trải qua việc thử nghiệm 3 mô hình: “Chính sách cộng sản thời chiến” (1918-1921), “Chính sách kinh tế mới” (1921-1927) và mô hình “chủ nghĩa xã hội nhà nước” (1927-1991) hay còn gọi là mô hình Liên Xô, với đặc trưng kế hoạch hóa, tập trung và phi sản xuất hàng hóa.

Những năm 50 của thế kỷ XX, chúng ta lại thấy một tìm tòi thử nghiệm mới với chủ nghĩa cộng sản Nam Tư, do Liên đoàn cộng sản Nam Tư khởi xướng. Đặc trưng của nó là kết hợp quản lý của nhà nước với yếu tố kinh tế thị trường và vai trò tự quản xã hội của các cộng đồng dân cư. Mô hình Nam Tư là một phiên bản có nhiều cải tiến từ mô hình Liên Xô, tuy chưa thành công nhưng có lẽ đây là tín hiệu đầu tiên của đổi mới và đa dạng hóa mô hình của chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Đến thập niên 1980, bên cạnh sự khủng hoảng, đổ vỡ của một mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô, chúng ta lại chứng kiến sự xuất hiện hàng loạt mô hình chủ nghĩa xã hội thời kỳ cải cách, đổi mới như “chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc”, “chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, “chủ nghĩa xã hội ở Lào” và “Cập nhật hóa mô hình phát triển

kinh tế - xã hội” ở Cuba. Cùng với đó là trào lưu “chủ nghĩa xã hội thế kỷ XXI” ở khu vực Mỹ Latinh và trên thế giới hiện nay.

Nhìn tổng quát, một thế kỷ xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực, có thành công, có thất bại, phải “làm đi làm lại những cái tưởng như đã làm rồi” (C. Mác). Thực tế ấy đã mang lại nhiều nhận thức lý luận và cả các cung bậc cảm xúc của những người yêu quý sự nghiệp giải phóng và phát triển. Sự tồn tại, phát triển rồi trì trệ, khủng hoảng và cải cách, đổi mới của chủ nghĩa xã hội hiện thực cho chúng ta một đánh giá khái quát về sự thăng trầm, sức sống và cả những vấn đề của nó 100 năm qua.

Hiện thực hóa lý tưởng xã hội chủ nghĩa thật vinh quang nhưng cũng không hề dễ dàng, thậm chí đầy gian nan, thử thách! Thực tiễn nhiều chiều cạnh của chủ nghĩa xã hội hiện thực một thế kỷ qua, dưới cái nhìn của khoa học hôm nay, có thể rút ra những vấn đề có tính quy luật hoặc những kinh nghiệm để quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực ở mỗi nước trong thế kỷ XXI đạt hiệu quả cao hơn. Cùng với đó là việc xác lập niềm tin khoa học cho những người yêu quý chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và thế giới hướng tới các giá trị vĩnh tồn của nó là phát triển, công bằng, bình đẳng, tự do, dân chủ và hòa bình. Rằng, thế kỷ XXI, nhân loại vẫn tiếp tục quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội với những nhận thức mới được bổ sung từ thực tiễn của 100 năm qua và từ công cuộc cải cách, đổi mới hiện nay.

Thứ ba, kiên định, trung thành, vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin trong tiến trình cách mạng

xã hội chủ nghĩa và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới trong một thế kỷ qua.

Khi bàn về nguyên nhân khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội hiện thực và sự sụp đổ của Liên Xô và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, các nhà nghiên cứu đều cho rằng có nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Trong nguyên nhân chủ quan cũng có nhiều nhân tố như: tình trạng quan liêu, xa dân, tham ô, tham nhũng; yếu kém trong tổ chức thực hiện đường lối, chính sách, kể cả sai lầm về đường lối và sách lược cách mạng hay sự phản bội mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa của một số nhà lãnh đạo. Nhìn nhận bao quát hơn, sâu sắc hơn, có thể thấy những nhân tố chủ quan đó đều liên quan đến vấn đề kiên định, trung thành, vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của các nước này.

V.I. Lênin từng viết: “Không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng”; “chỉ đảng nào được một lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong”¹. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng từng khẳng định: “Không có lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học thì không thể có lập trường giai cấp vững vàng”². Tất nhiên, hệ thống lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học chứa trong mình bản chất khoa học và cách mạng nên nó là một hệ thống mở.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, t.6, tr.30, 32.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.113.

Ngay trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, chính C. Mác và Ph. Ăngghen từng nhấn mạnh: "... bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tuỳ theo hoàn cảnh lịch sử đương thời..."¹. Điều ấy có nghĩa rằng, trung thành, vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học phù hợp với thực tiễn là điều mà các nhà kinh điển muốn nói với hậu thế. Câu nệ, máy móc hay nhân danh cải tổ, cải cách, đổi mới mà thực tế là xa rời bản chất khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin đều là những sai lầm nguy hiểm. Bế tắc, lúng túng, chao đảo về tư tưởng, lý luận sẽ dẫn đến chêch choạc về thực tiễn. Sai lầm trong lý luận sẽ dẫn đến thất bại, trả giá, thậm chí là trả giá rất đắt trong thực tiễn.

Cách mạng Tháng Mười Nga và lịch sử thăng trầm của chủ nghĩa xã hội hiện thực thế giới trong một thế kỷ qua đã xác nhận, ở đâu, lúc nào những người cộng sản trung thành, vận dụng, phát triển sáng tạo di sản Mác - Lênin thì khi đó, ở đó cách mạng giành được thắng lợi; ngược lại, ở đâu, lúc nào rơi vào chủ quan, duy ý chí, máy móc, giáo điều hoặc xa rời, từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin thì ở đó, lúc đó cách mạng lâm vào khó khăn, khủng hoảng, chao đảo, thậm chí thất bại, tan rã. Đây là vấn đề chưa và không bao giờ cũ với chúng ta.

Thứ tư, về thách thức, thời cơ và triển vọng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay từ ánh sáng Cách mạng Tháng Mười Nga và bài học lịch sử thăng trầm một thế kỷ qua của chủ nghĩa xã hội hiện thực thế giới.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, t.18, tr.128.

Từ ánh sáng của Cách mạng Tháng Mười Nga, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, cách mạng Việt Nam đã đi từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trước đòi hỏi của thực tiễn, dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ năm 1986 nước ta đã tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Sau hơn 30 năm đổi mới và kiên trì con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân ta đã lựa chọn, chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được bảo vệ, giữ vững và đang tiếp tục phát triển.

Tuy nhiên hiện nay, nước ta đang đứng trước không ít những khó khăn, nguy cơ, thách thức. Từ ánh sáng của Cách mạng Tháng Mười Nga cùng những bài học xương máu từ sự sụp đổ của Liên Xô và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đòi hỏi chúng ta phải nhận diện rõ các nguy cơ và những vấn đề đặt ra để chủ động có phương án giải quyết. Đó là những vấn đề liên quan đến hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; vấn đề phát triển kinh tế tư nhân với tư cách là động lực quan trọng của nền kinh tế; vấn đề hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa; vấn đề đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo và phát triển văn hóa và con người Việt Nam; vấn đề bảo vệ lợi ích quốc gia và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; vấn đề thời cơ và thách thức của Việt Nam trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, v.v.. Đó là

nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới; nguy cơ chênh hướng xã hội chủ nghĩa; nguy cơ từ những âm mưu, hành động “diễn biến hòa bình” và có sự chống phá của các thế lực thù địch; nguy cơ từ tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, quan liêu, tham ô, tham nhũng và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, v.v.. Chúng ta cần ý thức sâu sắc rằng tất cả những vấn đề, những nguy cơ đó đều liên quan mật thiết đến vận mệnh, tiền đồ của dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

“Cách mạng đã chết, cách mạng muôn năm!” C. Mác đã từng viết như vậy trong tác phẩm “Đấu tranh giai cấp ở Pháp 1848-1850” như một tiên tri về tính chất khó khăn, phức tạp và tính tất yếu của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Năm 1918, V.I. Lê nin cũng đã viết: “Nếu chính quyền Xôviết bị chủ nghĩa đế quốc liên minh đè bẹp, trong trường hợp xấu nhất ấy, những sách lược Bônsêvích cũng không vì thế mà không có ích lợi to lớn cho chủ nghĩa xã hội và giúp cho sự lớn mạnh của cách mạng thế giới vô địch”. Từ bối cảnh của thế giới hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận định: “Hiện tại, chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Những mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản, nhất là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, chẳng những không được giải quyết mà ngày càng trở nên sâu sắc”¹

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.68.

và “Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội”¹. Nhận thức đó đang được nhiều dữ kiện của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của thế giới và những thành tựu của công cuộc cải cách, đổi mới ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới xác nhận. Đồng thời, từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội của Trung Quốc, Việt Nam, Lào, chúng ta có thể khẳng định rằng, kinh tế thị trường tự nó không đi đến chủ nghĩa xã hội nhưng chủ nghĩa xã hội muốn thành công, tất yếu phải phát triển kinh tế thị trường.

Chắc chắn những kinh nghiệm và xung lực từ Cách mạng Tháng Mười Nga, từ sự nghiệp xây dựng hệ thống xã hội chủ nghĩa, từ những bài học của khủng hoảng rồi sụp đổ của Đông Âu, của Liên Xô và cả những bài học kinh nghiệm của chủ nghĩa xã hội hiện thực trong cải cách, đổi mới hiện nay, đều hữu ích cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và các nước trên thế giới.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.69.

HỒ CHÍ MINH - TÂM NHÌN THỜI ĐẠI*

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một vĩ nhân của thời đại chúng ta, Người có vai trò và đóng góp lớn lao đối với sự phát triển của lịch sử Việt Nam và lịch sử nhân loại. Với tầm nhìn thời đại, Người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam, làm thay đổi vận mệnh của cả dân tộc - từ thân phận nô lệ thành một dân tộc độc lập, tự do và góp phần to lớn vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người là tấm gương sáng ngời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người trên toàn thế giới.

Theo quan điểm của Đảng và các nhà nghiên cứu, tầm nhìn thời đại Hồ Chí Minh bao hàm những nội dung cơ bản, toàn diện, sâu sắc về cách mạng Việt Nam, đó là: tầm nhìn trong việc tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc; tầm nhìn trong việc xác lập, kiến tạo mô hình xã hội gắn với các thiết

* Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo khoa học “Hồ Chí Minh - Tâm nhìn thời đại” tổ chức ngày 03/6/2016 tại Thành phố Hồ Chí Minh; bài đăng trên Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 6/2016; Đặc san *Hồ Chí Minh*, số 2, năm 2016; in trong cuốn sách: Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh - tâm nhìn thời đại*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2017; có chỉnh sửa.

chế hiện đại; tầm nhìn trong xác định con đường phát triển của cách mạng; tầm nhìn trong quan hệ quốc tế và giải quyết các vấn đề quốc tế, tầm nhìn trong xây dựng nhân cách, phẩm giá con người Việt Nam có khả năng hội nhập vào khu vực và toàn cầu...

1. Tâm nhìn thời đại trong việc tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc

Cuối thế kỷ XIX, nước Việt Nam phong kiến độc lập đã bị biến thành nước thuộc địa nửa phong kiến do sự xâm lược của thực dân Pháp. Một lẽ tự nhiên, sự phản kháng của nhân dân ta thể hiện qua các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp theo những ngả đường và khuynh hướng khác nhau đã liên tiếp nổ ra, nhưng kết cục đều đi đến thất bại, không có đường ra. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa sức sống, tinh thần đấu tranh anh dũng, bền bỉ của dân tộc với sự khủng hoảng về đường lối cứu nước, về giai cấp tổ chức, lãnh đạo cuộc đấu tranh.

Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh rất khâm phục ý chí đấu tranh giành độc lập dân tộc của các bậc tiền bối, nhưng không tán thành đường lối cứu nước của họ. Trong bối cảnh những năm đầu thế kỷ XX, vào tháng 6/1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã quyết chí ra đi tìm đường cứu nước. Người đi sang phương Tây, nhưng không phải đi tìm chỗ dựa, hoặc cầu viện các thế lực bên ngoài để cứu nước, mà là đi xem các nước làm như thế nào về giúp đồng bào mình.

Quyết định sang Pháp là một quyết định có ý nghĩa lịch sử, thể hiện rõ tầm nhìn, tư duy độc lập, sáng tạo của Người.

Hồ Chí Minh đã mở tầm nhìn ra thế giới, mà là thế giới phương Tây chứ không quẩn quanh khu vực châu Á hàng ngàn năm ngự trị chế độ phong kiến, bế quan tỏa cảng. Người đã thể hiện bản lĩnh ra nước ngoài xem cho rõ, tối tận nguồn, không choáng ngợp trước nền văn minh phương Tây, sẵn sàng tiếp biến tinh hoa, trí tuệ của nhân loại. Người tự phân tích, đánh giá ý nghĩa của các sự kiện lớn trên thế giới, đặc biệt là các cuộc cách mạng xã hội. Bắt đầu từ lòng yêu nước, sự nhạy cảm với cái mới, cái tiến bộ, dựa trên tiêu chí ai, tổ chức nào bênh vực các dân tộc thuộc địa, ủng hộ và đoàn kết với họ trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc, giành độc lập dân tộc, Người đã định hình ra con đường để đòi các quyền tự do, dân chủ tối thiểu cho nhân dân mình.

Tại Pari thủ đô nước Pháp, lúc này được coi là trung tâm liên minh thế giới của bọn đế quốc, Người đã có một bước phát triển mới trong nhận thức về con đường cứu nước, giải phóng dân tộc khi tiếp nhận ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Mặc dù, chưa hiểu hết ý nghĩa cực kỳ to lớn của Cách mạng Tháng Mười, nhưng với Người, đây là một biến cố to lớn, “có một sức lôi cuốn kỳ diệu vô cùng”. Đặc biệt, từ tháng 7/1920, khi tiếp xúc với bản *Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lê nin, con đường cứu nước mà Người đang khát khao tìm kiếm, Người đã tìm thấy ở *Luận cương* của V.I. Lê nin những giải đáp về con đường giải phóng cho các dân tộc thuộc địa, trong đó có Việt Nam.

2. Tâm nhìn thời đại trong việc xác lập, kiến tạo mô hình xã hội gắn với các thiết chế hiện đại

Cuộc hành trình tìm đường cứu nước tháng 6 năm 1911 của Nguyễn Tất Thành là cuộc tìm kiếm một con đường tranh đấu không chỉ nhằm giải quyết một mục tiêu như các bậc tiền bối: giành độc lập dân tộc, mà có mục tiêu “kép” là cứu nước và cứu dân. Chính vì vậy, quyết định đi sang phương Tây của Nguyễn Tất Thành là sự đoạn tuyệt đối với mô hình chính trị nhà nước quân chủ, phong kiến phương Đông, mở đầu cho quá trình nghiên cứu, tìm hiểu xã hội phương Tây.

Từ năm 1911 đến năm 1920, bằng việc khảo cứu các nước thuộc địa và các nước tư bản lớn như Mỹ, Anh, Pháp, Người đã có những nhận thức quan trọng trong việc tìm kiếm mô hình thể chế chính trị tương lai cho đất nước.

Bằng khảo nghiệm các mô hình thể chế chính trị, mô hình nhà nước trên thế giới và tổng kết thực tiễn Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc và Đảng đã đi tới lựa chọn mô hình *cộng hòa dân chủ*, tạo nên động lực cho cao trào vận động dân chủ sôi nổi trong những năm 1936-1939. Trong cuộc vận động giải phóng dân tộc 1939-1945, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và Đảng ta tiếp tục tìm tòi, khảo nghiệm và đi tới lựa chọn thể chế chính trị, mô hình nhà nước thích hợp hơn, đó là thể chế *Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*.

Thể chế chính trị *Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* là mô hình nhà nước, là thể chế chính trị mới được Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng xác định tại Hội nghị Trung ương lần thứ 8, tháng 5/1941. *Mặt trận Việt Minh* là một kiểu nhà nước *tiền chính phủ*

với chương trình hành động thể hiện rõ quyền lực thuộc về nhân dân, một thể chế chính trị - xã hội quá độ của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Mô hình thể chế đó là động lực, là ngọn cờ vẫy gọi toàn thể dân tộc Việt Nam vùng lên làm cuộc cách mạng Tháng Tám năm 1945, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, xác lập được một thể chế chính trị - xã hội mới theo sự tìm chọn của Nguyễn Ái Quốc, vì mục tiêu độc lập dân tộc, dân quyền và dân sinh tự do, hạnh phúc.

3. Tầm nhìn thời đại trong việc xác định con đường phát triển của dân tộc Việt Nam

Với việc nắm bắt chính xác đặc điểm, xu thế của thời đại, Hồ Chí Minh đã xác định con đường phát triển cho dân tộc phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử - con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội không chỉ thể hiện sự khác nhau về chất giữa con đường cứu nước giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh với con đường cứu nước, giải phóng dân tộc theo hệ tư tưởng phong kiến, hay hệ tư tưởng tư sản mà còn thể hiện rõ nét sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội từ sự lựa chọn của Hồ Chí Minh, đã trở thành lý tưởng và mục tiêu phấn đấu của cách mạng Việt Nam.

Độc lập dân tộc theo Hồ Chí Minh phải là một nền độc lập thực sự, độc lập hoàn toàn, tức là phải được độc lập trên tất cả các mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng, ngoại giao..., trong đó trước hết và quan trọng nhất là

độc lập thực sự, hoàn toàn về chính trị. Độc lập dân tộc phải gắn liền với hòa bình. Độc lập dân tộc phải đi tới tự do, hạnh phúc của nhân dân. Độc lập dân tộc là tiền đề đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã hội, theo Hồ Chí Minh, tự nó có khả năng tạo ra sự phát triển, khác rất xa cái chủ nghĩa xã hội mà nhiều người ngộ nhận với những tiêu chí có tính áp đặt, xa vời, phi hiện thực. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội là hết sức bình dị, gần gũi với cuộc sống thường ngày. Quan niệm chung nhất của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội - đó là một xã hội đáp ứng ngày càng cao và toàn diện mọi nhu cầu chính đáng của con người. Chính xuất phát từ quan điểm độc lập dân tộc phải gắn liền với tự do và hạnh phúc của nhân dân mà Hồ Chí Minh hình thành nên triết lý phát triển của một xã hội nhân văn, một mục tiêu với nội dung thống nhất của cách mạng Việt Nam: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Đối với Hồ Chí Minh, một xã hội phát triển phải được phát triển toàn diện, trong đó tự do, hạnh phúc của con người là tiêu chí quan trọng nhất, cốt lõi xuyên suốt của chế độ xã hội. Nội dung chủ nghĩa xã hội do Hồ Chí Minh nêu lên thể hiện toàn bộ tư tưởng của Người là mưu cầu hạnh phúc cho hết thảy mọi người trên trái đất và đó cũng là điều cốt lõi trong triết lý phát triển xã hội của Người.

Đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Hồ Chí Minh đưa ra một hệ thống quan điểm toàn diện. Từ góc độ động lực của sự phát triển, Người cho rằng: Chủ nghĩa xã hội là do quần chúng nhân dân tự xây dựng nên. Đó là

lực lượng có ý thức lao động tập thể, tinh thần thi đua yêu nước, dám nghĩ, dám làm, ý thức cẩn kiêm. Trong cải tạo và xây dựng xã hội, phải giải quyết hàng loạt mâu thuẫn khác nhau. Do đó, Người lưu ý cán bộ, đảng viên không được chủ quan, nóng vội, phải xác định đúng bước đi và các hình thức, biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội... Làm được như vậy, chủ nghĩa xã hội không chỉ là ước mơ mà bản thân nó tiềm chứa khả năng tối ưu (so với tất cả các xã hội đã từng tồn tại trong lịch sử) trong việc tạo ra sức sống nội sinh và động lực mạnh mẽ thúc đẩy xã hội tiến lên.

4. Tâm nhìn thời đại trong xây dựng nhân cách, phẩm giá con người Việt Nam

Ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, khi biên soạn cuốn *Đường cách mệnh* (1927), để đào tạo cán bộ chuẩn bị thành lập Đảng, Người đã mở đầu tác phẩm bằng một mục lớn: “Tư cách một người cách mệnh”. Trong đó, Người đã xác định những yêu cầu về đạo đức mà người cách mệnh phải có như: “Vị công vong tư. Giữ chủ nghĩa cho vững. Hy sinh. Ít lòng tham muốn về vật chất... Không hiếu danh, không kiêu ngạo. Nói thì phải làm... Quyết đoán. Dũng cảm. Phục tùng đoàn thể”. Trong *Mục đọc sách* (1942) và *Nhật ký trong tù* (1943), Người đặt lên hàng đầu xây dựng ý thức dân tộc, tâm lý con người. Trong *Sửa đổi lối làm việc* (1947), Hồ Chí Minh đưa ra nhiều ý tưởng về cấu trúc nhân cách, được cụ thể hóa thành các chuẩn mực: nhân, nghĩa, trí, dũng, cẩn, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

Với Hồ Chí Minh, trong xây dựng nhân cách, phẩm giá con người Việt Nam, đặc biệt là cán bộ, đảng viên thì lòng

yêu nước, thương dân được đặt lên hàng đầu. Theo Người, yêu nước, thương dân phải trở thành lẽ sống. Người đã từng khai quát về triết lý cuộc sống: “Nghĩ cho cùng, mọi vấn đề là vấn đề ở đời và làm người”. Ở đời và làm người là phải yêu nước, thương dân, thương nhân loại khổ đau bị áp bức. Theo đó, lòng yêu nước, thương dân phải biến thành hành động đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng con người.

Hồ Chí Minh coi đạo đức là gốc, là nền tảng của con người, nhất là người cách mạng, giống như gốc của cây, nguồn của sông suối. Bởi vì, có đạo đức cách mạng trong sáng mới làm được những việc cao cả, vẻ vang; đạo đức là thứ vũ khí sắc bén trong cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới; đạo đức giúp cho con người luôn giữ được nhân cách, bản lĩnh của mình trong mọi hoàn cảnh; đạo đức cũng là tiêu chí đánh giá sự cao thượng của con người... Trong đạo đức cách mạng, Người đặc biệt đề cao phẩm chất trung với nước, hiếu với dân, vì nước, vì dân; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; coi đó là phẩm chất không thể thiếu được của mỗi con người, nhất là đối với cán bộ, đảng viên.

Hồ Chí Minh không chỉ để lại một hệ thống quan điểm về xây dựng nhân cách, phẩm giá con người Việt Nam mà còn là tấm gương mẫu mực về nhân cách, đạo đức cách mạng, về sự nhất quán giữa tư tưởng và hành động, giữa nói và làm. Người là hiện thân của sự toàn mỹ về nhân cách người cộng sản: yêu đồng bào, yêu nhân loại; uyên bác mà hết sức khiêm tốn; triệt để cách mạng và vô cùng nhân từ; vĩ đại mà rất mực bình dị; chói sáng mà không choáng ngợp... Người là mẫu hình cao đẹp

của vị lãnh tụ gần gũi nhân dân, là sự kết tinh những giá trị cao quý nhất của văn hóa, đạo đức Việt Nam.

5. Tâm nhìn thời đại về quan hệ quốc tế và giải quyết các vấn đề quốc tế

Ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, trong hành trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã nhanh chóng nắm bắt được đặc điểm của thời đại mới, thời đại sau Cách mạng Tháng Mười và tổng kết, khái quát thành những quan điểm lý luận về nhu cầu, khả năng, điều kiện hợp tác giữa các dân tộc.

Sau khi nắm bắt được đặc điểm của thời đại mới, Hồ Chí Minh đã hoạt động tích cực để gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Người không chỉ xuất phát từ những mục đích chính trị - xã hội của thời đại - độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội, mà còn vì sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất thế giới. Trong tư tưởng của Người, hợp tác quốc tế là để xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, tiến kịp các nước trên thế giới và sâu xa là đặt chiến lược phát triển đất nước ta gắn liền với những chuyển biến mang tính thời đại.

Với tầm nhìn chiến lược đó, Người chủ trương mời những nhà chuyên môn Pháp, cũng như Mỹ, Nga hay Tàu giúp cho chúng ta trong cuộc kiến thiết quốc gia. Trong lời kêu gọi gửi tới Liên hợp quốc năm 1946, Hồ Chí Minh nêu rõ: Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình; Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế; Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế

quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc... Sau khi miền Bắc được giải phóng, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã đẩy mạnh mở rộng hợp tác quốc tế nhằm trao đổi, giao thương, tranh thủ sự viện trợ kinh tế, kỹ thuật của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các lực lượng dân chủ, hòa bình thế giới.

Trong quan hệ hợp tác quốc tế, Hồ Chí Minh xác định chính sách đối ngoại của Việt Nam là: “Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”. Trong bối cảnh quốc tế phức tạp, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã khéo léo chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam theo con đường độc lập, tự chủ, sáng tạo, phát huy nội lực của toàn dân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, để giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ đất nước.

6. Bốn mươi năm thành phố mang tên Bác

Đầu năm 1911, sau mấy tháng dạy học ở Trường Dục Thanh (Phan Thiết), Nguyễn Tất Thành đến Sài Gòn. Sài Gòn là nơi mở ra con đường “Tây du” cho nhiều trí thức Việt Nam yêu nước tiếp cận nền dân chủ tư sản phương Tây với ước vọng chung là tìm đến giá trị thật của nền dân chủ tư sản, ẩn chứa sau câu khẩu hiệu *Tự do, Bình đẳng, Bác ái* đã trở thành quốc hiệu của nền Cộng hòa Pháp. Sài Gòn cũng là nơi mà Nguyễn Tất Thành đã chọn làm điểm đến để khởi đầu hành trình ra đi tìm đường cứu nước. Tuy thời gian ở Sài Gòn ngắn ngủi (chỉ từ tháng 2 đến tháng 6/1911) nhưng Sài Gòn lại chính là nơi kết tụ hoài bão, đánh dấu sự chín muồi cả về nhận thức và hành động của Người để làm nên mốc son lịch sử ngày 05/6/1911.

Tại Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành đi vào các khu thợ, làm quen với những thanh niên đang làm thợ hay học nghề ở các trường kỹ nghệ; tiếp xúc với những người đã tham gia các phong trào Đông Du, Duy Tân. Sài Gòn qua cảm nhận của Nguyễn Tất Thành đồ sộ, sầm uất hơn nhiều so với các nơi Người đã đi qua; Sài Gòn cũng là nơi thấy rõ cách tổ chức cai trị, bóc lột tinh vi của tư bản Pháp; thấy rõ sự đối lập bất công giữa cảnh sống xa hoa của bọn thực dân và nỗi cực khổ, tủi nhục của người dân nô lệ mất nước. Những bước khảo sát và trải nghiệm ấy đã thôi thúc thêm ý chí ra nước ngoài, sang phương Tây của Nguyễn Tất Thành.

Cách đây đúng 105 năm, Sài Gòn vinh dự thay mặt cả nước tiễn người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành lên chiếc tàu Amiral Latouche Tréville rời bến cảng Sài Gòn bắt đầu một cuộc hành trình mới với khát vọng lớn lao, nghị lực phi thường, trí tuệ thiên tài để tìm ra con đường đúng đắn cho dân tộc Việt Nam. Sài Gòn chưa được đón Bác về thăm, nhưng nhân dân cả nước đã dành cho Sài Gòn phần thưởng xứng đáng khi vinh dự được mang tên Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1976, cách nay vừa tròn 40 năm.

Trải qua 40 năm thành phố mang tên Bác, trong đó có 30 năm cùng cả nước thực hiện đường lối đổi mới, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thành phố đã kế thừa và không ngừng phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần năng động, vận dụng sáng tạo các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước phù hợp với đặc điểm thực tiễn của Thành phố. Đặc biệt, phát huy những giá trị của sự kiện ngày 05/6/1911 trong công cuộc đổi mới, Thành phố đã và đang có những

bước phát triển vượt bậc. Thành phố luôn là nơi có những ý tưởng đổi mới, sáng tạo; đầu tàu kinh tế và đột phá phát triển của cả nước. Những thành tựu mà Thành phố đạt được trên tất cả các mặt: kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại đã làm thay đổi diện mạo, làm cho Thành phố Hồ Chí Minh trở thành địa chỉ thu hút khách trong nước và quốc tế, là một nơi mọi người muốn đến và đáng sống.

Với tầm vóc anh hùng của một dân tộc anh hùng, đỉnh cao văn hóa của quốc gia văn hiến, Đảng bộ và nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hết sức vinh dự, tự hào, quyết tâm xây dựng Thành phố ngày càng văn minh, hiện đại, nghĩa tình, góp phần xứng đáng cùng cả nước trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa theo con đường mà Bác đã vạch ra.

Cách đây vừa tròn 105 năm, năm 1911, từ thành phố Sài Gòn, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã ra đi tìm đường cứu nước. Bằng trí tuệ mẫn tiệp, tầm nhìn rộng mở, Người đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, trở thành người cộng sản, chiến sĩ quốc tế xuất sắc, tìm thấy con đường cứu nước duy nhất đúng đắn cho dân tộc Việt Nam. Với tầm nhìn thời đại, Người đã làm sáng rõ con đường cách mạng Việt Nam, soi đường, chỉ lối cho Đảng và dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Ngày nay, trong công cuộc tiếp tục đổi mới toàn diện đất nước, trên cơ sở những gợi mở, định hướng, dự báo từ tầm nhìn thời đại của Hồ Chí Minh, toàn Đảng và toàn dân ta quyết tâm vận dụng, phát triển một cách sáng tạo những di sản ấy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

xã hội chủ nghĩa. Hơn nơi nào hết, Thành phố Hồ Chí Minh - nơi khởi nguồn của sự thay đổi từ 105 năm trước, với vị trí thành phố đầu tàu của cả nước luôn biết nâng niu, trân trọng và phát huy những giá trị ấy, đoàn kết, sáng tạo, đổi mới trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh, để xây dựng thành phố ngày càng văn minh, giàu đẹp, xứng đáng là thành phố mang tên Bác.

HỒ CHÍ MINH - HÀNH TRÌNH LỊCH SỬ SÁNG TẠO VỚI SỰ RA ĐỜI CỦA MẶT TRẬN VIỆT MINH*

Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ thiên tài của Đảng và nhân dân ta, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa kiệt xuất, Người đã cống hiến trọn cuộc đời mình cho độc lập của Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của nhân dân. Xuyên suốt trong sự nghiệp cách mạng của Người là quan điểm đại đoàn kết dân tộc. Với Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc đã được nâng lên tầm cao mới với hình thức thể hiện sáng tạo, sinh động - Mặt trận Việt Minh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ngày 19/5/1890, trong một gia đình nhà Nho yêu nước, hiếu học ở quê hương xứ Nghệ giàu truyền thống cách mạng. Được nuôi dưỡng bởi những giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc, hun đúc qua hàng ngàn năm lịch sử, sớm hấp thụ tinh thần yêu nước thương dân, đấu tranh bất khuất của những bậc tiền bối; chứng kiến cảnh khổ nhục, lầm than, cơ cực của người dân mất nước và sự thất bại của các phong trào yêu nước bi hùng của cha ông

* Bài đăng trên Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 306, tháng 5/2016; có chỉnh sửa.

chống thực dân Pháp xâm lược đương thời, Người đã ra đi tìm đường cứu nước, tìm hiểu sự thật của những nước luôn giương cao khẩu hiệu “tự do, bình đẳng, bác ái” mà lại đang xâm chiếm thuộc địa, nô dịch dân tộc khác. Bằng tấm lòng yêu nước nồng nàn, khát vọng giành độc lập cho Tổ quốc, tự do cho đồng bào, vượt lên trên nhận thức của những người đương thời, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã quyết chí tìm một hướng đi mới cứu dân, cứu nước.

Từ bến cảng Nhà Rồng - Sài Gòn, với hai bàn tay lao động và ý chí cứu nước mãnh liệt, sau gần mươi năm trải qua lao động, học tập, nghiên cứu lý luận và khảo nghiệm thực tiễn ở nhiều nước trên thế giới, hòa mình vào cuộc sống của những người cần lao, lúc là bồi tàu, phụ bếp, rửa chén, quét tuyết, đốt lò; lúc là thợ ảnh, dấn thân vào các phong trào đấu tranh chống áp bức, bóc lột, phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế ở nhiều nước, Người nhận thức rõ vấn đề giải phóng dân tộc và giải phóng con người là nhu cầu cấp thiết không chỉ của Việt Nam, mà của tất cả các dân tộc thuộc địa và nhân dân bị áp bức trên toàn thế giới. Người ủng hộ Cách mạng Tháng Mười Nga, tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, phát hiện đúng xu thế phát triển của thời đại, và đi tới khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”¹, hình thành nên tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, trở thành một chiến sĩ cộng sản từ một nhà yêu nước chân chính.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.12, tr.30.

Cách mạng muôn thành công phải có Đảng dẫn đường. Người đã dày công truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin, trực tiếp chuẩn bị và sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam vào mùa Xuân năm 1930, đánh dấu bước ngoặt lịch sử của cách mạng nước ta, chấm dứt tình trạng khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước. Bằng sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước để xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc. Người đã đặt nền móng cho lý luận cách mạng Việt Nam trong thời đại mới, xác lập Cương lĩnh đầu tiên của Đảng, xác định con đường của cách mạng Việt Nam là giải phóng dân tộc tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam. Đó là đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử nước ta và trào lưu tiến hóa chung của nhân loại; làm cho chủ nghĩa yêu nước vươn lên tầm thời đại, trở thành chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh; đóng góp to lớn cho việc mở ra giai đoạn phát triển mới của phong trào cách mạng vô sản, phong trào giải phóng dân tộc các nước thuộc địa và phụ thuộc ở châu Á và trên thế giới.

Là người sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh đề ra đường lối, chiến lược, sách lược đúng đắn, tài tình, giải quyết các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, thực hiện triệt để mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, đã đưa đến những thắng lợi vĩ đại có ý nghĩa lịch sử và thời đại của nhân dân ta

trong thế kỷ XX. Đó là thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước vào kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Với những thắng lợi đó, Việt Nam từ một xứ thuộc địa, nửa phong kiến đã trở thành một nước độc lập, tự do phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã vươn lên thành người làm chủ đất nước; dân tộc ta được bình đẳng trong cộng đồng quốc tế, trở thành một trong những dân tộc tiên phong của thời đại. Với những thắng lợi đó, dân tộc Việt Nam đã không chỉ thi hành “*Bản án chế độ thực dân*” ở Việt Nam, giành lại độc lập dân tộc, xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa vì tự do, hạnh phúc của nhân dân ta, mà còn cùng với các dân tộc thuộc địa và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới đấu tranh loại bỏ ách thống trị, áp bức của chủ nghĩa thực dân, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Xuất phát từ thực tiễn của Việt Nam và thế giới, Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin, vạch ra con đường cách mạng đầy sáng tạo của Việt Nam. Hồ Chí Minh một mặt khẳng định tính chất thật sự khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê nin, cho đó là “Chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất”¹ và “chủ nghĩa

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.289.

Mác - Lênin là kim chỉ nam cho hành động¹ của toàn Đảng, toàn dân ta. Nhưng mặt khác, trong khi tìm hiểu và vận dụng những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn xã hội Việt Nam, Người đã bổ sung và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin với những luận điểm rất quan trọng.

Khác với nhiều trí thức tư sản phương Tây đến với chủ nghĩa Mác - Lênin chủ yếu chỉ nhìn nhận như đến với một học thuyết, nhằm giải quyết những vấn đề về tư duy hơn là hành động, Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin là để tìm kim chỉ nam cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc, tức là từ nhu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Người đã tiếp thu lý luận Mác - Lênin theo phương pháp nhận thức mácxít, đồng thời theo lối “đắc ý, vong ngôn” của phương Đông, cốt nám lấy cái tinh thần, cái bản chất chứ không chịu trói buộc trong cái vỏ ngôn từ. Hồ Chí Minh vận dụng lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để tự tìm ra những chủ trương, giải pháp, đối sách phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể, từng thời kỳ cụ thể của cách mạng Việt Nam chứ không đi tìm những kết luận có sẵn trong sách vở kinh điển. Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ, đảng viên phải biết vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo.

Từ phương pháp tiếp cận đúng đắn, khoa học trong kế thừa và phát triển học thuyết Mác - Lênin, đồng thời bám sát thực tiễn Việt Nam và thế giới, trên bình diện nhà

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.120.

tư tưởng, Hồ Chí Minh có những đóng góp sáng tạo lớn về nhiều lĩnh vực, mà ở lĩnh vực nào chúng ta cũng đều nhận được ở Người những lời chỉ huấn sâu sắc và thiết thực. Đặc biệt, Hồ Chí Minh đã có những luận điểm sáng tạo góp phần làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác - Lê nin trong vấn đề cách mạng giải phóng dân tộc; xây dựng chế độ dân chủ mới và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở một nước phương Đông, thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu; nhất là vấn đề xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất mà Mặt trận Việt Minh là một hình thức tồn tại cụ thể...

Trong tổ chức, tập hợp lực lượng, Hồ Chí Minh đã có các quan điểm sáng tạo về chiến lược đại đoàn kết dân tộc theo phương châm: “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, Thành công, thành công, đại thành công*”¹. Với Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc đã được nâng lên một tầm cao mới về chất: Đại đoàn kết có tổ chức, có lãnh đạo. *Chiến lược đại đoàn kết dân tộc trong Mặt trận Việt Minh của Hồ Chí Minh là những tìm tòi lý luận đạt tầm nguyên lý và triết thuyết hành động.*

Những luận điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về Mặt trận Việt Minh là những sáng tạo nổi bật và là những đóng góp không những đối với lý luận cách mạng Việt Nam, mà còn đóng góp vào kho tàng lý luận cách mạng thế giới.

Cả về mặt lý luận và thực tiễn, công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh với dân tộc Việt Nam như non cao, biển rộng. Người đã gắn bó và hiến dâng trọn đời mình cho sự nghiệp

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.119.

cách mạng của nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới, hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân cho đến hơi thở cuối cùng; để lại một di sản tinh thần vô giá. Tư tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi soi đường cho chúng ta hôm nay và các thế hệ mai sau, dẫn dắt dân tộc Việt Nam tiến đến tương lai tươi sáng. Người là linh hồn, là ngọn cờ chói lọi, lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đoàn kết một lòng, chiến đấu anh dũng, viết nên những trang sử vang nhát của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Sự nghiệp cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong ba mươi năm qua và đang tiếp tục tiến lên cũng chính là bắt nguồn từ tư tưởng, đạo đức, phuơng pháp, phong cách Hồ Chí Minh; là sự kế tục, phát triển sự nghiệp cách mạng của Người. Đúng như Đảng từng khẳng định: “Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta”¹.

Thiết thực kỷ niệm 126 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, kỷ niệm 75 năm Ngày thành lập Mặt trận Việt Minh, chúng ta nguyện chung sức, đồng lòng, thống nhất, đồng thuận, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tất cả vì tự do, hạnh phúc của nhân dân, tăng cường đoàn kết, dồn hết sức lực và tâm huyết vào sự nghiệp chung, cống hiến ngày càng nhiều hơn cho công cuộc xây dựng và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.627.

bảo vệ đất nước; ra sức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; sớm đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống, hoàn thành thắng lợi tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021, xứng đáng với niềm tin cậy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng và của nhân dân ta.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VĨ ĐẠI VỚI SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC*

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam, người chiến sĩ tiên phong, mẫu mực của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Người là bản anh hùng ca về chủ nghĩa yêu nước, tinh thần tận tụy, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân, vì hòa bình, phát triển và tiến bộ của nhân loại¹. Tư tưởng, đạo đức và phong cách của Người là tài sản vô cùng quý báu của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta, mãi là niềm tự hào, nguồn cổ vũ to lớn đối với các thế hệ người Việt Nam hôm nay và mai sau, là ánh sáng soi đường cho cách mạng Việt Nam, dẫn dắt Đảng ta, dân tộc ta giành được những thắng lợi vĩ đại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

* Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo khoa học “Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại với sự nghiệp đổi mới, phát triển và bảo vệ Tổ quốc” tổ chức ngày 08/5/2020 tại Hà Nội; bài đăng trên Báo Nhân Dân, ngày 10/5/2020; in trong cuốn sách: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp đổi mới, phát triển và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020; có chỉnh sửa.

1. Xem Tạ Ngọc Tán: “Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo khoa học kỷ niệm 100 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước”, Hà Nội, ngày 17/5/2011.

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh - Nhà yêu nước vĩ đại, Anh hùng giải phóng dân tộc

Sinh ra và lớn lên trong cảnh nước mắt, nhà tan, chửng kiến bao nỗi đắng cay, khổ cực của nhân dân và nhiều cuộc khởi nghĩa, phong trào đấu tranh yêu nước chống thực dân Pháp lần lượt thất bại, cách mạng Việt Nam rơi vào bế tắc như “không có đường ra”, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã nung nấu quyết tâm tìm một con đường mới để cứu nước, cứu dân, giải phóng dân tộc. Người quyết định sang nước Pháp, hướng về các nước phương Tây, để tìm hiểu cho rõ những gì ẩn giấu đằng sau khẩu hiệu “*Tự do, Bình đẳng, Bác ái*”; và “... sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”¹. Ngay tại phương Tây, Người đã sớm nhận ra rằng: các cuộc cách mạng tư sản dù vĩ đại như cách mạng Mỹ hay cách mạng Pháp vẫn không giải phóng được những người lao khổ, nghĩa là cách mạng không triệt để, không đến nơi. Hòa mình vào phong trào công nhân, phong trào xã hội ở Pháp và các quốc gia phương Tây khác, tích cực tham gia Quốc tế Cộng sản; Người đã tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và sáng lập ra Hội liên hiệp thuộc địa nhằm cổ vũ, đoàn kết, hướng dẫn nhân dân các nước thuộc địa đứng lên tự giải phóng.

Từ thực tiễn hoạt động cách mạng phong phú ấy, khi được nghiên cứu bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lenin dưới

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1984, tr.11.

ánh sáng của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường duy nhất đúng đẽ để cứu nước và giải phóng dân tộc, đó là con đường cách mạng vô sản, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân gắn liền với cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, bổ sung, phát triển, vận dụng sáng tạo vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Người trở thành tấm gương sáng ngời về sự trung thành tuyệt đối với lý tưởng cộng sản, về những đóng góp to lớn cho tình đoàn kết giữa nhân dân các nước, giữa giai cấp vô sản ở chính quốc và các dân tộc thuộc địa, giữa các nước xã hội chủ nghĩa anh em và giữa các lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Là biểu tượng cao đẹp của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khơi dậy, phát huy truyền thống yêu nước quý báu của dân tộc ta lên tầm cao của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, phát huy sức mạnh vô tận của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Người đã chỉ ra thời cơ lớn cho dân tộc Việt Nam với ý chí mãnh liệt: “dù hy sinh tới đâu, dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”¹, động viên toàn dân ta vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền, đập tan xiềng xích nô lệ của chế độ thực dân, phong kiến, làm nên thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám, khai sinh ra nước Việt Nam Dân

1. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.196.

chủ Cộng hòa. Thắng lợi đó không chỉ là một mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam mà còn là bước ngoặt đánh dấu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân, mở ra một thời đại mới cho phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân các nước thuộc địa; minh chứng cho lời khẳng định danh thép của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bản *Tuyên ngôn độc lập* trước toàn thể quốc dân đồng bào: ... Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do... Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do và độc lập¹.

2. Chủ tịch Hồ Chí Minh - Lãnh tụ thiên tài, người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta

Trong tác phẩm *Đường Cách mệnh*, cuốn giáo trình huấn luyện cán bộ đầu tiên của Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Cách mệnh “trước hết phải có đảng cách mệnh... Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt... Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”². Ngay từ khi còn hoạt động ở nước ngoài, Người đã thành lập Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội, tổ chức các lớp huấn luyện cán bộ để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr.1-3.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.289.

trong phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Từ trường học này, Người đã đào tạo ra những học trò xuất sắc, nhiều người đã trở thành những lãnh tụ đầu tiên của Đảng ta. Đó là những bước chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức và cán bộ hết sức quan trọng để mùa xuân năm 1930, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, mở ra một thời kỳ mới cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Người tâm niệm rằng: Đảng ta là một đảng cách mạng chân chính, đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc; Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, lấy lợi ích quốc gia dân tộc và hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu hành động. “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”¹; “Ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác”².

Để hoàn thành sứ mệnh của Đảng cầm quyền, Người chỉ dẫn: phải thường xuyên chăm lo công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tăng cường năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Trong Đảng, phải thực hành dân chủ rộng rãi, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất như giữ gìn “con ngươi của mắt mình”; phải coi “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, kiên quyết chống lại những căn bệnh làm cho Đảng “đông mà không mạnh”; Đảng và mỗi đảng viên phải gắn bó mật thiết

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.289, 290.

với nhân dân, phục vụ nhân dân, chăm lo cho nhân dân về mọi mặt¹.

Người coi xây dựng Đảng về đạo đức là vấn đề hệ trọng có liên quan trực tiếp đến sinh mệnh của Đảng, đến sự thành bại của cách mạng, bởi đạo đức là nền tảng, gốc rễ của Đảng cách mạng và những người cách mạng chân chính. Người khẳng định, Đảng ta khởi xướng, lãnh đạo và tổ chức thực hiện công cuộc giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới giàu mạnh, văn minh là một sứ mệnh vẻ vang, một sự nghiệp nhân văn cao cả, nhưng cũng là một trọng trách được toàn dân tộc ủy thác. Do đó, Đảng ta phải là nơi hội tụ những tinh hoa giá trị của dân tộc và thời đại, xứng tầm một chính đảng kiểu mới, là trí tuệ, “là đạo đức, là văn minh”².

Xây dựng Đảng về đạo đức chỉ có thể thành công nếu mỗi cán bộ, đảng viên thường xuyên học tập, rèn luyện, tu dưỡng hằng ngày, nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, để trở thành người có đức, có tài, “vừa hồng, vừa chuyên”, những tấm gương sáng mẫu mực. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”³. Những phẩm chất đạo đức cách mạng hàng đầu như lời chỉ dẫn của Người là: quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng; ra sức làm việc cho Đảng, giữ vững kỷ luật của Đảng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng;

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.272.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.403.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.292.

đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình; ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lê nin, luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác, củng cố sự đoàn kết và thống nhất¹. Trong bản *Di chúc* để lại trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn đau đớn dặn dò: “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”².

3. Chủ tịch Hồ Chí Minh - Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam mang tầm vóc thế giới

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến, hy sinh trọn đời cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người; cho sự nghiệp đấu tranh xây dựng một thế giới hòa bình, nhân ái và phát triển. Tư tưởng của Người là tinh hoa văn hóa của nhân loại, thấm đẫm những giá trị văn hóa của phương Đông và phương Tây. Người tiếp thu triết lý “tử bi, hỷ xả, cứu khổ, cứu nạn” của đạo Phật; tư tưởng “hòa mục”, “xây dựng một thế giới đại đồng” của Nho giáo; tư tưởng “Bình đẳng, Bác ái” của

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.603.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.611-612.

Thiên Chúa giáo; chủ nghĩa “Tam dân” của Tôn Dật Tiên. Nhưng trên hết, Người tiếp thu tư tưởng cách mạng, “tất cả vì con người và sự nghiệp giải phóng loài người” của chủ nghĩa Mác - Lê nin. Người là sự kết tinh truyền thống văn hóa hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam; những tư tưởng của Người là hiện thân khát vọng của các dân tộc mong muốn được khẳng định bản sắc văn hóa của mình và tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau¹. Do đó, Tổ chức Giáo dục - Khoa học - Văn hóa của Liên hợp quốc đã tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc - Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là hình ảnh của một bậc vĩ nhân, một lãnh tụ nhân dân kiểu mới: vĩ đại mà không cao xa; thanh cao mà vô cùng giản dị; mâu mực và gần gũi với quần chúng nhân dân; hết mực thương yêu đồng chí, đồng bào; hết lòng, hết sức chăm lo cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước². Cả đời Người chỉ có một tâm nguyện và ham muộn: “... là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”³. Cho đến khi phải từ biệt thế giới này, Người chỉ tiếc: “không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều

1. Xem Nghị quyết 24C/18.65 của Đại hội đồng UNESCO khóa 24/1987.

2. Trần Minh Trưởng: “Chủ tịch Hồ Chí Minh - Lãnh tụ vĩ đại trọn đời hy sinh cho đất nước và hạnh phúc của nhân dân”, báo *Nhân dân điện tử*, ngày 18/5/2018.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.187.

hơn nữa”¹. Chính tâm nguyện và mục đích vô cùng cao đẹp ấy đã tạo cho Người một ý chí lớn lao và nghị lực vô cùng mãnh liệt để:

- “- Giàu sang không thể quyến rũ,
- Nghèo khó không thể chuyền lay,
- Uy vũ không khuất phục”²; vượt qua mọi gian khổ, khó khăn, dấn dắt Đảng ta, lãnh đạo nhân dân ta giành những thắng lợi vĩ đại trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước và vững bước trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh - kim chỉ nam, ngọn đuốc soi đường cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, coi đó là cái “cẩm nang thần kỳ”, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin: “không phải là giáo điều, nó là kim chỉ nam cho hành động cách mạng;... không phải là cái gì cứng nhắc, nó đầy tính sáng tạo... luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động”³. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Người đã kiến tạo nên một kho báu tư tưởng vô giá trên mọi phương diện của sự nghiệp cách mạng: về mối

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.615.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.50.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.95.

quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, giữa cách mạng vô sản và cách mạng thuộc địa, giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới; về quy luật ra đời và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, xây dựng một chính đảng mác xít ở một nước thuộc địa và phong kiến; về tập hợp, xây dựng lực lượng trong cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện một nước nông nghiệp có điểm xuất phát thấp, không kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa; về xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh; về xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân gắn liền với nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, v.v..

Tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam cho con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua phong ba, bão táp đi đến những bến bờ thắng lợi. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, mang tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”; với quyết tâm “thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, cả dân tộc Việt Nam đã anh dũng chiến đấu làm nên một chiến thắng Điện Biên Phủ “nên vàng hoa đỏ, nên thiêng sủ vàng”. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, mang ý chí đánh thép: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn song chân lý ấy không bao giờ thay đổi”, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đã chung sức, đồng lòng tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và giải phóng miền Nam,

thống nhất đất nước, viết nên một bản anh hùng ca của tình ruột thịt Bắc - Nam và khát vọng mãnh liệt của một dân tộc yêu chuộng hòa bình, không bao giờ bị khuất phục trước mọi kẻ thù. Trong mưa bom bão đạn, vượt qua mọi gian khổ, khó khăn, nhân dân miền Bắc vừa xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, vừa làm tròn nghĩa vụ hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam, để toàn quân, toàn dân ta “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào” lập nên những chiến công chói lọi, mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thu non sông về một mối, mở ra kỷ nguyên độc lập, thống nhất, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

5. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh - Đảng ta nhất định sẽ lãnh đạo thành công sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong công cuộc đổi mới hiện nay, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử; nhân dân ta ngày càng ấm no, hạnh phúc; Đảng ta ngày càng trưởng thành vững mạnh. Thắng lợi đó là kết quả của việc kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”, kiên định đường lối đổi mới, sáng tạo để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Thắng lợi đó mang đến cho chúng ta niềm phấn khởi, tự hào và tin tưởng vào sự lãnh đạo đúng đắn,

sáng suốt của Đảng ta, nhân tố quyết định nhất đối với những thành tựu mà đất nước ta, nhân dân ta đạt được trên mỗi chặng đường cách mạng.

Tự hào với những thành tựu đạt được, chúng ta càng ý thức sâu sắc hơn về trọng trách to lớn của mình trước các yêu cầu, nhiệm vụ mới. Công cuộc đổi mới đất nước càng đi vào chiều sâu, càng khó khăn, phức tạp. Tình hình thế giới, khu vực diễn biến rất nhanh, phức tạp, khó dự báo. Các thế lực thù địch, phản động không ngừng tuyên truyền, kích động, xuyên tạc, chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta. Những thứ giặc nội xâm như: tình trạng suy thoái tư tưởng, đạo đức, lối sống, tham nhũng, quan liêu, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên đang làm phương hại đến niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

Từ thực tiễn cách mạng nước ta hơn 90 năm qua, từ những thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta kể từ khi có Đảng đã cho thấy rằng: tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh luôn là chỉ dẫn quý báu giúp toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức. Đầu mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một nội dung lớn, quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện của nhiệm kỳ Đại hội XII; và xây dựng Đảng về đạo đức trở thành phương châm quan trọng để ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái tư tưởng, đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng, “lợi ích nhóm”, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Điều này đang được Đảng ta thực hiện quyết liệt, được đồng đảo nhân dân

tin tưởng, đồng tình, ủng hộ, nhất là trong bối cảnh toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đang tiến hành tổ chức đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Được tiến hành vào thời điểm đất nước trải qua 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong đó có 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020¹, Đại hội lần thứ XIII của Đảng ta là dấu mốc quan trọng, có ý nghĩa định hướng tương lai, mang khát vọng và tầm nhìn đưa nước ta trở thành một nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI. Trước vận hội mới, cơ đồ mới của đất nước và dân tộc, chúng ta càng thấm nhuần sâu sắc những di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc vận dụng phương châm “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, về cách học tập “tinh thần xử trí mọi việc”, quán triệt sâu sắc “chân lý phổ biến” của chủ nghĩa Mác - Lênin; bám sát nguyên tắc: kế thừa và phát triển, kiên định và đổi mới, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn, không ngừng hoàn thiện đường lối đổi mới, đáp ứng đòi hỏi khách quan của đất nước, phù hợp với xu thế của thời đại.

Mỗi cán bộ, đảng viên càng thấm nhuần lời căn dặn của Người về: “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, “huấn luyện

1. Tổng Bí thư Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng: “Một số vấn đề cần được đặc biệt quan tâm trong công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội XIII của Đảng”, Báo Nhân Dân, số ra ngày 27/4/2020.

cán bộ là công việc gốc của Đảng” gắn liền với vận mệnh của Đảng, sự tồn vong của chế độ và sự phát triển của đất nước; về yêu cầu “nâng cao đạo đức cách mạng”, trách nhiệm tự rèn luyện, tu dưỡng bản thân, nêu gương sáng trước quần chúng nhân dân; về xây dựng một đảng cầm quyền liêm chính, trong sạch, vững mạnh, trí tuệ và bản lĩnh ngang tầm nhiệm vụ mà Tổ quốc và nhân dân giao phó; về bài học “lấy dân là gốc”, nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, đem tài dân, sức dân để làm lợi cho dân; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, kết hợp sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc với sức mạnh thời đại trong sự nghiệp cách mạng.

“Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta”¹. Vững vàng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định đường lối đổi mới của Đảng, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đoàn kết một lòng, với quyết tâm và khát vọng làm nên kỳ tích phát triển Việt Nam, nhất định chúng ta sẽ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, sánh vai với các cường quốc năm châu như sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh hàng mong muốn.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.627.

**TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM,
TƯ TƯỞNG CAYXỎN PHÔMVIHǎN
VỚI CÁCH MẠNG LÀO***

Những chặng đường vinh quang, những thành tựu to lớn mà cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào đã đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương trước đây, của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào ngày nay gắn liền với cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Cayxỏn Phômvihǎn. Hai vị lãnh tụ không chỉ để lại cho hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt Nam, Lào một sự nghiệp vĩ đại mà còn để lại di sản tinh thần vô giá, đó là tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng Cayxỏn Phômvihǎn và tấm gương sáng ngời về đạo đức và phong cách.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa kiệt xuất Việt Nam, vị lãnh tụ thiên tài, người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, đã

* Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo khoa học quốc tế “Tư tưởng Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam, tư tưởng Cayxỏn Phômvihǎn với cách mạng Lào” tổ chức ngày 30/8/2017 tại Thủ đô Viêng Chăn (Lào); bài đăng trên Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 9/2017; Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 322, tháng 9/2017; có chỉnh sửa.

cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc, hạnh phúc của nhân dân Việt Nam và quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào.

Với 79 mùa Xuân, Hồ Chí Minh đã sống một “cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ hy sinh, vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ”. Người là hiện thân của sự kết tinh truyền thống văn hóa tốt đẹp hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam và tinh hoa văn hóa thế giới; là hiện thân của ý chí và khát vọng vươn tới độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc. Hồ Chí Minh đã trở thành vĩ nhân của thời đại chúng ta bởi vai trò thúc đẩy của Người đối với sự phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam và đóng góp vào tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại, trong đó có sự phát triển thắng lợi của cách mạng Lào.

Cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nổi của đồng chí Cayxòn Phômvihản - nguyên Tổng Bí thư, Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào “gắn liền với lịch sử đấu tranh lâu dài, gian khổ nhưng đầy vẻ vang của nhân dân các bộ tộc Lào, đưa nước Lào tiến lên con đường dân chủ nhân dân, xây dựng và bảo vệ nước Lào hòa bình, độc lập và phồn vinh”¹.

Từ khi tham gia cách mạng cho đến khi trở thành người đứng đầu Đảng, Chính phủ và Nhà nước Lào, đồng chí Cayxòn Phômvihản đã cống hiến toàn bộ tài năng, trí lực của mình cho sự nghiệp cách mạng Lào, cùng toàn Đảng, toàn

1. Dẫn theo báo *Nhân dân*, số ra ngày 23/11/1992, tr.1.

dân vượt qua mọi thử thách, khó khăn, giành những thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp đấu tranh của nhân dân các bộ tộc Lào trước đây, cũng như trong sự nghiệp đổi mới của đất nước Lào ngày nay.

Lịch sử cách mạng Lào, lịch sử Đảng Nhân dân cách mạng Lào mãi khắc ghi và khẳng định, đồng chí Cayxòn Phômvihǎn là một nhà lãnh đạo tài năng và đức độ, vị lãnh tụ kính yêu của Đảng và nhân dân các bộ tộc Lào; người bạn gần gũi, chí thiết của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam.

Thời gian càng lùi xa, thế giới có nhiều đổi thay, nhưng tầm vóc, giá trị và sự tỏa sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam và tư tưởng Cayxòn Phômvihǎn với cách mạng Lào, cùng sự nghiệp và tấm gương ngời sáng của hai vị lãnh tụ kính yêu của chúng ta là không hề thay đổi. Di sản tư tưởng Hồ Chí Minh và di sản tư tưởng Cayxòn Phômvihǎn mãi mãi soi đường cho hai dân tộc Việt Nam và Lào đi đến tương lai tươi sáng.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh và tư tưởng Cayxòn Phômvihǎn đều là sự bắt nguồn từ truyền thống văn hóa của mỗi dân tộc, kết tụ tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại. Hai quốc gia - dân tộc Việt Nam và Lào có nhiều điểm tương đồng về lịch sử, văn hóa, điều kiện tự nhiên; hai dân tộc có chung mục tiêu song trùng là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đều có chung sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương trước đây, sau này là Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Do vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh và tư tưởng Cayxòn Phômvihǎn có nhiều điểm tương đồng và hình thành, phát

triển trên mảnh đất hiện thực hai nước và đơm hoa kết trái thành thăng lợi lịch sử ở mỗi nước.

Tư tưởng Hồ Chí Minh và tư tưởng Cayxὸn Phômvihǎn chính là sự kết hợp và vận dụng sáng tạo học thuyết cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, gắn với phong trào yêu nước và cách mạng của nhân dân hai nước, phù hợp với bối cảnh thời đại và thực tiễn lịch sử của mỗi nước trong việc giải quyết thành công những vấn đề căn bản của cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào, nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện, sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Trong khi tập trung giải quyết những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều vấn đề quan trọng, đặc biệt là lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội ở các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Đặc trưng của tư tưởng Hồ Chí Minh là luôn thống nhất lý luận với thực tiễn; thống nhất giữa đạo đức và phong cách. Đó là quan điểm và tấm gương về tuyệt đối trung thành, kiên định lý tưởng cách mạng, đặt lợi ích của Đảng, của đất nước, dân tộc lên trên tất cả; hết lòng, hết sức phục vụ Tổ quốc, phụng sự nhân dân, tận trung với nước, tận hiếu với dân; hết lòng yêu

thương đồng bào, đồng chí, yêu thương con người; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, thật sự là công bộc của nhân dân, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân. Phong cách Hồ Chí Minh phản ánh những giá trị cốt lõi trong tư tưởng, đạo đức của Người và được thể hiện vô cùng sinh động, tự nhiên, độc đáo, có sức thu hút, cảm hóa kỳ diệu trong hoạt động, ứng xử hằng ngày. Đó là phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, luôn gắn chặt lý luận với thực tiễn; phong cách làm việc dân chủ, khoa học; phong cách ứng xử văn hóa, tinh tế, đầy tính nhân văn, thấm đậm tinh thần yêu dân, trọng dân, vì dân; phong cách nói đi đôi với làm, đi vào lòng người; phong cách sống thanh cao, trong sạch, giản dị; phong cách quần chúng, dân chủ, tự mình nêu gương sáng về đạo đức cách mạng.

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục giương cao ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh; khẳng định, cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam. Đây là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tư tưởng của Người mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam giành thắng lợi.

Đối với cách mạng Lào, Chủ tịch Cayxòn Phômvihǎn đã để lại cho Đảng, Nhà nước và nhân dân các bộ tộc Lào di sản hết sức quý giá, to lớn, sâu sắc và toàn diện. Đó là tư tưởng Cayxòn Phômvihǎn.

Tư tưởng Cayxòn Phômvihǎn là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào trong điều kiện cụ thể của đất nước Lào, kế thừa và phát triển các giá

trí truyền thống tốt đẹp của các bộ tộc Lào, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là những quan điểm sáng tạo về đường lối và phương pháp cách mạng, về chiến lược và sách lược cách mạng, về tập hợp và tổ chức lực lượng cách mạng, về chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao, văn hóa, đạo đức, nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Đồng chí Cayxòn Phômvihǎn đã giải quyết đúng đắn, sáng tạo và thành công các vấn đề trọng yếu của cách mạng Lào: xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng; xây dựng khôi đại đoàn kết toàn dân tộc; lãnh đạo nhân dân các bộ tộc Lào đấu tranh giành độc lập dân tộc thắng lợi; xây dựng nền dân chủ nhân dân; hoạch định đường lối đổi mới, phát triển hiện nay của đất nước Lào theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Những người cộng sản và nhân dân các bộ tộc Lào có thể tìm thấy tính cách mạng và sáng tạo của tư tưởng Cayxòn Phômvihǎn trên nhiều vấn đề, trước hết thể hiện trong việc xác định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng ngày càng phát triển và tôi luyện họ trong lò lửa đấu tranh; ra sức phát triển và củng cố Đảng ngày càng vững mạnh, bảo vệ và tăng cường đoàn kết nội bộ để Đảng đủ khả năng làm tròn sứ mệnh lịch sử mà Tổ quốc và nhân dân Lào đã giao phó. Đây là một cống hiến nổi bật của đồng chí Cayxòn Phômvihǎn đối với sự vận dụng và phát triển sáng tạo học thuyết Mác - Lê nin về Đảng Cộng sản ở Lào.

Đó là quan điểm về vai trò, vị trí của quần chúng nhân dân, coi nhân dân là nhân tố tạo nên thắng lợi của cách

mạng. Đảng phải ra sức tập hợp, tổ chức, huy động được sức mạnh vĩ đại của quần chúng nhân dân trong sự nghiệp cách mạng. Tư tưởng Cayxòn Phômvihǎn còn biểu hiện sống động trong đường lối, chính sách, phương pháp lãnh đạo tổ chức xây dựng lực lượng cho cách mạng Lào và liên minh chiến đấu Lào - Việt cũng như xây dựng tình đoàn kết quốc tế.

Bước vào sự nghiệp đổi mới đất nước, đồng chí Cayxòn Phômvihǎn đã nêu lên hệ quan điểm đổi mới đồng bộ, toàn diện, có nguyên tắc, từng bước vững chắc, không nóng vội, chủ quan, dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ, hợp tác quốc tế. Điều đó cho thấy, tư tưởng Cayxòn Phômvihǎn rất sống động, luôn đồng hành và phát triển cùng với tiến trình lịch sử của cách mạng Lào. Vì vậy, trong thời kỳ đổi mới, Đảng Nhân dân cách mạng Lào nhấn mạnh: “kiên định và kiên quyết thực hiện đường lối đổi mới toàn diện có tính nguyên tắc do Chủ tịch Cayxòn Phômvihǎn đề xướng trở thành hiện thực, tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống dân chủ nhân dân nhằm đạt tới mục tiêu xây dựng nước Lào hòa bình, độc lập, dân chủ, thống nhất và thịnh vượng”¹; khẳng định tư tưởng Cayxòn Phômvihǎn là một bộ phận cấu thành nền tảng tư tưởng của Đảng và cách mạng Lào, vẫn luôn là ngọn cờ dẫn dắt, soi đường, kim chỉ nam cho cách mạng Lào vượt qua mọi khó khăn, thử thách, giành những thắng lợi mới.

2. Thực tiễn thắng lợi của cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào đã kiểm nghiệm và xác nhận, tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Dẫn theo báo *Nhân dân*, số ra ngày 23/11/1992, tr.1.

và tư tưởng Cayxòn Phômvihǎn đã thật sự trở thành nguồn sống và sức mạnh cho hai Đảng, hai dân tộc chúng ta, tiếp tục dẫn dắt tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào trên hành trình xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở mỗi nước.

Hiện nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào, hai nước đang tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới toàn diện và tích cực, chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng ở từng nước. Sự nghiệp đổi mới của mỗi nước đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Nhân dân cách mạng Lào, hai nước đều khẳng định tiếp tục kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; quyết tâm tiếp tục đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ công cuộc đổi mới.

Tiến trình đổi mới, mở cửa và hội nhập quốc tế của mỗi nước diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp. Hai nước đang đứng trước nhiều vận hội phát triển song cũng phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức mới. Sự nghiệp đổi mới, xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh hiện nay là một sự nghiệp vĩ vang song cũng vô cùng khó khăn, phức tạp và lâu dài. Sự nghiệp đó đòi hỏi hai Đảng và nhân dân hai nước phải kiên định mục tiêu, con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Cayxòn Phômvihǎn cùng Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã lựa chọn, được thực tiễn lịch sử phong phú hai nước kiểm nghiệm là đúng đắn, hợp quy luật;

đồng thời phải có một quyết tâm chính trị rất cao và phải rất sáng tạo trong cả tư duy và hành động.

Trong bối cảnh mới, hai Đảng đều khẳng định tầm vóc, giá trị khoa học, cách mạng của di sản tư tưởng Hồ Chí Minh và tư tưởng Cayxòn Phômvihǎn, tiếp tục giương cao ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh và Cayxòn Phômvihǎn, đều tìm thấy tư tưởng đổi mới và phát triển trong di sản tư tưởng của hai vị lãnh tụ kính yêu để vận dụng sáng tạo vào việc giải quyết những vấn đề quan trọng, bức thiết của cách mạng mỗi nước.

Đối với cách mạng Việt Nam, sự nghiệp đổi mới càng đi vào chiều sâu, những biến chuyển trên thế giới ngày càng nhanh chóng, phức tạp và khó lường, các vấn đề mới đặt ra ngày càng nhiều, to lớn và bức thiết, đòi hỏi cần phải được giải đáp, thì việc tiếp tục nghiên cứu, vận dụng, bảo vệ và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu thực tiễn của đất nước càng trở thành nhiệm vụ quan trọng, cấp bách trong công tác tư tưởng, lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam. Việc tiếp tục đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chính là nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết đó.

Đối với cách mạng Lào, trong tình hình hiện nay, để thực hiện thắng lợi mục tiêu của sự nghiệp đổi mới, một yêu cầu quan trọng và cấp thiết đặt ra là phải coi trọng nghiên cứu lý luận gắn với tổng kết thực tiễn, đi sâu nghiên cứu về Chủ tịch Cayxòn Phômvihǎn trên bình diện nhà tư tưởng, lý luận. Vì vậy, việc nghiên cứu tư tưởng Cayxòn Phômvihǎn cần được tiến hành trên cơ sở khoa học, nhằm làm sáng rõ hơn nữa cả cơ sở lý luận và thực tiễn, cả nghiên cứu lý thuyết và

nghiên cứu ứng dụng vào đời sống đất nước Lào hiện nay, tương xứng với tâm vóc của tư tưởng Cayxòn Phômvihǎn.

3. Việt Nam và Lào là hai nước láng giềng gần gũi, núi sông liền một dải, cùng uống chung dòng nước Mêkông, cùng tựa lưng vào dãy Trường Sơn hùng vĩ, nhân dân hai nước vốn có mối quan hệ truyền thống, thủy chung, gắn bó lâu đời. Quan hệ hữu nghị Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam là quan hệ đặc biệt, do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Cayxòn Phômvihǎn kiến tạo, được các thế hệ lãnh đạo hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước dày công vun đắp, đem lại độc lập, tự do, hòa bình, ấm no, hạnh phúc cho hai dân tộc. Đó là mối quan hệ thể hiện những ước vọng tha thiết của nhân dân hai nước là đoàn kết, giúp nhau chống kẻ thù chung; xây dựng quan hệ bình đẳng, tự chủ, hữu nghị, hợp tác cùng có lợi giữa hai quốc gia; đó là mối quan hệ hợp tác toàn diện, bền vững mang tính xuyên suốt các giai đoạn lịch sử, các chặng đường trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc trước đây và sự nghiệp đổi mới, xây dựng đất nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội hiện nay. Trong trái tim của mỗi người Việt Nam và Lào hôm nay và mai sau mãi mãi khắc sâu lời khẳng định của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Việt - Lào hai nước chúng ta, tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long” và lời nói của Chủ tịch Cayxòn Phômvihǎn: mối quan hệ Việt - Lào “mãi mãi vững bền hơn núi, hơn sông”.

Thực tiễn lịch sử đã minh chứng, sự nghiệp cách mạng của hai Đảng, hai dân tộc Việt Nam và Lào gắn liền và ảnh hưởng lẫn nhau. Cách mạng Lào không thể tách rời sự phối hợp, giúp đỡ của cách mạng Việt Nam và cách mạng Việt Nam

cũng không thể tách rời sự phối hợp, ủng hộ của cách mạng Lào. Vốn cùng một gốc là Đảng Cộng sản Đông Dương, rồi phát triển thành Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào, trong điều kiện cụ thể của mỗi nước, hai Đảng đã đảm đương xuất sắc vai trò lãnh đạo cách mạng hai nước và xác lập quan hệ đặc biệt. Đồng chí Lê Duẩn và đồng chí Cayxòn Phômvihǎn đã từng chia sẻ: “Hai Đảng chúng ta rất thực tình với nhau, chúng ta hiểu nhau, có gì nói hết, nói với nhau như trong một nhà. Đây là điều rất đáng mừng. Trên thế giới ít có những đảng hiểu nhau sâu sắc, đoàn kết với nhau chặt chẽ, ruột thịt như hai Đảng của chúng ta. Có thể nói đây là một mẫu mực trong quan hệ giữa các đảng anh em”¹. Mỗi quan hệ đó ngày càng mở rộng, phát triển và được nâng lên về chất.

Hiện thực lịch sử khách quan đó càng làm sáng tỏ giá trị cao quý của tư tưởng Hồ Chí Minh và tư tưởng Cayxòn Phômvihǎn, cũng như vai trò lãnh đạo của hai Đảng trong việc xây dựng, củng cố quan hệ đặc biệt giữa hai nước, hai dân tộc. Những bài học lịch sử của mối quan hệ mẫu mực ấy vẫn còn nguyên giá trị, mãi mãi là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong tiến trình phát triển của mối quan hệ giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước. Đồng thời, càng cho thấy rõ yêu cầu nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng

1. Trích lược một số ý kiến phát biểu của anh Bảy (đồng chí Cayxòn Phômvihǎn) và anh Ba (đồng chí Lê Duẩn) tại cuộc hội đàm giữa hai Trung ương Đảng, 1971. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Lào là nhiệm vụ then chốt đõi với sự phát triển quan hệ đặc biệt phù hợp bối cảnh mới của thời đại và của hai dân tộc chúng ta. Việc bảo vệ, giữ gìn và phát triển mối quan hệ đoàn kết đặc biệt, có ý nghĩa sống còn này không chỉ là bảo vệ một trong những thành quả cách mạng vô cùng quan trọng, mà còn là trách nhiệm chung của hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước, nhất là thế hệ trẻ trước lịch sử của hai dân tộc.

Tư tưởng và sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tư tưởng và sự nghiệp cách mạng cao cả của Chủ tịch Cayxòn Phômvihǎn là những công hiến to lớn vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người Việt Nam và Lào. Chúng ta nguyện học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Cayxòn Phômvihǎn; kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp mà hai vị lãnh tụ đã để lại; tiếp tục làm cho di sản tư tưởng đó thấm sâu và thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội Việt Nam và Lào, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, phát triển của mỗi nước trên con đường đi tới giàu mạnh, phồn vinh.

SỬA ĐỔI LỐI LÀM VIỆC - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN*

Tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* được Chủ tịch Hồ Chí Minh viết và hoàn thành vào tháng 10/1947. Đây là lúc tình hình đất nước và công tác xây dựng Đảng đang đặt ra những yêu cầu mới.

Năm 1947, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bước sang năm thứ hai với bao khó khăn, thách thức. Trước kẻ địch mạnh hơn, để bảo vệ nền độc lập dân tộc và chính quyền cách mạng non trẻ, giữ vững quyền làm chủ, tự do và hạnh phúc của nhân dân, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định phải dựa vào sức mạnh nội sinh của toàn dân tộc, phát huy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, sự ưu việt của chế độ mới. Muốn vậy, phải đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng Đảng toàn diện, làm cho Đảng thực sự xứng tầm là Đảng cầm quyền, thực sự

* Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo khoa học “Sửa đổi lối làm việc - Nhữngh vấn đề lý luận và thực tiễn” tổ chức ngày 18/10/2017 tại Hà Nội; bài đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh, số 4, năm 2017; in trong cuốn sách: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương: *Sửa đổi lối làm việc - Nhữngh vấn đề lý luận và thực tiễn* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp Quốc gia) (xuất bản lần thứ hai), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018; có chỉnh sửa.

tiêu biểu cho trí tuệ, lương tâm và phẩm giá dân tộc, đảm trách lãnh đạo sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc đi đến thắng lợi cuối cùng.

Trong khi đó, hai năm sau ngày Cách mạng Tháng Tám thắng lợi và Đảng trở thành Đảng cầm quyền, lãnh đạo mọi mặt đời sống xã hội, đã xuất hiện những khuyết điểm trong hoạt động lãnh đạo của Đảng, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, gây nên những trở lực đối với cách mạng.

Nhận thức sâu sắc tình hình trên, dù hết sức bận rộn và phải dành nhiều tâm lực, trí lực chỉ đạo cuộc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh, với bút danh X.Y.Z., đã viết tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* làm tài liệu cho tổ chức đảng các cấp và các cán bộ, đảng viên học tập, rèn luyện, tu dưỡng. Tác phẩm gồm sáu phần lớn, đề cập việc sửa chữa, đổi mới công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trên tất cả các mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, nhằm sửa chữa các khuyết điểm, phát huy những ưu điểm. Đây là tác phẩm đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp đặt vấn đề và trình bày một cách hệ thống tư tưởng đổi mới về xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền. Từ khi ra đời, *Sửa đổi lối làm việc* đã thực sự trở thành cuốn cẩm nang hết sức bổ ích, thiết thực, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

1. Sửa đổi lối làm việc với vấn đề ngăn chặn, đẩy lùi những sai lầm, khuyết điểm trong Đảng

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, nhận diện và phòng, chống nguy cơ suy thoái của Đảng cầm quyền là yêu

cầu khát quan của sự nghiệp cách mạng, quy luật tồn tại và phát triển của một đảng. Đó vừa là nhiệm vụ cấp bách, trước mắt, vừa là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài để Đảng luôn giữ được bản chất của một đảng chân chính cách mạng, hoàn thành sứ mệnh vẻ vang và to lớn mà dân tộc đã trao cho.

Tiếp nối tinh thần nổi bật trong các bức thư, bài nói, bài viết sau ngày nước nhà giành được độc lập, *Sửa đổi lối làm việc thằng thắn* chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm từ khi Đảng trở thành Đảng cầm quyền. Những khuyết điểm đó có nhiều loại. Từ tổng kết thực tiễn lãnh đạo của Đảng, Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, có thể chia các khuyết điểm thành ba hạng: *thứ nhất*, “Khuyết điểm về tư tưởng, tức là bệnh *chủ quan*”¹; *thứ hai*, “Khuyết điểm về sự quan hệ trong Đảng với ngoài Đảng, tức là bệnh *hép hòi*”²; *thứ ba*, “Khuyết điểm về cách nói và cách viết, tức là *ba hoa*”³. Ba khuyết điểm chủ yếu này được biểu hiện thành hàng chục loại khuyết điểm, như: lý luận suông, ích kỷ, nể nang, tham lam, lười biếng, kiêu ngạo, hiếu danh, thiếu kỷ luật, óc hép hòi, hữu danh vô thực, kéo bè kéo cánh, bệnh cận thị, bệnh xu nịnh a dua, báo cáo lông bông, lụp chụp cầu thả, theo sáo cũ, hay nói chử..., trong đó, đặc biệt là bệnh chủ nghĩa cá nhân - “một thứ vi trùng rất độc, do nó mà sinh ra các thứ bệnh rất nguy hiểm”⁴. Người khẳng định: “... một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5, tr.273, 273, 273, 295.

Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”¹.

Vì vậy, Người nhán mạnh: “PHẢI SỬA ĐỔI LỐI LÀM VIỆC CỦA ĐẢNG”². Đây chính là cách thức tốt nhất để phòng, chống nguy cơ suy thoái của Đảng khi trở thành Đảng cầm quyền. Bởi lẽ, những khuyết điểm, sai lầm đó là *kẻ địch bên trong*, còn nguy hiểm hơn *kẻ địch bên ngoài* và câu kết cùng *kẻ địch bên ngoài* để chống phá cách mạng. Mặt khác, nếu các tổ chức đảng và các cán bộ, đảng viên không kiên quyết sửa chữa khuyết điểm, thì cũng như người *giấu giếm tật bệnh trong mình*, không dám uống thuốc, để bệnh ngày càng nặng thêm, làm nguy hiểm đến tính mệnh.

2. Sửa đổi lối làm việc - Bài học tăng cường công tác tư tưởng, lý luận của Đảng

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi trọng công tác tư tưởng, lý luận. Những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, công tác tư tưởng, lý luận thực sự là một mặt trận nóng bỏng nhằm đấu tranh chống những thói hư, tật xấu trong Đảng, chống âm mưu phá hoại của kẻ địch trên lĩnh vực tư tưởng, đồng thời nghiên cứu cách thức hữu hiệu đưa

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.301, 272.

cuộc kháng chiến, kiến quốc nhanh đi đến thắng lợi và khẳng định tính tất thắng của công cuộc đó.

Sửa đổi lối làm việc đã xốc lại đội ngũ cán bộ, đảng viên, thống nhất nhận thức trong toàn Đảng về sửa chữa các sai lầm, khuyết điểm, trước hết là khuyết điểm về tư tưởng, đồng thời phát huy các ưu điểm để Đảng ngày càng phát triển mạnh mẽ, sự nghiệp cách mạng ngày càng thành công. Tác phẩm cũng nhắc nhở phải tránh tình trạng có những cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân vì không được góp ý cho cấp trên nên sinh ra “uất ức, chán nản”, rồi sinh ra thói “không nói trước mặt, chỉ nói sau lưng”, “trong Đảng im tiếng, ngoài Đảng nhiều mồm”, hoặc “thậm thà thậm thụt”¹. Mỗi cán bộ, đảng viên phải nhận rõ bất kỳ khi nào, bất kỳ việc gì, phải đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết và trước hết. Đồng thời, tác phẩm cũng nêu lên yêu cầu cần phải nhận rõ và đấu tranh chống bọn phản động phá hoại Đảng trên lĩnh vực tư tưởng.

Sửa đổi lối làm việc cũng phê phán căn bệnh *kém lý luận, khinh lý luận và lý luận suông* là nguyên nhân gây ra căn bệnh chủ quan, tức khuyết điểm về tư tưởng. Trên cơ sở quán triệt sâu sắc nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê nin về sự thống nhất biện chứng giữa lý luận và thực tiễn, tác phẩm đã có những định nghĩa kinh điển về lý luận, khẳng định lý luận như kim chỉ nam, chỉ phương hướng cho hoạt động thực tiễn của Đảng. Nếu không có lý luận dẫn đường,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.283.

sẽ dẫn đến tình trạng “lúng túng như nhấm mắt mà đi”¹. Nếu chỉ dừng lại chú trọng một vài kinh nghiệm trong quá trình hoạt động thực tiễn, coi thường lý luận thì “cũng như một mắt sáng, một mắt mờ”². Nếu học lý luận, biết lý luận, nhưng không áp dụng vào thực tiễn thì đó là *lý luận suông*, chỉ giống như “một cái hòm đựng sách”³. Vì vậy, cần phải nâng cao nhận thức tư tưởng, giáo dục lý luận khoa học cho cán bộ, đảng viên.

3. *Sửa đổi lối làm việc* - Những nguyên lý xây dựng Đảng về đạo đức

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ luôn quan tâm đến công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, mà còn đặc biệt chú trọng công tác xây dựng Đảng về đạo đức. Bởi, Người coi đạo đức là nền tảng, gốc rễ của một đảng chân chính cách mạng và của mỗi cán bộ, đảng viên. *Sửa đổi lối làm việc* là một trong những tác phẩm tiêu biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập vấn đề xây dựng Đảng về đạo đức. Nhấn mạnh vai trò của đạo đức cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi đó như nguồn của sông, gốc của cây. Người cán bộ cách mạng dù tài giỏi mấy, nhưng nếu không có đạo đức, cũng sẽ không lãnh đạo được nhân dân. Đó là một nền đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, khác hẳn về chất so với đạo đức cũ, “nó không phải vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người”⁴.

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.274, 274, 274, 292.

Nội dung xây dựng Đảng về đạo đức được Hồ Chí Minh đề cập trên cả hai phương diện: tổ chức đảng và cá nhân mỗi cán bộ, đảng viên. Với tư cách là một tổ chức, Đảng chỉ thực sự xứng đáng là một đảng chân chính cách mạng khi bảo đảm được các tiêu chí: đặt lợi ích của Tổ quốc, dân tộc lên trên hết; vừa gắn bó mật thiết với nhân dân, vừa chú trọng giáo dục, lãnh đạo và học hỏi nhân dân; thực hiện nghiêm túc phê bình và phê bình; loại bỏ những phần tử thoái hóa; thống nhất giữa nói và làm. Với mỗi cán bộ, đảng viên, tinh thần chung là phải thực hiện “chí công vô tư”, phải đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết. Đó là nguyên tắc cao nhất của Đảng. Đó là *tính đảng*.

4. Sửa đổi lối làm việc - Những chỉ dẫn vô cùng quý báu về công tác cán bộ của Đảng

Xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng, những “hạt giống đỏ” để làm nòng cốt trong phong trào cách mạng là điều luôn luôn được Hồ Chí Minh chú trọng trong suốt quá trình sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, với cách viết giản dị và những ví dụ sinh động, Người đã đặt ra và giải quyết một cách khoa học vấn đề công tác cán bộ của Đảng. Người khẳng định: “... cán bộ là cái gốc của mọi công việc”¹ và “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”².

Vì cán bộ có vai trò hết sức quan trọng như trên nên công tác cán bộ của Đảng cũng có vai trò vô cùng quan trọng.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.309, 280.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích sâu sắc và chỉ rõ các khâu của công tác cán bộ, gồm: lựa chọn cán bộ; huấn luyện một cách toàn diện cả về nghề nghiệp, chính trị, văn hóa, lý luận cho cán bộ; phải biết rõ (đánh giá đúng) cán bộ; cất nhắc cán bộ một cách cho đúng; khéo dùng cán bộ; phân phối cán bộ cho đúng; giúp cán bộ cho đúng; giữ gìn cán bộ,... Trong đó, huấn luyện cán bộ được xác định là “công việc gốc của Đảng”. Với tư duy biện chứng, Người cũng lưu ý phải phòng, tránh một số sai lầm, khuyết điểm thường gặp trong công tác cán bộ, trên tinh thần phải xuất phát từ công việc; từ phẩm chất đạo đức, năng lực thực tế của cán bộ; sự tin tưởng, yêu thương cán bộ. Đó là những khâu liên hoàn gắn bó mật thiết, tác động lẫn nhau trong một chỉnh thể thống nhất của công tác cán bộ, vừa thể hiện tính khoa học, toàn diện, vừa thẩm đượm tính nhân văn sâu sắc, nhằm xây dựng một đội ngũ cán bộ của Đảng bảo đảm vừa đủ về số lượng, vừa tốt về chất lượng.

5. Sửa đổi lối làm việc - Sự đổi mới toàn diện phương thức lãnh đạo của Đảng

Khi trở thành Đảng cầm quyền, phương thức lãnh đạo của Đảng có sự thay đổi căn bản. Từ một đảng phải hoạt động bí mật, Đảng trở thành người lãnh đạo toàn diện các lĩnh vực của đời sống xã hội thông qua các nội dung chủ yếu: lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát; bằng công tác cán bộ và hành động gương mẫu của đảng viên. Đổi

mới phương thức lãnh đạo của Đảng để Đảng thực sự đáp ứng vai trò của Đảng cầm quyền là tinh thần nổi bật trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* và được Hồ Chí Minh thể hiện tập trung ở phần V của tác phẩm. Người quan niệm *lãnh đạo đúng* là: 1) Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng, 2) Phải tổ chức sự thi hành cho đúng, 3) Phải tổ chức sự kiểm soát đúng¹.

Để quyết định đúng và tổ chức thi hành đúng, Hồ Chí Minh cho rằng phải xuống cơ sở nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân, bàn bạc với nhân dân, đúc kết thành đường lối, chính sách và tổ chức thực hiện. Người phê phán nghiêm khắc việc: “Đóng cửa lại mà đặt kế hoạch, viết chương trình rồi đưa ra cột vào cổ dân chúng, bắt dân chúng theo”². Từ sai lầm về đường lối, chính sách sẽ dẫn đến sai lầm ở tất cả các khâu tiếp theo của quy trình lãnh đạo.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh cũng hết sức coi trọng vai trò của công tác kiểm tra, giám sát. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Người nhấn mạnh phải “khéo kiểm soát”. Kiểm soát khéo, bao nhiêu khuyết điểm lòi ra hết, hơn nữa kiểm tra khéo về sau khuyết điểm nhất định bớt đi. Người chỉ ra rằng, qua kiểm soát như vậy mới biết rõ cán bộ và nhân viên tốt hay xấu; mới biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các cơ quan; và mới biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các mệnh lệnh và nghị quyết của Đảng, Nhà nước. Để công tác kiểm tra, giám sát đạt hiệu quả, Người nêu lên những yêu cầu về cách thức kiểm tra,

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.325.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.333.

giám sát và tiêu chuẩn người đảm nhiệm vai trò đi kiểm tra, giám sát.

Chú trọng đổi mới phuơng thức lãnh đạo của Đảng, Hồ Chí Minh cũng chỉ ra *hai cách thức lãnh đạo* căn bản giúp mang lại hiệu quả cao trong thực tiễn. Người tổng kết từ thực tiễn: “Bất kỳ công việc gì, cũng phải dùng hai cách lãnh đạo sau đây: một là liên hợp chính sách chung với sự chỉ đạo riêng. Hai là liên hợp người lãnh đạo với quần chúng”¹. Đó là sự kết hợp đúng đắn giữa đường lối, chính sách chung với tình hình cụ thể, giữa cái chung và cái riêng; giữa vai trò của cán bộ lãnh đạo và vai trò của quần chúng nhân dân.

6. Sửa đổi lối làm việc - Bài học về xây dựng phong cách công tác khoa học, dân chủ, quần chúng cho cán bộ, đảng viên

Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực về phong cách công tác khoa học, dân chủ, quần chúng. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Người chỉ ra những cách thức hiệu quả để các cán bộ, đảng viên sửa chữa sai lầm, khuyết điểm, đồng thời cũng nêu lên những cách làm việc, công tác một cách khoa học, mang lại kết quả cao nhất trong thực tế. Người viết: “... bất kỳ việc gì, chúng ta phải bắt đầu từ gốc, dần dần đến ngọn, từ ít đến nhiều, từ hẹp đến rộng, chớ nên tham mau, tham nhiều trong một lúc”².

Hồ Chí Minh cho rằng phong cách làm việc khoa học nhất, hiệu quả nhất chính là dân chủ, gắn bó mật thiết với

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.328, 282.

quần chúng. Khẳng định vai trò quyết định của nhân dân trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc cả trong hoạch định đường lối và trong tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, Người chỉ rõ: nhân dân là nền tảng lực lượng của Đảng, nhờ đó mà Đảng thắng lợi. Do vậy, Đảng phải giữ chặt mối liên hệ với dân chúng, luôn luôn lắng tai nghe ý kiến của dân chúng. Bởi lẽ “cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như đứng lơ lửng giữa trời, nhất định thất bại”¹.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm chỉ đạo phong cách làm việc của cán bộ, đảng viên là: “Tù trong quần chúng ra. Về sâu trong quần chúng”². Người cũng nêu rõ: phải học dân chúng, phải hỏi dân chúng, phải hiểu dân chúng, việc gì cũng bàn bạc với nhân dân, giải thích cho nhân dân, nhưng không theo đuôi nhân dân.

7. Sửa đổi lối làm việc với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng hơn 87 năm qua, Đảng ta luôn giữ vững bản lĩnh chính trị, bản chất cách mạng và khoa học; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, đưa cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Tuy nhiên, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay vẫn còn những hạn chế. Nổi bật nhất và bức xúc nhất hiện nay là tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đầy

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.326, 288.

lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực còn nghiêm trọng; nhiều tổ chức đảng, đảng viên còn hạn chế trong nhận thức, lơ là, mất cảnh giác, lúng túng trong nhận diện và đấu tranh, ngăn chặn “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; việc đấu tranh, phản bác những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, tổ chức phản động, phần tử cơ hội, bất mãn chính trị còn bị động, thiếu sắc bén và hiệu quả chưa cao. Những hạn chế, khuyết điểm này làm giảm sút vai trò lãnh đạo của Đảng; làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, nếu không ngăn chặn, đẩy lùi có thể trở thành một nguy cơ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ.

Thông qua tác phẩm *Sửa đổi lỗi làm việc*, có thể tìm thấy những vấn đề đặt ra và lời giải trong hoạt động lãnh đạo của Đảng, nhất là những bài học về xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền. Điều này không chỉ đặc biệt có ý nghĩa đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam 70 năm về trước, mà còn vô cùng quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng hiện nay và mai sau. Giá trị của tác phẩm là vĩnh hằng. Do đó, việc học tập và làm theo tác phẩm *Sửa đổi lỗi làm việc* của Hồ Chí Minh luôn cần thiết đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, để Đảng ngang tầm với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đồng bộ, toàn diện, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Ra đời cách đây 70 năm, tác phẩm *Sửa đổi lỗi làm việc* vẫn là một trong những văn kiện hết sức quan trọng, có tác dụng làm nền tảng tư tưởng, chỉ đạo công tác xây dựng,

chính đốn Đảng hiện nay. Nghiên cứu, quán triệt sâu sắc những chỉ dẫn quý báu của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tác phẩm sẽ góp phần thiết thực vào việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” và Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

“LỜI KÊU GỌI THI ĐUA ÁI QUỐC”
CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - GIÁ TRỊ LỊCH SỬ
VÀ Ý NGHĨA TO LỚN ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP
CÁCH MẠNG VIỆT NAM*

Vào giữa lúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta đứng trước muôn vàn khó khăn, gian khổ và cam go, ngày 11/6/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra *Lời kêu gọi thi đua ái quốc*, chính thức phát động phong trào thi đua yêu nước trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Với ngôn từ giản dị, dễ hiểu nhưng sâu sắc, lôi cuốn lòng người, *Lời kêu gọi thi đua ái quốc* đã trở thành lời hiệu triệu của non sông, có sức lan tỏa sâu rộng, khơi dậy tinh thần yêu nước của mọi người dân Việt Nam, hình thành nên phong trào thi đua yêu nước sôi nổi, góp phần đưa công cuộc “kháng chiến, kiến quốc” đi đến thắng lợi hoàn toàn.

* Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo khoa học “Lời kêu gọi thi đua ái quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Giá trị lý luận và thực tiễn đối với phong trào thi đua yêu nước hiện nay” tổ chức ngày 08/6/2018 tại Hà Nội; bài đăng trên Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 6/2018; có chỉnh sửa.

70 năm đã trôi qua nhưng âm hưởng của *Lời kêu gọi thi đua ái quốc* vẫn còn lay động, với tính thời sự sâu sắc, vẹn nguyên những giá trị đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

Thứ nhất, *Lời kêu gọi thi đua ái quốc là nét đặc sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh, thể hiện sự sáng tạo trong phương cách lãnh đạo của Đảng ta, nhằm khơi dậy sức mạnh vĩ đại của toàn dân tộc*

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”¹. Trải qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước, truyền thống quý báu đó được hun đúc, tôi luyện thành chủ nghĩa yêu nước cách mạng; là đạo lý, là giá trị và là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn cho rằng, chủ nghĩa yêu nước không nên chỉ là báu vật được cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Trách nhiệm của Đảng, Nhà nước ta là làm cho những báu vật đó được đưa ra trưng bày, nghĩa là “phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.7, tr.38.

thực hành vào công việc yêu nước...”¹. Bởi vậy, *yêu nước* trở thành mục tiêu, là động lực mạnh mẽ và lý tưởng nhân văn sâu sắc của thi đua: “*Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua. Và những người thi đua là những người yêu nước nhất*”².

Lời kêu gọi thi đua ái quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh hình thành từ đường lối kháng chiến *toàn dân, toàn diện* của Đảng ta, trên nền tảng mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Bằng bản lĩnh, trí tuệ và tầm nhìn xa, Người đã lấy chủ nghĩa yêu nước làm trọng tâm để xây dựng khối đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam, dù khác biệt về địa vị, dân tộc, tôn giáo, già, trẻ, gái, trai; dù ở trong nước hay ở nước ngoài. Người đã khơi dậy “... lực lượng vô tận của dân tộc ta, với lòng yêu nước và chí kiên quyết của nhân dân và quân đội ta”³, để phục vụ đắc lực cho công cuộc kháng chiến, kiến quốc với niềm tin sắt đá:

“*Người người thi đua,
Ngành ngành thi đua,
Ta nhất định thắng,
Địch nhất định thua*”⁴.

70 năm qua, phong châm *gắn thi đua với yêu nước* đã được thực hành, phát triển và nâng lên thành một nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh, trở thành một phong

1, 2, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.38-39, 407, 410.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.558.

thúc lanh đạo hết sức sáng tạo, độc đáo của Đảng ta, nhằm nhân sức mạnh tinh thần và vật chất vô cùng to lớn của dân tộc ta trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong phát biểu tại Lễ mít tinh kỷ niệm 70 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc đã khẳng định: “*Thi đua đã thực sự trở thành một động lực cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác*”¹.

Từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, vững vàng trên nền tảng tư tưởng của Đảng, chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện hệ thống lý luận về thi đua yêu nước, về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi đua yêu nước phù hợp với thực tiễn mới, khơi dậy mạnh mẽ hơn nữa chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của phong trào thi đua yêu nước trong thời kỳ đổi mới.

Thứ hai, Lời kêu gọi thi đua ái quốc khởi đầu cho phong trào yêu nước, là động lực xây dựng nhân cách con người Việt Nam trong thời kỳ đổi mới

Từ *Lời kêu gọi thi đua ái quốc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cả nước đã dấy lên các phong trào thi đua yêu nước sôi nổi. Lịch sử cách mạng Việt Nam qua hai cuộc kháng chiến

1. Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Lễ mít tinh kỷ niệm 70 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi thi đua ái quốc*, Hà Nội, ngày 03/6/2018.

giành độc lập và thống nhất cho Tổ quốc, qua thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và trên cả nước sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đã in đậm hình ảnh các phong trào thi đua trên khắp các mặt trận, từ tiền tuyến đến hậu phương, từ thành thị đến nông thôn, từ miền xuôi lên miền ngược; trên khắp các lĩnh vực; ở mọi tầng lớp nhân dân, các ngành, các cấp.

Nối tiếp truyền thống cách mạng vẻ vang đó, qua hơn 30 năm đổi mới, các phong trào thi đua yêu nước thiết thực, mang tinh thần đổi mới đã được phát động rộng khắp. Nhiều tấm gương tiêu biểu, điển hình tiên tiến, nhiều anh hùng lao động đã được vinh danh bởi sự cống hiến, sáng tạo trong lao động sản xuất, học tập và chiến đấu. Đây là những minh chứng rõ ràng nhất của “*tinh thần thi đua ái quốc*”, biểu hiện rõ ràng nhất cho nét đẹp của hệ giá trị văn hóa Việt Nam, cho giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Những điển hình tiên tiến xuất hiện trong các phong trào thi đua yêu nước không phải biểu hiện chỉ ở những thành tích cá nhân. Vượt lên chính bản thân mình, họ là những tấm gương “*vì nước, vì dân*” - phẩm chất ưu tú được hình thành từ sự giáo dục tư tưởng của Đảng, từ niềm tin vào lý tưởng cách mạng, từ sự giúp đỡ của tập thể, rèn luyện của công việc và chỉ bảo, dạy dỗ của nhân dân, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Có anh hùng là vì có tập thể anh hùng. Có tập thể anh hùng là vì có nhân dân anh hùng, dân tộc anh hùng, Đảng anh hùng”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.263.

Phong trào thi đua không phải chỉ cốt lấy thành tích, mang tính hình thức, mà phải tiến hành liên tục, lâu dài, hướng tới lợi ích thiết thực. Bởi vậy, "... công việc hàng ngày chính là nền tảng thi đua"¹, thi đua không nhất thiết phải đưa ra những mục tiêu to lớn, cao siêu, càng không phải là việc cao hứng nhất thời; thi đua chính là việc mỗi người nỗ lực làm tốt hơn công việc hằng ngày của chính mình.

Thi đua còn là một phương cách tốt để mọi người giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, để quần chúng nhân dân hăng hái tham gia vào đời sống thực tiễn, tô luyện và trưởng thành. Thi đua xã hội chủ nghĩa giúp cải tạo con người, nhằm xây dựng những nhân tố tiên tiến, nâng đỡ những người kém cỏi, làm cho mọi người giỏi hơn, tốt đẹp hơn. Như thế, "thi đua không phải là tranh đua" mà là việc "người đi trước hiểu biết, dẫn người đi sau, làm cho mọi người cùng tiến bộ"².

Thâm nhuần những tư tưởng đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta cần khẳng định, phong trào thi đua yêu nước là đường lối cách mạng đúng đắn nhằm huy động nguồn lực to lớn cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, do nhân dân Việt Nam thực hiện. *Lời kêu gọi thi đua ái quốc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh - với những chỉ dẫn soi đường để hành động vì mục tiêu: *diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm* trong thời kỳ kháng chiến, kiến quốc và hơn nữa là thực hiện ước của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.169.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr.479.

Người về: *dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc¹*, thôi thúc phong trào yêu nước của chúng ta vì khát vọng, tầm nhìn phát triển Việt Nam để được tiếp thêm sức mạnh và cảm hứng cho mọi sự đổi mới, sáng tạo và phát triển trong giai đoạn tới.

Thứ ba, Lời kêu gọi thi đua ái quốc là chỉ dẫn quý giá đối với phong trào thi đua yêu nước hiện nay

Trước hết, lực lượng và cách thức thi đua yêu nước phải dựa vào “lực lượng của dân, tinh thần của dân, để gây: hạnh phúc cho dân”², “làm cho mau, làm cho tốt, làm cho nhiều”³, làm cho phong trào thi đua yêu nước “ăn sâu, lan rộng khắp mọi mặt và mọi tầng lớp nhân dân”⁴; phải tập hợp lực lượng một cách rộng rãi, động viên, khuyến khích, lôi cuốn được mọi người cùng tự nguyện tham gia, đồng sức, đồng lòng phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ chính trị trên từng vị trí công tác. Với lời dạy đó, chúng ta càng ý thức được vai trò và sức mạnh của nhân dân đối với sự thành công của phong trào thi đua yêu nước trong thời kỳ đổi mới.

Hai là, phong trào thi đua yêu nước “phải cụ thể, phải kịp thời, phải thiết thực, phải có trọng điểm và nắm điển hình”⁵, bảo đảm tính thường xuyên, lâu dài và hiệu quả. Thi đua yêu nước phải xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể, kết hợp mục tiêu, lợi ích trước mắt với mục tiêu, lợi ích lâu dài. Thi đua ngắn ngày hay dài ngày, từng đợt hay nhiều đợt... đều

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.557, 556, 556, 557.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.213.

phải có sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả. Như vậy, việc phát động thi đua mới có ý nghĩa, mới tìm ra, cổ vũ và nêu gương những cá nhân tích cực, sáng tạo, những tập thể biết đoàn kết khắc phục khó khăn để trở thành điển hình tiên tiến. Cần nhân rộng những mô hình hay, những cách làm tốt, những tấm gương điển hình tiên tiến, như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: "... một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền"¹.

Ba là, tiếp tục tinh thần phê phán tư tưởng thi đua hình thức, khoa trương “phát” mà không “động”, hoặc lối làm ăn kiểu “đánh trống bỗ dùi”; “đầu voi đuôi chuột”, “nói thì hay mà làm thì dở”. Lãnh đạo các cấp, các ngành khi phát động thi đua phải tổ chức tuyên truyền, theo dõi, kiểm tra đôn đốc; tổng kết đánh giá và rút kinh nghiệm; kịp thời động viên, khen thưởng các cá nhân, tập thể đạt được nhiều thành tích, kỷ luật những người vi phạm, phê bình những người chưa hăng hái, hoặc coi thường thi đua, coi thi đua chỉ mang tính hình thức. Từ phong trào thi đua, phải chỉ ra được những cá nhân thiếu tích cực, yếu kém, những tập thể mất đoàn kết, làm ăn không có hiệu quả, để từ đó có giải pháp khắc phục.

Kỷ niệm 70 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi thi đua ái quốc* là dịp để chúng ta trở lại với những chỉ dẫn của Người nhằm chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua yêu nước và công tác thi đua, khen thưởng hiện nay. Chúng ta có sứ mệnh lan tỏa tinh thần thi đua yêu nước bằng những hành động thiết thực với việc tiếp

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.284.

tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; học tập và triển khai Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng, các nghị quyết, kết luận của Đảng được ban hành trong thời gian gần đây như các nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, về tổ chức bộ máy và về công tác cán bộ, góp phần tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA TÁC PHẨM *ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG* ĐỐI VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG HIỆN NAY*

Sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi, ở miền Bắc, nhân dân ta bắt đầu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, trở thành hậu phương lớn cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà. Ngay trong bối cảnh mới của sự nghiệp cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thấy những khó khăn, phức tạp của chặng đường trước mắt, nhất là những bất cập, hạn chế trong công tác cán bộ; nguy cơ suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống bắt nguồn từ chủ nghĩa cá nhân có thể gây phong trào hại to lớn cho sự nghiệp của Đảng, của dân tộc và nhân dân ta. Xuất phát từ thực tiễn ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm *Đạo đức cách mạng*. Tác phẩm đăng trên Tạp chí *Học tập* - tạp chí lý luận của Đảng (nay là *Tạp chí Công sản*), vào tháng 12/1958.

60 năm đã trôi qua, nhưng tác phẩm *Đạo đức cách mạng* của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn còn vẹn nguyên giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, tiếp tục mang tính thời sự, có ý nghĩa

* Bài đăng trên Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 1/2019; có chỉnh sửa.

giáo dục to lớn, chỉ đạo cho công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và trở thành phương châm hành động, tu dưỡng, rèn luyện của mỗi cán bộ, đảng viên hôm nay.

1. Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân - dòng chảy xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức của cán bộ, đảng viên và công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Suốt cuộc đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến công tác giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng cho những người yêu nước, cán bộ, đảng viên, thanh niên và cho quần chúng nhân dân¹. Hầu như bài nói, bài viết nào của Người cũng đều đề cập đến vấn đề đạo đức cách mạng. Trong bản *Di chúc* để lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta trước lúc ra đi, Người vẫn luôn đau đớn dặn dò: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người dày tớ thật trung thành của nhân dân”².

Chủ tịch Hồ Chí Minh thấu hiểu những điểm mạnh, điểm yếu của xã hội Việt Nam. Người nhận ra rằng, sự nghiệp cách mạng Việt Nam phải bắt đầu từ việc “làm cho

1. Xem Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh quá khứ, hiện tại, tương lai*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.31.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr.622.

dân giác ngộ”¹; phải giáo dục đạo đức cách mạng và xây dựng được những con người cách mạng chân chính. Đây là nguồn cội để khơi dậy chủ nghĩa yêu nước, sức mạnh của toàn dân tộc và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Đạo đức cách mạng là nền tảng để kiên định giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, làm nên giá trị cao quý của một chính Đảng kiều mới, là trí tuệ, “là đạo đức, là văn minh”².

Ngay phần mở đầu của tác phẩm *Đường Cách mệnh*, in năm 1927, cuốn giáo trình đầu tiên để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam, Người đã viết về *Tư cách một người cách mệnh*. Đó là những phẩm chất, yêu cầu đối với người tự nguyện đi theo con đường cứu nước, cứu dân, giải phóng dân tộc, tin tưởng và đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin. Cùng với lý luận cách mạng tiền phong soi đường, đảng cách mạng tiền phong trước tiên cần những con người cách mạng để có thể gánh vác được trách nhiệm cách mạng tiền phong. Điều này tiếp tục được Người làm rõ hơn, nhấn mạnh hơn, nhắc lại nhiều lần ở những tác phẩm: *Sửa đổi lối làm việc*, *Đời sống mới*, *Thi đua ái quốc*, *Dân vận*, v.v. và được đúc kết một cách có hệ thống trong tác phẩm *Đạo đức cách mạng* và tác phẩm cuối cùng của Người về xây dựng Đảng với tiêu đề *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, công bố ngày 03/02/1969.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.288.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.403.

Trong tác phẩm *Đạo đức cách mạng*, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”¹.

Phẩm chất đạo đức cách mạng, *đầu tiên* phải là “Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng”; đây là “điều chủ chốt nhất”, “tiêu chuẩn số một” của người cách mạng². Khi đã tự nguyện đứng trong hàng ngũ của Đảng, mỗi đảng viên phải nhận thức rõ trách nhiệm của bản thân là tự nguyện cống hiến, tự nguyện hy sinh, quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng; tuyệt đối trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng và của dân tộc.

Hai là, phải “Ra sức làm việc cho Đảng, giữ vững kỷ luật của Đảng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng”³. Quyết tâm làm việc, đấu tranh cho Đảng phải được thể hiện bằng những hành động cụ thể, mang lại kết quả cụ thể trong thực tế, giúp hiện thực hóa mục tiêu, lý tưởng của Đảng; đồng thời giúp Đảng không ngừng được xây dựng trong sạch, vững mạnh, hoàn thành sứ mệnh lịch sử mà nhân dân giao phó.

Ba là, phải “Đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc”⁴. Đảng không

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.601, 603, 603, 603.

có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của nhân dân, của dân tộc. Lợi ích của mỗi cán bộ, đảng viên nằm trong và tuyệt đối phục tùng lợi ích chung của Đảng, của dân tộc. Cán bộ, đảng viên phải là những tấm gương sáng trong phụng sự Đảng, phục vụ nhân dân. Nhận thức sâu sắc về tác dụng to lớn của việc giáo dục nêu gương, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: trong Đảng, nhiều đồng chí đã “... vì dân, vì Đảng mà oanh liệt hy sinh, đã nêu gương chói lọi của đạo đức cách mạng chí công vô tư cho tất cả chúng ta học tập”¹.

Bốn là, “Ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác của mình và cùng đồng chí mình tiến bộ”². Người chỉ ra rằng: “Có học tập lý luận Mác - Lênin mới củng cố được đạo đức cách mạng, giữ vững lập trường, nâng cao sự hiểu biết và trình độ chính trị, mới làm được tốt công tác Đảng giao phó cho mình”³. Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học tập “tinh thần xử trí mọi việc”, là học tập những “chân lý phổ biến” của chủ nghĩa Mác - Lênin, học để mà làm, lý luận đi đôi với thực tiễn; tránh học tập một cách máy móc, giáo điều, hoặc học để làm trang sức.

Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm, *muốn nâng cao đạo đức cách mạng, trước hết phải quét sạch chủ nghĩa cá nhân*⁴. Chủ nghĩa cá nhân chính là vết tích xấu nhất, nguy hiểm nhất của xã hội cũ, “là một thứ rất gian giảo, xảo quyệt; nó khéo dỗ dành người ta đi xuống dốc”⁵; “bất kỳ việc gì cũng

1, 2, 3, 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.602, 603, 611, 602.

4. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.546-548.

xuất phát từ lòng tham muốn danh lợi, địa vị cho cá nhân mình, chứ không nghĩ đến lợi ích của giai cấp, của nhân dân”¹. Bản chất chủ nghĩa cá nhân là “trái ngược với chủ nghĩa tập thể”, “trái ngược với đạo đức cách mạng”, “là một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội”².

Chủ nghĩa cá nhân có những biểu hiện rất đa dạng, như: yêu cầu hưởng thụ, nghỉ ngơi, muốn lựa chọn công tác theo ý mình, không muốn làm công tác mà đoàn thể giao phó; muốn địa vị cao, nhưng lại sợ trách nhiệm nặng; “kể công” với Đảng, muốn Đảng “cảm ơn”, đòi ưu đãi, đòi danh dự, địa vị và nếu không thoả mãn yêu cầu của họ thì họ oán trách Đảng; kiêu ngạo, công thần, tự cao tự đại; phê bình người khác mà không muốn người khác phê bình mình, không tự phê bình hoặc tự phê bình một cách không thật thà, nghiêm chỉnh; xem khinh những cán bộ ngoài Đảng; xa rời quần chúng, không muốn học hỏi mà chỉ muốn làm thầy quần chúng; ngại làm công tác tổ chức, tuyên truyền và giáo dục quần chúng, v.v. Người chỉ ra rằng, những người mắc phải bệnh chủ nghĩa cá nhân như vậy thì: “Kết quả là quần chúng không tin, không phục, càng không yêu họ. Chung quy là họ không làm nên trò trống gì”³.

Bởi vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, chủ nghĩa cá nhân làm “che lấp đạo đức cách mạng”; là một thứ bệnh gốc, bệnh mè “đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm: quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lăng phí,...”⁴ và luôn chờ dịp để ngóc đầu dậy, nêu quét sạch chủ nghĩa cá

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.611, 611, 609, 611.

nhân là việc làm đầu tiên, đồng thời phải làm thường xuyên để bảo vệ uy tín của Đảng, giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng, giữ cho Đảng luôn trong sạch. Quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng là nhiệm vụ trọng yếu, đây bản lĩnh của xây dựng, chỉnh đốn Đảng - một việc mà theo Người, phải làm liên tục, thường xuyên, lâu dài, khi cách mạng gặp khó khăn để xây dựng thái độ bình tĩnh, sáng suốt, kiên định lập trường, lý tưởng, cũng như khi cách mạng trên đà thắng lợi, để ngăn ngừa bệnh kiêu ngạo, chủ quan, tự mãn¹.

2. Tác phẩm *Đạo đức cách mạng* là chỉ dẫn quý báu cho việc tu dưỡng, rèn luyện tư tưởng, đạo đức, tác phong của cán bộ, đảng viên

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Muốn rèn luyện đạo đức cách mạng, thì chúng ta phải ra sức học tập, tu dưỡng, tự cải tạo để tiến bộ mãi”, bởi “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”².

Học tập, tu dưỡng đạo đức cách mạng không chỉ ở nhà trường, trong lớp học mà mọi lúc, mọi nơi, trong những điều kiện và hoàn cảnh khác nhau, trong hoạt động lý luận và

1. Xem Phát biểu của đồng chí Lê Khả Phiêu, nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tại Lễ kỷ niệm 109 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và 30 năm thực hiện *Di chúc* của Người, *Tạp chí Cộng sản*, số 11/1999.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.612.

thực tiễn; trong đời tư cũng như trong sinh hoạt cộng đồng; trong các mối quan hệ với mình, với người và với công việc. Tháng 9/1949, trong buổi lễ khai giảng lớp học đầu tiên của Trường Đảng cao cấp mang tên Nguyễn Ái Quốc, tại Định Hóa, Thái Nguyên, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự Đoàn thể, phụng sự giai cấp và nhân dân, phụng sự Tổ quốc và nhân loại”¹. Lời di huấn đó đã trở thành tôn chỉ mục đích trong công tác đào tạo của Đảng, trong việc học tập và tu dưỡng đạo đức cách mạng mà mỗi cán bộ, đảng viên đều phải thấm nhuần, ghi nhớ.

Trong khi kiên quyết đấu tranh phòng, chống chủ nghĩa cá nhân, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất cẩn trọng nhắc nhở chúng ta không nên hiểu và làm việc này một cách máy móc mà cần phân biệt một cách khoa học, tinh tế giữa chủ nghĩa cá nhân vị kỷ như một thế giới quan xấu xa, sự lêch lạc thái quá của bệnh cá nhân chủ nghĩa với lợi ích chính đáng của cá nhân. Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là “giày xéo lên lợi ích cá nhân”, không phải là chống cá nhân. Coi thường cá nhân, phủ nhận cá nhân là điều đi ngược với tinh thần biện chứng mácxít. Bởi: “Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và của gia đình mình. Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể thì không phải là xấu”². Theo Người, “Chúng ta không sợ sai lầm, chỉ sợ phạm sai lầm mà không

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.208.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.610.

quyết tâm sửa chữa”¹. Do đó, thật thà tự phê bình và thành khẩn phê bình là “vũ khí sắc bén”, góp phần phát hiện sớm những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, những sai lầm, khuyết điểm của cán bộ, đảng viên để kịp thời chỉnh đốn, sửa chữa; đặc biệt là phải phát huy vai trò tích cực của nhân dân trong thực hiện tự phê bình và phê bình.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển mới của đất nước, cùng với việc coi “phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm”, Văn kiện Đại hội XII của Đảng (năm 2016) xác định: xây dựng Đảng là then chốt. Đặc biệt, trong nhiệm kỳ XII, Đảng đã hết sức chú trọng công tác xây dựng Đảng toàn diện, cả về tư tưởng chính trị, tổ chức, cán bộ và đạo đức; trong đó công tác cán bộ, lựa chọn những người có đức, có tài, tuyệt đối trung thành với lý tưởng của Đảng là “then chốt” của “nhiệm vụ then chốt”.

Trong thời gian qua, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết quan trọng, như: Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 4, ngày 30/10/2016 về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị (tháng 5/2016) về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 7 (tháng 5/2018) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.608.

lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Quy định số 08-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (tháng 10/2018) về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Và sắp tới đây, Bộ Chính trị sẽ ban hành Quy định về kiểm soát quyền lực và chống chạy chức, chạy quyền; Ban Bí thư sẽ ban hành Chỉ thị về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những người không còn đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, v.v.. Trung ương xác định đây là những nhiệm vụ cần thực hiện cấp bách và thường xuyên của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, các địa phương, đơn vị theo phuong châm chỉnh đốn, xây dựng Đảng toàn diện trong sạch, liêm chính, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển mới của đất nước và xứng đáng với niềm tin của nhân dân.

Từ công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhất là công tác cán bộ của Đảng hiện nay, chúng ta càng thấy rõ các chỉ dẫn về xây dựng đạo đức cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị và có tính thời sự sâu sắc. Chúng ta càng ý thức được lời dặn của Người: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”¹.

Việc không ngừng rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của cán bộ, đảng viên, cũng giống như việc tạo ra những kháng thể

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.672.

tốt, ngăn chặn, miễn nhiễm, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn quyết liệt chống phá của các thế lực phản động, thù địch đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Phải hết sức vững vàng trên nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tuyệt đối không được dao động, mơ hồ. Phải đặc biệt coi trọng nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng; khắc phục bệnh “lười học lý luận chính trị” của cán bộ, đảng viên. Đây là yêu cầu trọng tâm của công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng đối với mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp chiến lược.

Kiên định, vững vàng trên nền tảng tư tưởng phải đi đôi với vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận trong thực tiễn. Cán bộ, đảng viên đi học không phải để tiếp nhận những thứ lý luận giáo điều, xơ cứng rồi nói lại, hoặc vận dụng một cách máy móc, áp đặt chủ quan; lại càng không được để “lấy bằng, khoe chữ”, mà phải học thật sự, trước hết là học về phương pháp tư duy, phương châm hành động, phương cách vận dụng theo tinh thần đổi mới, sáng tạo.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng cũng phải theo tinh thần bám sát thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn, cập nhật thực tiễn và tổng kết thực tiễn để phát triển và hoàn thiện. Bối cảnh trong nước và quốc tế đang thay đổi nhanh chóng đòi hỏi đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp phải thường xuyên được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng theo phương châm “cơ bản, hệ thống, thực tiễn và hiện đại”, nhất là luôn bám sát cuộc sống; từ cuộc sống gần dân, từ nguyện vọng của nhân dân mà học để phục vụ nhân dân.

Mỗi cán bộ, đảng viên cần có ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và hằng ngày “thực hành đạo đức cách mạng”. Đảng yêu cầu học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là để cho cán bộ, đảng viên tự soi mình, sửa mình, tự rèn luyện những phẩm chất: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; quét sạch mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân vị kỷ để được nhân dân tin yêu, quý mến. Cán bộ, đảng viên không phải chỉ đi tuyên truyền suông mà cần thật sự đi đầu, tạo sức lan tỏa trong nhân dân về việc nghiêm túc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “... một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất tin tưởng vào đạo đức cách mạng và thực hành đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân ta. Tác phẩm *Đạo đức cách mạng* của Người là những chỉ dẫn về việc xây dựng nhân cách, phẩm chất và giá trị cao quý của người làm cách mạng, cũng là thông điệp về xây dựng một đảng cầm quyền liêm chính, trong sạch, vững mạnh, trí tuệ và bản lĩnh ngang tầm nhiệm vụ mà Tổ quốc và nhân dân giao phó. Nâng cao đạo đức cách mạng là chiến lược lâu dài của Đảng, là yếu tố làm nên thắng lợi bền vững cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta vì một Việt Nam xã hội chủ nghĩa “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.284.

70 NĂM TÁC PHẨM DÂN VẬN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH*

Cách đây 70 năm với bút danh X.Y.Z, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bài báo *Dân vận*¹. Tác phẩm có nội dung rất ngắn gọn, ngôn ngữ mộc mạc, dễ hiểu, dễ nhớ và làm theo, thể hiện tầm cao trí tuệ, đạo đức và phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác dân vận, đặc biệt là những quan điểm, nhận thức mới về vai trò, sức mạnh to lớn của nhân dân; về tầm quan trọng của công tác dân vận và những chỉ dẫn cho toàn Đảng, cho mỗi cán bộ, đảng viên về phương pháp, cách thức dân vận; những yêu cầu phải thực hiện để tập hợp được đông đảo lực lượng nhân dân, phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc cho công cuộc kháng chiến, kiến quốc, góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

* Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo khoa học “70 năm tác phẩm “Dân vận” của Chủ tịch Hồ Chí Minh” tổ chức ngày 14/10/2019 tại Hà Nội; bài đăng trên Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 11/2019; có chỉnh sửa.

1. Bài đăng trên Báo *Sự thật*, số 120, ngày 15/10/1949. In trong cuốn sách: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.6, tr.232-234.

1. Tác phẩm *Dân vận* - sự khẳng định của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vai trò, sức mạnh của nhân dân và tư tưởng “lấy dân làm gốc”

Tác phẩm *Dân vận* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự kết tinh truyền thống dân tộc và tinh hoa thời đại về vai trò của nhân dân trong lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu tư tưởng của các bậc tiền nhân khi nhìn nhận về vị trí, vai trò, sức mạnh của nhân dân: “chở thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân”, “việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”. Thẩm nhuần sâu sắc quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin về vai trò của nhân dân - những người làm nên lịch sử, sáng tạo ra lịch sử, tư tưởng xuyên suốt trong tác phẩm *Dân vận* của Người là: trọng dân, thân dân, đề cao sức mạnh đoàn kết của nhân dân, lấy đạo lý phục vụ nhân dân làm lẽ sống, là nhiệm vụ cao cả nhất của người cách mạng. Tư tưởng đó đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh phân tích trên nhiều chiều cạnh. Người nói: “Nước ta là nước dân chủ”¹; Nhà nước ta được xây dựng bởi nhân dân, mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân; “Nhà nước của dân, do dân và vì dân”. Người chỉ rõ, trong một chính thể dân chủ: “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân”². Đảng và Nhà nước phải lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu tối thượng, mọi hoạt động đều vì lợi ích của nhân dân, phục vụ nhân dân.

Đề cao dân chủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng thời yêu cầu, nhân dân được hưởng quyền lợi làm chủ và phải có nghĩa vụ và trách nhiệm của người chủ, có trách nhiệm xây

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.232, 232.

dựng và quản lý nhà nước của mình, chế độ do mình lập ra và xã hội do mình xây dựng. Chính nhân dân là chủ thể tổ chức và hành động trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, như Người chỉ dẫn: “Công việc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân*. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân*”¹.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, cán bộ “dân vận” cần nhận thức rằng, tất cả quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân. Vì vậy, mỗi cán bộ, đảng viên dù ở cương vị công tác nào đều phải không ngừng nâng cao ý thức, trách nhiệm trong công tác vận động, tập hợp nhân dân, phát huy sức mạnh toàn dân để phục vụ và mưu cầu lợi ích của nhân dân. Mọi suy nghĩ và hành động của cán bộ, đảng viên đều phải “từ quần chúng mà ra và trở lại nơi quần chúng”, đều phải dựa vào dân, “lấy dân làm gốc”, phấn đấu vì quyền lợi của nhân dân.

2. Tác phẩm *Dân vận* - cuốn cẩm nang về công tác dân vận, góp phần to lớn vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn về tập hợp, tổ chức, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, trong tác phẩm *Dân vận*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ những vấn đề cốt lõi của công tác vận động quần chúng, từ việc giải thích: “*Dân vận là gì?*”; “*Ai phụ trách dân vận?*” cho đến “*Dân vận phải thế nào?*”; “*Dân vận khéo, việc gì cũng thành công*”. Những nội dung đó thể hiện rõ mối quan hệ chặt chẽ giữa mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp dân vận, nhằm mục đích động

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.232.

viên tối đa sức người, sức của cho sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, đặc biệt trong những thời điểm mang tính bước ngoặt cách mạng.

Xuất phát từ mục tiêu xây dựng chế độ xã hội mới, xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh, xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu phải xác định lãnh đạo công tác dân vận là trách nhiệm của Đảng. Đảng không chỉ xây dựng chủ trương, đường lối về công tác vận động nhân dân, mà còn là người chỉ đạo triển khai thực hiện để đoàn kết, tập hợp hết thảy lực lượng toàn dân tộc: “... vận động tất cả lực lượng của *mỗi một người dân*, không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và Đoàn thể đã giao cho”¹. Các biện pháp triển khai thực hiện công tác dân vận của Đảng phải vừa bao quát, vừa mang tính cụ thể, thực chất và thiết thực.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị đều phải có trách nhiệm đổi với công tác dân vận. Người chỉ rõ: “Tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ Đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân (Liên Việt, Việt Minh, v.v.) *đều phải phụ trách dân vận*”². Trong tổ chức và thực hành công tác dân vận, phải khuyến khích được động lực lợi ích và tính hăng hái cách mạng của quần chúng; trong mọi công việc phải bàn bạc dân chủ với dân, “hỏi ý kiến và kinh nghiệm của dân, cùng với dân đặt kế hoạch cho thiết thực với hoàn cảnh địa phương, rồi động viên và tổ chức toàn dân ra thi hành”³; đồng

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.232, 233, 233.

thời phải “theo dõi, giúp đỡ, đôn đốc, khuyến khích dân”¹. Đặc biệt, Người yêu cầu trong lúc thi hành công tác dân vận, phải chú ý tìm tòi, sáng tạo để có phương pháp “dân vận” phù hợp, hiệu quả mà Người gọi là “Dân vận khéo”. Trước hết là “phương pháp nêu gương”, cán bộ dân vận phải gương mẫu “nói đi đôi với làm”, phải “thật thà nhúng tay vào việc”, “không nói suông”, “chỉ ngồi viết mệnh lệnh”, phải “làm kiểu mẫu cho dân”². Dân vận phải gắn lý luận với thực tiễn, đi sâu đi sát công việc hàng ngày; công tác dân vận phải đi liền với công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời rút kinh nghiệm. Tóm lại, người cán bộ dân vận phải thành thạo kỹ năng, kết hợp nhuần nhuyễn các phương pháp: “óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm”³, gần gũi nhân dân, học dân, hiểu dân, từ đó huy động được tài dân, sức dân phục vụ sự nghiệp cách mạng.

Với bề dày tri thức và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ dẫn về nội dung, nhiệm vụ, phương pháp, lực lượng... làm công tác dân vận, đồng thời cũng chỉ ra những lệch lạc, yếu kém cần khắc phục trong công tác dân vận. Người phê phán: “Khuyết điểm to ở nhiều nơi là xem khinh việc dân vận”⁴, thói phô mặc cho người khác, thói vô trách nhiệm, “tự cho mình không có trách nhiệm dân vận” của một số cán bộ. Đó không chỉ là khuyết điểm mà còn là “sai lầm rất to, rất có hại”⁵ đối với sự nghiệp cách mạng. Những chỉ dẫn quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong

1, 2, 3, 4, 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.233, 233, 233-234, 234, 234.

tác phẩm *Dân vận* là cơ sở, kim chỉ nam cho công tác dân vận của Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị, là cẩm nang cho mọi cán bộ, đảng viên thực hành công tác dân vận.

3. Thành tựu và bài học qua 70 năm thực hiện công tác dân vận theo tư tưởng Hồ Chí Minh

70 năm qua, những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử mà Đảng và nhân dân ta giành được trong công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước trước đây cũng như trong công cuộc đổi mới, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay đều có sự đóng góp to lớn, rất quan trọng của công tác dân vận dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác vận động nhân dân được vận dụng triển khai đã tạo nên những phong trào cách mạng sôi nổi, rộng khắp, huy động sức mạnh cả dân tộc phục vụ cách mạng. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thông qua công tác vận động nhân dân, đã có hàng chục vạn tấn lương thực, thực phẩm được huy động, cung cấp cho các mặt trận; hàng chục vạn dân công tự nguyện tham gia phục vụ các chiến dịch quân sự, tiêu biểu là chiến dịch Điện Biên Phủ, góp phần làm nên chiến thắng “lùng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, công tác dân vận được triển khai rộng khắp, từ thành thị đến các vùng nông thôn, đồng bằng, miền núi, huy động mọi lực lượng tham gia cách mạng. Đặc biệt, trên địa bàn Tây Nguyên đã có nhiều cán bộ dân vận thực hiện “ba cùng” với đồng bào dân tộc thiểu số để gây dựng cơ sở cách mạng,

tuyên truyền chủ trương của Đảng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo nên sức mạnh chiến thắng kẻ thù.

Trong công cuộc đổi mới, thực hiện lời căn dặn của Người, nhiều chủ trương, chính sách về công tác dân vận, về đại đoàn kết toàn dân tộc, về xây dựng giai cấp công nhân, nông dân, trí thức, doanh nhân, thanh niên, phụ nữ, về dân tộc, tôn giáo, về người Việt Nam ở nước ngoài,... được Đảng và Nhà nước ta xây dựng, bổ sung và ngày càng hoàn thiện phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước. Đặc biệt, Hội nghị Trung ương 7 khóa XI của Đảng đã ban hành Nghị quyết số 25-NQ/TW, chỉ rõ mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới; Ban Bí thư khóa XII đã ban hành Kết luận số 43-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, nhấn mạnh quan điểm xuyên suốt là: phương thức lãnh đạo công tác dân vận của Đảng phải gắn liền với công tác xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh, góp phần nâng cao nhận thức và thống nhất hành động trong toàn hệ thống chính trị về công tác dân vận.

Thực hiện chủ trương của Đảng về công tác dân vận, hệ thống dân vận tiếp tục được đổi mới, kiện toàn. Công tác dân vận đã chú trọng thực hành dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thông qua Quy chế dân chủ ở cơ sở với phương châm “Dân biết, Dân bàn, Dân làm, Dân kiểm tra” và cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” đã giải quyết kịp thời, có hiệu quả những nhu cầu chính đáng của nhân dân, tạo sự đồng thuận trong xã hội. Công tác

dân vận của cơ quan nhà nước và chính quyền các cấp đạt nhiều chuyển biến tích cực, hiệu quả rõ nét, trở thành nền nếp. Nội dung vận động nhân dân được đa dạng hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển mới của đất nước, hướng vào các chủ đề, vấn đề mang hơi thở thực tiễn cuộc sống.

Phương thức vận động nhân dân được triển khai theo nhiều kênh, bằng nhiều hình thức phong phú, nhiều phương pháp hay, cách làm hiệu quả. Các phong trào thi đua yêu nước được đồng đảo nhân dân ủng hộ, tham gia, làm thay đổi bộ mặt từ thành thị đến nông thôn. Đó là những minh chứng hùng hồn về sức mạnh vĩ đại của toàn dân khi được Đảng lãnh đạo, cả hệ thống chính trị khéo tổ chức, khéo vận động và phát huy trong sự nghiệp cách mạng.

Tuy nhiên, cùng với những kết quả đạt được trong công tác dân vận, đã có một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, chưa có tác phong “làm dân vận” như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy. Một bộ phận cán bộ có biểu hiện quan liêu, xa rời thực tiễn, xa rời quần chúng nhân dân, không lắng nghe ý kiến, kiến nghị của người dân; phai nhạt về lý tưởng, suy thoái về đạo đức, lối sống. Một số cấp ủy đảng phạm phải sai lầm trong công tác dân vận: vi phạm nguyên tắc Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, vi phạm kỷ cương, kỷ luật của Đảng, bao che cho cán bộ vi phạm nhằm mưu lợi cá nhân và lợi ích nhóm gây bức xúc trong dư luận, làm giảm sút niềm tin của nhân dân với Đảng. Nhận thức được những hạn chế, yếu kém này, Đảng ta đã chỉ đạo: Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện

vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân¹. Đó cũng là bài học kinh nghiệm lớn, sâu sắc cần được vận dụng và phát huy trong tình hình hiện nay.

4. Tiếp tục phát huy giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân vận trong tình hình mới

Để hoàn thành nhiệm vụ nặng nề nhưng rất vẻ vang, công tác dân vận phải có sự nhìn nhận, đánh giá khách quan, khoa học về những nhân tố thuận lợi và những khó khăn, thách thức cần phải vượt qua. Vận dụng sáng tạo tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tình hình hiện nay, trách nhiệm của Đảng là xây dựng đường lối vận động nhân dân phù hợp, trên tinh thần phát huy dân chủ, tôn trọng nhân dân, chăm lo đời sống nhân dân. Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên phải lắng nghe ý kiến và sáng kiến của nhân dân, thực sự gắn bó mật thiết với nhân dân; phát huy mọi tiềm năng, sức mạnh của nhân dân, “đem tài dân, sức dân, để làm lợi cho dân”. Công tác dân vận một mặt phải tăng cường củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đồng thời vận động nhân dân tham gia đấu tranh phòng, chống hiệu quả sự chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ chế độ, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.63-90.

Để vận động nhân dân hiệu quả, mọi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ làm công tác dân vận, phải trang bị cho mình trình độ chuyên môn, kiến thức về khoa học lãnh đạo, quản lý; năng lực dự báo, tổng kết thực tiễn, đồng thời có khả năng tuyên truyền, vận động, giáo dục thuyết phục nhân dân thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Để làm tốt công tác dân vận, theo chỉ dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người cán bộ phải: “1. Tự mình hiểu rõ 100 phần 100 chính sách ấy; 2. Hiểu rõ dân 100 phần 100; 3. Có kế hoạch dân vận thật rõ ràng, thật thiết thực; 4. Tự mình phải cẩn, kiệm, liêm, chính làm cho dân tin, dân phục, dân yêu, thì mọi người dân mới nghe; 5. Làm việc với tinh thần *Thi đua ái quốc*”¹. Cùng với việc tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ biết làm “dân vận khéo”, phải sàng lọc những người thiếu năng lực, yếu kém về phẩm chất đạo đức ra khỏi đội ngũ cán bộ; chú trọng đầu tư công tác nghiên cứu “khoa học dân vận”; kịp thời đưa kết quả nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn.

Ra đời cách đây hơn 70 năm, tác phẩm *Dân vận* đã trở thành cơ sở lý luận, kim chỉ nam cho công tác vận động quần chúng của Đảng và hệ thống chính trị. Giá trị lý luận và thực tiễn của tác phẩm *Dân vận* thể hiện sinh động, sâu sắc tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh. Tư tưởng dân vận của Người vẫn “nóng hổi” tính thời sự, vẹn nguyên giá trị, khẳng định sức sống trường tồn, tiếp tục dẫn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.279.

đường, soi sáng cho công tác dân vận của Đảng, nhằm xây dựng, củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, tăng cường niềm tin của nhân dân với Đảng và phát huy tối đa sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới.

70 NĂM TÁC PHẨM ĐỜI SỐNG MỚI CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN ĐỐI VỚI PHONG TRÀO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ĐÔ THỊ VĂN MINH*

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nỗ lực phấn đấu trọn đời cho mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, văn minh, người dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Sau ngày Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam mới ra đời, cùng với yêu cầu bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ, chống thù trong, giặc ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành sự quan tâm đặc biệt đến việc xây dựng đời sống mới trong nhân dân. Người coi xây dựng đời sống mới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, với các giai cấp,

* Phát biểu tại Hội thảo khoa học “70 năm tác phẩm “Đời sống mới” của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Giá trị lý luận và thực tiễn” tổ chức ngày 31/3/2017 tại Hà Nội; in trong cuốn sách: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: *70 năm tác phẩm Đời sống mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Giá trị lý luận và thực tiễn trong phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017; có chỉnh sửa.

tầng lớp dân cư là một biện pháp hết sức quan trọng, vừa có ý nghĩa cấp bách, vừa mang tính lâu dài, nhằm xóa bỏ những tàn tích của chế độ thực dân phong kiến, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, góp phần đưa công cuộc vừa kháng chiến, vừa kiến quốc đi đến thắng lợi. Người trực tiếp nói chuyện và gửi thư, điện biểu dương và động viên các tầng lớp nhân dân các địa phương thiết thực thực hiện đời sống mới. Ngày 03/4/1946, thay mặt Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 44 thành lập Ban Trung ương vận động đời sống mới, với các tiểu ban trực thuộc ở các địa phương; chương trình hành động của Ban Trung ương vận động đời sống mới phải được Hội đồng Chính phủ duyệt trước khi thi hành; hàng tháng, Ban phải báo cáo công việc với Bộ trưởng Nội vụ.

Tháng 3/1947, dù đang phải tập trung tâm sức, trí tuệ lãnh đạo toàn Đảng, toàn quân và toàn dân tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp quay lại xâm lược, nhưng Hồ Chí Minh vẫn dành thời gian hoàn thành tác phẩm *Đời sống mới*, với bút danh Tân Sinh, do Ban Trung ương vận động Đời sống mới xuất bản.

Mặc dù chỉ là quyển sách nhỏ, được viết ngắn gọn, súc tích với gần 5.800 từ, song *Đời sống mới* là sự kết tinh và thể hiện tập trung những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đời sống mới và xây dựng đời sống mới. Nội dung tác phẩm này được trình bày thành 19 mục nhỏ, theo hình thức hỏi - đáp, dễ đọc, dễ hiểu, dễ nhớ và dễ thực hiện.

Mục đích ra đời của tác phẩm được Hồ Chí Minh xác định rõ ngay trong lời *Tựa* tác phẩm: “Trong lúc kháng chiến cứu quốc chúng ta phải đồng thời kiến quốc. Thực hành đổi sống mới là một điều cần kíp cho công cuộc cứu quốc và kiến quốc”¹. *Đời sống mới* “là một quyển sách nhỏ, chỉ rõ bước đường đổi sống mới”².

Hồ Chí Minh nêu lên *mục đích* của *đời sống mới* là: “Làm thế nào cho đổi sống của dân ta, vật chất được đầy đủ hơn, tinh thần được vui mạnh hơn. Đó là mục đích đổi sống mới”³.

Về *nội dung xây dựng đổi sống mới*, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đời sống mới không phải cao xa gì, cũng không phải khó khăn gì. Nó không bảo ai phải hy sinh chút gì.

Nó chỉ sửa đổi những việc rất cần thiết, rất phổ thông, trong đời sống của mọi người, tức là sửa đổi cách ăn, cách mặc, cách ở, cách đi lại, cách làm việc”⁴. Cốt lõi của việc sửa đổi cách ăn, cách mặc, cách ở, cách đi lại, cách làm việc chính là *thực hành cần, kiệm, liêm, chính*.

Nội dung xây dựng đổi sống mới còn được Chủ tịch Hồ Chí Minh cụ thể hóa tương ứng với bảy đổi tượng thực hiện đổi sống mới là từng người, từng nhà, từng làng, mỗi trường học, mỗi đơn vị bộ đội, mỗi cơ quan công sở của chính quyền cách mạng, mỗi nhà máy và đơn vị sản xuất.

Về *phương châm xây dựng đổi sống mới*, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Đời sống mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới.

Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ. Thí dụ: Ta phải bỏ hết tính lười biếng, tham lam.

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5, tr.111, 111, 113, 113.

Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiên phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý. Thí dụ: Đơm cúng, cưới hỏi quá xa xỉ, ta phải giảm bớt đi.

Cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm. Thí dụ: Ta phải tương thân tương ái, tận trung với nước, tận hiếu với dân hơn khi trước.

Cái gì mới mà hay, thì ta phải làm. Thí dụ: Ăn ở cho hợp vệ sinh, làm việc cho có ngăn nắp”¹.

Về phương pháp xây dựng đời sống mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở muôn thực hiện đời sống mới, trước hết phải tuyên truyền, giải thích và làm gương. Người chỉ ra rằng, phải chịu khó nói rõ cho mọi người hiểu đời sống mới có ích thế nào, cách thi hành đời sống mới thế nào. Nói một lần họ chưa hiểu thì nói nhiều lần. Nói đi, nói lại, bao giờ người ta hiểu, người ta làm mới thôi. Khi nói thì phải nói một cách giản đơn, thiết thực với hoàn cảnh mỗi người; nói sao cho người ta nghe rồi làm được ngay. Việc dễ, việc nhỏ làm được rồi, sẽ nói đến việc to, việc khó. Phương châm chỉ đạo công tác tuyên truyền thực hiện đời sống mới là: “Tuyên truyền đời sống mới cũng như tuyên truyền việc khác, phải hăng hái, bền gan, chịu khó, đồng thời phải cẩn thận, khôn khéo, mềm mỏng”².

Nhận thức rõ vai trò của biện pháp giáo dục nêu gương - biện pháp được Người coi là quan trọng nhất và hiệu quả nhất trong tuyên truyền, vận động, giáo dục quần chúng nhân dân, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Tốt nhất là miệng nói, tay làm, làm gương cho người khác bắt chước”³.

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.112-113, 127, 126.

Bên cạnh phương pháp tuyên truyền, vận động, làm gương, để thực hiện đời sống mới, Hồ Chí Minh còn xác định trong những trường hợp cụ thể phải áp dụng những biện pháp hành chính bắt buộc các cá nhân, tổ chức phải chấp hành. Nhưng khi số đông quần chúng nhân dân còn chưa hiểu, chưa tán thành thì tuyệt đối không nên bắt buộc. Đến khi đại đa số nhân dân đã tán thành thực hiện đời sống mới, chỉ còn một số ít người chưa chịu thực hiện, lúc đó mới phải dùng đến biện pháp hành chính bắt buộc những người đó phải chấp hành¹.

Với những nội dung cơ bản như trên, *Đời sống mới* thực sự là một tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh, một văn kiện chứa đựng những chỉ dẫn hết sức quý báu, có giá trị sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn trên nhiều lĩnh vực. Đặc biệt, tác phẩm là sự thể hiện sinh động tính hệ thống và nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và đạo đức cách mạng, về đời sống mới và xây dựng đời sống mới; khẳng định vai trò là gốc rễ, nền tảng của đạo đức trong đời sống xã hội; là yêu cầu về sự thống nhất giữa các lĩnh vực hoạt động trong đời sống của mỗi cá nhân và tổ chức, giữa đời tư và việc công, giữa đạo đức đời thường và đạo đức cách mạng.

Có thể nói, trong hoàn cảnh nhân dân ta mới bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên toàn quốc đang còn hết sức khó khăn, gian khổ, bởi phải tự lực cánh sinh chiến đấu trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản cách mạng, tác phẩm *Đời sống mới* đã góp phần

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.126-127.

quan trọng động viên, giáo dục và tổ chức các tầng lớp nhân dân ở các vùng miền, phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, thiết thực thực hành đạo đức cách mạng cẩn, kiệm, liêm, chính trong đời sống hằng ngày. Nhờ vậy đã tạo thành nguồn lực nội sinh vô cùng mạnh mẽ để nhân dân ta vững vàng tiến hành sự nghiệp kháng chiến cứu quốc và kiến quốc ngày càng đi đến thành công.

Tác phẩm cũng mang lại cho chúng ta những bài học, kinh nghiệm hết sức quan trọng trong công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân và là một mẫu mực về thực hành tuyên truyền, vận động một cách sinh động, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, để các tầng lớp nhân dân trong cả nước hăng hái tham gia sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Những bài học về cách thức tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân hăng hái, bền gan, chịu khó, đồng thời phải cẩn thận, khôn khéo, mềm mỏng, nhất là bằng việc làm gương trong thực tiễn đời sống hằng ngày để quần chúng nhân dân học tập, làm theo, vẫn có ý nghĩa thời sự trong công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân hiện nay.

Hiện nay, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đang tích cực triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và khóa XII về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức.

Mặt khác, thực hiện chủ trương của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, từ năm 2016, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” được triển khai sâu rộng trong các địa phương toàn quốc. Ngày 15/12/2016, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 10-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

Trong tình hình trên, việc tổ chức Hội thảo khoa học kỷ niệm 127 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và 70 năm ra đời tác phẩm *Đời sống mới* là một việc làm thiết thực, vừa để tưởng nhớ công lao và sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vừa góp phần thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, nhằm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, làm cho đất nước ngày càng giàu mạnh, tươi đẹp và văn minh hơn.

Kỷ niệm 127 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và 70 năm ra đời tác phẩm *Đời sống mới*, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta nguyện đoàn kết chặt chẽ dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Nhà nước, vững bước đi theo con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và dân tộc đã lựa chọn, tích cực thực hành đổi mới cần, kiệm, liêm, chính, không ngừng nỗ lực phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

KHÔNG NGỪNG

LÀM GIÀU TRÍ TUỆ, NÂNG CAO BẢN LĨNH CHÍNH TRỊ, PHẨM CHẤT ĐẠO ĐỨC VÀ NĂNG LỰC TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG*

1. Ngay khi đất nước đối đầu với họa ngoại xâm, khi triều đình nhà Nguyễn ngày càng lún sâu vào vũng bùn đầm hàng, từng bước từ bỏ chủ quyền quốc gia cho thực dân Pháp, nhiều phong trào kháng chiến đã diễn ra, nhiều xu hướng cải cách đã xuất hiện với mục tiêu chung là bảo vệ nền độc lập dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ, thống nhất quốc gia, chấn hưng đất nước. Tiếp đó, các phong trào đấu tranh hoặc theo ý thức hệ phong kiến, hoặc theo ý thức hệ dân chủ tư sản, theo phương pháp bạo động hay cải lương diễn ra khắp Bắc, Trung, Nam, kéo dài từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đều lần lượt bị thất bại. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến thất bại của các phong trào yêu nước với nhiều sắc thái là lạc hậu về lý luận, thiếu một học thuyết cách mạng - khoa học dẫn đường, thiếu một giai cấp lãnh đạo có sức quy tụ lực lượng toàn dân tộc, có khả năng đề ra và lãnh đạo thực hiện

* Bài đăng trên Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 315, tháng 02/2017; có chỉnh sửa.

đường lối cách mạng, giải quyết đúng đắn mối quan hệ độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội, chủ quyền quốc gia và lợi ích của nhân dân.

Trong lúc các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc bế tắc, nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc đã nhận biết sự bức bách tìm kiếm con đường cách mạng có thể giúp dân tộc Việt Nam giành độc lập và chính Người đã tự đảm đương trách nhiệm cao cả đó. Trải qua gần 10 năm quan sát, khảo nghiệm thực tế xã hội, chế độ chính trị của các quốc gia trên thế giới, nghiên cứu các học thuyết cách mạng tư sản, tiếp thu những ảnh hưởng tốt đẹp của Cách mạng Tháng Mười Nga và hiện thực xã hội mới do nhân dân lao động thực sự làm chủ được thiết lập tại nước Nga Xôviết, đặc biệt là tiếp nhận những luận điểm cách mạng giải phóng dân tộc của Lenin trong tác phẩm *Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa*, Người nhận thấy chủ nghĩa Mác - Lenin chính là chân lý cách mạng soi sáng con đường giải phóng dân tộc.

Bắt gặp chân lý của thời đại, cùng với tổng kết thực tiễn, nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc tiến hành vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác - Lenin vào thực tiễn cuộc đấu tranh cách mạng Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc xác lập một hệ thống luận điểm cách mạng làm cơ sở cho việc hoạch định con đường cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam mở đường cho sự phát triển đất nước mà điểm mấu chốt nhất là đặt cách mạng Việt Nam trong phạm trù cách mạng vô sản, sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản gắn liền với sự nghiệp giải phóng

dân tộc. Người viết: “*Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới*”¹. Người khẳng định: điều quan trọng nhất của cách mạng là phải có Đảng cách mạng, được trang bị chủ nghĩa Mác - Lênin gắn bó chặt chẽ với nhân dân, lãnh đạo nhân dân. Đây chính là sự đột phá và sáng tạo về mặt lý luận trong việc xác lập con đường đấu tranh giải phóng dân tộc, phát triển đất nước mà các thế hệ người Việt Nam kế tiếp nhau tìm kiếm. Trên cơ sở đó, Người trực tiếp chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, khi điều kiện chín muồi đã chủ động triệu tập Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tát yếu, đáp ứng những yêu cầu khách quan của lịch sử dân tộc Việt Nam; là kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Đảng thành lập tạo một bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam, chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cách mạng, về giai cấp lãnh đạo cách mạng; là sự chuẩn bị đầu tiên cho những thắng lợi vĩ đại tiếp theo của dân tộc Việt Nam; đưa cách mạng Việt Nam gắn liền với cách mạng thế giới, góp phần tích cực vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân loại tiến bộ.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.1, tr.441.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được Hội nghị thành lập Đảng thông qua có những giá trị lý luận lớn lao, bao hàm những thành tố cơ bản nhất về cách mạng, con đường cách mạng giải phóng và phát triển của dân tộc Việt Nam, những vấn đề chiến lược, sách lược cách mạng của Đảng, phản ánh đậm nét sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin vào thực tiễn Việt Nam, nâng cao giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam. Cương lĩnh đã xử lý đúng đắn, hài hòa mối quan hệ dân tộc - giai cấp, đấu tranh giai cấp và liên minh giai cấp, quốc gia - quốc tế, vừa chứa đựng những nét phổ biến của cách mạng thuộc địa, vừa in đậm những đặc điểm Việt Nam. Theo đó, *đường hướng phát triển* của dân tộc Việt Nam là giành độc lập dân tộc, tiến hành cách mạng ruộng đất và thực hiện các quyền tự do cho nhân dân về chính trị, xã hội, văn hóa, giáo dục, phát triển nền kinh tế, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội; *động lực của cách mạng* là khôi đại đoàn kết dân tộc, bao gồm các giai cấp và tầng lớp nhân dân yêu nước, kể cả trung, tiểu địa chủ, phú nông, tư sản, các tổ chức yêu nước, cách mạng, chỉ trừ những phần tử phản bội Tổ quốc, làm tay sai cho đế quốc; *phương pháp tiến hành* là sử dụng cách mạng bạo lực, Việt Nam cần tranh thủ sự ủng hộ của cách mạng thế giới và bạn bè quốc tế, song vẫn phải dựa vào sức mình là chính và góp phần vào sự phát triển của cách mạng thế giới; *nhân tố quyết định thắng lợi* của cách mạng là Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp vô sản, phần đấu vì thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc và nhân dân lao động được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân

chủ, đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, liên hệ chặt chẽ với nhân dân...

Những luận điểm đúng đắn, sáng tạo của Đảng trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên vừa đặt nền móng rất cơ bản và toàn diện, vừa tạo sự khởi đầu cho quá trình phát triển đường lối chiến lược và sách lược, cho sức sáng tạo phong pháp lãnh đạo và cách thức tiến hành cách mạng trên các chặng đường hoạt động của Đảng, là dấu mốc xuất phát của tiến trình Đảng không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để Đảng đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra.

Hiện thực lịch sử ra đời, xây dựng và trưởng thành của Đảng trong 87 năm qua cho thấy, những thành công trong lãnh đạo cách mạng của Đảng đều bắt nguồn từ những sáng tạo và phát triển lý luận cách mạng của Đảng, là kết quả của quá trình lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam chăm lo xây dựng Đảng. Sự sáng tạo và phát triển lý luận, nâng tầm trí tuệ của Đảng được thực hiện trên cơ sở nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời xuất phát từ thực tiễn dân tộc và thế giới vận động không ngừng. Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức được tiến hành đồng thời với nhiệm vụ phòng, chống và khắc phục những sai lầm, khuyết điểm về đường lối, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, ngăn chặn sự thoái hóa, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Hệ quả là Đảng đã khơi dậy và nhân lên ở cấp độ cao sức mạnh đoàn kết các giai cấp và toàn dân tộc, phát

huy tinh thần chủ động, tự cường, làm nên những kỳ tích vể vang của dân tộc Việt Nam. Đó là thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945; thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, tiếp tục đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp thực tiễn Việt Nam. Việt Nam từ một xứ thuộc địa trở thành một quốc gia độc lập, tự do, thống nhất, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội; đất nước đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có quan hệ quốc tế sâu rộng, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới.

2. Nhận thức rõ tầm quan trọng và yêu cầu vừa cấp bách, vừa lâu dài của công tác xây dựng Đảng, trong 30 năm tiến hành đổi mới, Đảng đã quan tâm đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Nhờ không ngừng làm giàu trí tuệ, Đảng đã phát triển nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, xác định hệ mục tiêu của xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; xác định được những đặc trưng về xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng; về phương hướng cơ bản và chín mối quan hệ lớn cần nắm vững và giải quyết để đưa sự nghiệp đổi mới đi lên. Nhờ không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức trong bối

cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp, khó lường, Đảng luôn vững vàng, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định đường lối đổi mới, xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, gắn bó mật thiết với nhân dân, lãnh đạo nhân dân tạo nên những thắng lợi to lớn có ý nghĩa lịch sử. Từ thực tiễn phong phú của cách mạng, từ quá trình xây dựng Đảng, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã rút ra những bài học kinh nghiệm lớn. *Một là*, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; *hai là*, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; *ba là*, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế; *bốn là*, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế; *năm là*, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh nêu rõ: “Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng quy luật khách quan. Phải phòng và chống những nguy cơ lớn: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hóa,

biến chất của cán bộ, đảng viên”¹. Những bài học kinh nghiệm trên đây cũng chính là những thành tựu trong phát triển lý luận, tổng kết thực tiễn của toàn bộ sự nghiệp cách mạng cũng như của công tác xây dựng Đảng.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng cũng bộc lộ nhiều hạn chế, khuyết điểm cả trên lĩnh vực nhận thức lý luận và hoạt động thực tiễn xây dựng Đảng, thể hiện trên các mặt, các nội dung, các khâu công tác. Những vấn đề lý luận về Đảng cầm quyền trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế chưa thật rõ về nội dung, mô hình, phương thức cầm quyền. Nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị chưa xác định thật đầy đủ và thật cụ thể. Việc dự báo, hoạch định, lãnh đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết, chính sách của Đảng, Nhà nước chưa kịp thời, đồng bộ, hiệu quả; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của không ít tổ chức đảng còn thấp, có nơi, có lúc mất sức chiến đấu; công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên ở một số nơi chưa được quan tâm thường xuyên; chất lượng sinh hoạt đảng, tính chiến đấu trong tự phê bình, phê bình còn yếu; tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc, hiệu quả hoạt động chưa cao... “Những hạn chế, khuyết điểm nêu trên đã làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ”.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.66.

Trước những đòi hỏi mang tính sống còn về đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng Đảng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ nặng nề của thời kỳ phát triển mới, Đại hội XII của Đảng (tháng 01/2016) xác định xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, trong đó, tập trung xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh không chỉ về chính trị, tư tưởng, tổ chức mà cả về đạo đức, tích cực đổi mới phương thức lãnh đạo. Báo cáo chính trị của Đại hội xác định nhiệm vụ trọng tâm đầu tiên trong 6 nhiệm vụ trọng tâm của cả thời kỳ là: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng” với hai nội dung cốt yếu nhất là: ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Nghị quyết Đại hội XII đề ra 10 nhiệm vụ về công tác xây dựng Đảng, đó là: phải chú trọng xây dựng Đảng về chính trị; đổi mới công tác tư tưởng, lý luận, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng; tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng; tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên; đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ; đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Tiếp tục

đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, đặc biệt là với Nhà nước.

Đại hội đề ra các giải pháp tiến hành công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, bao gồm: tiếp tục nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về Đảng cầm quyền, xác định rõ mục đích, phương thức, nội dung và điều kiện cầm quyền, về phát huy dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, những nguy cơ cần lưu ý phòng ngừa đối với Đảng cầm quyền; tiếp tục cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đã được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011); quy định rõ hơn các tiêu chí Đảng phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về các quyết định của mình; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, có cơ chế để các địa phương phát huy quyền chủ động, sáng tạo, gắn với đề cao trách nhiệm, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo, quản lý thống nhất theo nguyên tắc tập trung dân chủ trong toàn Đảng; đổi mới phương pháp, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo các cấp, xây dựng phong cách làm việc khoa học, tập thể, dân chủ, gần dân,... Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đã đánh dấu một bước phát triển mới về lý luận và tổng kết thực tiễn xây dựng Đảng, thể hiện một quyết tâm mới về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, Hội nghị Trung ương 4 khóa XII (tháng 10/2016) đã ra Nghị quyết số 04-NQ/TW về

tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Nghị quyết chỉ rõ 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, bao gồm 9 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, 9 biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống và 9 biểu hiện về “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Nghị quyết chỉ rõ: Trong các biểu hiện đó, nguy hiểm nhất là sự phai nhạt lý tưởng cách mạng, không kiên định con đường xã hội chủ nghĩa; mơ hồ, dao động, thiếu niềm tin, nói trái, làm trái quan điểm của Đảng; thậm chí sa sút ý chí chiến đấu, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh, phụ họa theo những quan điểm sai trái, lệch lạc; không còn ý thức hết lòng vì nước, vì dân, không làm tròn bổn phận, chức trách được giao, không thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng. Sự suy thoái về đạo đức, lối sống còn thể hiện ở chố sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi, hám danh, tham nhũng, tham quyền lực, bè phái cục bộ, mất đoàn kết, tư duy nhiệm kỳ, lợi ích nhóm, quan liêu, xa dân, vô cảm trước khó khăn bức xúc của dân. Nghị quyết đề ra 4 nhóm giải pháp với những điểm nhấn quan trọng, đó là: nhóm giải pháp về công tác chính trị tư tưởng, tự phê bình và phê bình; nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách; nhóm giải pháp về kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng; nhóm giải pháp về phát huy vai trò của nhân dân và Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Trong các nhóm giải pháp đều có giải pháp trọng tâm, mới, mạnh mẽ, quyết liệt, như: đổi mới và bắt buộc học tập lý luận chính trị; cam kết rèn luyện giữ gìn

phẩm chất đạo đức, lối sống, không suy thoái, không “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; tăng cường cơ chế kiểm soát quyền lực; siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, đề cao pháp luật của Nhà nước, công khai kết quả xử lý vi phạm; tăng cường sự giám sát của nhân dân trong xây dựng Đảng; phát huy vai trò của báo chí, các cơ quan truyền thông...

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII thể hiện rõ quyết tâm chính trị rất cao, nỗ lực rất lớn và tư tưởng nhất quán của Đảng về tầm quan trọng đặc biệt của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Nghị quyết thể hiện tầm nhìn và thái độ quyết liệt của Đảng, nghiêm túc, nghiêm khắc chỉ rõ những biểu hiện và mức độ suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Nghị quyết xác định rõ mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, giải pháp đồng bộ, xuyên suốt, quyết liệt, trong đó có giải pháp, cơ chế làm ngay, có giải pháp phải kiên trì triển khai lâu dài, có giải pháp cấp bách, có giải pháp mang tính đột phá. Nghị quyết Trung ương 4 đi vào cuộc sống sẽ tạo ra chuyển biến rõ rệt trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đây cũng chính là sự kế tục và phát triển lên một tầm cao mới nhiệm vụ xây dựng Đảng, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao năng lực lãnh đạo, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức của Đảng được khởi đầu từ Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930.

3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh là cơ quan trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ; đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của Bộ Chính

trị, Ban Bí thư. Trong hơn 30 năm thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học lý luận chính trị theo đường lối đổi mới của Đảng, Học viện đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao; khẳng định được vị thế là Trung tâm quốc gia đào tạo và nghiên cứu khoa học có uy tín của Đảng, Nhà nước.

Là một trung tâm quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học lý luận, trong bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với công tác cán bộ và phát triển lý luận, Học viện có vai trò và trọng trách lớn lao. Để phát triển Học viện ngang tầm yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, trong thời gian tới, Học viện sẽ tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm: củng cố vị thế với tư cách là trung tâm quốc gia nghiên cứu hàng đầu về khoa học, lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, khoa học chính trị và một số ngành khoa học xã hội khác; trung tâm quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý cho toàn bộ hệ thống chính trị, tiếp tục đổi mới nội dung các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, lãnh đạo, quản lý theo phương châm: cơ bản, hệ thống, thực tiễn và hiện đại. Học viện sẽ tập trung vào sứ mệnh góp phần củng cố, phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng và giữ vững kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam trong quá trình đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế; góp phần cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn cho Đảng, Nhà nước trong hoạch định đường lối, chủ trương, chiến lược phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Học viện tham gia luận chứng một số vấn đề lớn, phức tạp và thật sự cấp thiết như: nội

dung, cơ chế vận hành và giải pháp thực hiện mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở nước ta trong thời gian tới; những tiêu chí cụ thể của việc xây dựng và phát triển quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp mà Văn kiện Đại hội XII đã nêu ra; nghiên cứu ứng dụng những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững; mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ..., góp phần thúc đẩy sự nghiệp đổi mới, cũng như công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Kỷ niệm 87 năm ngày thành lập Đảng, trong năm 2017, cùng với việc tiếp tục thực hiện phương châm “*Kỷ cương, đồng bộ, đổi mới, hiệu quả*” đã phát động, Học viện hướng tới phương châm “*Đột phá, sáng tạo, chất lượng, hiệu quả*”, hoàn thành tốt những nhiệm vụ chủ yếu nhằm tạo bước thay đổi mạnh mẽ, căn bản về chất lượng, hiệu quả tất cả các hoạt động của Học viện. Trước mắt, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu, đủ năng lực, phẩm chất ngang tầm nhiệm vụ; khắc phục cơ bản tình trạng hăng hikut cán bộ; đổi mới công tác quản lý, nghiên cứu khoa học chú trọng vào sự phát triển lý luận, cung cấp luận cứ khoa học góp phần tích cực cho việc xây dựng, hoàn thiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; đổi mới căn bản chương trình, nội dung các hệ đào tạo, bồi dưỡng; đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác hợp tác quốc tế; xây dựng cơ sở vật chất hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu, học tập,... Thực

hiện tốt các nhiệm vụ trên đây, Học viện sẽ thiết thực đóng góp vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cũng như vào nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII (tháng 10/2016).

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ II CỦA ĐẢNG - GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN*

Cách đây 70 năm, tại căn cứ địa Việt Bắc (Chiêm Hóa - Tuyên Quang), từ ngày 11 đến ngày 19/02/1951, Đảng Cộng sản Đông Dương đã tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ II - một sự kiện chính trị to lớn, là dấu ấn đặc biệt nổi bật trong pho sử vàng của Đảng ta, mở ra bước ngoặt trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam với những quyết sách hệ trọng, sáng suốt: Đảng từ bí mật đã chuyển ra hoạt động công khai với tên gọi mới là Đảng Lao động Việt Nam; thành lập Mặt trận thống nhất Việt - Lào - Campuchia, tăng cường đoàn kết quốc tế; thông qua Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam - Cương lĩnh thứ ba của Đảng. Đại hội có nhiệm vụ tổng kết thực tiễn, hoàn thiện lý luận về đường lối cách mạng Việt Nam: đó là đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Với chủ trương đúng đắn và sáng tạo, Đại hội đã phát huy mạnh mẽ truyền thống yêu nước, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy khát vọng giành độc lập, tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội, quyết

* Phát biểu tại Hội thảo khoa học “Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng - Giá trị lý luận và thực tiễn” tổ chức ngày 25/02/2021 tại Hà Nội; in trong Kỷ yếu Hội thảo, tháng 02/2021; có chỉnh sửa.

tâm thực hiện Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam, xây dựng tổ chức Đảng Lao động Việt Nam vững mạnh, đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta đi đến thắng lợi hoàn toàn.

1. Những quyết sách đúng đắn, hệ trọng của Đại hội II về đường lối cách mạng Việt Nam, đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đi đến thắng lợi, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội

Sau Chiến thắng Biên giới Thu - Đông (năm 1950), cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ba nước Đông Dương đã bước sang giai đoạn quan trọng. Đông Dương - một vị trí địa chiến lược quan trọng ở Đông Nam Á, đã và đang trở thành một trong những tiền đồn của phe xã hội chủ nghĩa. Đảng Cộng sản Đông Dương ngày càng lớn mạnh, với hơn 760.000 đảng viên đã được rèn luyện trong đấu tranh cách mạng với tinh thần anh dũng, quật cường: “người trước ngã, người sau lên, một người hy sinh, trăm ngàn người khác thay thế”¹.

Nhờ những thắng lợi to lớn của cuộc kháng chiến, kiến quốc, vị thế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tuy còn non trẻ, đã không ngừng được củng cố và nâng cao trên trường quốc tế. Từ chỗ đơn độc, phải một mình “chiến đấu trong vòng vây” của chủ nghĩa thực dân, đế quốc, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.12, tr.8.

Liên Xô, Trung Quốc, mở rộng quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước dân chủ tiến bộ trên thế giới, nhận được sự hỗ trợ to lớn hơn của cộng đồng quốc tế cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam là nguồn cổ vũ, động viên cho phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa và nửa thuộc địa. Từ một xứ sở thuộc địa, không có tên trên bản đồ, đất nước Việt Nam đã được biết đến như một ngôi sao sáng trong phong trào cách mạng thế giới; dân tộc Việt Nam từ thân phận nô lệ, địa vị thấp kém đã vùng lên, trở thành biểu tượng cao đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Tuy nhiên, cuộc kháng chiến kiến quốc của nhân dân ta cũng đứng trước muôn vàn khó khăn, thử thách. Mâu thuẫn giữa các nước xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ngày càng trở nên sâu sắc. Chiến tranh lạnh giữa Mỹ và Liên Xô từng bước leo thang. Mỹ tăng cường hậu thuẫn các nước đế quốc, thực dân kéo dài sự xâm chiếm hệ thống thuộc địa; trực tiếp tham gia vào cuộc chiến tranh ở Triều Tiên; can thiệp ngày càng sâu hơn vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương, mưu đồ từng bước thay chân thực dân Pháp ở ba nước: Việt Nam, Lào và Campuchia.

Trước tình hình đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng được tiến hành tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang từ ngày 11 đến ngày 19/02/1951 để đề ra những chủ trương, quyết sách mới, phù hợp.

Chỉ rõ xã hội Việt Nam lúc bấy giờ là xã hội vừa có tính chất dân chủ nhân dân, vừa là một phần thuộc địa và nửa

phong kiến; mâu thuẫn giữa đế quốc xâm lược và dân tộc Việt Nam là mâu thuẫn chính, Đại hội xác định những nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi đế quốc xâm lược, trừ diệt các lực lượng phản quốc, xóa bỏ tàn dư phong kiến, kiến thiết một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, tự do, phú cường, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội¹. Báo cáo Chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày tại Đại hội nhấn mạnh: “Nhiệm vụ thứ nhất, nhiệm vụ cấp bách nhất của Đảng ta ngày nay là phải đưa *kháng chiến đến thắng lợi*. Các nhiệm vụ khác đều phải phụ thuộc vào đó”².

Về tính chất cách mạng Việt Nam, Đại hội cho rằng, cách mạng Việt Nam là một cuộc cách mạng điển hình ở một nước nông nghiệp, là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Tính chất của cách mạng Việt Nam là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta. Đó là: tiến lên chủ nghĩa xã hội không phải bắt đầu từ một cuộc bùng nổ cách mạng như cách mạng Nga năm 1917; không thiết lập công nông chuyên chính dưới hình thức Xôviết công nông binh, mà là chuyên chính dân chủ nhân dân dưới hình thức dân chủ cộng hòa.

Về con đường tiến lên của cách mạng, tại Đại hội, đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh đã trình bày Báo cáo Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.76.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.38.

nghĩa xã hội tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (còn gọi là Luận cương cách mạng Việt Nam) khẳng định, con đường tiến lên của cách mạng Việt Nam là “hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội”¹. Con đường đó bắt đầu từ xã hội có tính chất thuộc địa, nửa phong kiến qua dân chủ nhân dân, đi đến xã hội xã hội chủ nghĩa. Quá trình đó được tiến hành qua nhiều bước quá độ, nhiều trình độ quá độ khác nhau, trải qua ba giai đoạn: 1) Giai đoạn đánh đổ đế quốc xâm lược, giải phóng dân tộc, củng cố Nhà nước dân chủ nhân dân; 2) Giai đoạn xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện “người cày có ruộng”, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân; 3) Giai đoạn hoàn thành nhiệm vụ dân chủ nhân dân, đầy đủ điều kiện để tiến lên chủ nghĩa xã hội².

Đại hội đã thông qua Chính cương Đảng Lao động Việt Nam, xác định những vấn đề chiến lược của cách mạng Việt Nam; nêu rõ hai nhiệm vụ chính trong những nhiệm vụ mới của Đảng là: Đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam. Để hoàn thành nhiệm vụ đó, Chính cương đã đề ra những chính sách và biện pháp hệ trọng, cấp thiết như: củng cố chính quyền nhân dân, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất, phát huy tinh thần yêu nước và đầy mạnh thi đua ái quốc; xây dựng và phát triển quân đội nhân dân; mở mang

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.40.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.91-94.

kinh tế, bảo vệ nền kinh tế tài chính, đấu tranh kinh tế với địch, thực hiện công bằng, hợp lý về thuế khóa, triệt để giảm tô, giảm tức, tịch thu ruộng đất của thực dân và việt gian chia cho dân cày nghèo; phát triển văn hóa giáo dục; tích cực giúp đỡ cuộc kháng chiến của Campuchia và Lào, tiến tới thành lập Mặt trận thống nhất Việt - Miên - Lào; đấu tranh cho hòa bình thế giới, v.v...¹.

Về Đảng, Đại hội chỉ rõ, muốn làm tròn các nhiệm vụ đã đề ra, cần phải có một đảng hoạt động công khai, tổ chức phải phù hợp với tình hình thế giới và trong nước để đoàn kết và lãnh đạo toàn dân đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi hoàn toàn, giành lại thống nhất và độc lập hoàn toàn, thực hiện nền dân chủ mới, chuẩn bị điều kiện tiến lên chủ nghĩa xã hội². Đảng lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam để tăng cường vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, củng cố công - nông liên minh, gắn bó giai cấp công nhân với các tầng lớp nhân dân lao động khác, thống nhất các lực lượng dân tộc và dân chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Việc lấy tên Đảng Lao động Việt Nam là phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể, có lợi cho đoàn kết toàn dân đánh bại quân xâm lược, thống nhất mặt trận phản đế của ba dân tộc Việt - Miên - Lào chống đế quốc Pháp, Mỹ, giành độc lập hoàn toàn cho mỗi nước và cho toàn Đông Dương³. Đề cập đến tên Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "... Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của

1, 2, 3. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.111-156, 37, 156-157.

giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam...”¹. “Đảng Lao động Việt Nam phải là một đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để”². Đại hội đã suy tôn Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng Lao động Việt Nam, thể hiện sự tôn vinh đối với vai trò, công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo Đảng ta.

2. Tâm vóc, giá trị lâu dài và ý nghĩa to lớn của Đại hội II đối với tiến trình cách mạng Việt Nam

Tâm vóc, giá trị lâu dài và ý nghĩa to lớn của Đại hội II thể hiện ở sự thống nhất của “ý Đảng, lòng Dân”; sự kết hợp giữa trí tuệ của đội tiền phong lãnh đạo với mong muốn, khát vọng độc lập dân tộc và tự do, hạnh phúc của nhân dân; giữa sự lãnh đạo của Đảng với phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; sự vận dụng nhuần nhuyễn, sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; khẳng định mục tiêu đúng đắn: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh và toàn thể nhân dân ta đã lựa chọn.

Những nội dung mà Đại hội xác định, như: “phải tập trung mọi lực lượng để kháng chiến, đặng hoàn thành nhiệm vụ *giải phóng dân tộc*”³. “Tiêu diệt bọn xâm lược Pháp, đánh

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.160, 37, 76.

bại can thiệp Mỹ”¹, “Đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn”² đã trở thành kim chỉ nam, lời hiệu triệu khơi dậy sức mạnh vĩ đại, tinh thần đoàn kết của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Với việc khẳng định, sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam là tiến tới chủ nghĩa xã hội, quyết không thể có một con đường nào khác³, Chính cương Đảng Lao động Việt Nam đã trở thành văn kiện có giá trị sâu sắc về tổng kết thực tiễn và lý luận cách mạng, có ý nghĩa sâu sắc đối với tiến trình phát triển cách mạng Việt Nam sau này.

Những chủ trương về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng của Đại hội II đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Đại hội nêu rõ: “muốn xây dựng, củng cố và phát triển Đảng..., phải phát triển phê bình và tự phê bình”⁴. Cùng với phê bình và tự phê bình, phải “Đề cao công tác lý luận trong Đảng”⁵. Trong khi “Đề cao công tác lý luận trong Đảng”, phải “tổng kết kinh nghiệm để luôn luôn bồi bổ cho chính sách của Đảng và định ra những chính sách cụ thể của Đảng, đúc những kinh nghiệm lớn thành lý luận vận động cách mạng của ta”⁶, v.v..

Nhìn lại chặng đường 70 năm qua, chúng ta càng thấu hiểu và nhận thức rõ, đây là những bài học vô cùng quý báu về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam, càng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.13, tr.282.

2, 4, 5, 6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.33, 164, 164, 165.

3. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.87.

cho thấy rõ tầm quan trọng và ý nghĩa sâu sắc của những bài học này đối với việc đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới hiện nay, nhất là việc đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, đồng bộ, ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng những yêu cầu mới của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đại hội II đánh dấu bước trưởng thành quan trọng về tổ chức của phong trào cộng sản ở ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia. Theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ Đảng Cộng sản Đông Dương, để phù hợp với yêu cầu lãnh đạo cách mạng ở từng nước, mỗi nước nên tổ chức một Đảng Cộng sản để lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc mình. Thực hiện chủ trương đó, sau Đại hội, ba chính đảng được tổ chức riêng, vừa đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo sự nghiệp cách mạng ở mỗi nước, vừa tiếp tục đoàn kết, hỗ trợ, cùng nhau làm nên những thắng lợi to lớn trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của ba nước Đông Dương.

Thực hiện những chủ trương, quyết sách đúng đắn của Đại hội II, trong những năm 1951-1954, dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn với đỉnh cao là Chiến dịch Điện Biên Phủ “lùng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ, chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương, tạo điều kiện cho miền Bắc bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Khẳng định sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng - nhân tố quyết định nhất đối với mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II trình Đại hội III (tháng 9/1960), chỉ rõ: “Cuộc kháng chiến trường kỳ của nhân dân ta kết thúc thắng lợi. Thắng lợi đó chứng tỏ rằng trong điều kiện thế giới ngày nay, một dân tộc dù là nhỏ yếu, nhưng một khi đã đoàn kết đứng lên kiên quyết đấu tranh dưới sự lãnh đạo của chính đảng Mác - Lênin để giành độc lập và dân chủ, thì có đầy đủ lực lượng để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược. Thắng lợi đó cũng chứng tỏ rằng chỉ có sự lãnh đạo đúng đắn của giai cấp công nhân mà Đảng ta là đại biểu, chỉ có đường lối cách mạng khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin mới có thể tạo điều kiện cho nhân dân ta đánh bại quân thù và giành tự do, độc lập”¹.

Những quyết sách sáng suốt có ý nghĩa to lớn và tinh thần đoàn kết “quyết chiến, quyết thắng” của Đại hội II tiếp tục lan tỏa, là động lực quan trọng, nền tảng vững chắc để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đánh đuổi đế quốc Mỹ xâm lược ở miền Nam, từng bước giành thắng lợi, với đỉnh cao là Đại thắng mùa Xuân năm 1975, hoàn thành sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, 2002, t.21, tr.500.

3. Phát huy giá trị lý luận và thực tiễn của Đại hội II, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng

Đại hội II in đậm dấu ấn rất đặc biệt trong pho sử vàng của Đảng ta, là đại hội của tinh thần yêu nước, đại đoàn kết toàn dân tộc, của lòng quả cảm sắt son: “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, với một khát vọng cháy bỏng về độc lập, tự do cho dân tộc: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”¹. Trong Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”². Đó là tinh thần bất diệt, muôn đời tỏa sáng, dệt nên sức mạnh vĩ đại của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đưa con thuyền cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tiếp tục đẩy mạnh đồng bộ, toàn diện công cuộc đổi mới hôm nay, tinh thần đó là cội nguồn,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, 2000, t.8, tr.160.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.33-34.

tiếp tục là động lực và nguồn lực to lớn để chúng ta khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, đưa dân tộc Việt Nam bước tới đài vinh quang, sánh vai với các cường quốc năm châu như ước nguyện lúc sinh thời của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Đại hội II là bài học sâu sắc về quan điểm kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam; kiên định giữ vững cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; nắm chắc quan điểm bảo đảm trên hết và trước hết lợi ích quốc gia - dân tộc, giữ vững độc lập, tự chủ, mở rộng hợp tác quốc tế trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Những quyết sách từ Đại hội thẩm nhuần bài học “dân là gốc” được đúc rút từ lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, cho thấy mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, thể hiện “ý Đảng, lòng Dân” hòa chung trong khát vọng giành độc lập, giải phóng dân tộc, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

70 năm qua, những bài học đó không ngừng được làm sâu sắc thêm, tiếp tục là nền tảng vững chắc cho những chủ trương, quyết sách đúng đắn, sáng suốt của Đảng. Chánh cương văn tắt, sách lược văn tắt của Đảng (tháng 02/1930), Luận cương chánh trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 10/1930), Chính cương Đảng Lao động Việt Nam (năm 1951), Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, năm 1991 và Cương lĩnh bổ sung, phát triển (năm 2011) nối tiếp nhau là ngọn cờ tư tưởng, lý luận, ngọn cờ chiến đấu, ngọn cờ quy tụ sức mạnh đại đoàn kết

toàn dân tộc của Đảng, giành những thắng lợi vẻ vang trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc, thống nhất đất nước; lãnh đạo nhân dân ta vững bước đi lên, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới hôm nay.

Vai trò, ý nghĩa to lớn của Đại hội II cho chúng ta cơ sở để khẳng định rằng, sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam; cho chúng ta niềm tin vững chắc vào đường lối đổi mới đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta, vào tương lai rạng ngời của đất nước và dân tộc. Với những mục tiêu, định hướng, các nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược đã được Đại hội lần thứ XIII của Đảng đề ra, chúng ta càng có thêm ý chí quyết tâm lập nên kỳ tích phát triển mới, vì một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG*

Kiên định giương cao ngọn cờ “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội” - một cách tiếp cận hoàn toàn mới, chưa hề có tiền lệ trong lịch sử, là kết quả của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Ngọn cờ đó trở thành giá trị cốt lõi của nền tảng lý luận, tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam; là phương châm lãnh đạo sáng tạo của Đảng nhằm đưa cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và sự nghiệp phát triển đất nước đi đến thành công. Đó cũng là biểu trưng cho mối quan hệ biện chứng, thống nhất giữa lý luận với thực tiễn, giữa công tác lãnh đạo chính trị, tư tưởng với việc xác định đường lối, tổ chức hoạt động thực tiễn của Đảng trong suốt các chặng đường của cách mạng Việt Nam.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, khát vọng về một đất nước Việt Nam “độc lập - tự do - hạnh phúc” do Đảng Cộng sản Việt Nam hiệu triệu đã khơi dậy lòng yêu nước cho lớp lớp người Việt Nam vùng lên

* Bài đăng trên Tạp chí *Kinh tế và quản lý*, số 29/2019; có chỉnh sửa.

lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân; chiến đấu, lao động và học tập quên mình, không quản ngại gian khổ, hy sinh, giành thắng lợi vẻ vang trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, trong cuộc chiến đấu kiên cường bảo vệ Tổ quốc và trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu, quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Kiên định, vững vàng trên nền tảng tư tưởng, vận dụng hợp lý phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê nin, không máy móc, giáo điều, duy ý chí, để xuất đường lối đúng đắn, phù hợp với điều kiện cụ thể trên mỗi chặng đường cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tránh được những sai lầm mà các đảng cộng sản ở Liên Xô và Đông Âu trước đây mắc phải.

Sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là do những sai lầm trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội, đường lối chính trị và sự buông lỏng công tác tư tưởng, cán bộ của các chính đảng cầm quyền trong quá trình cải tổ. Bài học từ sự thất bại của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu chỉ ra rằng, công tác chính trị, tư tưởng và phát triển kinh tế - xã hội là hai nhiệm vụ không thể tách rời nhau. Chính sách kinh tế mới của Lê nin như một chỉ dẫn quan trọng cho đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với bối cảnh mới đã không được những người tiếp nối Lê nin ở Nga nhận thức rõ và thực hiện. Cùng với tệ quan liêu, xa dân, cơ chế kế hoạch hóa tập trung kéo dài, công tác tư tưởng và công tác vận động nhân dân yếu kém, v.v. mô hình

chủ nghĩa xã hội Xôviết đã bộc lộ nhiều hạn chế, từng bước suy yếu, rơi vào khủng hoảng và sụp đổ.

Xuất phát từ điều kiện lịch sử cụ thể và thực tiễn phát triển của Việt Nam, đặt trong xu thế phát triển chung của nhân loại, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới, chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Công cuộc đổi mới trở thành sản phẩm sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, của nhân dân Việt Nam¹, mang tầm vóc và ý nghĩa lịch sử to lớn trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội mang bản sắc Việt Nam, của Việt Nam và do con người Việt Nam thực hiện.

Đổi mới đặt ra những vấn đề lý luận và thực tiễn rất mới, có những vấn đề thâm chí trước đây chưa từng có. Đó là sự lựa chọn mang tính lịch sử, là một quá trình đổi mới sâu sắc cả về phương diện tư duy, nhận thức lý luận, cả về đường lối lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội và công tác chính trị, tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ một nền kinh tế khép kín, tự cấp tự túc, bị bao vây, cô lập, cấm vận, Việt Nam đã tiến hành mở cửa, trở thành thành viên của ASEAN, APEC, WTO và nhiều tổ chức quốc tế khác, tham gia nhiều định chế thương mại tự do, trong đó có những hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, hội nhập

1. Nguyễn Xuân Thắng: “Sức sống của học thuyết Mác, nền tảng lý luận của con đường phát triển Việt Nam”, Báo Nhân Dân, ngày 18/10/2018.

ngày càng sâu, rộng vào nền kinh tế toàn cầu. Từ chủ trương “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế”, Việt Nam đã nhấn mạnh phải “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế” rồi “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế” với sự thống nhất nhận thức rằng: hội nhập quốc tế không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà mở rộng ra tất cả các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh và văn hóa - xã hội, v.v.. Từ chỗ chỉ là thành viên tham gia các định chế quốc tế, Việt Nam đã chủ trương “chủ động và tích cực đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phương”, trở thành “đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”¹.

Từ chỗ phủ nhận cơ chế thị trường, đổi lập kinh tế thị trường với chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thống nhất nhận thức rằng, kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại, có nhiều mô hình, có thể được phát triển và thích ứng với nhiều hình thái kinh tế - xã hội khác nhau, dưới chủ nghĩa tư bản cũng như dưới chủ nghĩa xã hội. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam, do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng trong tiến trình lãnh đạo công cuộc đổi mới. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường; là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế. Định hướng xã hội chủ nghĩa được thể hiện

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, X, XI, XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, 2006, 2011, 2016.

nhất quán trên các phương diện của nền kinh tế - xã hội. Trong mục tiêu phát triển, đó là: lấy con người làm trung tâm, vì mọi người và do con người, nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Trong phương thức phát triển, đó là phát triển bền vững, bao trùm và hội nhập. Gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xây dựng con người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường trong từng bước đi và từng chính sách phát triển. Trong quản lý nền kinh tế, đó là phát huy đầy đủ vai trò chủ thể của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội, mọi người dân được tham gia và mọi người dân được hưởng lợi; bảo đảm vai trò quản lý nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam¹.

Đổi mới tư duy luôn là một quá trình cam go; phải táo bạo, quyết tâm và kiên trì đấu tranh trước mọi khó khăn để vượt qua tư duy cổ hữu của chính bản thân mình. Chủ trương phát triển kinh tế tư nhân là một ví dụ điển hình. Từ chối bị hạn chế và phân biệt đối xử, thậm chí có ý kiến cực đoan muốn xóa bỏ khu vực kinh tế tư nhân, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận định, kinh tế tư nhân có vị trí “quan trọng lâu dài”, “bộ phận cấu thành quan trọng” trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nếu không phát triển kinh tế tư nhân sẽ không thể phát huy được ưu thế của

1. Nguyễn Xuân Thắng: “Một số luận điểm mới về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 8/2016.

kinh tế thị trường, không thể khai thác và giải phóng được mọi nguồn lực phát triển to lớn của xã hội. Đặc biệt, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định mạnh mẽ và dứt khoát rằng, kinh tế tư nhân là “một động lực quan trọng của nền kinh tế”. Đây là bước đột phá về nhận thức so với giai đoạn trước, khi Việt Nam chỉ coi kinh tế tư nhân là “một trong những động lực của nền kinh tế”. Những thay đổi nhận thức như vậy đã lan tỏa mạnh mẽ trong đời sống xã hội và trong nền kinh tế. Từ tâm lý thụ động, chỉ trông chờ vào Nhà nước và tập thể, các tầng lớp nhân dân đã chuyển sang ý thức chủ động và tích cực trong phát triển sản xuất kinh doanh. Từ chỗ chỉ tồn tại manh mún, nhỏ lẻ, phi chính thức là chủ yếu, khu vực kinh tế tư nhân đã phát triển mạnh mẽ cả về lượng và chất. Từ chỗ xa lánh, coi nhẹ, xã hội đã ngày càng tôn trọng và vinh danh tầng lớp doanh nhân. Từ chỗ chỉ chú trọng chức năng quản lý, giám sát, kiểm tra, Chính phủ đã nhấn mạnh hơn vai trò phục vụ phát triển, đồng hành cùng doanh nghiệp, thúc đẩy làn sóng khởi nghiệp, tạo ra một sức sống mới cho nền kinh tế.

Việc cho phép đảng viên được làm kinh tế tư nhân cũng là một bước tiến nhận thức quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ thực tiễn trực tiếp lãnh đạo công cuộc đổi mới. Điều này xuất phát từ quan niệm đúng đắn rằng: với xuất phát điểm còn thấp, Việt Nam ngay từ đầu đã coi phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm, nâng cao trình độ lực lượng sản xuất; chú trọng huy động mọi nguồn lực, khai thác mọi

tiềm năng, phát huy sức mạnh của mọi tầng lớp nhân dân, mọi thành phần kinh tế. Hơn ai hết, đảng viên lại càng phải đi đầu thực hiện mục tiêu này, vừa làm giàu cho chính mình, vừa góp phần làm giàu cho xã hội trên cơ sở nghiêm chỉnh chấp hành luật pháp, chính sách của Nhà nước, gương mẫu chấp hành quy định và Điều lệ Đảng. Với chủ trương đó, Đảng đã vượt qua những rào cản của tư duy cũ để có nhận thức mới rằng, thay vì gắn khu vực kinh tế tư nhân với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, cần tập trung lãnh đạo khu vực này phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hơn 30 năm qua, từ một nền kinh tế nông nghiệp, lạc hậu, quy mô nhỏ bé, với GDP chỉ 14 tỷ USD và GDP bình quân đầu người chỉ khoảng 250 USD trong những năm đầu đổi mới, Việt Nam đã thoát ra khỏi tình trạng đói nghèo, chuyển sang thực hiện và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đến năm 2018, quy mô nền kinh tế Việt Nam đạt mức 245 tỷ USD. GDP bình quân đầu người đạt 2.580 USD và khoảng cách thu nhập giữa Việt Nam với các nước đi trước đã được thu hẹp đáng kể. Trong cơ cấu kinh tế, tỷ trọng khu vực nông nghiệp giảm xuống còn 14,8%; tỷ trọng các khu vực công nghiệp, dịch vụ tăng lên 85,2%. Đặc biệt, tỷ lệ người nghèo đã giảm mạnh, từ mức trên 60% vào những năm đầu đổi mới xuống mức khoảng 7% hiện nay. Nền kinh tế Việt Nam được nhiều tổ chức quốc tế đánh giá có triển vọng tốt, là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực và thế giới. Nếu duy trì được đà tăng trưởng như ba thập niên qua thì đến năm 2045 - kỷ niệm

mốc lịch sử 100 năm Việt Nam độc lập (1945 - 2045), quy mô GDP của Việt Nam ước sẽ đạt khoảng 2.500 tỷ USD, còn thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 18.000 USD¹.

Có được những kết quả ấn tượng trên là nhờ Đảng Cộng sản Việt Nam đã định hướng ngày càng rõ mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Từ chỗ tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng, chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên và lực lượng lao động có tiền công thấp, chuyển sang thực hiện phát triển kinh tế bền vững, bao trùm và hội nhập, tiến hành cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, hoàn thiện mô hình tăng trưởng đồng bộ trên cả phương diện kinh tế - kỹ thuật, kinh tế - xã hội và kinh tế - sinh thái, thúc đẩy phát triển trên nền tảng đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy lợi thế so sánh và chủ động hội nhập quốc tế.

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử đó tiếp tục khẳng định đường lối lãnh đạo sáng tạo, đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là: vững vàng trên nền tảng chủ nghĩa

1. Phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị trực tuyến của Chính phủ với các địa phương, ngày 28/12/2018, Hà Nội; Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2018 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, do Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc trình bày tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV, ngày 21/10/2018; Phát biểu của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Phiên giải trình và trả lời chất vấn kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV, ngày 01/11/2018.

Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đầy mạnh mẽ đổi mới sáng tạo, thực hiện phát triển bao trùm, bền vững và hội nhập quốc tế vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, để đến giữa thế kỷ XXI, đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp tiên tiến theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Càng đi sâu vào quá trình đổi mới, đổi mới với nhiều vấn đề khó khăn, phức tạp nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam càng ý thức được rằng, cần phải chú trọng lãnh đạo công tác chính trị, tư tưởng ngay trong mỗi bước đi và trong từng chủ trương, chính sách; phát huy dân chủ trong Đảng và trong xã hội, mở rộng thảo luận để tạo ra sự đồng thuận về đường lối, về xây dựng, ban hành và thực thi chủ trương, về tuyên truyền, phổ biến, vận động, kiểm tra, giám sát để tạo ra sự thống nhất về hành động với quyết tâm cao trong toàn hệ thống chính trị. Đồng thời, Đảng cũng hiểu rằng, muốn lãnh đạo công tác chính trị, tư tưởng hiệu quả và thành công, không thể chỉ đưa ra những khẩu hiệu suông mà phải gắn chặt chẽ với tổ chức thực tiễn đời sống. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: “phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt”. Uy tín của Đảng, niềm tin của nhân dân đối với Đảng, đổi mới với sự nghiệp cách mạng, sự bền vững, ổn định của chế độ chính trị, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa muôn thành công đều bắt nguồn từ kết quả của các công tác này.

Trước hết, sự lãnh đạo của Đảng vững vàng bằng lý luận và trên nền tảng lý luận đúng đắn. Đây là linh hồn của công tác lãnh đạo về chính trị, tư tưởng của Đảng. Một đảng tiên phong cần có lý luận tiên phong dẫn đường. Đảng đi tiên phong trong việc thiết kế, định hướng tầm nhìn và khát vọng phát triển cho dân tộc. Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội để hiện thực hóa tầm nhìn và khát vọng đó. Sở dĩ một số chính đảng trên thế giới lâm vào khủng hoảng hoặc thoái trào vì không có một nền tảng tư tưởng vững chắc, không có lý luận tiên phong soi đường. Lý luận của Đảng có vững, quyết tâm chính trị mới cao; việc xây dựng và ban hành đường lối, chủ trương mới chắc; công tác tuyên truyền, vận động trong nhân dân mới thông; việc bảo vệ nền tảng tư tưởng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc đường lối của Đảng mới kiên định, kiên quyết và giành thắng lợi.

Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội và công tác chính trị, tư tưởng dựa vào lý luận và bám sát thực tiễn. Trên nguyên tắc thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý, Đảng coi trọng tổng kết thực tiễn để phát triển lý luận, tháo gỡ những vướng mắc trong nhận thức tư tưởng, phát hiện ra những kinh nghiệm hay, những mô hình tốt, mạnh dạn, chủ động kịp thời có chủ trương xử lý hiệu quả những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn; giải quyết tốt, bảo đảm hài hòa các mối quan hệ lớn về chính trị, kinh tế, xã hội, công nghệ, môi trường, v.v. phản ánh quy luật đổi mới và phát triển ở Việt Nam.

Xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn sinh động luôn thay đổi không ngừng trong bối cảnh mới của thế giới, khu vực và đất nước, Đảng lãnh đạo đổi mới tư duy phát triển Việt Nam phù hợp với xu thế phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, phát triển bao trùm và bền vững, v.v; khai thác có hiệu quả những thành tựu phát triển của thế giới, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tiếp thu có chọn lọc những giá trị tiến bộ của nhân loại về phát triển toàn diện con người, vì con người, lấy con người làm trung tâm, do con người và giải phóng con người, v.v. phù hợp với triết lý phát triển của dân tộc Việt Nam và với bản chất nhân văn cao đẹp của chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng thông qua Nhà nước phải được thể chế hóa; và trước hết, phải đổi mới có hiệu quả tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước và của cả hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Đây là một trong những điểm mới, nổi bật và nằm trong số 6 nhiệm vụ trọng tâm mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định trong nhiệm kỳ của Đại hội XII.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã và đang chuyển mạnh sang tư duy xây dựng bộ máy tổ chức đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, khoa học, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; chú trọng tăng cường thể chế hóa việc xây dựng và thực hiện nghiêm túc đường lối, chủ trương, nghị quyết, nhất là công tác kiểm tra, giám sát, tổng kết, đánh giá dựa trên hiệu quả công việc và sản phẩm đều ra có định lượng để đưa nghị quyết của Đảng thực sự đi vào cuộc sống. Đảng tiến hành cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái, tiêu cực, “tự diễn

biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, thể hiện quyết tâm làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, làm cho cả hệ thống chính trị vận hành đồng bộ, có kỷ cương, kỷ luật nghiêm minh.

Đóng vai trò hạt nhân của hệ thống chính trị, Đảng không bao biện, làm thay mọi việc cho Nhà nước, mà thông qua sử dụng bộ máy chính quyền nhà nước để thể chế hóa các chủ trương, đường lối và thực hiện sự lãnh đạo của mình. Đảng không đứng trên ra lệnh, cũng hoàn toàn không đứng bên cạnh để giám sát, mà Đảng “hóa thân” vào Nhà nước. Đây là đặc trưng nổi bật, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, khoa học và hiệu quả trong phương thức lãnh đạo của Đảng cầm quyền. Do vậy, xây dựng Đảng vững mạnh gắn liền với xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, vững mạnh theo những chuẩn mực quản trị tốt, phục vụ phát triển và có khả năng xử lý, ứng phó linh hoạt với những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn. Đồng thời, trong điều kiện Đảng duy nhất cầm quyền thì việc phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và sự tham gia rộng rãi của quần chúng nhân dân trong giám sát, phản biện xã hội là yếu tố hết sức quan trọng.

Thứ ba, sự lãnh đạo của Đảng bằng trí tuệ, sự tinh thông của đội ngũ cán bộ, đảng viên có đức, có tài, đáp ứng yêu cầu mới của đất nước.

Tư duy, trí tuệ và bản lĩnh lãnh đạo của Đảng nằm trong và thể hiện ở đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đảng “hóa thân” vào Nhà nước, lãnh đạo Nhà nước thông qua đội ngũ cán bộ, đảng viên. Những người gương mẫu, đi đầu trong thực hiện

chủ trương, đường lối của Đảng trước hết phải là đội ngũ cán bộ, đảng viên. Công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, tư tưởng của Đảng trong nhân dân được thực hiện không gì tốt bằng sự gương mẫu của các cán bộ, đảng viên, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”¹.

Do vậy, Đảng luôn chú trọng công tác xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ - coi đây là “then chốt” của “nhiệm vụ then chốt”. Trong thời gian qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiến hành đổi mới tư duy, cách làm, khắc phục những hạn chế, yếu kém trong từng khâu của công tác cán bộ; lựa chọn đội ngũ cán bộ, đảng viên hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội theo vị trí thích hợp, đúng quy trình, quy định, đúng năng lực sở trường. Đảng bồi sung, hoàn thiện các cơ chế đánh giá, giám sát cán bộ, quan tâm hơn tới chính sách đãi ngộ và tiền lương; yêu cầu phát huy vai trò nêu gương của mọi cán bộ, đảng viên, người có chức vụ càng cao lại càng phải gương mẫu; đồng thời, chú ý phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng cán bộ, trọng dụng nhân tài.

Thứ tư, sự lãnh đạo của Đảng luôn bền chặt, gắn bó mật thiết với nhân dân. Tư tưởng “dân là gốc” là truyền thống đạo lý muôn đời của dân tộc Việt Nam luôn được các bậc tiền nhân vận dụng trong suốt tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước. Trong công việc của Đảng, của Nhà nước, Chủ tịch

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.284.

Hồ Chí Minh từng nói: “*Dẽ mười lần không dân cõng chịu, Khó trăm lần dân liệu cõng xong*”¹. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn ý thức được rằng: phải luôn vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đảng lấy lợi ích của nhân dân để định hướng mục tiêu lãnh đạo; lấy niềm tin của nhân dân làm chỗ dựa cho hành động; và lấy sự hài lòng của nhân dân làm thước đo kết quả. Người dân ở vị trí trung tâm trong mọi khâu của quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm mọi người dân tham gia, mọi người dân hưởng lợi từ quá trình phát triển, vừa là mục tiêu, vừa là thuộc tính của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Việc xây dựng đoàn kết, thống nhất trong Đảng gắn liền với xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, sự đồng thuận trong nhân dân. Đảng vừa lắng nghe ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, nhất là những ý kiến giám sát, phản biện mang tính xây dựng; vừa tuyên truyền, giải thích cho nhân dân hiểu rõ, hiểu đúng các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, đồng thời quyết liệt đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc đường lối của Đảng, xử phạt nghiêm minh các hành vi chống phá chế độ, vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.280.

Tóm lại, vững vàng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phát triển bền vững, bao trùm và hội nhập dựa trên đổi mới sáng tạo; đổi mới đồng bộ, hài hòa thể chế kinh tế với thể chế chính trị và thể chế xã hội mà trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thể chế Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và thể chế dân chủ xã hội chủ nghĩa; xây dựng Đảng vững bằng lý luận, mạnh bằng thể chế, trí tuệ bằng cán bộ và bền chặt với nhân dân là những yêu cầu tiên quyết, điều kiện thành công cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - TRÍ TUỆ, BẢN LĨNH, ĐỔI MỚI VÌ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI*

Mùa Xuân Canh Tý 2020, mùa Xuân khởi đầu thập kỷ thứ ba của thế kỷ XXI, cũng là thời điểm Đảng Cộng sản Việt Nam trải qua chặng đường 90 năm xây dựng, trưởng thành và phát triển. Được Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, với đường lối cách mạng đúng đắn, khoa học và sáng tạo, với đội ngũ đảng viên kiên trung, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân ta lập nên những kỳ tích vĩ vang làm rạng danh non sông, đất nước.

Thứ nhất, Đảng thể hiện trí tuệ, bản lĩnh và sức sáng tạo lớn lao trên các chặng đường lịch sử 90 năm qua của cách mạng Việt Nam.

Từ cuối thế kỷ XIX, Việt Nam bị thực dân Pháp xâm lược. Không cam chịu kiếp làm nô lệ, nhân dân Việt Nam tập hợp dưới những ngọn cờ yêu nước đã anh dũng đứng lên đấu tranh chống lại ách ngoại xâm, song đều không thành công bởi thiếu một đường lối cách mạng đúng đắn. Từ việc nghiên cứu, tiếp thu và phát triển lý luận cách mạng thế giới, Lãnh

* Bài đăng trên Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 2/2020; có chỉnh sửa.

tụ Nguyễn Ái Quốc đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, đưa phong trào yêu nước Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản, chuẩn bị toàn diện về chính trị, tư tưởng và tổ chức để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào mùa Xuân năm 1930.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử, chấm dứt thời kỳ bế tắc về đường lối, khủng hoảng về lực lượng lãnh đạo, tạo nên một bước ngoặt to lớn của cách mạng Việt Nam, vượt qua những chặng đường đấu tranh oanh liệt, thể hiện trí tuệ, bản lĩnh và sức sáng tạo của Đảng, tạo nên những kỳ tích của dân tộc Việt Nam.

Chỉ mới thành lập được 15 năm, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta làm nên thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, mở ra kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại và đoàn kết quốc tế, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta giành thắng lợi vẻ vang trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, làm nên một Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”. Đảng đã phát huy cao độ trí tuệ và bản lĩnh chính trị, đề ra đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đúng đắn, kết hợp mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Đường lối

sáng tạo đó đã khơi dậy sức mạnh của quân, dân cả nước, tranh thủ sự ủng hộ to lớn của bạn bè quốc tế, đánh bại các kế hoạch xâm lược, leo thang chiến tranh của kẻ thù, giành thắng lợi trọn vẹn trong mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Kiên định với mục tiêu đã chọn, vững vàng trước những biến động của thời cuộc, nhất là khi mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, Đảng ta đã khởi xướng công cuộc đổi mới, chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường, đưa đất nước từng bước thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của 35 năm đổi mới chứng tỏ nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã từng bước hoàn thiện, được thực tiễn kiểm nghiệm là đúng đắn; quá trình đổi mới là sản phẩm sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, của nhân dân Việt Nam. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định nhất đối với mọi thành tựu của đất nước ta, nhân dân ta trên mỗi chặng đường cách mạng.

Thứ hai, Đảng thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, lãnh đạo công tác xây dựng hệ thống chính trị toàn diện, vững mạnh, ngang tầm nhiệm vụ.

Tự đổi mới, tự chỉnh đốn luôn là một yêu cầu tất yếu khách quan và thường xuyên đối với một đảng cầm quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chỉ rõ: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người

yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”¹.

Từ khi ra đời đến nay, công tác xây dựng Đảng luôn đồng hành với quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng. Nhờ đó, ngay cả khi gặp hoàn cảnh khó khăn, ngặt nghèo, Đảng vẫn vững vàng và phát triển; đội ngũ cán bộ, đảng viên vẫn thường xuyên rèn luyện và trau dồi bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng, bền gan chiến đấu, kiên cường xông pha để đưa cách mạng đi đến thắng lợi.

Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng luôn được đẩy mạnh, là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, thường xuyên, bảo đảm Đảng đủ năng lực và sức chiến đấu để gánh vác những nhiệm vụ hết sức mới mẻ và nặng nề. Qua các nhiệm kỳ Đại hội Đảng, nhất là kể từ đầu nhiệm kỳ Đại hội lần thứ XIII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện cả về tư tưởng, chính trị, đạo đức, tổ chức, bộ máy và công tác cán bộ. Nhờ đó, công tác xây dựng Đảng thời gian qua đã có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, được thực hiện quyết liệt; từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống; những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của một bộ phận cán bộ, đảng viên; khắc phục bước đầu một số khuyết điểm, hạn chế trong công tác cán bộ, trong việc thực hiện các nguyên tắc của Đảng; góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr.672.

Thực hiện chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng, hệ thống chính trị ngày càng được củng cố. Các quan điểm mới về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được bổ sung và hoàn thiện qua Cương lĩnh của Đảng, được thể chế hóa một bước quan trọng trong Hiến pháp năm 2013 và hệ thống pháp luật của Nhà nước. Tổ chức và cơ chế hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, hệ thống các cơ quan tư pháp, chính quyền địa phương có những đổi mới và từng bước được hoàn thiện. Hệ thống pháp luật được đổi mới, sửa đổi, bổ sung ngày càng đầy đủ và phù hợp hơn; từng bước tiếp cận với các chuẩn mực pháp lý quốc tế và đi vào cuộc sống. Vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong hệ thống chính trị được xác định ngày càng rõ hơn và từng bước được thể chế hóa thành các quy định của pháp luật, thích ứng với quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Phương thức lãnh đạo của Đảng đổi với các thiết chế trong hệ thống chính trị ngày càng hoàn thiện phù hợp với bối cảnh phát triển mới của đất nước.

Thứ ba, Đảng lãnh đạo sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và con người Việt Nam đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng ta nhận thức ngày càng đầy đủ, sát thực tế hơn về mục tiêu, bản chất, đặc trưng của việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, v.v..

Sau gần 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, quy mô, tiềm lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên. Năm 2019 vừa qua, trước nhiều biến động, rủi ro của kinh tế khu vực và thế giới, Việt Nam vẫn giữ được ổn định kinh tế vĩ mô; tăng trưởng GDP đạt trên 7%, cao hơn kế hoạch đề ra; quy mô nền kinh tế đạt trên 262 tỷ USD; thu nhập bình quân đầu người đạt gần 2.800 USD; lạm phát được kiểm soát ở mức dưới 3%; kim ngạch xuất, nhập khẩu vượt ngưỡng 500 tỷ USD, xuất siêu hơn 10 tỷ USD¹. Việt Nam lần đầu tiên vươn lên trong nửa trên của bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh toàn cầu của Diễn đàn kinh tế thế giới, đứng vị trí 67/141 nền kinh tế²; được tạp chí US News & World Report xếp thứ 8 trong số các nền kinh tế tốt nhất thế giới để đầu tư³. Hàng tin Bloomberg dẫn số liệu từ Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đánh giá Việt Nam nằm trong nhóm 20 nền kinh tế đóng góp nhiều nhất vào tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2019⁴.

Trong quá trình chuyển đổi sang cơ chế thị trường, Đảng ta luôn nhất quán chủ trương tăng trưởng kinh tế gắn với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội. Nhờ đó, chính sách xã hội được thực hiện ngày càng tốt hơn, trước hết là chính sách xóa đói giảm nghèo. Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia thành công nhất về xóa đói giảm nghèo trong số các

1. Phát biểu khai mạc của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị Chính phủ với các địa phương, tại Hà Nội, ngày 30/12/2019.

2. World Economic Forum, 2019, Global Competitiveness Report 2019: How to end a lost decade of productivity growth, WEF, Geneva Switzerland.

3. <https://www.unews.com/news/best-countries/best-invest-in>.

4. <https://www.bloomberg.com/news/articles/2019-10-19/which-20-countries-will-dominate-global-growth-in-2024>.

quốc gia đang phát triển. Sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân, thực hiện chính sách an sinh xã hội, phổ cập giáo dục có những tiến bộ rõ rệt, thể hiện rõ bản chất tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội.

Với mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và phát triển toàn diện con người Việt Nam, Đảng ta đã cho thấy một tầm nhìn chiến lược hết sức đúng đắn trong phát triển văn hóa, con người Việt Nam từng bước đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế. Cũng từ rất sớm, Đảng ta đã xác định “khoa học công nghệ và giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu”, từ đó có chủ trương ưu tiên đầu tư cho khoa học công nghệ; từng bước tháo gỡ, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về khoa học công nghệ; thực hiện thu hút, trọng dụng, đai ngộ nhân tài; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng có hiệu quả nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ tư, Đảng lãnh đạo công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng đã nhận thức ngày càng đầy đủ, sâu sắc hơn hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; nhận thức rõ hơn, đầy đủ hơn về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân. Với việc phân tích, dự báo đúng, sát hợp với tình hình thế giới và đất nước, Đảng ta đã đề ra quan điểm và phương châm chỉ đạo nâng cao sức mạnh tổng hợp để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi chưa có nguy cơ trên cơ sở xây dựng thế trận lòng dân vững chắc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với xây dựng nền an ninh nhân dân; linh hoạt trong xử lý các tình huống rủi ro, bất

ngờ. Chúng ta đã bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lợi ích quốc gia dân tộc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, bảo vệ nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Đảng ta đã phát triển và ngày càng nâng tầm đường lối đổi ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; là đối tác tin cậy, là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo môi trường thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đến nay, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 189 nước trên thế giới, trong đó xác lập nhiều quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện; là thành viên chính thức của nhiều tổ chức quốc tế và khu vực; tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do, nhất là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Việt Nam đã từng bước thiết lập và giữ được quan hệ ổn định, tích cực với các đối tác, từng bước xử lý ổn thỏa các vấn đề tồn tại, phát sinh; đưa quan hệ với các nước láng giềng, khu vực, các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và bạn bè truyền thống ngày càng đi vào chiều sâu. Đặc biệt, Việt Nam ngày càng thể hiện uy tín và vị thế cao trên trường quốc tế thông qua vai trò then chốt trong những tổ chức khu vực và quốc tế, tổ chức thành công các sự kiện quan trọng, thực hiện tốt nghĩa vụ giữ gìn hòa bình quốc tế...

Thứ năm, Đảng lãnh đạo đầy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, thực hiện tầm nhìn và định hướng phát triển đất nước trong bối cảnh mới.

Trải qua chặng đường 35 năm, sự nghiệp đổi mới do Đảng lãnh đạo đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử; đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, vị thế, uy tín quốc tế

như ngày nay. Tuy nhiên, chúng ta không thể tự mãn, chủ quan mà “say sưa với ánh hào quang của vòng nguyệt quế”¹. Công cuộc đổi mới vẫn đang phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức, nguy cơ tụt hậu vẫn còn, đòi hỏi Đảng phải vững vàng bản lĩnh, tiếp tục nâng cao tầm trí tuệ để lãnh đạo giải quyết những khó khăn mới đặt ra, tiếp tục đưa đất nước phát triển.

Trong mọi hoàn cảnh, phải vững vàng trên nền tảng tư tưởng của Đảng; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới; tiếp tục đổi mới, phát triển lý luận của Đảng lên một tầm cao mới; đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc, thù địch chống phá Đảng, Nhà nước và nhân dân. Đội ngũ cán bộ của Đảng cần tiếp tục trau dồi đạo đức cách mạng, trí tuệ, bản lĩnh, có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ để lãnh đạo sự nghiệp đổi mới trong những chặng đường tiếp theo. Đảng cần phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, ý chí, sức mạnh con người Việt Nam; khơi dậy khát vọng phát triển của toàn dân tộc để thực hiện tầm nhìn đưa Việt Nam trở thành một nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ. Điều đó cũng có nghĩa là tiếp tục khẳng định trí tuệ, bản lĩnh, khát vọng, quyết tâm và sức sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam để làm nên những kỳ tích phát triển mới, thực hiện nguyện ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại: đưa dân tộc Việt Nam bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu.

1. Phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị trực tuyến cuối năm của Chính phủ với lãnh đạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại Hà Nội, ngày 28/12/2020.

50 NĂM THỰC HIỆN *DI CHÚC* CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH*

Tháng 5 năm 1965, nhân dịp sinh nhật lần thứ 75, dù “tinh thần vẫn sáng suốt, thân thể vẫn mạnh khoẻ”, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ý thức mình thuộc lớp người “xưa nay hiếm”; cho nên theo truyền thống phương Đông, Người có ý định viết *Di chúc*, nhưng như cách nói của Người là: để lại mär lời, phòng khi đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê nin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì “đồng bào cả nước và đồng chí trong Đảng khỏi cảm thấy đột ngột”¹. Thực hiện ý tưởng đó, ngày 19 tháng 5 năm 1965, Người viết những dòng đầu tiên của bản *Di chúc* - lấy tên là “Tài liệu tuyệt đối bí mật”. Từ đó, vào dịp sinh nhật hàng năm², Người đều xem lại, bổ sung, cân nhắc từng câu, từng ý, lần cuối cùng Người xem lại bản *Di chúc* vào ngày 19/5/1969.

* Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo khoa học “50 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh” tổ chức ngày 28/8/2019 tại Hà Nội; in trong cuốn sách: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Văn phòng Chủ tịch nước, Ban Tuyên giáo Trung ương: *50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp quốc gia)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019; có chỉnh sửa.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 611.

2. Năm 1967, đúng dịp sinh nhật (ngày 19/5/1967), Người đang ở thăm Trung Quốc, nên Người không xem lại.

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời (ngày 2/9/1969), Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) đã giao cho Bộ Chính trị chịu trách nhiệm công bố *Di chúc* của Người. Đồng thời, tổ chức đợt sinh hoạt chính trị rộng khắp trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, nghiên cứu, học tập và thực hiện *Di chúc*. Ngày 9/9/1969, bản *Di chúc* được công bố tại Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gây xúc động mạnh mẽ đối với các tầng lớp nhân dân Việt Nam và bạn bè quốc tế. Bởi đó là sản phẩm kết tụ tình cảm cao đẹp của một nhà yêu nước vĩ đại, là sự kết tinh những giá trị văn hóa cao đẹp của dân tộc và nhân loại, thể hiện tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

Di chúc của Người là sự tổng kết, đúc rút những bài học quý báu của Đảng và cách mạng Việt Nam, thể hiện quyết tâm và niềm tin sắt đá vào thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Nội dung *Di chúc* có tính chất của một cương lĩnh về những chủ trương, định hướng lớn về công việc xây dựng đất nước sau ngày Bắc Nam thống nhất; đặc biệt, thể hiện tư tưởng nhân văn cao cả của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chăm lo giáo dục bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân, phát triển nguồn lực con người, nhất là các đối tượng chính sách xã hội, v.v.. *Di chúc* là sản phẩm của một trí tuệ lỗi lạc, một trái tim nhiệt huyết, yêu thương, “một cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ hy sinh, vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ”¹.

1. *Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam*, do đồng chí Lê Duẩn - Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc tại Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh (ngày 9/9/1969).

1. Di chúc - sự tổng kết những bài học quý báu về công tác xây dựng Đảng

Là người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, trước lúc đi xa, điều đầu tiên Người di huấn với Đảng - với tư cách là Đảng cầm quyền, để Đảng thực sự là một đảng chân chính cách mạng, xứng đáng là người lãnh đạo, phải quán triệt sâu sắc rằng: “Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”¹. Đảng là người lãnh đạo, là “trí khôn”, “là bàn chỉ Nam” dẫn dắt cách mạng Việt Nam đến thắng lợi. Chính vì vậy, phải thường xuyên chăm lo xây dựng, chỉnh đốn Đảng, để Đảng vững mạnh về mọi mặt. Muốn làm cho Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, thì vấn đề đoàn kết trong Đảng phải đặt lên hàng đầu. *Di chúc* của Người viết: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”²; “mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân”³. Đoàn kết nhất trí trong Đảng vừa là một nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng, vừa là hạt nhân của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - nền tảng sức mạnh của những thắng lợi của cách mạng Việt Nam, cũng là biện pháp căn bản để giành thắng lợi trong “cuộc chiến đấu khổng lồ chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.289.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.611, 616.

những cái mới mẻ, tốt tươi”. Cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết nhất trí của Đảng là *thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình* và điều đặc biệt quan trọng là: “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”¹.

Sớm nhận thức rõ vai trò là nền gốc, là ngọn nguồn sức mạnh của đạo đức trong xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên ngay từ khi đào tạo những “hạt giống đỏ” của cách mạng Việt Nam, đặc biệt là sau ngày Đảng trở thành Đảng cầm quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh dặn lại trong *Di chúc*: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người dày tớ thật trung thành của nhân dân”². Những chữ “thật” được nhắc đi nhắc lại 4 lần trong một đoạn văn ngắn như nhấn gửi thông điệp mạnh mẽ của Người rằng đạo đức của Đảng phải là chân đạo đức, phải là đạo đức hành động, đạo đức nêu gương, nâng cao đạo đức cách mạng luôn đi liền với quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

2. *Di chúc* khẳng định niềm tin và sự cổ vũ toàn dân tộc Việt Nam quyết tâm hoàn thành thắng lợi sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Di chúc được Chủ tịch Hồ Chí Minh viết trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đang vào hồi gay go, ác liệt, nhưng với tinh thần “Không có gì quý

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.611, 611-612.

hơn độc lập tự do”, Người khẳng định niềm tin không gì lay chuyển được vào tương lai thắng lợi của cuộc kháng chiến của quân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược. Người nêu rõ, dù cuộc kháng chiến có thể còn kéo dài mấy năm nữa, đồng bào ta có thể còn phải hy sinh nhiều của, nhiều người, quân dân ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn; “Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”¹. Niềm tin tất thắng trong *Di chúc* được truyền đi, lan tỏa và trở thành niềm tin và quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Đó là nguồn cổ vũ, động viên tinh thần hết sức to lớn và mạnh mẽ, thúc đẩy quân và dân ta vượt qua mọi gian khó, hy sinh, tiến lên đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

3. Bản *Di chúc* với những chủ trương định hướng lớn về xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân

Với tầm nhìn vượt thời gian, thấy trước thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đồng thời phác thảo những định hướng xây dựng lại đất nước trong tương lai. Với tính chất của một cương lĩnh xây dựng, đổi mới đất nước, Người căn dặn: “Chúng ta phải có kế hoạch săn sàng, rõ ràng, chu đáo, để tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm”².

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.612, 616.

Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn phán đấu để hiện thực hóa *ham muốn tốt bậc* là: “làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”¹. Trong *Di chúc*, Người đề cập đến những công việc cần phải tiến hành sau ngày đất nước hòa bình, thống nhất: “Đầu tiên là công việc đổi với *con người*”², con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh là toàn thể nhân dân. Người căn dặn Đảng phải có trách nhiệm xác định chăm lo phát triển kinh tế, cải thiện đời sống của nhân dân: “Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống* của nhân dân”³. Đó là “kế hoạch xây dựng lại thành phố và làng mạc đẹp đẽ, đàng hoàng hơn trước chiến tranh. Khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế. Phát triển công tác vệ sinh, y tế. Sửa đổi chế độ giáo dục cho hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân, như phát triển các trường nửa ngày học tập nửa ngày lao động. Củng cố quốc phòng. Chuẩn bị mọi việc để thống nhất Tổ quốc...”⁴.

Đổi với thế hệ trẻ, Người đặc biệt quan tâm đến công tác bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau, “là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”, Người di huấn: “Đảng cần phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên””⁵. Người cũng đề nghị Đảng và Chính phủ cần

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.187.

2, 3, 4, 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr. 616, 612, 617, 612.

chọn một số thanh niên ưu tú nhất trong lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong cử đi học thêm các ngành nghề để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc, để trở thành đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Với những đổi tượng thuộc diện chính sách, Người nhắc nhở Đảng và Chính phủ phải có chính sách đền ơn, đáp nghĩa đối với các thương binh, liệt sĩ và gia đình của họ, để vừa giáo dục truyền thống cách mạng, vừa giúp họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét, thực hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc.

Đối với phụ nữ, trên cơ sở ghi nhận vai trò xứng đáng của phụ nữ trong sự nghiệp cách mạng, Người đề nghị: “Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc, kể cả công việc lãnh đạo... Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ”¹. Đồng thời, nêu cao tinh thần tự lực tự cường, Người nhắc nhở: “Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên”².

Đối với nông dân, Người khẳng định đó là những người “luôn luôn hết sức trung thành với Đảng và Chính phủ ta, ra sức góp của góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ”³. Người đề nghị Đảng và Chính phủ thực hiện chính sách khuyến nông, miễn giảm thuế nông nghiệp 1 năm “để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đầy mạnh sản xuất”⁴. Với những nẠn nhÂN của chế độ xã hội

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.15, tr. 617, 617, 617, 617.*

cũ, Người yêu cầu vừa giáo dục, vừa dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp cho họ có công ăn việc làm để trở thành những người lao động lương thiện. Đó không chỉ là sự quan tâm, mà những chỉ dẫn của Người thể hiện tính nhân văn sâu sắc. Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, tư tưởng nhân văn xuyên suốt là mục tiêu vì con người, giải phóng con người khỏi những áp bức, bất công xã hội; mang lại tự do, hạnh phúc thực sự cho mỗi người, khơi dậy và làm cho phần thiêng, phần tốt đẹp trong mỗi người ngày càng nảy nở như hoa mùa xuân. Rõ ràng, sự nghiệp cách mạng do Người khởi xướng lãnh đạo luôn mang giá trị nhân văn sâu sắc.

4. Về đoàn kết quốc tế

Theo quan điểm của Người: “Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của lực lượng hòa bình dân chủ, xã hội chủ nghĩa trên thế giới”¹, bởi vậy, sự đoàn kết và ủng hộ của cộng đồng quốc tế có vai trò to lớn đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đồng thời, thắng lợi của cách mạng Việt Nam cũng góp phần tích cực cho phong trào cách mạng thế giới, vì hòa bình và tiến bộ nhân loại. Với truyền thống dân tộc, “ăn quả nhớ người trồng cây”; “có trước, có sau”, trước lúc đi xa, nhận thấy sự bất hòa, chia rẽ giữa các nước anh em, Người rất đau lòng. Người căn dặn: “Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình”².

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.674.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.623.

5. Về việc riêng

Trong *Di chúc*, Người viết: “Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”¹; “Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng,... các đồng chí, các bàu bạn, và các cháu thanh niên nhi đồng quốc tế”². Những lời cuối cùng trong *Di chúc* đã chứa đựng tình cảm yêu thương rộng lớn và tâm huyết của một bậc đại nhân, đại trí, đại dung Hồ Chí Minh.

6. *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh với công cuộc đổi mới hiện nay

Thực hiện lời dặn thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân ta đã hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong sự nghiệp đổi mới, Đảng, Nhà nước ta đã triệt để vận dụng và hiện thực hóa những lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong *Di chúc*.

Về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, với vai trò là Đảng cầm quyền, để Đảng ta xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng đặt ra, trong các kỳ Đại hội, Đảng đã xây dựng và bổ sung Cương lĩnh, Điều lệ Đảng; xác định

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.615, 613.

xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt và chú trọng xây dựng Đảng về cả chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra các nghị quyết chuyên đề về công tác xây dựng Đảng: Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và XII. Gắn liền với việc thực hiện các nghị quyết chuyên đề về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Bộ Chính trị liên tục phát động, triển khai thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân.

Kết quả là, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tình hình chính trị được ổn định, các cấp ủy, tổ chức đảng từ các ban, ngành Trung ương đến các chi bộ cơ sở, đã có những chuyển biến mạnh mẽ. Sức chiến đấu của nhiều chi bộ, đảng bộ và nhiều đảng viên đã được tăng lên. Sức chiến đấu của Đảng thể hiện nổi bật ở tinh thần đấu tranh không khoan nhượng với các biểu hiện tư tưởng lệch lạc, sai lầm, phản động, độc hại; chống tham ô, tham nhũng, nhằm ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; bảo vệ nền tảng tư tưởng chính trị của Đảng, bảo vệ chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, tạo ra sự thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội; củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng.

Trên các phương diện kinh tế, văn hóa - xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh... nhìn tổng thể, công cuộc đổi mới đã đạt được những *thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử* trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, nhân dân ta đã giành được những kết

quả rất to lớn trong việc chăm lo phát triển con người; phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Từ một nước nông nghiệp nghèo nàn, kém phát triển, bị tàn phá nặng nề bởi chiến tranh, bị lâm vào khủng hoảng trầm trọng, nhân dân không đủ lương thực và hàng tiêu dùng... sau hơn 30 năm đổi mới, nước ta thoát khỏi đói nghèo, trở thành quốc gia có thu nhập trung bình; nhiều lĩnh vực sản xuất hàng hóa, nhất là các mặt hàng nông, lâm, hải sản... đứng tốp đầu thế giới; đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao cả về vật chất và tinh thần. Trên lĩnh vực đối ngoại, uy tín của Việt Nam không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế. Từ một nước bị bao vây, cấm vận, hiện nay nước ta đã có quan hệ ngoại giao với hơn 190 quốc gia và vùng lãnh thổ; quan hệ thương mại với hơn 230 đối tác trên thế giới; Việt Nam trở thành thành viên chính thức trong nhiều tổ chức của Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế; Các mặt y tế, giáo dục, quốc phòng, an ninh, được củng cố và tăng cường... Đó là những bằng chứng sinh động thể hiện những cố gắng, nỗ lực to lớn của các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân ta trong công cuộc đổi mới.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, Đảng ta cũng nhận thấy còn nhiều vấn đề khó khăn, phức tạp, cần phải được tập trung giải quyết, khắc phục. Nhiều tổ chức đảng, đảng bộ, chi bộ vẫn còn có biểu hiện dân chủ hình thức; hoạt động tư phê bình và phê bình còn nhiều lêch lạc; ở một số đảng bộ, chi bộ vẫn còn có tình trạng chủ nghĩa cá nhân lộng hành, còn tình trạng nội bộ mất đoàn kết, v.v.. Về kinh tế, tuy đã có bước phát triển nhanh, nhưng chưa vững chắc,

khoảng cách giàu nghèo ngày một gia tăng, nhiều vấn đề xã hội còn khá bức xúc. Nguy cơ tụt hậu đang đặt ra cho toàn Đảng, toàn dân ta những trách nhiệm nặng nề, đòi hỏi nhân dân ta phải phát huy mạnh mẽ hơn nữa sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc, tận dụng mọi cơ hội để vượt qua thách thức, quyết tâm thoát khỏi đói nghèo, thực hiện thắng lợi di nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”¹.

50 năm đã qua, thời gian lùi xa giúp chúng ta càng nhận thức sâu sắc hơn giá trị lịch sử và tầm vóc thời đại của *Di chúc* - một văn kiện bất hủ, được kết tinh từ những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc; thể hiện tư tưởng, đạo đức, phong cách của Hồ Chí Minh. *Di chúc* đã và sẽ vẫn là tài sản vô giá của Đảng và dân tộc ta, là ánh sáng dẫn đường để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vững bước đi lên, thực hiện *Di chúc* của Người: “Xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đep hơn”.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.624.

PHẦN THỨ HAI

BẢN HÙNG CA CỦA DÂN TỘC VÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA VÀ CÁCH MẠNG DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

TỪ THỜI ĐẠI HÙNG VƯƠNG ĐẾN THỜI ĐẠI HỒ CHÍ MINH - DÒNG CHẢY LIÊN TỤC CỦA LỊCH SỬ, VĂN HÓA VIỆT NAM*

1. Thời đại Hùng Vương đã mở đầu cho truyền thống vể vang của lịch sử dân tộc Việt Nam, luôn là niềm cảm hứng và đặt trọng trách cho các nhà khoa học trong nghiên cứu. 50 năm qua, kể từ cuộc Hội thảo đầu tiên “Hùng Vương dựng nước” do Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức, các ngành khoa học như: khảo cổ học, sử học, văn hóa học, xã hội học đã thu được nhiều tư liệu, tài liệu lịch sử quan trọng về Thời đại Hùng Vương, có nhiều bổ sung quý báu vào kho tàng nghiên cứu lịch sử dân tộc. Nhiệm vụ của giới nghiên cứu chúng ta là tiếp tục nghiên cứu, phân tích và đánh giá để khẳng định sâu sắc hơn Thời đại Hùng Vương - nền tảng của lịch sử dân tộc và xã hội Việt Nam xét từ nhiều góc độ như: về tổ chức nhà nước, tổ chức sản xuất, văn hóa xã hội, chống giặc ngoại xâm cũng như sự hình thành, phong tục tập quán của dân tộc Việt Nam.

* Phát biểu tại Hội thảo khoa học quốc gia “Thời đại Hùng Vương trong tiến trình lịch sử Việt Nam” tổ chức ngày 24/9/2019 tại Hà Nội; bài đăng trên Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 10/2019; có chỉnh sửa.

Bởi vậy, chúng ta phải có cách tiếp cận toàn diện về Thời đại Hùng Vương, làm rõ đặc điểm dân tộc, lịch sử hình thành và phát triển dân tộc; trên cơ sở đó, khẳng định và tôn vinh truyền thống vẻ vang của dân tộc trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước... Điều quan trọng hơn là, chúng ta không chỉ khẳng định quá khứ mà còn góp phần giải quyết các vấn đề đặt ra trong hiện tại và tương lai của dân tộc, của thế hệ hiện nay và mai sau, khơi dậy niềm tự hào, ý chí và khát vọng phát triển Việt Nam trong giai đoạn mới.

2. Để làm rõ vị trí, vai trò và tầm quan trọng của “Thời đại Hùng Vương trong tiến trình lịch sử Việt Nam”, chúng ta cần phải dựa trên phương pháp nghiên cứu chuyên ngành, liên ngành và đa ngành, tổng hợp các tư liệu khác nhau về: văn hóa học, xã hội học, ngôn ngữ học, dân tộc học, khảo cổ học, sử học... Ở đây, khoa học tự nhiên cũng có vai trò rất quan trọng, ví dụ như: Nghiên cứu về gen, về niên đại và độ tin cậy của các thư tịch, di chỉ, khảo cổ và cần phải sử dụng các thành tựu công nghệ hiện đại vào công việc nghiên cứu này. Đặc biệt, phạm vi nghiên cứu khoa học sẽ không bó hẹp về không gian và thời gian. Nghĩa là, nghiên cứu Thời đại Hùng Vương không chỉ tập trung ở vùng chúa thổ sông Hồng mà cần mở rộng ra cả cương vực của dân tộc Việt, trên toàn cõi Việt Nam, từ vùng Tây Bắc và miền Trung cho đến Tây Nguyên, Nam Bộ ngày nay. Có như vậy, chúng ta mới khắc họa được truyền thống vẻ vang của dân tộc từ Thời đại Hùng Vương đến Thời đại Hồ Chí Minh và lý giải được vì sao dân tộc ta đã giữ gìn, phát huy và làm phong phú bản sắc văn hóa Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử. Dĩ nhiên, các

đánh giá, kết luận về Thời đại Hùng Vương, về dân tộc Việt Nam, về lịch sử, văn hóa của dân tộc Việt Nam phải dựa trên các luận cứ khoa học, khách quan, có đủ độ tin cậy và đầy tính thuyết phục.

3. Truyền thống dân tộc rất đa dạng, phong phú nhưng điều cần làm rõ trước hết là về truyền thống dựng nước, đấu tranh giữ nước, truyền thống lao động sản xuất đã tạo nên nền văn minh lúa nước sông Hồng - truyền thống văn hóa đặc sắc của dân tộc Việt Nam. Hơn nữa, qua tiến trình hàng ngàn năm, dân tộc và văn hóa dân tộc ta không bị mai một như một số dân tộc khác, mà ngược lại, còn giữ được phong cách độc đáo, phong phú, gạn lọc những tinh hoa của các dân tộc anh em để tạo nên văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc. Văn hóa truyền thống dựng nước và giữ nước, phong tục tập quán... không chỉ được làm phong phú qua quá trình phát triển của lịch sử dân tộc mà còn lan tỏa, có ảnh hưởng nhất định trong quá trình hình thành, phát triển của các dân tộc trong khu vực, thông qua tiếp biến và giao thoa văn hóa, đã góp phần làm phong phú thêm, sinh động thêm lịch sử phát triển của văn hóa nhân loại. Ví dụ, thế giới đã biết đến văn minh lúa nước lưu vực sông Hồng, văn hóa trống đồng, đồ gốm từ thời Hùng Vương. Đây cũng chính là nền tảng tạo nên quyền lực mềm của dân tộc ta trong tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế.

4. Trọng trách của các nhà nghiên cứu hiện nay không chỉ làm sáng rõ vai trò, vị trí, ý nghĩa của Thời đại Hùng Vương trong tiến trình lịch sử Việt Nam mà còn khẳng định với thế

giới về sự tồn tại của một nhà nước, một phong thái sản xuất, một nền văn hóa văn minh, tiếng nói, phong tục tập quán của dân tộc Việt Nam bắt nguồn từ Thời đại Hùng Vương đến Thời đại Hồ Chí Minh là một tiến trình, một dòng chảy liên tục và không đứt gãy.

Chúng ta rất tự hào về những di sản văn hóa đặc sắc từ Thời đại Hùng Vương đã được thế giới tôn vinh và công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại như: tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, hát Xoan... Đây là điều hiếm thấy ở các dân tộc khác. Và cùng với gần hai chục các di sản vật thể, phi vật thể khác của dân tộc Việt Nam đã được thế giới tôn vinh, chúng ta đang sở hữu các tài sản vô giá để tạo nên sức sống mãnh liệt của dân tộc Việt Nam suốt hàng ngàn năm qua, ngày càng phong phú lan tỏa và gìn giữ, phát huy cho đến ngày nay.

5. Trong quá trình nghiên cứu về Thời đại Hùng Vương, chúng ta không chỉ nghiên cứu về sự hình thành dân tộc, văn hóa dân tộc, nhà nước thời Hùng Vương mà cũng cần phải xét các mối tương quan, giao lưu văn hóa và liên kết giữa cư dân thời Hùng Vương với các dân tộc xung quanh. Từ đó, chúng ta thấy được sự xuyên suốt về cách ứng xử, nghệ thuật quan hệ bang giao với các dân tộc, quốc gia láng giềng trong cả chiều dài lịch sử của ông cha ta.

6. Với các tư liệu, tài liệu, di chỉ khảo cổ trong và ngoài nước, chúng ta cần khẳng định lịch sử dựng nước và giữ nước là truyền thống vẻ vang từ Thời đại Hùng Vương đến Thời đại Hồ Chí Minh và điều quan trọng là tạo niềm hứng khởi,

sự say mê và trách nhiệm tìm hiểu lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ dân tộc ta... Đó là nền tảng xây nên lòng tự hào dân tộc, bồi đắp lòng yêu nước và thổi bùng nhiệt huyết xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ ngày nay trong bối cảnh của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế sâu rộng. Đó cũng là thực hiện và làm sâu sắc thêm lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

“Dân ta phải biết sử ta.

Cho tương gốc tích nước nhà Việt Nam”

Thực tế là chúng ta đã làm nhiều việc trong giáo dục về lịch sử, về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, nhưng như vậy chưa đủ, cần phải có nhiều biện pháp tuyên truyền, giáo dục phong phú hơn, đa dạng hơn với các đối tượng khác nhau trong xã hội, trong hệ thống trường học để mọi tầng lớp nhân dân, thanh niên, học sinh, sinh viên, người Việt Nam ở nước ngoài, bạn bè quốc tế hiểu đúng, sâu sắc về lịch sử, văn hóa dân tộc Việt Nam từ Thời đại Hùng Vương đến Thời đại Hồ Chí Minh.

7. Thành quả của chúng ta thu được trong 50 năm qua nghiên cứu về Thời đại Hùng Vương rất quan trọng, đã bổ sung, làm phong phú thêm các tư liệu, tài liệu, thư tịch trước đó về Thời đại Hùng Vương. Nhưng tôi cho rằng, chúng ta vẫn cần tiếp tục tìm kiếm các di chỉ khảo cổ, các thư tịch trong nước và ở nước ngoài, sưu tầm tốt hơn nữa về văn hóa dân gian liên quan đến lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán của dân tộc ta từ thời Hùng Vương. Tiến tới chúng ta rất cần xây dựng cơ sở dữ liệu, số hóa nó để bảo tồn và phát huy văn hóa Hùng Vương cho mãi mãi sau.

Tôi xin nêu ví dụ: Về truyền thuyết Sơn Tinh - Thủy Tinh, truyền thuyết Thánh Gióng, Chủ Đồng Tử... gợi cho chúng ta nhiều vấn đề về lịch sử văn hóa, xã hội Thời đại Hùng Vương hoặc một số vấn đề đã được khẳng định, rất cần tiếp tục làm sâu sắc hơn. Chẳng hạn: UNESCO công nhận “Tín ngưỡng Thờ cúng Hùng Vương” là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Từ đó đến nay, chúng ta đã khai thác và phát huy, lan tỏa như thế nào? Có phải nước nào, quốc gia nào cũng có Quốc Tổ, có ngày Quốc Giỗ và tục lệ thờ cúng các vị vua khai sinh lập nước như Việt Nam chúng ta không?

Hiện nay, Đảng ta, nhân dân ta đang nỗ lực về mọi mặt, để đạt những thành tựu rất quan trọng trong xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, góp phần thực hiện thành công mọi nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và chuẩn bị các văn kiện trình Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Để chuẩn bị Văn kiện Đại hội XIII, nhiều ý kiến đề xuất cần có đột phá về phát huy niềm tự hào, giá trị văn hóa và con người Việt Nam. Từ kết quả nghiên cứu về Thời đại Hùng Vương và lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc, các nhà khoa học cần có ý kiến về những vấn đề này để góp phần xây dựng Văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

Tôi cũng rất tin tưởng rằng, các nhà khoa học sẽ có đóng góp tích cực vào bộ chính sử Việt Nam, các giải pháp liên quan về lịch sử, về văn hóa xã hội, về truyền thống yêu nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây là vấn đề rất quan trọng và thiết yếu trong những năm tới, không chỉ phục vụ Đại hội Đảng lần thứ XIII mà còn định hướng cho công tác chỉ đạo,

cho phương pháp giáo dục, giảng dạy về văn học, sử học, địa lý cho các thế hệ hôm nay và mai sau... Đây là vấn đề mà Đảng và nhân dân ta rất quan tâm, mong các nhà khoa học đưa ra các giải pháp hữu hiệu để thực hiện lời Bác Hồ căn dặn: dân ta không chỉ phải biết mà còn phải hiểu sâu sắc về lịch sử hào hùng của dân tộc ta. Và “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Theo đó, cả dân tộc sẽ “đoàn kết một lòng phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh”, “sánh vai với các cường quốc năm châu” như Bác Hồ hằng mong muốn.

XÔVIẾT NGHỆ - TĨNH SỨC MẠNH QUÂN CHÚNG LÀM NÊN LỊCH SỬ*

Cách đây vừa tròn 90 năm, phong trào đấu tranh cách mạng trong giai đoạn 1930-1931, với đỉnh cao là Xôviết Nghệ - Tĩnh đã bùng nổ, trở thành mốc son chói lọi trong lịch sử cách mạng Việt Nam; đánh dấu việc Đảng Cộng sản Việt Nam, sau tháng 10/1930 là Đảng Cộng sản Đông Dương, một đảng cách mạng dù còn rất non trẻ lần đầu tiên đã thể hiện rõ vai trò, bản lĩnh, uy tín, sức chiến đấu và khả năng to lớn trong việc lãnh đạo, đoàn kết, huy động quần chúng nhân dân; là minh chứng hùng hồn chỉ báo về sự thắng lợi tất yếu của cách mạng Việt Nam và cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam giành độc lập dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong không khí của những ngày mùa Thu lịch sử, mang âm hưởng hào hùng của Lê kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Trung ương, Tỉnh ủy Hà Tĩnh, Tỉnh ủy Nghệ An phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học

* Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo khoa học quốc gia “Xôviết Nghệ - Tĩnh: sức mạnh quân chúng làm nên lịch sử” tổ chức ngày 06/9/2020 tại tỉnh Hà Tĩnh; bài đăng trên Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 10/2020; có chỉnh sửa.

quốc gia: “Xôviết Nghệ - Tĩnh: Sức mạnh quần chúng làm nên lịch sử”.

Hội thảo là dịp để chúng ta khẳng định ý nghĩa to lớn, làm sáng tỏ và đúc kết những bài học quý báu của phong trào Xôviết Nghệ - Tĩnh đối với cách mạng Việt Nam; tôn vinh những đóng góp và sự hy sinh to lớn của các thế hệ cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân; góp phần giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ; nâng cao niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng; khơi dậy, phát huy tinh thần, ý chí cách mạng của Xôviết Nghệ - Tĩnh trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Để Hội thảo mang nhiều ý nghĩa thiết thực, tôi đề nghị các đồng chí tập trung thảo luận, làm sáng tỏ hơn những nội dung cơ bản sau đây:

Thứ nhất, khẳng định và làm sâu sắc hơn thành quả, ý nghĩa to lớn của phong trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là Xôviết Nghệ - Tĩnh dưới sự lãnh đạo của Đảng

Ngay sau khi thành lập, Đảng đã lãnh đạo các tầng lớp nhân dân đứng lên đấu tranh chống lại ách áp bức, bóc lột của chế độ thực dân, phong kiến tạo nên cao trào cách mạng rộng lớn trong những năm 1930-1931. Nghệ - Tĩnh, mảnh đất mang tinh thần quật khởi, truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm, đã trở thành nơi khởi nguồn của cao trào đấu tranh cách mạng phát triển mạnh mẽ trong cả nước. Bắt đầu từ hoạt động kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động 1/5/1930,

phong trào đấu tranh bùng nổ với sự xuất hiện các cuộc mít tinh, tuần hành biểu dương lực lượng, treo cờ đỏ búa liềm, rải truyền đơn, diễn thuyết ở nhiều nơi. Các khẩu hiệu đấu tranh không chỉ đòi dân sinh, dân chủ cho công - nông Việt Nam mà còn ủng hộ Liên bang Xôviết, phản đối chiến tranh đế quốc. Dưới sự lãnh đạo, tổ chức của Đảng, các cuộc đấu tranh đã diễn ra liên tục và ngày càng quyết liệt, làm cho chính quyền thực dân, phong kiến ở nhiều địa phương như Can Lộc (Hà Tĩnh), Thanh Chương, Nam Đàn (Nghệ An) bị té liệt.

Từ nhận định sâu sắc về phong trào đấu tranh cách mạng ở Nghệ - Tĩnh là "... sự thắng lợi lớn lao cho công nông Nghệ - Tĩnh, mà cũng là cho cả toàn thể công nông trong nước..."¹, nhằm cổ vũ phong trào cách mạng, Trung ương Đảng đã chỉ thị các cấp bộ đảng "... hết sức bênh vực Nghệ An đỏ, mở rộng phong trào thị uy biểu tình phản kháng lại thủ đoạn gian ác của đế quốc chủ nghĩa"²; đồng thời, ra lời kêu gọi thợ thuyền, dân cày, binh lính liên hiệp đấu tranh bảo vệ công nông Nghệ An với khẩu hiệu "Không được động tới công nông Nghệ An"³.

Phong trào đấu tranh của quần chúng lên đến đỉnh điểm bằng cuộc biểu tình với quy mô ngày càng lớn và quyết liệt của hơn 20.000 nông dân huyện Thanh Chương (Nghệ An) ngày 01/9/1930. Sau cuộc đấu tranh này, nhiều chính quyền thực dân, phong kiến ở các làng, xã trong huyện bị tan rã. Từ

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.2, tr. 58, 56, 59.

Thanh Chương, các chính quyền Xôviết lần lượt xuất hiện trong nhiều tổng, huyện của Nghệ An và Hà Tĩnh.

Sự bùng nổ mạnh mẽ của phong trào cách mạng ở Nghệ - Tĩnh được Trung ương Đảng đánh giá là “có một tầm quan trọng lớn”. Tuy nhiên, trước sự đàn áp khốc liệt của chính quyền thực dân, Trung ương Đảng đã chỉ đạo các đảng bộ Nghệ An, Hà Tĩnh phải tìm ra phương thức đấu tranh thích hợp, tránh tổn thất, hy sinh, giữ gìn và bảo toàn lực lượng. Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, các cấp bộ đảng ở Nghệ An, Hà Tĩnh tiến hành củng cố các Xôviết, lập kế hoạch tổ chức biểu tình cẩn trọng, đồng thời chuẩn bị điều kiện rút vào hoạt động bí mật khi bị địch khủng bố trăng.

Phong trào đấu tranh của quần chúng công - nông ở Nghệ An và Hà Tĩnh được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc theo dõi sát sao và đánh giá cao. Chính Người đã chỉ ra tên gọi của hình thức chính quyền cách mạng ở Nghệ An, Hà Tĩnh là chính quyền Xôviết trong báo cáo ngày 20/9/1930 gửi Quốc tế Cộng sản. Những báo cáo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc giúp Quốc tế Cộng sản và các đảng cộng sản nắm được tình hình, qua đó ủng hộ và giúp đỡ cách mạng Việt Nam.

Vượt ra khỏi không gian của đất nước ta, phong trào cách mạng 1930-1931 và Xôviết Nghệ - Tĩnh mang ý nghĩa quốc tế to lớn. Đây là cao trào cách mạng công - nông đầu tiên nổ ra trong hệ thống thuộc địa thế giới, tiến công vào dinh lũy của chủ nghĩa thực dân. Thông qua phong trào, uy tín của Đảng Cộng sản Việt Nam được nâng cao trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Hội nghị toàn thể lần thứ 11 (4/1931) của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản đánh giá phong trào 1930-1931 và Xôviết Nghệ - Tĩnh là những hình

thức chủ yếu của phong trào cách mạng dân tộc ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Việc thành lập các Xôviết công - nông ở Nghệ - Tĩnh được xem là những thành tích đặc biệt to lớn mà các đảng cộng sản cần phải chú ý nghiên cứu và học tập. Do vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam, sau tháng 10/1930 là Đảng Cộng sản Đông Dương, đã được Quốc tế Cộng sản công nhận là bộ phận độc lập.

Thứ hai, khẳng định và làm sâu sắc hơn vai trò của quần chúng nhân dân, đặc biệt là sự hình thành khối liên minh công - nông, nòng cốt để thu hút các tầng lớp nhân dân trong mặt trận đấu tranh chống đế quốc, phong kiến

Ngọn lửa Xôviết Nghệ - Tĩnh bắt đầu được thắp lên từ cuộc đấu tranh của công nhân ở Vinh - Bến Thủy và nông dân các huyện Hưng Nguyên, Thanh Chương. Sau đó, phong trào lan rộng ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh; được tổ chức theo nhiều hình thức đấu tranh quyết liệt, như: vũ trang tự vệ, biểu tình thị uy, tiến công vào cơ quan chính quyền thực dân - phong kiến ở địa phương; góp phần hình thành đạo quân cách mạng công - nông dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thông qua các phong trào đấu tranh của quần chúng, khối liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân ngày càng gắn bó mật thiết hơn, làm cơ sở để tập hợp, quy tụ mọi tầng lớp nhân dân lao động vào cuộc đấu tranh chống áp bức, bất công, giành độc lập, tự do cho dân tộc.

Khối liên minh công - nông hình thành trong phong trào đấu tranh 1930-1931, đỉnh cao là Xôviết Nghệ - Tĩnh là bằng

chứng hùng hồn cho thấy, Đảng Cộng sản Việt Nam, với Cương lĩnh chính trị đúng đắn, sáng tạo, đã nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của nhân dân, xứng đáng là đại biểu cho lợi ích và trí tuệ của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đó là thành quả của sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam khi xác định: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nhân dân là người làm nên lịch sử; không có sự đồng tình, ủng hộ của đại đa số nhân dân lao động đối với đội tiên phong của mình, tức là đối với đảng của giai cấp vô sản, thì cách mạng vô sản không thể thực hiện được. Đó cũng là truyền thống ngàn năm của dân tộc ta về: “Dân làm gốc”, “đẩy thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân”, được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam kế thừa và phát huy xuất sắc trong lãnh đạo sự nghiệp cách mạng. Người khẳng định: lực lượng toàn dân là lực lượng vĩ đại hơn hết, không ai chiến thắng được lực lượng đó, sức mạnh đại đoàn kết nhân dân là sức mạnh vô địch, sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc là sự nghiệp của toàn dân; “Nước lấy dân làm gốc”¹, “Gốc có vững cây mới bền, Xây lâu thăng lợi trên nền nhân dân”².

Với phong trào cách mạng 1930-1931 và Xôviết Nghệ - Tĩnh, lần đầu tiên, khôi liên minh giữa giai cấp công nhân và nông dân được hình thành; công - nông Việt Nam đoàn kết dưới sự lãnh đạo của Đảng, tin tưởng vào năng lực cách mạng của chính mình. Qua phong trào cách mạng đó, giai

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5, tr.501, 502.

cấp công nhân và nông dân đã thể hiện vai trò “là gốc của cách mệnh”, là lực lượng chủ yếu trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Đặc biệt, từ phong trào đã hình thành một đội ngũ cán bộ cách mạng được trui rèn, tôi luyện qua đấu tranh, trở thành hạt nhân tích cực trong các cao trào cách mạng giải phóng dân tộc những năm 1936-1939 và 1939-1945 cũng như trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc sau này.

Thứ ba, khẳng định những bài học kinh nghiệm sâu sắc của phong trào cách mạng 1930-1931 và Xôviết Nghệ - Tĩnh đối với tiến trình cách mạng Việt Nam

Phong trào cách mạng 1930-1931 và Xôviết Nghệ - Tĩnh để lại những bài học quý báu cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng, phát triển đất nước:

Đó là bài học về không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Phong trào cách mạng 1930-1931 và Xôviết Nghệ - Tĩnh là minh chứng đầy đủ tính thuyết phục về vai trò, vị trí tiên phong, năng lực lãnh đạo và tổ chức quần chúng của Đảng ta nhằm thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng. Điều đó thể hiện trước hết ở Cương lĩnh chính trị đúng đắn với việc vừa xác định những mục tiêu chiến lược lâu dài là giải phóng dân tộc, vừa chỉ rõ những mục tiêu cụ thể, thiết thực (ruộng đất, corm áo và các quyền tự do, dân chủ), đáp ứng nguyện vọng cơ bản của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, trước hết là giai cấp công nhân và nông dân.

Đó là bài học về sự coi trọng đặc biệt xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng rộng lớn của quần chúng nhân dân, nòng cốt là công nhân và nông dân. Tuy phần lớn chỉ duy trì được khoảng 2-3 tháng, một số nơi duy trì được 6-7 tháng, nhưng những chính sách tiến bộ của Xôviết Nghệ - Tĩnh đã tạo niềm tin vững chắc của quần chúng nhân dân vào đường lối cách mạng giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc do Đảng khởi xướng và lãnh đạo; làm cho quần chúng thấy rõ con đường duy nhất đúng là con đường cách mạng vô sản, đi theo chủ nghĩa Mác - Lê nin. Với chiến lược và phương pháp cách mạng đúng đắn, kết hợp hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, kết hợp sức mạnh của phong trào công nhân và phong trào nông dân, Đảng ta đã xây dựng được khối liên minh công - nông, mang lại thắng lợi có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Đó là bài học về xây dựng chính quyền cách mạng kiểu mới. Khi chuẩn bị thành lập Đảng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã nhấn mạnh mục tiêu "... cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều..."¹, nghĩa là phải bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân, mang lại quyền lợi cho đông đảo quần chúng nhân dân. Chính quyền Xôviết non trẻ ở Nghệ An, Hà Tĩnh thời gian cuối năm 1930, đầu năm 1931 đã bước đầu thực hiện được chức năng, nhiệm vụ của một chính quyền cách mạng của nhân dân. Tuy nhiên, do ảnh hưởng bởi tư tưởng "tả khuynh" trong Quốc tế Cộng sản, cấp bộ đảng địa phương đã mắc sai lầm trong việc xác định đối tượng cách mạng, ví dụ đề ra khẩu hiệu hành động: "Đả Trí, Phú, Địa,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.1, tr.27.

Hào; Đào tận gốc, trốc tận rễ”. Do vậy, cùng với những bài học thành công, phong trào cách mạng 1930-1931 và Xôviết Nghệ - Tĩnh cũng đã để lại cho Đảng ta bài học sâu sắc về đề phòng và khắc phục tư tưởng “tả khuynh” trong quá trình xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng.

Thứ tư, phát huy tinh thần và giá trị của Xôviết Nghệ - Tĩnh trong xây dựng quê hương Nghệ An, Hà Tĩnh và cả nước

Nghệ An và Hà Tĩnh đã đi vào lịch sử cách mạng Việt Nam với những dấu ấn đầu tiên về xây dựng chính quyền cách mạng. 90 năm qua kể từ khi có Đảng, nhất là sau gần 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh đã đạt được những thành tựu to lớn, rất đáng tự hào. Từ những tỉnh nghèo, Nghệ An và Hà Tĩnh đã trở thành những tỉnh có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao ở khu vực miền Trung và cả nước, trong đó, một số năm gần đây đạt trên 10%/năm. Chương trình xây dựng nông thôn mới ở Nghệ An, Hà Tĩnh đã đạt được những kết quả quan trọng. Đến năm 2019, 257/431 xã ở Nghệ An và 173/235 xã ở Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có nhiều xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch có bước chuyển biến tích cực và ngày càng phát triển mạnh mẽ. Nhiều khu công nghiệp, khu đô thị ra đời, tạo ra diện mạo mới ở hai tỉnh. Giáo dục - đào tạo luôn đứng trong tốp đầu của cả nước, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng nâng cao; quan hệ với các địa phương trong nước và nước ngoài không ngừng được mở rộng.

Trong bối cảnh mới, Đảng bộ tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh không ngừng nâng cao bản lĩnh, năng lực lãnh đạo, kiên trì và quyết tâm xây dựng, chỉnh đốn Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; phát huy truyền thống hào hùng của quê hương cách mạng, tinh thần đoàn kết, sáng tạo, tập trung cao độ trí tuệ của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển trên quê hương Xôviết Nghệ - Tĩnh.

Vang mãi trong bản anh hùng ca cách mạng Việt Nam, âm hưởng, hào khí của phong trào Xôviết Nghệ - Tĩnh những năm 1930-1931 tiếp tục trở thành nguồn sức mạnh to lớn để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta thực hiện thành công khát vọng phát triển, phấn đấu đưa nước ta trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu, như ước nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mong muốn của các anh hùng tiên liệt và toàn thể nhân dân ta. Tinh thần Xôviết Nghệ - Tĩnh tiếp tục khơi dậy niềm tin, ý chí và tạo động lực để Đảng bộ, nhân dân tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh đã đoàn kết sẽ đoàn kết hơn nữa, đã đồng tâm, nhất trí sẽ đồng tâm nhất trí hơn nữa, năng động, sáng tạo vượt qua khó khăn, thách thức, hoàn thành ở mức cao nhất những mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra cho giai đoạn 2015-2020, tổ chức thật tốt Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nỗ lực phấn đấu xây dựng quê hương Nghệ An, Hà Tĩnh ngày càng giàu đẹp.

90 NĂM PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC*

Cách đây 90 năm, ngày 18/11/1930, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra *Chỉ thị* *Về vấn đề thành lập Hội “Phản đế đồng minh”* - hình thức đầu tiên của Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trải qua các thời kỳ lịch sử, Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam được xây dựng trên nền tảng liên minh công - nông - trí, đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân, đã không ngừng được củng cố và mở rộng, đóng góp to lớn vào mọi thắng lợi vẻ vang của cách mạng Việt Nam.

1. Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam ra đời là sự sáng tạo của Đảng ta trong việc kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê nin với chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam

Là biểu trưng cao đẹp của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm xác nhận: “Dân ta có một lòng nồng nàn

* Bài đăng trên Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 11/2020; có chỉnh sửa.

yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó luôt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”¹. Sức mạnh và lực lượng đoàn kết của nhân dân là vô cùng vĩ đại, bởi: “*Dẽ mười lần không dân cũng chịu, Khó trăm lần dân liệu cũng xong*²”. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, chính Người đã vạch ra phương châm cho sự thắng lợi tất yếu của cách mạng: “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công*³”.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra cương lĩnh về vận động và tổ chức lực lượng quần chúng, tập hợp, thu hút mọi người Việt Nam yêu nước tham gia, phục vụ cho cách mạng. Ý Đảng hợp với lòng dân, khi truyền thống yêu nước và tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái - những đạo lý muôn đời của dân tộc Việt Nam - được khơi dậy và cùng với việc kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc sẽ được nhân lên gấp bội, không khó khăn gì chúng ta không thể vượt qua, không thế lực nào có thể ngăn cản được sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Đảng và nhân dân ta đi đến thắng lợi.

Việc thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam ngay từ rất sớm rõ ràng là kết quả tất yếu từ thực tiễn phát

1, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.13, tr.120, 120.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.280.

triển của cách mạng, trước hết là khát khao độc lập, tự do, hạnh phúc của toàn thể dân tộc Việt Nam; là chủ trương, đường lối sáng tạo của Đảng ta nhằm tập hợp, tổ chức, lãnh đạo và phát huy sức mạnh toàn dân cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc. Đó là sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin: cách mạng phải là sự nghiệp của quần chúng nhân dân; quần chúng nhân dân là người làm nên lịch sử. Đó là việc phát huy tư tưởng “dân là gốc” của các bậc tiền nhân cùng với truyền thống yêu nước, thương nòi, đoàn kết, văn hiến, anh hùng của dân tộc ta đã được hun đúc qua lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Mặt trận Dân tộc Thống nhất ra đời đã đáp ứng được yêu cầu của mọi tầng lớp nhân dân, không phân biệt giai cấp, dân tộc, tôn giáo - những người Việt Nam yêu nước, có cùng chung chí hướng với khát vọng cháy bỏng đấu tranh vì độc lập của dân tộc, vì tự do, ấm no và hạnh phúc của nhân dân.

90 năm qua, trải qua nhiều chặng đường lịch sử, để phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng, dù mang nhiều tên gọi khác nhau, như: Hội Phản đế Đồng minh, Mặt trận Thống nhất Nhân dân phản đế Đông Dương, Mặt trận Dân chủ Đông Dương, Việt Nam Độc lập Đồng Minh, gọi tắt là Việt Minh, Mặt trận Liên - Việt và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam... Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam luôn thống nhất về tôn chỉ, mục đích: đoàn kết, thống nhất toàn dân tộc Việt Nam vì mục tiêu hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ, giàu mạnh và vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, dù trong thời kỳ vận động cách mạng; kháng chiến, kiến quốc hay trong cuộc

kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; dù ở miền Bắc hay miền Nam khi đất nước đang còn chia cắt; dù trong thời kỳ bom đạn khốc liệt của chiến tranh, những lúc khó khăn nhất của thời kỳ bao cấp, kế hoạch hóa tập trung hay trong công cuộc đổi mới hiện nay, Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam luôn là hình ảnh cao đẹp nhất của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, là biểu trưng sinh động và rõ ràng nhất cho chủ trương, đường lối nhất quán, xuyên suốt về đoàn kết dân tộc của Đảng ta; là minh chứng hùng hồn cho sức mạnh thống nhất: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn song chân lý ấy không bao giờ thay đổi”¹.

Đảng ta luôn khẳng định: Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc². Đường lối chiến lược quan trọng đó luôn được thực hiện, cụ thể hóa qua hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với vai trò là liên minh chính trị, cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, phối hợp và thống nhất hành động của toàn dân, nơi kết tinh sâu sắc truyền thống: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế³, để khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.36, tr.316.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.158.

3. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.5.

sức mạnh nội sinh phi thường của dân tộc; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; phát huy ý chí tự cường dân tộc, hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

2. Những đóng góp to lớn của Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam đối với việc khơi dậy và phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường - một nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng

Ngay sau khi được thành lập, Hội Phản đế Đồng minh đã tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân trong mặt trận đấu tranh chống đế quốc, phong kiến, đòi các quyền lợi dân sinh, dân chủ. Trong thời kỳ vận động Cách mạng Tháng Tám (1939-1945), Đảng chủ trương xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc: hễ là người Việt Nam, ai cũng nhất tề đứng lên cứu nước, tích cực tham gia Mặt trận phản đế, sau đó là Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng minh (Việt Minh). Phát huy tinh thần “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”, Mặt trận Việt Minh đã thu hút được mọi giới đồng bào yêu nước, đầy mạnh cao trào đánh Pháp, đuổi Nhật, chớp thời cơ tiến hành Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thành công, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước của toàn thể dân tộc Việt Nam, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.

Bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954), với tinh thần “Dân tộc trên hết. Tổ quốc trên hết”, “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không

chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”¹, Mặt trận Liên - Việt chủ trương tập hợp hết thảy các tầng lớp nhân dân, không phân biệt tôn giáo, đảng phái, xu hướng chính trị, giai cấp; đoàn kết toàn dân thực hiện thắng lợi đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, góp phần to lớn đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đi đến thắng lợi.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), tại miền Bắc, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã động viên đồng bào, chiến sĩ nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ với tinh thần: “xé dọc Trường Sơn đi cứu nước”, “tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng giặc Mỹ xâm lược”, đã trở thành hậu phương lớn vững chắc, hết lòng, hết sức chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam. Tại miền Nam, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam nêu cao ngọn cờ đoàn kết là sức mạnh, cùng với quân dân miền Nam đã lần lượt đánh bại các chiến lược quân sự của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai. Hướng ứng lời kêu gọi của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam, Liên minh các Lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Việt Nam đã đoàn kết các phong trào đấu tranh yêu nước của các giới sinh viên, học sinh, trí thức, các tôn giáo, công thương gia, nhân sĩ tại các thành thị miền Nam, giương cao ngọn cờ hòa bình, phản đối chiến tranh,

1. Lịch sử biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, t.3, tr.145.

chống lại sự đàn áp tàn bạo của chính quyền Mỹ - ngụy. Với phương châm thống nhất toàn dân tộc Việt Nam vì mục tiêu thắng lợi của cách mạng, trong thời kỳ này, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam và Liên minh các lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Việt Nam đã luôn sát cánh cùng nhau, tạo ra sức mạnh không gì lay chuyển nổi của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm nên Chiến thắng vĩ đại mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Trong thời kỳ cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã không ngừng được củng cố, hoàn thiện về tổ chức, đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò quan trọng trong mọi mặt đời sống kinh tế - chính trị - xã hội. Mặt trận đã triển khai nhiều hoạt động rộng rãi và thiết thực, đóng góp to lớn vào việc giải quyết những vấn đề quốc kế dân sinh, tháo gỡ các bức xúc trong nhân dân, phát huy mạnh mẽ dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội, tích cực tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế. Đặc biệt, trong năm 2020, cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, tổ chức Mặt trận các cấp đã góp phần to lớn vào việc huy động sức mạnh toàn dân, khơi dậy tinh thần đoàn kết, truyền thống tương thân, tương ái, nhân văn, nghĩa tình của dân tộc ta trong cuộc chiến chống đại dịch Covid-19 cũng như trong việc giúp đỡ, ủng hộ đồng bào miền Trung khắc phục, vượt qua nhiều mất mát, đau thương do hậu quả của những đợt bão,

lũ lụt liên tiếp xảy ra. Càng trong khó khăn, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam càng phát huy được vai trò tiên phong trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, càng thể hiện rõ sức mạnh, bản lĩnh, ý chí và những phẩm chất cao đẹp, sáng ngời của dân tộc Việt Nam. Thông qua những hoạt động ích nước, lợi dân, Mặt trận đã góp phần quan trọng vào việc củng cố, tăng cường mối liên hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

3. Bài học kinh nghiệm trong phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam

Chặng đường 90 năm qua của Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam là pho sử quý giá, là niềm tự hào của dân tộc, để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý:

Thứ nhất, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận là nhân tố quyết định để tập hợp mọi lực lượng, xây dựng thành công khối đại đoàn kết dân tộc. Trong các thời kỳ cách mạng, Đảng ta đã không ngừng xây dựng và phát triển Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam về tư tưởng, chính trị, tổ chức và cán bộ nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; đồng thời, phát huy sức mạnh của khối liên minh công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức - nhân tố nòng cốt để mở rộng và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong mọi hoàn cảnh, Mặt trận luôn thể hiện được vai trò quan trọng trong tập hợp và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trong cách mạng dân tộc dân chủ

nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Mặt trận dân tộc Thống nhất vẫn là một trong những lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam”¹. Đây cũng là một vấn đề lý luận cơ bản của công tác mặt trận đã được đúc kết từ thực tiễn, cần được tiếp tục bổ sung, hoàn thiện và phát triển trước yêu cầu của tiến trình đẩy mạnh công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước. Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam, như tên gọi, phải thật sự là một tổ chức của nhân dân, tập hợp rộng rãi được mọi tầng lớp nhân dân, thể hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân, là cầu nối tin cậy để phát huy sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thứ hai, lấy “dân là gốc”, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất trên cơ sở thực hiện mục tiêu và đường lối chính trị đúng đắn của Đảng. Đảng ta xác định: “... *sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân*”², dựa vào dân để lãnh đạo phong trào cách mạng, “nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Phải thực hành dân chủ rộng rãi, phát huy vai trò, khơi dậy sức sáng tạo và sự ủng hộ to lớn của các tầng lớp nhân dân, tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mọi tầng lớp nhân dân, luôn quan tâm, chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Đó là chủ trương, đường lối chính trị đúng đắn, là cơ sở vững chắc để Đảng mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.453.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.51, tr.130.

Thứ ba, thường xuyên đổi mới các hình thức, phương thức tập hợp quần chúng nhân dân phù hợp với điều kiện, yêu cầu, mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng của từng thời kỳ lịch sử; luôn lắng nghe tâm tư, thấu hiểu nguyện vọng của quãng đại quần chúng nhân dân, sát hợp với đặc thù của các giai tầng trong xã hội. Để tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân, nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận phải đa dạng, phong phú; chủ trương phải cụ thể, dễ nhớ, dễ làm, linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với từng đối tượng, từng hoàn cảnh lịch sử và sự vận động của xã hội. Phải phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ, đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân, xử lý hài hòa lợi ích, thống nhất quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, chú trọng lợi ích trực tiếp của người dân; huy động sức dân phải đi đôi với bồi dưỡng sức dân, thẩm nhuần sâu sắc tinh thần: "... Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm, việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh"¹.

Thứ tư, kiên quyết đấu tranh chống sự chia rẽ dân tộc của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị. Trong bất cứ thời kỳ nào, các lực lượng thù địch luôn dùng mọi thủ đoạn hòng chia rẽ, làm suy yếu sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Chúng bôi nhọ lịch sử, tuyên truyền, gieo rắc hoài nghi về tính chính nghĩa của các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, phủ nhận những thành tựu của cách mạng và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê nin, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Một mặt, Mặt trận cần đẩy mạnh việc

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.65.

tuyên truyền, giải thích cho các tầng lớp nhân dân, làm cho nhân dân hiểu về những thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử của dân tộc ta và về những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; mặt khác cần cung cấp thông tin để nhân dân nhận rõ bộ mặt, bản chất của các thế lực thù địch, phản động, những phần tử cơ hội chính trị luôn tìm mọi cách chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta; phát huy vai trò của Mặt trận là nơi tập hợp lực lượng và thể hiện tiếng nói của nhân dân, cùng với nhân dân kiên quyết đấu tranh, phản bác lại các quan điểm sai trái, thù địch; thực hành dân chủ rộng rãi đi đôi với tăng cường pháp chế, kỷ cương, kiên quyết xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật các hành vi chia rẽ, làm phương hại đến sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

4. Định hướng xây dựng và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong bối cảnh mới

Bên cạnh những thành tựu và đóng góp to lớn, chúng ta cũng cần thừa nhận rằng, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vẫn còn có những bất cập, hạn chế. Việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội chưa theo kịp yêu cầu của tình hình mới, có lúc chưa thật sâu sát các tầng lớp nhân dân, nhất là ở cơ sở; hoạt động giám sát, phản biện xã hội chưa đồng bộ và thường xuyên, chất lượng và hiệu quả còn hạn chế. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu, chưa thực sự lắng nghe và tôn trọng ý kiến của nhân dân; giải quyết chưa kịp thời những quyền lợi hợp pháp và nguyện vọng chính đáng của người dân. Quyền làm chủ của nhân dân có lúc, có nơi

còn bị vi phạm; vẫn còn biểu hiện dân chủ hình thức; việc phát huy dân chủ chưa đi kèm với tăng cường pháp chế, kỷ luật, kỷ cương¹.

Với vai trò là trung tâm đoàn kết toàn dân, tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân, Mặt trận cần tiếp tục củng cố vững chắc hơn nữa khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức; phát huy mạnh mẽ tiềm năng to lớn của giới doanh nhân, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của đồng bào các dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài trong việc thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Phát huy hơn nữa vai trò nòng cốt của Mặt trận trong việc chủ trì hiệp thương, phối hợp với các cấp chính quyền và các tổ chức thành viên triển khai sâu rộng các cuộc vận động, phong trào thi đua nhằm phát huy tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển đất nước, ý chí tự lực, tự cường của các tầng lớp nhân dân nhằm khơi dậy sức mạnh toàn dân tộc và mọi tiềm năng, thế mạnh của đất nước; chú trọng phát huy dân chủ, bảo đảm sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau trong nhân dân; xoá bỏ định kiến về quá khứ, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung để đoàn kết, tập hợp mọi lực lượng xã hội cùng đóng góp trí tuệ, công sức vào sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam phát triển, phồn vinh và hạnh phúc.

1. Xem: “Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng”, Báo Nhân Dân, số ra ngày 20/10/2020.

Mặt trận cần thực hiện tốt hơn chức năng giám sát và phản biện xã hội; phát huy vai trò của nhân dân trong việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp cho các chủ trương, chính sách của Đảng và của cấp ủy, chính quyền các cấp; chủ động phối hợp với chính quyền giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội nổi cộm ngay tại cơ sở, góp phần bảo đảm quyền lợi hợp pháp của nhân dân; đối thoại, lắng nghe, tiếp thu ý kiến, giải quyết khó khăn, vướng mắc và yêu cầu chính đáng của nhân dân; hết sức quan tâm đến tâm tư, nguyện vọng và lợi ích thiết thực của mọi tầng lớp nhân dân; tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để nhân dân tin tưởng, phát huy khả năng sáng tạo, đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận theo hướng sát dân, hướng mạnh về cơ sở, địa bàn dân cư; không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ mặt trận; phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường pháp chế, kỷ cương; kiên quyết đấu tranh với các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, phản động, các phần tử cơ hội chính trị hòng phá hoại, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân là một nội dung quan trọng trong dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Tại hội thảo này, tôi đề nghị các đồng chí cũng thảo luận, tham góp nhiều ý kiến về việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận, nhất là những vấn đề lý luận mới được tổng kết, bổ sung, phát triển từ thực tiễn 35 năm tiến hành công cuộc đổi

mới, như: cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ; phát huy sức mạnh nhân dân trong thế trận lòng dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng,...

Nhìn lại chặng đường 90 năm đã đi qua, chúng ta có thể khẳng định, Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam đã góp phần to lớn làm nên những thắng lợi vĩ đại trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc; đồng thời, có niềm tin sâu sắc rằng, bằng khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, đại đoàn kết toàn dân tộc, ý chí tự cường và khát vọng phát triển, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chúng ta sẽ có những động lực và nguồn lực to lớn để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam thân yêu trong giai đoạn mới.

TUYÊN QUANG TRONG TÂM NHÌN CHIẾN LƯỢC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH*

Cách đây tròn 75 năm, trong những ngày toàn thể dân tộc ta, đồng bào ta đang sục sôi khí thế cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng ta đã đến Tuyên Quang xây dựng trung tâm lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng Việt Nam, tích cực chuẩn bị lực lượng, chờ thời cơ để tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Từ đó, Tuyên Quang trở thành địa danh khắc ghi sâu đậm những hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh, gắn liền với tư tưởng, đạo đức, phong cách, tâm nhìn chiến lược và những quyết sách đúng đắn, cách mạng và khoa học của Người, đưa cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi.

1. Tuyên Quang - căn cứ địa cách mạng trong tâm nhìn chiến lược giải phóng dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Sau 30 năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài, trước sự chuyển biến mau lẹ của tình hình thế giới và trong nước,

* Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo khoa học “Tuyên Quang trong tâm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh”; in trong cuốn sách: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy Tuyên Quang: *Tuyên Quang trong tâm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh (Kỷ yếu Hội thảo khoa học)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020; có chỉnh sửa.

mùa xuân năm 1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Với tầm nhìn xa rộng, nhẫn quan chính trị sắc bén, sự chuẩn bị tích cực và chủ động về lực lượng đón thời cơ để giành thắng lợi cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, Người đã trù tính xây dựng địa bàn đúng chân, căn cứ địa cách mạng đáp ứng sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của phong trào đấu tranh, làm bàn đạp cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng chiến tranh nhân dân và kinh nghiệm chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Người chỉ rõ: nơi ấy phải vững vàng; có địa thế hiểm yếu che chở và quân chúng cảm tình ủng hộ; phải phát triển được lực lượng vũ trang; có chính quyền cách mạng của địa phương và có căn cứ địa vững vàng¹.

Trên hành trình từ nước ngoài trở về Tổ quốc, cùng với quyết định lựa chọn Cao Bằng làm căn cứ địa để chỉ đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng trù tính đến một địa bàn chiến lược khác, tiếp tục mở rộng và phát triển về xuôi, thông xuống nữa tiếp xúc với toàn quốc, để “khi phát động đấu tranh vũ trang, lúc thuận lợi có thể tiến công, lúc khó khăn có thể giữ”².

Cuối năm 1944, đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn quyết định; quân đồng minh giành được

1. Xem Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Cao Bằng: *Bác Hồ với Cao Bằng: Từ Pác Bó - Cao Bằng*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Cao Bằng xuất bản năm 1985, tr.103.

2. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1977, tr.38.

những thắng lợi lớn. Ở trong nước, phát xít Nhật tiến hành đảo chính hất cẳng thực dân Pháp. Nhận định thời cơ giành độc lập đã đến rất gần, để thuận lợi cho việc trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng toàn quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh rời Pác Bó - Cao Bằng về Tuyên Quang - nơi hội tụ đầy đủ các yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa”, có thể tiến công, phòng thủ đều thuận lợi trong sự lựa chọn sáng suốt và tầm nhìn chiến lược của Người. Sau một thời gian khảo sát, cuối tháng 5/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định chọn Nà Nưa (thôn Tân Lập, xã Tân Trào) làm nơi dựng lán để ở và làm việc, đồng thời cũng là “đại bản doanh” của cách mạng. Từ Tân Trào - Tuyên Quang, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã có những quyết sách lịch sử đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

2. Tuyên Quang - Thủ đô khu giải phóng, nơi phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Trước yêu cầu chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa, đầu tháng 6/1945, theo chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên và một số vùng phụ cận thuộc các tỉnh Bắc Giang, Vĩnh Yên, Phú Thọ, Yên Bai đã thành lập Khu giải phóng Việt Bắc, chọn Tân Trào làm Thủ đô. Đây là căn cứ địa chính của cách mạng cả nước, hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam độc lập. Trong Khu giải phóng, hơn một triệu đồng bào ta bắt đầu được hưởng thành quả cách mạng; nhân dân náo nức, hân hoan, phấn khởi trong không khí tự do của chế

độ mới. Các chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh được thi hành đã làm thay đổi nhanh chóng cuộc sống của nhân dân, cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng cả nước.

Chỉ trong một thời gian ngắn, tại Tân Trào, Tuyên Quang, đã diễn ra những sự kiện lịch sử trọng đại của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đó là Hội nghị toàn quốc của Đảng, quyết định phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước, khẳng định quyết tâm của toàn dân tộc Việt Nam: "... thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập"¹. Đó là Quốc dân Đại hội - Hội nghị Diên Hồng của thời đại mới, tiền thân của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đã nhiệt liệt tán thành và ủng hộ chủ trương Tổng khởi nghĩa của Tổng bộ Việt Minh; bầu ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam (sau chuyển thành Chính phủ lâm thời) do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Trong không khí sục sôi cách mạng, từ Tuyên Quang, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa gửi quốc dân, đồng bào: "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!"². Lời hiệu triệu của

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, t.2, tr.225.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.418.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã động viên nhân dân cả nước nhất tề đứng dậy với ý chí dù có hy sinh đến đâu cũng phải giành cho được độc lập dân tộc. Hòa trong không khí hào hùng của cách mạng cả nước, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở thị xã Tuyên Quang giành thắng lợi. Ngày 22/8, Ủy ban Cách mạng lâm thời tỉnh Tuyên Quang ra mắt đồng bào.

Trước khi rời Tân Trào - Thủ đô khu giải phóng về Hà Nội chuẩn bị cho thời khắc thiêng liêng của lịch sử dân tộc - Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, với sự tinh tế, nhạy cảm chính trị và tầm nhìn chiến lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dặn lại các đồng chí trong Đảng về trọng trách lớn lao vẫn còn dang ở phía trước của khu căn cứ địa Tuyên Quang: “Bây giờ, ta đã có chính quyền, chắc các cô, các chú cũng muốn về Hà Nội. Nhưng chưa được đâu! Lenin đã nói: “Giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền còn khó hơn”. Bởi vậy, các cô, các chú còn ở lại địa phương đây, giúp đồng bào tổ chức cuộc sống sao cho tươi đẹp hơn, ấm no, văn minh hơn... Biết đâu, chúng ta còn trở lên đây nhờ cậy đồng bào lần nữa...”¹.

3. Tuyên Quang - An toàn khu, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng lãnh đạo sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc thắng lợi

Ngay sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, đất nước ta đứng trước muôn vàn khó khăn, cùng một lúc phải đối phó

1. Lê Giản: *Những ngày sóng gió*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1985, tr.103-106.

với nhiều thù trong, giặc ngoài. Trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, cùng với việc củng cố chính quyền, bài trừ nội phản, “diệt giặc đồi, diệt giặc dốt”, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã tìm các biện pháp đấu tranh mềm dẻo nhằm duy trì hòa bình, giữ vững độc lập dân tộc, tranh thủ thời gian củng cố chính quyền cách mạng non trẻ, tích cực chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài. Trong hoàn cảnh ấy, thực dân Pháp lại rắp tâm xâm lược nước ta; buộc cả dân tộc ta một lần nữa vùng đứng lên với ý chí quật cường: “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

Sau ngày Toàn quốc kháng chiến, đầu năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng và Chính phủ quyết định trở lại căn cứ địa Việt Bắc, với niềm tin vững chắc như nhận định của Người: “Cách mệnh đã do Việt Bắc mà thành công, thì kháng chiến sẽ do Việt Bắc mà thắng lợi”. Căn cứ địa Việt Bắc tiếp tục trọng trách lịch sử của mình, là An toàn khu (ATK) bảo vệ cơ quan đầu não kháng chiến; là hậu phương vững chắc, xây dựng lực lượng cho tiền phương chiến đấu. Một lần nữa, Đảng bộ và đồng bào các dân tộc tỉnh Tuyên Quang lại vinh dự, tự hào được bảo vệ Bác Hồ, Trung ương Đảng và Chính phủ, che chở cán bộ, đảng viên, đóng góp to lớn vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược.

Trong những năm 1947-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng, Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các cơ quan Trung ương... cùng các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước đã ở và làm việc tại Tuyên Quang, để ra những chủ trương, đường lối, quyết sách quan trọng. Bằng

trí tuệ uyên thâm, tầm nhìn xa rộng, bản lĩnh vững vàng, Người đã lãnh đạo toàn thể dân tộc và hun đúc ý chí “quyết chiến, quyết thắng” của toàn dân, toàn quân ta, chăm lo xây dựng những nhân tố bảo đảm cho kháng chiến thắng lợi.

Tại vùng đất Tuyên Quang lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng và Chính phủ đã đề ra đường lối, phương châm “kháng chiến, kiến quốc”; lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và phát triển nền dân chủ cộng hòa, xây dựng chế độ mới, trên mọi lĩnh vực: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa - xã hội, ngoại giao,... Giữa chiến tranh ác liệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng ta đã tổ chức thành công Đại hội II của Đảng, tại xã Vinh Quang (nay là xã Kim Bình), huyện Chiêm Hoá, đề ra Cương lĩnh xác định nhiệm vụ hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội; quyết định đưa Đảng ta ra hoạt động công khai, với tên gọi Đảng Lao động Việt Nam; bầu ra Ban Chấp hành Trung ương khóa mới, do Hồ Chí Minh là Chủ tịch Đảng; hoàn thiện đường lối “kháng chiến, kiến quốc” đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đến thắng lợi hoàn toàn.

Tại Tuyên Quang và Chiến khu Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký nhiều sắc lệnh, nhiều chỉ thị quan trọng để lãnh đạo công cuộc kháng chiến, kiến quốc; chỉ đạo kịp thời mọi mặt hoạt động của khu, tỉnh. Người có nhiều hoạt động thăm hỏi, động viên nhân dân, cán bộ, chiến sĩ, chăm lo bồi dưỡng lực lượng kháng chiến,... Đây cũng là nơi Người đã viết nhiều bài báo và các tác phẩm nổi tiếng như: *Đời sống mới*, *Sửa đổi lối làm việc*, *Dân vận*, *Thường thức chính trị*,

Lời kêu gọi thi đua ái quốc... thể hiện tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành kim chỉ nam, ngọn đuốc soi đường cho cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi.

Trong tình thế cách mạng bị bao vây bốn phía, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược gập vỡ vàn khó khăn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiến hành nhiều hoạt động ngoại giao, “phá vây”, mở rộng quan hệ quốc tế như: bí mật thăm Trung Quốc, Liên Xô; thực hiện liên minh chiến đấu ba nước Đông Dương,... tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế đối với sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của dân tộc Việt Nam.

Là nhà chiến lược quân sự thiên tài, tại An toàn khu, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Bộ Tổng chỉ huy trực tiếp chỉ đạo và tham gia nhiều chiến dịch lớn làm xoay chuyển cục diện chiến tranh; duyệt kế hoạch cụ thể cho từng chiến trường; tổng kết, rút kinh nghiệm cho từng Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông (năm 1947), Chiến dịch Biên giới (năm 1950), Chiến dịch Hòa Bình (1951-1952), Chiến dịch Đông - Xuân (1953-1954)... Tại xã Kim Quan, huyện Yên Sơn, Tuyên Quang, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo cuộc tấn công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ “lùng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”.

4. Tuyên Quang làm theo lời Bác, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển

Trên bước đường quan trọng của cách mạng Việt Nam, Tuyên Quang - Thủ đô khu giải phóng, Thủ đô kháng chiến,

đã hoàn thành trọng trách vẻ vang, bảo vệ tuyệt đối an toàn Chủ tịch Hồ Chí Minh và căn cứ đầu não của cách mạng, góp phần quan trọng vào thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trong lòng nhân dân cả nước, Tuyên Quang đã trở thành địa danh thiêng liêng, nơi khắc ghi những mốc son chói lọi, những trang sử hào hùng của Đảng ta và cuộc cách mạng vĩ đại của dân tộc ta.

Đảng bộ và đồng bào các dân tộc Tuyên Quang luôn tự hào có được những tháng năm gắn bó với Chủ tịch Hồ Chí Minh, có được sự thương yêu và quan tâm hết mực của Người. Trong lần về thăm và nói chuyện với đồng bào các dân tộc tỉnh Tuyên Quang, tháng 3/1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Trước kia, đồng bào tỉnh ta đã góp phần xứng đáng trong Cách mạng Tháng Tám và cuộc kháng chiến cứu nước. Ngày nay, tôi chắc rằng đồng bào ta sẽ phát huy truyền thống anh dũng săn có và góp phần nhiều hơn nữa trong công cuộc kiến thiết chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà”. Người đi thăm lại Tân Trào, thăm Trung đoàn 246, Nông trường Sông Lô, Trường Dân tộc vùng cao. Người ân cần thăm hỏi, nói chuyện với các đại biểu dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, với đồng bào, cán bộ, bộ đội, công nhân, các cháu thiếu nhi, học sinh các dân tộc với tình cảm hết mực gần gũi, thân thiết.

Sáu năm gắn bó với Tuyên Quang, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại trong tâm khảm các thế hệ cán bộ, đảng viên và đồng bào các dân tộc tỉnh Tuyên Quang những tình cảm thiêng liêng, sâu nặng; một hình ảnh cao đẹp của vị lãnh tụ,

người thầy của cách mạng Việt Nam, người cha già hết mực
giản dị, thương yêu, gần gũi của dân tộc Việt Nam như lời
của nhà thơ Tố Hữu:

*Mình về với Bắc đường xuôi
Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ Người
Nhớ ông Cụ mắt sáng ngời
Áo nâu túi vải đẹp tươi lạ thường!
Nhớ Người những sáng tinh sương
Ung dung yên ngựa trên đường suối reo
Nhớ chân Người bước lên đèo
Người đi rừng núi trông theo bóng Người...*

Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong
cách Hồ Chí Minh, thấm nhuần sâu sắc những di huấn của
Người, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Tuyên Quang luôn
phát huy truyền thống quê hương cách mạng, luôn đoàn kết,
thống nhất, khắc phục mọi khó khăn, nêu cao quyết tâm
chính trị, giành nhiều thành tựu quan trọng, toàn diện trên
các lĩnh vực. Trong nhiệm kỳ của Đảng bộ tỉnh vừa qua,
Tuyên Quang đã đạt được nhiều thành tựu phát triển kinh tế -
xã hội quan trọng; nhiều chương trình phát triển kinh tế - xã
hội được triển khai hiệu quả, được cả hệ thống chính trị vào
cuộc, nhân dân đồng tình, hưởng ứng, đem lại những kết quả
tích cực. Diện mạo từ đô thị đến nông thôn có nhiều khởi sắc;
công tác xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững
được thực hiện tốt; đời sống vật chất và tinh thần của nhân
dân ngày càng được nâng cao; quốc phòng - an ninh được giữ
vững; công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được chú
trọng. Đặc biệt, trong thời gian qua, cùng với nỗ lực chung của

cả nước, Tuyên Quang đã phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh; có được sự đoàn kết, đồng lòng ủng hộ của nhân dân trong cuộc chiến đẩy lùi đại dịch Covid-19 và hiện nay đang nỗ lực tiếp tục vượt qua khó khăn, từng bước khôi phục hoạt động sản xuất, chăm lo đời sống của nhân dân phù hợp với tình hình mới. Điều đó cho chúng ta thêm phần khởi và niềm tin vững chắc về tương lai phát triển tươi sáng của tỉnh Tuyên Quang.

Hội thảo khoa học hôm nay là dịp chúng ta nhận thức sâu sắc hơn tầm vóc vĩ đại, những quyết sách đúng đắn, sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam và tình cảm sâu nặng, ân tình của Người đối với đồng bào các dân tộc tỉnh Tuyên Quang, cũng như quá trình Đảng bộ, nhân dân Tuyên Quang thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ quê hương, đất nước.

Phát huy truyền thống vẻ vang của quê hương cách mạng, ý chí, khát vọng đổi mới và phát triển trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tôi tin tưởng rằng Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Tuyên Quang sẽ tiếp tục chủ động, sáng tạo, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; trước mắt, tổ chức thật tốt đại hội Đảng bộ các cấp, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên; củng cố, tăng cường hơn nữa niềm tin, sự gắn bó mật thiết của nhân dân đối với Đảng; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng thế trận lòng dân, bảo đảm vững chắc quốc

phòng, an ninh, giữ gìn trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội; xác định mục tiêu, xây dựng chiến lược sớm đưa Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển ở phía Bắc; đồng tâm, đoàn kết xây dựng quê hương cách mạng ngày càng giàu đẹp, nhân dân có cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc, thỏa lòng mong ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu.

CHIẾN THẮNG ĐỒNG LỘC - BIỂU TƯỢNG CAO QUÝ CỦA CHỦ NGHĨA ANH HÙNG CÁCH MẠNG VÀ KHÁT VỌNG CỐNG HIẾN CỦA THANH NIÊN VIỆT NAM THỜI ĐẠI HỒ CHÍ MINH*

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Ngã ba Đồng Lộc thuộc huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh - một trọng điểm của hệ thống giao thông huyết mạch nối liền hậu phương lớn miền Bắc với tiền tuyến lớn miền Nam đã bị địch tập trung đánh phá vô cùng ác liệt. Với ý chí “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng giặc Mỹ xâm lược”, dưới làn mưa bom bão đạn, những người con của nhiều miền quê trên miền Bắc, đặc biệt là lực lượng thanh niên xung phong làm nhiệm vụ trực chiến tại Ngã ba Đồng Lộc, đã không quản ngại hy sinh, gian khổ, ngày đêm bảo đảm thông đường cho xe ra tiền tuyến. Tinh thần quyết tâm chiến đấu cùng với máu xương mà các chị, các anh đã đổ xuống nơi đây vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước đã đưa Ngã ba Đồng Lộc “trở thành một mốc son chói lọi, một địa danh lịch sử oai

* Bài đăng trên Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 7/2018; có chỉnh sửa.

hùng trên con đường chiến lược Trường Sơn mang tên Bác”, như Đại tướng Võ Nguyên Giáp từng khẳng định.

Thời gian đã lùi xa nhưng sự hy sinh to lớn của quân và dân ta, đặc biệt là những đóng góp của lực lượng thanh niên xung phong tại Ngã ba Đồng Lộc cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước vẫn mãi là bản anh hùng ca về ý chí kiên cường, khát vọng cống hiến của thanh niên Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. 50 năm đã trôi qua nhưng khí phách hào hùng của chiến thắng Đồng Lộc vẫn còn nguyên giá trị và có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc.

Thứ nhất, khẳng định chủ trương đúng đắn, sáng tạo của Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đổi mới trận giao thông vận tải trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta muốn thắng lợi ở miền Nam, phải xây dựng và bảo vệ vững chắc hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Trước một kẻ thù mạnh, có nhiều ưu thế vượt trội về hải quân và không quân, việc “bảo đảm giao thông ở miền Bắc thường xuyên suốt trở thành nhiệm vụ trung tâm, đột xuất của toàn Đảng, toàn dân”¹.

Từ năm 1965 đến năm 1968, Trung ương Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, thông tri, quyết định, gửi

1. Ban Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.227.

nhiều bức điện cho các cấp khu, tỉnh để lãnh đạo, chỉ đạo công tác giao thông vận tải toàn miền Bắc, trong đó tập trung chỉ đạo công tác giao thông vận tải ở Khu IV¹. Từ đầu năm 1968, khi nhu cầu chi viện miền Nam tăng cao, Trung ương Đảng đã xác định giao thông vận tải trở thành công tác số một của ba tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình - những tỉnh chắc chắn sẽ trở thành địa điểm bị địch tập trung ngăn chặn, đánh phá ác liệt.

Thấu triệt tầm quan trọng của việc bảo đảm thông suốt giao thông vận tải trên những tuyến đường chiến lược quan trọng, tháng 3/1966, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh ra Nghị quyết đặc biệt, thể hiện quyết tâm bảo đảm thông suốt con đường huyết mạch chi viện cho các chiến trường. Nghị quyết ghi rõ: “Bất kỳ tình huống nào xảy ra, dù phải trả với bất kỳ giá nào, kể cả phải hy sinh xương máu, Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta cũng phải bảo đảm kế hoạch giao thông vận tải”². Tháng 6/1968, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh tiếp tục ra nghị quyết nhấn mạnh: “Bảo đảm giao thông vận tải ở Ngã ba Đồng Lộc, chi viện tiền tuyến là nhiệm vụ số một của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Hà Tĩnh”³.

1. Trung ương Đảng đã gửi Điện ngày 05/5/1965, Quyết định ngày 07/5/1965, Điện mặt ngày 29/10/1965; Nghị quyết ngày 30/6/1966, Chỉ thị ngày 30/6/1966, Chỉ thị ngày 12/9/1966, Chỉ thị ngày 19/12/1966; Thông tri ngày 06/6/1968, Thông tri ngày 03/7/1968, Thông tri ngày 02/8/1968,...

2. Nghị quyết đặc biệt của Ban Chấp hành Đảng bộ Hà Tĩnh, kỳ họp tháng 3/1966.

3. Nghị quyết của Tỉnh ủy Hà Tĩnh, tháng 4/1968. Tư liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hà Tĩnh.

Rõ ràng, sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và sự quán triệt, vận dụng sáng tạo của Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh trong lãnh đạo, chỉ đạo là nhân tố quan trọng hàng đầu mang lại những thắng lợi to lớn trên mặt trận giao thông vận tải thuộc địa bàn Quân khu IV nói chung và tỉnh Hà Tĩnh nói riêng.

Thứ hai, tưởng nhớ, tri ân những đóng góp, hy sinh to lớn của quân và dân ta tại Ngã ba Đồng Lộc - địa danh lịch sử oai hùng trong tuyến giao thông huyết mạch chi viện chiến trường miền Nam

Ngã ba Đồng Lộc - điểm nút của điểm nút miền Trung, trọng điểm của trọng điểm miền Trung là biểu tượng cho sự chi viện bền bỉ, mãnh liệt và kiên cường của hậu phương lớn miền Bắc cho tiền tuyến lớn miền Nam. Đây cũng là nơi thể hiện rõ nhất âm mưu và hành động tàn bạo của đế quốc Mỹ, nơi diễn ra cuộc đọ sức quyết liệt giữa ý chí, tinh thần thép của quân và dân ta, nhất là các lực lượng thanh niên xung phong bảo đảm giao thông trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh với thủ đoạn xâm lược và bom đạn khốc liệt của kẻ thù.

Với vị trí chiến lược, huyết mạch, Đồng Lộc tập trung các lực lượng bảo đảm giao thông vận tải của Trung ương và tỉnh Hà Tĩnh, lúc cao điểm, có tới 16.000 người làm nhiệm vụ. Nơi đây tập trung 5 đại đội thanh niên xung phong, 3 đại đội chủ lực giao thông, 1 đội cầu, 1 đội xe cơ giới làm nhiệm vụ ứng cứu giải tỏa giao thông. Lực lượng chiến đấu gồm Trung đoàn pháo cao xạ 210 của Bộ Quốc phòng và một bộ phận của Tiểu đoàn 30 công binh Quân khu IV, Tiểu đoàn 8 pháo cao xạ của tỉnh, cùng với sự tham gia của lực lượng dân quân du kích và

nhân dân các xã Quang Lộc, Mỹ Lộc, Thượng Lộc, Trung Lộc, Phú Lộc, Sơn Lộc thuộc huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

Với tinh thần “Xe chưa qua, nhà không tiếc”, “Sống bám cầu, bám đường - chết kiên cường, dũng cảm”, các lực lượng tại đây đã hình thành thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc, kiên cường bảo vệ tuyến giao thông huyết mạch. Tiêu biểu nhất là Tiểu đội thanh niên xung phong của Tiểu đội trưởng Võ Thị Tân, thuộc Đại đội 552, Tổng đội 55 Thanh niên xung phong của tỉnh Hà Tĩnh. Tiểu đội đã kiên cường bám trụ liên tục, trực chiến ngày đêm để kịp thời san lấp hố bom, sửa chữa đường, kịp thời thông xe ngay sau những đợt oanh kích của địch.

Xương máu, sự đóng góp, hy sinh lớn lao của quân và dân ta, đặc biệt là thế hệ trẻ ở Ngã ba Đồng Lộc đã làm nên kỳ tích, bảo đảm giao thông vận tải, làm thất bại âm mưu và hành động của đế quốc Mỹ trong việc ngăn chặn miền Bắc chi viện cho tiền tuyến miền Nam. Sự hy sinh anh dũng của mười cô gái Đồng Lộc đã trở thành biểu tượng của Chiến thắng Đồng Lộc - biểu tượng thiêng liêng, cao quý của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, khát vọng cống hiến của thanh niên Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh.

Thứ ba, làm sáng rõ ý nghĩa lịch sử, những bài học vẫn còn nguyên giá trị từ thực tiễn sống và chiến đấu của các lực lượng bảo đảm giao thông vận tải tại Ngã ba Đồng Lộc

Chiến thắng Đồng Lộc là biểu tượng sáng ngời về ý chí và sức mạnh của dân tộc Việt Nam, tinh thần sáng tạo trong

nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh của Đảng; ý chí, trí tuệ con người Việt Nam chiến thắng vũ khí tối tân của đế quốc Mỹ; biểu tượng quyết tâm vì hòa bình, độc lập, thống nhất của nhân dân Việt Nam. Chiến thắng Đồng Lộc để lại những giá trị tinh thần to lớn, có sức lan tỏa mạnh mẽ, mãi là niềm tự hào của nhân dân Việt Nam và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

Cuộc sống và chiến đấu của các lực lượng bảo đảm giao thông vận tải tại Ngã ba Đồng Lộc trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã để lại cho chúng ta những bài học, kinh nghiệm quý báu.

Đó là bài học, kinh nghiệm về công tác chính trị, tư tưởng đối với cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang, thanh niên xung phong và nhân dân trên địa bàn. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được thực hiện ngay trên chiến壕, bên miệng hầm, giữa những trận ném bom, không kích của máy bay địch. Các lực lượng tham gia bảo đảm giao thông tại đây đã thầm nhuần chủ trương của Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Quân khu IV, của Tỉnh ủy Hà Tĩnh, thể hiện qua những khẩu hiệu hành động, xác định giao thông vận tải là nhiệm vụ trọng tâm số một của địa phương.

Đó là bài học về phát huy tinh thần quyết chiến quyết thắng, không quản ngại gian khổ, hy sinh. Với quyết tâm “Đánh địch mà đi, mở đường mà tiến” quân và dân ta vừa chiến đấu, mở đường, vừa trụ bám kiên cường ở Đồng Lộc, quyết giữ vững mạch máu giao thông, bảo đảm sự chi viện liên tục, mạnh mẽ của hậu phương cho tiền tuyến.

Đó là bài học về vun đắp tình đồng chí, đồng đội trong chiến tranh ác liệt. Những người lính của các quân binh

chủng, những đội viên thanh niên xung phong, lực lượng công an, lực lượng bảo đảm giao thông, nhân dân địa phương đã đoàn kết, hỗ trợ nhau trong sinh hoạt hàng ngày và trong chiến đấu. Trong khó khăn, gian khổ, dưới mưa bom, bão đạn của kẻ thù, tình yêu Tổ quốc, yêu quê hương đã hòa quyện với tình đồng chí, đồng đội và tình yêu đôi lứa, tạo nên nguồn sức mạnh tinh thần, thôi thúc những chàng trai, cô gái xông lên, cống hiến trọn vẹn tuổi thanh xuân cho đất nước.

Đó là bài học về tinh thần chủ động, sáng tạo, về động viên, huy động sức dân thực hiện và hoàn thành cho được nhiệm vụ đã đề ra. Nhân dân Hà Tĩnh, với quyết tâm sắt đá “đường chưa thông, không tiếc xương, tiếc máu” và tinh thần “địch phá một ta làm mười”, đã ngày đêm chịu đựng mọi gian khổ, hy sinh bảo toàn cho những tuyến đường huyết mạch.

Để mở những con đường mới, đường tránh, nhân dân nhiều địa phương như các xã Thiên Lộc, Tiến Lộc (huyện Can Lộc), Cẩm Quan (huyện Cẩm Xuyên)... đã di dời làng xóm, nhà cửa đi nơi khác để lấy đất làm đường. Để tránh đoạn đường số 1 bị bom địch đánh phá hỏng, nhân dân xóm Hạ Lội (xã Tiến Lộc, huyện Can Lộc) đã tự nguyện dỡ 130 ngôi nhà để lát đường cho xe ra tiền tuyến. Nhân dân huyện Kỳ Anh với ý chí quyết tâm không để một chiếc xe bị tắc trên địa phương mình, đã làm thêm hàng chục con đường xέ, đường tránh...

Đó là những minh chứng tiêu biểu cho sức mạnh của lòng dân, của chân lý “dân là gốc”.

Thứ tư, đánh giá những kết quả đã đạt được của Đảng bộ và nhân dân Hà Tĩnh trong phát huy giá trị di sản Ngã ba Đồng Lộc, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu Di tích Thanh niên xung phong Ngã ba Đồng Lộc

Phát huy tinh thần và ý chí của Chiến thắng Đồng Lộc, Đảng bộ và nhân dân Hà Tĩnh đã đạt được nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội. Đảng bộ và nhân dân địa phương luôn tự hào và không ngừng bảo vệ, phát huy giá trị của di tích lịch sử Ngã ba Đồng Lộc. Ngày nay, nơi đây không chỉ là nơi tưởng nhớ, tri ân mà còn là địa danh tham quan, du lịch về lịch sử cách mạng.

Tuy nhiên, trong điều kiện khó khăn chung, nguồn kinh phí đầu tư xây dựng, quảng bá cho khu di tích còn thấp; việc khai thác các tiềm năng về nhiều mặt của di tích vẫn còn hạn chế. Khắc phục những bất cập này để phát huy giá trị của địa danh lịch sử Ngã ba Đồng Lộc cũng là thể hiện sự tri ân của thế hệ hôm nay đối với các thế hệ cha, anh đã anh dũng hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Đồng Lộc là dịp để chúng ta nhìn lại và phát huy *Tinh thần Đồng Lộc, Ý chí Đồng Lộc* và hơn nữa, ẩn sâu trong đó là *Khát vọng Đồng Lộc* - khát vọng được sống trong hòa bình, độc lập và thống nhất đất nước. Chúng ta càng có thêm tinh thần và ý chí để xây dựng và thực hiện khát vọng phát triển Việt Nam trở thành một nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa,

kế thừa và phát huy những giá trị cao đẹp của các thế hệ đi trước để lại, tiếp tục truyền cảm hứng và trách nhiệm cho các thế hệ hôm nay, mai sau tiên phong và đóng góp có hiệu quả cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trên tinh thần đó, xin chúc Đảng bộ và quân dân tỉnh Hà Tĩnh đạt được nhiều thành tựu hơn nữa trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng.

CỤ HUỲNH THÚC KHÁNG VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM VÀ QUÊ HƯƠNG QUẢNG NAM*

Cụ Huỳnh Thúc Kháng là tấm gương tiêu biểu của phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX; một nhân cách cao đẹp, tiêu biểu của dân tộc Việt Nam, một bậc đại trí thức yêu nước nhiệt thành, luôn đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết và trước hết, phấn đấu vì nước, vì dân cho đến hơi thở cuối cùng.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng, tên lúc nhỏ là Huỳnh Văn Thuốc, rồi đổi là Huỳnh Hanh, tự Giới Sanh, hiệu Minh Viên, sinh ngày 01/10/1876, trong một gia đình nhà Nho, tại làng Thạnh Bình, tổng Tiên Giang Thượng, huyện Hà Đông, phủ Thăng Bình (nay thuộc xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam) - một vùng quê giàu truyền thống yêu

* Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo khoa học “Huỳnh Thúc Kháng với cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Nam” tổ chức ngày 23/9/2016 tại Hà Nội; bài đăng trên Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 10/2016; in trong cuốn sách: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Trung ương, Tỉnh ủy Quảng Nam: *Huỳnh Thúc Kháng với cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Nam (Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016; có chỉnh sửa.

nước và hiếu học. Nổi tiếng học giỏi, đỗ đầu kỳ thi hương năm 24 tuổi (1900), đến năm 1904, lại đỗ đầu kỳ thi hội, nhưng cụ Huỳnh Thúc Kháng không ra làm quan mà cùng những sĩ phu yêu nước đương thời như cụ Phan Châu Trinh, cụ Trần Quý Cáp, cụ Lương Văn Can khởi xướng phong trào Duy Tân, tích cực vận động, tuyên truyền tinh thần yêu nước, đấu tranh đòi chính quyền thực dân thực hiện những cải cách nhằm mang lại lợi ích thiết thực cho dân chúng. Thực dân Pháp đàn áp thắt tay phong trào Duy Tân. Cụ Huỳnh Thúc Kháng bị bắt và bị đày ra Côn Đảo từ năm 1908 đến năm 1921.

Tù đày, tra tấn không làm nhụt chí mà còn hun đúc tinh thần cách mạng trong người chí sĩ yêu nước. Sau khi được trả lại tự do, cụ Huỳnh Thúc Kháng tiếp tục hoạt động yêu nước. Năm 1926, được đắc cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ, rồi được cử làm Viện trưởng. Trong hơn 2 năm hoạt động ở Viện, cụ Huỳnh Thúc Kháng cương quyết đấu tranh nghị trường, rồi nhân việc chống lại Khâm sứ Pháp, đã từ chức. Năm 1927, cụ Huỳnh Thúc Kháng sáng lập báo *Tiếng Dân* làm diễn đàn nhằm tiếp tục đấu tranh đòi các quyền dân chủ, đến năm 1943 bị chính quyền thực dân đình bản.

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh mời cụ Huỳnh Thúc Kháng ra tham gia Chính phủ Liên hiệp kháng chiến nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với cương vị Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Năm 1946, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm Pháp, cụ Huỳnh Thúc Kháng được cử làm quyền Chủ tịch Chính phủ, điều hành mọi hoạt động của

chính quyền cách mạng, vừa tích cực xây dựng và củng cố tiềm lực của đất nước, vừa đấu tranh làm thất bại những âm mưu chống phá của các lực lượng phản động.

Ngày 29/5/1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam thành lập nhằm tập hợp những người chưa có điều kiện tham gia Việt Minh vào khối đại đoàn kết dân tộc. Cụ Huỳnh Thúc Kháng tham gia sáng lập Hội và được tín nhiệm cử làm Hội trưởng.

Cuối năm 1946, cụ Huỳnh Thúc Kháng được cử làm đặc phái viên, thay mặt Chính phủ đi kinh lý các tỉnh Trung Bộ. Ngày 21/4/1947, cụ lâm bệnh nặng và mất tại Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Cuộc đời và sự nghiệp của cụ Huỳnh Thúc Kháng là tấm gương sáng ngời của tinh thần hết lòng vì nước, vì dân. Cụ Huỳnh Thúc Kháng là một nhà hoạt động văn hóa xuất sắc, vị lãnh đạo mẫu mực, người con ưu tú của quê hương Quảng Nam.

1. Cụ Huỳnh Thúc Kháng - một chí sĩ yêu nước nhiệt thành

Là một nhà Nho yêu nước, cấp tiến, dù học giỏi, đỗ cao nhưng cụ Huỳnh Thúc Kháng không đi theo chốn quan trường, không ra làm quan. Sau khi đỗ tiến sĩ năm 1904, Cụ về quê dạy học, bốc thuốc, hòa vào cuộc sống của nhân dân lao động. Cụ Huỳnh Thúc Kháng thường xuyên tận mắt chứng kiến cảnh những người nông dân bị áp bức, bóc lột dã man và đời sống khốn cùng của họ, cụ Huỳnh Thúc Kháng càng thấy xót xa cho thân phận của người dân mất nước. Là

người trong giới khoa bảng có hiểu biết, cụ Huỳnh Thúc Kháng suy nghĩ nhiều về thời cuộc, thấy mình phải có trách nhiệm với dân, với nước.

Năm 1905, cụ Huỳnh Thúc Kháng cùng cụ Phan Châu Trinh và cụ Trần Quý Cáp tiên phong khai mở phong trào Duy Tân với mục tiêu “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, theo nguyên tắc bất bạo động, không nhờ ngoại viện mà dùng những biện pháp ôn hòa, nhất là giác ngộ dân trí. Cụ Huỳnh Thúc Kháng cùng cụ Phan Châu Trinh, cụ Trần Quý Cáp đi các địa phương trong tỉnh Quảng Nam và các tỉnh Bình Định, Nha Trang, Bình Thuận vận động dân chúng hưởng ứng phong trào Duy Tân. Dù chỉ mới đề ra khẩu hiệu và kêu gọi nhân dân thực hiện cắt tóc ngắn, để răng trắng, mặc âu phục, lập hội buôn, hội thương, hội nông, mở trường học theo lối mới..., nhưng tinh thần của Duy Tân đã thực sự biểu hiện một tầm nhìn mới, một cách nhìn mới của khuynh hướng canh tân yêu nước, đã khơi dậy một cao trào yêu nước rộng rãi từ Bắc chí Nam mà đỉnh điểm là phong trào chống thuế ở Trung Kỳ (năm 1908) làm chấn động bộ máy thống trị của thực dân Pháp.

Phong trào Duy Tân đã trở thành nguy cơ lớn đối với chính quyền thực dân phong kiến ở Việt Nam. Nhà cầm quyền Pháp và chính phủ Nam triều thẳng tay bắt bớ những người bị chúng tình nghi có liên quan đến phong trào. Cụ Huỳnh Thúc Kháng bị thực dân Pháp bắt, giam từ nhà lao Hội An tới ngục tù Côn Đảo suốt 13 năm (1908-1921) nhưng Cụ vẫn một dạ sắt son, gan không núng, chí không sờn.

Tù đày, tra tấn không làm nhụt chí mà còn hun đúc tinh thần đấu tranh, với mong muốn giành quyền dân chủ cho các

tầng lớp nhân dân, năm 1925, cụ Huỳnh Thúc Kháng tham gia vào cuộc vận động bầu Viện Dân biểu Trung Kỳ. Trong hơn 2 năm hoạt động trên cương vị Viện trưởng Viện Dân biểu Trung kỳ, Cụ cương quyết đấu tranh nghị trường, khi thấy không đạt mục đích, Cụ khảng khái từ chức. Năm 1927, Cụ sáng lập và lãnh đạo báo *Tiếng Dân* làm diễn đàn nhằm tiếp tục đấu tranh đòi các quyền dân chủ và bị chính quyền thời bấy giờ đình bản năm 1943. Trên chính trường, với cương vị Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ và chủ bút báo *Tiếng Dân*, với tầm nhìn xa, tư duy sắc sảo, bản tính thẳng thắn, cụ Huỳnh Thúc Kháng đã có nhiều đóng góp quan trọng đòi thực hiện dân chủ, dân quyền, chống ách nô dịch của thực dân Pháp.

Cách mạng Tháng Tám thành công, dù tuổi đã cao, sức đã yếu, nhưng với lòng yêu nước nhiệt thành, cụ Huỳnh Thúc Kháng vẫn nhận lời mời của Chủ tịch Hồ Chí Minh ra giúp nước. Cụ đã sát cánh cùng những chiến sĩ cộng sản lãnh đạo Nhà nước cách mạng Việt Nam, góp phần đưa đất nước vượt qua những khó khăn thử thách to lớn, giữ vững nền dân chủ cộng hòa non trẻ.

Có thể khẳng định, cụ Huỳnh Thúc Kháng đã dành cả cuộc đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc. Bắt đầu là tham gia phong trào Duy Tân chống thực dân Pháp. Khi còn làm Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ, Cụ đã đấu tranh chính trị công khai với thực dân Pháp đòi quyền tự quyết cho dân tộc, dân chủ cho nhân dân; khi làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *Tiếng Dân*, Cụ đã vạch trần bản chất xâm lược của thực dân Pháp, chấn hưng lòng yêu nước của nhân dân và đặc biệt, khi trở thành thành viên quan

trọng trong Chính phủ liên hiệp kháng chiến, cụ Huỳnh Thúc Kháng thực sự thể hiện tài trí của mình trong sự nghiệp chung của toàn dân tộc Việt Nam, bảo vệ nền độc lập và chính quyền cách mạng non trẻ.

2. Cụ Huỳnh Thúc Kháng - nhà lãnh đạo cương trực, quả quyết

Tham gia Chính phủ liên hiệp kháng chiến vào thời khắc hiếp nghèo của dân tộc, cụ Huỳnh Thúc Kháng đã đóng góp trí tuệ sắc sảo của mình vào đường lối chính trị, ngoại giao hết sức mềm dẻo, khôn khéo của Chính phủ. Trong thời gian đảm nhiệm cương vị Bộ trưởng Bộ Nội vụ, cụ Huỳnh Thúc Kháng đã giải quyết nhiều công việc nội chính của Chính phủ và có những đóng góp quan trọng trong việc giữ gìn trật tự, kỷ cương của xã hội mới. Đặc biệt, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm Pháp, chiếu theo Sắc lệnh số 82/SL ngày 29/5/1946, cụ Huỳnh Thúc Kháng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ thay mặt Chủ tịch Chính phủ đi vắng ký những công văn thường ngày và chủ tọa họp Hội đồng Chính phủ.

Gánh vác trọng trách Quyền Chủ tịch Chính phủ thay Chủ tịch Hồ Chí Minh điều hành việc nước là thử thách không nhỏ đối với cụ Huỳnh Thúc Kháng. Đáp lại sự kỳ vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ Huỳnh Thúc Kháng đã có những xử lý đúng đắn trong việc điều hành bộ máy nhà nước, trùng tri bọn nội phản, giải quyết mọi vấn đề về nội trị, ngoại giao. Cụ đã giải quyết được nhiều khó khăn của đất nước, giải quyết êm thầm nhiều công việc liên quan đến quốc gia đại sự. Cụ đã hành động một cách cương quyết nhưng khéo

léo theo chủ trương “dĩ bất biến ứng vạn biến”. Một trong những việc mà Cụ giải quyết thành công là chủ trương trấn áp bọn phản cách mạng Việt Nam Quốc dân Đảng tháng 7/1946. Với chủ trương này không chỉ vụ án ở phố Ôn Như Hầu được giải quyết mà còn đánh tan quân đội của Việt Quốc, Việt Cách, cải tổ lại Chính phủ liên hiệp kháng chiến, thanh trừ bọn Việt gian phản động có âm mưu lật đổ Chính phủ Hồ Chí Minh.

Ở tuổi thất thập cổ lai hy nhưng cụ Huỳnh Thúc Kháng vẫn phát huy được tài năng, trí tuệ, uy tín và đạo đức của mình trong việc thực thi nhiệm vụ cách mạng lúc bấy giờ. Đồng thời, Cụ đã dốc hết nhiệt tâm vào việc mở rộng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, nhất là trên cương vị Hội trưởng Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam. Quan điểm đoàn kết toàn dân của cụ Huỳnh Thúc Kháng rất rõ ràng. Một mặt, Cụ hết lòng mong mỏi mở rộng khối đoàn kết dân tộc ngày càng vững chắc; mặt khác, Cụ khuyên mọi người phải tôn trọng pháp luật của Nhà nước, cũng có nghĩa là tôn trọng quyền sống và lợi ích của nhân dân.

Suốt cuộc đời vì nước, vì dân, hết lòng phụng sự Tổ quốc, Cụ ra đi thanh thản, để lại “lời vĩnh quyết” như một lời hiệu triệu, kêu gọi mọi người đoàn kết, tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Có thể khẳng định, cho đến hơi thở cuối cùng, người chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng vẫn hết lòng vì đồng bào, Tổ quốc, đặt niềm tin tất thắng vào sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

3. Cụ Huỳnh Thúc Kháng - nhà hoạt động văn hóa xuất sắc

Không chỉ là một nhà yêu nước nhiệt thành, nhà lãnh đạo tài năng, cụ Huỳnh Thúc Kháng còn là một nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nhà sử học, nhà giáo dục, là người tiên phong tuyên truyền, cổ động học chữ Quốc ngữ. Di sản văn hóa tinh thần mà Cụ để lại cho chúng ta rất quý báu và đáng trân trọng.

Cụ không nhận mình là nhà văn, nhà thơ thậm chí coi văn thơ là một sự bất đắc dĩ, bất lực, thất bại trước thời cuộc, chẳng bao giờ quan tâm đến. Tuy nhiên, trên thực tế, Cụ đã dùng văn, thơ để tuyên truyền, vận động và thúc đẩy tinh thần nước, thể hiện tinh thần yêu nước và cách mạng. Thơ của Cụ không nhiều nhưng là những tác phẩm có giá trị, tiêu biểu là tập thơ *Thi tù tùng thoại* với hàng trăm bài thơ thể hiện rõ quan điểm, chí hướng của mình trong công cuộc đấu tranh đòi tự do, dân chủ, độc lập cho nước nhà. Thơ của cụ Huỳnh Thúc Kháng thường ngắn gọn, cô đọng và có sức khái quát cao, trong thơ tràn đầy nhiệt huyết và tinh thần yêu nước cháy bỏng, mang đậm tính thời sự và chiến đấu. Thơ Huỳnh Thúc Kháng là không gian nghệ thuật hết sức tinh tế, đa dạng, chứa đựng tư tưởng, tình cảm và chí hướng của Cụ cũng như diện mạo của đất nước và thời đại thế kỷ XX.

Trên lĩnh vực báo chí, ngòi bút cụ Huỳnh Thúc Kháng đã đề cập tới nhiều vấn đề xã hội và tư tưởng, đấu tranh chống văn hóa nô dịch của kẻ thù. Cụ đã dùng báo chí làm công cụ để bênh vực cho quyền sống, quyền tự do của đồng

bào mình, chĩa mũi nhọn đả kích vào chính quyền thực dân phong kiến thối nát đương thời, đồng thời qua ngòi bút, Huỳnh Thúc Kháng còn nuôi đốm lửa nhiệt thành ái quốc cho nhân dân, và những điều này đã thể hiện rõ qua các bài viết trên báo *Tiếng Dân* do Cụ là Chủ nhiệm kiêm Chủ bút.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng còn có đóng góp về mặt sử học qua việc sưu tầm, công bố một số tư liệu lịch sử. Trong di sản của mình, Cụ để lại nhiều tác phẩm sử học có giá trị phản ánh lịch sử dân tộc từ khi bị thực dân Pháp xâm lược đến cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam những năm 1939-1945 gắn liền với các sự kiện lịch sử và nhân vật tiêu biểu. Những công trình lịch sử của cụ Huỳnh Thúc Kháng đã cung cấp nguồn tư liệu chính xác, khôi phục chân thực bức tranh lịch sử dân tộc thời thuộc Pháp, cũng như phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu lịch sử.

Đặc biệt, ngay từ những năm đầu thế kỷ XX, Cụ đã có nhiều bài viết với những tư liệu, chứng cứ về chủ quyền lãnh thổ đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Các bài viết đó góp phần khẳng định chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc, thể hiện tấm lòng yêu nước và tầm nhìn sáng suốt của chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng còn là nhà giáo dục lớn, là người tiên phong tuyên truyền, cổ động học chữ Quốc ngữ, tiếng của dân tộc, hồn của nước. Cụ đặc biệt quan tâm tới giáo dục và tuyên truyền cổ động học chữ Quốc ngữ bởi đây chính là công cụ để khai dân trí, chấn dân khí, để làm người, để mỗi người Việt Nam hiểu rõ hơn quyền của mình mà đấu tranh

giành lại, để học hỏi, tiếp thu văn minh nhân loại và vươn tới độc lập, thịnh cường.

4. Cụ Huỳnh Thúc Kháng - một nhân cách cao thượng

Là một chí sĩ yêu nước nổi tiếng đầu thế kỷ XX, cùng thế hệ với cụ Phan Bội Châu, cụ Phan Châu Trinh, cụ Huỳnh Thúc Kháng là một trí thức không màng danh lợi, cầu vinh mà là dấn thân vào cuộc đấu tranh cho độc lập của dân tộc và hạnh phúc của nhân dân bất chấp hiểm nguy, tù đày lao khổ.

Suốt cuộc đời, cụ Huỳnh Thúc Kháng luôn tỏ rõ nhân cách của một sĩ phu tràn đầy nhiệt huyết yêu nước, hành động vì nước vì dân. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Cụ cũng thể hiện là người “giàu sang không thể quyến rũ, gian khó không thể chuyền lay, uy vũ không thể khuất phục”.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng dành cả cuộc đời cho việc nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân, đã ba lần Cụ từ chối không ra làm quan của nước bị “nô lệ” và vui mừng khôn xiết khi được làm dân của nước tự do. Đất nước được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh mời Cụ ra Hà Nội tham gia Chính phủ giúp nước, giúp dân. Lúc đầu Cụ từ chối vì: Cụ chưa biết Hồ Chí Minh là ai và khi cách mạng hy sinh gian khổ thì mình chẳng đóng góp gì, nay thắng lợi rồi thì mình ra hưởng thụ. Nhưng khi tiếp xúc với Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ Huỳnh Thúc Kháng đã bị thuyết phục, Cụ nhận lời ra tham gia Chính phủ với tâm nguyện “làm quan thì tôi không làm, nhưng làm đầy tớ cho dân thì tôi xin nhận”. Cụ chính là

tấm gương cao đẹp về một nhân cách lớn, sáng ngời trong lịch sử đương đại của dân tộc.

Đánh giá về trí tuệ, nhân cách và con người cụ Huỳnh Thúc Kháng, trong thư *Gửi toàn thể đồng bào sau ngày cụ Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng tạ thế*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Cụ Huỳnh là một người học hành rất rộng, chí khí rất bền, đạo đức rất cao. Vì lòng yêu nước, mà trước đây cụ bị bọn thực dân làm tội, đày ra Côn Đảo. Mười mấy năm trườn, gian nan cực khổ. Nhưng lòng son dạ sắt, yêu nước thương nòi của cụ Huỳnh, chẳng những không sờn lại thêm kiên quyết.

Cụ Huỳnh là người mà giàu sang không làm xiêu lòng, nghèo khổ không làm nản chí, oai vũ không làm sờn gan.

Cả đời cụ Huỳnh không cầu danh vị, không cầu lợi lộc, không thèm làm giàu, không thèm làm quan. Cả đời cụ Huỳnh chỉ phán đau cho dân được tự do, nước được độc lập¹.

Trong Điều văn tại lễ tang cụ Huỳnh Thúc Kháng, đồng chí Phạm Văn Đồng xúc động: “Đời người như Cụ sao mà đầy đủ đến thế, vẹn toàn đến thế, tốt đẹp đến thế” và thành kính gọi Cụ là “cha già chí thân, tượng trưng cho một dân tộc”².

5. Cụ Huỳnh Thúc Kháng - người con ưu tú của quê hương Quảng Nam

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình nhà Nho nghèo ở vùng đất Quảng Nam “địa linh nhân kiệt”, nơi có bề dày văn hóa và truyền thống chống giặc ngoại xâm, cụ Huỳnh Thúc Kháng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5, tr.142.

2. Tạp chí *Sông Đà*, số 19-2007.

đã sớm hấp thụ những giá trị truyền thống tốt đẹp của quê hương, gia đình, dân tộc, biểu hiện ở lòng yêu nước thiết tha và cốt cách của con người Xứ Quảng. Cụ Huỳnh Thúc Kháng đã kế thừa và phát triển đức tính hiếu học của quê hương nơi nổi danh với các danh xưng “Ngũ phụng tề phi”, “Tứ kiệt”, “Tứ hổ”, “Ngũ tử đăng khoa”..., những giá trị về văn học, nghệ thuật; tinh thần bất khuất, chịu khó, sẵn sàng vì nghĩa, hy sinh đấu tranh chống lại những thế lực tàn bạo. Những di sản tinh thần của quê hương Xứ Quảng và “chất Quảng Nam” được cụ Huỳnh Thúc Kháng nâng niu, giữ gìn, đồng thời còn phát triển và làm cho đậm đà hơn, tạo sức sống trường tồn.

Có thể khẳng định, cụ Huỳnh Thúc Kháng chính là hình ảnh tiêu biểu nhất của con người Xứ Quảng, là người con ưu tú của quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng. Cụ chính là niềm tự hào của nhân dân Việt Nam nói chung, của đồng bào Quảng Nam và của dòng họ Huỳnh nổi tiếng xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước nói riêng.

Tình cảm của cụ Huỳnh Thúc Kháng với quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng và tình cảm của Quảng Nam - Đà Nẵng với cụ Huỳnh Thúc Kháng thật gắn bó sâu đậm. Từ khi còn trẻ, Cụ đã tham gia phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp bảo vệ quê hương, Cụ luôn hòa mình vào cuộc sống của nhân dân lao động, thấu hiểu những nỗi đau khổ, vất vả của nhân dân, từ đó nuôi ý chí đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân. Khi đất nước được độc lập, Cụ đã dồn hết tâm huyết vì hạnh phúc của nhân dân. Cho tới

những giây phút cuối đời, Cụ vẫn gắn bó với dải đất miền Trung sâu đậm nghĩa tình. Cụ ra đi thanh thản, để lại “lời vĩnh quyết” như lời hiệu triệu, kêu gọi mọi người đoàn kết, tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc, để lại trong lòng Đảng bộ và nhân dân Quảng Nam những tình cảm nồng ấm, sâu sắc. Đảng bộ và nhân dân Quảng Nam luôn tự hào về cụ Huỳnh Thúc Kháng - nhà chí sĩ yêu nước, nhà văn hóa, Quyền Chủ tịch Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa giai đoạn đầy khó khăn, thử thách của dân tộc và luôn dành cho Cụ - người con ưu tú của quê hương, những tình cảm thắm thiết, đặc biệt.

Kỷ niệm 140 năm ngày sinh cụ Huỳnh Thúc Kháng, chúng ta cùng tưởng nhớ về nhà văn hóa, chí sĩ yêu nước, nhà chính trị Huỳnh Thúc Kháng, người đã hy sinh trọn đời vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Cuộc đời hoạt động và nhân cách cao đẹp cùng tài năng, đức độ của Cụ là tấm gương sáng để các thế hệ con cháu hôm nay và mai sau học tập và noi theo. Tấm gương đạo đức và nhân cách sáng ngời của Cụ sẽ sống mãi trong lòng các thế hệ người Việt Nam.

CỤ NGUYỄN VĂN TỐ VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM*

Cụ Nguyễn Văn Tố, hiệu là Ứng Hòe, sinh ngày 05/6/1889¹ tại làng Đông Thành, tổng Tiền Túc, huyện Thọ Xương, nay là phố Bát Sứ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Cụ nguyên là Trưởng Ban Thường trực Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nguyên Bộ trưởng Bộ Cứu tế xã hội, một chí sĩ yêu nước nhiệt thành, nhà văn hóa xuất sắc, người cộng sự gần gũi, thân thiết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người con ưu tú của dân tộc Việt Nam.

Cuộc đời của cụ Nguyễn Văn Tố là tấm gương cao đẹp của một nhà trí thức với lòng yêu nước nồng nàn đã đến với cách mạng, trọn đời phấn đấu, hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và phát triển đất nước.

* Báo cáo đê dẫn tại Hội thảo khoa học “Nguyễn Văn Tố với cách mạng Việt Nam” tổ chức ngày 01/6/2019 tại Hà Nội; in trong cuốn sách: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Văn phòng Quốc hội, Ban Tuyên giáo Trung ương: *Nguyễn Văn Tố với cách mạng Việt Nam* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019; có chỉnh sửa.

1. Có tài liệu ghi ngày sinh của cụ Nguyễn Văn Tố là ngày 17/02/1888.

Từ nhỏ, cụ Nguyễn Văn Tố đã nổi tiếng thông minh, học giỏi. Năm 16 tuổi, cụ Nguyễn Văn Tố đỗ đầu kỳ thi ngạch Phán sự - Thông ngôn do Tòa Thống sứ Bắc Kỳ tổ chức. Năm 17 tuổi, cụ Nguyễn Văn Tố được chính thức nhận vào làm việc tại Học viện Viễn Đông Bác cổ (École Française d'Extrême-Orient, viết tắt là EFEO) - cơ quan nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn hàng đầu của chính quyền Pháp ở Đông Dương khi đó. Với sự thông minh, tinh thần ham học hỏi, mẫn cán và phương pháp làm việc khoa học, nghiêm túc, từ một nhân viên tập sự, cụ Nguyễn Văn Tố đã trở thành một viên chức cao cấp, được đánh giá rất cao của Học viện Viễn Đông Bác cổ.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, nhận lời mời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ Nguyễn Văn Tố tham gia Chính phủ cách mạng lâm thời, đảm nhiệm cương vị Bộ trưởng Bộ Cứu tế xã hội. Trong cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên của đất nước (tháng 01/1946), cụ được bầu là đại biểu Quốc hội. Tại Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa I (ngày 02/3/1946), cụ Nguyễn Văn Tố được bầu là Trưởng Ban Thường trực Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tháng 11/1946, cụ được bầu làm Bộ trưởng không bộ.

Sau ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, cụ Nguyễn Văn Tố cùng Chính phủ lén Việt Bắc chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trong cuộc tấn công của quân Pháp lên Việt Bắc (Thu - Đông năm 1947), cụ Nguyễn Văn Tố bị địch bắt ở Bắc Kạn. Mặc dù

kẻ địch dùng mọi thủ đoạn mua chuộc, tra tấn dã man, cụ Nguyễn Văn Tố đã thể hiện khí phách hiên ngang của một trí thức yêu nước, bất khuất trước kẻ thù. Cụ đã anh dũng hy sinh trước mũi súng quân thù.

Tưởng nhớ cụ Nguyễn Văn Tố, chúng ta tự hào về một trí thức yêu nước, một nhà lãnh đạo tài năng, một tấm gương đạo đức sáng ngời, người đã có nhiều công hiến cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Thứ nhất, cụ Nguyễn Văn Tố là nhà văn hóa lớn của dân tộc, người có công lao to lớn đối với sự nghiệp truyền bá chữ Quốc ngữ ở Việt Nam.

Cụ Nguyễn Văn Tố là một học giả nổi tiếng về văn hóa Việt Nam, uyên thâm cả văn hóa phương Đông lẫn văn hóa phương Tây, có thể sử dụng thành thạo đồng thời chữ Quốc ngữ, Hán Nôm và Pháp ngữ. Tài năng xuất sắc của cụ Nguyễn Văn Tố được giới học thuật thời đó xếp là một trong “tứ danh kiệt” của đất Hà Thành cùng với Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Duy Tốn.

Cụ đã để lại nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu và liên ngành, bao quát nhiều lĩnh vực khoa học, như: lịch sử, văn học, văn bản học, khảo cổ học, ngôn ngữ học, dân tộc học, tôn giáo, văn hóa dân gian, v.v.. Những bài viết của cụ Nguyễn Văn Tố trên *Nam Phong Tạp chí*, *Đông Thành Tạp chí*, *Báo Thanh Nghị*, đặc biệt là những bài viết về văn hóa Việt Nam đăng trên Tạp chí *Tri Tân* do cụ tham gia sáng lập có đóng góp quan trọng đối với việc nghiên cứu và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Cụ Nguyễn Văn Tố có công lao to lớn trong công cuộc tuyên truyền, cổ động và tổ chức học chữ Quốc ngữ. Nhận thức sâu sắc về ảnh hưởng của nạn mù chữ đối với sự phát triển của dân tộc, cụ Nguyễn Văn Tố đã tích cực ủng hộ chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương, phát động phong trào học chữ Quốc ngữ, xóa nạn mù chữ trong nhân dân. Cụ là một trong những người hăng hái đứng ra vận động thành lập *Hội Truyền bá học chữ Quốc ngữ* (Hội Truyền bá Quốc ngữ). Dưới sự chỉ đạo của Đảng và với uy tín cao của cụ Nguyễn Văn Tố, chủ trương lập Hội Truyền bá Quốc ngữ được giới trí thức hoan nghênh nhiệt liệt. Nhiều nhà trí thức có tên tuổi, như: Bùi Kỷ, Nguyễn Văn Huyên, Trần Văn Giáp, Hoàng Xuân Hãn, v.v. đã nhận lời và nhiệt tình tham gia hoạt động của Hội. Trước phong trào quần chúng nhân dân lên cao, không tìm được cớ gì ngăn cản việc thành lập Hội, Thống sứ Bắc Kỳ lúc đó là Saten (Châtel) buộc phải ký giấy chính thức công nhận sự hoạt động hợp pháp của Hội từ ngày 29/7/1938.

Trên cương vị người sáng lập và Hội trưởng Hội Truyền bá Quốc ngữ, cụ Nguyễn Văn Tố đã tổ chức tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia học tập dưới sự ủng hộ, giúp đỡ của các nhân sĩ, trí thức. Các thành viên trong Hội đã tích cực xây dựng các cơ sở của Hội ở khắp các địa phương. Dù bị chính quyền thực dân tìm cách ngăn trở, hoạt động và ảnh hưởng của Hội Truyền bá Quốc ngữ vẫn lan rộng từ Bắc Kỳ ra cả nước. Ngày 05/01/1939, Hội Truyền bá Quốc ngữ ở Trung Kỳ được thành lập. Ngày 18/8/1944, Hội Truyền bá Quốc ngữ ở Nam Kỳ cũng chính thức ra đời.

Sự phát triển sôi nổi của phong trào truyền bá chữ Quốc ngữ đã góp phần quan trọng chống lại chính sách “ngu dân” phản động của chính quyền thực dân, qua đó nâng cao tri thức và ý thức dân tộc cũng như trình độ giác ngộ cách mạng của các tầng lớp nhân dân.

Thứ hai, cụ Nguyễn Văn Tố là nhà lãnh đạo tài năng của Quốc hội và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, một trong những yêu cầu cấp bách đặt ra cho chính quyền cách mạng non trẻ là nhanh chóng khắc phục tàn dư của chế độ thực dân nửa phong kiến, đặc biệt là giải quyết hậu quả của nạn đói trong nửa đầu năm 1945 đã cướp đi sinh mạng của hai triệu đồng bào ta từ Bắc Trung Bộ trở ra phía Bắc và đang có nguy cơ bùng phát trở lại.

Trong bối cảnh đó, cụ Nguyễn Văn Tố đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh giao đảm nhiệm cương vị Bộ trưởng Bộ Cứu tế xã hội, nhằm cứu trợ nhân dân trong hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt là những người đang bị nạn đói đe dọa. Cụ Nguyễn Văn Tố đã tổ chức tuyên truyền, vận động các giới đồng bào trong cả nước hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nêu cao tinh thần yêu nước, tương thân, tương ái, quyên góp tiền, vàng, lương thực, thực phẩm, “nhường áo sẻ cõm”, cứu giúp những gia đình nghèo đói. Cụ tích cực tuyên truyền, chỉ đạo các ngành, các giới, các đoàn thể nhân dân hưởng ứng phong trào “Hỗn gạo cứu đói” và thành lập các “Hội cứu đói”, đồng thời đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm. Cùng với biện pháp cẩn bản, lâu dài là tăng gia sản xuất, việc cứu trợ kịp thời các hộ gia đình đang bị đói

đã góp phần đẩy lùi nạn đói, góp phần bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ vượt qua tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

Được bầu là Trưởng Ban Thường trực Quốc hội đầu tiên của đất nước, cụ Nguyễn Văn Tố đã cùng các thành viên Ban Thường trực Quốc hội nhanh chóng tham gia vào công cuộc xây dựng, củng cố bộ máy nhà nước, xây dựng nền dân chủ mới. Đặc biệt, cụ đã tổ chức, điều hành Quốc hội góp ý và thông qua bản Hiến pháp năm 1946, khẳng định bản chất dân chủ nhân dân của Nhà nước mới ở Việt Nam, đến nay vẫn mang ý nghĩa sâu sắc.

Trong hoàn cảnh đất nước ở tình thế hiểm nghèo, nhiệm vụ đối phó với ngoại xâm và nội phản được đặt lên hàng đầu, Trưởng Ban Thường trực Quốc hội Nguyễn Văn Tố đã cùng các thành viên trong Ban Thường trực thay mặt Quốc hội, phối hợp chặt chẽ với Chính phủ, xem xét, góp ý các sắc lệnh về các lĩnh vực pháp chính, kinh tế, tài chính, xã hội của Chính phủ trước khi được ký ban hành. Cụ đã luôn quan tâm tuyên truyền, vận động nhân dân đoàn kết, ủng hộ chủ trương, chính sách của Chính phủ, đồng thời nắm bắt tâm tư, phản ánh đến Chính phủ những nguyện vọng chính đáng của mọi tầng lớp nhân dân.

Là người cộng sự gần gũi, tin cậy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ Nguyễn Văn Tố đã cùng Quốc hội ủng hộ chủ trương “hòa để tiến” của Trung ương Đảng; ủng hộ việc ký Hiệp định sơ bộ ngày 06/3/1946; cử phái đoàn Quốc hội Việt Nam sang thăm Quốc hội Pháp. Đó là những việc làm thể hiện rõ thiện chí và khát vọng hòa bình của Chính phủ, Quốc hội và nhân dân Việt Nam, đồng thời để cách mạng

Việt Nam có thêm thời gian hết sức quý báu, tranh thủ củng cố chính quyền, chuẩn bị lực lượng.

Tháng 11/1946, cụ Nguyễn Văn Tố được cử làm Bộ trưởng không bộ. Trên cương vị mới, cụ vừa tham gia góp ý, xây dựng đường lối, chính sách đối nội, đối ngoại của Chính phủ, vừa góp phần động viên các tầng lớp nhân dân tích cực xây dựng đời sống mới. Khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, trên cương vị là Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương tản cư và di cư, cụ Nguyễn Văn Tố đã động viên các tầng lớp nhân dân nêu cao tinh thần yêu nước, thực hiện triết lý chủ trương tản cư của Chính phủ; tổ chức đón nhận, giúp đỡ đồng bào tản cư, thực hiện “vườn không nhà trống”, “tiêu thổ kháng chiến” và chỉ đạo di chuyển nhiều trang thiết bị, máy móc lên chiến khu Việt Bắc an toàn, góp phần làm phá sản âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh” của địch.

Thứ ba, cụ Nguyễn Văn Tố là tấm gương mẫu mực về tinh thần yêu nước nhiệt thành, cống hiến, hy sinh trọn đời vì đất nước.

Cụ Nguyễn Văn Tố là người có tài năng xuất chúng, được chính quyền thực dân, phong kiến nể trọng. Cụ là một trong số ít người được Chính phủ Pháp trao tặng *Huân chương Bắc Đẩu bội tinh*; được chính quyền phong kiến sắc phong là *Trung nghĩa đại phu Quang lộc tự khanh* (hàm Tam phẩm). Tuy nhiên, trăn trở với nỗi đau mất nước, cụ Nguyễn Văn Tố đã lựa chọn con đường đấu tranh cho độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc của nhân dân.

Khi chính quyền cách mạng ra đời, theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị những bậc hiền tài ra giúp

dân, giúp nước, cụ Nguyễn Văn Tố đã gác lại sự nghiệp học thuật đang rất thành công để tham gia chính quyền cách mạng. Trên cương vị một nhà lãnh đạo của Quốc hội và Chính phủ, cụ luôn nêu cao tinh thần cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, đem hết tâm sức, trí tuệ để phục vụ quốc dân, đồng bào, góp phần xây dựng nền dân chủ mới, xã hội mới. Tận tụy với công việc, tận tâm với nhân dân, lấy lợi ích tối cao của dân tộc làm lẽ sống, cụ đã cùng Quốc hội và Chính phủ đoàn kết toàn dân, đưa cách mạng Việt Nam vượt qua tình thế hiểm nghèo, chuẩn bị lực lượng cho sự nghiệp kháng chiến kiến quốc.

Với những cống hiến to lớn và nỗ lực không ngừng nghỉ cho đến lúc anh dũng hy sinh, cụ Nguyễn Văn Tố thực sự là tấm gương đạo đức trong sáng, mẫu mực, người trí thức tài năng tiêu biểu của dân tộc với lòng yêu nước nhiệt thành, “không hám hư danh, không màng danh lợi”.

Kỷ niệm 130 năm Ngày sinh của cụ Nguyễn Văn Tố là hoạt động thiết thực và có ý nghĩa, góp phần tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước, tấm gương đạo đức cách mạng mẫu mực, sáng ngời của thế hệ cha anh cho các thế hệ hôm nay và mai sau, để chúng ta tiếp tục vững bước, kiên định đi theo con đường mà Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh và các bậc tiền bối yêu nước tiêu biểu đã lựa chọn, dựng xây cơ đồ dân tộc vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

CỤ BÙI BẰNG ĐOÀN VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM*

Cụ Bùi Bằng Đoàn - nguyên Trưởng Ban Thường trực Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là Chủ tịch Quốc hội), một chí sĩ yêu nước nhiệt thành, người cộng sự gần gũi, thân thiết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người con ưu tú của dân tộc Việt Nam. Cụ sinh năm 1889¹, tại làng Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông (nay là xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội).

* Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo khoa học “Bùi Bằng Đoàn với cách mạng Việt Nam” tổ chức ngày 09/9/2019 tại Hà Nội; in trong cuốn sách: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Văn phòng Quốc hội, Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng: *Bùi Bằng Đoàn với cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020; có chỉnh sửa.

1. Về ngày sinh của cụ Bùi Bằng Đoàn, hiện có những nguồn tài liệu không thống nhất, đang được tiếp tục nghiên cứu, làm rõ:

- Theo gia đình cụ Bùi Bằng Đoàn (theo GS. Bùi Nghĩa - con trai cụ Bùi Bằng Đoàn), cụ sinh ngày 17 tháng Tám năm 1889 âm lịch, tức ngày 11/9/1889 dương lịch.

- Theo “Tiểu sử cụ Bùi Bằng Đoàn”, đăng trên báo *Nhân dân*, số 406, ngày 14/4/1955: cụ Bùi Bằng Đoàn sinh ngày 17/9/1889.

- Theo Hệ thống tư liệu - văn kiện Đảng, mục Lãnh đạo Đảng, Nhà nước của Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, cụ Bùi Bằng Đoàn sinh ngày 19/9/1889.

- Theo bài “S.E.Bui Bang Doan, Ministre de la justice en Annam (Ngài Bùi Bằng Đoàn Thượng thư Bộ Hình trong Chính phủ Nam triều)”, tr. VIII-X dẫn nguồn từ tuần báo *Indochine Hebdomadaire Illustré*, số 65 năm 1941, cụ Bùi Bằng Đoàn sinh tháng 9/1886.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình có truyền thống đỗ đạt khoa bảng nho học, mặc dù mô cõi cha mẹ từ nhỏ, nhưng được sự đùm bọc yêu thương của chú dượng là Dương Lâm (tức cụ Thiếu bảo Vân Đình¹), cụ Bùi Bằng Đoàn đã sớm có chí tự lập, chăm chỉ học hành. Năm 1906 khi mới 17 tuổi, cụ đỗ cử nhân khoa thi Hương², sau đó được nhận vào học Trường Hậu bổ. Tốt nghiệp thủ khoa của Trường Hậu bổ, cụ được bổ nhiệm kinh qua các chức vụ: Tri huyện Thanh Ba, Tam Nông (tỉnh Phú Thọ), Tri huyện Đại Từ (tỉnh Thái Nguyên), Tri huyện Văn Lâm (tỉnh Hưng Yên), Tri huyện Tiên Du (tỉnh Bắc Ninh), Tri phủ Xuân Trường, Nghĩa Hưng (tỉnh Nam Định), Án sát các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Ninh, Bố chính tỉnh Phúc Yên, Tuần phủ các tỉnh Cao Bằng, Ninh Bình... Năm 1933, cụ được bổ làm Thượng thư Bộ Hình trong triều đình Huế.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (ngày 09/3/1945), vua Bảo Đại xuống chiếu thành lập Chính phủ, cụ Bùi Bằng Đoàn cáo quan về quê, Chính phủ Nam triều giữ cụ lại làm Chánh nhất Tòa Thượng thẩm Hà Nội. Ở thời điểm “đêm trước” của cách mạng, Mặt trận Việt Minh đã tiếp xúc và mời cụ làm Hội trưởng Hội Bảo vệ tù chính trị.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nhận lời mời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ Bùi Bằng Đoàn

1. Cụ Thiếu bảo Vân Đình lúc đó làm Tham tri Nha Kinh lược Bắc Kỳ.

2. Năm Bính Ngọ (1906), dưới triều vua Thành Thái nhà Nguyễn, tại khoa thi Hương, có 3 anh em họ Bùi cùng thi và kết quả Bùi Bằng Phấn - anh cả - đỗ tú tài, hai em Bùi Bằng Thuận và Bùi Bằng Đoàn đều đỗ cử nhân. Ba anh em từ đó được vinh danh là “Hà Đông Tam Bằng”.

tham gia Chính phủ cách mạng lâm thời, làm thành viên Ban Cố vấn của Chủ tịch nước, thành viên Ủy ban Nghiên cứu kế hoạch kiến thiết¹; sau đó, được bổ nhiệm làm Trưởng Ban Thanh tra Đặc biệt của Chính phủ². Ngày 06/01/1946, trong cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cụ được bầu là đại biểu Quốc hội tại đơn vị bầu cử tỉnh Hà Đông. Tại Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa I (ngày 02/3/1946), cụ Bùi Bằng Đoàn được bầu là Ủy viên Ban Thường trực Quốc hội. Tại Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa I (ngày 09/11/1946), cụ Bùi Bằng Đoàn được bầu giữ chức Trưởng Ban Thường trực Quốc hội thay cụ Nguyễn Văn Tố nhận nhiệm vụ mới.

Sau ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (ngày 19/12/1946), cụ Bùi Bằng Đoàn cùng Chính phủ rời Thủ đô Hà Nội lên chiến khu Việt Bắc, tiếp tục chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trong khi đang cùng Trung ương Đảng, Chính phủ, Quốc hội và Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ đạo cuộc kháng chiến trường kỳ, cụ Bùi Bằng Đoàn không may bị ốm nặng, được Trung ương bố trí đưa về vùng tự do Thanh Hóa chữa trị.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ (năm 1954) được ký kết, miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng, tháng 11/1954, cụ Bùi Bằng Đoàn được Trung ương đón từ Thanh Hóa về Hà Nội.

1. Theo Sắc lệnh số 78/SL ngày 31/12/1945 của Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

2. Theo Sắc lệnh số 80/SL ngày 31/12/1945 của Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tại Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa I (ngày 26/3/1955), cụ tiếp tục được Quốc hội tín nhiệm cử giữ chức Trưởng Ban Thường trực Quốc hội. Tuy nhiên, do bệnh nặng đã lâu, sức yếu, cụ Bùi Bằng Đoàn đã từ trần vào ngày 13/4/1955 tại Hà Nội, hưởng thọ 66 tuổi.

Cuộc đời của cụ Bùi Bằng Đoàn là tấm gương cao đẹp của một vị quan thanh liêm, nhà chí sĩ với lòng yêu nước nồng nàn đã đến với cách mạng, đã phấn đấu, hy sinh cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và chấn hưng đất nước.

Thứ nhất, cụ Bùi Bằng Đoàn - một chí sĩ yêu nước nhiệt thành, một vị quan thanh liêm, chính trực, “dĩ công vi thương”.

Nhiều năm làm quan trong triều đình nhà Nguyễn, đảm nhiệm các chức vụ ở những địa phương khác nhau, song cụ Bùi Bằng Đoàn nổi tiếng là vị quan đức độ, thanh liêm, chính trực, yêu nước, thương dân. Trên công đường ở những nơi làm quan, cụ đều cho treo một bảng thông báo “Không nhận quà biếu”. Với người nhà, cụ rất nghiêm khắc, cấm việc nhận quà, nếu lỡ nhận rồi thì phải mang trả lại.

Năm 1922, khi đang làm Tri phủ Xuân Trường (tỉnh Nam Định), cụ đã đề xuất và tổ chức thực hiện việc đắp đê Bạch Long ngăn nước mặn, tạo được một vùng trồng lúa, trồng dâu rộng lớn, góp phần làm thay đổi đáng kể diện mạo sản xuất và đời sống dân sinh địa phương. Ghi nhớ công lao của cụ, nhân dân địa phương đã tôn vinh cụ là vị *Phụ mẫu chi dân*, nghĩa là: cha mẹ của dân.

Năm 1925, khi đang làm Tri phủ Nghĩa Hưng (tỉnh Nam Định), cụ Bùi Bằng Đoàn được mời làm phiên dịch cho phiên

tòa đề hình xét xử nhà yêu nước Phan Bội Châu. Với tính cách cương trực, bênh vực lẽ phải, cụ Bùi Bằng Đoàn đã thông dịch rõ ràng, trung thực những lời nói, lý lẽ đanh thép của cụ Phan Bội Châu với quan tòa, góp phần khiến tòa án không khép được cụ Phan vào án chung thân, mà phải giảm xuống mức *đưa đi an trí ở Huế*.

Năm 1928, cụ Bùi Bằng Đoàn được cử tham gia Đoàn Thanh tra các đồn điền cao su của các chủ người Pháp ở Nam Kỳ. Với tấm lòng thương dân và tác phong làm việc cẩn trọng, khoa học, cụ đã trực tiếp tiến hành điều tra tại nhiều đồn điền cao su thuộc các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Chợ Lớn,... tập trung chủ yếu vào việc tổ chức sản xuất, sử dụng lao động, nhất là lao động các tỉnh Bắc Kỳ vào, điều kiện ăn, ở, sinh hoạt, tiền lương... của người lao động. Qua nghiên cứu một cách thấu đáo, trung thực, khách quan, công minh, đầy đủ, cụ đã viết bản báo cáo gần 100 trang bằng tiếng Pháp, nêu rõ những phi lý và vô trách nhiệm trong tổ chức sản xuất và chính sách đối xử với người lao động của giới chủ tại các đồn điền ở Nam Kỳ. Những kiến nghị xác đáng của bản báo cáo được chính quyền thực dân xem xét, buộc các chủ đồn điền phải sửa đổi cách đối xử, tăng lương và cải thiện phần nào điều kiện sống cho công nhân trong các đồn điền.

Năm 1933, cụ Bùi Bằng Đoàn được triều đình nhà Nguyễn triệu về kinh thành Huế, sau đó bổ nhiệm chức Thượng thư Bộ Hình, trông coi việc tư pháp. Trên cương vị này, cụ đã có công lớn trong việc cải cách tư pháp, sửa đổi luật pháp, bãi bỏ nhiều quy định lỗi thời của hệ thống tư

pháp cổ xưa. Đồng thời, cụ tái trình và được nhà vua chấp thuận việc biên soạn và ban hành một số luật mới có nội dung tiến bộ, cải tiến tổ chức các tòa án đào tạo các thẩm phán và đội ngũ nhân viên tư pháp chuyên trách,... Sau này, nhiều người được tiếp tục phục vụ trong các cơ quan pháp luật của chính quyền cách mạng.

Thứ hai, cụ Bùi Bằng Đoàn - nhà lãnh đạo tài năng của Chính phủ và Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, cụ Bùi Bằng Đoàn được Chủ tịch Hồ Chí Minh viết thư mời vào Ban Cố vấn cho Chủ tịch nước. Nguồn môt trước tài năng và cảm động trước *lời tâm tri* của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bức thư do Thư ký của Chủ tịch nước là ông Vũ Đình Huỳnh trực tiếp trao tận tay, cụ đã nhận lời ra làm việc cho chế độ mới.

Trong bối cảnh chính quyền cách mạng còn non trẻ, sự chống phá của thù trong, giặc ngoài, xuất hiện tình trạng một bộ phận cán bộ cơ hội, cửa quyền, tham nhũng, “dã công vi tư”,... đặc biệt, trong quá trình trấn áp bọn phản cách mạng và các phần tử phá hoại đã có sự sai trái trong việc bắt bớ và xử lý không đúng người, đúng tội, thiếu chứng cứ,... gây hoang mang, lo lắng trong dư luận xã hội, cụ Bùi Bằng Đoàn đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tin tưởng giao đảm nhiệm cương vị *Trưởng Ban Thanh tra Đặc biệt của Chính phủ*, nhằm củng cố chính quyền, thanh tra nghiêm minh, ngăn chặn và xử lý những việc làm sai trái của những cán bộ hoạt động ở các cơ quan hành chính các cấp. Bằng kinh nghiệm của bản thân và tinh thần trách nhiệm cao của người đứng đầu, với thái độ công bình, chính trực, cụ Bùi Bằng Đoàn đã cùng với Đoàn

Thanh tra điều tra, xem xét, làm rõ, xử lý nhiều vụ việc tiêu cực, tham nhũng, giải quyết oan sai, khiếu nại của người dân một cách thấu tình đạt lý, được cán bộ và nhân dân tâm phục, khẩu phục, góp phần không nhỏ làm trong sạch bộ máy hành chính các cấp.

Trước bối cảnh khó khăn, phức tạp của đất nước sau Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 78/SL ngày 31/12/1945 về việc thành lập *Ủy ban Nghiên cứu kế hoạch kiến thiết*, trong đó có cụ Bùi Bằng Đoàn. Với chức trách, nhiệm vụ được giao, cụ Bùi Bằng Đoàn cùng với các thành viên trong Ủy ban đã nghiên cứu một kế hoạch thiết thực để kiến thiết quốc gia về các ngành kinh tế, tài chính, hành chính, xã hội, văn hóa và thảo ra những đề án kiến thiết đưa lên Chính phủ, trong đó tập trung trước hết vào những việc cấp bách: làm cho dân có ăn, có mặc, có chỗ ở và được học hành.

Khi Ban Vận động thành lập *Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam* được thành lập theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ Bùi Bằng Đoàn được cử là thành viên chính. Khi *Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam* (Hội Liên Việt) được chính thức thành lập (ngày 29/5/1946), với sự tham gia của nhiều người thuộc các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái khác nhau, các nhân sĩ, trí thức yêu nước..., cụ Bùi Bằng Đoàn tham gia với tư cách là một trong những thành viên sáng lập.

Để tập hợp, đoàn kết rộng rãi, hết thảy các tầng lớp yêu nước vào Hội Liên Việt, cụ Bùi Bằng Đoàn quan tâm tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của các giới đồng bào, tranh thủ

những người trong hoàng tộc nhà Nguyễn, tạo điều kiện để các nhà buôn, nhà công nghiệp, các văn nghệ sĩ, các thân sĩ yêu nước đóng góp cho kháng chiến. Cụ đã góp phần quan trọng tạo nên chuyển biến trong nhận thức và hành động của người dân dưới chế độ mới, thể hiện sinh động tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì ấm no, hạnh phúc của nhân dân.

Được bầu làm *Trưởng Ban Thường trực Quốc hội*, cụ Bùi Bằng Đoàn đã cùng các thành viên Ban Thường trực Quốc hội nhanh chóng tham gia vào công cuộc xây dựng, củng cố bộ máy nhà nước, xây dựng nền dân chủ mới. Đặc biệt, cụ được Quốc hội ủy nhiệm tham dự các cuộc họp của Hội đồng Chính phủ để góp ý kiến trong mọi công việc kháng chiến, kiến quốc, trong đó có đóng góp quan trọng vào việc cải tổ nhân sự của Chính phủ năm 1947. Cụ Bùi Bằng Đoàn chỉ đạo đoàn đại biểu Quốc hội của các khu vực kiểm tra tình huống, lấy nguyện vọng của nhân dân góp ý cho Quốc hội và Chính phủ trong lãnh đạo kháng chiến và kiến quốc. Cụ còn rất quan tâm, động viên cán bộ, chiến sĩ trong Quân đội, khích lệ tinh thần quyết chiến, quyết thắng của Quân đội ta.

Thứ ba, cụ Bùi Bằng Đoàn - nhân cách cao đẹp của một chí sĩ hết lòng vì nước, vì dân.

Cụ Bùi Bằng Đoàn là người có tài năng, đức độ, được triều đình nhà Nguyễn và sau đó là Chính phủ Nam triều hết sức trọng dụng, nể phục. Cụ là một trong số ít người được Chính phủ Pháp tặng thưởng Huân chương công trạng *Canh nông bội tinh* và *Bắc đầu bội tinh*. Tuy nhiên, trăn trở

với nỗi đau mất nước, cụ Bùi Bằng Đoàn đã lựa chọn con đường đấu tranh cho độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc của nhân dân.

Khi chính quyền cách mạng ra đời, theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị những bậc hiền tài ra giúp dân, giúp nước, cụ Bùi Bằng Đoàn đã gác lại thú điền viên ở quê nhà để tham gia chính quyền cách mạng. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, trước khi Trung ương rời Hà Nội lên chiến khu Việt Bắc, cụ Bùi Bằng Đoàn đã thu xếp để cơ quan Quốc hội đặt trụ sở ngay tại nhà mình ở làng Liên Bạt suốt gần 5 tháng. Các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước và Quốc hội thường xuyên qua lại làm việc, hội họp ở đây và đưa ra những quyết sách của cuộc kháng chiến trường kỳ.

Trên cương vị một nhà lãnh đạo của Quốc hội và Chính phủ, cụ Bùi Bằng Đoàn luôn nêu cao tinh thần cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đem hết tài năng, trí tuệ và sức lực để phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng. Một lòng tận tụy với công việc, tận tâm với nhân dân, lấy lợi ích tối cao của dân tộc làm lẽ sống, cụ Bùi Bằng Đoàn đã cùng Quốc hội và Chính phủ đoàn kết toàn dân, đưa cách mạng Việt Nam vượt qua nhiều khó khăn, thử thách trong sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc.

Khi bị ốm nặng, cụ Bùi Bằng Đoàn được Trung ương Đảng và Chính phủ đưa về vùng tự do Thanh Hóa chữa trị. Trong hoàn cảnh đó và tuy xa Trung ương, Chính phủ và Ban Thường trực Quốc hội, cụ vẫn giữ mối liên hệ với chiến khu, thường xuyên qua thư từ góp ý cho Trung ương và

Chính phủ về những vấn đề quan trọng của đất nước; vẫn hăng hái viết bài đăng báo, đài động viên quân và dân ta tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến trường kỳ dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Kháng chiến thắng lợi, Thủ đô được giải phóng, cụ Bùi Bằng Đoàn được đưa về Hà Nội tiếp tục chữa bệnh. Cụ được Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh sắp xếp về thăm quê nhà Liên Bạt theo nguyện vọng. Tuy bị liệt, phải cát cango vỗng đưa về, cụ vẫn đi lễ yết nhà thờ họ và đi thăm mộ các cụ đời trên trong dòng tộc rất chu đáo. Khi biết cụ bà Trần Thị Đức, người vợ rất mực yêu thương của mình đã bị thực dân Pháp giết hại ngay tại quê nhà khi đang cất giấu tài liệu của cách mạng, cụ lặng người đi vì nỗi đau quá lớn, nhưng với nghị lực của một chí sĩ cách mạng, vượt lên nỗi đau riêng, cụ tiếp tục hoạt động cống hiến cho đến khi tạ thế (ngày 13/4/1955). Cụ Bùi Bằng Đoàn thực sự là tấm gương tiêu biểu về tinh thần yêu nước, phẩm chất đạo đức trong sáng, mẫu mực của một trí thức Việt Nam suốt đời vì sự nghiệp ích nước, lợi dân.

ĐỒNG CHÍ LÊ DUẨN - NHÀ LÃNH ĐẠO KIỆT XUẤT CỦA ĐẢNG*

Đồng chí Lê Duẩn - người chiến sĩ cộng sản kiên cường, nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng

Xuất thân từ một gia đình lao động, có truyền thống yêu nước, đồng chí Lê Duẩn sớm giác ngộ cách mạng, đến với *Đường cách mệnh* của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên từ năm 1928 và trở thành một trong những đảng viên lớp đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nổi gần 60 năm của đồng chí gắn liền với quá trình cách mạng nước ta từ những năm 20 đến những năm 80 của thế kỷ XX.

Cũng như nhiều chiến sĩ cộng sản lớp đầu tiên của Đảng, đồng chí Lê Duẩn nhiều lần bị địch bắt giam, bị tra tấn, hành hạ trong các nhà tù đế quốc. Trong hoàn cảnh khắc nghiệt của ngục tù, đồng chí đã cùng với các chiến sĩ cộng sản khác biến nhà tù đế quốc thành trường học cách

* Bài đăng trên *Tạp chí Cộng sản*, số 894, tháng 4/2017; in trong cuốn sách: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Trung ương, Tỉnh ủy Quảng Trị: *Lê Duẩn - Nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng, người con ưu tú của quê hương Quảng Trị*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017; có chỉnh sửa.

mạng. Đồng chí là tấm gương tiêu biểu về tinh thần tự học, tự rèn luyện, không ngừng vượt qua gian khổ, hy sinh để trở thành một người cộng sản có trí tuệ lớn, tài năng lớn. Sau mỗi lần thoát khỏi nhà tù đế quốc, đồng chí lại có mặt ngay ở những nơi khó khăn, gian khổ nhất để hoạt động, tuyên truyền cách mạng.

Năm 1936, rời nhà tù Côn Đảo trở về, bất chấp sự đe dọa, quản thúc của kẻ thù, mặc dù sức khỏe giảm sút sau những năm tháng bị tù dày, đồng chí đã lặn lội khắp các nẻo đường miền Trung để chắp nối liên lạc, tuyên truyền, vận động cách mạng. Chỉ sau một thời gian ngắn, các cơ sở cách mạng của Đảng dần dần được khôi phục. Cơ quan lãnh đạo của Đảng từ cấp cơ sở đến huyện, tỉnh và Xứ ủy từng bước được lập lại. Vận dụng nghị quyết của Quốc tế Cộng sản và chỉ thị của Trung ương vào tình hình mới, trên cương vị Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ, đồng chí đã lãnh đạo các tổ chức đảng phát động quần chúng đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ, xuất bản báo chí, lợi dụng nghị trường làm diễn đàn đấu tranh, góp phần vào những thắng lợi quan trọng trong cao trào đấu tranh cách mạng trên cả nước thời kỳ 1936 - 1939.

Năm 1945, lần thứ hai rời nhà tù Côn Đảo, đồng chí Lê Duẩn trở về tham gia hoạt động cách mạng ở Nam Bộ. Sự tham gia của đồng chí và các cựu tù chính trị Côn Đảo đã góp phần quan trọng vào việc củng cố và tăng cường cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Nam Bộ cả về tư tưởng và tổ chức.

Lúc này, cuộc kháng chiến ở Nam Bộ đang trong thời kỳ gay go, lực lượng cách mạng còn mỏng, lại ở tình trạng phân

tán, Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng tháng 5/1946 đã chỉ định đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư Xứ ủy lâm thời Nam Bộ. Cuối năm 1947, tại Đại hội Đảng bộ Xứ ủy Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Bí thư Xứ ủy. Trên cương vị này, đồng chí đã đề ra một loạt chủ trương quan trọng: mở rộng chiến tranh nhân dân; thực hiện dân chủ ở nông thôn; tịch thu ruộng đất của bọn thực dân Pháp và địa chủ Việt gian phản động để tạm cấp cho dân cày nghèo; chỉ đạo phong trào đấu tranh ở đô thị; giải quyết thành công vấn đề tôn giáo, làm tốt công tác vận động nhân sĩ, trí thức, tăng cường và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất; đặc biệt là tăng cường công tác xây dựng Đảng. Nhờ giải quyết tốt vấn đề nông dân và liên minh công - nông - trí nên cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ không ngừng được đẩy mạnh, vùng giải phóng ngày càng mở rộng.

Tại Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (tháng 02/1951), đồng chí Lê Duẩn được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị. Trên cương vị Bí thư Trung ương Cục miền Nam, đồng chí đã thay mặt Trung ương Đảng và Bác Hồ, trực tiếp lãnh đạo phong trào kháng chiến ở Nam Bộ, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của cả nước trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, đồng chí tiếp tục ở lại miền Nam để lãnh đạo phong trào cách mạng. Trong những năm tháng vô cùng gian khổ, khó khăn dưới chế độ độc tài Mỹ - Diệm, sống trong lòng nhân dân và được nhân dân bảo vệ, đồng chí đã vượt qua bao gian nan, nguy

hiểm, đi khắp các địa bàn Nam Bộ, từ bưng biển Đồng Tháp đến trung tâm Sài Gòn - Chợ Lớn để nắm bắt tình hình, củng cố các cơ sở cách mạng, suy nghĩ và dự thảo *Đề cương cách mạng miền Nam*, dấy lên niềm tin vững chắc vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng trong đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân, đồng thời là cơ sở để Đảng ta đề ra đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam trong những năm tiếp theo.

Giữa năm 1957, đồng chí Lê Duẩn được Trung ương điều ra Hà Nội công tác bên cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh để chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng. Đồng chí đã hoàn thành xuất sắc vai trò người chuẩn bị những quyết sách chiến lược của cách mạng cả nước.

Trên cương vị là Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã góp phần quan trọng cùng với Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng hoạch định, hoàn thiện đường lối và phương pháp cách mạng, đường lối và nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh nhân dân của Đảng ta. Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời (tháng 9/1969), đồng chí Lê Duẩn đã cùng với Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng kế tục và hoàn thành xuất sắc tâm nguyện của Người, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, làm nên một kỳ tích của dân tộc ta, một trong những sự kiện vĩ đại của lịch sử thế giới trong thế kỷ XX.

Đánh giá cuộc đời cách mạng lâu dài và phong phú cùng những phẩm chất cách mạng cao quý của đồng chí Lê Duẩn, Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã khẳng định: “Phẩm chất cách mạng cao quý của đồng chí được thể

hiện ở tinh thần cách mạng tiến công không ngừng. Bất chấp mọi thử thách của nhà tù đế quốc, của cuộc sống gian khổ kéo dài ở các chiến khu, cũng như những năm tháng hoạt động trong vùng địch tạm kiểm soát, đồng chí luôn luôn nêu cao nghị lực kiên cường, sẵn sàng hy sinh tính mạng của mình vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân”¹.

Vừa chỉ đạo cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam, đồng chí Lê Duẩn vừa cùng Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng tập trung suy nghĩ về con đường đưa miền Bắc quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, xuất phát từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ là chủ yếu, cơ sở vật chất - kỹ thuật nhỏ bé, để tìm ra hình thức, biện pháp, bước đi thích hợp. Sau khi đất nước thống nhất, cả nước cùng bước vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, tại các Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ IV (tháng 12/1976), lần thứ V (tháng 3/1982) và nhiều hội nghị Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí Lê Duẩn đã cùng với Ban lãnh đạo của Đảng từng bước xây dựng một hệ thống quan điểm về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Đồng chí Lê Duẩn - nhà lý luận lớn, một tư duy sáng tạo của cách mạng Việt Nam

Sinh thời, đồng chí Lê Duẩn hay nhắc tới luận điểm nổi tiếng của V.I. Lenin: “Chân lý là cụ thể”. Theo đồng chí, chân

1. Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam do Tổng Bí thư Trường Chinh đọc tại lễ truy diệu đồng chí Lê Duẩn, Báo Nhân dân, ngày 16/7/1986.

lý là cụ thể nên cách mạng là sáng tạo. Bản thân đồng chí đã thể hiện xuất sắc luận điểm đó trong tư duy và hoạt động thực tiễn lãnh đạo cách mạng Việt Nam, trở thành một nhà lý luận lớn, có tầm chiến lược của cách mạng Việt Nam.

Tư duy lý luận độc lập, sáng tạo của đồng chí Lê Duẩn được thể hiện từ rất sớm. Tiêu biểu là những đóng góp của đồng chí cùng với Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ vào Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 11/1939, thực hiện chuyển hướng chiến lược cách mạng, đặt lên trên hết và trước hết nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Chủ trương này đã được Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5/1941) kế thừa, phát triển và hoàn thiện, từ đó dẫn đến thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945 lịch sử.

Tháng 02/1951, Đảng ta triệu tập Đại hội đại biểu lần thứ II. Không ra dự Đại hội được, đồng chí Lê Duẩn đã viết bản kiến nghị quan trọng gửi Đại hội. Từ tổng kết những bài học kinh nghiệm của Đảng qua các thời kỳ lịch sử và nhất là từ thực tiễn kháng chiến ở Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn đã đề xuất nhiều kiến nghị quan trọng bổ sung và phát triển đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam.

Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, đồng chí Lê Duẩn ở lại trực tiếp chỉ đạo cách mạng miền Nam. Từ tổng kết bài học xương máu thời kỳ này, đồng chí Lê Duẩn đã cùng Xứ ủy Nam Bộ bàn bạc, trao đổi, dự thảo bản *Đề cương cách mạng miền Nam*. Tinh thần cốt lõi của *Đề cương* sau này được thể hiện đầy đủ trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (năm 1959), mở ra bước ngoặt cho cách mạng miền Nam. Những tư tưởng ấy tiếp tục được bổ sung, phát triển

trong những năm 60, 70 của thế kỷ XX, là những đóng góp có ý nghĩa quyết định, dẫn đến Đại thắng mùa Xuân năm 1975.

Cống hiến lý luận của đồng chí Lê Duẩn vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc được thể hiện trong những tư tưởng chiến lược chủ yếu sau:

- Tư tưởng dám đánh và quyết thắng đế quốc Mỹ xâm lược.
- Tư tưởng chiến lược tiến công và nghệ thuật đánh thắng từng bước, đánh bại từng âm mưu, đánh đổ từng bộ phận tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.
- Quan điểm sử dụng bạo lực cách mạng với hai lực lượng chính trị và vũ trang, với hai hình thức đấu tranh cơ bản: đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự; đánh địch trên cả ba vùng chiến lược: miền núi, nông thôn đồng bằng và đô thị.
- Tư tưởng chiến lược đánh địch và thắng địch bằng sức mạnh tổng hợp.

Những tư tưởng chiến lược nói trên của Đảng - mà người thiết kế chủ yếu là đồng chí Lê Duẩn, là nhân tố quan trọng hàng đầu để dân tộc ta lập nên những thắng lợi lịch sử có ý nghĩa thời đại trong thế kỷ XX.

Trong lãnh đạo, chỉ đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa nhằm đưa nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa - một sự nghiệp vĩ đại nhất chưa từng có trong lịch sử dân tộc, đồng chí Lê Duẩn đã có những suy nghĩ, trăn trở tìm tòi con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện của Việt Nam, với lịch sử - văn hóa, kinh tế - xã hội và con người Việt Nam, đó là tư tưởng tiếp tục giương cao ngọn cờ

độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, là luận điểm cơ bản nhất trong đường lối chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng về phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật và cách mạng tư tưởng - văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt, nhằm xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa; quan điểm về nội dung cốt lõi của xây dựng nhà nước vô sản là chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động với nòng cốt là khối liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân, thông qua Nhà nước - một nhà nước do chính nhân dân lập ra và tự mình nắm quyền điều khiển; quan điểm về cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt cơ chế vận hành của hệ thống chính trị ở nước ta, nhằm mục tiêu thực hiện quyền làm chủ thực sự của nhân dân lao động; quan niệm về thời kỳ quá độ, bước đi ban đầu, chặng đường đầu tiên và nhiệm vụ lịch sử của chặng đường này; quan điểm về công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ và nhiệm vụ chủ yếu của công nghiệp hóa trong chặng đường đầu tiên là đưa nông nghiệp lên một bước sản xuất lớn; tư tưởng chiến lược về tranh thủ thời gian xây dựng những cơ sở vật chất - kỹ thuật trọng yếu, nhằm từng bước hình thành nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng, cùng với Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí Lê Duẩn đã lãnh đạo Đảng ta khởi động quá trình đổi mới tư duy kinh tế, bắt

đầu từ Hội nghị Trung ương 6 khóa IV và được phát triển một bước trong những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ XX với những chủ trương của Đảng về đổi mới cơ chế phân phối lưu thông mà trước hết là chính sách giá - lương - tiền.

Với tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tiến công, tình cảm cách mạng sâu sắc và mong muốn cháy bỏng sớm “đưa nước ta hùng mạnh ngang tầm với các nước giàu có trên thế giới”, đồng chí Lê Duẩn rất tâm huyết trong việc tìm tòi con đường đi riêng của Việt Nam để quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tư duy lý luận sáng tạo của đồng chí Lê Duẩn luôn luôn bắt rẽ từ thực tiễn Việt Nam, từ truyền thống văn hóa - tinh thần Việt Nam, từ thực tiễn đi tới lý luận, dùng lý luận để soi sáng thực tiễn; luôn luôn dí ứng với mọi biểu hiện xơ cứng, sao chép, mô phỏng của chủ nghĩa giáo điều.

Trên hướng tìm tòi đúng đắn đó, có nhiều vấn đề được đồng chí làm sáng tỏ về mặt lý luận, được thực tiễn kiểm nghiệm là đúng đắn, sáng tạo; cũng có nhiều vấn đề còn quá mới, còn ở bước đầu khai phá, thử nghiệm, chưa thật đầy đủ, chưa thật sáng tỏ, đòi hỏi cần có thời gian để bổ sung, phát triển, hoàn thiện thêm. Có những vấn đề cũng chưa vượt lên khỏi mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung đang bao trùm cả hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa lúc bấy giờ.

Điều chủ yếu toát lên từ tấm gương của đồng chí Lê Duẩn, đó là một nhà lãnh đạo suốt đời say mê tìm tòi, sáng tạo, luôn luôn nêu cao phong cách tư duy độc lập, tự chủ, luôn luôn xối lật vấn đề, khuyến khích tranh luận để tiếp cận chân lý. Đồng chí đặc biệt nhấn mạnh đến việc phát hiện quy luật, vận dụng cho được quy luật (quy luật chiến tranh nhân

dân, quy luật từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, quy luật kinh tế, văn hóa, tư tưởng...) vào thực tiễn đời sống, lấy thực tiễn để kiểm nghiệm chân lý. Qua đó, trên bình diện nhà lý luận, đồng chí Lê Duẩn đã thực sự có những đóng góp quan trọng, làm phong phú thêm lý luận của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX.

Đồng chí Lê Duẩn - người chiến sĩ quốc tế trong sáng

Là một nhà yêu nước lớn, đồng chí Lê Duẩn còn là một chiến sĩ quốc tế trong sáng, suốt đời trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chăm lo củng cố và tăng cường đoàn kết giữa các đảng anh em, giữa các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Đồng chí đã nhiều lần thay mặt Đảng ta đề xuất với phong trào cách mạng thế giới những luận điểm quan trọng về giải quyết các mối quan hệ mang tính thời đại, như chiến tranh và hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về tình hữu nghị giữa các dân tộc...

Những luận điểm và thái độ đúng đắn của Đảng ta về chiến lược và sách lược của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, về sự cần thiết phải đoàn kết phong trào cộng sản, thành lập Mặt trận nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc,... là những đóng góp quan trọng, góp phần củng cố và tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, trong Mặt trận nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, bảo vệ hòa bình.

Kiên định lập trường quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, chủ trương kết hợp sức mạnh dân tộc

với sức mạnh thời đại, Đảng ta đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng yêu chuộng hòa bình, tiến bộ trên thế giới. Chủ trương tăng cường hoạt động đối ngoại, tìm kiếm sự ủng hộ quốc tế, đồng thời đồng chí Lê Duẩn cũng luôn nhắc nhở các cấp, các ngành, các địa phương phải nâng cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực cánh sinh, tránh ỷ lại.

Quán triệt sâu sắc quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh “giúp bạn là tự giúp mình”, trong quá trình chỉ đạo công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, đồng chí Lê Duẩn luôn dành sự quan tâm đến các phong trào cách mạng trên thế giới, thể hiện trách nhiệm của Đảng và dân tộc ta đối với cuộc chiến đấu của ba nước Đông Dương trong thời kỳ chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Quan điểm và những hoạt động quốc tế của đồng chí Lê Duẩn không chỉ góp phần quan trọng đối với thành công của Đảng và Nhà nước ta trên mặt trận đối ngoại mà còn góp phần vào việc củng cố tình đoàn kết giữa các lực lượng hòa bình, dân chủ và tiến bộ trên thế giới, đặc biệt là góp phần củng cố tình đoàn kết giữa các đảng và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, tình đoàn kết chiến đấu đặc biệt giữa nhân dân ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia.

Đồng chí Lê Duẩn - người học trò xuất sắc, người cộng sự gần gũi và tin cậy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một nhân cách cộng sản mẫu mực

Đồng chí Lê Duẩn đã tiếp thu tư tưởng, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua tác phẩm *Đường cách mệnh* và

nhiều sách báo cách mạng khác. Cả cuộc đời đồng chí đã chiến đấu dưới ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh. Được làm việc bên cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, những tư tưởng lớn của Người đã được đồng chí Lê Duẩn tiếp thu, phát triển và cụ thể hóa bằng đường lối, chính sách của Đảng, bằng hành động cách mạng của toàn Đảng, toàn dân ta.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, dù ở cương vị nào, đồng chí Lê Duẩn cũng luôn vận dụng, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Ngay từ những năm 30 của thế kỷ XX, tư tưởng của Người về cách mạng giải phóng dân tộc, về mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc,... đã được đồng chí Lê Duẩn tiếp thu vận dụng một cách nhuần nhuyễn, sáng tạo. Trên cương vị là người lãnh đạo cao nhất của Đảng ở Nam Bộ trong những năm 1946 - 1957, đồng chí Lê Duẩn không chỉ đã thống nhất được tổ chức đảng mà còn xây dựng thành công khối đại đoàn kết dân tộc, huy động được sự tham gia của các tầng lớp nhân dân, các tôn giáo, các nhân sĩ trí thức vào cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của dân tộc. Từ giữa năm 1957, được Trung ương điều động ra Hà Nội công tác, mối quan hệ giữa đồng chí Lê Duẩn với Chủ tịch Hồ Chí Minh càng trở nên gần gũi, thân thiết. Mỗi quan hệ đó không chỉ được thể hiện trong công tác hằng ngày mà còn được thể hiện ở sự nhất trí về tư tưởng và phong cách làm việc. Những thành công của đồng chí Lê Duẩn trong lĩnh vực lý luận và chỉ đạo thực tiễn đều gắn liền với uy tín và tư tưởng của người thầy vĩ đại - Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau khi Chủ tịch

Hồ Chí Minh qua đời, với cương vị là người lãnh đạo cao nhất của Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã cùng với Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương lãnh đạo toàn dân, toàn quân ta biến đau thương thành hành động cách mạng, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, thực hiện xuất sắc *Di chúc thiêng liêng* của Chủ tịch Hồ Chí Minh: hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Là học trò, người cộng sự gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Lê Duẩn học tập và làm theo những đức tính cao quý của Người vốn đã trở thành chuẩn mực của một nhân cách cộng sản cao đẹp: tận trung với nước, tận hiếu với dân, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, trung thực, giản dị, nhân ái, bao dung. Nhờ rèn luyện theo tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Lê Duẩn đã trở thành một nhân cách lớn: sống trung thực và giản dị, không ham danh lợi, địa vị, ghét phô trương hình thức; luôn luôn gần gũi đồng bào, đồng chí, dễ hòa mình với nhân dân lao động bằng tình thân yêu, chân thành, bằng lòng nhân hậu, khoan dung, do đó mà có sức cảm hóa và thuyết phục lớn đối với quần chúng.

Cuộc đời chiến đấu kiên cường của đồng chí Lê Duẩn cho độc lập, thống nhất của Tổ quốc, cho hạnh phúc của nhân dân, cho sự nghiệp cách mạng của Đảng là một tấm gương sáng chói về lòng trung thành vô hạn với lý tưởng cách mạng của Đảng và dân tộc, về ý chí và tinh thần cách mạng tiến công, về một tư duy không ngừng nghỉ để tìm tòi, sáng tạo;

về tình cảm nồng nàn, tha thiết với Tổ quốc và nhân dân, với đồng chí và đồng bào.

Lịch sử nước ta mãi khẳng định công lao và cống hiến xuất sắc của đồng chí Lê Duẩn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG CHINH - NHÀ LÝ LUẬN, NHÀ LÃNH ĐẠO XUẤT SẮC CỦA ĐẢNG VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM*

Tổng Bí thư Trường Chinh - nhà lãnh đạo tài năng, nhà lý luận xuất sắc, nhà văn hóa lớn, đã có những cống hiến to lớn cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc Việt Nam. Hơn 60 năm hoạt động cách mạng liên tục, bằng tinh thần và ý chí kiên trì tự học, tự nghiên cứu cùng năng lực tổng kết thực tiễn xuất sắc, Tổng Bí thư Trường Chinh đã để lại một gia tài lý luận đồ sộ gồm nhiều tác phẩm giá trị¹, thể hiện sự am hiểu sâu sắc, sự vận dụng

* In trong cuốn sách: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Trung ương, Tỉnh ủy Nam Định: *Đồng chí Trường Chinh - Nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng, người con ưu tú của quê hương Nam Định*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017; in trong cuốn sách: *Trường Chinh - Một trí tuệ lớn, nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam* (nhiều tác giả), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020; có chỉnh sửa.

1. Như: “Chống chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa cải lương” (1935); “Vấn đề dân cày” (1937-1938); “Chính sách mới của Đảng” (1941); Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (1945); “Kháng chiến nhất định thắng lợi” (1947); Luận cương về cách mạng Việt Nam (1951); “Bàn về cách mạng Việt Nam” (1951); “Năm vũng ba bài học lớn để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược” (1986), v.v..

sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam; góp phần làm cơ sở để Đảng ta hình thành những đường lối chiến lược, phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng đúng đắn, làm nên thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

1. Đồng chí Trường Chinh - Nhà lý luận sáng tạo, xuất sắc về đường lối cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam

Tiếp thu và vận dụng nhuần nhuyễn lý luận cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc từ lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đồng chí Trường Chinh đã từng bước nghiên cứu, phát hiện, bổ sung, phát triển và luận giải sáng rõ nhiều vấn đề lý luận mới, phức tạp mà thực tiễn cách mạng Việt Nam đặt ra, như: mối quan hệ giữa cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản; phương pháp tập hợp lực lượng, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất; xác định thời cơ và chớp thời cơ, phát động khởi nghĩa giành chính quyền; chiến tranh nhân dân, “kháng chiến toàn dân, toàn diện và tự lực cánh sinh”;... từ đó kiến nghị, đề xuất cho Đảng những đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn, sáng tạo.

Từ quan điểm lý luận về *cách mạng tư sản dân quyền* (kiểu mới) của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc¹, soi rọi vào thực tiễn

1. Thể hiện trong Chánh cương văn tắt, Sách lược văn tắt... được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930.

cách mạng Việt Nam, đồng chí Trường Chinh đã xây dựng nên hệ thống lý luận về *cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân*. Phân tích những luận điểm của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, đồng chí Trường Chinh khẳng định, phải xác định “phản đế” (giải phóng dân tộc) là nhiệm vụ trên hết và trước hết. Tuy nhiên, hai nhiệm vụ cách mạng: “phản đế và phản phong” trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, phải được cụ thể hóa bằng đường lối, nhiệm vụ *trong từng giai đoạn* cách mạng. Quan điểm đó của Đồng chí là cơ sở để Trung ương Đảng ra những quyết nghị quan trọng về chuyển hướng chiến lược cách mạng, trong đó đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Tháng 5/1941, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám đã họp và ra nghị quyết nêu rõ: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”¹. Đây là vấn đề mà các hội nghị Trung ương trước đó đã nhắc tới, nhưng có phần bị coi nhẹ². Trong tình hình mới, Hội nghị cũng đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh (thay cho Mặt trận dân tộc thống nhất), nhằm

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.7, tr.113.

2. Do ảnh hưởng từ quan điểm chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, coi nhiệm vụ “giai cấp chống giai cấp” là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu.

đoàn kết toàn dân, chuẩn bị sẵn sàng lực lượng cách mạng, chờ thời cơ khởi nghĩa. Đây là những quyết định chiến lược, có ý nghĩa lịch sử đặc biệt quan trọng đối với cách mạng nước ta, thể hiện một cách sâu sắc và hoàn chỉnh đường lối giải phóng dân tộc, đánh dấu bước tiến mới trong tư duy lý luận của Đảng và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, đồng thời thể hiện rõ sự đóng góp xuất sắc về lý luận của đồng chí Trường Chinh. Sau khi Nghị quyết của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám được tổ chức triển khai thực hiện, cách mạng Việt Nam đã có bước phát triển vượt bậc, mang đến thắng lợi to lớn của cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945.

Đồng chí Trường Chinh đã thể hiện tầm tư duy chiến lược và sự hiểu biết sâu sắc về phương pháp, nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh qua những quan điểm lý luận về kháng chiến toàn dân, về chiến tranh nhân dân. Trong tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* (năm 1947), Đồng chí đã phát triển lý luận về “đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện”; về “ba giai đoạn” của cuộc “kháng chiến trường kỳ và tự lực cánh sinh”; cụ thể hóa đường lối “chiến tranh nhân dân” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng chí khẳng định: “Cuộc kháng chiến của ta là một cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân, chiến tranh tự vệ của dân tộc, là chiến tranh chính nghĩa, chiến tranh tiến bộ”¹. Cuộc kháng chiến sẽ trải qua ba giai đoạn: “Giai đoạn phòng ngự; Giai đoạn cầm cự; Giai đoạn

1. Trường Chinh: *Tuyển tập, tập I (1937-1954)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.376-377.

tổng phản công”. Với tầm nhìn chiến lược, tư duy biện chứng, đồng chí đã phân tích và chỉ rõ, cùng với mặt trận quân sự, cần tiến hành kháng chiến “toute diện” trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và ngoại giao.

Tại Đại hội lần thứ II của Đảng (tháng 2/1951), Báo cáo *Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội*¹ do đồng chí Trường Chinh chủ trì soạn thảo đã phân tích những mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam và đối tượng của cách mạng; luận giải một cách khoa học về mối quan hệ chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ “phản đế và phản phong”. Theo đó, trong khi nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng giữa hai nhiệm vụ “phản đế và phản phong”, phải đặt nhiệm vụ “phản đế” lên hàng đầu nhưng không được xem nhẹ “cách mạng ruộng đất” và nhiệm vụ chống phong kiến. Bởi vì, trong tiến trình “cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân”, để tổ chức, động viên được lực lượng nông dân hùng hậu tham gia cách mạng, Đảng cần có *Cương lĩnh rõ ràng, lãnh đạo cách mạng đem lại ruộng đất và lợi ích cho nông dân*. Báo cáo chỉ ra rằng, đối với điều kiện của Việt Nam, cuộc *cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa* sẽ được tiến hành theo ba giai đoạn: *Một là*: tiêu diệt đế quốc, giải phóng dân tộc, xây dựng Nhà nước dân chủ nhân dân; *Hai là*: xóa bỏ tàn dư phong kiến, thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng”, hoàn thành chế độ dân chủ nhân dân; *Ba là*: hoàn thành xong nhiệm vụ dân tộc dân chủ, chuẩn bị

1. Năm 1952 được Nhà xuất bản Sự thật xuất bản thành sách với tiêu đề *Bàn về cách mạng Việt Nam*.

đủ điều kiện tiến lên chủ nghĩa xã hội. Giai đoạn trước là tiền đề của giai đoạn sau, không được nôn nóng “bỏ qua” hay “đốt cháy” một giai đoạn nào. Việc xác định *ba giai đoạn cách mạng* trong tiến trình cách mạng Việt Nam có ý nghĩa sâu sắc về phương diện lý luận và thực tiễn. Quan điểm này một mặt khẳng định mục tiêu “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội” theo tư tưởng Hồ Chí Minh là hoàn toàn đúng đắn, sáng tạo; mặt khác, thể hiện tư duy lý luận sắc sảo của đồng chí Trường Chinh trong việc nhìn nhận, đánh giá về điều kiện thực tiễn đất nước và xu thế phát triển của thời đại; đồng thời thể hiện tính xuyên suốt về mục tiêu, đường lối, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.

Báo cáo *Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội* không chỉ làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam, mà còn làm sáng rõ nhiều vấn đề lý luận về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam. Báo cáo nhận định, Việt Nam là một nước thuộc địa, phong kiến, nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, lại phải trải qua thời gian dài bị chiến tranh tàn phá nặng nề; thực tế đó không cho phép chúng ta tiến thẳng trực tiếp lên chủ nghĩa xã hội mà phải xuyên qua những bước quá độ đặc biệt cần thiết. Bởi vậy: “Con đường từ nay đến chủ nghĩa xã hội là một con đường khó khăn và dài. Không thể giạng chân ra mà bước một bước khổng lồ để đến ngay chủ nghĩa xã hội. Phải bước nhiều bước, chia thành nhiều độ mà đi”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.91.

Là hồn cốt trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng, những quan điểm lý luận của Tổng Bí thư Trưởng Chinh về cách mạng dân tộc dân chủ và thời kỳ quá độ ở Việt Nam đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đặt tiền đề cho cách mạng nước ta bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (ở miền Bắc), đồng thời tiếp tục sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đưa đến Đại thắng mùa Xuân năm 1975.

2. Đồng chí Trưởng Chinh - Nhà lý luận văn hóa lớn của Đảng ta

Không chỉ là nhà chính trị, nhà lãnh đạo tài năng của Đảng và cách mạng Việt Nam, đồng chí Trưởng Chinh còn là nhà báo, nhà thơ, nhà lý luận văn hóa lớn, với nhiều đóng góp cho công cuộc phát triển văn hóa cách mạng Việt Nam.

Là người lãnh đạo xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam, thâm nhuần quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Văn hóa, nghệ thuật là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”, trên mỗi chặng đường cách mạng, đồng chí Trưởng Chinh đều đánh giá đúng tình hình, từ đó đề ra những nhiệm vụ đúng đắn của nền văn hóa mới. Thông qua hàng loạt tác phẩm, bài viết, Đồng chí đã góp phần hình thành nên một hệ thống quan điểm đúng đắn, sắc bén và sáng tạo của Đảng ta trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam. Những quan điểm văn hóa nổi bật của Đồng chí thể hiện trong những tác phẩm, bài viết như: *Đề cương về*

văn hóa Việt Nam (1943); Báo cáo về *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*; Báo cáo đọc tại Đại hội văn nghệ toàn quốc... đã đặt cơ sở cho việc xây dựng một nền văn hóa mới Việt Nam theo phương châm “dân tộc, khoa học, đại chúng” đến hôm nay vẫn còn nguyên giá trị.

Đồng chí Trường Chinh còn là người tổ chức, chỉ đạo công tác báo chí của Đảng và trực tiếp viết nhiều bài báo với tính chiến đấu cao, có sức thuyết phục, cổ động cách mạng mãnh mẽ, sâu rộng, giữ một vị trí đặc biệt trong lịch sử báo chí cách mạng Việt Nam. Là một nhà thơ cách mạng, với bút danh Sóng Hồng, Đồng chí đã để lại cho những người cầm bút, các nhà hoạt động văn hóa - văn nghệ và báo chí những câu nói, tuyên ngôn bất hủ như: “Dùng cán bút làm đòn chuyển xoay chế độ,/ Mỗi vần thơ: bom đạn phá cường quyền”¹.

Là một nhà văn hóa lớn, Đồng chí đã di huấn cho Đảng: “cần tập trung nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh để giáo dục rộng rãi trong nhân dân; nghiên cứu và giáo dục lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, phẩm chất con người mới xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng...”². Đảng ta khẳng định, “Ở Đồng chí, nhà chính trị, nhà tư tưởng, nhà lý luận, nhà hoạt động văn hóa, nhà báo, nhà thơ đã quyện với nhau làm một”³. Chính điều này là yếu tố quan trọng tạo nên phẩm chất toàn diện của nhà lãnh đạo kiệt xuất Trường Chinh.

1. Sóng Hồng: *Thơ*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1983, tr.26.

2. Báo *Nhân Dân*, số 10753, ngày 06/12/1983, tr.1, 4.

3. Điều văn do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đọc tại Lễ truy điệu đồng chí Trường Chinh, ngày 05/10/1988.

3. Đồng chí Trường Chinh - Kiến trúc sư trưởng của đường lối Đổi mới

Là nhà lãnh đạo luôn luôn tìm tòi sáng tạo để đưa ra những quyết sách mang tính bước ngoặt của cách mạng Việt Nam, đồng chí Trường Chinh đã có những đóng góp to lớn đối với sự nghiệp đổi mới của Đảng. Tháng 7/1986, Đồng chí được tín nhiệm bầu làm Tổng Bí thư của Đảng (lần thứ ba). Đây là thời kỳ đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô đứng trước nguy cơ sụp đổ. Đất nước bị bao vây, cô lập, cấm vận.

Với bản lĩnh của một nhà lãnh đạo dày dạn kinh nghiệm, Tổng Bí thư Trường Chinh đã cùng tập thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân ta từng bước vượt qua khó khăn, đề ra đường lối đổi mới, đưa đất nước ta vượt qua khủng hoảng, từng bước ổn định và khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội. Để tổng kết thực tiễn, dù tuổi cao, sức khỏe giảm sút, nhưng đồng chí Trường Chinh đã nhiều lần xuống nghiên cứu, trực tiếp nắm bắt tình hình hoạt động, sản xuất của các cơ quan, đơn vị; sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương... qua đó thấy được điểm yếu, điểm nghẽn về cơ chế, chính sách kìm hãm sản xuất nhằm tìm ra định hướng, giải pháp khắc phục. Những quan điểm lý luận và tư duy đổi mới được thể hiện trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội VI của Đảng (tháng 12/1986) là quyết tâm, trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, đồng thời là tâm huyết của người kiến trúc sư trưởng - Tổng Bí thư Trường Chinh.

Trong Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội VI, Tổng Bí thư Trường Chinh nêu rõ: “Đổi mới nước ta, đổi mới càng là yêu cầu bức thiết, là vấn đề có tầm quan trọng sống còn”¹. Đảng phải tiến hành đổi mới toàn diện, trước hết là đổi mới về tư tưởng, lý luận và đổi mới kinh tế, nhằm “giải phóng năng lực sản xuất hiện có, khai thác và phát huy mọi tiềm năng của đất nước để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất”². Đổi mới tư duy kinh tế phải nhằm mục tiêu “gắn lực lượng sản xuất với đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa...”; đổi mới tư duy kinh tế là đổi mới cơ chế quản lý và đổi mới mô hình kinh tế: “phải kiên quyết nhanh chóng bãi bỏ chế độ tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển toàn bộ nền kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa”³. Về quan điểm lý luận, đồng chí Trường Chinh nêu rõ, “đổi mới” không phải là sự phủ nhận sạch sẽ, mà: “Muốn đổi mới tư duy, Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa di sản tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh”⁴.

Theo đồng chí Trường Chinh, phải nghiên cứu một cách thấu đáo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, đặt những vấn đề lý luận trong điều kiện, hoàn cảnh lịch sử và thực tiễn cụ thể để xem xét, thấy rõ tính khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, khắc phục những mặt yếu kém của tư duy giáo

1, 2, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.271, 271-272, 459.

3. Phát biểu của đồng chí Trường Chinh tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa V), Trường Chinh: *Tuyển tập, tập III (1976-1986)*, Sđd, tr.728.

điều, phi biện chứng; từ đó vận dụng, bổ sung và phát triển sáng tạo trong thực tiễn cách mạng. Trên quan điểm đó, Đồng chí đã chỉ đạo, đổi mới tư duy kinh tế, trước hết phải kiên quyết bãi bỏ mô hình, cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa, quan liêu bao cấp. Dù biết rằng sự thay đổi này là rất khó khăn bởi cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp đã ăn sâu trong xã hội, bám rẽ trong tư duy của nhiều người, nhưng với tinh thần kiên quyết, Đồng chí nêu rõ: “Không có con đường nào khác là phải nhanh chóng chuyển từ bao cấp sang hạch toán, kinh doanh, loại bỏ tính chất hình thức, giả tạo, khôi phục tính chân thực của mọi hoạt động kinh tế”¹.

Trong đổi mới tư duy, đặc biệt là tư duy kinh tế, đồng chí Trường Chinh đã chỉ rõ những mâu thuẫn giữa nhận thức và thực tế tình hình đất nước; những hạn chế, khuyết điểm trong nhận thức lý luận về thời kỳ quá độ ở Việt Nam; đặc biệt là tư tưởng vừa chủ quan nôn nóng, vừa bảo thủ trì trệ trong hoạch định đường lối và trong chỉ đạo của Đảng ta. Đồng chí nói: “Những mâu thuẫn trên đây là biểu hiện tập trung mâu thuẫn giữa nhận thức của chúng ta với tình hình thực tế”².

Trong công tác xây dựng Đảng, đồng chí Trường Chinh nêu rõ: “... một vấn đề có tầm quan trọng quyết định... đó là

1. Phát biểu của đồng chí Trường Chinh tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa V), Trường Chinh: *Tuyển tập, tập III (1976-1986)*, Sđd, tr.732.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.46, tr.361.

tổ chức bộ máy và cán bộ. Cần tiến hành ngay việc kiện toàn tổ chức, bộ máy và cán bộ đối với những bộ phận liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh”³. Theo quan điểm đó, đổi mới hệ thống chính trị phải tiến hành đồng bộ, đồng thời phải tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, “lấy dân làm gốc”; khơi dậy và phát huy tiềm năng sức mạnh của nhân dân trong công cuộc đổi mới, phát triển đất nước. Đổi mới hệ thống chính trị không phải là thay hệ thống chính trị này bằng hệ thống chính trị khác và làm đổ vỡ các tổ chức hiện có, mà là để tăng cường sức mạnh của các tổ chức ấy và của chế độ ta.

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà đất nước ta đã đạt được 35 năm qua là minh chứng sinh động, hùng hồn cho thấy đường lối Đổi mới mà Đảng ta đã đề ra là sáng tạo, đúng đắn và phù hợp với thực tiễn khách quan. Điều đó càng cho thấy tư duy lý luận sắc bén và tầm nhìn chiến lược của Tổng Bí thư Trường Chinh về định hướng phát triển mới của đất nước, nhằm xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

*

* * *

Với những cống hiến to lớn về mặt lý luận, khả năng kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận với thực tiễn xuất sắc trong hoạt động cách mạng, đồng chí Trường Chinh - người cộng sản mẫu mực, nhà lãnh đạo kiệt xuất, Tổng Bí thư của Đảng ta, luôn là tấm gương sáng cho các thế hệ cán bộ, đảng viên học tập, noi theo.

ĐỒNG CHÍ HOÀNG ĐÌNH GIONG VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM VÀ QUÊ HƯƠNG CAO BẰNG*

Dồng chí Hoàng Đình Gióng sinh ngày 01/6/1904, trong một gia đình có truyền thống yêu nước, tại làng Thôn Hoáng, xã Hạ Hoáng, nay thuộc phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng. Đồng chí là người chiến sĩ cộng sản lớp tiên bối của Đảng Cộng sản Việt Nam - nguyên Ủy viên Thường vụ Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa I), phụ trách Xứ ủy Bắc Kỳ; nguyên Chỉ huy trưởng Bộ đội Nam tiến, Chủ nhiệm Chính trị Bộ (Chính ủy) Giải phóng quân Nam Bộ, Khu Bộ trưởng đầu tiên Khu 9; Khu Bộ trưởng Khu 6, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Đồng chí là người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người con ưu tú của dân tộc Việt Nam và quê hương Cao Bằng.

* Phát biểu tại Hội thảo khoa học “Đồng chí Hoàng Đình Gióng với cách mạng Việt Nam và quê hương Cao Bằng” tổ chức ngày 30/5/2019 tại Cao Bằng; bài đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, số 2/2019; in trong cuốn sách: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Cao Bằng: *Đồng chí Hoàng Đình Gióng với cách mạng Việt Nam và quê hương Cao Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019; có chỉnh sửa.

Tiếp thu truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất chống giặc ngoại xâm của quê hương và gia đình, đồng chí Hoàng Đình Gióng sớm hình thành tư tưởng cách mạng, đấu tranh chống lại ách áp bức của chế độ thực dân. Tháng 3/1926, khi đang học tại Trường Bách nghệ Hà Nội, đồng chí đã tích cực tham gia phong trào bãi khóa của học sinh, sinh viên đòi để tang và tổ chức Lễ truy điệu nhà yêu nước Phan Châu Trinh. Bị nhà trường của thực dân Pháp đuổi học, đồng chí trở về quê nhà, tiếp tục hoạt động tuyên truyền tinh thần yêu nước trong thanh niên.

Năm 1927, đồng chí sang Trung Quốc tìm bắt liên lạc với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và tham dự lớp huấn luyện chính trị do Hội tổ chức. Tháng 6/1928, đồng chí được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Long Châu, Trung Quốc - bước ngoặt quyết định trong cuộc đời hoạt động cách mạng của người thanh niên yêu nước Hoàng Đình Gióng. Năm 1929, đồng chí được kết nạp vào Đông Dương Cộng sản Đảng và được cử làm Bí thư Chi bộ hải ngoại Long Châu, trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng Đảng và phong trào cách mạng ở Cao Bằng và Lạng Sơn.

Trong những năm 1932 - 1935, sau Cao trào cách mạng 1930 - 1931 với đỉnh cao là Xôviết Nghệ - Tĩnh, phong trào cách mạng trong nước bị khủng bố ác liệt, các tổ chức đảng và cơ sở cách mạng bị tổn thất nặng nề. Dưới sự lãnh đạo của Ban Chỉ huy ở ngoài - cơ quan Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng, đồng chí Hoàng Đình Gióng cùng với một số đảng viên trung kiên đã bám sát địa bàn hoạt động, chỉ đạo từng bước khôi phục hệ thống tổ chức đảng, cơ

sở cách mạng ở các tỉnh biên giới phía Bắc và một số tỉnh, thành phố ở vùng duyên hải Bắc Bộ như: Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh.

Tháng 3/1935, đồng chí Hoàng Đình Gióng được cử làm Trưởng đoàn đại biểu Xứ ủy Bắc Kỳ tham dự Đại hội lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương tổ chức tại Ma Cao, Trung Quốc. Tại đây, đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và Ban Thường vụ Trung ương Đảng, được phân công phụ trách Xứ ủy Bắc Kỳ.

Tháng 02/1936, đồng chí bị mật thám Pháp bắt tại Hải Phòng. Mặc dù bị giam cầm, đày ải trong nhiều nhà tù thực dân ở trong và ngoài nước, đồng chí vẫn giữ vững khí tiết kiên trung của người đảng viên Đảng Cộng sản. Tháng 10/1944, với tài trí và sự vận động khôn khéo, đồng chí Hoàng Đình Gióng đã cùng với một số tù chính trị cộng sản đang bị lưu đày ở đảo Madagátxca được trở về nước và tiếp tục hoạt động, trực tiếp tham gia lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền ở Cao Bằng.

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám, đồng chí Hoàng Đình Gióng được giao nhiệm vụ Chỉ huy Bộ đội Nam tiến, tham gia cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp ở Nam Bộ. Với tài năng chỉ huy quân sự, đồng chí đã được giao đảm nhiệm nhiều cương vị, như: Chủ nhiệm Chính trị Bộ Giải phóng quân Nam Bộ, Khu Bộ trưởng đầu tiên Khu 9, Khu Bộ trưởng Khu 6. Năm 1947, trên đường công tác, đồng chí đã anh dũng hy sinh tại Ninh Thuận, thuộc mặt trận Nam Trung Bộ.

Đồng chí Hoàng Đình Gióng là tấm gương tiêu biểu về người chiến sĩ cách mạng mẫu mực, trung kiên, người đã

cống hiến và hy sinh trọn đời cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Thứ nhất, đồng chí Hoàng Đình Gióng - đảng viên lớp đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, người đã lãnh đạo trực tiếp xây dựng cơ sở cách mạng và tổ chức đảng đầu tiên ở Cao Bằng, Lạng Sơn

Đồng chí Hoàng Đình Gióng có công lao to lớn, đặt nền móng đầu tiên cho phong trào cách mạng và tổ chức đảng ở hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn. Từ nửa sau năm 1928 đến năm 1929, khi vẫn đang hoạt động ở Long Châu, Trung Quốc, đồng chí Hoàng Đình Gióng vừa giúp việc cho Tổng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tham gia chuẩn bị cho các lớp huấn luyện lý luận chính trị, vừa trực tiếp chỉ đạo xây dựng cơ sở cách mạng, tích cực chuẩn bị cho sự ra đời của tổ chức Đảng Cộng sản ở Cao Bằng. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí, từ cuối năm 1928 và sang năm 1929, nhiều cơ sở của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Cao Bằng đã được thành lập và phát triển mạnh mẽ, tập hợp được những hạt nhân tiên tiến như: Ninh Văn Phan, Lê Đoàn Chu, Hoàng Văn Nọn, Nông Văn Đô, v.v..

Trên cương vị Bí thư Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở Long Châu, đồng chí Hoàng Đình Gióng đã tổ chức xây dựng cơ sở cách mạng tại vùng biên giới Cao Bằng - Lạng Sơn. Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đồng chí Hoàng Đình Gióng trở thành một trong những đảng viên lớp đầu tiên của Đảng và là một trong những người cộng sản đầu tiên của Cao Bằng. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí,

ngày 01/4/1930, Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên của Cao Bằng được thành lập. Trên cơ sở đó, nhiều tổ chức đảng và cơ sở cách mạng trên địa bàn tỉnh được thành lập, phong trào cách mạng của quần chúng ngày càng phát triển rộng khắp ở Cao Bằng, Lạng Sơn. Từ năm 1930 đến năm 1935, từ một chi bộ với 3 đảng viên, tổ chức đảng ở Cao Bằng đã phát triển thành 10 chi bộ, hoạt động ở 5 huyện Hòa An, Hà Quảng, Quảng Uyên, Thạch An, Nguyên Bình.

Thứ hai, đồng chí Hoàng Đình Gióng đã có những công hiến xuất sắc trong việc tái lập hệ thống tổ chức đảng và phong trào cách mạng Bắc Kỳ

Sau Cao trào cách mạng 1930 - 1931, trước sự khủng bố tàn bạo của thực dân Pháp, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và cấp ủy nhiều địa phương không còn, phong trào cách mạng rơi vào thoái trào. Yêu cầu của cách mạng Việt Nam lúc này là phải nhanh chóng tái lập Ban Chấp hành Trung ương và hệ thống tổ chức đảng, đưa phong trào cách mạng tiến lên. Tháng 4/1932, đồng chí Hoàng Đình Gióng bắt liên lạc được với đồng chí Lê Hồng Phong - người được Quốc tế Cộng sản cử về Đông Dương để chủ trì tái lập Ban Chấp hành Trung ương Đảng và hệ thống tổ chức đảng.

Dưới sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy ở ngoài, đồng chí Hoàng Đình Gióng đã tích cực chỉ đạo và trực tiếp tham gia khôi phục hệ thống tổ chức đảng và phong trào cách mạng ở Bắc Kỳ. Chi bộ đặc biệt Long Châu¹ do đồng chí là Bí thư, đã mở

1. Có tài liệu viết là Đảng bộ đặc biệt Long Châu - BT.

nhiều lớp huấn luyện cán bộ và chỉ đạo tổ chức lại các đường dây liên lạc đưa cán bộ về nước hoạt động. Sau khi nắm tình hình trong nước, đồng chí trở về hoạt động tại Cao Bằng, Hải Phòng và vùng mỏ Đông Bắc, từng bước gây dựng lại phong trào cách mạng. Với hoạt động tích cực của đồng chí, các chi bộ Đảng tại Hải Phòng dần được tái lập và trở thành hạt nhân lãnh đạo phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân Hải Phòng. Tại vùng mỏ Hòn Gai, Cẩm Phả, trên cơ sở nhận thức rõ, trước hết phải tổ chức Hội Ái hữu và Công hội đỏ để làm nòng cốt tập hợp quần chúng đấu tranh, qua đó phát hiện, bồi dưỡng các đảng viên mới, đồng chí Hoàng Đình Gióng đã trực tiếp chỉ đạo khôi phục một số chi bộ đảng, như: Chi bộ Uông Bí - Vàng Danh, Chi bộ Nhà máy kẽm Quảng Yên, v.v. - nơi tập trung công nhân, trở thành trung tâm của phong trào cách mạng ở Bắc Kỳ.

Thứ ba, đồng chí Hoàng Đình Gióng là người cán bộ quân sự tài năng của Đảng và cách mạng Việt Nam

Sau khi thoát khỏi nhà tù đế quốc trở về nước (tháng 10/1944), đồng chí Hoàng Đình Gióng được Trung ương Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh phân công cùng Tỉnh ủy Cao Bằng xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Đồng chí đã cùng Tỉnh ủy Cao Bằng lãnh đạo nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh, vừa tiến hành xây dựng lực lượng, mở rộng địa bàn, căn cứ cách mạng; vừa chỉ huy lực lượng vũ trang ngăn chặn quân Nhật tiến công, đồng thời tiêu trừ phi, bảo vệ vững chắc vùng căn cứ cách mạng.

Tháng 8/1945, trên cương vị Trưởng Ban khởi nghĩa tỉnh Cao Bằng, đồng chí Hoàng Đình Gióng đã chủ động, quyết đoán, nắm thời cơ, kịp thời lãnh đạo cuộc khởi nghĩa giành chính quyền tại Cao Bằng, trước khi quân đội Tưởng Giới Thạch kéo vào.

Trước âm mưu của thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta, hưởng ứng chủ trương của Trung ương Đảng, Chính phủ và lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí đã tham gia đoàn quân Nam tiến và được cử làm Chỉ huy trưởng Bộ đội Nam tiến. Trên cương vị là Chỉ huy trưởng Bộ đội Nam tiến, rồi Chủ nhiệm Chính trị Bộ Giải phóng quân Nam Bộ, Khu Bộ trưởng Khu 9, đồng chí Hoàng Đình Gióng đã xây dựng được khối đoàn kết vững chắc giữa nhân dân và bộ đội các địa phương; vận động các lực lượng giáo phái ở Nam Bộ tham gia kháng chiến; chỉ đạo xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân và gắn bó cùng quân, dân Nam Bộ bám trụ chiến đấu kiên cường. Trên cương vị Khu Bộ trưởng Khu 6, chỉ huy các lực lượng vũ trang Ninh Thuận, Bình Thuận, đồng chí Hoàng Đình Gióng đã chỉ đạo tăng cường đoàn kết giữa quân với dân, xây dựng căn cứ mới của Khu và tổ chức huấn luyện cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang về cách đánh du kích, xây dựng lực lượng kháng chiến ngày càng phát triển.

Dù phải thực hiện nhiệm vụ hết sức khó khăn, tác chiến trên những chiến trường ác liệt, phức tạp, ở xa sự lãnh đạo của Trung ương, nhưng với bản lĩnh của một người chỉ huy quân sự tài năng, trí - dũng song toàn, đồng chí đã cùng Bộ tham mưu xây dựng phương án tác chiến đúng đắn, hiệu quả, góp phần chặn bước tiến, làm phá sản âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh” của đội quân viễn chinh Pháp.

Thú tư, đồng chí Hoàng Đình Giong là tấm gương đạo đức mẫu mực, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người con ưu tú của dân tộc và quê hương Cao Bằng

Đồng chí Hoàng Đình Giong là người con ưu tú của dân tộc và quê hương Cao Bằng - vùng đất địa đầu biên giới phía Bắc của Tổ quốc, một địa danh lịch sử với bề dày truyền thống chống ngoại xâm, địa điểm đầu tiên được Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn để xây dựng căn cứ địa và lực lượng vũ trang cách mạng, từ đó lan tỏa ra cả nước, làm nên thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám mùa Thu năm 1945.

Đồng chí là một trong những đảng viên cộng sản đầu tiên của Cao Bằng. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí, Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên của Đảng bộ Cao Bằng được thành lập, trở thành một trong những chi bộ ra đời sớm trong cả nước, Đảng bộ Cao Bằng trở thành một đảng bộ có những đóng góp to lớn và quan trọng trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc.

Đồng chí là tấm gương tiêu biểu cho một thanh niên trí thức yêu nước, đến với cách mạng và trở thành chiến sĩ cộng sản kiên trung, người con ưu tú của dân tộc. Từ bỏ con đường “vinh thân phì gia” đang rộng mở, đồng chí đã lựa chọn đi theo sự nghiệp cách mạng đầy gian khổ, nhưng hết sức vẻ vang nhằm đấu tranh giành độc lập cho Tổ quốc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân.

Trong những năm tháng bị giam cầm, đày ải, bị tra tấn, hành hạ trong các nhà tù thực dân, đồng chí Hoàng Đình Giong vẫn tỏ rõ tinh thần kiên trung, bất khuất, giữ gìn thanh

danh và khí tiết của người đảng viên cộng sản, nêu tấm gương sáng về tinh thần yêu nước, nhiệt huyết cách mạng, tuyệt đối trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, đồng chí Hoàng Đình Gióng đã nêu cao ý thức tổ chức, kỷ luật, tuyệt đối phục tùng sự phân công của tổ chức. Với phẩm chất đạo đức và tài năng, đồng chí đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tin tưởng, dặn dò, trao trách nhiệm cầm quân Nam tiến và đặt tên gọi mới là: “Võ Văn Đức”. Đồng chí luôn đặt lợi ích của dân tộc, của Đảng và cách mạng lên trên hết, trước hết, sống giản dị, chân thành, gần gũi, gắn bó mật thiết với quần chúng nhân dân, chú ý lắng nghe và tôn trọng ý kiến của quần chúng nhân dân, được quần chúng nhân dân đặc biệt yêu mến, tin tưởng và cảm phục.

Những hoạt động, cống hiến và sự hy sinh oanh liệt cho đất nước của đồng chí Hoàng Đình Gióng đã làm rạng danh quê hương Cao Bằng. Tấm gương đạo đức cách mạng sáng ngời của đồng chí, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, được các thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân Cao Bằng, cùng nhân dân cả nước không ngừng học tập, phát huy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp.

ĐỒNG CHÍ HOÀNG VĂN THỤ - NHÀ LÃNH ĐẠO TIỀN BỐI TIÊU BIỂU CỦA ĐẢNG, NGƯỜI CON UƯU TÚ CỦA QUÊ HƯƠNG LẠNG SƠN*

Dồng chí Hoàng Văn Thụ tên khai sinh là Hoàng Ngọc Thụ, sinh ngày 04/11/1909, trong một gia đình nông dân, dân tộc Tày, có truyền thống yêu nước và hiếu học ở làng Phạc Lạn, tổng Nhân Lý, châu Văn Uyên (nay là thôn Nhân Hòa, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Văn Lãng), tỉnh Lạng Sơn. Sinh ra và lớn lên trên mảnh đất biên cương địa đầu của Tổ quốc, vùng đất có bề dày lịch sử - văn hóa và truyền thống chống ngoại xâm, đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự hình thành tư tưởng yêu nước, cách mạng của đồng chí Hoàng Văn Thụ.

Năm 1926, khi đang học tại Trường Tiểu học Pháp - Việt Lạng Sơn, đồng chí Hoàng Văn Thụ đã cùng với nhiều học

* Phát biểu tại Hội thảo khoa học “Đồng chí Hoàng Văn Thụ - Nhà lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng, người con ưu tú của quê hương Lạng Sơn” tổ chức ngày 3/11/2019 tại Lạng Sơn; bài đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, số 4/2019; in trong cuốn sách: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Lạng Sơn: *Đồng chí Hoàng Văn Thụ - Nhà lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng, người con ưu tú của quê hương Lạng Sơn*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020; có chỉnh sửa.

sinh trong lớp tham gia tổ chức Lễ truy điệu nhà yêu nước Phan Châu Trinh. Đồng chí đã tham gia lập ra *Nhóm học sinh yêu nước* ở Lạng Sơn và thiết lập đường dây liên lạc với học sinh Trường Bách nghệ ở Hà Nội, nơi có cơ sở của *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*. Qua đó, đồng chí Hoàng Văn Thụ được đồng chí Hoàng Đình Gióng giác ngộ, giới thiệu sang Trung Quốc dự lớp huấn luyện chính trị do *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* tổ chức và trở thành hội viên chính thức của Hội.

Năm 1929, đồng chí Hoàng Văn Thụ được kết nạp vào Đông Dương Cộng sản Đảng - một trong ba tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí để trở thành nhà cách mạng chuyên nghiệp, nguyện chiến đấu tới hơi thở cuối cùng vì lý tưởng cộng sản, vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

1. Đồng chí Hoàng Văn Thụ có công hiến to lớn trong việc chỉ đạo xây dựng phong trào cách mạng các tỉnh miền núi phía Bắc và các địa phương ở Bắc Bộ

Sau khi được kết nạp vào Đông Dương Cộng sản Đảng, đồng chí Hoàng Văn Thụ đã tham gia thành lập Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở Long Châu. Chi bộ đã đóng vai trò hạt nhân trong việc vận động, giác ngộ tư tưởng yêu nước cho thanh niên Việt Nam ở Long Châu, tham gia mở các lớp huấn luyện cán bộ và chỉ đạo tổ chức lại các đường dây liên lạc đưa cán bộ về nước hoạt động.

Mùa Xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu bước phát triển mới của phong trào cách mạng

Việt Nam. Đồng chí Hoàng Văn Thụ cùng các đồng chí Hoàng Đình Giong, Hoàng Văn Nọn đã thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên tại Lạng Sơn - Cao Bằng để tăng cường vận động và xây dựng phong trào quần chúng cách mạng ở các tỉnh miền núi biên giới, nhằm tạo ra một địa bàn hoạt động cho Đảng¹. Năm 1933, đồng chí Hoàng Văn Thụ được cử làm Bí thư Chi bộ thay đồng chí Hoàng Đình Giong đi nhận nhiệm vụ mới. Đồng chí Hoàng Văn Thụ đã cùng các đồng chí trong Chi bộ đẩy mạnh công tác xây dựng tổ chức đảng, tăng cường tuyên truyền, vận động xây dựng cơ sở cách mạng tại vùng biên giới các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn.

Cuối năm 1934, đầu năm 1935, đồng chí Hoàng Văn Thụ nhận nhiệm vụ đến Ma Cao giúp việc cho *Ban Chỉ huy ở ngoài* của Đảng và tham gia chuẩn bị Đại hội lần thứ I của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 3/1935). Sau Đại hội, đồng chí Hoàng Văn Thụ được Đảng phân công về nước, tiếp tục chỉ đạo phong trào cách mạng ở các tỉnh miền núi và biên giới phía Bắc, bao gồm các tỉnh Cao Bằng - Bắc Kạn - Lạng Sơn - Thái Nguyên - Tuyên Quang, đồng thời là người phụ trách cơ quan đầu mối liên lạc với *Ban Chỉ huy ở ngoài* của Đảng.

Năm 1938, đồng chí Hoàng Văn Thụ được Trung ương Đảng điều động về Hà Nội công tác. Tháng 9/1939, đồng chí được phân công làm Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ, trực tiếp phụ trách phong trào cách mạng Hà Nội và vùng phụ cận. Trên cương

1. Xem Đức Vượng, Nguyễn Đình Nhơn: *Những người cộng sản trẻ tuổi*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2004, tr.89.

vị Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ, đồng chí đã có những quyết định chỉ đạo quan trọng, góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng của các địa phương ở Bắc Kỳ phát triển lên một bước mới. Đặc biệt, với việc chỉ đạo xuất bản báo *Giải phóng* do đồng chí trực tiếp làm chủ bút, đồng chí đã có nhiều bài viết tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, phổ biến kinh nghiệm, phương pháp xây dựng tổ chức đảng, xây dựng lực lượng cách mạng; giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Đồng chí đã góp phần to lớn vào việc vận động, khích lệ các tầng lớp dân chúng yêu nước tham gia đấu tranh cách mạng. Bằng kinh nghiệm hoạt động bí mật và tài năng về công tác vận động, xây dựng, tổ chức phong trào cách mạng, đồng chí Hoàng Văn Thụ đã trực tiếp củng cố các cơ sở cách mạng ở nội thành Hà Nội và xây dựng nhiều cơ sở bí mật ở các vùng ven đô, vùng phụ cận như Vĩnh Tường (Vĩnh Yên), Thanh Hà (Hải Dương), chắp mối, củng cố phong trào cách mạng trong công nhân và cơ sở quần chúng ở vùng mỏ Đông Bắc.

Trong cao trào đấu tranh dân chủ (1936-1939), đồng chí Hoàng Văn Thụ đã chỉ đạo các cấp ủy đảng ở Cao Bằng - Lạng Sơn tăng cường vận động đồng bào các dân tộc thiểu số đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, chống bắt lính, bắt phu, đòi giảm sưu thuế. Sau khởi nghĩa Bắc Sơn (tháng 9/1940), đồng chí Hoàng Văn Thụ đã đề xuất chủ trương duy trì *Đội du kích Bắc Sơn* làm nòng cốt, xây dựng lực lượng vũ trang và xây dựng căn cứ địa cách mạng. Được giao nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo củng cố *Đội du kích Bắc Sơn*, phát triển lực lượng,

xây dựng căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai, đồng chí Hoàng Văn Thụ thường xuyên truyền đạt, chỉ đạo kịp thời các chủ trương của Trung ương Đảng đến với Đội du kích Bắc Sơn, đề ra giải pháp tổ chức củng cố, phát triển Đội du kích Bắc Sơn thành đội Cứu quốc quân I - là một trong những tổ chức tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Tháng 11/1940, tại Hội nghị Trung ương 7, đồng chí Hoàng Văn Thụ được bầu vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng. Sau Hội nghị, đồng chí được phân công chủ trì việc tổ chức cử người sang miền Nam Trung Quốc, tìm bắt liên lạc với lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Đồng chí Hoàng Văn Thụ đã cùng với các đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí Võ Nguyên Giáp báo cáo với lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về tình hình cách mạng trong nước, đồng thời chuẩn bị địa điểm đón Người về nước trực tiếp chỉ đạo cách mạng Việt Nam.

Tháng 5/1941, tại Hội nghị Trung ương 8, đồng chí Hoàng Văn Thụ được Đảng phân công phụ trách công tác dân vận, công tác mặt trận. Với trọng trách được Đảng giao phó, đồng chí đã cùng Ban Chấp hành Trung ương Đảng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, tăng cường xây dựng, phát triển lực lượng cách mạng cả về chính trị và lực lượng vũ trang; xây dựng các tổ chức đoàn thể của Mặt trận Việt Minh; xây dựng An toàn khu (ATK). Những hoạt động, chỉ đạo của đồng chí Hoàng Văn Thụ đã góp phần quan trọng vào quá trình chuẩn bị về mọi mặt, thúc đẩy thời cơ, tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thành công trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

2. Đồng chí Hoàng Văn Thụ - Nhà lãnh đạo tài năng của Đảng và cách mạng Việt Nam, tấm gương đạo đức cao đẹp, trọn đời hy sinh vì nước, vì dân

Sớm tham gia phong trào yêu nước, cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Văn Thụ gắn liền với quá trình vận động thành lập Đảng và lãnh đạo xây dựng lực lượng cách mạng giải phóng dân tộc. Ngay từ những ngày đầu tham gia cách mạng, cũng như khi bị địch bắt, tra tấn, tù đày, đồng chí luôn nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường, bất khuất của người đảng viên cộng sản, vượt qua mọi gian nguy, thử thách, tin tưởng vào tương lai tươi sáng của cách mạng.

Đồng chí Hoàng Văn Thụ đã đảm trách nhiều cương vị lãnh đạo, nhiều lĩnh vực và nhiều địa bàn công tác: từ chức vụ Bí thư Chi bộ, đến Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ và Thường vụ Trung ương Đảng; địa bàn hoạt động cả ở trong và ngoài nước; phụ trách nhiều lĩnh vực: Dân vận, Công vận, Mặt trận... đồng chí Hoàng Văn Thụ đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; thể hiện là nhà lãnh đạo tài năng, có uy tín, dày dạn kinh nghiệm. Trong quá trình hoạt động, chỉ đạo phong trào cách mạng, đồng chí luôn sâu sát cơ sở, gần gũi với quần chúng để tuyên truyền, vận động, xây dựng cơ sở cách mạng. Để bám sát cơ sở, đồng chí đã học hỏi, tham gia làm nhiều công việc như: thợ mỏ, thợ dệt, thợ xây, thậm chí cải trang thành người buôn cau, buôn than,... công việc nào cũng thành thạo, được quần chúng tin cậy, quý mến. Đồng chí là tấm gương tiêu biểu cho phong cách lãnh đạo sâu sát, gần gũi, gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân, luôn thể

hiện niềm tin sắt son vào sức mạnh của nhân dân, được nhân dân hết lòng tin cậy, che chở, bảo vệ. Đồng chí nói: “Chúng ta không lo. Cách mạng đã thấm sâu vào quần chúng rồi. Quân địch cố nhiên không để chúng ta yên. Nhưng quần chúng không thể xa rời cách mạng; chỉ sợ những người lãnh đạo chúng ta xa rời quần chúng, mà không sợ quần chúng xa rời chúng ta”¹.

Giữa lúc phong trào cách mạng đang tiến triển, ngày 25/8/1943, đồng chí Hoàng Văn Thụ bị mật thám Pháp bắt tại Hà Nội. Trong những ngày tháng bị giam cầm ở Nhà tù Hỏa Lò, kẻ thù dùng mọi thủ đoạn vừa dụ dỗ, mua chuộc, vừa tra tấn dã man, nhưng đồng chí đã thể hiện khí tiết kiên trung của người cộng sản. Trong “xà lim án chém”, đồng chí tâm sự với các bạn chiến đấu: “... hơn 20 năm đấu tranh cách mạng, đến đây, tôi thấy rằng đã tận tâm, tận lực với Đảng, với dân tộc. Dù có chết tôi cũng an tâm”². Đồng chí động viên các bạn chiến đấu trong tù: “Có đau thì cũng cố chịu nhé. Đừng quên Tổ quốc và Đảng”³. Bài thơ *Nhắn bạn* được đồng chí Hoàng Văn Thụ viết trong Nhà tù Hỏa Lò, với những câu thơ tràn đầy khí phách:

“... Thân dâu lao tù lâm cảnh hiểm
Chí còn theo dõi buổi tung hoành
Bạn hối gần xa hăng chiến đấu
Trước sau xin giữ tấm lòng thành”⁴.

1, 3, 4. Hội Văn học nghệ thuật Lạng Sơn: *Hoàng Văn Thụ - Tên anh sáng mãi*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2009, tr.50, 190, 144.

2. Trần Đăng Ninh: *Những ngày cuối cùng của anh Hoàng Văn Thụ*, in trong *Hồi ký cách mạng*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1970, t.II, tr.92.

Đồng chí Hoàng Văn Thụ đã tỏ rõ tinh thần kiên trung, bất khuất của người chiến sĩ cộng sản, chiến đấu tới hơi thở cuối cùng vì lý tưởng cao đẹp, vì độc lập dân tộc, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc cho nhân dân. Câu trả lời trước Tòa án thực dân của đồng chí Hoàng Văn Thụ: “Trong cuộc đấu tranh sinh tử giữa chúng tôi - những người mất nước và các ông - những kẻ cướp nước, sự hy sinh của những người như tôi là một sự dĩ nhiên. Chỉ biết rằng, cuối cùng chúng tôi sẽ thắng!”¹ là lời tuyên bố đanh thép của công lý và chính nghĩa, vững tin vào thắng lợi tất yếu cuối cùng của sự nghiệp cách mạng.

Ngày 24/5/1944, đồng chí Hoàng Văn Thụ đã anh dũng hy sinh trước mũi súng quân thù. Hình ảnh người cộng sản Hoàng Văn Thụ bình thản, hiên ngang đi giữa hai hàng lính hiến binh khi bị đưa ra pháp trường, tỏ rõ khí phách kiên cường, bất khuất của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Đồng chí đã anh dũng ngã xuống trước giờ thắng lợi của cách mạng, chưa kịp chứng kiến thắng lợi vinh quang của sự nghiệp mà đồng chí đã hiến dâng trọn đời, nhưng lớp lớp đảng viên và quần chúng yêu nước đã tiếp nối xứng đáng sự nghiệp vẻ vang của người chiến sĩ cộng sản Hoàng Văn Thụ. Tên tuổi, sự nghiệp, công lao, sự hy sinh, công hiến của đồng chí trở thành tấm gương sáng cho nhiều thế hệ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân học tập, noi theo.

1. Trần Đăng Ninh: *Những ngày cuối cùng của anh Hoàng Văn Thụ*, in trong *Hồi ký cách mạng*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1970, t.II, tr.97.

3. Đồng chí Hoàng Văn Thụ - người con ưu tú của quê hương Lạng Sơn

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình lao động, ở vùng quê giàu truyền thống lịch sử - văn hóa và cách mạng, đồng chí Hoàng Văn Thụ được hấp thụ, giáo dục và kế thừa tinh thần yêu nước của cha ông, trở thành một trong những lãnh tụ xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam, người con ưu tú của quê hương Lạng Sơn. Truyền thống tốt đẹp của quê hương Lạng Sơn là mạch nguồn sức mạnh, hun đúc, thôi thúc đồng chí Hoàng Văn Thụ tham gia hoạt động yêu nước cách mạng và tôi luyện đồng chí trở thành nhà lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam, góp phần bồi đắp và làm rạng danh cho truyền thống quê hương Lạng Sơn.

Từ tinh thần yêu nước, nhiệt huyết cách mạng, đồng chí Hoàng Văn Thụ vượt qua mọi gian khổ, trở thành đảng viên cộng sản đầu tiên và là Bí thư Chi bộ đảng đầu tiên của tỉnh Lạng Sơn. Đồng chí Hoàng Văn Thụ có công lao to lớn trong vận động xây dựng phong trào cách mạng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn các tỉnh miền núi, được Đảng ghi nhận và đánh giá cao tại Đại hội lần thứ I (năm 1935): “Điều rất đặc sắc là cuộc đấu tranh của công nông người Thổ, người Nùng ở Cao Bằng, Lạng Sơn có tính chất tổ chức chu đáo và theo những khẩu hiệu cộng sản rõ rệt. Một điều thắng lợi cho cộng sản chủ nghĩa nữa là: công nông các dân tộc thiểu số chẳng những đã vào hàng ngũ Đảng Cộng sản và các đoàn thể cách mạng khác do Đảng chỉ đạo mà thôi, mà họ đã

giữ một địa vị rất quan trọng trong các cơ quan chỉ đạo từ hạ cấp cho tới thượng cấp”¹.

Đồng chí Hoàng Văn Thụ - người cộng sản kiên trung, mẫu mực, nhà lãnh đạo tài năng của Đảng và cách mạng Việt Nam, người con ưu tú và là niềm tự hào của Đảng bộ và nhân dân Lạng Sơn. Tên tuổi, hình ảnh của đồng chí trở thành niềm tự hào, là động lực, niềm tin cổ vũ nhân dân ta, đặc biệt nhân dân Lạng Sơn vững bước đi lên trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; xây dựng tỉnh Lạng Sơn ngày càng giàu đẹp, xứng đáng với vị thế của một tỉnh địa đầu Tổ quốc, xứng đáng với truyền thống cách mạng và sự hy sinh của các thế hệ cha anh. Học tập và noi gương đồng chí Hoàng Văn Thụ, Đảng bộ và nhân dân Lạng Sơn luôn phát huy tinh thần đoàn kết, dân chủ, sáng tạo, đổi mới, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ vững chắc an ninh, chủ quyền biên giới, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Tấm gương hy sinh, phấn đấu trọn đời cho lý tưởng của Đảng, một lòng một dạ phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân của đồng chí Hoàng Văn Thụ đã trở thành biểu tượng cao đẹp, mãi mãi được cán bộ, đảng viên và nhân dân ta tin yêu và kính phục. Kỷ niệm 110 năm Ngày sinh của đồng chí Hoàng Văn Thụ, chúng ta nguyện tiếp tục học tập, rèn luyện, phấn đấu noi gương đồng chí, xây dựng đất nước, quê hương giàu đẹp.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.5, tr.71.

ĐỒNG CHÍ TỐ HỮU VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM VÀ QUÊ HƯƠNG THỪA THIÊN HUẾ*

Dồng chí Tố Hữu, tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành, sinh ngày 04/10/1920 trong một gia đình viên chức nhỏ tại Hội An, Quảng Nam, nguyên quán tại xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Năm 1935, khi mới 15 tuổi, đồng chí đã bắt đầu tham gia hoạt động trong Đoàn Thanh niên Dân chủ ở Huế; năm 1937 trở thành Bí thư Đoàn Thanh niên Dân chủ thành phố Huế và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Đầu năm 1939, đồng chí được cử vào Thành ủy Huế, phụ trách công tác tuyên truyền và thanh vận.

Tháng 4/1939, đồng chí bị thực dân Pháp bắt và dày ải qua các nhà lao Thừa Phủ (Huế), Lao Bảo (Quảng Trị), Buôn Ma Thuột (Đăk Lăk), Quy Nhơn (Bình Định) và Đăk Glei (Kon Tum). Tháng 3/1942, đồng chí vượt ngục, sau đó ra hoạt động ở Thanh Hóa. Năm 1944, đồng chí được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa. Tháng 5/1945, đồng chí được phân công

* Phát biểu tại Hội thảo khoa học “Đồng chí Tố Hữu với cách mạng Việt Nam và quê hương Thừa Thiên Huế” tổ chức ngày 2/10/2020 tại Thừa Thiên Huế; bài đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, số 5/2020; có chỉnh sửa.

thực hiện nhiệm vụ mới ở Trung Kỳ, tham gia lập lại Xứ ủy Trung Kỳ và đến tháng 8/1945 là Phó Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ.

Trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đồng chí Tố Hữu được cử làm Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa Thừa Thiên Huế. Giữa năm 1946, đồng chí được Trung ương điều động ra Hà Nội phụ trách công tác văn hóa của Đảng. Cuối năm 1946, đồng chí được cử lại về làm Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đồng chí Tố Hữu được cử giữ nhiều chức vụ quan trọng, như: Trưởng Tiểu ban Văn nghệ Trung ương, phụ trách Hội Văn hóa cứu quốc; Trưởng Ban Tuyên truyền Trung ương Đảng; Giám đốc Nha Thông tin thuộc Phủ Thủ tướng; Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, đồng thời là Giám đốc Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương; Trưởng Ban Thống nhất Trung ương.

Tại Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (tháng 02/1951), đồng chí được bầu là Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng; đến năm 1955 là Ủy viên chính thức. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9/1960), đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu vào Ban Bí thư. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12/1976), đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu là Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị; đến tháng 3/1980 là Ủy viên chính thức Bộ Chính trị. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3/1982), đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị; là

Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Bộ trưởng cho đến tháng 6/1986...

Với gần 70 năm hoạt động cách mạng sôi nổi, đồng chí Tố Hữu là tấm gương sáng của một người chiến sĩ cộng sản suốt đời phấn đấu vì độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của nhân dân. Cống hiến của đồng chí Tố Hữu đối với cách mạng Việt Nam và quê hương Thừa Thiên Huế được thể hiện nổi bật ở những nội dung sau:

1. Đồng chí Tố Hữu - người chiến sĩ cộng sản kiên trung, nhà lãnh đạo có nhiều công hiến to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc

Tham gia cách mạng khi mới 15 tuổi, đến năm 17 tuổi, đồng chí Tố Hữu được cử làm Bí thư Đoàn Thanh niên Dân chủ thành phố Huế và hai năm sau đó (1939), được cử vào Thành ủy Huế. Trên cương vị công tác được giao, đồng chí vừa chú trọng tổ chức tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng cho thanh niên, vừa chỉ đạo đầy mạnh mẽ đấu tranh chống âm mưu lôi kéo, dụ dỗ thanh niên của chính quyền thực dân Pháp.

Bị bắt giam, đày ải trong lao tù đế quốc, đồng chí đã tham gia thành lập chi bộ đảng, trực tiếp đảm nhiệm việc giảng dạy chính trị và văn hóa cho các chiến sĩ cách mạng; tuyên truyền, tranh thủ được cảm tình của lính canh, đồng thời tham gia lãnh đạo đấu tranh chống việc đánh đập, tra tấn tàn bạo tù nhân.

Hoạt động cách mạng trên địa bàn Thanh Hóa, chỉ sau một thời gian ngắn, đồng chí đã góp phần tuyên truyền, xây

dựng và mở rộng cơ sở quần chúng trong tỉnh, tham gia xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh. Trong cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8/1945, đồng chí Tố Hữu đã tham gia lập lại Xứ ủy Trung Bộ và trở thành một trong những người lãnh đạo chủ chốt của Xứ ủy, trực tiếp tham gia chỉ đạo chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền ở các tỉnh Trung Bộ. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của đồng chí, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Thừa Thiên Huế - nơi đặt cơ quan đầu não của chính quyền phong kiến nhà Nguyễn, đã giành được thắng lợi vẻ vang.

Sau ngày chính quyền cách mạng ra đời, trong những năm được giao đảm nhiệm cương vị Giám đốc Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc Trung ương (1969 - 1979)¹, đồng chí Tố Hữu rất coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận và giảng viên giảng dạy lý luận chính trị. Đối với cán bộ, giảng viên Trường Đảng, đồng chí yêu cầu ngoài phẩm chất đạo đức, năng lực, nhiệt tình còn phải nhạy bén, chủ động nắm bắt, dự báo những vấn đề Trung ương sẽ thảo luận để vừa cung cấp luận cứ cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Trung ương, vừa chủ động trong giảng dạy, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng. Đồng chí luôn nhấn mạnh, hệ thống Trường Đảng góp phần vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trung, cao cấp hiện có, đồng thời đào tạo, bồi dưỡng để bổ sung lực lượng

1. Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh 70 năm truyền thống vẻ vang*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2019, tr.71.

mới, kế cận cho đội ngũ cán bộ chiến lược của Đảng¹. Dưới sự lãnh đạo của đồng chí, Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc Trung ương đã đào tạo, bồi dưỡng cho Đảng và Nhà nước hàng nghìn cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ lý luận, góp phần quan trọng vào thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Sau khi đất nước thống nhất, được giao trọng trách là Phó Thủ tướng Chính phủ, sau đó là Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Bộ trưởng, phụ trách lĩnh vực kinh tế, xây dựng cấp huyện, lĩnh vực thị trường, giá - lương - tiền... trong bối cảnh đất nước gặp nhiều khó khăn, đồng chí Tố Hữu đã cùng tập thể Chính phủ cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, nỗ lực tìm tòi các biện pháp tháo gỡ những ách tắc, khó khăn gay gắt trong sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân trong những năm trước thời kỳ đổi mới.

2. Đồng chí Tố Hữu - nhà lãnh đạo tư tưởng, văn hóa tài năng của Đảng

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đồng chí Tố Hữu được Đảng và Nhà nước giao đảm nhiệm nhiều cương vị quan trọng trên mặt trận văn hóa, tư tưởng, khoa học, giáo dục. Trên cương vị người đứng đầu cơ quan tham

1. Phát biểu của đồng chí Tố Hữu tại Hội nghị Tổng kết giáo dục lần thứ hai của Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, tháng 4/1974. Xem *Tố Hữu nhà thơ lớn của nhân dân*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.17-19.

mưu chiến lược của Đảng về công tác tuyên huấn, khoa giáo, đồng chí đã có nhiều cống hiến nổi bật.

Đồng chí là người định hướng những quan điểm đúng đắn, giáo dục tinh thần trách nhiệm phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân cho đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, văn hóa - văn nghệ. Đồng chí vừa quan tâm tập hợp, đoàn kết, khuyến khích đồng đảo giới văn nghệ sĩ, trí thức phát huy tài năng để thực sự trở thành những chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, vừa kiên quyết đấu tranh chống những quan điểm sai trái, đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng trên mặt trận tư tưởng, văn hóa.

Là một nhà hoạt động chính trị, đồng chí Tố Hữu đồng thời là một nhà thơ lớn, tiêu biểu, “con chim đầu đàn của nền thi ca cách mạng” Việt Nam, “cô công khai sáng và dẫn dắt nền văn học cách mạng Việt Nam”¹. Đối với đồng chí Tố Hữu: Thơ với Đảng và cách mạng là một “Rằng: Thơ với Đảng nặng duyên nợ” và Đảng dẫn dắt sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp sáng tác của đồng chí: Thuyền bơi có lái qua mưa gió/ Không lái thuyền trôi lạc, lạc bến bờ”. Những tập thơ nổi tiếng của Tố Hữu như: *Từ ấy* (1946), *Việt Bắc* (1954), *Gió lộng* (1961), *Ra trận* (1972), *Máu và hoa* (1977),... là những bản hùng ca cách mạng đặc sắc, mang đậm tính chiến đấu, chất trữ tình, tinh thần lạc quan cách mạng, kết tinh và lan tỏa mạnh mẽ tâm huyết và tình cảm cao đẹp của người chiến sĩ cộng sản, dễ đi

1. “Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Thủ tướng Phan Văn Khải đọc tại Lễ tang đồng chí Tố Hữu”, in trong sách *Tố Hữu, người cộng sản kiên trung, nhà văn hóa tài năng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.23.

vào lòng người, có sức động viên, lôi cuốn rộng rãi các tầng lớp nhân dân. Sức cuốn hút của thơ Tố Hữu mạnh mẽ tới mức nhiều thế hệ người Việt Nam coi đó là tuyên ngôn, là hành trang trong suốt cuộc đời cách mạng của mình.

3. Đồng chí Tố Hữu - người học trò ưu tú của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tấm gương đạo đức cách mạng trong sáng

Từ lúc giác ngộ lý tưởng, được ánh sáng “mặt trời chân lý chói qua tim” và dấn thân vào con đường cách mạng, đồng chí Tố Hữu luôn hết mực tận tụy phục vụ sự nghiệp cách mạng, sắt son một lòng vì Đảng, vì dân. Những năm tháng bị giam cầm, dày ải trong lao tù đế quốc, đồng chí luôn nêu cao khí tiết của người cộng sản, để cùng các chiến sĩ cách mạng biến lao tù đế quốc thành trường học cách mạng.

Sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, được sống và làm việc gần Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Tố Hữu đã không ngừng noi gương, học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người, thực hiện: “Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng... Đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc”¹.

Đồng chí Tố Hữu đã dành một không gian rộng lớn trong tâm hồn thi ca của mình cho Tổ quốc, cho dân tộc và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.11, tr.603.

lòng kính yêu vô hạn đối với Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng chí đã có những kiệt tác hết sức ý nghĩa và xúc động về Người, góp phần khắc họa hình ảnh vị lãnh tụ vĩ đại, đạo đức sáng trong, lối sống thanh cao mà giản dị, vĩ đại mà hết mực gần gũi, thân thương, mãi trường tồn với đất nước, dân tộc và thời đại, với sức cảm hóa kỳ diệu: “Người là Cha, là Bác, là Anh/Quả tim lớn lọc trăm dòng máu đỏ”; “Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta/Ta bỗng lớn ở bên Người một chút”¹; “Yêu Bác lòng ta trong sáng hơn/Xin nguyện cùng Người vươn tới mãi/Vững như muôn ngọn đài Trường Sơn”².

Được Đảng và Nhà nước giao đảm nhiệm nhiều trọng trách, đồng chí đều nỗ lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc, không quản gian khổ, hy sinh, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nêu gương sáng về đạo đức cách mạng của người chiến sĩ cộng sản. Đảng ta đã khẳng định: “Gần 70 năm hoạt động cách mạng sôi nổi, ở mọi cương vị công tác, dù được giao bất cứ nhiệm vụ gì, đồng chí Tố Hữu cũng hoàn thành xuất sắc, một lòng một dạ tận tụy vì sự nghiệp cách mạng, không quản ngại khó khăn, gian khổ, nêu cao truyền thống bất khuất, kiên cường của người đảng viên cộng sản trong cuộc đấu tranh đầy gian khổ, anh dũng, vẻ vang của Đảng và nhân dân ta”³.

1. Những câu thơ trong bài “Sáng tháng năm” của đồng chí Tố Hữu.

2. Những câu thơ trong bài “Bácơi” của đồng chí Tố Hữu.

3. “Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Thủ tướng Phan Văn Khải đọc tại Lễ tang đồng chí Tố Hữu”, in trong sách *Tố Hữu, người cộng sản kiên trung, nhà văn hóa tài năng*, Sđd, tr.22.

4. Đồng chí Tố Hữu - người con ưu tú của quê hương Thừa Thiên Huế

Không gian văn hóa giàu bản sắc và truyền thống yêu nước của xứ Huế đã góp phần quan trọng hình thành nhân cách, nuôi dưỡng và bồi đắp tâm hồn, lý tưởng, nhiệt huyết cách mạng, mạch nguồn thi ca của đồng chí Tố Hữu. Huế cũng là nơi ghi dấu những bước đi đầu tiên của đồng chí đến với lý tưởng cách mạng và được trui rèn, trưởng thành trong phong trào thanh niên, trong chốn lao tù đế quốc.

Trong những ngày cả nước quật khởi giành chính quyền, trên cương vị Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa Thừa Thiên Huế, đồng chí Tố Hữu đã trực tiếp chỉ đạo khởi nghĩa thắng lợi ở nơi đâu nǎo của chính quyền phong kiến, mở ra trang sử mới của Đảng bộ và nhân dân Thừa Thiên Huế. Những năm tháng hoạt động ở Trung ương, đồng chí luôn dành tình cảm sâu nặng, nghĩa tình với Thừa Thiên Huế và đặc biệt quan tâm, theo dõi sâu sát những bước phát triển của phong trào cách mạng ở quê hương.

Đảng bộ và nhân dân Thừa Thiên Huế luôn tự hào và biết ơn sâu sắc những đóng góp to lớn của đồng chí Tố Hữu với quê hương, đất nước. Học tập và noi theo tấm gương của đồng chí và bao người con ưu tú khác của quê hương, đất nước, Đảng bộ và nhân dân Thừa Thiên Huế đã nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tựu to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, mang lại diện mạo, thế và lực mới của quê hương trên con đường đổi mới, hội nhập và phát triển.

Những thành quả đó là nền tảng vững chắc để Đảng bộ và nhân dân Thừa Thiên Huế tiếp tục nêu cao tinh thần đoàn kết, sáng tạo, chung sức, đồng lòng vượt qua mọi khó khăn, thách thức, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 54-NQ/TW, ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trước mắt nỗ lực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kép: vừa đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, vừa quyết tâm ngăn chặn và kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19; hoàn thành ở mức cao nhất những chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đã đề ra; lập thành tích chào mừng và tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, phấn đấu xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương bản sắc giàu đẹp, văn minh và hiện đại.

ĐỒNG CHÍ LƯƠNG KHÁNH THIỆN VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM VÀ QUÊ HƯƠNG HÀ NAM*

Dồng chí Lương Khánh Thiện - người chiến sĩ cộng sản kiên trung, đã hy sinh trọn đời cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đồng chí là hình tượng cao cả, đẹp đẽ của người cộng sản Việt Nam: Yêu nước, sáng tạo, anh hùng, bất khuất, mãi mãi là niềm tự hào của Đảng và dân tộc ta.

Nhân dịp kỷ niệm 115 năm Ngày sinh đồng chí, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và Tỉnh ủy Hà Nam tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề: “*Đồng chí Lương Khánh Thiện với cách mạng Việt Nam và quê hương Hà Nam*”. Đây là dịp để chúng ta nghiên cứu về cuộc đời, sự nghiệp hoạt động cách mạng vẻ vang và những cống hiến to lớn của đồng chí cho Đảng, cho cách mạng Việt Nam.

* Báo cáo đã dẫn tại Hội thảo khoa học “Đồng chí Lương Khánh Thiện với cách mạng Việt Nam và quê hương Hà Nam” tổ chức ngày 9/10/2018 tại Hà Nam; bài đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, số 4/2018; có chỉnh sửa.

Đồng chí Lương Khánh Thiện sinh ngày 13/10/1903, trong một gia đình nhà nho nghèo tại thôn Mẽ Thượng, xã Mẽ Tràng, tổng Mẽ Tràng, huyện Thanh Liêm (nay thuộc phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý), tỉnh Hà Nam. Sinh ra trên một vùng đất có bề dày lịch sử văn hiến và cách mạng, Lương Khánh Thiện đã sớm tiếp thu truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất chống giặc ngoại xâm của cha ông. Ngay từ khi còn là học sinh của Trường Kỹ nghệ thực hành Hải Phòng, Lương Khánh Thiện đã tích cực tham gia đấu tranh đòi nhà cầm quyền thực dân phải trả tự do cho cụ Phan Bội Châu (năm 1925); đòi để tang cụ Phan Châu Trinh (năm 1926). Do tham gia những hoạt động yêu nước, Lương Khánh Thiện và nhiều học sinh cùng lớp bị Đốc học của trường đánh đập. Đồng chí quyết định bỏ học, từ đó tham gia hoạt động trong phong trào công nhân.

Năm 1927, Lương Khánh Thiện được Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên giác ngộ và kết nạp vào Hội. Với tất cả nhiệt huyết của tuổi trẻ, đồng chí Lương Khánh Thiện hăng hái tham gia tuyên truyền, vận động công nhân, xây dựng cơ sở cách mạng, tháng 4/1929, đồng chí được kết nạp vào Chi bộ Cộng sản ở Hải Phòng và được phân công phụ trách phong trào công nhân Nhà máy Chai. Đồng chí trực tiếp lãnh đạo tổ chức nhiều cuộc đấu tranh của công nhân đòi tăng lương, giảm giờ làm, đòi giới chủ phải cải thiện điều kiện lao động cho công nhân.

Hoạt động tích cực của đồng chí Lương Khánh Thiện đã bị cơ quan mật thám Pháp ngày đêm theo dõi. Tháng 6/1929,

đồng chí bị địch bắt. Tòa án thực dân lúc đầu xử đồng chí 2 năm tù giam và 5 năm quản thúc, nhưng sau đó tại phiên Tòa đề hình tỉnh Kiến An (ngày 29/01/1931) đã xử mức án “khổ sai chung thân”, đưa đi đày biệt xứ ở Nhà tù Côn Đảo (tháng 7/1931).

Trong thời gian bị giam cầm ở Nhà tù Côn Đảo (1931-1936), với tinh thần kiên trung, giữ vững khí tiết của người cộng sản, thực hiện khẩu hiệu: “Biến nhà tù để quốc thành trường học cách mạng”, đồng chí Lương Khánh Thiện đã tích cực học tập lý luận; tham gia thành lập chi bộ trong tù; luôn đi đầu trong các cuộc đấu tranh đòi cải thiện chế độ hà khắc của nhà tù, bảo vệ tù nhân.

Khi Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp lên cầm quyền, đồng chí Lương Khánh Thiện được trả tự do (tháng 9/1936). Sau khi ra tù, đồng chí lên Hà Nội, tiếp tục hoạt động cách mạng. Cuối năm 1936, đồng chí Lương Khánh Thiện cùng với một số “cựu tù chính trị” thành lập ra “Ủy ban sáng kiến” để phụ trách việc tái lập Xứ ủy Bắc Kỳ. Tại Hội nghị thành lập Xứ ủy lâm thời Bắc Kỳ (tháng 3/1937), đồng chí Lương Khánh Thiện được bầu vào Thường vụ Xứ ủy; được cử làm Bí thư Xứ ủy lâm thời Bắc Kỳ, kiêm Bí thư Thành ủy Hà Nội. Trên vị trí cương Bí thư Xứ ủy, đồng chí đã lãnh đạo xây dựng các đoàn thể cách mạng và phát động phong trào đấu tranh sôi nổi ở các tỉnh phía Bắc, đặc biệt là ở các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, v.v., góp phần tạo nên Cao trào đấu tranh dân chủ (1936-1939) trong phạm vi cả nước.

Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp ở Đông Dương trở mặt đàn áp phong trào cách

mạng. Dự đoán trước tình hình cách mạng sẽ có những biến động mới, cùng với đồng chí Trần Quý Kiên, đồng chí Lương Khánh Thiện được phân công lên Phú Thọ chuẩn bị địa bàn, xây dựng cơ sở cho Đảng rút vào hoạt động bí mật. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Lương Khánh Thiện, nhiều chi bộ đảng và cơ sở cách mạng ở các huyện Yên Lập, Cẩm Khê, Phù Ninh, Lâm Thao và thị xã Phú Thọ được thành lập. Trên cơ sở đó, thay mặt Xứ ủy Bắc Kỳ, đồng chí thành lập Ban cán sự Đảng tỉnh Phú Thọ. Đây là bước chuẩn bị quan trọng về địa bàn hoạt động của Đảng, bảo đảm an toàn lực lượng khi Đảng ta rút vào bí mật, đồng thời làm tiền đề cho Đảng xây dựng an toàn khu (ATK) và căn cứ địa cho Tổng khởi nghĩa sau này.

Năm 1940, trước sự đàn áp, khủng bố của chính quyền thực dân, nhiều đồng chí lãnh đạo của Xứ ủy bị địch bắt, đồng chí Lương Khánh Thiện được điều động về làm Bí thư Khu B (còn gọi là Liên tỉnh B, gồm Hải Phòng, Kiến An, Quảng Yên, Hòn Gai, Hải Dương, Hưng Yên), trực tiếp phụ trách Đảng bộ Hải Phòng. Tháng 01/1941, trên đường đi công tác, đồng chí bị mật thám Pháp bắt đưa về giam giữ tại Nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội).

Biết đồng chí là lãnh đạo cao cấp của Đảng, kẻ địch dùng đủ mọi thủ đoạn, đòn roi tra tấn, nhưng không thể khuất phục được khí tiết của người cộng sản kiên cường, Tòa án thực dân Pháp đã kết án tử hình đồng chí Lương Khánh Thiện và đưa đồng chí đi xử bắn tại trường bắn Kiến An, thành phố Hải Phòng vào hồi 4 giờ 30 phút sáng ngày 02/9/1941.

Hiến dâng trọn cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân, đồng chí Lương Khánh Thiện đã anh dũng hy sinh “để cho cây cách mạng đơm hoa, kết trái”.

Cuộc đời của đồng chí Lương Khánh Thiện tuy ngắn ngủi, nhưng đã có những cống hiến to lớn cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân. Hoạt động và cống hiến của đồng chí Lương Khánh Thiện được thể hiện rất sáng tạo, trải rộng trên nhiều lĩnh vực và nhiều địa bàn khác nhau. Trong Hội thảo này, Ban tổ chức đề nghị các nhà khoa học tập trung làm rõ một số nội dung chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, đồng chí Lương Khánh Thiện là tấm gương sáng ngời về tinh thần yêu nước, sự cống hiến và hy sinh cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc

Sinh ra ở vùng đất có bề dày lịch sử và truyền thống cách mạng, tiếp thu truyền thống quê hương, thấu hiểu nỗi khổ cực của người dân mất nước, Lương Khánh Thiện đã sớm hình thành tinh thần yêu nước, hun đúc ý chí cách mạng, nhằm đánh đổ đế quốc, phong kiến, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

Từ một học sinh đang học ở Trường Kỹ nghệ thực hành, thông qua phong trào đấu tranh yêu nước, đồng chí Lương Khánh Thiện đã sớm giác ngộ cách mạng, trở thành người cộng sản. Không quản ngại khó khăn, vất vả, tǎm mình trong phong trào công nhân, đồng chí Lương Khánh Thiện đã thực hiện “ba cùng” với anh em công nhân, để tuyên truyền, vận động họ tham gia sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc.

Có thể khẳng định rằng, chính ngọn lửa yêu nước và nhiệt huyết cách mạng của đồng chí đã trở thành động lực quy tụ, cảm hóa, giác ngộ giai cấp công nhân tham gia cách mạng. Đồng chí Lương Khánh Thiện là hiện thân tiêu biểu của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, sẵn sàng hy sinh, xả thân vì đất nước. Đồng chí đã dành toàn bộ sức lực, trí tuệ và tuổi trẻ, cống hiến trọn đời mình cho lý tưởng cao đẹp của Đảng và hạnh phúc của nhân dân.

Đồng chí Lương Khánh Thiện là một hình tượng cao đẹp của người cộng sản Việt Nam, mãi là niềm tự hào của Đảng và dân tộc ta.

Thứ hai, đồng chí Lương Khánh Thiện là tấm gương tiêu biểu về tinh thần tự học tập, tự rèn luyện và phấn đấu trưởng thành của người cộng sản

Tham gia hoạt động cách mạng từ khi còn là học sinh, chưa hề được trang bị lý luận và phương pháp cách mạng, nhưng với tinh thần tự học, tự rèn luyện trong thực tiễn, đồng chí Lương Khánh Thiện đã trở thành người lãnh đạo có năng lực, uy tín và sáng tạo của Đảng.

Thực hiện chủ trương “vô sản hóa”, vừa học, vừa làm, đồng chí Lương Khánh Thiện đã tự rèn luyện tác phong sâu sát thực tiễn, hòa mình với quần chúng. Bất kỳ ở đâu, dù với những người công nhân Nhà máy Tơ, Nhà máy Chai ở Hải Phòng, hay với công nhân Nhà máy Sợi ở Nam Định, đồng chí luôn là người cán bộ gần gũi, được quần chúng tin yêu và cảm phục. Với bản tính cởi mở, nói đi đôi với làm, đồng chí đã thuyết phục, tập hợp quần chúng và trở thành tấm gương của quần chúng về tinh thần yêu nước và ý chí

cách mạng. Vì vậy, những cơ sở cách mạng do đồng chí xây dựng dù bị kẻ địch khủng bố, đàn áp ác liệt, nhưng không bao giờ bị dập tắt.

Trong những năm tháng bị địch bắt và đày ải tại Nhà tù Côn Đảo, đồng chí Lương Khánh Thiện cùng với những chiến sĩ cộng sản đã thực hiện tinh thần “biến nhà tù để quốc thành trường học cách mạng”. Chính tại nơi bị coi là “địa ngục trần gian”, đồng chí Lương Khánh Thiện được học tập, nghiên cứu sâu sắc hơn lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin. Qua trao đổi với các đồng chí am hiểu về lý luận cách mạng, với tinh thần học hỏi, đồng chí Lương Khánh Thiện đã tiếp thu những vấn đề cơ bản về lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê nin, nghiên ngâm, soi rọi và rút ra những bài học từ quá trình hoạt động thực tiễn của mình. Đó là những kiến thức lý luận bổ ích, giúp cho đồng chí sau khi được ra tù, vận dụng vào hoạt động thực tiễn cách mạng một cách hiệu quả, sáng tạo.

Thứ ba, đồng chí Lương Khánh Thiện là người lãnh đạo tài năng, sáng tạo của Đảng và cách mạng Việt Nam

Tháng 9/1936, được trả tự do, đồng chí Lương Khánh Thiện trở lên Hà Nội, danh nghĩa là mở Tiệm giặt là Mai Hải ở phố Hàng Khoai, Hà Nội, nhưng thực chất là thiết lập địa điểm liên lạc, đón được nhiều tù chính trị mới được ân xá (trong đó có đồng chí Nguyễn Văn Cừ), để dần dần gây dựng, tái lập tổ chức đảng.

Với việc tham gia thành lập “Ủy ban sáng kiến”, đồng chí Lương Khánh Thiện đã cùng các đồng chí lãnh đạo Xứ ủy Bắc Kỳ kịp thời khôi phục, củng cố, xây dựng nhiều cơ sở

cách mạng, thành lập lại các tổ chức cơ sở đảng ở Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh, Nam Định...; đồng thời đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên mới, làm cho số lượng đảng viên tăng lên, lực lượng của Đảng ngày càng lan rộng khắp trên các địa bàn trọng yếu.

Từ tháng 3/1937, trên cương vị Bí thư Xứ ủy lâm thời Bắc Kỳ, đồng chí Lương Khánh Thiện đã có những đóng góp quan trọng vào việc chỉ đạo phát triển các tổ chức cách mạng, mở rộng địa bàn hoạt động của Đảng ở các tỉnh phía Bắc và vùng duyên hải Bắc Bộ. Dưới sự chỉ đạo của Xứ ủy Bắc Kỳ, trong đó có vai trò quan trọng của đồng chí Bí thư Xứ ủy lâm thời Lương Khánh Thiện, các tổ chức quần chúng như Hội ái hữu thợ máy, thợ in, thợ may, thợ giày và nhiều hình thức khác trên địa bàn Hà Nội và các địa phương khác, đã ra đời và hoạt động có hiệu quả. Đồng chí chỉ đạo Xứ ủy Bắc Kỳ đẩy mạnh công tác công vận, nông vận và phát triển đảng viên mới, làm cho phong trào cách mạng được triển khai rộng khắp trong các nhà máy, các vùng nông thôn; số lượng đảng viên tăng lên, lực lượng của Đảng lan rộng trên các địa bàn trọng yếu. Nhiều hình thức tổ chức và đấu tranh cách mạng chưa từng có ở giai đoạn trước đã xuất hiện như: lập Hội tương tế, Hội ái hữu, v.v., với phương thức hoạt động hết sức linh hoạt, từ bí mật cho đến bán công khai và công khai, hợp pháp và bán hợp pháp. Các cuộc vận động quần chúng biểu tình, đưa đơn dân nguyện đòi cải cách dân chủ, dân sinh; liên kết với phân bộ Đảng Xã hội Pháp ở Bắc Kỳ tổ chức nhiều cuộc nói chuyện, v.v. đã tạo nên khí thế cách mạng rất sôi

nổi, làm cho uy tín và ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng tăng cao.

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, đồng chí Lương Khánh Thiện lên Phú Thọ hoạt động. Chỉ trong một thời gian ngắn, đồng chí đã trực tiếp chỉ đạo xây dựng thành công nhiều cơ sở đảng và thành lập Ban cán sự Đảng tỉnh Phú Thọ.

Với nhiều hoạt động tích cực, sâu sát và sáng tạo trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn, đồng chí Lương Khánh Thiện đã có đóng góp quan trọng cho phong trào cách mạng Bắc Kỳ, tạo bước phát triển mạnh mẽ, thống nhất trong phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng; đồng thời, chuẩn bị tốt lực lượng cho những biến chuyển của tình hình cách mạng trong giai đoạn mới.

Thứ tư, đồng chí Lương Khánh Thiện với quê hương Hà Nam

Đồng chí Lương Khánh Thiện là người con của đất Hà Nam - vùng đất có bề dày truyền thống yêu nước, vùng đất hiếu học và khoa bảng, gắn liền với tên tuổi của nhiều danh nhân lịch sử văn hóa và cách mạng, như: Lê Hoàn, Trần Bình Trọng, Đinh Công Tráng, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Hữu Tiến, Nam Cao, Hoàng Tùng,...

Truyền thống yêu nước, hiếu học của quê hương, gia đình là nền tảng hình thành nhân cách, phẩm chất đạo đức cách mạng của đồng chí Lương Khánh Thiện: một người không màng danh lợi; luôn nỗ lực tu dưỡng, rèn luyện bản thân; yêu nước, yêu quê hương tha thiết; rất mực thương yêu đồng chí,

đồng bào; suốt đời phán đấu, hy sinh vì lợi ích của dân tộc và hạnh phúc của nhân dân.

Quê hương Hà Nam tự hào vì đã sinh ra những người cộng sản kiên trung, mẫu mực như đồng chí Lương Khánh Thiện - tấm gương ngời sáng đã làm rạng rỡ non sông, đất nước, mang lại vinh quang cho Đảng ta, cho dân tộc ta. Phát huy truyền thống yêu nước của quê hương, noi gương các nhà lãnh đạo cách mạng tiền bối của Đảng và dân tộc, Đảng bộ và nhân dân Hà Nam đã có nhiều đổi mới, sáng tạo, phát huy mọi nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội để thực hiện tốt chủ trương phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt.

Kỷ niệm 115 năm Ngày sinh của đồng chí Lương Khánh Thiện là dịp để chúng ta đầy mạnh hơn nữa quá trình tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, phán đấu lao động và học tập hết mình; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh. Chúng ta càng có thêm tinh thần và ý chí để kế thừa và phát huy những giá trị cao đẹp của các thế hệ đi trước để lại, tiếp tục truyền cảm hứng và trách nhiệm cho các thế hệ hôm nay, mai sau tiên phong và đóng góp có hiệu quả cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

ĐỒNG CHÍ NGUYỄN THỊ MINH KHAI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM VÀ QUÊ HƯƠNG NGHỆ AN*

Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai - nguyên Ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ, Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, một trong những nhà lãnh đạo tiên bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam, người nữ chiến sĩ cộng sản kiên trung, mẫu mực, đã phấn đấu, hy sinh trọn đời cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của đồng chí là hình ảnh hết sức tiêu biểu về tinh thần anh hùng, bất khuất, sẵn sàng hy sinh của người phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và hạnh phúc của nhân dân.

Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai tên thuở nhỏ là Nguyễn Thị Vĩnh, nhưng theo âm sắc của tiếng Nghệ - Tĩnh thường gọi là Vịnh, sinh ngày 30/9/1910¹, trong một gia đình viên chức nhỏ tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An - một vùng đất

* Phát biểu tại Hội thảo khoa học “Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai với cách mạng Việt Nam” tổ chức ngày 26/9/2020 tại Hà Nội; có chỉnh sửa.

1. Có ý kiến cho rằng ngày sinh của đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai là ngày 01/11/1910 - BT.

“địa linh nhân kiệt”, giàu truyền thống yêu nước, cách mạng. Ngay từ khi còn học tại Trường Tiểu học Cao Xuân Dục trong những năm 1924-1925, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đã được tuyên truyền, giác ngộ cách mạng và tìm đọc những sách, báo yêu nước, tiến bộ. Năm 1926, khi mới 16 tuổi, với tinh thần yêu nước và nhiệt huyết của tuổi trẻ, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đã hăng hái tham gia phong trào tổ chức Lễ truy điệu nhà chí sĩ yêu nước Phan Châu Trinh.

Mùa Hè năm 1927, với những hoạt động tích cực trong phong trào thanh niên, học sinh, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai được kết nạp vào Việt Nam Cách mạng đồng chí Hội - tiền thân của Tân Việt Cách mạng Đảng. Trong những năm 1928-1929, đồng chí trở thành cán bộ nòng cốt của Tân Việt Cách mạng Đảng, được cử làm Bí thư Phụ nữ đoàn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh bộ Tân Việt tỉnh Nghệ An¹.

Sau ngày Đông Dương Cộng sản Đảng ra đời (tháng 6/1929), đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai và một số đồng chí đã gia nhập tổ chức này. Tháng 02/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai trở thành một trong những đảng viên lớp đầu tiên của Đảng.

Tháng 3/1930, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai được cử sang hoạt động ở Hồng Kông (Trung Quốc), giúp việc liên lạc với các tổ chức đảng ở trong nước và các đồng bạn. Đồng chí đã được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp bồi dưỡng về lý luận chính trị và kinh nghiệm hoạt động cách mạng.

1. Dẫn theo *Lý lịch Phan Lan*, lưu tại Bảo tàng Xôviết Nghệ - Tĩnh, HS 28/344.

Tháng 4/1931, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai bị cảnh sát Anh ở Hồng Kông bắt giao cho chính quyền Quốc dân Đảng ở Quảng Châu. Tháng 4/1932, sau khi ra tù, đồng chí tìm bắt liên lạc với tổ chức đảng. Tháng 8/1934, đồng chí bắt liên lạc và tham gia giúp việc cho các đồng chí trong Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng. Cuối năm 1934, đồng chí cùng với các đồng chí Lê Hồng Phong, Hoàng Văn Nọn lên đường sang Mátxcova dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản và tham gia khóa học ngắn hạn tại Trường Đại học Phương Đông.

Sau khi hoàn thành khóa học, đầu năm 1937, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai lên đường về nước và được cử làm Ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ. Sau Hội nghị Trung ương Đảng tháng 9/1937, đồng chí được cử làm Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn.

Ngày 30/7/1940, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai bị mật thám Pháp bắt. Thực dân Pháp buộc tội đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai và một số đồng chí lãnh đạo Đảng như Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, các đồng chí Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Phan Đăng Lưu,... chịu trách nhiệm về cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (nổ ra ngày 23/11/1940) và kết án tử hình.

Ngày 26/8/1941, thực dân Pháp đưa đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai và một số đồng chí ra xử bắn tại trường bắn Giếng Nước (huyện Hóc Môn, Sài Gòn; nay là Bệnh viện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh). Trước mũi súng quân thù, đồng chí đã hô vang khẩu hiệu “Đả đảo đế quốc Pháp! Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm! Cách mạng Đông Dương thành công muôn năm!” và hy sinh oanh liệt khi mới 31 tuổi.

Hoạt động và cống hiến của đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc được thể hiện ở những nội dung sau:

1. Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai - nữ cán bộ lãnh đạo tài năng của Đảng và cách mạng Việt Nam

Tham gia hoạt động cách mạng khi mới 16 tuổi, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đã vượt qua những định kiến của xã hội đương thời còn mang nặng tư tưởng phong kiến, thể hiện rõ tinh thần yêu nước và nhiệt huyết cách mạng. Được phân công phụ trách công tác tuyên truyền, vận động phụ nữ ở Vinh, đồng chí luôn bám sát cơ sở, đi vào các nhà máy, xưởng sản xuất, gắn bó mật thiết với đời sống của quần chúng nhân dân.

Đồng chí được tổ chức ghi nhận, tin tưởng, cử vào Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Tỉnh bộ Tân Việt Nghệ An. Trong công tác tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào cách mạng, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai rất chú trọng đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ cốt cán của phong trào cả về lý luận, kinh nghiệm cách mạng và hoạt động thực tiễn. Được sự rèn luyện của đồng chí, nhiều cán bộ đã trưởng thành, như các đồng chí: Tôn Thị Quế, Trần Thị Liên, Nguyễn Thị Phúc, Nguyễn Thị Nhã, Nguyễn Thị Xân, Nguyễn Thị Thiu... Nhiều đồng chí sau đó đã trở thành những cán bộ nòng cốt trong Cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh.

Được phân công sang Hồng Kông hoạt động, đồng chí đã nhanh chóng nắm bắt công việc và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Thời gian này đồng chí được lãnh tụ

Nguyễn Ái Quốc trực tiếp bồi dưỡng về lý luận chính trị, kinh nghiệm hoạt động cách mạng, đồng thời tích cực học thêm tiếng Anh, Pháp, Trung Quốc, để phục vụ tốt các nhiệm vụ cách mạng.

Sau khi thoát khỏi nhà tù của chính quyền Quốc dân Đảng, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai nỗ lực tham gia giúp việc cho Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng. Nhờ thành tích hoạt động và theo yêu cầu chuẩn bị cán bộ cho Đảng, đồng chí được cử là một trong những thành viên của Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương đi dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản. Bài tham luận của đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai trình bày tại Đại hội VII Quốc tế Cộng sản và Đại hội VI Quốc tế Thanh niên tại Mátxcơva được các đại biểu đặc biệt chú ý và nhiệt liệt hoan nghênh; góp phần giúp Quốc tế Cộng sản hiểu rõ hơn tình cảnh của người dân thuộc địa, đặc biệt là thanh niên và phụ nữ; từ đó đặt ra nhiệm vụ cho các đảng cộng sản cần phải quan tâm hơn nữa đến vấn đề này ở các thuộc địa.

Sau khi trở về nước, trên cương vị Ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ, Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, với bí danh là Năm Bắc, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai vừa chỉ đạo xây dựng, phát triển tổ chức đảng và các cơ sở cách mạng trên địa bàn Sài Gòn - Chợ Lớn, vừa tổ chức các cuộc đấu tranh sôi nổi của công nhân, nông dân, trí thức và những người lao động khác trong phong trào Đông Dương Đại hội và các cuộc đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ và hòa bình.

Những năm tháng hoạt động ở Nam Kỳ, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai còn được biết đến là một nhà báo sắc sảo, tài

năng của Đảng. Đấu tranh chống lại thuyết “Phụ nữ hồi gia” cho rằng phụ nữ nên lo toan chuyện nội trợ, chăm sóc con cái và không nên tham gia vào việc vận động bình đẳng phụ nữ, giải phóng phụ nữ, đồng chí nêu rõ, đó là điều trái ngược với trào lưu tiến bộ của thế giới và tình hình hiện tại của dân tộc. Những bài luận chiến của đồng chí về quyền bình đẳng của phụ nữ đã gây tiếng vang lớn trong dư luận xã hội khi đó.

Trong cao trào cách mạng giải phóng dân tộc, là người đứng đầu Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đã chỉ đạo Thành ủy gây dựng lại các cơ sở bí mật trong quần chúng. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đồng chí, chỉ trong thời gian ngắn, hệ thống tổ chức đảng và quần chúng trên địa bàn thành phố được tổ chức lại với nhiều hình thức hoạt động bí mật, phù hợp với tình hình mới.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ sáu (tháng 11/1939), đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai chỉ đạo chú trọng phát triển tổ chức đảng, mở rộng Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế, tổ chức và huấn luyện lực lượng vũ trang, tổ chức củng cố, phát triển các ban thanh vận, trí thức vận, binh vận, liên lạc với một số sĩ quan người Việt trong quân đội Pháp để vận động binh lính ủng hộ cách mạng.

2. Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai - tấm gương người cộng sản kiên trung, bất khuất, tiêu biểu cho truyền thống tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam

Sinh ra trong một gia đình có điều kiện khá hơn so với nhiều bạn bè cùng trang lứa nhưng đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai vẫn giữ nếp sống rất giản dị, hòa đồng. Tiếp

thu truyền thống quê hương và học tập những tấm gương yêu nước của các thầy, cô giáo ở Trường Tiểu học Cao Xuân Dục, đồng chí sớm lựa chọn bước vào con đường đầy gian khổ, chông gai, nhưng cũng hết sức vẻ vang, cao đẹp - con đường làm cách mạng cứu nước, giải phóng dân tộc. Vượt lên mọi khó khăn, đồng chí nỗ lực hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ tổ chức giao và nhanh chóng trở thành một cán bộ nòng cốt.

Trong cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng chí trăn trở trước tình hình chia rẽ giữa các tổ chức cách mạng và thắng thắn nêu quan điểm: “Nhân dân Việt Nam bị thực dân Pháp áp bức, bóc lột, tại sao không đoàn kết để đánh đổ nó đi mà chúng ta lại chia rẽ đảng phái!”¹.

Sau ngày Đảng ra đời, dù phải xa quê hương sang Hồng Kông thực hiện nhiệm vụ mới, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đã tuyệt đối chấp hành sự phân công của tổ chức và nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Bị chính quyền Anh ở Hồng Kông bắt giam và giao cho chính quyền Quốc dân Đảng ở Quảng Đông thẩm vấn, giam giữ, đồng chí vẫn giữ vững tinh thần cách mạng kiên trung. Bị mất liên lạc với tổ chức đảng sau khi ra tù, phải đổi mặt với bao khó khăn, thách thức nơi đất khách quê người, nhưng đồng chí vẫn kiên trì tìm bắt được liên lạc với tổ chức đảng.

Sau khi học xong khóa ngắn hạn tại Đại học Phuơng Đông, dẫu biết kẻ thù đang lùng bắt, hiểm nguy đang rình

1. *Những người cộng sản trên quê hương Nghệ Tĩnh*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Tỉnh ủy Nghệ Tĩnh xuất bản, 1978, t.1, tr.174.

rập, nhưng đồng chí vẫn thu xếp công việc để nhanh chóng trở về nước sát cánh cùng đồng chí, đồng bào trong cuộc đấu tranh cách mạng. Những năm tháng hoạt động cách mạng ở Nam Kỳ, đồng chí luôn đi sát cơ sở, gắn bó mật thiết với nhân dân, yêu thương và quý trọng nhân dân.

Bị thực dân Pháp bắt và dùng mọi thủ đoạn từ dụ dỗ đến sử dụng những ngón đòn tra tấn hết sức dã man, tàn bạo, bị tra tấn chết đi sống lại nhiều lần, nhưng đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai vẫn giữ vững ý chí và khí tiết của người chiến sĩ cộng sản, nêu cao tinh thần bất khuất trước kẻ thù, không ngừng động viên các chiến sĩ đang bị giam cầm về niềm tin sắt son vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng, góp phần biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng.

Trước sự hung bạo của kẻ thù, đồng chí viết lên tường nhà giam những vần thơ đầy nhiệt huyết:

“Dù đánh, dù treo, càng cương quyết,
Dù kìm, dù kẹp, chẳng sai lời.
Hy sinh phấn đấu vì nhiệm vụ,
Triệt để thực hành chết mới thôi”¹.

Trước lời buộc tội của Tòa án thực dân, đồng chí tuyên bố đanh thép: “Nước của tôi, cứu nước là có tội, cướp nước mà không có tội sao?”². Cho đến lúc hy sinh, đồng chí

1. Dẫn theo Nguyệt Tú: *Áo trắng trước pháp trường*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.148.

2. Dẫn theo Nguyễn Thế Kỷ: “Nguyễn Thị Minh Khai, người con ưu tú của quê hương Nghệ An”, in trong sách *Nguyễn Thị Minh Khai - Nữ chiến sĩ cộng sản kiên trung, bất khuất*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.26.

Nguyễn Thị Minh Khai vẫn nêu cao tinh thần kiên trung, bất khuất. Đồng chí ngã xuống, nhưng tấm gương của người nữ đảng viên cộng sản vẫn mãi ngời sáng trong lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc và trở thành một biểu tượng cao đẹp cho tinh thần, khí phách của dân tộc Việt Nam.

Kiên cường, bất khuất trước kẻ thù, nhưng đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai luôn dành tình yêu thương hết mực cho đồng chí, đồng bào và đặc biệt là người chồng yêu dấu Lê Hồng Phong. Trong điều kiện hoạt động bí mật, hai vợ chồng Nguyễn Thị Minh Khai và Lê Hồng Phong không thể ở bên nhau thường xuyên, nhưng vẫn rạng ngời hạnh phúc vì đều phấn đấu cho lý tưởng và hạnh phúc chung của cả dân tộc. Hạnh phúc đó của hai vợ chồng đã được đơm hoa kết trái với sự ra đời của người con Lê Nguyễn Hồng Minh. Đồng chí đã nén lòng vì phải sớm xa con để tiếp tục hoạt động cách mạng và vượt qua nỗi đau khi biết tin chồng bị địch bắt. Tình yêu và sự hy sinh cao đẹp của hai vợ chồng Nguyễn Thị Minh Khai và Lê Hồng Phong là điển hình của một gia đình cách mạng tiêu biểu, đặt lợi ích của dân tộc, của cách mạng lên trên hết và trước hết, đặt hạnh phúc riêng trong hạnh phúc chung của dân tộc.

Những ngày trong xà lim án tử hình, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai cũng dành tình cảm hiếu kính và thương yêu đối với các bậc sinh thành và các em; đồng thời khẳng định tấm lòng trong sáng, trung hiếu, nhân ái của người con đã lựa chọn sự nghiệp cách mạng cứu nước, cứu dân làm lẽ sống.

3. Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai - người con ưu tú của quê hương Nghệ An

Thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An, một vùng đất giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, là nơi đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đã sinh ra và lớn lên, được tiếp nhận từ những thầy cô giáo ở Trường Tiểu học Cao Xuân Dục lòng yêu nước, yêu thương đồng bào và ý chí đấu tranh chống lại chế độ thống trị của thực dân Pháp và tay sai.

Nghệ An cũng ghi dấu nơi đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai, từ một nữ sinh yêu nước nhiệt huyết, thông qua thực tiễn hoạt động cách mạng trên địa bàn thành phố Vinh và một số vùng phụ cận, đã trở thành một chiến sĩ cộng sản ưu tú trong thời kỳ đầu xây dựng Đảng. Hoạt động cách mạng của đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đã góp phần quan trọng vào việc gây dựng cơ sở cách mạng và đào tạo những cán bộ nòng cốt cho phong trào cách mạng và tổ chức đảng tỉnh Nghệ An.

Những ngày bị thực dân Pháp bắt giam, trước lúc hy sinh, đồng chí luôn đau đớn về quê hương xứ Nghệ, nơi đã được sinh ra và lớn lên; nơi có cha mẹ và các em thân yêu đang sinh sống, cũng là quê hương của người chồng yêu dấu Lê Hồng Phong.

Không gian văn hóa xứ Nghệ đã ươm trồng và bồi đắp nên nhân cách cao đẹp của đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai, với lòng yêu nước nồng nàn, thương yêu nhân dân sâu sắc, ý chí cách mạng kiên cường và tinh thần quả cảm, bất khuất trước các thế lực áp bức, cường quyền. Cuộc đời cách mạng

hết sức oanh liệt với những cống hiến to lớn của đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc đã tô thắm thêm những trang sử hào hùng và truyền thống vẻ vang của quê hương xứ Nghệ.

Phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương xứ Nghệ, học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và tấm gương của nhiều chiến sĩ cách mạng ưu tú, trong đó có đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai, những năm qua, Đảng bộ và nhân dân Nghệ An đã nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, đạt được nhiều thành tích quan trọng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; tiếp tục phấn đấu thi đua lập nhiều thành tích thiết thực chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Tấm gương cách mạng kiên trung, bất khuất, suốt đời phấn đấu, hy sinh vì độc lập của Tổ quốc, vì tự do và hạnh phúc của nhân dân của đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai - người con ưu tú của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nghệ An, sẽ sống mãi cùng với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc Việt Nam, sống mãi cùng những truyền thống vẻ vang, hào hùng của quê hương Xứ Nghệ.

ĐỒNG CHÍ NGUYỄN ĐỨC CẢNH - NHÀ LÃNH ĐẠO TIỀN BỐI TIÊU BIỂU CỦA ĐẢNG VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM NGƯỜI CỘNG SẢN KIÊN TRUNG, MẪU MỤC*

1. Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh - Nhà lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam

Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh sinh ra tại làng Diêm Điền, tổng Hổ Đội, huyện Thụy Anh (nay là thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình), trong một gia đình nhà Nho nghèo, có truyền thống yêu nước. Sớm giác ngộ cách mạng, đồng chí tham gia phong trào yêu nước từ những năm 1925-1926, khi còn là học sinh trường Thành Chung Nam Định. Cuối năm 1926, Nguyễn Đức Cảnh đã tham gia nhóm Nam Đồng thư xã - một tổ chức của những người yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Cuối năm 1927, sau khi được tham dự khóa huấn luyện cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại

* Phát biểu tại Hội thảo khoa học “Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh với cách mạng Việt Nam và quê hương Thái Bình” tổ chức ngày 01/02/2018 tại Thái Bình; bài đăng trên Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 327 (2/2018); Tạp chí *Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, 2018; có chỉnh sửa.

Trung Quốc, Nguyễn Đức Cảnh nhận thấy đường lối của Hội phù hợp với yêu cầu của cách mạng Việt Nam. Chính vì vậy, đồng chí đã xin gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và trở về nước hoạt động cách mạng. Đây là bước ngoặt quyết định trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Đức Cảnh.

Đầu năm 1928, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh được cử vào Kỳ bộ Thanh niên Bắc Kỳ, trực tiếp làm Bí thư Tỉnh bộ Hải Phòng. Tháng 9/1928, tại Hội nghị Kỳ bộ Thanh niên Bắc Kỳ, đồng chí và đồng chí Ngô Gia Tự đã tích cực đề nghị hội nghị thông qua chủ trương đưa các hội viên đi “vô sản hóa” để thâm nhập sâu rộng vào phong trào công nhân. Chủ trương “vô sản hóa” đã thúc đẩy phong trào công nhân phát triển vượt bậc về mọi mặt.

Sang năm 1929, sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân, nông dân đặt ra nhu cầu phải có một tổ chức chính trị cao hơn, chặt chẽ hơn để lãnh đạo phong trào cách mạng: một chính đảng cộng sản. Chính vì thế, tháng 3/1929, tại số nhà 5D, phố Hàm Long (Hà Nội), Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam được thành lập gồm 8 đảng viên, trong đó có Nguyễn Đức Cảnh. Ngay sau khi thành lập Chi bộ, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh và các đồng chí trong Chi bộ tích cực chuẩn bị thành lập một chính đảng mácxít - leninít chân chính ở Việt Nam.

Ngày 17/6/1929, tại số nhà 312, phố Khâm Thiên (Hà Nội), đại biểu Kỳ bộ Thanh niên Bắc Kỳ họp Đại hội quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng, thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ của Đảng, quyết định xuất bản báo

Búa liềm - cơ quan ngôn luận của Đảng, cử ra Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng. Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh được bầu làm Ủy viên Trung ương lâm thời của Đông Dương Cộng sản Đảng.

Từ cuối tháng 6 đến tháng 7/1929, ở Hải Phòng, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh đã tích cực tuyển lựa những hội viên thanh niên tiên tiến để kết nạp vào Đông Dương Cộng sản Đảng. Tháng 8/1929, Đảng bộ Đông Dương Cộng sản Đảng Hải Phòng được thành lập. Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời do đồng chí Nguyễn Đức Cảnh là Bí thư.

Đầu năm 1930, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh và đồng chí Trịnh Đình Cửu đại diện cho Đông Dương Cộng sản Đảng tham dự Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam (ở Trung Quốc), dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đánh dấu bước ngoặt trọng đại của lịch sử cách mạng Việt Nam. Đó là thành quả của những nỗ lực không mệt mỏi của những người cộng sản Việt Nam, dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Trong đó, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh là một trong những thành viên tham gia sáng lập Đảng.

Sau Hội nghị thành lập Đảng, các đại biểu về nước. Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh khẩn trương thực hiện chủ trương của Hội nghị thành lập Đảng, chuyển Đảng bộ Đông Dương Cộng sản Đảng Hải Phòng thành Đảng bộ trực thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 4/1930) do đồng chí làm Bí thư.

Để tăng cường cán bộ lãnh đạo cho cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh, cuối tháng 10/1930, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh được

Trung ương Đảng cử vào Trung Kỳ. Xứ ủy Trung Kỳ được thành lập (tháng 12/1930) gồm 5 đồng chí Nguyễn Phong Sắc, Lê Mao, Nguyễn Đức Cảnh,...; đồng chí Nguyễn Đức Cảnh là Ủy viên Ban Thường vụ Xứ ủy, trực tiếp phụ trách công tác tuyên huấn.

Tháng 4/1931, đồng chí bị địch bắt, rồi bị kết án tử hình. Bất lực trước tinh thần bất khuất, ý chí cách mạng kiên trung của Nguyễn Đức Cảnh, sáng ngày 31/7/1932, thực dân Pháp đã tử hình đồng chí trước cửa Đề lao Hải Phòng.

Cuộc đời đồng chí Nguyễn Đức Cảnh tuy ngắn ngủi, nhưng những cống hiến của đồng chí cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc Việt Nam rất to lớn. Đồng chí không chỉ là một nhà lãnh đạo tiền bối tiêu biểu, mà còn là một trong những nhà lãnh đạo xuất sắc thời dựng Đảng.

2. Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh - Nhà lãnh đạo xuất sắc của phong trào công nhân và công đoàn Việt Nam

Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh đặc biệt chú trọng đến giai cấp công nhân, thông qua nhiều hình thức phong phú để vận động, tổ chức, lãnh đạo công nhân đấu tranh. Năm 1928, Nguyễn Đức Cảnh được cử vào Kỳ bộ Bắc Kỳ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, trực tiếp phụ trách Hải Phòng và vùng mỏ Đông Bắc. Lúc này, ở Hải Phòng, trong công nhân mới chỉ bí mật phát triển các tổ chức: Ái hữu, Tương tế, Đồng hương, Kiếm việc làm... Nguyễn Đức Cảnh đã xung phong đi “vô sản hóa” để có điều kiện gần gũi anh, chị em công nhân. Đồng chí làm thợ quai búa ở Nhà máy Carông, rồi làm phu khuân vác ở bến cảng, thực sự hòa mình với công nhân, học

tập được ở họ nhiều đức tính quý báu, đồng thời, cũng giác ngộ cách mạng cho họ, gây dựng, củng cố một số cơ sở công hội và trực tiếp lãnh đạo công nhân đấu tranh.

Chủ trương “vô sản hóa” là một biện pháp sàng lọc, thử thách và tẩy luyện có hiệu quả đối với các hội viên thanh niên; đồng thời giúp truyền bá sâu rộng hơn lý luận Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Nhiều cán bộ của Đảng đã trưởng thành và trở thành hạt nhân lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng, trong đó, tiêu biểu là đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Tổng Bí thư của Đảng thời kỳ 1938-1940; đồng chí Hạ Bá Cang (Hoàng Quốc Việt), Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương lâm thời khi Đảng mới ra đời, một trong những đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng sau này. Kết quả đó có sự đóng góp tích cực của đồng chí Nguyễn Đức Cảnh.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân, thực hiện chủ trương của Đông Dương Cộng sản Đảng về công tác công vận, ngày 28/7/1929, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh triệu tập Đại hội đại biểu công nhân các tỉnh ở Bắc Kỳ tại số 15, phố Hàng Nón (Hà Nội). Đại hội đã quyết định thành lập Tổng Công hội đở Bắc Kỳ, xuất bản báo *Lao động* và tạp chí *Công hội đở* làm cơ quan tuyên truyền của Công hội. Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh làm Hội trưởng lâm thời, trực tiếp phụ trách cả báo và tạp chí. Đồng chí đã viết nhiều bài đăng trên báo *Lao động* và tạp chí *Công hội đở* để tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn công nhân đấu tranh. Trong thời gian đi “vô sản hóa”, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh đã viết tập

tài liệu “Tổ chức Công hội như thế nào”, là nền tảng lý luận giúp các hội viên Công hội nắm được phương pháp, hình thức và nội dung để phát triển tổ chức.

Sau Hội nghị thành lập Tổng Công hội đở Bắc Kỳ, tháng 8/1929, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh chủ trì Hội nghị đại biểu Tổng Công hội Hải Phòng để bầu Ban Chấp hành, thống nhất sự lãnh đạo tổ chức Công hội đở toàn thành phố. Ngay sau hội nghị, Tổng Công hội Hải Phòng đã trực tiếp lãnh đạo nhiều cuộc đấu tranh lớn, điển hình như cuộc bãi công của công nhân hăng dầu Pháp - Á; công nhân Nhà máy Xi măng Hải Phòng, công nhân Xưởng cơ khí Carông, v.v..

Nhận thức đúng đắn về vai trò của giai cấp công nhân và phong trào công nhân, trong quá trình công tác, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh rất quan tâm đến việc bồi dưỡng, đào tạo cán bộ công vận. Nhiều cán bộ do đồng chí bồi dưỡng, đào tạo, sau này đã trở thành những cán bộ xuất sắc của Đảng, của phong trào công nhân.

3. Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh - Người học trò xuất sắc của lãnh tụ Hồ Chí Minh, tấm gương đạo đức cách mạng cao đẹp, trong sáng

Tuy không có điều kiện được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp giảng dạy, nhưng tư tưởng, quan điểm của Người qua tác phẩm *Đường Cách mệnh* và các sách báo cách mạng khác đã giác ngộ lý tưởng cách mạng của đồng chí Nguyễn Đức Cảnh. Tin tưởng tuyệt đối vào con đường cách mạng mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam lựa

chọn, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh đã phán đau đớn hơi thở cuối cùng cho lý tưởng cộng sản, cho độc lập dân tộc và tự do, hạnh phúc của nhân dân, trở thành tấm gương đạo đức cách mạng cao đẹp, trong sáng cho các thế hệ cán bộ, đảng viên học tập, noi theo.

Đạo đức và phẩm chất cách mạng của đồng chí Nguyễn Đức Cảnh được thể hiện ở sự tuyệt đối trung thành với Đảng, với sự nghiệp cách mạng; ở lòng tin sắt đá vào sự tất thắng của chủ nghĩa cộng sản; tự nguyện phán đau, hy sinh tận tụy, làm việc và hiến dâng cả cuộc đời cho sự nghiệp cách mạng, cho non sông đất nước, phán đau, hy sinh trọng đời vì lý tưởng cách mạng cao đẹp của Đảng và dân tộc. Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh xứng đáng là học trò xuất sắc, người đồng chí của lãnh tụ Hồ Chí Minh vĩ đại.

Cuộc đời cách mạng của đồng chí Nguyễn Đức Cảnh là tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng của một cán bộ lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam. Đồng chí đã sống và chiến đấu một cuộc đời vô cùng cao đẹp và anh dũng hy sinh, nêu tấm gương sáng của một người cộng sản kiên trung, bất khuất. Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Nguyễn Đức Cảnh tuy chỉ trong 7 năm, nhưng đã để lại dấu ấn sâu đậm đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc, của giai cấp công nhân và của Đảng. Lịch sử đã lùi xa, nhưng tấm gương người cộng sản kiên trung, mẫu mực Nguyễn Đức Cảnh vẫn sống mãi trong lòng các thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân cả nước.

Ngày nay, chúng ta nguyện học tập tấm gương, nhân cách đạo đức trong sáng của những người cộng sản kiên trung, mẫu mực, kiên trì vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, ra sức phấn đấu cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

ĐỒNG CHÍ HỒ TÙNG MẬU - NGƯỜI CỘNG SẢN KIÊN TRUNG, MÃU MỰC*

Hồ Tùng Mậu tên thật là Hồ Bá Cự, sinh ngày 15/6/1896, trong một gia đình, gia tộc có truyền thống khoa bảng và yêu nước lâu đời, thuộc “giống dòng xú Nghê, thế phiệt Châu Hoan” tại xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Hồ Tùng Mậu có ông nội là Phó bảng Hồ Bá Ôn, người được vua Tự Đức khen là “nho thần kiệt xuất” (tiết tháo hơn người), làm quan Án sát tỉnh Nam Định và đã anh dũng hy sinh khi thực dân Pháp tấn công thành Nam Định năm 1883. Cha là Hồ Bá Kiện, một nhà nho yêu nước, tham gia Hội Duy Tân, bị bắt giam ở Lao Bảo cùng một số đồng chí định khôi nghĩa phá nhà lao và đã anh dũng hy sinh. Mẹ là Phan Thị Liễu, cũng dòng dõi nho gia và được Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá rất cao.

Chính hoàn cảnh quê hương, gia đình cùng bối cảnh thời đại đã sớm hun đúc nêng ở Hồ Tùng Mậu tinh thần yêu nước,

* Phát biểu tại Hội thảo “Đồng chí Hồ Tùng Mậu với cách mạng Việt Nam và quê hương Nghệ An” tổ chức ngày 14/6/2016 tại Nghệ An; bài đăng trên *Tạp chí Cộng sản*, số 884, tháng 6/2016; in trong cuốn sách: *Đồng chí Hồ Tùng Mậu với cách mạng Việt Nam và quê hương Nghệ An (Kỷ yếu hội thảo)*, Nxb. Lý luận chính trị, 2016; có chỉnh sửa.

căm thù đế quốc. Cuối tháng 4/1920, Hồ Bá Cự từ giã vợ con cùng Lê Văn Phơn (Hồng Sơn), Ngô Quốc Chính sang Xiêm (Thái Lan), sau đó sang Trung Quốc tìm gặp các nhà cách mạng xứ Nghệ. Tại Trung Quốc, ông đã gặp và nhờ Hồ Học Lãm tìm giúp mình nơi học và kiếm sống. Hồ Tùng Mậu đã xin vào học trường điện tín ở Quảng Châu. Trước tình hình hoạt động cách mạng của người Việt ở Quảng Châu bị phân tán mạnh mẽ, nhất là giữa phái già và phái trẻ, năm 1923, Hồ Tùng Mậu đã chủ động cùng Lê Hồng Sơn tập hợp những thanh niên cùng chí hướng lập ra nhóm Tâm Tâm xã (Tân Việt Thanh niên Đoàn). Tháng 11/1924, nhóm Tâm Tâm xã gặp được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Nhờ sự giúp đỡ, giác ngộ của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về phương pháp, con đường cách mạng mới mà Tâm Tâm xã đã có sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức và hành động cách mạng. Tháng 6/1925, Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn đã tích cực giúp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc xây dựng Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, với hạt nhân là Cộng sản Đoàn.

Do những hoạt động tích cực và có tầm ảnh hưởng trong cách mạng Trung Quốc và Việt Nam, chỉ trong hai năm (1927 - 1928), Hồ Tùng Mậu đã bị chính quyền Quốc dân Đảng ở Trung Quốc bắt giam bốn lần, đến cuối Thu năm 1929 ông mới được thả. Tuy phải ở tù, nhưng do tầm ảnh hưởng và uy tín của mình, Hồ Tùng Mậu vẫn được bầu vắng mặt làm Ủy viên Ban Chấp hành Tổng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Đại hội đại biểu lần thứ nhất. Tháng 6/1931, ông lại bị bắt tại Thượng Hải do sự cấu kết của đế quốc Anh - Pháp và bị đưa về giam ở nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội).

Tòa án Nghệ An đã kết án tử hình ông lần thứ hai, nhưng do không đủ chứng cứ, chúng phải sửa xuống thành án tù chung thân. Từ năm 1931 đến năm 1945, Hồ Tùng Mậu bị chuyển qua rất nhiều nhà tù, như Vinh, Lao Bảo, Kon Tum, Buôn Ma Thuột.

Khi Nhật đảo chính Pháp, Hồ Tùng Mậu đã nhanh chóng cùng các tù nhân chính trị tìm cách trốn khỏi cảng an trí Trà Khê (tỉnh Phú Yên), trở về hoạt động tại cơ quan Xứ ủy Trung Kỳ. Sau Cách mạng Tháng Tám, đồng chí được giao nhiều trọng trách: phụ trách Trường Quân chính Nhuệ Bại, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu IV, Ủy viên Thường vụ Liên khu ủy, Tổng Thanh tra Chính phủ... Ở bất kỳ cương vị công tác nào, ông đều hăng hái nhiệt tình và phát động được cán bộ, nhân dân tích cực tham gia. Tại Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (tháng 02/1951), đồng chí Hồ Tùng Mậu được bầu là Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đồng chí là Hội trưởng Hội Việt - Hoa hữu nghị đầu tiên. Ngày 23/7/1951, trên đường đi công tác, đồng chí đã hy sinh do bị máy bay Pháp ném bom. Với những hoạt động không mệt mỏi, đồng chí Hồ Tùng Mậu đã để lại dấu ấn sâu đậm trong lịch sử cách mạng Việt Nam.

Hồ Tùng Mậu - từ một người yêu nước chân chính trở thành người cộng sản

Trước khi gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, hoạt động yêu nước của Hồ Tùng Mậu chịu ảnh hưởng từ nhiều luồng tư tưởng, trước hết là tư tưởng yêu nước của Phan Bội Châu. Thông qua các hoạt động yêu nước, ông đã nhận ra những

hạn chế của luồng tư tưởng này, quyết định thành lập Tâm Tâm xã. Điều này cho thấy sự trưởng thành trong tư duy chính trị của Hồ Tùng Mậu, đồng thời khẳng định ý chí quyết tâm phải tìm ra một đường đi mới phù hợp hơn để tiếp tục phấn đấu và cống hiến cho lý tưởng giải phóng đất nước.

Sự kiện tiếng bom Phạm Hồng Thái nổ ở Sa Diện, Quảng Châu, Trung Quốc (ngày 19/6/1924) nhằm mưu giết Toàn quyền Méc-lanh vừa là khẳng định chủ trương và dấu ấn của Tâm Tâm xã, vừa chứng tỏ sự bế tắc của tể chức này trong việc tìm con đường, phương pháp đấu tranh cách mạng mới. Đúng lúc đó, nhóm Tâm Tâm xã gặp được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc vừa từ Liên Xô tới Trung Quốc (tháng 11/1924). Đây chính là cuộc hội ngộ trong một giai đoạn đầy biến động của lịch sử Việt Nam cận đại. Bởi, qua cuộc gặp gỡ này, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã xây dựng, bồi dưỡng được những thanh niên ưu tú trong Tâm Tâm xã trở thành những người cộng sản kiên trung, những cán bộ cốt cán của Đảng sau này. Ngược lại, Hồ Tùng Mậu và nhóm Tâm Tâm xã nhờ lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc mà xác định được con đường cứu nước đúng đắn cho mình. Đây là bước ngoặt căn bản trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Tùng Mậu và các thành viên khác của Tâm Tâm xã, là kết quả tất yếu của sự giác ngộ ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin.

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã chọn Hồ Tùng Mậu là một trong số năm thành viên đầu tiên của Cộng sản Đoàn, hạt nhân để xúc tiến mở rộng tổ chức cách mạng của người Việt Nam ở Quảng Châu sau này.

Từ khi xác định đi theo con đường cách mạng vô sản, Hồ Tùng Mậu đã tích cực hoạt động trong các tổ chức và có

nhiều cống hiến cho cách mạng Việt Nam, như làm đầu mối liên lạc giữa Tổng bộ Thanh niên ở Quảng Châu với các cơ sở cách mạng trong nước, giúp Nguyễn Ái Quốc tổ chức và giảng dạy các lớp huấn luyện ở Quảng Châu, củng cố, phát triển Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức...

Sau Đại hội tháng 5/1929, bàn về việc thành lập Đảng nhưng không thành, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên bị phân liệt, dẫn tới sự hình thành các tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng. Đứng trước nguy cơ phong trào cách mạng bị phân tán, Hồ Tùng Mậu cùng Lê Hồng Sơn, *một mặt*, tìm cách thuyết phục hai tổ chức thống nhất lại; *mặt khác*, cử Lê Duy Điểm sang Xiêm báo cáo tình hình cụ thể với lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc để xin ý kiến chỉ đạo của Người. Sau khi nhận báo cáo, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã chủ động rời khỏi Xiêm và triệu tập cuộc họp thống nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930. Hồ Tùng Mậu tham gia Hội nghị với tư cách người giúp việc và đã góp phần không nhỏ vào thành công của Hội nghị này.

Như vậy, từ một người yêu nước, trải qua bao hiểm nguy, thử thách, Hồ Tùng Mậu đã trở thành người cộng sản, hết lòng đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và tự do, hạnh phúc của nhân dân.

Những phẩm chất và cống hiến nổi bật của Hồ Tùng Mậu cho Đảng và cách mạng Việt Nam

Đồng chí Hồ Tùng Mậu là nhà lãnh đạo tiền bối tiêu biểu, có những cống hiến to lớn cho Đảng và cách mạng Việt Nam.

Người cộng sản kiên trung, bất khuất

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng oanh liệt và đầy nguy hiểm vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, đồng chí Hồ Tùng Mậu đã bị địch bắt nhiều lần cả ở trong nước và nước ngoài, với hơn 14 năm (từ năm 1931 đến năm 1945) bị giam cầm dưới chế độ nhà tù hà khắc và tàn bạo của kẻ thù, hai lần bị tuyên án tử hình. Nhưng, “ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”, Hồ Tùng Mậu vượt qua tất cả mọi thủ đoạn đàn áp, mua chuộc, dụ dỗ của mật thám và chế độ hà khắc của nhà tù. Đồng chí đã nêu một tấm gương sáng ngời về ý chí kiên cường, bất khuất, một lòng trung kiên với lý tưởng cách mạng của Đảng.

Năm 1941, Hồ Tùng Mậu mãn hạn tù. Nhưng, trước khi trả tự do cho đồng chí, Chánh Thanh tra mật thám Pháp ở Vinh là Ambe đã dẫn vợ con Hồ Tùng Mậu vào nhà lao hòng dụ dỗ đồng chí bỏ cách mạng và đi Pháp. Nhưng Hồ Tùng Mậu đã dứt khoát từ chối. Cũng vì sự cự tuyệt đó mà chính quyền thực dân lại đưa Hồ Tùng Mậu đi an trí ở “cảng” Trà Khê (tỉnh Phú Yên).

Ngày 09/3/1945, lợi dụng Nhật đảo chính hất cẳng Pháp ở Đông Dương, Hồ Tùng Mậu và các đồng chí đã nhanh chóng tìm cách thoát khỏi “cảng” an trí, tiếp tục hoạt động cách mạng. Nhưng, ý chí và lý tưởng cách mạng của đồng chí Hồ Tùng Mậu lại một lần nữa bị thử thách khi vừa ra tù được ít ngày thì các phe phái, thế lực chính trị đã tìm cách mua chuộc, lôi kéo. Chính phủ Trần Trọng Kim đã viết thư mời Hồ Tùng Mậu vào Huế làm cố vấn, nhưng đồng chí đã kiên quyết từ chối.

Người luôn nhạy bén với tình thế

Việc chuyển từ chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi tư tưởng yêu nước của Phan Bội Châu sang thành lập tổ chức Tâm Tâm xã bước đầu cho thấy sự nhạy bén với tình thế cách mạng mới của Hồ Tùng Mậu.

Khi mật thám Pháp bắt giam Phan Bội Châu (ngày 11/5/1925) ở ga bắc Thượng Hải, rồi bí mật đưa về Hà Nội giam tại nhà lao Hỏa Lò, Hồ Tùng Mậu đã nhanh chóng viết một bài báo ký tên Hồ Mộng Tống, tố cáo âm mưu hãm hại cụ Phan của thực dân Pháp trên báo chí Trung Hoa, kêu gọi các nhân sĩ và các tổ chức tiến bộ lên tiếng đấu tranh, bảo vệ nhà yêu nước Việt Nam Phan Bội Châu. Bài báo của Hồ Tùng Mậu là phát súng lệnh mở đầu một phong trào đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu, làm phá sản âm mưu của thực dân Pháp.

Năm 1929, Hồ Tùng Mậu đã nhạy bén nhận rõ nguy cơ chia rẽ giữa những nhóm cộng sản Việt Nam và tích cực, khôn khéo thuyết phục, đấu tranh nhằm loại trừ nguy cơ đó. Nhờ sự phối hợp thông báo của Hồ Tùng Mậu mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã kịp thời tổ chức Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam đang phân tán thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sau khi hay tin lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc bị bắt, ngay trong ngày 06/6/1931, Hồ Tùng Mậu đã chủ động gấp, phối hợp với các đồng chí đại diện của Quốc tế Cứu tế đỏ, đại diện của Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản, chủ động tìm tới nhà nhờ luật sư Phrăngxít Hăngry Lôđobby bào chữa, giải cứu cho lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Nhờ sự bào chữa khôn khéo, lập luận

sắc bén, đấu tranh kiên quyết của luật sư Lôdơby mà chính quyền thực dân Anh phải chấp nhận thả lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Người cán bộ tổ chức tài năng

Ngay khi bắt đầu hoạt động cách mạng, Hồ Tùng Mậu đã thể hiện là người có tài tổ chức. Hồ Tùng Mậu là người chấp mối nhiều đường dây liên lạc, gây dựng nhiều cơ sở tổ chức cho Việt Nam Quang phục Hội, Tâm Tâm xã. Hồ Tùng Mậu cũng là trợ thủ đắc lực của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong việc tổ chức các lớp huấn luyện cán bộ ở Quảng Châu những năm 1925 - 1927.

Tài năng tổ chức của Hồ Tùng Mậu còn in dấu ấn sâu sắc trong hai hội nghị lớn của Đảng: Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (từ ngày 06/01 đến ngày 07/02/1930) và Hội nghị Trung ương tháng 10/1930. Cả hai Hội nghị đều diễn ra thuận lợi và an toàn.

Trong chốn lao tù, Hồ Tùng Mậu cũng có cách làm tổ chức rất riêng, nhằm tập hợp, đoàn kết anh em, khéo léo tận dụng sáng tạo hoàn cảnh trong tù để nâng cao trình độ, nhận thức và đấu tranh chống kẻ thù. Hồ Tùng Mậu chủ trương đấu tranh trong tù không nên quá “tả”, dễ bị kẻ thù lợi dụng đòn áp, đồng thời cũng cương quyết và khôn khéo, tránh mắc mưu khiêu khích của chúng.

Khi được lãnh tụ Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ lãnh đạo quân sự và chính trị trên địa bàn xung yếu Chiến khu IV cùng Lê Thiết Hùng, Chính ủy khu Hồ Tùng Mậu đã nhanh chóng hình thành tổ chức đảng trong Chiến khu bộ, hình thành hệ thống công tác chính trị, tư tưởng trong lực lượng

vũ trang. Khi làm Giám đốc, kiêm Chính ủy của Trường Quân chính khu IV, Hồ Tùng Mậu cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình, cung cấp hàng trăm cán bộ chỉ huy và chính ủy viên cấp đại đội tiểu đoàn cho lực lượng Vệ quốc đoàn Quân khu IV và cho các đoàn quân Nam tiến, được Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá rất cao.

Khi làm Tổng Thanh tra Chính phủ (năm 1949), đồng chí Hồ Tùng Mậu đã tổ chức lãnh đạo cơ quan thanh tra của Chính phủ hoạt động hiệu quả ngay từ những ngày đầu mới thành lập. Có thể nói, đồng chí Hồ Tùng Mậu chính là một trong những người đặt nền móng cho ngành thanh tra Việt Nam.

Một tấm gương đạo đức trong sáng, cao đẹp

Mặc dù bị giam cầm, chịu đựng nhiều gian khổ, Hồ Tùng Mậu vẫn bền bỉ giữ vững khí tiết của người cộng sản; là trung tâm đoàn kết anh em tù chính trị; cùng các đồng chí của mình biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng, kiên trì đấu tranh chống lại những âm mưu xảo quyệt của kẻ thù.

Khi được cử giữ chức Tổng Thanh tra Chính phủ, cương vị rất cần đến phẩm chất đạo đức thanh liêm, trung thành, trung thực, “phụng công, thủ pháp”, Hồ Tùng Mậu đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, thể hiện rõ mình là một tấm gương sáng ngời, đầy kiên định và bản lĩnh.

Hồ Tùng Mậu - người học trò, cộng sự gần gũi, đắc lực và tin cậy của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Hồ Tùng Mậu vừa là học trò, vừa là đồng chí, vừa là “người em thân thiết” và trên hết, Hồ Tùng Mậu còn là người cộng sự đắc lực và tin cậy của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Năm 1925, Hồ Tùng Mậu tham gia tổ chức Cộng sản Đoàn do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập. Trên cơ sở Cộng sản Đoàn làm hạt nhân, tháng 6/1925, với sự cộng tác đắc lực của các đồng chí: Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Sự thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là bước chuẩn bị có ý nghĩa quyết định đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vào tháng 02/1930.

Cuối năm 1925, Hồ Tùng Mậu về Hải Phòng lập ra *Huệ quán thư điếm* làm đầu mối liên lạc giữa Tổng bộ Thanh niên ở Quảng Châu với các cơ sở cách mạng trong nước. Khi trở lại Quảng Châu, Hồ Tùng Mậu đã trợ giúp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tổ chức và giảng dạy các lớp huấn luyện, thành lập Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á châu (ngày 09/7/1925).

Tháng 6/1926, Hồ Tùng Mậu được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc phân công sang Trại Cày ở Bản Thầm, Phì Chịt (miền Trung Thái Lan) để xây dựng cơ sở Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Tại đây, Hồ Tùng Mậu đã vận động và thành lập chi bộ đầu tiên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên trong Việt kiều ở Phì Chịt, lúc đó gọi là “Đệ nhất chi bộ” và xây dựng những trạm giao liên đóng vai trò như những trạm trung chuyển giữa Quảng Châu (Trung Quốc) và trong nước, thiết lập đường dây liên lạc từ Tổng bộ qua Thái Lan về Nghệ An.

Trong sự kiện lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc bị bắt giam ở Hồng Kông, Hồ Tùng Mậu là người có công lớn trong việc chấp nổi, liên hệ, tìm cách giúp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thoát khỏi nhà tù đế quốc, trở về với cách mạng Việt Nam.

Sau Cách mạng Tháng Tám, đồng chí được giao nhiều trọng trách. Ở bất kỳ cương vị công tác nào, đồng chí cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, xứng đáng là người học trò, người cộng sự gần gũi và tin cậy của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Với 55 tuổi đời, hơn 30 năm hoạt động cách mạng sôi nổi, đầy gian khổ, đồng chí Hồ Tùng Mậu đã trở thành một trong những chiến sĩ cộng sản tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam: Cuộc đời và sự nghiệp vẻ vang của đồng chí luôn nhắc nhở mỗi cán bộ, đảng viên hôm nay phải nêu cao ý chí cách mạng, tự giác phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của người cộng sản, kiên trì học tập, nâng cao trình độ nhận thức, tích cực hoạt động thực tiễn, đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng và của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì sự nghiệp vẻ vang của dân tộc; thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đưa sự nghiệp vĩ đại của Đảng và của nhân dân ta đến thắng lợi hoàn toàn.

ĐỒNG CHÍ NGUYỄN CHÍ DIỄU VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM VÀ QUÊ HƯƠNG THỪA THIÊN HUẾ*

Dồng chí Nguyễn Chí Diểu sinh ra trong một gia đình nhà Nho tại làng Thanh Tiên, xã Phú Mậu, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tham gia phong trào đấu tranh yêu nước và hoạt động cách mạng từ rất sớm, đảm nhận những trọng trách lớn và khó khăn trong thời kỳ cách mạng và Đảng ta còn non trẻ, đồng chí xứng đáng là nhà lãnh đạo tiên bối tiêu biểu của Đảng, người con ưu tú của dân tộc Việt Nam và quê hương Thừa Thiên Huế. Ra đi lúc chỉ mới 31 tuổi đời, song những tháng năm hoạt động của đồng chí mãi mãi là nét son trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Đạo đức và phẩm chất cách mạng của đồng chí mãi mãi là tấm gương ngời sáng cho các thế hệ mai sau noi theo, học tập.

Thứ nhất, đồng chí Nguyễn Chí Diểu - nhà lãnh đạo tiên bối, đảng viên lớp đầu, người đã góp phần quan trọng đưa Tân Việt Cách mạng Đảng từ một tổ chức yêu nước thành một tổ chức tiên thân của Đảng Cộng sản Việt Nam

Sinh ra và lớn lên nơi quê hương giàu truyền thống yêu

* Phát biểu tại Hội thảo khoa học “Đồng chí Nguyễn Chí Diểu với cách mạng Việt Nam và quê hương Thừa Thiên Huế” tổ chức ngày 08/11/2018 tại Thừa Thiên Huế; có chỉnh sửa.

nước cách mạng, đồng chí Nguyễn Chí Diểu đã sớm liên hệ và chịu ảnh hưởng tư tưởng đấu tranh yêu nước của các sĩ phu đương thời, như các cụ Võ Liêm Sơn, Huỳnh Thúc Kháng và những người lãnh đạo của tổ chức *Tân Việt Cách mạng Đảng* như: Đào Duy Anh, Trần Mộng Bạch, Lê Duy Điểm, v.v.. Ngay từ khi còn học ở Trường Quốc học Huế (1925-1927), đồng chí đã tham gia các hoạt động bãi khóa của học sinh, đòi chính quyền thực dân trả tự do cho cụ Phan Bội Châu; đòi được để tang cụ Phan Châu Trinh, v.v. gây nhiều tiếng vang lớn khiến chính quyền thực dân lo ngại. Năm 1927, đồng chí Nguyễn Chí Diểu được kết nạp vào *Tân Việt Cách mạng Đảng*, lúc bấy giờ có tên là Việt Nam Cách mạng Đảng. Năm 1928, tại Đại hội của tổ chức *Tân Việt Cách mạng Đảng*, đồng chí được bầu làm Ủy viên Kỳ bộ Tân Việt ở Trung Kỳ. Cuối năm 1929, theo sự phân công của tổ chức, đồng chí vào Nam Kỳ, tham gia Kỳ bộ Tân Việt ở Sài Gòn.

Trong chủ trương và đường lối hoạt động của mình, Tân Việt Cách mạng Đảng chịu nhiều ảnh hưởng của Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội. Cùng với một số thành viên cốt cán mang tư tưởng tiên tiến của Tân Việt, đồng chí Nguyễn Chí Diểu đã sớm hướng theo ngọn cờ “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội” do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tìm ra và lựa chọn cho con đường cách mạng Việt Nam. Từ đó, các đồng chí đã trở thành những hạt nhân vận động, hướng Tân Việt, sau nhiều thăng trầm và thay đổi, đi theo lý tưởng cộng sản và con đường cách mạng vô sản vì mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng những người cần lao và giải

phóng giai cấp. Vượt trên những rào cản và khác biệt về nhận thức vì thắng lợi của sự nghiệp cách mạng Việt Nam, đồng chí Nguyễn Chí Diểu đã đóng góp tích cực vào quá trình phát triển của Tân Việt Cách mạng Đảng, chuyển biến Tân Việt từ một tổ chức yêu nước, cách mạng đầu tiên ở Trung Kỳ trở thành một tổ chức cộng sản - Đông Dương Cộng sản Liên đoàn - một trong ba tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều đó càng cho thấy, Đảng ra đời là một mốc son chói lọi, đánh dấu bước ngoặt lịch sử vĩ đại của phong trào cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự phát triển, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin trong phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XX.

Thứ hai, đồng chí Nguyễn Chí Diểu là người tham gia tái lập Xứ ủy, tích cực và sáng tạo lãnh đạo cao trào đấu tranh dân chủ (1936-1939) ở Trung Kỳ

Khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, đồng chí Nguyễn Chí Diểu trở thành đảng viên của Đảng và được phân công làm Bí thư Tỉnh ủy Gia Định. Tháng 10/1930, đồng chí bị chính quyền thực dân Pháp bắt và bị giam giữ ở Khám Lớn Sài Gòn. Năm 1933, tòa án thực dân kết án đồng chí mức khổ sai chung thân, rồi đày ra Côn Đảo. Nửa cuối năm 1936, sau khi Mặt trận Nhân dân lên nắm quyền ở Pháp, cùng với nhiều tù chính trị, đồng chí Nguyễn Chí Diểu được trả tự do và trở lại hoạt động cách mạng.

Cuối năm 1936, đồng chí Nguyễn Chí Diểu cùng một số cán bộ trung kiên của Đảng xúc tiến việc tái lập Xứ ủy lâm

thời Trung Kỳ. Ngày 20/3/1937, Hội nghị cán bộ các tỉnh ở Trung Kỳ được triệu tập, ra quyết định thành lập Xứ ủy lâm thời Trung Kỳ do đồng chí Nguyễn Chí Diểu làm Bí thư, các đồng chí Lê Duẩn và Phan Đăng Lưu làm Ủy viên Thường vụ Xứ ủy lâm thời¹.

Ngày 27/3/1937, Nguyễn Chí Diểu và các đồng chí trong Xứ ủy Trung Kỳ đã chỉ đạo tổ chức thành công *Đại hội báo chí Trung Kỳ*, tạo ra sự kiện nổi bật trong phong cách đấu tranh cách mạng ở Trung Kỳ. Trên đà thắng lợi đó, mặt trận đấu tranh công khai ở Trung Kỳ được hình thành; vai trò của báo chí cách mạng được phát huy cao độ. Cùng thời gian đó, đồng chí Nguyễn Chí Diểu cùng với các đồng chí Phan Đăng Lưu, Trần Công Khanh, v.v. chỉ đạo việc tham gia hoạt động nghị trường, giành thắng lợi to lớn trong cuộc tranh cử vào *Viện Dân biểu Trung Kỳ* khóa III (1937-1940), gây tiếng vang lớn, góp phần thúc đẩy cao trào đấu tranh dân chủ ở Trung Kỳ phát triển lên một bước mới.

Tháng 9/1937, đồng chí Nguyễn Chí Diểu đại diện cho Xứ ủy Trung Kỳ đi dự Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (mở rộng) và trình bày *Báo cáo về tình hình thế giới và trong nước*. Hội nghị đã bầu đồng chí làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu làm Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng. Sau Hội nghị, trở về Huế, đồng chí chỉ đạo triển khai Nghị quyết của Đảng một cách rộng khắp và hiệu quả ở các tỉnh

1. Chương trình viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước: *Lê Duẩn - Tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.101.

Trung Kỳ. Dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Trung Kỳ, nhiều biện pháp đấu tranh, phương pháp hoạt động mới phù hợp với thực tiễn tình hình cách mạng thời kỳ này đã được triển khai thực hiện.

Trên tinh thần vận dụng linh hoạt, sáng tạo Nghị quyết Đại hội VII Quốc tế Cộng sản vào điều kiện cụ thể, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, Xứ ủy Trung Kỳ tổ chức phát động phong trào đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ và hòa bình, chống bọn phản động thuộc địa câu kết với chủ nghĩa phát xít gây chiến tranh thế giới. Trên cương vị Bí thư Xứ ủy, đồng chí Nguyễn Chí Diểu chỉ đạo và trực tiếp tham gia nhiều hoạt động tuyên truyền, vận động, xây dựng các tổ chức quần chúng, các ủy ban hành động, Hội ái hữu (trong công nhân) ở nội đô Huế, Hội tương tế, Hội hiếu, Hội hỷ... (chủ yếu trong nông dân) ở các vùng lân cận. Việc các hội quần chúng được tổ chức, xây dựng dưới nhiều hình thức, tên gọi khác nhau để tuyên truyền, giác ngộ, biểu dương lực lượng, v.v. đã thể hiện sự sáng tạo, linh hoạt của Xứ ủy Trung Kỳ trong chỉ đạo phong trào cách mạng.

Việc tổ chức phong trào “Đông Dương đại hội” tại Trung Kỳ và mở rộng các hình thức hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp, công khai và bán công khai để phát triển trong phong cách mạng quần chúng tạo nên cao trào đấu tranh dân chủ rộng khắp, sôi nổi ở Trung Kỳ và trong cả nước. Nhiều hình thức tập hợp quần chúng tạo nên cao trào đấu tranh dân chủ rộng khắp, sôi nổi ở Trung Kỳ và trong cả nước. Nhiều hình thức tập hợp quần chúng như thảo luận, đưa nguyện vọng dân sinh, dân chủ thông qua hình thức tổ chức mít tinh của

các ngành, các giới lao động, thợ thuyền, viên chức, học sinh, nông dân, v.v. Tiêu biểu là việc tổ chức thành công cuộc mít tinh với danh nghĩa đón Bộ trưởng Lao động đại diện cho Chính phủ Pháp đi điều tra tình hình Đông Dương Gôđa ở Huế song thực chất là cuộc tuần hành phản đối có tới hàng vạn quần chúng tham gia, giường cao nhiều khẩu hiệu: “Hoan nghênh Mặt trận bình dân”, “Tự do báo chí”, “Tự do nghiệp đoàn”, “Bỏ thuế thân”, “Bình đẳng nam nữ”, v.v. ở nhiều tuyến phố.

Với những đóng góp to lớn đối với phong trào cách mạng ở Trung Kỳ, tháng 3/1938, tại Hội nghị Trung ương Đảng, đồng chí Nguyễn Chí Diểu được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và tiếp tục được cử vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

Thứ ba, đồng chí Nguyễn Chí Diểu - tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng của người đảng viên cộng sản; người đã trực tiếp giác ngộ, đào tạo nhiều cán bộ tài năng của Đảng

Đồng chí Nguyễn Chí Diểu là hình mẫu của thế hệ thanh niên trí thức đương thời, tấm gương của đồng chí đã thúc đẩy tinh thần yêu nước, lôi cuốn nhiều học sinh, sinh viên và đồng bào nhân dân Thừa Thiên Huế tham gia cách mạng. Với vai trò hội viên của Tân Việt Cách mạng Đảng và sau này là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng chí đã tích cực vận động, tuyên truyền giác ngộ, kết nạp được nhiều thanh niên, học sinh tham gia cách mạng. Dưới sự dùi dắt, đào tạo trực tiếp của đồng chí, nhiều cán bộ, tiêu biểu là các

đồng chí Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Tố Hữu đã trở thành những nhà lãnh đạo tài năng của Đảng và cách mạng Việt Nam.

Cuộc đời hoạt động yêu nước, cách mạng của đồng chí Nguyễn Chí Diểu không dài (1925-1939), trong đó có gần 6 năm (1930-1936) đồng chí phải đấu tranh, học tập, rèn luyện trong hoàn cảnh bị tù đày, nhưng đó là một quá trình hoạt động liên tục, thường xuyên luôn để lại những dấu ấn xuất sắc trong mọi hoàn cảnh.

Trong những năm tháng bị giam cầm, đày ải dưới chế độ hà khắc của Nhà tù Côn Đảo, đồng chí Nguyễn Chí Diểu luôn giữ vững khí tiết của người đảng viên cộng sản. Cùng với các tù chính trị, đồng chí đã nêu cao tinh thần: “Biến nhà tù để quốc thành trường học cách mạng”, tranh thủ học tập nâng cao trình độ lý luận, tham gia đấu tranh đòi cải thiện chế độ nhà tù, bảo vệ tù nhân.

Ngay khi được trả tự do, dù bị quản thúc ở Huế, bị thực dân Pháp theo dõi ráo riết, đồng chí vẫn chủ động móc nối cơ sở, bí mật hoạt động, xúc tiến việc khôi phục tổ chức của Đảng ở Huế và các tỉnh Trung Kỳ; đồng thời, nắm bắt thực tiễn, hòa mình trong phòng trào quần chúng để củng cố các cơ sở cách mạng. Với tác phong sâu sát, đồng chí Nguyễn Chí Diểu thường xuyên đi vào các xưởng thợ, nhà máy như Xưởng Vôi Long Thọ, Nhà in báo Tiếng Dân, Trường Kỹ nghệ thực hành và một số xã vùng ven thành phố Huế để tuyên truyền, vận động công nhân và nông dân đấu tranh đòi các quyền lợi thiết thực.

Mặc dù sức khỏe bị giảm sút nghiêm trọng vì mắc bệnh lao phổi do bị tra tấn, đày ải tàn bạo trong nhà tù đế quốc,

đồng chí vẫn tích cực tham gia hoạt động, cống hiến cho cách mạng đến hơi thở cuối cùng. Chủ động lựa chọn cuộc đời hoạt động cách mạng đầy gian khổ, hiểm nguy, ở hoàn cảnh, cương vị nào, đồng chí Nguyễn Chí Diểu cũng đem hết tâm lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Đồng chí là hiện thân của tinh thần yêu nước chân chính, là tấm gương đạo đức sáng ngời của người đảng viên cộng sản: tận tụy hy sinh suốt đời vì Tổ quốc, vì nhân dân. Cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng của đồng chí Nguyễn Chí Diểu là sự kết tinh của các giá trị đạo đức cao đẹp và nhân cách văn hóa của một chiến sĩ cộng sản. Đó là các giá trị đạo đức bền vững, trường tồn mãi với thời gian, với lịch sử cách mạng oai hùng của dân tộc Việt Nam.

Thứ tư, đồng chí Nguyễn Chí Diểu - người con ưu tú của quê hương Thừa Thiên Huế

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình nhà Nho yêu nước, dù gần chốn đô hội phồn hoa của kinh thành Huế, nhưng ở Nguyễn Chí Diểu đã sớm hình thành nhân cách của một thanh niên gia giáo, bản tính hiền lành, một thanh niên trí thức giàu nghị lực, tràn đầy tình yêu quê hương, đất nước và hoài bão cách mạng.

Đồng chí Nguyễn Chí Diểu có công lao to lớn trong việc giác ngộ, đào tạo lớp cán bộ cách mạng tài năng ở Thừa Thiên Huế cho phong trào cách mạng. Bằng trí tuệ và nhiệt huyết, sau khi được ra tù, đồng chí tích cực tham gia khôi phục và tổ chức lại các cơ sở đảng, xây dựng phong trào cách mạng ở Thừa Thiên Huế. Trong cao trào cách mạng dân chủ

(1936-1939), trên cương vị người đứng đầu Xứ ủy Trung Kỳ, đồng chí Nguyễn Chí Diểu đã quán triệt, vận dụng thành công đường lối của Đảng, tinh thần và phương pháp đấu tranh linh hoạt, sáng tạo, đưa phong trào cách mạng ở các tỉnh Trung Kỳ lên một tầm cao mới, góp phần tạo nên bước ngoặt cho cách mạng Việt Nam.

Ngày nay, làng Thanh Tiên, xã Phú Mậu, huyện Phú Vang hiện còn lưu giữ di tích lịch sử lưu niệm đồng chí Nguyễn Chí Diểu, nơi người đảng viên ưu tú Nguyễn Chí Diểu đã sinh ra và lớn lên, trở thành địa điểm sinh hoạt truyền thống, báo công, kết nạp đoàn, đội... cho các thế hệ học sinh, sinh viên trên địa bàn thành phố Huế. Không chỉ trên mảnh đất sinh ra Nguyễn Chí Diểu, mà đã có nhiều trường học, tên phố, ở các địa phương trong cả nước đã được vinh dự mang tên Nguyễn Chí Diểu. Đó là một minh chứng, khẳng định và ghi nhận về cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nổi, tận tụy và công hiến to lớn đối với quê hương, đất nước của đồng chí Nguyễn Chí Diểu, người đảng viên lớp đầu tiên của Đảng, một trong những nhà lãnh đạo tiên bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam.

Đồng chí Nguyễn Chí Diểu đã đi xa, nhưng sự nghiệp cách mạng và những công hiến to lớn của đồng chí đối với quê hương Thừa Thiên Huế và giá trị lan tỏa đối với cách mạng Việt Nam mãi được nhân dân tôn vinh và trân trọng. Thừa Thiên Huế tự hào là mảnh đất quê hương, nơi đã sản sinh ra những người con ưu tú, những chiến sĩ cộng sản tiên phong, mẫu mực, những nhà lãnh đạo tiên bối tài năng của Đảng như đồng chí Nguyễn Chí Diểu.

Học tập, làm theo tấm gương đồng chí Nguyễn Chí Diểu, Đảng bộ và nhân dân Thừa Thiên Huế đã nêu cao tinh thần đoàn kết, ý chí quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thách thức để thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng, xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế ngày càng giàu đẹp, góp phần cùng với cả nước thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp tiên tiến theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

CHỦ TỊCH TÔN ĐỨC THẮNG - NGƯỜI CỘNG SẢN MẪU MỰC, NHÀ LÃNH ĐẠO NỔI TIẾNG CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM*

1. Đồng chí Tôn Đức Thắng là người sáng lập ra tổ chức công hội đầu tiên ở Việt Nam, người chiến sĩ tiên phong và vị lãnh tụ của giai cấp công nhân Việt Nam

Sinh ra trong một gia đình nông dân tại Cù lao Ông Hồ, xã Mỹ Hòa Hưng, tổng Định Thành, tỉnh Long Xuyên, nay thuộc thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, tiếp thu truyền thống văn hóa - lịch sử của dân tộc, quê hương và gia đình, với tấm lòng yêu nước, thương dân sâu sắc, người thanh niên Tôn Đức Thắng đã sớm gắn bó với giai cấp công nhân Việt Nam, cùng lao động và cùng tham gia phong trào đấu tranh của những người thợ. Ngay từ khi 24 tuổi (1912), đồng chí Tôn Đức Thắng đã tham gia lãnh đạo cuộc bãi công của công nhân Xưởng Ba Son và bãi khóa của học sinh trường Bá Nghê Sài Gòn.

* Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo khoa học “Chủ tịch Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực, nhà lãnh đạo nổi tiếng của cách mạng Việt Nam” tổ chức ngày 19/8/2018 tại An Giang; bài đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, số 3/2018; có chỉnh sửa.

Qua những năm trực tiếp hoạt động trong phong trào công nhân, lãnh đạo nhiều cuộc đấu tranh bãi công, bãi khóa, đồng chí Tôn Đức Thắng đã nhận thức được vai trò lãnh đạo của tổ chức công đoàn đối với giai cấp công nhân. Theo đó, đồng chí cho rằng: phải thông qua tổ chức và bằng con đường tổ chức, công nhân mới ý thức được sứ mệnh và sức mạnh của mình trong cuộc đấu tranh với kẻ thù của giai cấp, đem lại lợi quyền thiết thực cho giai cấp mình.

Từ những cuộc vận động công nhân tham gia vào các hội tương tế, ái hữu, khoảng cuối năm 1920, cùng với một số anh em công nhân, đồng chí Tôn Đức Thắng đã lập ra *Công hội bí mật* ở Sài Gòn - tổ chức công hội đầu tiên của giai cấp công nhân Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của đồng chí, *Công hội bí mật* đã tổ chức nhiều cuộc đấu tranh, tiêu biểu nhất là cuộc bãi công vào tháng 8/1925 của hơn 1.000 công nhân Xưởng Ba Son ủng hộ giai cấp công nhân Trung Quốc, phản đối sự cai kết giữa thực dân Pháp với chính quyền phản động đàn áp công nhân ở thành phố Quảng Châu. Cuộc bãi công Ba Son là một mốc son đánh dấu bước trưởng thành, trình độ tự giác của giai cấp công nhân Việt Nam; thể hiện năng lực tổ chức, ý thức giác ngộ, đoàn kết giai cấp, đoàn kết quốc tế; kết hợp chặt chẽ giữa khẩu hiệu đấu tranh kinh tế với mục tiêu đấu tranh chính trị. Đặc biệt, cuộc bãi công của công nhân Ba Son đã có tiếng vang lớn, vượt khỏi phạm vi trong nước và sự kiện này được đề cập trên diễn đàn Đại hội VI Quốc tế Cộng sản năm 1928. Thành công của cuộc đấu tranh cho thấy sức mạnh của Công hội và vai trò, uy tín của người đứng đầu Tôn Đức Thắng. Thắng lợi này cũng khẳng định sự chuyển biến

mạnh mẽ của phong trào công nhân Việt Nam từ “tự phát” lên “tự giác”; khẳng định vai trò, chức năng của Công hội trong việc vận động, tổ chức đồng đảo quần chúng vào cuộc đấu tranh yêu nước vì nền độc lập dân tộc, vì quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của người lao động.

2. Đồng chí Tôn Đức Thắng là người cộng sản mẫu mực, cống hiến trọn đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân

Chọn hướng đi gắn bó với giai cấp công nhân, từ những cuộc đấu tranh của phong trào công nhân trong nước, đồng chí Tôn Đức Thắng đã đến với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đến với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam.

Công hội bí mật là cơ sở thực tiễn để đồng chí Tôn Đức Thắng sớm đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường cách mạng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Đầu năm 1927, đồng chí Tôn Đức Thắng gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và đóng vai trò tích cực trong việc lập ra Kỳ bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Nam Kỳ. Từ giữa năm 1927, trên cương vị Ủy viên Ban Chấp hành Kỳ bộ, đồng chí đã tham gia vận động thành lập chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam. Tháng 7/1929, đồng chí bị thực dân Pháp bắt, kết án 20 năm khổ sai và bị đày ra Côn Đảo. Trong những năm tháng bị giam cầm nơi “địa ngục trần gian”, đồng chí luôn nêu cao tinh thần cách mạng, ý chí đấu tranh và vững tin vào thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp giải phóng dân tộc. Hình ảnh người “cắp rồng” (người cai tù) trong hầm xay lúa -

nơi “địa ngục của địa ngục trần gian”, hiên ngang và không khuất phục trước cai ngục Pháp, song tràn đầy tình thương và lòng cảm hóa sâu sắc những người tù đã thể hiện phẩm chất cách mạng cao quý của người cộng sản Tôn Đức Thắng.

Trở về đất liền sau ngày Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, đồng chí Tôn Đức Thắng đã tham gia ngay vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trên nhiều cương vị khác nhau, đồng chí đã góp phần tích cực vào thắng lợi của cuộc kháng chiến, kiến quốc. Đồng chí là biểu tượng sinh động cho chính sách đại đoàn kết của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đặc biệt trong giai đoạn đất nước thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, đồng chí Tôn Đức Thắng được bầu làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Với cương vị là người lãnh đạo cao nhất của Nhà nước, đồng chí đã cùng Trung ương Đảng, Nhà nước lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc và đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Tại Kỳ họp đầu tiên của Quốc hội thống nhất vào tháng 7/1976, đồng chí được bầu là Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trên những trọng trách công tác được Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó, đồng chí Tôn Đức Thắng luôn thể hiện nỗi bật lòng trung thành tuyệt đối với cách mạng, một người cộng sản kiên cường, mẫu mực, người lãnh đạo uy tín của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam, “một trong những người

bạn chiến đấu thân thiết lâu năm của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến”¹, người kế tục xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người chiến sĩ trung thành của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

3. Đồng chí Tôn Đức Thắng là người tiêu biểu nhất cho chính sách đại đoàn kết của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh

Nhận thức rõ truyền thống đoàn kết của dân tộc, đồng chí đã tham gia lãnh đạo Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam từ những ngày đầu mới thành lập, đồng thời tích cực ủng hộ chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh với phương châm: đoàn kết với bất cứ ai có thể đoàn kết, tranh thủ bất cứ ai có thể tranh thủ, trung lập bất cứ ai có thể trung lập được, phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù, đồng thời tranh thủ cao nhất sự ủng hộ của bạn bè quốc tế, mở rộng khối đại đoàn kết.

Đồng chí Tôn Đức Thắng đã chỉ đạo triển khai thành công chính sách đại đoàn kết của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, làm cho Mặt trận dân tộc thống nhất ngày càng mở rộng và củng cố; khẳng định trên thực tế sức mạnh đoàn kết toàn dân là sức mạnh vô địch, là sức mạnh làm nên chiến thắng. Dưới sự lãnh đạo của đồng chí, Mặt trận Liên Việt (sau này là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam) đã giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân tộc, hoàn thành sứ mệnh lịch sử giao phó, đánh thắng các đế quốc xâm lược và mọi thế lực

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, 2007, t.49, tr.79.

phản động, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và gìn giữ phồn xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới. Tư tưởng của đồng chí về phương cách thực hiện đại đoàn kết vì mục tiêu chung: “ích nước, lợi dân”, vì độc lập, thống nhất, dân chủ; thực hiện chính sách liên minh giai cấp trên nền tảng thống nhất quyền lợi giữa các giai cấp; chú trọng tối quyền lợi của đồng đảo quần chúng cần lao, v.v. đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

Trên bình diện quốc tế, là đại diện cho giai cấp công nhân Việt Nam hoạt động trong phong trào công nhân Pháp, đồng chí Tôn Đức Thắng “đã biết lựa chọn một chỗ đúng chính trị làm vinh dự cho giai cấp công nhân Việt Nam, cho dân tộc Việt Nam... đó là ủng hộ Cách mạng Tháng Mười, bảo vệ chính quyền Xôviết Nga bằng hành động phản chiến - kéo cờ đỏ trên một chiến hạm Pháp trong số các chiến hạm đang tiến đánh nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên”¹. Đây là “một hành động mà lúc bấy giờ được xem là hiếm có, hơn thế nữa, là một hành động xuất chúng”².

Là người chiến sĩ cách mạng suốt đời phấn đấu cho sự phát triển tình hữu nghị với tất cả các dân tộc trên thế giới vì độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, trên cương vị

1. Trần Văn Giàu: “Bảy ngọn núi An Giang trong cuộc đời gần trăm năm của Cụ Tôn Đức Thắng”, trong: *Bác Tôn và chúng ta*, Ban Khoa học xã hội Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, 1988, tr.93.

2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: “Chúng ta luôn nhớ mãi Bác Tôn”, trong *Tôn Đức Thắng, người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.32.

Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ hòa bình thế giới của Việt Nam, đồng chí Tôn Đức Thắng có nhiều cống hiến đối với phong trào hòa bình thế giới. Năm 1955, đồng chí vinh dự được Ủy ban Giải thưởng hòa bình quốc tế Lê nin tặng Giải thưởng Lê nin Vì hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc.

4. Đồng chí Tôn Đức Thắng là tấm gương sáng người về đạo đức cách mạng

Bác Tôn, như nhiều người vẫn gọi, là người sống chân thành mà chí khí cao cả, làm nhiều nhưng nói ít, luôn nỗ lực phấn đấu hoàn toàn không vì ham muốn địa vị, vật chất mà là vì nước, vì dân; là vị lãnh tụ của nhân dân, tràn đầy tình yêu thương đồng chí, đồng bào. Cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác là một tấm gương sáng ngời để chúng ta học tập.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận xét: “Đồng chí Tôn Đức Thắng là một gương mẫu mục đạo đức cách mạng: suốt đời cần kiệm liêm chính; suốt đời hết lòng hết sức phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân”¹.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã khẳng định: “chất người Tôn Đức Thắng, sản phẩm tổng hợp của chất hào hiệp Nam Bộ, chất kiên cường và tài năng sáng tạo Việt Nam, chất tiên phong của giai cấp công nhân. Chất cách mạng của người yêu nước, người cộng sản, chất nhân đạo của con người. Tinh túy của chất ấy là lòng yêu nước, thương dân, niềm ưu ái với đồng bào, đồng chí; niềm tin sắt đá vào thắng lợi của cách mạng, mặc dù gặp mọi khó khăn gian khổ, tinh thần một

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.520.

lòng một dạ phục vụ nhân dân, đức chí công vô tư quên mình, sự khiêm tốn, giản dị, hồn nhiên, trong sáng”¹.

Anh hùng Lao động, GS. Trần Văn Giàu cũng viết về đồng chí Tôn Đức Thắng: “*Tác phẩm hay nhất của Cụ chính là cuộc đời của Cụ. Cụ Tôn là một người hành động, một người có lẽ không có ý gì muốn để lại cho đời sau bằng các tác phẩm của mình. Nhưng thực tế Người đã để lại cho đời sau chúng ta rất nhiều tác phẩm bằng hành động, bằng việc làm và cả những lời nói. Đó là những tác phẩm hay hơn nhiều bài viết*”².

Công lao to lớn, sự nghiệp vẹn vang và phẩm chất cao quý của đồng chí Tôn Đức Thắng sống mãi với cách mạng Việt Nam, với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Từ tấm gương ngời sáng của đồng chí, chúng ta càng vững tin hơn vào con đường “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội” mà Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh và toàn thể dân tộc ta đã lựa chọn. Vững vàng với niềm tin đó, chúng ta càng có ý chí quyết tâm, nỗ lực hơn nữa để hoàn thành tốt các nhiệm vụ trên cương vị công tác của mình, đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng, góp phần xây dựng một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” như Bác Hồ, Bác Tôn lúc sinh thời hàng mong muốn.

1. Phạm Văn Đồng: “Bác Tôn - nhà cách mạng bất tử”, trong *Tôn Đức Thắng, người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết*, Sđd, tr.24.

2. Trần Văn Giàu: “Cụ Tôn đã để lại cho chúng ta tác phẩm cuộc đời”, trong *Tôn Đức Thắng, người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết*, Sđd, tr.181.

PHẦN THỨ BA

CƠ ĐỒ DÂN TỘC, KHÁT VỌNG VÀ TÂM NHÌN PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XII CỦA ĐẢNG - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN*

Văn kiện Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta, tổ hợp nhiều nội dung phong phú, sâu sắc, toàn diện về mọi lĩnh vực của đất nước. Trong bài viết này, tác giả đã khái quát một số nội dung cốt lõi và các luận điểm mới nổi bật của Văn kiện: Về tiêu đề của Báo cáo chính trị; về đánh giá 30 năm đổi mới; về các trụ cột phát triển đất nước thời kỳ mới; về đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế và hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; về phát triển văn hóa, con người; về quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; về quốc phòng, an ninh và đối ngoại; về phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; về xây dựng Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã thành công rất tốt đẹp. Đại hội đã hoàn thành toàn bộ chương trình

* Bài đăng trên Tạp chí *Triết học*, số 7 (302), tháng 7/2016; có chỉnh sửa.

làm việc và đã thông qua Văn kiện chính thức. Có thể nói, Văn kiện Đại hội XII là sự kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta, tổ hợp nhiều nội dung phong phú, sâu sắc, toàn diện từ chính trị, kinh tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, văn hóa - con người, quản lý phát triển xã hội, quốc phòng an ninh, đối ngoại đến xây dựng Đảng và đổi mới hệ thống chính trị... Những nội dung đó có rất nhiều điểm mới cần được nhận thức đầy đủ, được quán triệt sâu sắc để toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta thực hiện có hiệu quả trong giai đoạn mới. Chúng ta có thể điểm lại một số nội dung cốt lõi và các luận điểm mới nổi bật.

1. Về tiêu đề của Báo cáo chính trị

Đại hội quyết định tiêu đề của Báo cáo chính trị (cũng là chủ đề của Đại hội XII) là: *Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.*

Đại hội XII khẳng định tiếp tục kế thừa các thành quả của Đại hội XI, nhấn mạnh đến nhiệm vụ tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới trong tình hình mới. Đặc biệt, ở nhiệm kỳ này, đã bổ sung thêm thành tố thứ tư “bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định”, phản ánh yêu cầu đặt ra từ thực tiễn thế giới đầy biến động, khó dự đoán... Chủ đề trên đã bao quát đầy đủ những vấn đề cốt lõi, những mục tiêu cơ bản nhất, bao quát nhất,

những định hướng lớn để phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

2. Về đánh giá 30 năm đổi mới

Đảng ta khẳng định: “Nhìn tổng thể, qua 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được *những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử*¹. Đảng đã có sự đánh giá khách quan về 30 năm đổi mới, làm rõ những bước chuyển quan trọng trong chuyển đổi sang kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và các thành tựu giảm nghèo ấn tượng. Tuy nhiên, Đảng cũng rất thăng thắn đánh giá kết quả đạt được trong 5 năm qua là quan trọng. Bởi chúng ta phải vượt qua nhiều thách thức, khó khăn để ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, tăng trưởng hợp lý trong điều kiện các bất ổn toàn cầu, khu vực đang gia tăng về nhiều mặt. Cách tiếp cận như vậy để thấy rõ hơn các nhiệm vụ trọng tâm cần tiếp tục giải quyết trong giai đoạn mới. Những kinh nghiệm trong 30 năm đổi mới cùng với việc nhấn mạnh “phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết”² là cơ sở để chúng ta tập trung mọi nỗ lực, các nguồn lực và xác định rõ phương thức phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả trong giai đoạn mới.

3. Về các trụ cột phát triển đất nước thời kỳ mới

Để thực hiện tư tưởng chủ đạo: *Phát triển nhanh và bền vững*, Đại hội XII khẳng định phải phát triển đất nước đồng bộ, toàn diện hơn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.65, 69.

hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng làthen chốt; xây dựng văn hóa, con người làm nền tảng tinh thần; tăng cường quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên. Điểm mới nổi bật là: Đại hội XII đã xác định cả phát triển kinh tế và phát triển xã hội đều là trung tâm, xây dựng văn hóa gắn liền với xây dựng con người làm nền tảng tinh thần và đặc biệt là đã bổ sung trụ cột “tăng cường quốc phòng, an ninh” là trọng yếu, thường xuyên, tạo thành “4 trụ cột” cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước.

4. Về đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế; hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Kế thừa những thành quả lý luận đã đạt được, trong nhiệm kỳ Đại hội XII, Đảng ta đã khẳng định mạnh mẽ hơn yêu cầu tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế. Theo đó, mô hình tăng trưởng trong thời gian tới được điều chỉnh theo hướng kết hợp có hiệu quả giữa phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh trên cơ sở nâng cao năng suất lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới và sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy lợi thế so sánh và chủ động hội nhập quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, phát triển nhanh và bền vững đất nước (hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Liên hợp quốc)... Đặc biệt, Đại hội XII đã xác định rõ

hơn đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngoài những đặc trưng mà các đại hội trước đây đã nêu, lần đầu tiên Văn kiện Đại hội XII đã bổ sung thêm các đặc trưng mới: Khẳng định nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế vận hành *đầy đủ, đồng bộ* theo các quy luật của kinh tế thị trường; là nền kinh tế thị trường *hiện đại và hội nhập* quốc tế, trong đó kinh tế tư nhân là một *động lực quan trọng* của nền kinh tế; thị trường đóng vai trò *chủ yếu* trong huy động và phân bổ các nguồn lực, là *động lực chủ yếu* để giải phóng sức sản xuất và Nhà nước quản lý bằng quy hoạch, kế hoạch, chiến lược, chính sách nhưng phải theo cơ chế thị trường. Phát triển, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trở thành tư tưởng xuyên suốt trong xây dựng mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam giai đoạn 2016 - 2021 và tầm nhìn đến năm 2030. Đồng thời, cũng trong Văn kiện Đại hội XII, Đảng ta làm rõ hơn thuộc tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường Việt Nam cả về mục tiêu, phương thức phát triển, phương thức phân phối, phương thức quản trị và quản lý nền kinh tế, xác định định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện đặc trưng nhân văn do con người, vì con người của nền kinh tế Việt Nam.

5. Về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ

Về phát triển giáo dục và đào tạo: Tiếp tục khẳng định quan điểm giáo dục, đào tạo là quốc sách hàng đầu trong

các nhiệm kỳ trước, Đại hội XII đề ra chủ trương “đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực”¹. Đổi mới giáo dục theo hướng *coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học*, chuyển mạnh giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học, trong đó nhấn mạnh việc giáo dục hình thành nhân cách cao đẹp; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, sống tốt và làm việc hiệu quả. Từng bước hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; *tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo* huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư để phát triển giáo dục, đào tạo. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

Về phát triển khoa học và công nghệ: Nếu như Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII xác định, giáo dục - đào tạo cùng với khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu thì Đại hội XII của Đảng lần đầu tiên khẳng định: “khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu”²; xác định khoa học và công nghệ là *động lực quan trọng nhất* để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Từ đó, đề ra yêu cầu có

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.113, 119-120.

tính nguyên tắc: Phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ là một nội dung cần được ưu tiên tập trung *đầu tư trước một bước* trong hoạt động của các ngành, các cấp; các ngành khoa học và công nghệ có nhiệm vụ cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng và triển khai đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật; các chương trình, kế hoạch, dự án và chính sách phát triển kinh tế - xã hội đều phải xây dựng trên những cơ sở khoa học vững chắc. Đặc biệt, trong Văn kiện Đại hội XII, lần đầu tiên Đảng ta khẳng định: “Xây dựng chiến lược phát triển công nghệ của đất nước, chiến lược thu hút công nghệ từ bên ngoài và chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên đất nước ta”¹.

6. Về phát triển văn hóa, con người

Đại hội XII khẳng định: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học”². Đại hội XII nhấn mạnh: “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển. Đức kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”³. Trong xây dựng văn hóa, con người, cùng với tạo điều kiện, môi trường để phát huy các giá trị tốt đẹp còn phải đấu tranh chống cái xấu,

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.121, 126, 126-127.

cái lạc hậu làm ảnh hưởng tiêu cực đến nền văn hóa, làm tha hóa con người; cùng với phát huy bản sắc, giá trị tốt đẹp của văn hóa, con người Việt Nam, còn chú ý khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam. Tại Đại hội XII, Đảng ta đặc biệt chú trọng đến xây dựng văn hóa trong kinh tế, văn hóa chính trị, văn hóa gia đình - những đột phá quan trọng để tạo ra các bước chuyển trong xây dựng phát triển văn hóa, con người Việt Nam thời kỳ mới.

7. Về quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

Lần đầu tiên, Văn kiện Đại hội Đảng có mục riêng đề cập đến quản lý phát triển xã hội, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đại hội XII xác định, phải nhận thức sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của phát triển xã hội bền vững và quản lý phát triển xã hội để giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc, những mâu thuẫn có thể dẫn đến xung đột. Thực hiện các giải pháp, chính sách và quản lý để từng bước khắc phục sự mất cân đối về phát triển đối với từng lĩnh vực, từng vùng, kịp thời kiểm soát và giải quyết các rủi ro, xung đột xã hội.

Đại hội XII khẳng định rõ, tài nguyên là tài sản quốc gia, là nguồn lực quan trọng của đất nước nên cần được đánh giá đầy đủ, được quản lý chặt chẽ, được khai thác, sử dụng hợp lý gắn với mục tiêu phát triển. Ngăn chặn và từng bước khắc

phục sự xuống cấp của môi trường, xác định bảo vệ môi trường vừa là nội dung, vừa là mục tiêu phát triển bền vững. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, giảm mức phát thải nhà kính.

8. Về quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Về quốc phòng - an ninh, Đại hội XII khẳng định, trong bối cảnh quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, phải kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, phải phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị; tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế; giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đây là luận điểm được khái quát trên cơ sở tổng kết quá trình đổi mới toàn diện đất nước trong 30 năm qua.

Về đối ngoại, tại Đại hội Đảng lần thứ XII, Đảng ta đã có những nhận thức mới trên cơ sở kế thừa những nội dung cơ bản của đường lối đối ngoại được thông qua tại các kỳ đại hội trước. Đại hội XII đã đưa mục tiêu đối ngoại với yêu cầu giữ vững môi trường hòa bình thành một thành tố của chủ đề Đại hội. Nhiệm vụ đối ngoại phải: “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của

luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi”¹. Công tác đổi ngoại đà phuong được nhấn mạnh, với định hướng: “chủ động và tích cực đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đà phuong”²; “Chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đà phuong, đặc biệt là ASEAN và Liên hợp quốc”³; thuật ngữ “đổi ngoại nhân dân” được dùng thay cho “ngoại giao nhân dân”, thể hiện rõ hơn vị trí, vai trò và phạm vi của công tác này trong tổng thể các hoạt động đổi ngoại của đất nước.

9. Về phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Đại hội XII nhấn mạnh: “đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁴. Bởi vậy, cần không ngừng củng cố, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường sự đồng thuận xã hội, tiếp tục đổi mới nội dung hoạt động và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, Văn kiện Đại hội XII khẳng định rõ: “bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân”⁵. Từ đó, đề ra chủ trương: tập trung xây dựng những văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền

1, 2, 3, 4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.153, 154, 155, 158, 169.

làm chủ của nhân dân, thể chế hóa và nâng cao chất lượng các hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện; thể chế hóa và thực hiện tốt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”; phát huy dân chủ trong Đảng là hạt nhân để phát huy đầy đủ dân chủ trong xã hội; phát huy dân chủ phải đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và đề cao đạo đức xã hội.

Đại hội XII khẳng định, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Quá trình đó phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội. Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp, pháp luật. Đại hội XII nhấn mạnh việc phân định rõ hơn vai trò và hoàn thiện cơ chế giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường; xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền. Trong xây dựng chính quyền địa phương, phải bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả của nền hành chính quốc gia và hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương.

10. Về xây dựng Đảng

Đại hội XII xác định, đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng cần phải đẩy mạnh hơn nữa, trong đó *trọng tâm là kiên quyết, kiên trì tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI*. Đại hội XII có sự phát triển nhận thức quan trọng về xây dựng Đảng khi bổ sung xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh không chỉ về chính trị, tư tưởng, tổ chức mà cả về *đạo đức*. Cùng với việc nhấn mạnh mục tiêu, yêu cầu xây dựng Đảng “trong sạch, vững mạnh” ngay trong tiêu đề của Báo cáo chính trị, Đại hội còn xác định nhiệm vụ trọng tâm đầu tiên trong 6 nhiệm vụ trọng tâm của cả nhiệm kỳ là “*tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng*”, trong đó tập trung vào hai nội dung cốt yếu nhất là ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Ngoài ra, Đại hội XII còn đề ra nhiều chủ trương mới trong các mặt công tác xây dựng Đảng, như nhấn mạnh công tác tổng kết thực tiễn; nêu cụ thể hơn về việc thực hiện lấy phiếu tín nhiệm cán bộ; bổ sung vấn đề đổi mới bầu cử trong Đảng, phương thức tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ, đặc biệt là người đứng đầu, v.v..

Để quán triệt và nhận thức sâu sắc về những nội dung cơ bản trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng, chúng ta cần tiếp tục tập trung làm rõ những vấn đề sau đây:

(1) Những nhận thức chung về “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” cần được tiếp tục cụ thể hóa, thể chế

hóa, “phù hợp với từng giai đoạn phát triển trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”; các cách thức giải quyết quan hệ nhà nước - thị trường trong huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; lộ trình, giải pháp cơ cấu lại tổng thể và đồng bộ nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tập trung vào các lĩnh vực quan trọng: Cơ cấu lại đầu tư, đặc biệt là đầu tư công; cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính; cơ cấu lại và giải quyết có kết quả vấn đề nợ xấu, bảo đảm an toàn nợ công; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước với trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, gắn với phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới; những giải pháp để phát triển có hiệu quả kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể; vai trò quan trọng và giải pháp đột phá để phát triển kinh tế tư nhân. Đặc biệt, cần làm rõ hơn định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển nền kinh tế thị trường đã được nêu trong Văn kiện Đại hội XII.

(2) Các giải pháp nhằm gắn kết giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ với xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phục vụ mục tiêu phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ hiệu quả quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước... Đây cũng là phương châm để thay đổi chất lượng của nền kinh tế dựa trên công nghệ, tri thức, nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

(3) Các tiêu chí về tính tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của văn hóa Việt Nam, về các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ, khoa học; giải pháp xây dựng con người và phát huy nhân tố con người, quản lý tốt sự phát triển xã hội, quản lý tài nguyên, môi trường trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và đẩy mạnh hội nhập quốc tế, ứng phó với biến đổi khí hậu.

(4) Nội dung, giải pháp “tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới”; vấn đề hợp tác, đấu tranh để bảo đảm chủ quyền, lợi ích của quốc gia dân tộc; vấn đề đối ngoại trong tình hình mới, nhất là các đối sách để chúng ta vượt qua những thách thức, phát triển bền vững trong bối cảnh thế giới, khu vực đang thay đổi nhanh và khó dự đoán.

(5) Nhận thức về cách thức, biện pháp để phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; những giá trị mang tính phổ quát về dân chủ và đặc trưng của dân chủ xã hội chủ nghĩa; quan hệ giữa dân chủ với đổi mới và phát triển, đặc biệt là cơ chế phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

(6) Tiếp tục làm sáng tỏ xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với sự phân công, phối hợp và có kiểm soát giữa các nhánh quyền lực về lập pháp, hành pháp, tư pháp; quan hệ giữa Trung ương và địa phương; cơ chế, phương thức để kiểm soát quyền lực nhà nước; các giải pháp nhằm hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Nhà nước theo quy định của Hiến pháp năm 2013.

(7) Sự phát triển nhận thức lý luận về Đảng cầm quyền; về vai trò lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới, nhất là các giải pháp nhằm ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong Đảng; các giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chiến lược.

(8) Nhận thức mới và con đường, biện pháp để xử lý tốt các mối quan hệ lớn trong quá trình đổi mới đất nước cũng như thực hiện sáu nhiệm vụ trọng tâm đã được nêu trong Văn kiện Đại hội.

Tóm lại, những nội dung của Văn kiện Đại hội XII của Đảng phản ánh bước phát triển mới về tư duy lý luận của Đảng, là định hướng cho nhận thức và hành động của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta trong thời gian tới. Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XII, đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực hành động thực tiễn lớn của cả hệ thống chính trị, của mỗi cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, trước hết là đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành, nhằm góp phần quan trọng đưa Nghị quyết Đại hội XII của Đảng vào cuộc sống.

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TUỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRONG TÌNH HÌNH MỚI*

Những năm qua, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần giữ vững, bổ sung và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng, ngăn chặn và đẩy lùi các âm mưu, thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, không ngừng củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, sau khi Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII được ban hành, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch đã được triển khai ngày càng bài bản, thống nhất, đồng bộ, toàn diện, quyết liệt, đi vào chiều sâu, có hiệu quả và đạt được những kết quả hết sức quan trọng. Tuy nhiên, các thế lực thù địch chưa bao giờ từ bỏ ý đồ chống phá nền tảng tư

* Bài đăng trên *Tạp chí Công sản*, số 3/2021; in trong cuốn sách: Hội đồng Lý luận Trung ương: *Nhiệm giám khoa học năm 2020 - tập 1: Những vấn đề về chính trị*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.7-19; có chỉnh sửa.

tưởng của Đảng ta, luôn toan tính tạo ra “khoảng trống” về tư tưởng, lý luận trong đời sống chính trị - xã hội của nước ta với âm mưu cơ bản, lâu dài và rất thâm độc, đó là xoay chuyển quỹ đạo phát triển của đất nước ta đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa.

1. Nhận diện rõ bối cảnh mới tác động đến công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Qua gần 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, đất nước ta đã bước vào một giai đoạn phát triển mới, mạnh mẽ và toàn diện, chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay¹. Quy mô, trình độ và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên. Văn hóa, xã hội, con người phát triển toàn diện. Đời sống vật chất và tinh thần của mọi người dân được cải thiện. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố vững chắc. Chính trị, xã hội ổn định; quốc phòng - an ninh được tăng cường; độc lập, chủ quyền được giữ vững; quan hệ đối ngoại và quá trình hội nhập của đất nước ngày càng toàn diện, sâu rộng và được nâng lên ở một tầm cao mới. Đây chính là những nhân tố quan trọng nhất, cơ bản nhất để củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ ta; là giá trị cốt lõi để nhân dân tin tưởng, tham gia bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới. Dự thảo

1. Xem Bài viết của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng: “Chuẩn bị và tiến hành thật tốt Đại hội XIII của Đảng, đưa đất nước bước vào một giai đoạn phát triển mới”, đăng trên Báo *Nhân Dân*, ngày 31/8/2020.

Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII của Đảng nêu rõ: những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, rất đáng tự hào đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Đặc biệt, trong thời gian qua, nhờ có sự lãnh đạo nhạy bén, đúng đắn của Đảng, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời của Chính phủ, sự vào cuộc đồng bộ, tích cực của cả hệ thống chính trị; sự đồng tình, hưởng ứng, ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài, chúng ta đã khắc phục, vượt qua được những khó khăn rất lớn, những tác động tiêu cực do dịch bệnh, thiên tai, bão lụt, hạn hán liên tiếp xảy ra. Đó là minh chứng hết sức sinh động, khẳng định tính ưu việt của chế độ ta, truyền thống đoàn kết, lòng yêu nước, tình nhân ái và ý chí kiên cường của nhân dân ta; như phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước: càng trong khó khăn, thử thách, truyền thống và ý chí đó càng được nhân lên gấp bội, là nguồn lực và động lực to lớn, không một thế lực nào có thể ngăn cản nổi, để xây dựng Đảng ta ngày càng vững mạnh, đất nước ta tiếp tục đi lên, dân tộc ta phát triển cường thịnh, trường tồn.

Tuy nhiên, đất nước ta càng đạt được những thành tựu phát triển to lớn, các thế lực phản động, thù địch, cơ hội chính trị lại càng hàn học, điên cuồng tìm mọi cách để chống phá. Lợi dụng bối cảnh quốc tế diễn biến phức tạp, nhanh

chóng, khó dự báo, tình hình trong nước còn nhiều khó khăn, thách thức, công cuộc đổi mới toàn diện đi vào chiều sâu đặt ra những vấn đề lý luận và thực tiễn rất mới, trước đây chưa hề có, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị càng tăng cường, điên cuồng chống phá chúng ta. Chúng đã thay đổi phương thức, thủ đoạn chống phá, tuyên truyền xuyên tạc, phủ nhận nền tảng tư tưởng, lý luận của Đảng một cách tinh vi và xảo quyệt hơn. Hoạt động của chúng có lúc âm thầm, lẩn khuất, có lúc lại công khai, trắng trợn, thường tập trung vào thời điểm diễn ra các sự kiện chính trị trong nước và đối ngoại quan trọng của Đảng và Nhà nước ta hoặc những thời điểm xảy ra các vụ việc phức tạp, nhạy cảm. Tính chất nguy hiểm của những phương thức, thủ đoạn này ở chỗ chúng tạo dựng nhận thức sai lệch, mơ hồ, hoài nghi, hoang mang, dao động, gây “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, làm lung lay niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, tạo tâm lý bức xúc, chống đối trong xã hội.

Chúng triệt để lợi dụng Internet, mạng xã hội, các hình thức truyền thông mới để tuyên truyền chống phá; tán dương, cổ vũ lẫn nhau trong một “thế trận” có “kịch bản”, đánh vào nhận thức, tâm lý “đám đông” theo kiểu “mưa dầm thấm lâu”, “góp gió thành bão”. Chúng tận dụng tối đa hệ thống phát thanh, báo chí, xuất bản ở nước ngoài, các kênh Facebook, YouTube... để tung thông tin xấu độc dưới dạng “thật như giả”, “giả như thật”. Chúng dựng lên các video clip, phóng sự có giao diện giống như của Đài Truyền hình Trung ương và một số báo đài chính thống để đưa tin. Mánh lới của

chúng là giật tít, “câu view” nhằm đánh trúng tâm lý tò mò của nhiều người.

Hơn một năm qua, trong bối cảnh tiến hành Đại hội Đảng các cấp, các thế lực thù địch lại càng tăng cường, ra sức nhào nặn, bóp méo thông tin, xuyên tạc, chống phá chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Đặc biệt, trước thềm Đại hội XIII của Đảng, chúng tập trung công kích dự thảo các Văn kiện trình Đại hội, xuyên tạc cho rằng các Văn kiện lần này vẫn là “bổn cũ viết lại”, “sao chép theo lối mòn”, không có gì mới, không biết tiếp thu những tinh hoa của nhân loại; các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà Đảng ta đưa ra trong dự thảo Văn kiện là “bất khả thi”, “không có cơ sở để thực hiện”... Cùng với đó, chúng tấn công vào đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ của Đảng, nhất là cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược; liên tục tung tin giả về thân thế, sự nghiệp, tài sản, “sai phạm” của lãnh đạo cấp cao; xuyên tạc công tác nhân sự của Trung ương, công tác phòng, chống tham nhũng... hòng gây bất ổn chính trị - xã hội, gây ra những khó khăn, thách thức không nhỏ cho công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ta, cho đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

2. Nhận diện rõ âm mưu, thủ đoạn, các quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước

Có thể nói, nắm bắt các âm mưu, thủ đoạn, phương thức, hình thức chống phá của các thế lực thù địch, phản động là

nhiệm vụ đầu tiên để nhận diện rõ các đối tượng này, nhất là khi chúng là những kẻ thù giấu mặt, cơ hội chính trị, lợi dụng dân chủ, tự do ngôn luận, báo chí, để từ đó chúng ta có đối sách, phương pháp đấu tranh phù hợp, đạt hiệu quả cao.

Thứ nhất, các thế lực thù địch tấn công trực diện vào nền tảng tư tưởng của Đảng nhằm bắc bối, phủ nhận hệ thống quan điểm, đường lối của Đảng, mưu toan bắc bối, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Thủ đoạn mới của chúng là chuyển từ bôi nhọ bằng các cái gọi là “du nhập ngoại lai”, “nhập khẩu lý luận” sang đánh tráo, thay thế các khái niệm, thổi phồng cái gọi là “chủ thuyết phát triển mới”, đối lập C. Mác với V.I. Lê nin, kêu gọi dùng “chủ nghĩa Hồ Chí Minh” để thay thế chủ nghĩa Mác - Lê nin¹, trong khi chúng lờ đi một sự thật hiển nhiên, rõ ràng là tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào thực tiễn cụ thể của Việt Nam. Chúng trích dẫn một cách cắt xén, nửa vời những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đan cài gài bẫy bằng những quan điểm giả danh mácxít làm cho người đọc mất phương hướng, lẩn lộn, không phân biệt được đúng - sai. Chúng rêu rao rằng Đảng và Nhà nước Việt Nam, các nhà khoa học, chính giới lý luận của ta đã dịch sai, hiểu sai quan điểm của C. Mác, Ph. Ăngghen, đồng thời chúng diễn giải lại theo cách hiểu xuyên tạc, méo mó hòng làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hoang mang, dao động, suy giảm niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chủ nghĩa xã hội và con đường

1. Xem Cục Tuyên huấn: *Phòng, chống âm mưu, thủ đoạn tuyên truyền chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch (Sách chuyên khảo)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr.27.

đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Cùng với việc công kích trực tiếp vào chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng đẩy mạnh việc tuyên truyền, cổ súy du nhập các trào lưu tư tưởng cực đoan, chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa dân tộc cực đoan từ bên ngoài, kết hợp với việc kích động chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa bè phái, chủ nghĩa hưởng lạc từ bên trong nhằm thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong hệ thống chính trị và xã hội.

Thứ hai, chúng phủ nhận, hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng và thể chế chính trị xã hội chủ nghĩa bằng các luận điệu xuyên tạc như: Đảng tự cho mình đứng trên tất cả; Đảng cầm quyền phi chính danh, không còn mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc¹. Chúng xuyên tạc các sự kiện lịch sử của cách mạng Việt Nam; cổ súy “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang, đòi từ bỏ sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang; phủ nhận kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đòi tách biệt, đổi lập “kinh tế thị trường” với “định hướng xã hội chủ nghĩa”. Chúng cho rằng chế độ hiện nay mắc “lỗi hệ thống”, đòi cải cách thể chế chính trị theo hướng đa nguyên, đa đảng, thực hiện “tam quyền phân lập”, phát triển “xã hội dân sự” theo tiêu chí phương Tây với âm mưu không gì khác ngoài việc chống phá sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và sự nghiệp đổi mới của nhân dân ta.

1. Xem Cục Tuyên huấn: *Phòng, chống âm mưu, thủ đoạn tuyên truyền chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch (Sách chuyên khảo)*, Sđd, tr.45.

Thứ ba, chúng xuyên tạc tình hình đất nước, rêu rao cái gọi là “khủng hoảng toàn diện”, “tình thế hiểm nghèo”, khoét sâu các vấn đề xã hội, tôn giáo, dân tộc, nhân quyền, đất đai,... nhằm phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc với các thủ đoạn thường thấy là: kích động đòi đất, đòi nơi thờ tự vô lối, đòi hành lễ phi pháp luật, kích động giáo dân, đồng bào dân tộc thiểu số tụ tập biểu tình. Chúng kích động, hà hơi tiếp sức những kẻ nhân danh “lòng yêu nước” để biểu tình gây rối trật tự trị an. Đặc biệt, trong thời gian qua, các đối tượng chống đối triệt để lợi dụng các vụ án phức tạp, nhạy cảm để kích động, xuyên tạc, quy kết, vu cáo Đảng, Nhà nước yếu kém, đả kích các cơ quan tư pháp, kích động “bất tuân dân sự” trong xã hội.

Thứ tư, lợi dụng thông tin về những măt còn hạn chế, bất cập của đất nước, chúng khoét sâu vào những điểm yếu kém, hạn chế trong thực thi công vụ của các cơ quan, cán bộ lãnh đạo, quản lý để chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân, âm mưu cô lập, tách các tổ chức đảng, đảng viên ra khỏi quần chúng, hướng lái tạo ra những tư tưởng, tâm lý nghi kỵ, hẹp hòi, hành động sai trái, chống đối, bạo lực và bạo động trong cộng đồng và xã hội. Chúng ngụy tạo, tô vẽ, thổi phồng, quy kết những biểu hiện cá biệt, những khuyết điểm của một số tổ chức đảng và cá nhân đảng viên thành bản chất của Đảng cầm quyền, từ đó kích động đối lập Đảng với nhân dân, tạo sự xa cách, oán thù, thù ghét, tẩy trừ cán bộ và đảng viên.

Thứ năm, các thế lực thù địch, phản động tiến hành móc nối, xâm nhập vào nội bộ của ta, tìm cách phân hóa tổ chức, hòng dựng lên “ngọn cờ” tập hợp lực lượng. Chúng không

ngừng tìm kiếm những phần tử thoái hóa, biến chất trong hàng ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là những kẻ bất mãn, cơ hội chính trị, có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, thông qua đó tán phát những tư tưởng phản động, chống phá Đảng, Nhà nước. Để tăng thêm độ lan tỏa, tin cậy của thông tin, chúng chú ý tập hợp, dẫn dụ những ý kiến, phát biểu gây “sốc” trái với đường lối, quan điểm của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước từ những đối tượng “dân tuý”, tạo dựng ra cái gọi là chân dung “nhân sĩ, trí thức yêu nước”, “những cán bộ của nhân dân”... để trực tiếp tuyên truyền các quan điểm, tư tưởng thù địch, sai trái.

Thứ sáu, chúng phá hoại đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa trong hội nhập quốc tế của Đảng ta với các chiêu bài như “bài”, “thoát” nước này, liên minh với nước kia, cổ súy chủ nghĩa ly khai. Đáng chú ý, các đối tượng này triệt để lợi dụng vấn đề chủ quyền biển, đảo để tung tin thất thiệt làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào quyết tâm bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Đảng và Nhà nước. Chúng tổ chức tán phát các “thư ngỏ”, “tuyên bố”, “kiến nghị” để lôi kéo, kích động đồng bào ta ở trong và ngoài nước; kêu gọi chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế can thiệp vào công việc nội bộ, gây sức ép đối với Việt Nam về các vấn đề nhân quyền, dân chủ.

3. Các định hướng, nhiệm vụ đấu tranh với các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch

Từ việc phân tích, đánh giá kết quả, nhất là qua tổng kết những mô hình, cách làm mới, sáng tạo trong thời gian

qua, nhất là sau khi triển khai thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW, để tăng cường công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, tiếp tục đấu tranh có hiệu quả, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận, trong thời gian tới, chúng ta cần tập trung vào một số định hướng sau đây:

Thứ nhất, quán triệt sâu sắc tầm quan trọng của công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, tiếp tục kiên quyết, kiên trì thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu mà Nghị quyết số 35-NQ/TW đã đề ra, nhận thức rõ đây là nhiệm vụ chính trị vừa cấp bách, vừa thường xuyên và lâu dài, không chỉ là công việc của các cơ quan Đảng, Nhà nước mà của cả hệ thống chính trị, là trách nhiệm của mọi cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Khẳng định vững chắc quan điểm có tính nguyên tắc, mang ý nghĩa sống còn của Đảng ta, đó là: kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định với mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, với đường lối đổi mới của Đảng, với các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, đặc biệt coi trọng việc kết hợp hài hoà giữa “xây” và “chống”, “xây” là cơ bản, “chống” phải quyết liệt, hiệu quả. Đa dạng hóa nội dung, phương thức, hình thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch với nhiều cấp độ, phù hợp với từng đối

tương, theo từng lĩnh vực, đúng với từng tầng lớp nhân dân. Cùng với việc nhận diện rõ các thông tin xấu độc, xuyên tạc, cần kết hợp đấu tranh trực diện và gián tiếp để phản bác quan điểm sai trái, thù địch trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội theo kịch bản chặt chẽ, chiến dịch truyền thông thống nhất, đa dạng, rộng rãi, có sự phối hợp đồng bộ của nhiều lực lượng để tăng tính hiệu quả và độ lan tỏa. Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về truyền thông, báo chí, nhất là Internet và mạng xã hội. Khẩn trương hoàn thiện các quy định pháp lý về quản lý các hoạt động trên không gian mạng tạo căn cứ để cảnh báo, răn đe và xử lý các trường hợp vi phạm.

Thứ ba, tăng cường các giải pháp công nghệ, kỹ thuật để phát hiện sớm, ngăn chặn tận “gốc” nguồn tuyên truyền, phát tán những tư tưởng, quan điểm sai trái, thù địch, ngăn chặn các trang mạng độc hại; đồng thời xây dựng mới các trang mạng, báo chí có nội dung đấu tranh của ta bám sát thực tiễn, tuyên truyền sâu rộng với lập luận sắc bén, “chắc tay”, thuyết phục về các thành tựu phát triển của đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các định hướng, nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương với phương châm “lấy cái đẹp dẹp cái xấu”, từng bước giành thế chủ động, làm chủ thế trận tiến công về thông tin tư tưởng, lý luận trên mạng Internet.

Thứ tư, đẩy mạnh công tác nghiên cứu, định hình, thiết lập hệ thống luận cứ, luận điểm đấu tranh; chú ý nhận diện những vấn đề mà các thế lực thù địch tập trung chống phá để

xây dựng luận cứ khoa học thuyết phục phục vụ và trực tiếp đấu tranh phản bác. Trong thời gian tới, cần tiếp tục tập trung bảo vệ, lan tỏa các nội dung mới, tầm nhìn, các định hướng, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá chiến lược trong các Văn kiện trình Đại hội và Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng để tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tăng cường tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển và hoàn thiện hệ thống lý luận; trong đó chú trọng bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những vấn đề lý luận mới như: về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị; về quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong tình hình mới, v.v.. Tiếp tục nghiên cứu trên quan điểm khách quan, khoa học những tư tưởng, học thuyết, lý thuyết mới, tiến bộ để chắt lọc tiếp thu những giá trị tinh hoa văn hóa của nhân loại. Đồng thời, nghiên cứu sâu các vấn đề quốc tế, các sự kiện gây “sốc” trên thế giới để “mở mắt” cho các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị - những kẻ thường xuyên viễn dãn một cách lèch lạc, khập khiễng các vấn đề bên ngoài để bôi xấu, chỉ trích, xuyên tạc tình hình trong nước.

Thứ năm, gắn kết chặt chẽ yêu cầu bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục cán bộ, đảng viên, học viên, sinh viên; với công tác tổ chức, cán bộ, bảo vệ nội bộ, xây dựng tổ chức đảng và xây dựng đơn vị trong sạch, vững mạnh. Đặc biệt đẩy mạnh công tác tuyên truyền rộng

rãi trong nhân dân, nhất là trong giới trẻ về lịch sử dân tộc, lịch sử cách mạng và lịch sử Đảng, từ đó hình thành nhân sinh quan cách mạng, nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực phân biệt đúng - sai, khả năng miễn nhiễm trước các thông tin độc hại. Tiếp tục phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tư tưởng, lý luận có bản lĩnh, trí tuệ, năng lực, phương pháp và kỹ năng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng để xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành, có nhiệt huyết và tầm cao về lý luận, đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ kế cận, cán bộ trẻ. Tạo môi trường thuận lợi, bảo đảm điều kiện làm việc để người tài chuyên tâm, nỗ lực đóng góp vào công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Tích cực tìm kiếm nhân rộng những mô hình hay, những cách làm đổi mới, sáng tạo, hiệu quả, những tấm gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến; chia sẻ kinh nghiệm tuyên truyền, đấu tranh; khen thưởng những cá nhân có thành tích xuất sắc.

Thứ sáu, những kết quả to lớn của công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh với các quan điểm thù địch, sai trái có sự đóng góp hết sức quan trọng của lực lượng Công an nhân dân, nhất là trong việc bảo đảm an ninh trên không gian mạng, chủ động trấn áp, xử lý tội phạm, những phần tử phản động, thù địch vi phạm pháp luật của Nhà nước ta. Công an nhân dân đã thể hiện xứng đáng vai trò là thanh bảo kiếm của Đảng, lá chắn thép tiên phong, vững vàng bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa và giữ gìn cuộc sống bình yên, hạnh phúc cho nhân dân. Trong

thời gian tới, lực lượng Công an nhân dân nói riêng và mọi lực lượng của cả hệ thống chính trị nói chung tiếp tục xây dựng một mặt trận thống nhất rộng rãi, tập hợp lực lượng đông đảo tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch, phản động thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 35-NQ/TW trong tình hình mới.

XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ ĐẠO ĐỨC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY*

Vấn đề đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên luôn được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt lên hàng đầu, coi đó là gốc rễ trong chính thể “đức - tài” của con người. Hơn 60 năm hoạt động cách mạng không ngừng nghỉ, cống hiến hết mình vì độc lập của dân tộc, tự do, hạnh phúc của nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương ngời sáng, mẫu mực về đạo đức. Người là hiện thân của một vĩ nhân, một lãnh tụ cách mạng kiệt xuất, một người cộng sản vĩ đại, đồng thời là một tấm gương sáng về đạo đức để cán bộ, đảng viên và những người dân Việt Nam yêu nước học tập và làm theo.

Đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh là những phẩm chất đạo đức mới: trung với nước, hiếu với dân; yêu thương con người; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và có tinh thần quốc tế trong sáng. Những chuẩn mực đạo đức này được Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng trên nền tảng truyền

* Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo khoa học “Xây dựng Đảng về đạo đức trong giai đoạn hiện nay” tổ chức ngày 26/5/2017 tại Quảng Ngãi; in trong cuốn sách: *Ký yếu Hội thảo khoa học “Xây dựng Đảng về đạo đức trong giai đoạn hiện nay”*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2017; có chỉnh sửa.

thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc, kế thừa các tinh hoa giá trị đạo đức nhân loại, đạo đức của chủ nghĩa Mác - Lê nin và dựa trên các nguyên tắc cơ bản: Nói đi đôi với làm; tu dưỡng đạo đức suốt đời và nêu gương về đạo đức. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng, đạo đức cách mạng đối lập hoàn toàn với chủ nghĩa cá nhân và muốn xây dựng đạo đức cách mạng phải “quét sạch chủ nghĩa cá nhân” vì chủ nghĩa cá nhân là nguyên nhân “đẻ ra trăm thứ bệnh”. Theo Người, chủ nghĩa cá nhân cùng với giặc ngoại xâm và thói quen, hủ tục lạc hậu là 3 loại giặc lớn của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng là quan điểm cốt lõi trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Người căn dặn trong *Di chúc*: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người dày tớ thật trung thành của nhân dân”¹.

Xây dựng Đảng về đạo đức là xây dựng Đảng từ “gốc” theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Cây phải có gốc, nếu không có gốc thì cây héo. Xây dựng Đảng về đạo đức là toàn bộ đội ngũ cán bộ, đảng viên đều phải trau dồi và giữ gìn đạo đức cách mạng, tổ chức đảng từ cơ sở đến Trung ương đều phải trong sạch, vững mạnh, xứng đáng với niềm tin yêu của nhân dân. Như vậy, xây dựng Đảng về đạo đức chính là

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr.622.

xây dựng sức mạnh nội sinh của Đảng, là nhân tố nền tảng quan trọng để xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, bảo đảm để Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, đủ năng lực và uy tín để lãnh đạo nhân dân Việt Nam thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới đất nước với mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Trong giai đoạn hiện nay, xây dựng Đảng về đạo đức là nhu cầu cấp thiết của công tác xây dựng Đảng, là yêu cầu cấp bách có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ chính trị.

(1) *Việc nhấn mạnh xây dựng Đảng về đạo đức là một biểu hiện sinh động đổi mới tư duy của Đảng trong công tác xây dựng Đảng.* Quán triệt quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng đạo đức cách mạng, trong quá trình lãnh đạo, nhất là trong thời kỳ đổi mới đất nước, Đảng ta luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng, đặc biệt là vấn đề rèn luyện đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Trải qua các nhiệm kỳ từ Đại hội VI của Đảng đến nay, Ban Chấp hành Trung ương các khóa đều ban hành nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, trong đó vấn đề nâng cao đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên luôn được xác định là một nội dung rất quan trọng. Tuy nhiên, phải đến Đại hội XII của Đảng, lần đầu tiên nội dung xây dựng Đảng về đạo đức được tách ra thành một nội dung độc lập, được đặt ngang hàng với xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Từ đây, công tác xây dựng Đảng bao gồm 4 mặt cơ bản: chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Có thể nói, xây dựng Đảng về đạo đức là điểm nhấn, là sự bổ sung cần thiết trong đổi mới tư duy về xây dựng Đảng hiện nay, phù hợp với yêu cầu xây dựng

Đảng trong điều kiện mới, đáp ứng nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

(2) *Xây dựng Đảng về đạo đức nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong giai đoạn mới*. Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền là kết quả của một quá trình Đảng khẳng định vai trò lãnh đạo, sức mạnh và uy tín của Đảng đã được toàn dân tộc Việt Nam thừa nhận. Để hoàn thành vai trò duy nhất cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội cũng như để xứng đáng với niềm tin của nhân dân, Đảng phải thật sự tiêu biểu về trí tuệ và đạo đức, lương tâm và danh dự của dân tộc, phải thật sự “là đạo đức, là văn minh” như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn. Muốn vậy, Đảng phải luôn luôn tự đổi mới và tự chỉnh đốn. Đó vừa là trách nhiệm chính trị của Đảng trước nhân dân, vừa là sự gương mẫu của Đảng trong đổi mới để thúc đẩy đổi mới của xã hội. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng đòi hỏi phải tiến hành một cách toàn diện và đồng bộ, trong đó xây dựng Đảng về đạo đức vừa là nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, đồng thời để tiến hành xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa.

(3) *Xây dựng Đảng về đạo đức nhằm ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên*. Sau 4 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng đã tổng kết và

đánh giá: “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi; có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp hơn”¹. Tình trạng đó ảnh hưởng không tốt đến vai trò lãnh đạo của Đảng và sự phát triển bền vững của chế độ ta. Vì vậy, xây dựng Đảng về đạo đức phải được đặc biệt coi trọng trong giai đoạn hiện nay, phải biến thành hành động cụ thể, thường xuyên của tất cả các cấp bộ Đảng, của tất cả mọi cán bộ, đảng viên.

(4) *Xây dựng Đảng về đạo đức nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.* Công cuộc đổi mới toàn diện, đồng bộ đất nước diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường. Quá trình toàn cầu hóa và sự xuất hiện của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang đưa lại những cơ hội mới nhưng cũng đặt ra nhiều khó khăn, thách thức cho Việt Nam. Quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế mang tính tất yếu và trên thực tế đã đem lại những thành quả to lớn cho nền kinh tế - xã hội, nhưng cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp, tác động tiêu cực đến đạo đức xã hội. Trong bối cảnh đó, yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên là vừa phải có năng lực tư duy, khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn phức tạp nảy sinh, vừa phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, đặc biệt là phải rèn luyện đạo đức cách mạng để

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.185.

không bị sa ngã trước mọi cám dỗ. Bởi vậy, xây dựng Đảng về đạo đức trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết, nhằm làm cho mỗi cán bộ, đảng viên xứng đáng với danh hiệu cao quý của những người đứng trong đội ngũ tiên phong, luôn ngang tầm nhiệm vụ được nhân dân yêu mến và tin cậy.

Do vậy, để cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ hơn đối với công tác xây dựng Đảng về đạo đức trong giai đoạn hiện nay cần làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn sau:

Một là, thống nhất nhận thức về quan niệm và ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng về đạo đức. Trước đây, xây dựng Đảng gồm 3 mặt chủ yếu là: chính trị, tư tưởng, tổ chức. Hiện nay, xây dựng Đảng bao gồm 4 mặt cơ bản là: chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức. Như vậy, xây dựng Đảng về đạo đức là một nội dung mới được tách ra thành một nội dung độc lập, ngang hàng với xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức trong công tác xây dựng Đảng. Để triển khai thực hiện công tác xây dựng Đảng với tư duy mới, đòi hỏi phải thống nhất nhận thức quan niệm xây dựng Đảng về đạo đức; làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa xây dựng Đảng về đạo đức với xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức; tầm quan trọng của xây dựng Đảng về đạo đức trong giai đoạn hiện nay.

Hai là, phân tích, cụ thể hóa các nội dung xây dựng Đảng về đạo đức trong các tổ chức, cơ quan, đơn vị, đặc biệt là làm rõ hệ thống chuẩn mực các mối quan hệ của đảng viên với tổ chức đảng và với nhân dân. Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đã đề ra 10 nhiệm vụ cơ bản của công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn hiện nay, trong đó nhiệm vụ thứ ba là

“tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng”. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII tập trung vào vấn đề nổi cộm nhất, bức thiết nhất trong công tác xây dựng Đảng hiện nay, đó là “ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”. Trên cơ sở đó, chúng ta cần cụ thể hóa thành các nội dung sát hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, cơ quan, đơn vị. Đặc biệt, cần tiếp tục nghiên cứu, thảo luận để thống nhất về hệ tiêu chí đạo đức của Đảng trong điều kiện mới và những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của từng cơ quan, đơn vị bằng những quy định cụ thể để tuyên truyền, vận động thực hiện có hiệu quả trong thực tiễn.

Ba là, làm rõ thực trạng và những vấn đề đặt ra cần quan tâm giải quyết, những mô hình, kinh nghiệm tốt trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhất là xây dựng Đảng về đạo đức. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng nói chung và xây dựng Đảng về đạo đức nói riêng là quá trình lâu dài, là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, không chỉ đòi hỏi sự quyết tâm chính trị cao của các cấp ủy, tổ chức đảng mà còn đòi hỏi cách làm sáng tạo, linh hoạt, sát hợp với tình hình cụ thể của các cơ quan, đơn vị. Bởi vậy, để xây dựng Đảng về đạo đức đạt hiệu quả, cần thường xuyên tổng kết, làm rõ thực trạng và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục giải quyết, đặc biệt là cần tổng kết những mô hình, kinh nghiệm tốt từ cơ sở.

Bốn là, làm rõ mối quan hệ hữu cơ và phương thức thực hiện công tác xây dựng Đảng về đạo đức gắn liền với thực hiện cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức,

phong cách Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn dân. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII cùng với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị có quan hệ khăng khít với nhau. Điều này cần được cụ thể hóa bằng những giải pháp cơ bản về cách thức tiến hành.

Năm là, đề xuất những giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả công tác xây dựng Đảng về đạo đức trong giai đoạn hiện nay. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đã đề ra 4 nhóm nhiệm vụ, giải pháp nhằm tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đó là những giải pháp lớn cần quán triệt vận dụng trong quá trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng nói chung và xây dựng Đảng về đạo đức nói riêng. Để triển khai thực hiện xây dựng Đảng về đạo đức, cần tiếp tục nghiên cứu, thảo luận để đưa ra những giải pháp cụ thể thực sự sát thực và phù hợp.

ĐÊ CAO TRÁCH NHIỆM NÊU GUƠNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN, ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ ĐẠO ĐỨC TRONG TÌNH HÌNH MỚI*

Tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức, phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, Đảng ta nhất định ngày càng trong sạch, vững mạnh, “là đạo đức, là văn minh”, lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Xây dựng Đảng về đạo đức là yêu cầu tất yếu khách quan, là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của công tác xây dựng Đảng, nhằm nâng cao uy tín, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và vai trò cầm quyền của Đảng; để Đảng ta là tổ chức của những người ưu tú, có bản lĩnh chính trị vững vàng, luôn đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết và trước hết, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân,

* Bài đăng trên *Tạp chí Cộng sản*, số 11/2020; có chỉnh sửa.

xứng đáng là đội tiền phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc.

Xây dựng Đảng về đạo đức - truyền thống quý báu và phẩm chất cao đẹp của Đảng ta

V.I. Lenin từng chỉ rõ, phải xây dựng đảng cộng sản cầm quyền thật sự là một đảng tiêu biểu cho “trí tuệ, danh dự và lương tâm của thời đại”¹. Tổ chức đảng, đảng viên phải là tấm gương đạo đức, hết lòng, hết sức phục vụ đất nước và nhân dân, hết mục trung thành với Đảng, tận tụy với công việc, đoàn kết, giúp đỡ, yêu thương con người, yêu thương đồng chí.

Ngay từ khi tuyên truyền, vận động thành lập Đảng, trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định, đạo đức cách mạng là nội dung cốt lõi đầu tiên trong những vấn đề căn bản của cách mạng Việt Nam. Người nhiều lần nhấn mạnh, đạo đức là “gốc” của người cách mạng, “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”². Đạo đức cách mạng không phải là đạo đức thủ cựu, mà là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại; không phải vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi

1. V.I. Lenin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, t.34, tr.122.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5, tr.292.

ích chung của Đảng, của dân tộc và của loài người. Đạo đức cách mạng không phải tự nhiên có, mà là kết quả của quá trình phấn đấu học tập, tu dưỡng và rèn luyện không ngừng. Cán bộ, đảng viên phải có trách nhiệm nêu gương đạo đức cách mạng; từ việc làm, lời nói cho đến cách ăn ở, phải thể nào cho *dân tin, dân phục, dân yêu*¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ, “xây” đi đôi với “chống” là vấn đề có tính quy luật trong công tác xây dựng Đảng, là một nguyên tắc trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng. Muốn nâng cao đạo đức cách mạng, phải quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Chiến thắng chủ nghĩa cá nhân là tiêu chí quan trọng nhất đánh dấu sự trưởng thành về chính trị, đạo đức cách mạng của mỗi cán bộ, đảng viên. Bởi, chủ nghĩa cá nhân là “kẻ thù” lớn nhất trong mỗi con người, “đẻ ra hàng trăm thứ bệnh nguy hiểm”, hằng ngày phá hủy cơ thể của Đảng, không những làm giảm sút năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, mà còn làm mất uy tín, lương tâm và danh dự của Đảng². Trong bản *Di chúc thiêng liêng* để lại cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trước lúc đi xa, Người đau đớn dặn dò: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người dày tớ thật trung thành của nhân dân”³.

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.55.

2. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.600-612; t.15, tr.546-548.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622.

Được xây dựng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức của Đảng ta thể hiện ở đường lối, chủ trương đúng đắn do các cấp ủy, tổ chức đảng đề ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình; ở sự hợp lý của hệ thống tổ chức đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên các cấp; ở quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân; ở kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và việc xử lý nghiêm minh đối với sai phạm của các tổ chức đảng, đảng viên; ở phẩm chất đạo đức và sự nêu gương về đạo đức, lối sống của đội ngũ cán bộ, đảng viên,... Xây dựng Đảng về đạo đức là trách nhiệm thường xuyên trong hoạt động của các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên nhằm xây dựng, củng cố và phát triển những giá trị, chuẩn mực đạo đức tiến bộ, góp phần làm cho Đảng luôn trong sạch, vững mạnh, có năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu cao; kết tinh được những giá trị, phẩm chất đạo đức cao đẹp, giàu tính nhân văn, có sức thuyết phục, cảm hóa và lan tỏa rộng rãi trong đời sống xã hội; xứng đáng là đội tiên phong chính trị, đại biểu ưu tú về trí tuệ, biểu tượng cao đẹp về đạo đức, văn hóa, tính nhân văn cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam.

Trong hơn 90 năm lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn chú trọng giáo dục, bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đó là những giá trị, chuẩn mực được kết tinh từ chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng được rèn luyện, bổ sung qua các chặng đường cách mạng, bao gồm: *Một là*, tận trung với Đảng, vững vàng trên

nên tăng tư tưởng, kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng; giữ vững bản chất giai cấp, bản lĩnh chính trị và tính tiên phong cách mạng; giữ vững nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. *Hai là*, tận trung với nước, tận tụy với công việc; có tinh thần trách nhiệm và ý chí quyết tâm thực hiện thắng lợi các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; săn sàng chiến đấu, hy sinh vì Tổ quốc, vì độc lập, tự do cho dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân. *Ba là*, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, nhân nghĩa, trí, tín, dũng; đoàn kết, thống nhất, thân ái, giúp đỡ đồng chí, đồng đội; trung thực, thẳng thắn, dũng cảm đấu tranh tự phê bình và phê bình; kiên quyết khắc phục, loại bỏ những thói hư, tật xấu, hạn chế, yếu kém trong tổ chức đảng và mỗi đảng viên. *Bốn là*, tận hiếu với dân; gắn bó mật thiết với nhân dân, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân; luôn tôn trọng, lắng nghe, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

Nhờ có quá trình liên tục rèn luyện và bồi dưỡng, tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên giữ gìn được phẩm chất đạo đức cách mạng, nêu cao tinh thần yêu nước, gương mẫu, hăng hái đi đầu trong lao động sản xuất, học tập, công tác và chiến đấu; nghiêm túc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; săn sàng hy sinh, cống hiến cho sự nghiệp cách mạng. Đây là nhân tố quan trọng hàng đầu giúp Đảng ta có được nguồn sức mạnh to lớn, lãnh đạo nhân dân ta giành được những thắng lợi vĩ đại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Xây dựng Đảng về đạo đức là nhiệm vụ thường xuyên của Đảng ta trong công cuộc đổi mới, phát triển và bảo vệ đất nước

Trong công cuộc đổi mới, dưới những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, không ít cấp ủy, tổ chức đảng có biểu hiện quan liêu, xa dân, để ra các chủ trương công tác chưa thật sát với lợi ích của nhân dân; một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả ở cấp cao, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, sa vào chủ nghĩa cá nhân, bè phái, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực,..., chưa dũng cảm nhận khuyết điểm trước nhân dân. Việc thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên ở nhiều nơi còn hạn chế; không thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong mối quan hệ với nhân dân, trong công tác xây dựng nội bộ cũng như trong đời sống hằng ngày. Những hạn chế nêu trên đã ảnh hưởng lớn đến lòng tin của nhân dân đối với Đảng, đến vai trò lãnh đạo của Đảng, sự phát triển của đất nước và sự tồn vong của chế độ. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhắc nhở: “một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”¹. Bởi vậy, xây dựng Đảng về đạo đức là nhiệm vụ thường xuyên,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.301.

liên tục; là yêu cầu rất quan trọng, cấp thiết trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay, để Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh, “là đạo đức, là văn minh”, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân và xứng đáng với trọng trách được nhân dân giao phó. Điều này được thể hiện ở những nội dung như sau:

Thứ nhất, thường xuyên bồi dưỡng, rèn luyện lý tưởng đạo đức cách mạng của Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên. Đó là mục tiêu, lý tưởng đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, vì tự do, ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Kể từ khi Đảng ra đời đến nay, lý tưởng đó không thay đổi, không phai nhạt, luôn gắn liền và thống nhất với nền tảng tư tưởng, đạo đức của Đảng. Đảng ta vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, vì nhân dân phục vụ. Ngoài lợi ích của nhân dân và của dân tộc, Đảng không có lợi ích nào khác. Bởi vậy, mục tiêu, lý tưởng của người đảng viên không phải là phấn đấu để làm quan, phát tài hay để mưu cầu danh lợi, mà là để được cống hiến nhiều hơn cho sự nghiệp cách mạng, cho Đảng và dân tộc Việt Nam. Thực tế đã chứng minh, hơn 90 năm qua, vững vàng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định giữ gìn cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đồng thời đề ra những chủ trương, đường lối đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với từng thời kỳ, hoàn cảnh khác nhau của đất nước, Đảng ta đã lãnh đạo cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Trong gần 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, hội nhập và

phát triển, đất nước ta đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Thứ hai, xây dựng, hoàn thiện những quy chế, quy định điều chỉnh thực tiễn xây dựng Đảng về đạo đức trong toàn Đảng. Trước hết, đó là những quy định về chuẩn mực và tiêu gương đạo đức của đảng viên trong từng cơ quan, đơn vị và trên từng lĩnh vực của đời sống xã hội; những quy định, nguyên tắc xây dựng Đảng về đạo đức đối với các cấp ủy, tổ chức đảng; những quy định rất cụ thể trong việc xử lý các hành vi vi phạm tư cách, chuẩn mực đạo đức đối với đảng viên và tổ chức đảng. Trên cơ sở những quy định chung, các cấp ủy, tổ chức đảng ở mỗi cấp, mỗi lĩnh vực hoàn thiện những tiêu chí, chuẩn mực cụ thể, sát thực, dễ nhớ, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, giám sát, làm căn cứ cho tự phê bình, phê bình và xử lý kỷ luật nếu vi phạm. Những chuẩn mực đạo đức đó trở thành tiêu chuẩn, nét đẹp truyền thống, văn hóa ứng xử trong cơ quan, tổ chức, tạo nên giá trị văn hóa cao đẹp trong suốt quá trình hoạt động, xây dựng và phát triển của các tổ chức đảng và đảng viên.

Thứ ba, liên tục giáo dục, rèn luyện, thực hành những chuẩn mực đạo đức trong Đảng, thấm nhuần trong thực tiễn hoạt động và đời sống hằng ngày. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Mọi việc thành hay là bại, chủ chốt là do cán bộ có thấm nhuần đạo đức cách mạng, hay là không”¹. Trong nhân cách của người cán bộ cách mạng, đức và tài

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.354.

phải luôn gắn bó chặt chẽ với nhau; trong đó đức phải được đặt lên hàng đầu, phải là “gốc” bởi người có tài mà không có đức sẽ là người có thể “tham ô hủ hóa có hại cho nước”¹. Đảng ta đặc biệt quan tâm đến quá trình giáo dục đạo đức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, nhất là thế hệ trẻ trong nhà trường, gia đình và xã hội; đồng thời, yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng trực tiếp, thường xuyên giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng đối với tất cả cán bộ, đảng viên. Nội dung giáo dục là toàn diện, từ lý tưởng đạo đức cho đến những yêu cầu cụ thể về phẩm chất đạo đức, những giá trị chuẩn mực của đảng viên và tổ chức đảng; trong đó đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, người có chức vụ càng cao càng phải gương mẫu.

Thứ tư, không ngừng đấu tranh ngăn chặn những hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, đảng viên của Đảng làm việc trong các cơ quan nhà nước nếu không rèn luyện, tu dưỡng thì rất dễ bị cám dỗ, rơi vào chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, tham nhũng, vi phạm chuẩn mực đạo đức của người đảng viên. Điều đó đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng phải thường xuyên tự phê bình và phê bình, quyết liệt đấu tranh với những hành vi phi đạo đức và những biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, như: sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi, ganh ghét, đố kỵ, không muốn người khác hơn mình; độc đoán, gia trưởng, vi

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.345-346.

phạm nguyên tắc tập trung dân chủ; cục bộ, bè phái, tranh chức, tranh quyền, gây mất đoàn kết nội bộ; quan liêu, thò ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm, xa rời quần chúng; tham ô, tham nhũng, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phục vụ lợi ích cá nhân; sa vào các tệ nạn xã hội, vi phạm thuần phong, mĩ tục, chuẩn mực đạo đức gia đình và xã hội,...

Đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên để Đảng ta luôn “là đạo đức, là văn minh”

Thẩm nhuần di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, kế thừa truyền thống tốt đẹp của Đảng ta, trong những năm qua, nhất là từ nhiệm kỳ Đại hội XI của Đảng đến nay, công tác xây dựng Đảng về đạo đức ngày càng được nâng tầm và coi trọng¹. Đặc biệt, Đại hội XII của Đảng xác định: Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ “Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức”², đưa công tác xây dựng Đảng về đạo đức ngang tầm với xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đây là sự bổ sung, phát triển quan trọng về lý luận

1. Trong nhiệm kỳ Đại hội XI của Đảng đã ban hành: Quy định số 47-QĐ/TW ngày 01/11/2011 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm; Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI ngày 16/01/2012 về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay,...

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 202.

và thực tiễn của Đảng ta trong công tác xây dựng Đảng toàn diện, càng cho thấy rõ hơn tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng về đạo đức trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Triển khai đồng bộ nhiệm vụ này, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã đề ra nhiều chủ trương, định hướng quan trọng, gắn chặt công tác xây dựng Đảng về đạo đức với công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Một điểm nhấn quan trọng trong công tác xây dựng Đảng về đạo đức của nhiệm kỳ Đại hội XII là tập trung vào phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, được thể hiện qua nhiều chỉ thị, quy định quan trọng của Đảng, như Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Quy định số 55-QĐ/TW ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên; Quy định số 08-QĐi/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương;...

Quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc các chủ trương, định hướng của Đảng, nhiều cấp ủy, tổ chức đảng đã xây dựng những chuẩn mực, quy định cụ thể về đạo đức của cán bộ, đảng viên phù hợp với đặc điểm, nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị và nghề nghiệp, việc làm của cán bộ, đảng viên. Nhiều cán bộ, đảng viên đã phát huy vai trò tiên

phong, gương mẫu, tự giác, hăng hái, tận tụy với công việc, tạo sức lan tỏa mạnh mẽ, thực sự là những tấm gương sáng. Đồng thời, những cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, hành vi, lối sống, vi phạm quy định về trách nhiệm nêu gương,... đã bị xử lý kỷ luật nghiêm khắc, qua đó, phát huy tác dụng cảnh tỉnh, răn đe, đẩy lùi một bước những biểu hiện tiêu cực, nạn quan liêu, tham nhũng, được nhân dân đánh giá cao, đồng tình, ủng hộ. Nhờ vậy, công tác xây dựng Đảng về đạo đức đã đạt được những kết quả rất quan trọng, góp phần tạo nên điểm sáng nổi bật trong công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ Đại hội XII.

Trong thời gian tới, để công tác xây dựng Đảng về đạo đức đạt hiệu quả thiết thực hơn nữa, các tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cấp ủy và người đứng đầu cần tiếp tục thực hiện thật tốt trách nhiệm nêu gương, cụ thể là:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, để mọi người đều thấy rằng nêu gương là trách nhiệm, bỗn phận và đạo lý của người cán bộ, đảng viên; đồng thời, chuyển từ nhận thức, thái độ đúng đắn thành những hành động thiết thực, cụ thể. Mỗi cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng, thay vì chờ đợi hướng dẫn, chỉ đạo, phải chủ động, tự giác thực hành bằng những hành động, việc làm dù nhỏ trong công tác và đời sống hằng ngày, trong ứng xử với chính mình, với công việc và với tập thể cơ quan, đơn vị; thấm nhuần sâu sắc di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn

văn tuyên truyền”¹. Cán bộ, đảng viên phải tự đặt mình trong kỷ luật của tổ chức, nghiêm túc chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy định của cơ quan, đoàn thể; phải là những người đi đầu trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, các luận điệu xuyên tạc, thù địch.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới phong cách, lề lối làm việc; bảo đảm dân chủ, không độc đoán, chuyên quyền, quan liêu, xa rời quần chúng; luôn gắn bó mật thiết với nhân dân ở nơi cư trú cũng như nơi công tác. Đổi với người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, “nói đi đôi với làm” là cách nêu gương tốt nhất; các thế hệ đi trước nêu gương sáng cho các thế hệ đi sau; lãnh đạo cần nêu gương cho nhân viên; đảng viên cần nêu gương cho quần chúng. Kiên quyết chống những biểu hiện vi phạm chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; nói không đi đôi với làm; nói và làm không nhất quán giữa khi còn đương chức với lúc nghỉ hưu.

Thứ ba, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực; dũng cảm tự phê bình và phê bình. Mỗi cán bộ, đảng viên phải nghiêm túc, thường xuyên tự kiểm điểm bản thân mình, có dũng khí đấu tranh tự phê bình và phê bình trước cấp ủy, tổ chức đảng, thấy đúng phải cương quyết bảo vệ, thấy sai phải quyết liệt đấu tranh, không tranh công, đổ lỗi, dũng cảm nhận khuyết điểm và trách nhiệm. Kiên quyết đấu tranh chống lại việc lợi dụng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.284.

phê bình để bôi nhọ, hạ thấp uy tín của nhau, gây mất đoàn kết nội bộ, hoặc ca ngợi, xu nịnh nhau, làm cho nhiều người, kể cả người lãnh đạo tự mãn, chủ quan. Thực hiện tự phê bình và phê bình phải mang mục đích, ý nghĩa trong sáng, vì công việc chung, vì sự đoàn kết của tổ chức và vì sự tiến bộ của từng đảng viên.

Thứ tư, Đảng ta đang tiến hành đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Đây là dịp để mỗi cán bộ, đảng viên, cấp ủy, tổ chức đảng góp phần tích cực xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, trong đó có xây dựng Đảng về đạo đức và thực hành trách nhiệm nêu gương, sáng suốt đề ra và quyết tâm thực hiện thắng lợi các chủ trương, đường lối của Đảng trong giai đoạn tới. Theo đó, cần thể hiện quyết tâm chính trị cao trong quá trình xây dựng các văn kiện trình đại hội đảng bộ các cấp, thể hiện được khát vọng, tầm nhìn và ý chí, quyết tâm xây dựng và phát triển đất nước, đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp đột phá phù hợp với thực tiễn cụ thể của từng địa phương, đơn vị, tránh những biểu hiện giáo điều, chủ quan, duy ý chí và chạy theo thành tích... Phải làm sao để các tầng lớp nhân dân nhìn vào nghị quyết của Đảng thấy rõ được ở đó trách nhiệm chính trị và trách nhiệm đạo đức của Đảng trước nhân dân, trước dân tộc; để nghị quyết của Đảng thật sự là lời hứa, lời cam kết của danh dự và lương tâm của Đảng trước toàn dân và tương lai dân tộc.

Tích cực tuyên truyền về đại hội đảng bộ các cấp, gắn với việc đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, kỷ niệm các ngày lễ lớn của Đảng và đất nước; hình thành đợt sinh hoạt

chính trị sâu rộng để phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, góp phần tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân; đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, các phần tử cơ hội chính trị; tạo không khí phấn khởi, tin tưởng, đoàn kết, thống nhất khi bước vào đại hội.

Cấp ủy các cấp cần thể hiện rõ tính gương mẫu, tinh thần tự phê bình và phê bình trong báo cáo kiểm điểm; mỗi đại biểu đảng viên đi dự đại hội cần thể hiện tinh thần, ý thức trách nhiệm cao trong việc lựa chọn những cán bộ tiêu biểu về phẩm chất đạo đức và tài năng cho cấp ủy mới; đóng góp tích cực cho việc hoàn thiện dự thảo các văn kiện của đại hội; góp phần xây dựng các tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, xứng đáng với sứ mệnh và trọng trách được nhân dân tin tưởng giao phó.

CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ĐẢNG TRONG ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ^{*}

Tư tưởng “dân là gốc” là truyền thống đạo lý muôn đời của dân tộc Việt Nam. Nắm chắc “quốc bảo lòng dân”, phát huy lực lượng của dân luôn được các bậc tiền nhân vận dụng trong suốt mấy nghìn năm gây dựng cơ đồ, dựng nước và giữ nước: từ trong truyền thuyết Thánh Gióng đến việc xây thành Cổ Loa; trong những cuộc khởi nghĩa của Bà Trưng, Bà Triệu cho đến Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,... suốt một nghìn năm Bắc thuộc; trong lời thơ danh thép của Lý Thường Kiệt - áng tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc Việt Nam, trong việc khơi dậy tinh thần đoàn kết, quả cảm của Hội nghị Diên Hồng tháng Chạp năm Giáp Thân và lời hiệu triệu vang động non sông, kêu gọi toàn dân chống giặc giữ nước của *Hịch tướng sĩ*, cũng như trong bản

* Phát biểu tại Hội thảo khoa học “Quan điểm, phương pháp đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” tổ chức ngày 29/8/2019 tại Đà Nẵng; bài đăng trên Tạp chí *Dân vận*, số 8/2019; có chỉnh sửa.

tuyên ngôn hùng tráng *Bình Ngô đại cáo* sau chiến thắng chống quân Minh xâm lược. Điều đó còn được thể hiện trong công cuộc vận động người dân Nam tiến, lấn biển khai hoang, mở mang bờ cõi để hình thành đất nước mang quốc hiệu Việt Nam liền một dải từ mũi Cà Mau đến địa đầu Móng Cái, với các quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa... không thể tách rời, thuộc chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc.

Kể từ khi thành lập, trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, Đảng ta luôn xác định công tác dân vận là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược; là điều kiện quan trọng hàng đầu bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, củng cố và tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Là người sáng lập Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới công tác dân vận. Người đã viết cách đây 70 năm trong bài báo *Dân vận* rằng: "... Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công"¹. Dân tộc ta, để chiến thắng những kẻ thù hùng mạnh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, không thể không huy động mọi lực lượng của nhân dân. Lực lượng ấy chỉ có thể là sức mạnh đại đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng kết hợp với sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế. Xây dựng khối “Đại đoàn kết toàn dân” và thực hiện “Ý Đảng, Lòng Dân” đã trở thành nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.6, tr.234.

Gần 35 năm qua, kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác dân vận đã đạt được những thành tựu hết sức quan trọng, đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Từ chỗ phải tiến hành công tác dân vận trong điều kiện đất nước gập muộn vàn khó khăn, chúng ta đã có một môi trường phát triển hết sức thuận lợi so với trước: đất nước trở thành quốc gia có mức thu nhập trung bình; đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao; từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung, chúng ta đã chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng.

Từ chỗ chỉ tiến hành một chiều, đơn tuyến theo hướng vận động nhân dân từ trên xuống dưới, công tác dân vận đã có nhiều đổi mới để phát huy dân chủ, nhất là phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đặc biệt, với việc đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, phương châm “Dân biết, Dân bàn, Dân làm, Dân kiểm tra” và cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, công tác dân vận thời gian qua đã tạo sự đồng thuận trong xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, trở thành trụ cột của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Cùng với tiến trình đổi mới hệ thống chính trị, hệ thống dân vận của Đảng từng bước được củng cố, kiện toàn, phối hợp chặt chẽ với hệ thống các ban Đảng khác, hệ thống Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, giữ vai trò hạt nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, để phát huy “quốc bảo lòng dân”, góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới.

Từ những nội dung, phương thức còn tương đối đơn điệu, công tác vận động nhân dân đã được đa dạng hoá với nhiều nội dung, hình thức phong phú, đáp ứng yêu cầu phát triển mới của đất nước. Nội dung vận động được đổi mới, tập trung chỉ đạo theo các chủ đề, đáp ứng hơi thở thực tiễn cuộc sống: từ việc thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân cho đến việc vận động quần chúng nhân dân tuân thủ pháp luật, tích cực tham gia xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, xây dựng Nhà nước hành động, liêm chính, phục vụ phát triển, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước,...

Phương thức vận động nhân dân cũng được triển khai theo nhiều kênh, nhiều tầng và bằng nhiều biện pháp, với sự tham gia tích cực của các phương tiện truyền thông đại chúng và các đoàn thể chính trị - xã hội. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền, những phong trào như: Dân vận khéo, Dân vận chính quyển,... với nhiều mô hình tiêu biểu, tấm gương điển hình tiên tiến đã có hiệu ứng lan tỏa sâu rộng, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, các nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, đơn vị. Nhờ những chủ trương đúng đắn về đổi mới nội dung và phương thức dân vận, chúng ta đã huy động được một nguồn lực to lớn trong nhân dân góp phần thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, như Chương trình mục tiêu quốc gia; Chương trình xây dựng nông thôn mới,...

Tuy nhiên, trước yêu cầu của tình hình mới, công tác dân vận còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập.

Thứ nhất, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận còn chậm đổi mới; việc thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng về công tác dân vận chưa kịp thời, chưa phù hợp với thực tiễn, nhất là với từng đối tượng quần chúng nhân dân ở các địa phương, cơ quan khác nhau, do đó, chưa đáp ứng đầy đủ lợi ích, nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Thực tế hiện nay cho thấy tình trạng “ngại”, “lười” thậm chí “né” làm công tác dân vận, hoặc coi đây là công việc riêng của một ban Đảng. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng chưa lấy công tác vận động và chăm lo lợi ích của nhân dân làm nội dung chủ yếu trong hoạt động của mình. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và phương châm “Dân biết, Dân bàn, Dân làm, Dân kiểm tra” có nơi còn mang tính hình thức. Một số cán bộ, đảng viên còn thiếu gương mẫu, sống xa dân; trong công việc có lúc tỏ ra “ngại dân”, “sợ dân”, có lúc lại quan liêu, nhũng nhiễu, phiền hà, gây bức xúc trong nhân dân.

Thứ hai, công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chưa được quan tâm đúng mức. Chất lượng tuyên truyền, vận động nhân dân còn thấp. Chưa phát huy triệt để sức mạnh tổng hợp của các cơ quan truyền thông đại chúng, tận dụng tốt các phương tiện truyền thông hiện đại như mạng xã hội, mở rộng các kênh đối thoại trực tiếp với nhân dân, góp phần giải tỏa bức xúc, hoài nghi trong xã hội. Một số cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân chưa xác định rõ nội dung và

lựa chọn cách thức phát động thi đua đa dạng, phong phú, sát với thực tế của địa phương, đơn vị, do đó không ít phong trào quần chúng còn mang nặng hình thức, kém hiệu quả.

Công tác đánh giá và dự báo trong dân vận còn thiếu chính xác nên chưa nắm được tình hình nhân dân, tâm tư, nguyện vọng của các giai tầng xã hội, còn để xảy ra những tình huống bất ngờ, nhiều bức xúc của người dân chưa được quan tâm, giải quyết thỏa đáng khiến tình trạng đơn thư khiếu nại, tố cáo đồng người, vượt cấp còn diễn biến phức tạp.

Thứ ba, hoạt động của hệ thống dân vận, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở nhiều địa phương chậm được đổi mới. Các tổ chức chính trị - xã hội về cơ bản vẫn theo mô hình được thiết kế trong thời kỳ áp dụng cơ chế kế hoạch hoá tập trung, không còn phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế: bộ máy cồng kềnh; hoạt động bị hành chính hóa, thụ động; cán bộ làm công tác dân vận bị công chức hóa, ít động lực, ít gắn bó với đoàn viên, hội viên. Nhiều tổ chức quá phụ thuộc vào chỉ đạo của cấp ủy đảng, không bám sát tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ và không xuất phát từ những vấn đề bức xúc, nguyện vọng chính đáng của hội viên, đoàn viên, ít chú trọng phát huy lực lượng của hội viên, đoàn viên, xa rời nguyên tắc “dân là gốc” của công tác dân vận. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở không ít nơi chưa phát huy vai trò là nòng cốt của khối đại đoàn kết toàn dân, chưa bám sát các nhiệm vụ trọng tâm, chậm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng đa dạng, thiết thực, hướng về cơ sở, quan tâm đến lợi ích, nguyện vọng của nhân dân.

Đất nước ta ngày càng phát triển, cơ đồ dân tộc ta ngày càng vững vàng. Chưa bao giờ, chúng ta có được lực lượng nhân dân to lớn đến thế để thực hiện khát vọng trở thành một quốc gia phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, sánh vai với nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, càng đi sâu vào quá trình đổi mới đất nước, bên cạnh những thuận lợi, thời cơ, chúng ta cũng phải đổi mới với nhiều thách thức, khó khăn nảy sinh. Phát triển kinh tế thị trường, một mặt, giúp giải phóng được nguồn lực to lớn trong nhân dân, khiến cho đời sống của nhân dân trở nên sung túc; song mặt khác, cũng làm phân hóa các giai tầng xã hội với những lợi ích và ý kiến khác nhau, có phản ứng phức tạp và nhạy cảm hơn trước những thay đổi về chủ trương, chính sách và trước các vấn đề, sự kiện về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội và môi trường. Sự bùng nổ của Internet và mạng truyền thông xã hội khiến thông tin lan tỏa nhanh chóng, tạo ra những diễn đàn dư luận nhiều chiều, trong đó có cả những thông tin sai sự thật, xuyên tạc, b López. Quá trình hội nhập quốc tế sâu, rộng giúp chúng ta huy động được những nguồn lực ở bên ngoài, nâng cao vị thế đất nước, song cũng bị các thế lực thù địch lợi dụng triệt để tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta. Đứng trước những cơ hội và thách thức đó, chúng ta càng ý thức được tầm quan trọng của “Ý Đảng, Lòng Dân”, vai trò to lớn của công tác dân vận và trách nhiệm xây dựng Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lãnh đạo sự nghiệp chấn hưng, phát triển đất nước mà nhân dân giao phó.

Hơn lúc nào hết, công tác dân vận phải nắm vững bài học “tin dân, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân, có trách nhiệm với dân”; phải thấm nhuần sâu sắc lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân”¹. Đảng ta lấy lợi ích của nhân dân để định hướng mục tiêu lãnh đạo; lấy sự hài lòng của nhân dân làm thước đo kết quả. Để lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công, Đảng phải tăng cường niềm tin của nhân dân vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng ý chí và khát vọng phát triển của nhân dân; phát huy ý thức và trách nhiệm của nhân dân; và làm cho toàn dân cảm nhận được sự hưởng thụ và giàu có từ quá trình phát triển.

Tình hình và nhiệm vụ mới đòi hỏi phải thực sự đổi mới công tác dân vận theo phương châm: sáng tạo, thiết thực, hiệu quả. *Sáng tạo*, trước hết, đó là khuyến khích, coi trọng sự sáng tạo thực tiễn của quần chúng nhân dân, từ những mô hình hay, kinh nghiệm tốt trong nhân dân, tổng kết nâng tầm thành lý luận và chính sách để chỉ đạo triển khai thực tiễn mới. *Để người dân vận động người dân, người dân học tập người dân là cách làm dân vận tốt nhất*. Có như vậy, dân vận không chỉ là công việc thường xuyên của Đảng mà còn là sinh hoạt hằng ngày của nhân dân. *Thiết thực* là làm việc gì đầu tiên, trước hết phải nghĩ đến lợi ích của nhân dân, xuất phát từ nhu cầu của nhân dân và phục vụ nhân dân. Công tác tuyên truyền, vận động của Đảng trong nhân dân được

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.232.

thực hiện tốt nhất không phải bằng lời nói suông mà chính bằng sự gương mẫu của các cán bộ, đảng viên, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: "... một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền"¹. *Hiệu quả* là cốt không phải ở chỗ có nhiều phong trào mà ở chỗ có sự thay đổi nhận thức của đông đảo quần chúng nhân dân. Công tác dân vận còn là để lắng nghe ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; tuyên truyền, giải thích cho nhân dân hiểu rõ, hiểu đúng các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật; phát huy "thế trận lòng dân", "quốc bảo lòng dân"; quyết liệt đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.1, tr.284.*

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH ĐỔI MỚI, TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC DẠY VÀ HỌC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ*

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh là trung tâm quốc gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý trung, cao cấp, cán bộ khoa học lý luận chính trị của hệ thống chính trị; trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học lý luận Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các khoa học chính trị, khoa học lãnh đạo, quản lý. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh trước hết là ngôi trường đào tạo cao cấp nhất của Đảng. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Học viện hiện nay bao gồm các hệ lớp: Đào tạo cao cấp lý luận chính trị; bồi dưỡng chức danh; cập nhật kiến thức cho cán bộ lãnh đạo, quản lý; các lớp dự nguồn cán bộ chiến lược; đào tạo đại học và sau đại học. Trong đó, đào tạo cao cấp lý luận chính trị được xem là nhiệm vụ trọng tâm, cơ bản và then chốt, với mục tiêu trực tiếp là đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp cho Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước

* Bài đăng trên Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 5/2017; có chỉnh sửa.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cả hệ thống chính trị. Trong bối cảnh hiện nay, khi sự suy thoái về tư tưởng chính trị đang có những biểu hiện đáng lo ngại và cuộc đấu tranh chống lại sự suy thoái đó đang diễn ra mạnh mẽ, quyết liệt thì nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lại càng có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

1. Những kết quả chủ yếu

Thứ nhất, về quy mô, đối tượng và hệ đào tạo

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hiện có 5 cơ sở đào tạo cao cấp lý luận chính trị, gồm Học viện Quốc gia, Học viện Chính trị khu vực I (Hà Nội), Học viện Chính trị khu vực II (Thành phố Hồ Chí Minh), Học viện Chính trị khu vực III (Thành phố Đà Nẵng), Học viện Chính trị khu vực IV (Thành phố Cần Thơ). Mỗi năm Học viện đào tạo trình độ cao cấp lý luận chính trị cho từ 13.000 đến 14.000 học viên trong hệ thống chính trị. Đối tượng học viên là đảng viên, đã tốt nghiệp đại học, giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Trưởng phòng cấp huyện trở lên (hoặc tương đương), Phó Trưởng phòng cấp bộ trở lên (hoặc tương đương), hoặc được quy hoạch vào các chức danh này. Tùy điều kiện cụ thể, học viên có thể tham gia 1 trong 3 hệ đào tạo: hệ tập trung (8 tháng), hệ không tập trung (18 tháng) và hệ hoàn chỉnh kiến thức (5 tháng).

Thứ hai, về nội dung chương trình đào tạo

Trước năm 2014, Học viện có nhiều chương trình đào tạo cao cấp lý luận chính trị: Chương trình dành cho hệ tập trung (theo các chuyên đề); chương trình dành cho hệ không tập trung (theo môn học), chương trình dành cho Học viện

Quốc gia (đối với đối tượng học viên giữ các chức vụ Phó Vụ trưởng, Phó Giám đốc Sở và tương đương trở lên), chương trình dành cho các Học viện Chính trị khu vực (với đối tượng học viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương).

Từ tháng 8/2014, Học viện đã ban hành một khung chương trình mới dành cho cả hệ tập trung và không tập trung, áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống Học viện. Chương trình bao gồm 4 khối kiến thức: (1) Chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; (2) Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; (3) Các vấn đề khoa học chính trị và lãnh đạo, quản lý; (4) Các chuyên đề đặc thù và bổ trợ được cấu tạo thành 2 phần: Các chuyên đề bắt buộc và Các chuyên đề tự chọn. Chương trình này được đánh giá là có tính thực tiễn cao hơn, cung cấp kiến thức toàn diện hơn, dành nhiều thời gian cho thảo luận, tự nghiên cứu, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học.

Thứ ba, về phương pháp giảng dạy - học tập

Thực hiện quyết định của Giám đốc Học viện về đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tăng cường tương tác, phát huy tính chủ động sáng tạo của người học, đa số giảng viên ở các đơn vị giảng dạy đã nhận thức rõ sự cần thiết phải đổi mới và đa dạng hóa phương pháp giảng dạy. Nhiều giảng viên đã áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực với sự chuẩn bị công phu, chú trọng đối thoại, trao đổi, làm việc nhóm, thuyết trình để tài,... từng bước hạn chế giảng bài theo lối thuyết trình đơn thuần. Học viên tích cực tham gia thảo luận, trao đổi ý kiến về những vấn đề mới, những vướng mắc trong thực tiễn đặt ra. Một số đơn vị giảng dạy đã tổ chức tập

huấn về phương pháp soạn bài giảng cho giảng viên, thông qua đề cương bài giảng, qua đó đánh giá, nhận xét, góp ý cho giảng viên, nên chất lượng bài giảng đã được nâng lên rõ rệt.

Phương pháp đào tạo được áp dụng cho các lớp bồi dưỡng dự nguồn cán bộ cao cấp đạt hiệu quả cao, được xem là hình mẫu và từng bước được nhân rộng trong hoạt động đào tạo của toàn hệ thống Học viện.

Thứ tư, công tác tổ chức quản lý dạy và học

Để công tác quản lý đào tạo từng bước đi vào nền nếp, nâng cao trách nhiệm và tính tự chủ của các đơn vị trực thuộc, Ban Giám đốc Học viện đẩy mạnh phân cấp quản lý, nhằm giảm bớt các khâu trung gian, cồng kềnh và kém hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho học viên.

Các đơn vị giảng dạy đã chủ động chọn lựa, bố trí giảng viên có kiến thức sâu về lý luận và am tường về thực tiễn đảm nhận các chuyên đề phù hợp trong chương trình nhằm triển khai đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

Đa số giảng viên và học viên, sinh viên đã chấp hành khá nghiêm quy định của Học viện về thời gian lên lớp và có ý thức nghe giảng, thảo luận nghiêm túc. Các thầy giáo, cô giáo nhiệt tình, có trách nhiệm cao trong các bài giảng được phân công.

Công tác quản lý học tập của học viên được thực hiện trên cơ sở phối hợp giữa trách nhiệm của giảng viên, các đơn vị giảng dạy với vai trò tự quản của lớp và trách nhiệm của cán bộ quản lý lớp. Trong các buổi học, các đơn vị quản lý đào tạo đã tăng cường kiểm tra việc chấp hành thời gian lên lớp bằng

nhiều biện pháp: Sử dụng hệ thống camera giảng đường, thiết bị điểm danh học viên bằng vân tay; lập sơ đồ chõ ngồi học viên, điểm danh vào thời gian bắt đầu và kết thúc buổi học,... Cơ quan quản lý đào tạo và cơ quan thanh tra thường xuyên cử cán bộ đi kiểm tra hoạt động dạy và học trên lớp theo hướng “kiểm tra mà không kiểm tra”, không làm ảnh hưởng tới môi trường đào tạo thân thiện, gây mất tập trung trong học tập. Đặc biệt, lãnh đạo các cơ sở đào tạo trong hệ thống Học viện trực tiếp thực hiện việc kiểm tra đột xuất việc dạy và học, từ đó uốn nắn kịp thời những thiếu sót, hạn chế. Trong các buổi lên lớp, giảng viên đã ghi nhận xét, xác nhận việc chấp hành nội quy học tập của lớp vào cuối giờ học. Số học viên không lên lớp học đủ thời gian quy định của từng môn đều được bố trí học bồi sung hoặc học lại theo đúng Quy chế đào tạo.

Các cơ sở đào tạo đã từng bước áp dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng, thông báo kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu học tập toàn khóa, tháng, tuần đến các khoa, phòng chức năng, các hệ lớp và trong quản lý hồ sơ lý lịch, hồ sơ học tập của học viên bảo đảm sự đồng bộ, chính xác ở tất cả các khâu trong quá trình đào tạo.

Kết thúc học kỳ và toàn khóa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các Học viện trực thuộc đã chỉ đạo các hệ lớp sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình học tập, rèn luyện của từng học viên, qua đó chỉ đạo công tác quản lý đào tạo sát thực, kịp thời. Việc xếp loại học tập, khen thưởng học viên cuối khóa được tổ chức theo hướng chặt chẽ, thực chất, tránh bệnh thành tích.

Thứ năm, về cơ sở vật chất phục vụ dạy và học

Học viện không ngừng cải thiện các điều kiện về cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cao cấp lý luận chính trị. Hệ thống giảng đường thường xuyên được bổ sung và nâng cấp, phù hợp với quy mô học viên, đáp ứng các chuẩn mực về môi trường sư phạm, với các trang thiết bị cần thiết phục vụ dạy và học. Thư viện có hệ thống tài liệu phong phú, đa dạng được bố trí khoa học, phục vụ tốt nhu cầu tự học, tự nghiên cứu của cán bộ, học viên. Học viện Chính trị quốc gia đã đưa Thư viện điện tử vào sử dụng, bước đầu phát huy được những tính năng ưu việt của nó. Bên cạnh đó, các đơn vị giảng dạy cũng chuẩn bị nhiều tài liệu học tập, giáo trình, giáo khoa, sách tham khảo để hỗ trợ quá trình dạy và học.

Ký túc xá thường xuyên được chỉnh trang, xây mới, bảo đảm đủ chỗ ở tiện lợi cho người học.

2. Một số hạn chế, bất cập

- Chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng tuy đã được điều chỉnh, đổi mới trong những năm vừa qua, nhưng hiện nay vẫn còn có biểu hiện bị khô cứng, lạc hậu so với thực tiễn sinh động đang thay đổi nhanh, không tạo sự hấp dẫn đối với người học.

Khung chương trình cao cấp lý luận chính trị hiện nay đang đúng trước mâu thuẫn lớn giữa thời gian học tập chỉ 8 tháng (đã được thu gọn ít hơn 2 tháng so với trước đây) với sự quá tải về nội dung các môn học, trong đó có một số môn học được các cơ quan Trung ương yêu cầu bổ sung thêm (an ninh - quốc phòng; phòng, chống tham nhũng; bình đẳng giới; thi đua - khen thưởng...). Với yêu cầu cắt giảm thời lượng của

chương trình đào tạo cao cấp lý luận chính trị, nội dung giảng dạy các môn lý luận cơ bản (triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học) đã bị cắt giảm đáng kể. Bên cạnh đó, nội dung của khung chương trình cao cấp lý luận chính trị còn không ít điểm trùng lắp: trùng lắp giữa các chuyên đề, môn học trong chương trình; trùng lắp giữa chương trình cao cấp lý luận chính trị và các chương trình đào tạo khác. Hơn nữa, theo đánh giá của các chuyên gia, chương trình cũng chưa bảo đảm được thật đầy đủ các yêu cầu học thuật của các môn học, và cũng chưa đáp ứng được nhu cầu của đối tượng người học là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý rất đa dạng về nghề nghiệp, chuyên môn, vị trí công tác...

- Tỷ lệ đào tạo cao cấp lý luận chính trị tập trung và không tập trung hiện nay chưa hợp lý, do đào tạo không tập trung nhiều hơn so với đào tạo tập trung, dẫn đến một số biểu hiện suy giảm về chất lượng đào tạo.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy có nhiều điểm chưa hoàn toàn phù hợp, chưa đáp ứng được yêu cầu vừa có trình độ học thuật cao, vừa có hiểu biết, kinh nghiệm thực tiễn. Một số cán bộ chuyên môn lựa chọn ngạch giảng viên vì yếu tố kinh tế (do có phụ cấp đứng lớp), nên chưa chuyên tâm nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận. Do vậy, có biểu hiện một số nội dung giảng dạy bị rơi vào xu hướng “lý luận suông”, thiếu hơi thở của thực tiễn.

- Phương pháp đào tạo tuy có đổi mới nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Nhiều giảng viên vẫn thiên về thuyết trình một chiều. Sự tương tác giữa người dạy và người học chưa đồng đều, đôi khi chỉ mang tính hình thức. Việc khai thác các phương tiện kỹ thuật phục vụ giảng dạy

và học tập còn hạn chế. Nhiều trường hợp sử dụng máy chiếu chỉ để thay cho viết bảng.

- Trong đội ngũ học viên có không ít người chưa thực sự nghiêm túc trong học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị, do động cơ chủ yếu học để lấy bằng cấp, sử dụng bằng cấp cho thăng tiến, tăng lương, chuyển ngạch,... Vấn đề kỷ cương, kỷ luật trong học tập lý luận chính trị đang đặt ra một cách cấp bách, cần được đặc biệt quan tâm.

- Công tác quản lý đào tạo còn một số bất cập, trong thời gian dài còn lẫn lộn chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị làm công tác chuyên môn với các đơn vị làm công tác quản lý. Việc quản lý học viên tuy đã có những tiến bộ đáng kể, nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Việc phối hợp giữa Học viện với cấp ủy cử cán bộ đi học chưa thành nền nếp, nội dung rèn luyện của học viên chưa được chú trọng đúng mức.

- Công tác thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập còn nhiều hạn chế và nể nang. Học viên tốt nghiệp thường chỉ xếp loại giỏi và khá, hầu như không có trung bình. Trong khi đó, năng lực học tập thực tế của học viên có sự phân loại rõ nét.

- Cơ sở vật chất, hậu cần, kỹ thuật, công nghệ còn lạc hậu và thiếu so với yêu cầu của nhiệm vụ đào tạo; chưa theo kịp xu hướng chung của giáo dục, đào tạo hiện đại.

3. Một số giải pháp đổi mới công tác dạy và học lý luận chính trị hiện nay

Một là, đổi mới, nâng cao chất lượng nội dung chương trình

Học viện đang tiến hành rà soát, cắt bỏ các nội dung trùng lặp trong khung chương trình cao cấp lý luận chính trị;

cập nhật các nội dung Văn kiện Đại hội XII của Đảng và các Nghị quyết Hội nghị Trung ương khóa XII; bổ sung những nội dung mới, những vấn đề mang tính toàn cầu, khu vực và trong nước đang tác động đến đời sống mọi mặt của đất nước.

Từ tháng 8/2017, Học viện đã có một khung chương trình cao cấp lý luận chính trị mới, đáp ứng tốt hơn yêu cầu thực tiễn đặt ra, kèm theo đó là bộ giáo trình tương ứng của tất cả các môn học liên quan.

Hai là, đổi mới phương thức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Học viện đang tiến hành đa dạng hóa các hình thức đánh giá và có sự cân nhắc cho phù hợp với hình thức đào tạo giữa tập trung và không tập trung theo hướng ưu tiên hình thức thi vấn đáp đối với các lớp tập trung, tự luận mở đối với các lớp không tập trung.

Hình thức thi tự luận mở được Học viện bắt đầu áp dụng từ năm học 2016-2017. Quy trình ra đề thi bắt đầu trước khi thi 120 phút, được chuyển đến địa điểm thi trước khi thi 15 phút. Học viên được phép sử dụng các tài liệu liên quan. Dạng đề thi này giúp học viên thể hiện tốt năng lực tổng hợp trong phân tích, đánh giá, tổng kết thực tiễn, phát huy cao nhất sự sáng tạo cá nhân. Qua đó, việc đánh giá học viên chính xác, khách quan hơn.

Học viện cũng sẽ áp dụng hình thức thi trắc nghiệm đối với một số môn học phù hợp.

Ba là, đổi mới công tác quản lý học viên

Học viện đang tăng cường quản lý học viên một cách chặt chẽ và toàn diện, cả trong và ngoài giờ học, không chỉ về tinh

thần, thái độ học tập mà cả về văn hóa ứng xử trong sinh hoạt hằng ngày. Trong công tác quản lý học viên, chỉ đạo chung của Giám đốc Học viện là: Phát huy tinh thần trách nhiệm của giảng viên; nâng cao ý thức tự quản của cán bộ lớp và của học viên; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường tính chuyên nghiệp của các đơn vị quản lý học viên; hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng.

Học viện đã ban hành quy định về trách nhiệm của giảng viên trong quản lý học viên khi lên lớp, về nhiệm vụ của Ban Chi ủy, Ban Cán sự lớp trong thực hiện vai trò tự quản. Các phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác quản lý, như: hệ thống camera giảng đường, thiết bị điểm danh vân tay được bổ sung, nâng cấp, hoạt động một cách đồng bộ. Cùng với đó, Học viện đã chỉnh sửa, bổ sung Quy chế đào tạo cao cấp lý luận chính trị cho phù hợp nhất với điều kiện thực tiễn mới.

Học viện đã gửi công văn yêu cầu các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy các bộ, ngành Trung ương phối hợp chặt chẽ với Học viện trong tuyển sinh và quản lý học viên: Lựa chọn người học bảo đảm đúng tiêu chí, không cử người đi học sai đối tượng, nhất là hình thức học không tập trung; kiên quyết không thay đổi người đi học sau khi đã xét duyệt; tạo điều kiện về thời gian, công việc để học viên yên tâm tập trung học tập; tăng cường trách nhiệm quản lý học viên của cấp ủy cử đi học, quy định học viên nghỉ học phải có công văn của cơ quan cử đi học.

Trong thời gian tới, Học viện sẽ dần từng bước điều chỉnh quy mô đào tạo cao cấp lý luận chính trị theo hướng tăng quy mô đào tạo tập trung, giảm quy mô đào tạo không tập trung

để nâng cao hiệu quả công tác quản lý học viên, qua đó, nâng cao chất lượng đào tạo.

Bốn là, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên

Chất lượng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị có vai trò quan trọng đặc biệt đối với việc nâng cao tri thức, tầm nhìn, tư tưởng của học viên trường Đảng. Cùng với việc lấy học viên làm trung tâm trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, hiện nay Học viện cũng thực hiện coi giảng viên là trung tâm theo tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh “muốn có trò giỏi, phải có thầy giỏi”. Do đó, Học viện đã tập trung thực hiện các giải pháp cơ bản sau đây:

- Nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên lý luận chính trị ngang tầm nhiệm vụ mới.

Đội ngũ giảng viên lý luận chính trị vừa là những nhà giáo, nhà khoa học, am hiểu thực tiễn trong nước và thế giới, nắm bắt được xu hướng phát triển và các mối quan hệ trong sự vận động và phát triển của các quốc gia, khu vực; đồng thời vừa là những người làm công tác tư tưởng. Do vậy, yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên của Học viện là phải không ngừng tự đào tạo, học tập nâng cao trình độ về mọi mặt, tích cực tổng kết thực tiễn, sống cùng thực tiễn để nắm bắt được sự phát triển không ngừng của thực tiễn, có khả năng luận giải được những vấn đề còn nhiều tranh luận trong xã hội, trên cơ sở đó mới có thể thuyết phục được người học và truyền cảm hứng, niềm tin cho người học thông qua nội dung giảng dạy của người giảng viên.

- Tạo môi trường khoa học rộng mở để phát huy sức sáng tạo của giảng viên.

Đội ngũ giảng viên lý luận chính trị phải được tin tưởng, giao nhiệm vụ để có thể phát huy tối đa sức sáng tạo của mình trong nghiên cứu, trao đổi học thuật. Trước sự phát triển nhanh chóng của khoa học, lý luận thế giới, giảng viên lý luận chính trị rất cần được tạo điều kiện để trao đổi tri thức, học hỏi và chia sẻ tri thức với các nhà khoa học trong nước cũng như quốc tế. Đội ngũ giảng viên trẻ cần được đưa đi nghiên cứu thực tế một cách bài bản, dưới nhiều hình thức để có thể học tập và rèn luyện từ thực tiễn.

- Nâng cao tinh thần kỷ luật, trách nhiệm, ý thức nêu gương, đạo đức nhà giáo của giảng viên trường Đảng.

Hơn ai hết, đội ngũ giảng viên lý luận chính trị trường Đảng cần phải là những người kiên định niềm tin, lý tưởng, nắm chắc nền tảng tư tưởng, có trách nhiệm cao về giữ gìn phẩm cách nhà giáo của noi đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị. Muốn có những thế hệ học viên là cán bộ thực tốt, người giảng viên trước hết phải có đạo đức trong sáng, tâm huyết, yêu nghề, có khả năng nêu gương và tạo niềm tin cho học viên. Muốn có được đội ngũ học viên là cán bộ, công chức tận tâm, tận lực phục vụ nhân dân, phục vụ đất nước thì mọi tiêu cực trong đội ngũ giảng viên trường Đảng mang tên Bác cần phải được loại trừ. Giảng viên giáo dục lý luận chính trị phải là những người có tinh thần kỷ luật cao, trách nhiệm với mỗi bài giảng, mỗi lời nói của chính mình. Đội ngũ giảng viên phải hiểu rất rõ rằng, mỗi thông điệp mà bài giảng của họ đưa ra đều liên quan đến sự tồn vong của chế độ và sự nghiệp cách mạng của nhân dân. Do đó, tinh thần kỷ luật phát

ngôn, kỷ luật lên lớp, ý thức trách nhiệm trong giảng dạy luôn phải được quán triệt nghiêm túc.

Năm là, đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị

Lý luận chính trị phải xuất phát từ thực tiễn đời sống xã hội và phải trở lại phục vụ, giải quyết các vấn đề đặt ra trong đời sống xã hội, do đó đòi hỏi phương pháp dạy và học lý luận chính trị cũng phải rất thực tiễn và không ngừng được đổi mới.

Trong bối cảnh hiện nay, trước hàng loạt vấn đề mới đặt ra từ đời sống xã hội sinh động của đất nước và thế giới, việc truyền bá một chiều, áp đặt, duy ý chí từ phía giảng viên sẽ không còn phù hợp. Do đó, đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học; gợi mở, thảo luận, trao đổi thẳng thắn, đối thoại có trách nhiệm giữa giảng viên và học viên, kết hợp với ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và các phương tiện hiện đại... tiếp tục được xem là phương thức giảng dạy tích cực, hiện đại tại Học viện.

Với tinh thần đó, thời gian qua, Học viện đã có những chỉ đạo thiết thực:

- Giảm thời gian thuyết trình của giảng viên. Trong một buổi giảng bài, giảng viên chỉ được thuyết trình tối đa 75% tổng thời gian; thời gian còn lại dành cho trao đổi, thảo luận.

- Mời các nhà lãnh đạo các cấp, các chuyên gia thực tiễn trong các lĩnh vực liên quan báo cáo chuyên đề, đồng chủ trì các buổi thảo luận.

- Giảng viên lên lớp bắt buộc phải soạn bài trên phần mềm trình chiếu (Power Point), trao đổi với học viên qua Email, qua phần mềm quản lý đào tạo.

Sáu là, từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ dạy và học

Trong thời gian qua, Học viện đã triển khai nhiều dự án nhằm tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học cao cấp lý luận chính trị.

Học viện đang tiến hành xây dựng giảng đường chuẩn, sau một thời gian sử dụng, sẽ nhân rộng mô hình trong toàn hệ thống. Hiện nay, Học viện đã chính thức đưa vào sử dụng phòng học trực tuyến.

Hệ thống giảng đường được quy hoạch lại một cách hợp lý, khoa học, đáp ứng yêu cầu cả về số lượng và chất lượng.

Bên cạnh đó, Học viện đang xây dựng lại phần mềm quản lý đào tạo với tiện ích phong phú, đa dạng, bao quát toàn bộ các khâu trong quản lý đào tạo, sử dụng chung cho toàn hệ thống Học viện.

Các giải pháp trên đây sẽ góp phần thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, nhất là trong việc ngăn chặn hiện tượng lười học lý luận chính trị, một biểu hiện rất đáng quan ngại mà nếu không được ngăn chặn kịp thời, sự suy thoái đó sẽ dễ dàng dẫn đến nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Hiểu sâu sắc điều này, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh coi đây là khâu đột phá để khẳng định trọng trách của trường Đảng cao cấp mang tên Bác, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, để Học viện tiếp tục xứng đáng với niềm tin của Đảng và của nhân dân.

XÂY DỰNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN THỰC SỰ LÀ TRUNG TÂM ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, TỔNG KẾT THỰC TIỄN CỦA ĐỊA PHƯƠNG^{*}

1. Xây dựng trường chính trị chuẩn là chiến lược lâu dài, mang tính đột phá để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn ở địa phương hiện nay

Trong những năm qua, các trường chính trị đã quan tâm xây dựng, củng cố tổ chức bộ máy, chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên; đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp từ tỉnh đến cơ sở, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; tăng cường cơ sở vật chất, v.v. góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị của các địa phương, các cơ quan và các tổ chức.

Tuy nhiên, việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các trường chính trị vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, một số mặt công tác còn chậm đổi mới, có những nội dung nêu trong các quyết định, quy định của Đảng, Nhà

* Bài đăng trên Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 3/2020; có chỉnh sửa.

nước chưa được thực hiện nghiêm, thiếu thống nhất. Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng chưa tương xứng với vị trí, chức năng của trường chính trị và yêu cầu về công tác cán bộ hiện nay. Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn chưa được chú trọng đúng mức. Gần 1/2 số trường trong nhiều nhiệm kỳ Đại hội không có cán bộ chủ chốt tham gia cấp ủy cấp tỉnh, thành phố; nhiều trường còn thiếu biên chế, tỷ lệ giảng viên có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ thấp, giảng viên chính trở lên chưa cao. Cơ sở vật chất của nhiều trường xuống cấp, chắp vá, lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học của giảng viên và việc học tập, rèn luyện của học viên...

Những hạn chế, bất cập nêu trên do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân từ nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền địa phương về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của trường chính trị chưa đầy đủ nên chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư thỏa đáng các nguồn lực cho hoạt động của trường chính trị. Trong khi đó, lãnh đạo một số trường chính trị chưa chủ động, tích cực, sáng tạo trong quá trình triển khai chức năng, nhiệm vụ đã được Đảng và Chính phủ giao. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của nhiều trường chính trị thiếu đồng bộ, nhiều biến động; một bộ phận giảng viên trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức thực tiễn chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Công tác chỉ đạo của một số cơ quan Trung ương đối với các trường chính trị đôi khi còn thiếu thống nhất. Một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức trường chính trị chưa phù hợp.

Thời gian qua, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị quan trọng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý, như: Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030; Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới... Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ đã đề ra nhiều nhiệm vụ và giải pháp nhằm thực hiện nghiêm túc chế độ học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị và cập nhật kiến thức mới cho cán bộ.

Đặc biệt, ngày 13/11/2018, Ban Bí thư ban hành Quy định số 09-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, trường chính trị là đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương. Trường chính trị được xác định có các chức năng chủ yếu: *thứ nhất*, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở, cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương về lý luận chính trị - hành chính; chủ trương,

đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức và chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; kiến thức về một số lĩnh vực khác; *thứ hai*, tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương; đồng thời, thực hiện 8 nhóm nhiệm vụ cụ thể gồm:

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng, chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn và các đơn vị tương đương); trưởng, phó phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện và tương đương; trưởng, phó phòng của sở, ban, ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; cán bộ được quy hoạch vào các chức danh trên; cán bộ, công chức, viên chức cấp cơ sở và một số đối tượng khác về chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh; về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức về một số lĩnh vực khác.

- Đào tạo trung cấp lý luận chính trị - hành chính theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương.

- Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương; kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch cán sự và tương đương, ngạch chuyên viên và tương đương, ngạch chuyên viên chính và tương đương.

- Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ cho các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý; cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ của các tổ chức đảng, chính quyền,

đoàn thể chính trị - xã hội cấp cơ sở. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đại biểu hội đồng nhân dân cấp xã, cấp huyện.

- Bồi dưỡng các chương trình khác do cấp có thẩm quyền giao.

- Phối hợp với ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy và các cơ quan liên quan hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giảng viên của trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

- Tham gia tổng kết thực tiễn ở địa phương, cơ sở, tổ chức nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy, học tập.

- Đào tạo, bồi dưỡng cho các đối tượng khác theo chỉ đạo của tỉnh ủy, thành ủy.

Xây dựng trường chính trị chuẩn phải được coi là một trong những giải pháp cơ bản, mang tính chiến lược nhằm phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế, bất cập, đáp ứng ngày một tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn mới, khẳng định vai trò đã được xác định trong Quy định số 09-QĐ/TW: là trung tâm đào tạo bồi dưỡng cán bộ của địa phương; đồng thời là cơ quan nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn phục vụ giảng dạy, nghiên cứu, xây dựng chính sách và tư vấn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Các tiêu chí quan trọng của trường chính trị chuẩn

Xây dựng trường chính trị chuẩn phải dựa trên những quan điểm của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, về trường chính trị, về những yêu cầu cấp bách đã và đang đặt ra để đổi mới đồng bộ từ tổ

chức bộ máy, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên, cơ sở vật chất - kỹ thuật đến chương trình, giáo trình, quy chế quản lý đào tạo và những vấn đề có liên quan khác. Cơ sở quan trọng để xây dựng trường chính trị chuẩn đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn mới là Quy định số 09-QĐi/TW ngày 13/11/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trường chính trị chuẩn phải bảo đảm đầy đủ, cơ bản, đồng bộ, chuẩn các tiêu chí từ tên trường, vị trí, chức năng, nhiệm vụ đến tổ chức bộ máy, chất lượng giảng viên, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng, quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng, kết quả nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của nhà trường, kết quả học tập, rèn luyện của học viên, văn bằng, chứng chỉ, con dấu, cơ sở vật chất - kỹ thuật,... Có những tiêu chí đã được Ban Bí thư quy định trong Quy định số 09-QĐi/TW (tên trường, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, văn bằng, chứng chỉ, con dấu, thể thức văn bản); có những tiêu chí cần phải được xây dựng mới cho phù hợp với đặc thù của trường chính trị cấp tỉnh, bởi vì trường chính trị cấp tỉnh khác với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng khác về nội dung chương trình, đối tượng người học, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn... Trước mắt, tập trung xây dựng, hoàn thiện một số tiêu chí quan trọng sau đây:

Một là, chuẩn hóa chương trình, giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo, bồi dưỡng.

Trên cơ sở đổi tượng người học được xác định trong Quy định số 09-QĐi/TW, xây dựng được những chương trình, giáo

trình, tài liệu giảng dạy và học tập chuẩn. Chương trình chuẩn là chương trình bảo đảm tính cơ bản, hệ thống, hiện đại, thực tiễn, phù hợp với các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng thể hiện qua giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập. Giáo trình, tài liệu chuẩn phải bảo đảm tính khoa học, cập nhật chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trang bị cho học viên kiến thức cơ bản về lý luận, tri thức, phương pháp và kỹ năng, nghiệp vụ lãnh đạo, quản lý, bảo đảm cho người học sau khi ra trường có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trên các cương vị công tác, đáp ứng yêu cầu công tác cán bộ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.

Hai là, chuẩn hóa phương pháp, quy chế quản lý và kết quả đào tạo, bồi dưỡng.

Trường chính trị chuẩn đòi hỏi phải áp dụng phương pháp đào tạo, bồi dưỡng khoa học, hiện đại, lấy cả hoạt động của người dạy và người học làm trung tâm. Giảng viên trường chính trị chuẩn (kể cả giảng viên kiêm nhiệm, giảng viên thỉnh giảng) phải áp dụng có hiệu quả phương pháp dạy học tích cực, phù hợp các chương trình, đối tượng, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học; giúp người học kết hợp hài hòa giữa học tập trên lớp với tự học, mở rộng và nâng cao kiến thức, rèn luyện phương pháp tư duy, khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống rất phong phú, đa dạng trong thực tiễn lãnh đạo, quản lý. Phát huy vai trò của bộ quy chế quản lý đào tạo, quy chế quản lý hoạt động bồi dưỡng như là công cụ quan trọng nhất giúp cho các trường thực hiện có hiệu

quả nhiệm vụ chính trị được giao, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật trong mọi hoạt động, nhất là trong giảng dạy, học tập, sinh hoạt, nghiên cứu khoa học, xây dựng môi trường văn hóa công vụ, văn hóa trường Đảng. Lấy hiệu quả công tác của học viên sau khi ra trường làm thước đo chủ yếu để đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng của trường chính trị.

Ba là, chuẩn hóa công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.

Đối với trường chính trị, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn vừa phục vụ cho việc nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, vừa phải gắn với tư vấn cho cấp ủy, chính quyền địa phương hoạch định chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Vì vậy, các trường phải bám sát thực tiễn để chủ động phát hiện, kịp thời đề xuất vấn đề nghiên cứu, đúng trọng tâm, trọng điểm, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài của địa phương. Cán bộ, giảng viên hàng năm phải hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo quy định của từng ngạch.

Bốn là, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên.

Cán bộ lãnh đạo, quản lý từ cấp khoa, phòng trở lên phải bảo đảm các tiêu chuẩn về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống; trình độ lý luận chính trị, quản lý nhà nước; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, am hiểu thực tiễn... Do vai trò, vị trí quan trọng của trường chính trị trong hệ thống chính trị ở địa phương, Hiệu trưởng trường chính

trị rất cần thiết phải tham gia cấp ủy cấp tỉnh; tùy theo điều kiện cụ thể của địa phương, có thể thực hiện mô hình Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng một ban Đảng đồng thời là Hiệu trưởng trường chính trị. Trong quy trình bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các tỉnh ủy, thành ủy cần tham khảo ý kiến của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về tiêu chuẩn đối với các chức danh này. Có lộ trình phù hợp để đến năm 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn phải có trình độ tiến sĩ, tiến tới từ năm 2030 các trưởng khoa cũng cần có trình độ tiến sĩ.

Giảng viên trường chính trị nhất thiết phải có trình độ thạc sĩ trở lên ở một trong các ngành về khoa học chính trị, khoa học hành chính hoặc khoa học xã hội và nhân văn; có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (trừ trường hợp đã tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, đại học sư phạm) hoặc phương pháp dạy học tích cực; được đi thực tế ở cơ sở theo những phương thức khác nhau; có các độ tuổi thích hợp để tránh hụt hanka. Sau 7 năm về công tác tại trường, giảng viên trường chính trị phải có trình độ cao cấp lý luận chính trị. Giảng viên trường chính trị phải biên soạn được tài liệu giảng dạy, học tập theo phân cấp, có khả năng nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.

Năm là, chuẩn hóa về cơ sở vật chất - kỹ thuật, tài chính.

Trường chính trị chuẩn phải được ưu tiên đầu tư về cơ sở vật chất - kỹ thuật theo các tiêu chí cụ thể: có khuôn viên độc lập, diện tích từ 2 ha trở lên, có không gian cây

xanh, hệ thống đèn chiếu sáng trong khuôn viên, đảm bảo môi trường giáo dục, văn hóa trường Đảng; có nhà làm việc của ban giám hiệu, các khoa, phòng; có phòng họp, phòng hội thảo, phòng khách, nhà đa chức năng; phòng làm việc của cán bộ, công chức, viên chức; có khu giảng đường riêng, nhiều loại phòng học để đáp ứng số lượng học viên mỗi lớp khác nhau; phòng học được trang bị hiện đại để nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập; có thư viện, phòng đọc, tài liệu được số hóa, kết nối mạng; có hệ thống trực tuyến kết nối với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị trong cả nước; có ký túc xá, khu dành cho hoạt động tập thể, nhà ăn, nhà để xe; có hệ thống cấp thoát nước, thu gom rác, phòng vệ sinh hợp chuẩn. Bên cạnh đó, phải được bảo đảm đủ nguồn tài chính cần thiết, đáp ứng tốt các hoạt động của nhà trường.

Đồng thời với việc thực hiện lộ trình tự chủ ở những nơi có điều kiện, các trường được cấp nguồn tài chính đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao; công tác quản lý tài chính đúng quy định của pháp luật.

3. Những giải pháp chủ yếu để xây dựng trường chính trị đạt chuẩn

Để xây dựng trường chính trị đạt chuẩn, ngoài vai trò chính yếu của các trường chính trị, cần sự quan tâm đầy đủ của cấp ủy, chính quyền các địa phương trong việc bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý, biên chế, nguồn ngân sách. Đồng thời, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và một số cơ quan

Trung ương, nhất là Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Nội vụ... phải thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý về chuyên môn và một số hoạt động có liên quan. Cụ thể:

Một là, đối với các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Trên cơ sở Quy định số 09-QĐ/TW của Ban Bí thư, các trường cần chủ động phối hợp với ban tổ chức của các tỉnh ủy, thành ủy và các cơ quan có liên quan xây dựng đề án tổng thể phát triển trường chính trị từ nay đến năm 2030 và những năm tiếp theo phù hợp với điều kiện của địa phương. Đề án cần xác định lộ trình để hoàn thành từng nhiệm vụ cụ thể, đảm bảo tính khả thi, tránh chủ quan, nóng nảy, hình thức, máy móc, nhất là việc xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên, nguồn lực vật chất để thực hiện mục tiêu của đề án.

Các trường thực hiện nghiêm túc chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng, quy chế quản lý đào tạo, quy chế quản lý hoạt động bồi dưỡng, chủ động áp dụng bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong quá trình quản lý đào tạo, bồi dưỡng; 100% giảng viên áp dụng có hiệu quả phương pháp dạy học tích cực, áp dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập, giáo án phải cập nhật kiến thức, phù hợp đối tượng.

Các trường đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; lựa chọn vấn đề nghiên cứu vừa mang tính thời sự, vừa mang tính chiến lược, đáp ứng đòi hỏi thực tiễn địa phương;

chắt lọc những kết quả nghiên cứu để chủ động tư vấn cho cấp ủy, chính quyền địa phương những vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh.

Hai là, đối với các tỉnh ủy, thành ủy:

Các tỉnh ủy, thành ủy cần tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, cụ thể, toàn diện mọi mặt hoạt động của trường chính trị cấp tỉnh. Trước mắt, lãnh đạo các trường xây dựng đề án tổng thể phát triển trường chính trị từ nay đến năm 2030 và những năm tiếp theo để ban thường vụ xem xét, phê duyệt; chuẩn bị nhân sự đủ điều kiện tham gia cấp ủy cấp tỉnh làm hiệu trưởng; tùy điều kiện từng địa phương có thể bố trí một đồng chí ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, trưởng một ban đảng đồng thời làm hiệu trưởng trường chính trị. Đặc biệt chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, đội ngũ giảng viên đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng cao, tính đặc thù của trường Đảng. Cán bộ, giảng viên trường chính trị phải là hình mẫu tiêu biểu người cán bộ của Đảng có phẩm chất chính trị cao, đạo đức tốt, năng lực chuyên môn sâu, lý luận gắn liền với thực tiễn. Đề nghị các tỉnh ủy, thành ủy tạo điều kiện (kể cả về cơ chế chính sách) cho cán bộ, giảng viên của trường chính trị đi học thạc sĩ, tiến sĩ; giảng viên trường chính trị sau 5 năm công tác ở trường đạt kết quả tốt được đi học cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (không tính vào chỉ tiêu được giao của tỉnh); tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên của trường chính trị đi luân chuyển, đi thực tế theo nhiều phương thức khác nhau.

Các tỉnh ủy, thành ủy cần nghiên cứu, tiếp tục phân công đồng chí thường trực tỉnh ủy, thành ủy phụ trách trường chính trị; quyết định cử các đồng chí lãnh đạo địa phương tham gia thỉnh giảng tại trường chính trị. Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật tương xứng với vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của trường chính trị, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cả trước mắt và lâu dài.

Ba là, đối với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh:

Tập trung xây dựng, ban hành mới chương trình, giáo trình Trung cấp lý luận chính trị và một số chương trình bồi dưỡng chức danh, chương trình cập nhật kiến thức theo Quy định số 164-QĐ/TW ngày 01/02/2013 của Bộ Chính trị bảo đảm tính khoa học, cập nhật, hiện đại, phù hợp các đối tượng, đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn. Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định về quản lý đào tạo, quản lý bồi dưỡng của các trường chính trị cấp tỉnh; xây dựng mới các hướng dẫn để đảm bảo công tác chỉ đạo, quản lý về chuyên môn thống nhất trong toàn hệ thống.

Tiếp tục triển khai thực hiện có chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ chính trị theo Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 17/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2019-2030”. Trong đó, đặc biệt chú trọng bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy cho cán bộ lãnh đạo, quản lý và

giảng viên của các trường chính trị, thực hiện tốt mục tiêu mà Đề án đã đặt ra.

Bốn là, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan trong công tác trường chính trị:

Lãnh đạo Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tăng cường làm việc với các tỉnh ủy, thành ủy về công tác đào tạo, bồi dưỡng nói chung; công tác trường chính trị nói riêng để cùng với các địa phương thống nhất các giải pháp triển khai thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; phát huy vị trí, vai trò, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của trường chính trị theo Quy định số 09-QĐ/TW của Ban Bí thư.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với các cơ quan Trung ương có liên quan xây dựng quy trình công nhận trường chính trị chuẩn; trong đó đề xuất nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của từng cơ quan trung ương có liên quan, nhiệm vụ, quyền hạn của các tỉnh ủy, thành ủy để trình Ban Bí thư quyết định.

SÁCH LÝ LUẬN, CHÍNH TRỊ VỚI SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC*

Cách đây vừa tròn 75 năm, Nhà xuất bản Sự thật, tiền thân của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật ngày nay đã chính thức ra đời, đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong hoạt động xuất bản sách lý luận, chính trị của Đảng và Nhà nước ta... Đi qua những năm tháng hào hùng trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, giải phóng đất nước trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật đã từng bước trưởng thành, phát huy vai trò tiên phong trong hoạt động xuất bản chính trị, góp phần to lớn đưa sách lý luận, chính trị trở thành vũ khí sắc bén trên mặt trận tư tưởng, văn hóa, lý luận của Đảng và Nhà nước ta.

Là người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới việc giáo dục lý luận chính trị cho các thế hệ người Việt Nam yêu nước. Người đã

* Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo khoa học quốc gia “Sách lý luận, chính trị với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” tổ chức ngày 03/12/2020 tại Hà Nội; có chỉnh sửa.

từng chỉ dạy: “Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiên phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong”¹; “Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi”².

Với nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của công tác xuất bản sách lý luận chính trị, ngay từ rất sớm, trong lúc tình hình đất nước còn gập rât nhiều khó khăn, đứng trước “thù trong, giặc ngoài”, phải chống lại “giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm”, Đảng ta đã quyết định thành lập Nhà xuất bản Sự thật, với nhiệm vụ trước hết là biên tập và xuất bản những tác phẩm quan trọng của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênnin, Chủ tịch Hồ Chí Minh và các văn kiện quan trọng của Đảng, Nhà nước... Đó là những cuốn sách gối đầu giường cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, vừa luận giải sâu sắc, thuyết phục nền tảng tư tưởng, lý luận của Đảng ta, vừa tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phục vụ kịp thời công tác lãnh đạo, chỉ đạo sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, kháng chiến, kiến quốc, là nguồn động viên tinh thần, cỗ vũ hành động cách mạng của quần chúng nhân dân.

Trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.2, tr.279;

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.273-274.

luôn bám sát nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn, tuyên truyền sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ và tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng. Những tác phẩm lý luận chính trị của Nhà xuất bản trong thời kỳ này đã khơi dậy lòng yêu nước và sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết dân tộc; ý chí, quyết tâm của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hăng hái thi đua học tập, lao động, sản xuất, chiến đấu anh dũng, quật cường, lập nên những chiến công hiển hách của dân tộc, đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 và Đại thắng Mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Bước sang thời kỳ đổi mới, là cơ quan xuất bản chính trị của Đảng và Nhà nước, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Ban Bí thư, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật đã phát huy vai trò nòng cốt trong việc tổ chức biên tập, xuất bản các sách chính trị, lý luận, pháp luật, góp phần hết sức quan trọng khẳng định nhất quán, vững chắc, tính khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đến mọi tầng lớp nhân dân. Các ấn phẩm sách lý luận, chính trị được xuất bản với hình thức ngày càng phong phú, thể loại, cơ cấu ngày càng đa dạng, với nội dung tiếp tục làm rõ hơn những vấn đề

lý luận - thực tiễn trong thời kỳ đổi mới như: con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, xây dựng Đảng cầm quyền, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc... đồng thời, cập nhật những vấn đề lý luận và thực tiễn mới của thế giới, tiếp thu tinh hoa kiến thức của nhân loại.

75 năm qua, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, dù mang nhiều tên gọi khác nhau phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn cách mạng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật luôn khẳng định được vai trò tiên phong trong công tác xuất bản sách chính trị, lý luận, pháp luật, là một trong những lực lượng xung kích trong công tác tư tưởng, lý luận của Đảng; thực hiện tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ truyền bá kiến thức, góp phần xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng, không ngừng nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, xây dựng con người mới, văn hóa mới, nếp sống mới, tích cực giáo dục và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Cùng với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, trong những năm qua, hệ thống các nhà xuất bản lý luận chính trị và các tạp chí lý luận chính trị đã có những bước phát triển nhanh chóng, hình thành một mạng lưới rộng khắp trong cả nước. Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn không ngừng được đẩy mạnh cung cấp đầu vào cho việc xuất bản những ấn phẩm có chất lượng. Việc công bố, đăng tải các ấn

phẩm khoa học chính trị, lý luận chính trị có sự tham gia tích cực của ngày càng nhiều cơ quan nghiên cứu khoa học, các nhà khoa học trong và ngoài nước. Nhiều ấn phẩm, tạp chí, sách lý luận chính trị có số lượng người đọc khá đông đảo, được công bố bằng nhiều thứ tiếng, thu hút sự quan tâm của độc giả nước ngoài.

Những kết quả đó là cơ sở quan trọng để Chỉ thị số 44-CT/TW ngày 16/4/2020 của Ban Bí thư về đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xuất bản, phát hành và nghiên cứu, học tập sách lý luận, chính trị khẳng định: Công tác xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị đã đạt được nhiều kết quả quan trọng; đáp ứng tốt hơn nhu cầu về sách lý luận, chính trị của cán bộ, đảng viên, nhân dân và góp phần tích cực tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác những quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch; nâng cao nhận thức chính trị, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.

Đất nước ta đang bước vào một giai đoạn phát triển mới trong bối cảnh thế giới và khu vực biến động phức tạp, khó dự đoán. Trong lĩnh vực tư tưởng, lý luận xuất hiện nhiều vấn đề thực tiễn, nhiều quan điểm, tư tưởng lý luận mới, phức tạp cần được nhận thức, tổng kết, luận giải và đánh giá để có hướng xử lý đúng đắn, kịp thời. Đặc biệt, các thế lực phản động, thù địch, các phần tử cơ hội chính trị với nhiều thủ đoạn tinh vi vẫn thường xuyên chống phá, xuyên tạc nền

tảng tư tưởng, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Bên cạnh những kết quả đạt được, chúng ta cũng cần thẳng thắn nhìn nhận, chất lượng, hiệu quả công tác xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị còn những hạn chế. Nội dung nhiều cuốn sách lý luận, chính trị còn nặng lý thuyết hoặc tuyên truyền một cách cứng nhắc, khô khan, ít mang hơi thở của cuộc sống thực tiễn, nên thiếu sức thuyết phục, hấp dẫn, lôi cuốn người đọc. Do công tác thẩm định, rà soát, biên tập chưa kỹ, đôi khi chưa vững, trong một số cuốn sách vẫn còn để sót những nội dung, những cách diễn đạt lệch lạc, quan niệm chưa đúng, hoặc hiểu sai về các sự kiện, nhân vật lịch sử, về nền tảng tư tưởng, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Công tác phát hành sách lý luận, chính trị còn bất cập, lúng túng. Mạng lưới phát hành phát triển chậm, có nơi suy giảm; chưa có sự phối hợp chặt chẽ với hệ thống thư viện, tủ sách để giải quyết tốt đâu ra cho các nhà xuất bản. Sách lý luận, chính trị phục vụ nhiệm vụ tuyên truyền ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và người Việt Nam ở nước ngoài còn ít. Công tác xuất bản các ấn phẩm sách điện tử, triển khai áp dụng thương mại điện tử nhằm đáp ứng yêu cầu cần sự nhanh chóng, thuận tiện của người đọc còn chậm. Cơ chế, chính sách theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm chưa đồng bộ. Một số chế độ, chính sách về đầu tư, thuế, nhuận bút, bản quyền tác giả, phí phát hành chưa phù hợp với tính đặc thù của sách lý luận, chính trị. Công tác kiểm tra, thanh tra, xử

lý các vi phạm chưa kịp thời, nhất là tình trạng in lậu sách vẫn diễn ra rất phức tạp. Nhận thức của một số cấp ủy đảng, chính quyền về vị trí, vai trò của sách lý luận, chính trị, pháp luật chưa đầy đủ. Ý thức, thói quen đọc sách lý luận, chính trị trong cán bộ, đảng viên và nhân dân đang giảm sút.

Tình hình đó đòi hỏi công tác xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị phải tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Hệ thống các nhà xuất bản chính trị nói chung và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật nói riêng phải kế thừa truyền thống tốt đẹp, phát huy tinh thần đổi mới, năng động, sáng tạo, vượt qua những khó khăn, thử thách, hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao trước những yêu cầu của công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển của đất nước:

1. Chúng ta cần khẳng định những đóng góp quan trọng của sách lý luận, chính trị và công tác xuất bản sách lý luận, chính trị trong công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, giải phóng đất nước trước đây cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay. Trên cơ sở đó, tiếp tục nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu, học tập sách lý luận, chính trị phục vụ sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển của đất nước. Đặc biệt, quán triệt sâu sắc Chỉ thị số 44-CT/TW ngày 16/4/2020 của Ban Bí thư về việc xác định nghiên cứu, học tập sách lý luận, chính trị là nhiệm vụ thường xuyên của cán bộ, đảng viên, là một trong những hoạt động chính trong sinh hoạt định kỳ của tổ chức cơ sở

đảng; phát triển phong trào đọc sách lý luận, chính trị sâu rộng nhằm giáo dục nhận thức, nâng cao trình độ lý luận, củng cố lập trường, rèn luyện bản lĩnh của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, nhất là thế hệ trẻ; tích cực đấu tranh phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

2. Tiếp tục nâng cao chất lượng của các ấn phẩm lý luận chính trị, vừa bảo đảm tính khoa học và thực tiễn, vừa mang tính chiến đấu, tính thuyết phục và thực sự hấp dẫn đối với người đọc. Để làm được điều này phải bắt đầu bằng việc đổi mới, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học lý luận chính trị, hết sức chú trọng tổng kết thực tiễn mới, kết hợp nhuần nhuyễn giữa tổng kết thực tiễn với nghiên cứu, bổ sung, phát triển lý luận, nhất là những vấn đề thực tiễn và lý luận trong giai đoạn đổi mới hiện nay của đất nước. Công tác biên tập, lựa chọn tác phẩm xuất bản vừa phải chú ý tính mới của chủ đề, vấn đề nghiên cứu, bám sát thực tiễn và nhu cầu của người đọc, vừa có sự lựa chọn kỹ lưỡng để sàng lọc, loại bỏ những vấn đề, chủ đề không phù hợp, dễ làm cho người đọc mờ hồ, lẩn lộn, gây nhiễu trong nhận thức xã hội; đồng thời, phải quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, kịp thời định hướng dư luận, tạo sự đoàn kết, thống nhất, sự đồng thuận xã hội và củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Tạo sự kết nối thông suốt, đồng bộ giữa các tổ chức nghiên cứu khoa học với các nhà xuất bản lý luận chính trị để tạo điều kiện

cho các công trình khoa học có chất lượng cao được công bố, đến với độc giả.

3. Đổi mới toàn diện, đồng bộ, nâng cao hiệu quả công tác xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị. Thực hiện thật đồng bộ các giải pháp như: đầu tư và bổ sung vốn cho các nhà xuất bản, sách đặt hàng hàng năm, sách cho đồng bào dân tộc thiểu số, sách phục vụ thông tin đối ngoại, sách thường thức chính trị; phát triển xuất bản điện tử; hỗ trợ mua bản thảo chất lượng cao; hỗ trợ hoạt động triển lãm, quảng bá sách trong và ngoài nước; triển khai sâu rộng Ngày Sách Việt Nam trên phạm vi toàn quốc; phát triển hệ thống thư viện công cộng, điểm bưu điện văn hóa xã, câu lạc bộ sách, tủ sách... Hết sức chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ làm công tác biên tập, xuất bản, phát hành. Sắp xếp, kiện toàn hệ thống các nhà xuất bản lý luận chính trị theo hướng tinh gọn, hiện đại, hoạt động hiệu quả, năng động thích ứng với cơ chế thị trường và tiến trình hội nhập quốc tế. Xây dựng Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật trở thành trung tâm xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị; giữ vai trò nòng cốt, phối hợp với các cơ quan liên quan về xuất bản sách lý luận, chính trị theo Chỉ thị số 44-CT/TW ngày 16/4/2020 của Ban Bí thư. Các nhà xuất bản sách lý luận, chính trị phải đặt nhiệm vụ chính trị, tư tưởng lên hàng đầu, giữ vững vai trò là lực lượng tiên phong trong công tác tư tưởng - lý luận của Đảng, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh đó, phải thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh,

từng bước nâng cao hiệu quả kinh tế của công tác xuất bản, in và phát hành; tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính; qua đó, có các nguồn lực và cơ chế khích lệ, động viên cán bộ, viên chức, người lao động không ngừng nỗ lực, phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM - 90 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH*

Cách đây 90 năm, trong không khí sục sôi cách mạng của nhân dân cả nước, giai cấp công nhân Việt Nam dù còn non trẻ đã quả cảm tham gia vào cuộc đấu tranh giành quyền lợi cho giai cấp mình. Ngày 28/7/1929, tại ngôi nhà số 5 phố Hàng Nón, Hà Nội, dưới sự chỉ đạo của Đông Dương Cộng sản Đảng, Tổng Công hội đồ Bắc Kỳ, tiền thân của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ngày nay được thành lập. Kể từ đây, những người lao động Việt Nam đã có một tổ chức chính trị đại diện cho ý chí, nguyện vọng của mình để tham gia ngày càng tích cực vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Sự kiện lịch sử đó cũng chứng tỏ rằng, giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và ngay từ thời kỳ đầu, phong trào công nhân đã có được một chính đảng cách mạng lãnh đạo.

* Phát biểu tại Hội thảo khoa học “Công đoàn Việt Nam - 90 năm xây dựng và trưởng thành” do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ban Tuyên giáo Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hội đồng Lý luận Trung ương phối hợp tổ chức ngày 24/7/2019; bài đăng trên Báo Nhân Dân, số ngày 24/7/2019; có chỉnh sửa.

Trải qua chặng đường vẻ vang 90 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng, được rèn luyện và vượt qua nhiều thử thách, các thế hệ công nhân và người lao động Việt Nam đã không ngừng cắn cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, anh dũng chiến đấu và cống hiến cả cuộc đời mình cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đóng góp to lớn vào thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

Nhìn lại chặng đường 90 năm qua, chúng ta vinh dự và tự hào bởi những đóng góp và thành tựu phát triển to lớn của tổ chức Công đoàn Việt Nam:

Thứ nhất, sự ra đời của các hiệp hội công nhân và tổ chức công đoàn vào đầu thế kỷ XX là một tất yếu khách quan, đáp ứng nhu cầu của phong trào công nhân và cách mạng Việt Nam.

Sau các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, đội ngũ công nhân Việt Nam từng bước hình thành, phát triển nhanh chóng về số lượng, từ khoảng 5 vạn công nhân vào năm 1906 đã tăng lên hơn 22 vạn người vào năm 1929, trải rộng từ Bắc đến Nam, tập trung ở các đồn điền, hầm mỏ và các đô thị lớn. Đồng thời, công nhân Việt Nam cũng từng bước trưởng thành về chất lượng, trở thành một lực lượng xã hội gắn liền với phương thức sản xuất công nghiệp, là giai cấp đại diện cho dân tộc và xu thế tiến bộ của nhân loại. Trước đòn hỏi chính đáng của những người lao động, năm 1906, Thống sứ Bắc Kỳ buộc phải cho thành lập Hội ái hữu đầu tiên của công nhân ở Bắc Kỳ. Sau khi được thành lập, Hội từng bước mở rộng phạm vi hoạt động nhằm bảo vệ thợ

thuyên, chống áp bức, bất công mà một mốc son chói lọi là sự ra đời Công hội Ba Son.

Giai cấp công nhân Việt Nam được thụ hưởng truyền thống yêu nước, bất khuất chống giặc ngoại xâm của dân tộc, lại được sớm tiếp xúc với chủ nghĩa Mác - Lê nin qua những người yêu nước Việt Nam cũng như các đại biểu của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên do đồng chí Nguyễn Ái Quốc huấn luyện. Cùng thời gian đó, ở nước ngoài, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã rất tích cực tham gia hoạt động trong phong trào công nhân hải ngoại và năm 1922, chính Người đã lập ra Hội ái hữu những người lao động chân tay ở Đông Dương. Cũng trong năm 1922 và năm 1925, Hội bênh vực lao động ở An Nam và Hội những người lao động trí óc ở Đông Dương lần lượt ra đời. Sự ra đời của các tổ chức công nhân là cơ sở xã hội trực tiếp để sau đó vào tháng 7/1929, dưới sự chỉ đạo của Đông Dương Cộng sản Đảng, Tổng Công hội đỏ Bắc Kỳ chính thức được thành lập.

Thứ hai, cùng với phong trào yêu nước của các tầng lớp nhân dân, sự phát triển của phong trào công nhân và hoạt động của tổ chức Công đoàn là một trong các nhân tố quyết định cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sự lãnh đạo đúng đắn của đảng cộng sản là nhân tố có tính quyết định nhất cho thắng lợi của cách mạng vô sản. Lịch sử cách mạng thế giới cho thấy, đảng cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp chặt chẽ giữa chủ nghĩa Mác - Lê nin với phong trào công nhân. Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê nin, những người công nhân phải “tự tổ chức thành giai cấp”, phải có chính đảng chân chính tập hợp những người ưu

tú nhất, hình thành bộ tham mưu của giai cấp để lãnh đạo cách mạng.

Ở Việt Nam, kể từ khi thực dân Pháp áp đặt được chính sách đô hộ, cùng với phong trào yêu nước trong nhân dân, giai cấp công nhân, mặc dù còn non trẻ nhưng đã nhanh chóng xác lập được địa vị chính trị của mình, tham gia vào cuộc đấu tranh chung chống chế độ thực dân của dân tộc. Thông qua vai trò của những đảng viên và các tổ chức cách mạng, đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa Mác - Lê nin đã được truyền bá ngày càng sâu rộng vào các tầng lớp nhân dân, thức tỉnh và lay động nhân dân về một xã hội tương lai tốt đẹp và đề ra những sách lược chủ yếu để đi tới xã hội ấy. Nhờ sớm tiếp xúc với chủ nghĩa Mác - Lê nin, phong trào công nhân ở Việt Nam đã có bước phát triển nhảy vọt, không chỉ lan rộng về phạm vi mà còn có chuyển biến tích cực, nhanh chóng về chất, tiến nhanh từ trình độ tự phát sang tự giác. Đó là nền tảng chính trị - xã hội cho sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam vào cuối những năm 20 của thế kỷ XX, và cuối cùng được hợp nhất lại, chính thức cho ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam vào ngày 3/2/1930.

Thứ ba, phong trào công nhân và hoạt động của tổ chức công đoàn là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Lý luận Mác - Lê nin khẳng định rằng, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng và một khi sức mạnh của quần chúng được tập hợp, được phát huy dưới sự lãnh đạo của Đảng, sức mạnh đó trở nên vô địch. Lịch sử cách mạng nước ta đã chứng minh rằng, mới 15 tuổi và với số lượng đảng viên

không nhiều nhưng với đường lối chính trị đúng đắn, tổ chức quần chúng rộng khắp và mạnh mẽ, Đảng ta đã lãnh đạo thành công Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tham gia vào cuộc cách mạng “long trời lở đất” ấy, giai cấp công nhân Việt Nam với tổ chức công đoàn của mình có quyền tự hào rằng, sức mạnh của giai cấp dưới sự lãnh đạo của Đảng đã được phát huy cao độ. Sức mạnh đó không chỉ bắt nguồn từ địa vị tiên tiến về kinh tế, chính trị, xã hội của giai cấp công nhân, mà còn ở chỗ nó được quy tụ, tập hợp và dẫn dắt bởi một tổ chức cách mạng của chính những người công nhân. Ngay trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, khi đề cập đến sự cần thiết của tổ chức Công đoàn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “trước là để cho công nhân đi lại với nhau cho có cảm tình; hai là để nghiên cứu với nhau; ba là để sửa sang cách sinh hoạt của công nhân cho khác hơn bây giờ; bốn là để giữ gìn lợi quyền cho công nhân; năm là giúp cho quốc dân, giúp cho thế giới”¹.

Thứ tư, tổ chức công đoàn và phong trào công nhân là nguồn sức mạnh to lớn của dân tộc, có vai trò rất to lớn đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Dân tộc ta, như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: đất không rộng lấm, người không đông lấm, vì vậy để đánh thắng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.2, tr.330.

những kẻ thù hùng mạnh trong hai cuộc kháng chiến kéo dài và khốc liệt, không thể không huy động mọi nguồn lực. Những nguồn lực ấy chỉ có thể là sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp với sự ủng hộ, giúp đỡ quốc tế của nhân dân lao động và các lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, các thế hệ công nhân Việt Nam đã đóng góp sức người, sức của và cả máu xương cho nền độc lập, thống nhất của Tổ quốc. Ngay từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài, lực lượng công nhân đã vận chuyển hàng nghìn tấn máy móc, thiết bị sản xuất lên chiến khu, hình thành nên nền công nghiệp quốc phòng non trẻ phục vụ kháng chiến, kiến quốc. Ở khu vực bị tạm chiếm, công nhân tích cực đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, tham gia tích cực vào các phong trào cách mạng do Đảng lãnh đạo, tự nguyện đứng về phía cách mạng, gia nhập lực lượng vũ trang, phục vụ chiến đấu.

Sau Hiệp định Giơnevơ, ở miền Bắc, công nhân thi đua “chắc tay búa, vững tay súng”, ở miền Nam, công nhân tham gia đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, đòi độc lập thật sự và thống nhất Tổ quốc. Nhiều thanh niên công nhân đã hăng hái tham gia cách mạng hoặc trở thành cơ sở bí mật của cách mạng. Hình ảnh người công nhân Nguyễn Văn Trỗi hiên ngang trước mũi súng kẻ thù mãi là biểu tượng cao đẹp, đại diện cho ý chí, khí phách và lòng yêu nước nồng nàn của giai

cấp công nhân Việt Nam. Trong hai cuộc kháng chiến thần thánh ấy, hàng trăm nghìn công nhân đã nhập ngũ, tham gia chiến đấu. Máu của những người công nhân - chiến sĩ đổ xuống đã góp phần nhuộm đỏ lá cờ cách mạng, làm nên những chiến thắng lịch sử “lùng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”.

Thứ năm, Công đoàn Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội của hệ thống chính trị Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, tham gia tích cực vào quá trình xây dựng, phát triển giai cấp công nhân, đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Công đoàn là tổ chức rộng lớn của giai cấp công nhân, là chỗ dựa vững chắc, người cộng tác đắc lực của cơ quan nhà nước, là sợi dây nối Đảng, Nhà nước với quần chúng công nhân và người lao động. 90 năm qua, Công đoàn Việt Nam luôn là một thành tố quan trọng trong nền tảng chính trị - xã hội vững chắc của Đảng và Nhà nước ta, là tổ chức được giai cấp công nhân và người lao động tin cậy, gắn bó.

Trong tiến trình lịch sử vẻ vang, công đoàn thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng giai cấp công nhân, trở thành trường học cộng sản chủ nghĩa, cung cấp cho Đảng nhiều cán bộ ưu tú. Ngoài việc hoàn thành xuất sắc sứ mệnh nêu trên, tổ chức công đoàn còn là người bạn đồng hành gắn bó, thủy chung với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác, góp phần củng cố khối liên minh vững chắc của cách mạng.

Giai cấp công nhân luôn là lực lượng tiên phong, đứng ở trung tâm của các sự kiện quan trọng của đất nước, kế thừa xứng đáng và làm rạng rỡ truyền thống anh hùng của dân

tộc. Trong thời kỳ đổi mới, giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn luôn ở tuyến đầu, là lực lượng tiên phong trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đến nay, đội ngũ công nhân cả nước có khoảng 15 triệu người, làm việc trong mọi thành phần kinh tế, tham gia đóng góp ngày càng lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong bối cảnh mới, mặc dù cuộc sống còn nhiều khó khăn, giai cấp công nhân và người lao động Việt Nam vẫn giữ vững truyền thống yêu nước, lao động cần cù, sáng tạo, tin tưởng vào chế độ, vào sự lãnh đạo của Đảng, xứng đáng là giai cấp đi đầu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong quá trình cách mạng 90 năm, được Đảng và Bác Hồ giáo dục, rèn luyện, từ chỗ chỉ chiếm một số ít trong cơ cấu lao động của đất nước, ngày nay, giai cấp công nhân đã trở thành một lực lượng lớn mạnh, tiên phong trong sự nghiệp đổi mới, đóng góp ngày càng to lớn cho sự phát triển của đất nước.

Có được vinh quang ấy là nhờ sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng, sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân và sự phấn đấu kiên cường, không biết mệt mỏi của mỗi đoàn viên và hoạt động có hiệu quả của các tổ chức công đoàn. Tổ chức công đoàn không chỉ là người đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, người lao động mà còn là tổ chức để tập hợp, giáo dục công nhân, người lao động phấn đấu vì lý tưởng xã hội chủ nghĩa, vì sự phồn vinh của đất nước.

Trong lịch sử đấu tranh cách mạng trước đây, tổ chức công đoàn đã khẳng định vai trò, vị thế của mình; hơn lúc nào hết, trong giai đoạn hiện nay, vai trò đó lại càng phải được tiếp tục đẩy mạnh và phát huy cao độ. Những biến đổi nhanh chóng của bối cảnh quốc tế và đất nước, nhất là trước tác động của quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đang đặt ra những yêu cầu rất mới cho sứ mệnh và vai trò của tổ chức Công đoàn Việt Nam. Công đoàn phải thật sự là chỗ dựa vững chắc, luôn đi đầu trong việc bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của những người công nhân và nhân dân lao động trong tình hình mới. Công đoàn Việt Nam cần phát huy tốt hơn nữa vai trò của mình trong việc đóng góp xây dựng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Phải tiếp tục đổi mới tư duy, phương thức, nội dung và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công đoàn Việt Nam để công đoàn trở nên thật sự vững mạnh. Đồng thời, tiếp tục không ngừng chăm lo, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác công đoàn vững vàng trên nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giỏi về chuyên môn, mang tinh thần hội nhập và đổi mới, sáng tạo.

Với truyền thống 90 năm xây dựng và trưởng thành, chúng ta tin tưởng rằng, giai cấp công nhân Việt Nam, Công đoàn Việt Nam và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam sẽ tiếp tục có những đóng góp to lớn hơn nữa cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc, mãi xứng đáng là chỗ dựa tin

cậy của Đảng, là nhân tố rất quan trọng làm nên sức mạnh, ý chí và khát vọng của dân tộc để chiến thắng đói nghèo, lạc hậu, xây dựng thành công một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, phấn đấu đến năm 2045 nước ta trở thành một nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM TÍCH CỰC, CHỦ ĐỘNG SÁT CÁNH, ĐỒNG HÀNH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG*

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người đã xây dựng nền móng, sáng lập và rèn luyện tổ chức Công đoàn Việt Nam. Ngay trong cuốn *Đường cách mệnh*, cuốn giáo trình huấn luyện cán bộ đầu tiên của Đảng ta, Người đã nói đến sứ mệnh quan trọng của tổ chức công hội: *trước hết*, là để công nhân đi lại với nhau cho có cảm tình; *hai là*, để nghiên cứu với nhau; *ba là*, để sửa sang cách sinh hoạt của công nhân cho khác hơn bây giờ; *bốn là*, để giữ gìn quyền lợi cho công nhân; và *năm là*, để giúp cho quốc dân, giúp cho thế giới¹. Vận dụng và bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định, công đoàn chính là khâu nối liền Đảng với đội ngũ công nhân, với hàng triệu quần chúng nhân dân

* Phát biểu tại Tọa đàm “Cán bộ công đoàn học và làm theo phong cách Hồ Chí Minh” do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức ngày 17/5/2020; bài được đăng lại trên Báo Nhân Dân, ngày 01/5/2021; có chỉnh sửa.

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.2, tr.330.

trong sự nghiệp cách mạng. Công đoàn có nhiệm vụ tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng; làm cho công nhân hiểu rằng, không có sự lãnh đạo của Đảng thì không làm cách mạng thành công được¹. Công đoàn là tổ chức liên lạc mật thiết giữa công nhân và người lao động với Chính phủ; bảo vệ, giữ gìn quyền lợi vật chất, tinh thần, sức khỏe và an toàn lao động cho công nhân; tổ chức, đoàn kết, giáo dục để công nhân hiểu lao động là vinh quang, tôn trọng kỷ luật lao động, nâng cao nhiệt tình, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm để không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa... Công đoàn chính là "... trường học quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế và văn hóa của giai cấp công nhân..."² và "... trường học của chủ nghĩa cộng sản"³. Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ, ở nước ta, "... lực lượng chủ chốt xây dựng chủ nghĩa xã hội là công nhân"⁴ nên các tổ chức của công nhân phải được xây dựng một cách khoa học, vững mạnh. Để có hệ thống tổ chức công đoàn vững mạnh, nhất định phải có đội ngũ cán bộ công đoàn tốt, bởi "... cán bộ tốt, công nhân cũng tốt; cán bộ không tốt sẽ ảnh hưởng xấu đến công nhân"⁵.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, tổ chức công đoàn và cán bộ công đoàn các cấp luôn cần quan tâm sâu sắc 5 vấn đề lớn:

Thứ nhất, để trở thành người tổ chức các hoạt động của công nhân và người lao động, cán bộ công đoàn không những

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.477.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.420.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.433.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.679.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.538.

phải “giỏi về chính trị mà còn phải thạo về kinh tế”, “phải thực sự lao động” và gần gũi công nhân, “... cùng ăn, cùng ở, cùng lao động, cùng bàn bạc với công nhân”¹. Có như thế mới có thể biết được công nhân muốn gì, nghĩ gì, lo gì?... Phải lắng nghe sáng kiến và lời phê bình của công nhân, phải thực sự dựa vào công nhân, đi đúng đường lối quần chúng, nắm vững chính sách của Đảng².

Thứ hai, giáo dục, tuyên truyền, hội họp phải nhẹ nhàng, có ích, nếu không chỉ làm cho công nhân mệt mỏi, có hại cho sản xuất. Việc “... ra một chỉ thị, nghị quyết đều phải vì lợi ích chung của quần chúng, tìm hiểu trình độ tiếp thu của quần chúng để biết kết quả thực tế mà uốn nắn sửa chữa. Bất cứ làm gì cũng đều phải chuẩn bị cho tốt, có kế hoạch làm cho thiết thực”³. Công đoàn sinh hoạt phải thường xuyên, thiết thực, hoạt bát và vui vẻ; thường xuyên cải tiến lề lối làm việc, cần đi sát quần chúng, tăng cường đôn đốc, kiểm tra, cần bớt giấy tờ, hội họp lu bù⁴.

Thứ ba, cán bộ công đoàn phải tùy khả năng mà cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của công nhân, vì đời sống vật chất và văn hóa có khá thì làm việc mới tốt⁵. Quan tâm chăm nom đến chỗ ăn, ở, chỗ làm việc của công nhân, gia đình, con cái của anh chị em công nhân. Theo Người: “Công nhân sản xuất tốt hay xấu, có đoàn kết hăng hái sản xuất

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.634.

2, 5. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.128, 119.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.684.

4. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.434.

hay không, đó là những tiêu chuẩn để biết cán bộ công đoàn tốt hay không”¹.

Thứ tư, các cấp công đoàn cần hướng mạnh hoạt động về cơ sở; lấy cơ sở làm địa bàn hoạt động chủ yếu, lấy công nhân, viên chức, lao động làm đối tượng vận động; lấy chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức, người lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ, lấy góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội làm mục tiêu hoạt động. Phải nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của công đoàn cơ sở, để công đoàn thực sự là chỗ dựa gần gũi, vững chắc của công nhân, có sức hấp dẫn đối với người lao động.

Thứ năm, công đoàn là một bộ phận của hệ thống chính trị nên tổ chức, hoạt động của công đoàn phải luôn đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Công đoàn phải giúp công nhân vào Đảng; giúp bảo vệ, phê bình và phát triển Đảng. Đảng mạnh tức là dân mạnh, công nhân mạnh; dân mạnh, công nhân mạnh thì Đảng mạnh; dân mạnh, công nhân mạnh, Đảng mạnh thì chúng ta nhất định thắng lợi².

Hơn 90 năm qua, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh luôn là kim chỉ nam, ánh sáng soi đường cho Công đoàn Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, thử thách, không ngừng trưởng thành và lớn mạnh, có những đóng góp to lớn cho sự nghiệp cách mạng vĩ đại của dân tộc ta. Công đoàn Việt Nam đã có nhiều đổi mới về nội dung và phương thức

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.120.

2. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.117.

hoạt động phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng của đất nước trong mỗi thời kỳ; luôn gắn bó máu thịt với giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đồng hành với dân tộc và với Đảng¹. Kể từ khi đất nước ta tiến hành công cuộc đổi mới, Công đoàn Việt Nam đã từng bước kiện toàn, phát triển hệ thống tổ chức bộ máy các cấp, khẳng định và phát huy tốt vai trò của mình trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, trong thời gian qua, công đoàn các cấp đã tích cực, chủ động sát cánh, đồng hành với người lao động, doanh nghiệp, với Đảng, Nhà nước và toàn hệ thống chính trị phòng chống dịch Covid-19 với tinh thần “chống dịch như chống giặc”, qua đó, góp phần cùng toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta giảm thiểu thiệt hại, bước đầu kiểm soát thành công đại dịch Covid-19 và chuyển sang khôi phục sản xuất, kinh doanh, ổn định đời sống kinh tế - xã hội.

Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, rất đáng tự hào song hiện nay công tác công đoàn và phong trào công nhân vẫn còn một số hạn chế, bất cập, trong đó có những hạn chế, bất cập đã kéo dài nhiều năm. Số lượng công nhân không ngừng tăng lên nhưng chất lượng không đều và còn hạn chế cả về trình độ chuyên môn, kỹ năng, tác phong lao động, ý thức kỷ luật, giác ngộ chính trị; gặp nhiều khó khăn trong bảo đảm việc làm, thu nhập, an toàn lao động và điều kiện sống, nhất là những lúc nền kinh tế - xã hội gặp các cú

1. Xem Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XII, ngày 25/9/2018.

sốc như khi đại dịch Covid-19 diễn ra. Một bộ phận công nhân lao động có biểu hiện phai nhạt về chính trị, thậm chí sa sút về đạo đức, lối sống, vi phạm kỷ luật lao động, vi phạm pháp luật của Nhà nước. Trong thời gian qua, một số công nhân còn bị các thế lực xấu, thù địch kích động, lôi kéo, lợi dụng, dẫn đến có những việc làm sai trái, gây mất ổn định an ninh, trật tự, an toàn xã hội¹. Ở đây có nguyên nhân là các tổ chức công đoàn còn hoạt động chưa thật sự hiệu quả; một bộ phận cán bộ công đoàn thiếu sâu sát, trình độ, năng lực và bản lĩnh còn hạn chế; chưa nắm được tâm tư, nguyện vọng, phát hiện sớm những bức xúc trong công nhân để kịp thời vận động, tuyên truyền, giải thích, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của những người lao động.

Quá trình hội nhập và phát triển của đất nước ta đang đặt ra cho tổ chức công đoàn Việt Nam nhiều nhiệm vụ mới, nặng nề, nhiều thuận lợi, thời cơ song cũng không ít khó khăn, thách thức, trong đó có những vấn đề cốt hữu như: việc làm, thu nhập, đời sống, an toàn lao động,... và cả những vấn đề mới nảy sinh như: quan hệ lao động và tổ chức, hoạt động của công đoàn liên quan đến việc nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và trước tác động sâu sắc của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hơn bao giờ hết, mỗi tổ chức và mỗi cán bộ công đoàn càng phải tỏ rõ bản lĩnh, vững vàng, kiên định với bản chất giai cấp công nhân và

1. Xem Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XII, ngày 25/9/2018.

nhân dân lao động; thấm nhuần sâu sắc lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình tiếp tục đổi mới, kiện toàn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Công đoàn Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

Quán triệt tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về: “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, phải hết sức quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn các cấp, nhất là chủ tịch công đoàn cơ sở trong các doanh nghiệp; lựa chọn cán bộ công đoàn là những người phải trưởng thành từ phong trào công nhân, viên chức, người lao động, từ cấp ủy và các tổ chức đoàn thể hiểu người lao động, trăn trở vì người lao động, đi sâu, đi sát với cơ sở và uy tín với doanh nghiệp.

Lựa chọn những nội dung thật cụ thể, thiết thực, có những tiêu chí rõ ràng để triển khai sâu rộng việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong cán bộ, đoàn viên công đoàn, công nhân, viên chức, người lao động. Trước hết, phải học ngay từ phong cách Hồ Chí Minh. Đó là: phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, luôn gắn chặt lý luận với thực tiễn; phong cách làm việc dân chủ, khoa học, kỹ lưỡng, cụ thể; phong cách ứng xử văn hóa, tinh tế, đầy tính nhân văn, hòa mình với cuộc sống cần lao, vĩ đại mà không cao xa; thanh cao mà vô cùng giản dị, hết mực thương yêu đồng chí, đồng bào; phong cách nói đi đôi với làm, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; diễn đạt, nói và viết ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm; phong cách sống, sinh hoạt thanh cao, trong sạch, giản dị; phong cách quần chúng,

dân chủ, tự mình nêu gương, hết lòng, hết sức chăm lo cho sự nghiệp cách mạng,...¹. Công đoàn, công nhân và phong trào công nhân Việt Nam đã học và làm theo, đã có những phẩm chất này. Chúng ta cần tiếp tục lan tỏa các phẩm chất này sâu rộng trong cán bộ công đoàn, đội ngũ công nhân và người lao động để phong cách Hồ Chí Minh tiếp tục thấm sâu từ suy nghĩ (phong cách tư duy) đến lời nói, chữ viết (phong cách diễn đạt) và tổ chức thực hiện (phong cách làm việc, phong cách lãnh đạo, phong cách ứng xử và phong cách sinh hoạt) của cán bộ, đoàn viên công đoàn, công nhân, viên chức, người lao động.

Quán triệt tinh thần Đại hội XIII của Đảng, nỗ lực xây dựng Công đoàn Việt Nam thật sự là tổ chức của người lao động, do người lao động và vì người lao động. Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động công đoàn bám sát thực tiễn cơ sở, xuất phát từ tâm tư, nguyện vọng, mong muốn của công nhân lao động. Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động công đoàn, hướng trọng tâm về cơ sở, nhất là các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước. Khơi dậy khát vọng, phát huy ý chí, tinh thần cống hiến, thu hút đông đảo người lao động đóng góp trí lực, sức lực của mình cho sự phát triển của ngành, địa phương và đất nước.

1. Xem “Thấm nhuần sâu sắc và thực hiện thật tốt những di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, Phát biểu của đồng chí Trần Quốc Vượng Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư (khóa XII) tại Hội thảo khoa học cấp quốc gia: “Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp đổi mới, phát triển và bảo vệ Tổ quốc”, Báo Nhân Dân, số ra ngày 09/5/2020.

Tổ chức Công đoàn Việt Nam có sứ mệnh rất cao cả trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta. Trong không khí kỷ niệm 135 năm Ngày quốc tế lao động và phát động Tháng công nhân 2021, hướng tới kỷ niệm 131 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, nhìn lại chặng đường phát triển đã qua của Công đoàn Việt Nam, mỗi tổ chức, cán bộ công đoàn, mỗi công đoàn viên và người lao động càng có thêm niềm phấn khởi, tự hào tiếp tục phán đấu học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nỗ lực đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động để Công đoàn Việt Nam xứng đáng là một tổ chức cách mạng tin cậy được Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện.

KHƠI DẬY KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC VÀ TINH THẦN CỐNG HIẾN CỦA THANH NIÊN VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN MỚI*

Trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, hiền tài luôn được đặc biệt coi trọng. Trên văn bia Văn Miếu - Quốc Tử Giám, trường đại học đầu tiên ở nước ta còn khắc ghi câu nói nổi tiếng của học sĩ Thân Nhân Trung: *Hiền tài là nguyên khí quốc gia. Nguyên khí thịnh thì thế nước hùng mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi thấp xuống.* Vì vậy, các đấng thánh đế, minh vương chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí làm việc đầu tiên. Bởi thế, đất nước ta thời nào cũng có những bậc thanh, thiêng niêng anh tài kiệt xuất, mang trong mình trái tim và dòng máu Lạc hồng, hào khí Việt Nam nhân ái, yêu thương song kiên dũng, nhiệt thành, tràn đầy hoài bão và khát vọng. Trong Bình Ngô Đại cáo, Nguyễn Trãi viết: *Như nước Đại Việt ta từ trước, vốn xứng nền văn hiến đã lâu... Tuy mạnh yếu có lúc*

* Phát biểu tại Đại hội tài năng trẻ Việt Nam lần thứ III, năm 2020; có chỉnh sửa.

khác nhau, song hào kiệt thời nào cũng có. Sử sách còn ghi: Trưng Trắc cùng em là Trưng Nhị dựng cờ khởi nghĩa, tập hợp nhân dân đánh đuổi quân Đông Hán năm chỉ mới 26 tuổi; Nguyễn Hiền đỗ Trạng nguyên năm 13 tuổi, là bậc hiền tài nổi tiếng phò vua giúp nước từ khi còn tuổi thiếu niên; và cũng trạc tuổi ấy với tài năng không đợi tuổi, Trần Quốc Toản đã ra quân, phát cao ngọn cờ thêu sáu chữ vàng lẫy lừng “Phá cường địch, báo hoàng ân”; Nguyễn Trãi đỗ Thái học sinh năm 20 tuổi, sau này trở thành một nhà quân sự, chính trị lỗi lạc lập nhiều công lao to lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược, cũng là người đã để lại cho đời sau những áng hùng văn bất hủ; Nguyễn Huệ - người anh hùng áo vải đất Tây Sơn được lưu danh với nhiều chiến công hiển hách: năm 25 tuổi đã cầm quân vây hãm thành Gia Định, năm 33 tuổi đánh thắng 2 vạn quân Xiêm, năm 36 tuổi đánh tan hơn 20 vạn quân Thanh xâm lược. Cùng bao danh nhân, anh hùng tiên liệt, những bậc anh tài tuổi trẻ đã góp phần tô thắm thêm những trang sử hào hùng, hun đúc nên bản lĩnh, ý chí tự cường, trí dũng vô song và truyền thống nhân văn cao đẹp của dân tộc ta trong sự nghiệp đấu tranh dựng nước và giữ nước, trong công cuộc bảo vệ nền độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ đất nước.

Đặc biệt, “dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta”. Chúng kiến cảnh nước mất, nhà tan, nhân dân cơ cực, lầm than dưới ách cai trị của chế độ thực dân,

phong kiến, với lòng yêu nước thiết tha, khát vọng cứu nước và giải phóng dân tộc cháy bỏng, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã đi khắp năm châu tìm đường cứu nước. Người đã sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, dẫn dắt cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Trên những chặng đường đó, Người đã dùi dắt, đào tạo những thanh niên Việt Nam yêu nước, ưu tú, giàu nhiệt huyết trở thành những cán bộ lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta như: đồng chí Trần Phú, đồng chí Lê Hồng Phong, đồng chí Nguyễn Văn Cừ, - những Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng; cùng các đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai, Hoàng Văn Thụ, Lê Duẩn, Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp... Với tài năng xuất chúng và sức lan tỏa tuyệt vời, Người không chỉ trân trọng hiền tài mà còn quy tụ, tập hợp, sử dụng và vinh danh nhiều tài năng, trí thức trẻ Việt Nam ở trong và ngoài nước cùng đứng dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng, cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập của dân tộc và tự do, hạnh phúc của nhân dân.

Là biểu tượng cao đẹp của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khơi dậy, phát huy truyền thống yêu nước quý báu của dân tộc ta lên tầm cao của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, phát huy sức mạnh vô tận của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. Người đã viết: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt

qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”¹. Người là hiện thân của khát vọng Việt Nam - khát vọng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Khi thời cơ giành độc lập đã đến, Người kêu gọi: Dù hy sinh tới đâu, dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập, động viên toàn dân ta vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền, làm nên thắng lợi vang của cuộc Cách mạng Tháng Tám lịch sử, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, “thù trong, giặc ngoài” khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta, Người đã ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*: “Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa! Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”². Hưởng ứng lời kêu gọi đó, cả dân tộc Việt Nam một lần nữa lại vùng đứng lên đấu tranh, sát cánh bên nhau trong sự nghiệp “kháng chiến, kiến quốc”, anh dũng chiến đấu làm nên một chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, mang tinh thần: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do!”, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đã chung sức, đồng lòng viết nên một bản anh hùng ca Việt Nam trong thế kỷ XX với khát

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.7, tr.38.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.534.

vọng mãnh liệt của một dân tộc yêu chuông hòa bình, không bao giờ bị khuất phục trước mọi kẻ thù, lập nên những chiến công chói lọi, mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử - Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Trong giờ khắc này, chúng ta vô cùng xúc động, bày tỏ lòng biết ơn vô hạn Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, các anh hùng, liệt sĩ - những tấm gương hy sinh anh dũng của các anh, chỉ khi tuổi đời còn rất trẻ, như: Kim Đồng, Bế Văn Đàn, Võ Thị Sáu, Nguyễn Văn Trỗi, Đặng Thùy Trâm, mươi nữ thanh niên xung phong nơi ngã ba Đồng Lộc máu lửa cùng biết bao người con ưu tú của dân tộc Việt Nam đã ngã xuống, dâng hiến tuổi thanh xuân của mình vì khát vọng: độc lập, tự do của dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân. Càng tự hào trước truyền thống quý báu của thanh niên Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, chúng ta càng ý thức được trách nhiệm lớn lao của mình đối với công cuộc đổi mới, phát triển đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Đại hội Tài năng trẻ Việt Nam lần thứ III năm 2020 được Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức vào thời điểm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng khi cả nước đang ra sức thi đua lập nhiều thành tích chào mừng Đại hội Thi đua yêu nước và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. Đại hội Tài năng trẻ là dịp để thanh thiếu nhi giỏi, tài năng Việt Nam trên các lĩnh vực đang học tập, nghiên cứu và công tác ở trong và ngoài nước cùng nhau đánh giá kết quả công tác tài năng trẻ Việt Nam, xây dựng phương hướng, nhiệm

vụ và đề xuất với Đảng, Nhà nước các chính sách nhằm chăm lo, bồi dưỡng, phát huy tài năng trẻ Việt Nam trong giai đoạn 2020-2025.

Báo cáo của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cho thấy, trong thời gian qua, chúng ta đã có nhiều hoạt động sôi nổi, tích cực và có hiệu quả để mở rộng mạng lưới tài năng trẻ, kết nối trí thức trẻ Việt Nam trên toàn cầu; khơi dậy tiềm năng to lớn, đóng góp trí tuệ của thế hệ trẻ Việt Nam cho sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước trong giai đoạn mới. 400 đại biểu tài năng trẻ Việt Nam tham dự Đại hội lần này thực sự là những tấm gương tiêu biểu cho trí tuệ, ý chí và khát vọng của tuổi trẻ Việt Nam, khẳng định mình trong học tập, lao động, sản xuất và chiến đấu, cống hiến tài năng, trí tuệ cho đất nước và làm rạng danh tuổi trẻ Việt Nam; góp phần xây dựng hình ảnh Việt Nam rạng rỡ và ấn tượng trong mắt bạn bè quốc tế.

Tình hình thế giới đang thay đổi nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng đang đặt ra những cách tiếp cận phát triển rất mới, trong đó nguồn lực con người, nhất là nhân tài đang trở thành nguồn lực nội sinh, động lực phát triển hết sức quan trọng của mọi quốc gia. Trong tiến trình tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới hiện nay, tuổi trẻ Việt Nam từ truyền thống, vai trò và thế mạnh của mình tiếp tục là lực lượng tiên phong trong lao động, học tập, sáng tạo, nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại, công nghệ số trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và sẽ là chủ nhân tạo ra những giá trị mới, sức bật mới của đất nước.

Mỗi bạn trẻ dù ở trong nước hay ngoài nước, dù công tác ở bất kỳ lĩnh vực, ngành nghề nào đều có thể đóng góp cho sự nghiệp phát triển, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Là những tài năng trẻ, các bạn hãy tự hào để nói rằng: một dân tộc đã gan dạ đấu tranh chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược, một dân tộc thông minh, sáng tạo với tài năng không đợi tuổi và luôn coi hiền tài là nguyên khí quốc gia... không có lý do gì để không sánh vai với các cường quốc năm châu trong thời đại mới. Hãy hun đúc cho mình hoài bão, khát vọng cống hiến cho đất nước; hãy luôn nêu cao tinh thần tự hào dân tộc, xác định rõ trọng trách trước đất nước, cộng đồng, gia đình và chính bản thân; không ngừng rèn luyện, nỗ lực vượt khó vươn lên, càng tài năng càng khiêm tốn, tiếp tục là những tấm gương tỏa sáng, tạo ra sự lan tỏa mạnh mẽ trong giới trẻ nói riêng và xã hội nói chung. Với sự nhất trí, đồng lòng, ngay cả từ những ước mơ nhỏ, bằng những hành động nhỏ, chúng ta sẽ có hàng triệu ước mơ, hàng triệu hành động cùng dệt nên ước mơ, khát vọng lớn vì một Việt Nam cường thịnh, phồn vinh, hạnh phúc. Thế hệ trẻ là tương lai của đất nước. Khát vọng và hành động của các bạn sẽ mang đến tương lai của dân tộc, đưa Việt Nam trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI.

Đảng và Nhà nước ta xác định nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, là một trong những đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: tạo bước chuyển mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục và đào tạo gắn

với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đài ngộ nhân tài; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cần tổ chức nghiên cứu sâu, cụ thể hóa bằng các chương trình hành động nhằm khơi dậy khát vọng phát triển và tinh thần cống hiến của thanh niên Việt Nam trong giai đoạn mới. Cấp ủy đảng và chính quyền các cấp tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với công tác chăm lo, bồi dưỡng, giáo dục và phát huy sức mạnh của thế hệ trẻ nói chung và công tác tài năng trẻ nói riêng; lắng nghe tài năng trẻ, động viên, định hướng tài năng trẻ làm, ủng hộ đồng hành với những đổi mới, sáng tạo để phát huy tài năng trẻ. Quán triệt sâu sắc di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: kiến thiết nước nhà cần phải có nhân tài; bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết. Cụ thể hóa và triển khai chủ trương của Đảng: coi trọng hơn nữa việc trọng dụng tài năng trẻ, tạo bước chuyển có tính đột phá trong bố trí và sử dụng cán bộ trẻ trên tất cả các lĩnh vực, như đã được thể hiện trong Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tạo điều kiện, huy động mọi nguồn lực cho công tác xây dựng và phát triển đội ngũ tài năng trẻ Việt Nam.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cần làm tốt hơn nữa công tác tài năng trẻ toàn diện, đồng bộ ở tất cả các

khâu, ở mọi nơi, mọi ngành và lĩnh vực, ở cả Trung ương và các địa phương. Trong công tác phát hiện, bồi dưỡng và tôn vinh tài năng trẻ, cần đặc biệt chú trọng triển khai sâu rộng, hiệu quả phong trào “Tuổi trẻ sáng tạo”, “Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc” và các hoạt động thúc đẩy tinh thần sáng tạo trong từng đối tượng thanh thiếu nhi. Nâng cao chất lượng các giải thưởng, cuộc thi, hội thi sáng tạo; đa dạng hóa các phương thức và hình thức tuyển chọn linh hoạt và thực chất để phát hiện, tuyển chọn các tài năng trẻ, các thanh thiếu nhi có năng khiếu, có thành tích xuất sắc; tăng tính hấp dẫn, tính lan tỏa của các hoạt động tôn vinh tài năng trẻ của tổ chức Đoàn các cấp. Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát huy tài năng trẻ, cần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, cung văn hóa thanh thiếu nhi, nhà thiếu nhi, trung tâm thanh thiếu niên của Đoàn các cấp trong đào tạo, bồi dưỡng thanh thiếu nhi giỏi, năng khiếu trên các lĩnh vực; phát triển các quỹ, các hình thức hỗ trợ, bảo trợ tài năng trẻ hiện có, tăng cường huy động nguồn lực xã hội kịp thời hỗ trợ, động viên các tài năng trẻ Việt Nam có hoàn cảnh khó khăn. Đoàn phải tập hợp, kết nối, tạo môi trường để động đảo tài năng trẻ trong và ngoài nước đóng góp vào quá trình xây dựng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy trí tuệ và thể hiện trách nhiệm trong hiến kế giải quyết các vấn đề đặt ra trong sự nghiệp tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới.

Trong thời gian qua, tổ chức Đoàn đã chủ động trong việc tham mưu, tuyển dụng, phát huy các tài năng trẻ vào các vị

trí phù hợp trong hệ thống tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp; việc này cần được phát huy hơn nữa trong thời gian tới và đề nghị Ban Bí thư Trung ương Đoàn có đề án cụ thể để triển khai một cách bài bản, có hệ thống và có chất lượng. Đoàn cũng cần chủ động và tích cực tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ tài năng trẻ, như: chính sách về giáo dục và đào tạo; chính sách hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm cho thanh niên, chính sách thanh niên khởi nghiệp; chính sách thu hút và sử dụng tài năng trẻ; chính sách hỗ trợ, vay vốn tín dụng sinh viên; đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị xây dựng hệ thống Cung văn hóa, Nhà thiếu nhi, Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng năng khiếu cho thanh thiếu nhi, góp phần triển khai, cụ thể hóa Luật Thanh niên năm 2020 và ươm trồng tài năng trẻ cho đất nước.

Bác Hồ kính yêu trong “Thư gửi các học sinh” nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã căn dặn: “Non sông Việt Nam có trổ nê nê tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”¹. Phát huy truyền thống yêu nước, bằng nhận thức sâu sắc về trọng trách và sứ mệnh của mình đối với Tổ quốc, mỗi tài năng trẻ nói riêng và thanh thiếu nhi Việt Nam nói chung cần chung sức, đồng lòng, khơi dậy mọi tiềm năng, ý chí quyết tâm, tinh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.35.

thần đổi mới sáng tạo để hiện thực hóa khát vọng phát triển Việt Nam giàu mạnh, phồn vinh, hạnh phúc, cùng tiến bước, sánh vai với các cường quốc năm châu, thực hiện thành công tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và ước vọng của toàn dân tộc ta.

ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA*

Tòa án có vị trí trung tâm trong hệ thống tư pháp, là cơ quan bảo vệ công lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, bảo vệ chế độ, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, bảo đảm sự bình yên, ổn định và kỷ cương trong xã hội. Tòa án nhân dân là thiết chế cấu thành đặc biệt quan trọng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Đây là nét đặc trưng hết sức nổi bật của hệ thống chính trị và tư pháp Việt Nam, là sự lựa chọn theo lôgic của lịch sử, của khoa học và thực tiễn.

Tiếp thu, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin trong bối cảnh lịch sử mới của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, Chủ tịch Hồ Chí Minh thấy rõ, không thể giải phóng được giai cấp nếu không giải quyết được vấn đề độc lập dân tộc. Đồng thời, độc lập dân tộc gắn liền và dựa trên cơ sở bảo đảm các quyền con người, những giá trị tinh hoa, phổ quát của nhân loại, như: quyền được

* Phát biểu tại Hội thảo “Chiến lược cải cách tư pháp trong Tòa án nhân dân định hướng đến năm 2030”, do Tòa án Nhân dân tối cao tổ chức ngày 20/6/2019; có chỉnh sửa.

sống, quyền bình đẳng, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Bảo vệ nền độc lập dân tộc cùng với những quyền cơ bản đó của nhân dân được khẳng định mạnh mẽ, đanh thép trong *Tuyên ngôn độc lập* trước toàn thể quốc dân đồng bào và thế giới ngày 02/9/1945 cũng như trong bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946. Lời di huấn của Người về một nền tư pháp của nhân dân, mang sứ mệnh phục vụ nhân dân và về một hệ thống tòa án “*gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân*”, là chõ dựa của nhân dân, bảo vệ quyền và lợi ích của nhân dân đã trở thành tôn chỉ luôn được mỗi cán bộ của tòa án nhân dân các cấp khắc tâm, ghi nhớ.

Toà án nhân dân vừa thể hiện mục tiêu dân chủ của nền tư pháp Việt Nam, vừa cho thấy thuộc tính tư pháp tiến bộ của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Ngay từ phiên họp đầu tiên của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày 03/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra nhiệm vụ: “Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ”¹. Trong bài phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị Tư pháp toàn quốc năm 1950, Người nêu rõ: Pháp luật của ta là pháp luật thật sự dân chủ, vì nó bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động; đồng thời Người căn dặn: “Phải cố gắng làm cho luật pháp dân chủ ngày càng nhiều hơn, tốt hơn”.

Tiếp thu tư tưởng Nhà nước pháp quyền của phương Tây, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh rằng, một Nhà nước mạnh là Nhà nước quản lý đất nước bằng pháp luật và phải

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr.7.

làm cho pháp luật có hiệu lực trong thực tế. Từ sự thấu hiểu sâu sắc những giá trị văn hóa phương Đông, Người thấy rõ: sự nghiệp cách mạng Việt Nam phải bắt đầu từ việc giáo dục đạo đức cách mạng, khơi dậy chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Trong tác phẩm *Đường cách mệnh* ra đời năm 1927, cuốn giáo trình đầu tiên để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin vào Việt Nam, Người đã viết ngay từ phần mở đầu về *tư cách một người cách mệnh*. Đó chính là những phẩm chất mẫu mực, đức hy sinh, tận tụy, cống hiến, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân của những người tự nguyện đi theo con đường cứu nước, cứu dân, đi theo lý tưởng chủ nghĩa xã hội. Nếu như mỗi người dân, trước hết là mỗi cán bộ, đảng viên, đều phát huy những phẩm chất tốt đẹp của mình, nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, xã hội sẽ trở nên tốt hơn, đàng hoàng hơn, tươi đẹp hơn. Theo đó, trong hoạt động thực thi pháp luật, nhất là công tác xét xử, Người đã dạy: “*xử hay là rất tốt, nhưng nếu không phải hay xử còn tốt hơn*”.

Với hơn 70 năm truyền thống, càng đi sâu vào công tác cải cách tư pháp, đổi mới và hoàn thiện hệ thống tòa án nhân dân, chúng ta càng nhận thức rõ hơn những giá trị cốt lõi đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh dày công vun đắp, làm nên *tinh Đảng, tinh thời đại và tinh dân tộc* của hệ thống toà án nhân dân và nền tư pháp xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chúng ta càng ý thức được yêu cầu phải học tập sâu sắc di huấn của Người, nâng cao trách nhiệm và nỗ lực đóng góp của mình vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Trải qua gần 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, công tác cải cách tư pháp và đổi mới tổ chức, hoạt động của tòa án nhân dân đã đạt được những thành tựu to lớn, đóng góp xuất sắc vào tiến trình phát triển đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ những chủ trương, yêu cầu chung về các nhiệm vụ cải cách tư pháp được đề ra tại các Đại hội Đảng, như các Đại hội lần thứ VII, VIII và IX, chúng ta đã ban hành những nghị quyết cụ thể, với các giải pháp cấp bách, những nhiệm vụ cần thực hiện ngay. Điển hình là việc ban hành và triển khai Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, đạt được những kết quả bước đầu quan trọng, tạo chuyển biến đáng kể trong nhận thức và hành động của cán bộ và một bộ phận nhân dân. Đặc biệt, ngày 02/6/2005, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, đề ra một chương trình cải cách ở tầm chiến lược, toàn diện và đồng bộ, đáp ứng yêu cầu mới của đất nước. Trong số các nhiệm vụ cải cách tư pháp, cải cách tòa án được xác định là nhiệm vụ có tầm quan trọng đặc biệt, thể hiện ở nhận thức mới về vai trò, chức năng và nhiệm vụ của tòa án, đó là: tòa án có vị trí trung tâm trong hệ thống tư pháp và xét xử là hoạt động trọng tâm¹. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong

1. Xem Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp.

thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, tiếp tục cho thấy là bước chuyển lớn trong cách thức tổ chức nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước, trong đó có ngành tư pháp và tòa án đều thuộc về nhân dân.

Từ những chủ trương, quan điểm và định hướng trong các nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp và tòa án, chúng ta đã tiến hành cụ thể hóa bằng các văn bản pháp luật, ngày càng đầy đủ và có hệ thống. Theo Hiến pháp năm 2013, việc phân công giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp đã cụ thể, rành mạch hơn: Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp; Chính phủ thực hiện quyền hành pháp; Tòa án nhân dân thực hiện quyền tư pháp; Viện Kiểm sát nhân dân được xác định là một thiết chế độc lập trong bộ máy nhà nước, có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Lần đầu tiên, việc thừa nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân đã được khẳng định trang trọng và nhất quán trong Chương II của Hiến pháp. Cũng lần đầu tiên, Hiến pháp năm 2013 (khoản 3 Điều 102) và Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 (khoản 1 Điều 2) ghi nhận: Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Từ chỗ hạn chế, bó hẹp theo tư duy cũ, chúng ta đã mở rộng thẩm quyền của Tòa án nhân dân, ban hành và bổ sung nhiều nguyên tắc hoạt động mới, tăng cường trách nhiệm và tính độc lập của tòa án. Thẩm quyền xét xử của tòa án được mở rộng để thụ lý các khiếu kiện hành chính; Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, kết luận về các hành vi, quyết định tố tụng, về tính hợp pháp của các chứng cứ, tài liệu do điều tra viên, kiểm sát viên, luật sư, v.v. cung cấp; cơ quan điều tra, viện kiểm sát cung cấp chứng cứ, tài liệu phải bảo đảm tính hợp pháp, đúng đắn trước khi tuyên bản án và ra quyết định. Đặc biệt, việc yêu cầu Tòa án nhân dân không được từ chối giải quyết vụ việc vì lý do chưa có điều luật quy định, thể hiện rõ trách nhiệm của cơ quan tư pháp, khi tòa án nhận phần khó về mình và dành thuận lợi cho người dân.

Từ chỗ tổ chức bị bó buộc theo đơn vị hành chính, hệ thống tòa án đã được tổ chức theo mô hình mới với bốn cấp theo thẩm quyền xét xử, gồm: Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện; trong đó, chức năng, nhiệm vụ của tòa án mỗi cấp được phân định rõ ràng hơn.

Việc xác định mô hình tố tụng theo hướng kết hợp giữa tố tụng thẩm vấn với tố tụng tranh tụng đã làm thay đổi nhận thức của cán bộ tư pháp, hướng đến cách thức tố tụng dân chủ, công khai, minh bạch, bình đẳng, bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Đây là những luận điểm mới, thể hiện bước đột phá lớn về nhận thức, tư duy so với giai đoạn trước đổi mới, phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước. Việc phát triển, bổ sung một số nguyên tắc có tính chất nền tảng

trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, như: nguyên tắc tranh tụng; chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm; độc lập xét xử của thẩm phán và hội thẩm nhân dân; nghiêm cấm tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của tòa án; quyền bào chữa của bị can, bị cáo, quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự được bảo đảm, khuyến khích việc giải quyết một số tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải, v.v. đã hướng nền tư pháp nước ta đến mô hình tư pháp hiện đại.

Mục tiêu mà Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đề ra: *Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao¹*, được Đại hội lần thứ XII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh, vẫn mang tính thời sự, là đòi hỏi cấp thiết từ thực tiễn phát triển của đất nước.

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, việc đổi mới hoạt động, tổ chức của ngành tòa án vẫn là nhiệm vụ trung tâm của tiến trình cải cách tư pháp ở Việt Nam, là yếu tố hết sức quan trọng để tạo dựng sự đồng bộ, gắn kết giữa ba thiết chế phát triển: nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Để tiến trình này đạt được mục tiêu, trên cơ sở bám sát phương châm có tính nguyên tắc, đó là: kiên định và đổi mới, kế thừa và phát triển, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận ngày

1. Xem Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

càng hoàn thiện với thực tiễn ngày càng sôi động, cần quán triệt một số yêu cầu, định hướng sau đây:

Thứ nhất, nắn vững tính Đảng. Cần tiếp tục đẩy mạnh thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách tư pháp và đổi mới hệ thống tòa án nhân dân trong các luật về tổ chức bộ máy, về hình sự, dân sự, về tố tụng, thi hành án, luật sư, công chứng, giám định tư pháp, v.v. để đi vào thực tiễn cuộc sống. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng là yếu tố để bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Do tòa án là cơ quan thực hiện quyền tư pháp, cách thức tổ chức và hoạt động khác với cơ quan dân cử và cơ quan hành chính nhà nước, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với tòa án cũng có những điểm đặc thù. Một mặt, không để cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên cơ quan nhà nước hay người có chức vụ, quyền hạn nào được nhân danh Đảng để can thiệp trực tiếp vào công tác xét xử của tòa án. Mặt khác, đảng viên làm công tác xét xử phải chấp hành Điều lệ Đảng, bảo đảm các phán quyết của tòa án công minh, chính trực, bảo vệ công lý, bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ, bảo vệ nhân dân và thu phục được lòng người.

Nắn vững tính Đảng gắn liền với yêu cầu phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, trên nền nguyên tắc hiến định: “tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân”. Nhà nước pháp quyền là một cách thức tổ chức nhà nước và xã hội trên nền tảng dân chủ. Do vậy, dân chủ cũng là một trong các mục tiêu của cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay. Với yêu cầu đó,

việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân phải đặt dưới sự kiểm soát, kiểm tra, giám sát của nhân dân.

Thứ hai, nắm chắc tinh thần *thượng tôn pháp luật*. Nhà nước pháp quyền đòi hỏi Hiến pháp và luật phải có hiệu lực pháp lý tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ xã hội; ngay cả quyền lực nhà nước phải được thực hiện trên cơ sở pháp luật, được tổ chức, ràng buộc, bị giới hạn và kiểm soát bởi pháp luật. Do quyền tư pháp là một bộ phận có tính chức năng của quyền lực nhà nước thống nhất và là quyền phái sinh từ quyền lực nhà nước, nên quyền tư pháp nhất thiết phải được thực hiện trên cơ sở pháp luật, bị giới hạn và kiểm soát bởi pháp luật. Với yêu cầu đó, trong áp dụng pháp luật và ban hành án lệ, Tòa án nhân dân phải tuân theo các luật về nội dung và thủ tục do Quốc hội ban hành, phải bảo đảm tính công bằng, nhất quán, công khai và minh bạch.

Hiến pháp năm 2013 (khoản 2 Điều 119) nêu rõ: Tòa án nhân dân có trách nhiệm cùng với các cơ quan khác của Nhà nước và toàn thể nhân dân bảo vệ Hiến pháp. Hiện nay, chúng ta đã hình thành cơ chế bảo vệ Hiến pháp, trong đó có việc giám sát, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản quy phạm pháp luật; song vẫn chưa có thiết chế riêng như Tòa án Hiến pháp để giám sát tính hợp hiến của các đạo luật, nghị quyết do Quốc hội ban hành. Do vậy, về lâu dài, nên nghiên cứu đề xuất phương án giao việc này cho Tòa án nhân dân tối cao.

Quan niệm hiện đại cho rằng, một nền tư pháp độc lập là yếu tố cấu thành quan trọng của Nhà nước pháp quyền và chức năng xét xử là quyền riêng có của Tòa án nhân dân.

Theo đó, sự độc lập và chỉ tuân theo pháp luật của thẩm phán và hội thẩm nhân dân là yếu tố bảo đảm quan trọng của công lý. Đây là trách nhiệm chính của tòa án song cũng cần có sự hợp tác, hỗ trợ của các thiết chế khác trong bộ máy nhà nước và trong hệ thống chính trị. Để độc lập trong xét xử, tòa án rất cần có các thẩm phán và hội thẩm nhân dân có bản lĩnh vững vàng, kiên định và dũng cảm trong thực thi nhiệm vụ.

Thứ ba, bối cảnh mới của đất nước, nhất là những vấn đề về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu, rộng và thích ứng trước tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang đặt ra những yêu cầu rất mới cho nền tư pháp và ngành tòa án. Đó là yêu cầu về bảo đảm *tính bao trùm* và *tiếp cận công lý* để không một người dân nào bị bỏ lại phía sau, bị phân biệt đối xử, bị đặt vào vị trí bất lợi hơn hay dễ bị tổn thương hơn trong nền tư pháp và hệ thống xét xử; về sự đồng bộ, thống nhất giữa tiến trình cải cách tư pháp với cải cách lập pháp và cải cách hành chính; về *tính hội nhập* cao, nhất là sự mở rộng hợp tác với các tòa án và trọng tài quốc tế, để có đủ năng lực giải quyết các vụ án, vụ việc xuyên quốc gia; về *tính hiện đại*, nhất là tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ, đẩy nhanh tiến trình xây dựng nền tư pháp điện tử, tòa án điện tử theo cam kết trong Công đồng ASEAN; về bảo đảm *tính thực tiễn* của pháp luật, nhất là hoàn thiện cơ chế phát hiện, xây dựng và áp dụng án lệ nhằm thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của đời sống xã hội; về *tiếp tục nâng cao chất lượng xét*

xử, nhất là theo hướng phân định rõ các chức năng tố tụng, tăng cường tranh tụng bằng lời nói tại tòa án, lấy hoạt động tranh tụng bằng lời nói tại tòa án làm cơ sở quan trọng nhất để tòa án ra phán quyết; về *tăng cường chất lượng viết bản án, quyết định của thẩm phán*, bảo đảm mỗi bản án, quyết định của tòa án đều thể hiện lập luận, giải thích pháp luật rõ ràng, thực hiện khẩu hiệu của nền tư pháp hiện đại: *Không những công lý được thực thi mà người dân phải thấy rõ công lý đã được thực thi*.

Thứ tư, xây dựng đội ngũ cán bộ ngành tư pháp và tòa án đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Công tác cán bộ là nhiệm vụ then chốt của công tác xây dựng Đảng nói chung, công tác xây dựng, phát triển ngành tư pháp và Tòa án nhân dân nói riêng. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng dạy: cán bộ tư pháp phải tuyệt đối trung thành, phải nêu cao tấm gương “*phụng công, thủ pháp, chí công vô tư*” cho nhân dân noi theo¹; trong công tác xét xử phải có tinh thần kiên quyết, bản lĩnh vững vàng, nghiêm khắc đồng thời thể hiện truyền thống khoan dung, nhân đạo của dân tộc: “*Không được vì công mà quên lỗi; không được vì lỗi mà quên công*”.

Trong xét xử, kinh nghiệm xã hội của các vị hội thẩm nhân dân là điều rất cần thiết, bổ sung cho thẩm phán. Tuy nhiên, cần nghiên cứu đổi mới chế định hội thẩm nhân dân theo hướng thực chất, hiệu quả, phát huy thế mạnh và vai

1. Xem “Thư gửi Hội nghị tư pháp toàn quốc”, tháng 02 năm 1948; in trong Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.472-473.

trò chủ động của hội thẩm nhân dân để nâng cao chất lượng công tác xét xử; nghiên cứu áp dụng chế định “bồi thẩm” hợp lý nhằm nâng cao tính dân chủ, sự đồng thuận của xã hội đối với công tác xét xử của tòa án.

Thực tiễn phát triển nhanh chóng, đa dạng của đất nước đòi hỏi một đội ngũ thẩm phán không chỉ có các tiêu chuẩn chuyên môn pháp lý mà còn có hiểu biết rộng, được cọ xát, trải nghiệm ở nhiều lĩnh vực. Do vậy, cần mở rộng nguồn bổ nhiệm thẩm phán từ các luật sư, trợ giúp viên pháp lý, giảng viên pháp luật, cán bộ nghiên cứu, cán bộ pháp chế trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, v.v. kết hợp với việc đào tạo liên tục để không ngừng nâng cao chất lượng, tạo ra sự đa dạng trong đội ngũ thẩm phán; qua đó lựa chọn được những người thực sự tinh hoa trong giới luật học, có kiến thức chuyên môn và hiểu biết sâu sắc về pháp luật, đủ năng lực chủ trì tranh tụng và đưa ra các lập luận thuyết phục cho phán quyết.

MỘT SỐ LUẬN ĐIỂM MỚI VỀ PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA HIỆN NAY*

Sự lựa chọn kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta xuất phát từ nhận thức đúng đắn của Đảng ta: Kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại, có thể tồn tại và thích ứng với nhiều hình thái xã hội khác nhau; kinh tế thị trường phát triển với trình độ cao dưới chủ nghĩa tư bản song không đồng nhất với chủ nghĩa tư bản và cũng không đối lập với chủ nghĩa xã hội. Dù không phải là một cơ chế hoàn hảo, song kinh tế thị trường vẫn chứng tỏ là một cơ chế huy động, phân bổ nguồn lực, thúc đẩy sáng tạo và phát triển được coi là ưu thế nhất hiện nay. Một quốc gia dựa trên nền tảng thị trường để phát triển kinh tế có thể chưa chắc thành công, song một quốc gia không có nền kinh tế thị trường chắc chắn sẽ không thể phát triển trong dài hạn. Tự thân kinh tế thị trường không đưa đến chủ nghĩa xã hội, nhưng muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công dứt khoát phải phát triển kinh tế thị trường.

* Bài đăng trên *Tạp chí Kinh tế và Quản lý*, số 19, tháng 9/2016; có chỉnh sửa.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một mô hình hoàn toàn mới, chưa có tiền lệ trong lịch sử và thời gian phát triển vừa tròn 30 năm. Do vậy, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình hoàn thiện, đổi mới và sáng tạo không ngừng trong nhận thức, tư duy lý luận và thực tiễn. Văn kiện Đại hội XII của Đảng đã kế thừa, làm rõ và thể hiện bước phát triển mới trên nhiều luận điểm quan trọng, trong đó có những luận điểm lần đầu tiên được đề cập.

Thứ nhất, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường. Đây là luận điểm đã được đề cập trước đây nhưng lần này được Đảng ta khẳng định rõ và cụ thể hơn, bởi lẽ, trên thực tế, nền kinh tế nước ta đang từng bước được công nhận là nền kinh tế thị trường. Điều đó cũng có nghĩa là nền kinh tế của chúng ta không khác biệt mà mang đầy đủ các đặc trưng phổ biến của kinh tế thị trường, như: tự do kinh doanh và cạnh tranh; mở cửa và hướng tới tự do hóa; đa dạng hóa các hình thức sở hữu; lấy quy luật giá trị và quan hệ cung cầu để xác định giá cả; coi cạnh tranh là động lực phát triển; phân bổ nguồn lực phát triển và xử lý những yếu kém nội tại của nền kinh tế theo các nguyên tắc của thị trường... Thực tiễn phát triển của đất nước ta cũng đã minh chứng sinh động rằng: không vận hành đầy đủ và đồng bộ các quy luật của kinh tế thị trường, chúng ta không thể giải phóng sức sản xuất, phát triển và hội nhập quốc tế thành công.

Thứ hai, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội

nhập quốc tế. Đây là luận điểm lần đầu tiên được Đảng ta khẳng định trong văn kiện nhưng rất cần thiết và phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước hiện nay, phản ánh tiến trình hội nhập quốc tế sâu, rộng trên nhiều cấp độ, đưa nền kinh tế Việt Nam trở thành một bộ phận hữu cơ của nền kinh tế thị trường thế giới. Nhấn mạnh tính hiện đại và hội nhập của nền kinh tế là sự khẳng định việc tuân thủ các chuẩn mực chung của thế giới để phát triển, thực hiện tự do hóa trong các lĩnh vực thương mại, đầu tư, tài chính, dịch vụ, lao động kỹ năng... và quan trọng hơn, là phải tuân thủ các cam kết quốc tế đã ký, nỗ lực cải cách thể chế kinh tế bên trong, đáp ứng các tiêu chí để được công nhận là nền kinh tế thị trường đầy đủ. Thuộc tính mới này của nền kinh tế đặt ra cho chúng ta yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả; phát triển nhanh và bền vững; tham gia vào chuỗi giá trị và mạng sản xuất toàn cầu; phát triển kinh tế tri thức, chú trọng đổi mới sáng tạo trên nền tảng khoa học - công nghệ hiện đại; thiết lập các thị trường yếu tố sản xuất, hàng hóa và dịch vụ hiệu quả; phát triển hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội tiên tiến; thúc đẩy và hoàn thiện những chuẩn mực văn minh trong sản xuất và tiêu dùng...

Thứ ba, thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển; là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất. Chúng ta đã vận hành nền kinh tế theo nguyên lý này trên thực tế nhưng đây cũng là luận điểm lần đầu được đề cập, khẳng định trong văn kiện chính thức. Trong giai đoạn vừa qua, sự phát triển mạnh

khu vực kinh tế tư nhân, khu vực kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, phát triển thị trường chứng khoán, xã hội hóa dịch vụ công, triển khai đối tác công - tư một cách sáng tạo trong xây dựng cơ bản và phát triển kết cấu hạ tầng..., đã góp phần giải phóng sức sản xuất và mọi tiềm năng phát triển trong và ngoài nước. Điều kiện cơ bản để huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển là bảo đảm tự do kinh doanh và thúc đẩy cạnh tranh; thiết lập và hoàn thiện cơ chế thị trường lành mạnh, minh bạch; phát triển đầy đủ, đồng bộ và vận hành thông suốt các loại thị trường; các chủ thể thị trường cạnh tranh bình đẳng; đặc biệt cần có sự bình đẳng trong cơ hội đầu tư, sản xuất và kinh doanh đối với mọi chủ thể kinh tế, không phân biệt đối xử với cá nhân hay tập thể, doanh nghiệp tư nhân hay doanh nghiệp nhà nước. Thị trường cũng chính là cơ chế chủ yếu thực hiện phân phối các thành quả của tăng trưởng kinh tế, trong đó thu nhập của mỗi người được hình thành trên cơ sở và phù hợp với kết quả lao động cũng như mức đóng góp về các nguồn lực trong quá trình tạo ra của cải xã hội. Đây là những tiền đề quan trọng để mọi chủ thể xã hội phát huy năng lực và sức sáng tạo, làm giàu cho chính mình và làm giàu cho xã hội.

Thứ tư, khác với giai đoạn trước, chúng ta đã từng coi “kinh tế tư nhân là một trong các động lực của nền kinh tế”¹, lần này, Đảng ta khẳng định mạnh mẽ và dứt khoát

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập* (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.737.

hơn, coi “kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế”¹.

Nhận thức về kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng xuất phát từ thực tiễn phát triển hết sức sinh động của nền kinh tế đất nước. Trong những năm qua, hàng trăm nghìn doanh nghiệp tư nhân đã góp phần làm nên sự phát triển năng động của nền kinh tế, góp phần quan trọng tạo việc làm, nâng cao thu nhập của người dân, mạnh dạn đột phá và đi đầu trong nhiều lĩnh vực sản xuất - kinh doanh mới. Trong quá trình hội nhập, nhiều doanh nghiệp tư nhân đã vươn ra bên ngoài và khẳng định thương hiệu của mình trên thị trường thế giới. Lực lượng doanh nhân Việt Nam đông đảo, rộng khắp, ở mọi loại hình và quy mô, đang có tiếng nói và vai trò ngày càng quan trọng trong các quyết sách phát triển đất nước. Do đó, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho khu vực tư nhân phát triển cũng chính là tạo điều kiện để giải phóng các nguồn lực phát triển trong xã hội, để nền kinh tế thị trường phát huy tối đa các tiềm năng to lớn của nó. Luận điểm này chắc chắn là nguồn cổ vũ tinh thần khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo, tạo sức sống và đột phá phát triển mạnh mẽ đất nước ta trong giai đoạn mới.

Cân nhắc mạnh rằng, việc xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo và kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế hoàn toàn không hàm ý sự phân biệt đối xử, mà với ý nghĩa là tùy thuộc vào chức năng của mỗi

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.103.

thành phần kinh tế để xác định vai trò của chúng. Kinh tế nhà nước với các nguồn lực, công cụ, chính sách của mình chủ đạo trong việc định hướng và điều tiết nền kinh tế, đảm bảo các cân đối lớn cho nền kinh tế, kiểm soát các nguồn tài nguyên chiến lược, phát triển các kết cấu hạ tầng và dịch vụ công có vốn đầu tư lớn, luân chuyển chậm, lợi nhuận không cao, rất cần thiết cho nền kinh tế - xã hội nhưng khu vực tư nhân không sẵn sàng đảm nhận; các lĩnh vực quốc phòng - an ninh, một số hoạt động đầu tư mạo hiểm... Về thực chất, kinh tế nhà nước luôn giữ vị trí quan trọng trong các nền kinh tế thị trường hiện đại, ví dụ: các nền kinh tế khu vực Nordic, luôn có khu vực kinh tế nhà nước lớn, rất mạnh và hiệu quả, nhất là trong các ngành dầu khí, hàng hải và viễn thông. Cũng bởi vậy, nhiều nhà kinh tế nổi tiếng thế giới cảnh báo rằng, phải nâng cao hiệu quả của khu vực kinh tế nhà nước song đừng vì tính kém hiệu quả của khu vực này, nhất là của một số doanh nghiệp nhà nước, trong một số ngành, lĩnh vực và ở một số thời điểm mà trượt sang tư tưởng cực đoan, phủ nhận vai trò của kinh tế nhà nước nói chung và của doanh nghiệp nhà nước nói riêng; họ không ủng hộ độc quyền nhà nước trong kinh doanh, nhưng luôn cảnh báo rằng sẽ là vô cùng nguy hiểm nếu điều đó dẫn tới độc quyền tư nhân. Rõ ràng, Đảng ta tiếp tục xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo với nội hàm mới, phù hợp với Cương lĩnh xây dựng đất nước (sửa đổi, bổ sung năm 2011) và Hiến pháp năm 2013 là hoàn toàn hợp lý và cần thiết.

Thứ năm, các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển nhưng phải phù hợp với cơ chế thị trường.

Ở trình độ phát triển còn chưa cao như nền kinh tế nước ta, Nhà nước đóng vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội. Nhà nước sử dụng các nguồn lực của mình, cùng các công cụ, chính sách để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Trong điều kiện hiện nay, việc phân bổ các nguồn lực của Nhà nước không thể theo ý muốn chủ quan, bất chấp quy hoạch và kế hoạch phát triển, đặc biệt phải theo các tín hiệu tích cực của thị trường, đảm bảo sự minh bạch và có hiệu quả. Đây là luận điểm đặt ra yêu cầu phải đoạn tuyệt dứt khoát với cơ chế bao cấp, “xin - cho”; là định hướng quan trọng để xử lý các vấn đề về đầu tư dàn trải, lãng phí và kém hiệu quả trong sử dụng các nguồn lực phát triển của Nhà nước và xã hội. Điều này đòi hỏi phải tiếp tục đẩy nhanh các tiến trình cơ cấu lại đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và ngân sách nhà nước phù hợp với cơ chế thị trường; chú trọng xử lý vấn đề nợ xấu và nợ công. Nhà nước phải chuyển từ vai trò can thiệp trực tiếp sang hỗ trợ, tạo thuận lợi và quản lý phát triển, trong đó chú trọng bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, tạo lập các cơ hội kinh doanh và khởi nghiệp; thiết lập khuôn khổ pháp luật, chính sách và bộ máy thực thi nhằm đảm bảo các loại thị trường liên tục được hoàn thiện, hoạt động minh bạch, hiệu quả và cạnh tranh công bằng. Có thể nói, tuân thủ và tôn trọng các quy luật của thị trường trở thành tư tưởng xuyên suốt trong tổ chức và quản trị phát triển nền kinh tế nước ta hiện nay.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta. Định hướng xã hội chủ nghĩa và kinh tế thị trường là một chỉnh thể thống nhất.

Phát triển nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, vì lợi ích của đại đa số nhân dân, hướng vào con người, vì con người, lấy con người làm trung tâm của sự phát triển, mọi người được tham gia và mọi người được hưởng lợi. Đây cũng chính là thuộc tính nhân văn của nền kinh tế, đặc trưng riêng có của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Định hướng xã hội chủ nghĩa được thể hiện trên nhiều phương diện: *Thứ nhất*, ngay trong mục tiêu phát triển, đó là: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, phát triển xã hội và con người Việt Nam, thực hiện “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”; *Thứ hai*, trong phương thức phát triển, đó là việc phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo để khắc phục những hạn chế, khuyết tật và thất bại của thị trường, đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu kinh tế - xã hội; *Thứ ba*, trong phương thức phân phối, đó là việc Nhà nước thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển; hoàn thiện chế độ phân phối chủ yếu theo hiệu quả kinh tế, đồng thời thông qua phúc lợi xã hội, thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với toàn dân, đặc biệt quan tâm và hỗ trợ người nghèo, những nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương; và *Thứ tư*, trong phương thức quản trị và quản lý nền kinh tế, đó là việc thực hiện dân chủ hóa trong đời sống kinh tế; phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo vai trò quản lý nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nhấn mạnh các luận điểm mới để chúng ta có nhận thức đúng và có niềm tin vào đường lối tiếp tục đổi mới của Đảng ta. Để triển khai thực hiện thắng lợi và đưa Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đi vào cuộc sống, đòi hỏi chúng ta phải có những giải pháp đồng bộ, sáng tạo; đặc biệt phải có quyết tâm chính trị cao và hành động quyết liệt, cụ thể, bám sát thực tiễn hết sức sinh động của đất nước ta, ở từng thời điểm, từng địa phương và trong từng lĩnh vực phát triển. Ba đột phá chiến lược và ba trọng tâm trong tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng mà Đảng ta đề ra trong nhiệm kỳ trước vẫn còn nguyên giá trị. Chúng ta cần thống nhất rằng, bối cảnh mới đang đem lại cho đất nước ta nhiều cơ hội phát triển lớn song mới chỉ là tiềm năng; trong khi nhiều thách thức là hiện hữu, nhất là trong quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng và với những yếu kém đang tồn tại trong nền kinh tế. Để tận dụng được các cơ hội, vượt qua thách thức, biến thách thức thành cơ hội vì sự cường thịnh của đất nước, chúng ta kiên định con đường đã chọn: phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

MÔ HÌNH XÃ HỘI SIÊU THÔNG MINH (XÃ HỘI 5.0) VÀ MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐỐI VỚI VIỆT NAM*

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (công nghiệp 4.0) đang tạo ra những biến đổi sâu sắc, chưa từng có về kinh tế, xã hội và con người. Trong thời gian qua, Việt Nam đã nghiên cứu, tìm hiểu và triển khai các chính sách nhằm bắt kịp cuộc cách mạng này song vẫn chưa nhận thức được đầy đủ tác động của nó đối với sự hình thành của một mô hình xã hội mới với những phương thức quản lý, điều hành hoàn toàn khác trước.

Trên nền tảng của công nghiệp 4.0 và những thành tựu quản lý hiện đại, các nước phát triển đang tiên phong xây dựng một mô hình xã hội “siêu thông minh” và “siêu hiệu quả” với tên gọi “xã hội 5.0”. Mục tiêu của mô hình xã hội này là vì con người và hướng vào con người, khai thác tốt nhất khía cạnh nhân văn của các thành tựu công nghệ mới. Điều này có những gợi mở quan trọng cho việc xác định khát

* Kết quả nghiên cứu của GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng và các cộng sự: PGS.TS. Nguyễn Mạnh Hùng, TS. Hà Minh Hiệp, tháng 4/2018.

vọng và tầm nhìn phát triển cũng như chiến lược “đi tắt, đón đầu” của Việt Nam, tận dụng những cơ hội mà cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

1. Bước tiến của nhân loại tới “xã hội 5.0” phù hợp với học thuyết về sự thay thế, phát triển các hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác

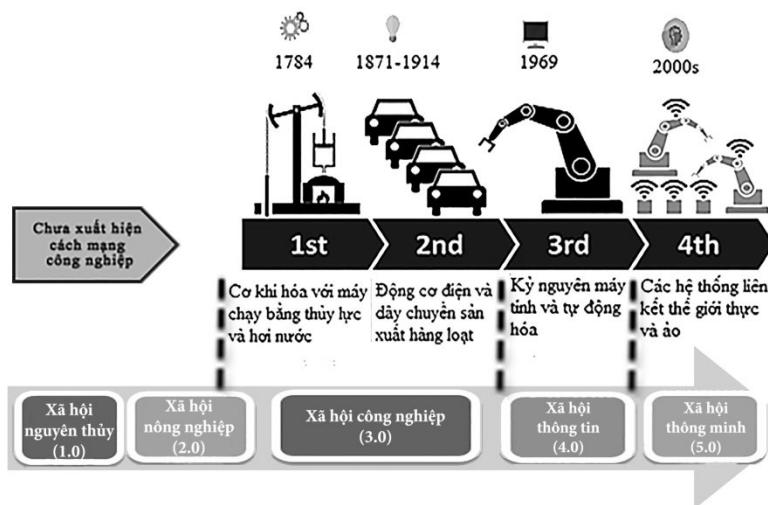
Học thuyết của C.Mác đã lý giải lịch sử phát triển của xã hội loài người như một quá trình lịch sử tự nhiên và sự thay thế các hình thái kinh tế - xã hội dựa trên sự phát triển của lực lượng sản xuất mà trong điều kiện hiện nay chính là những thành tựu khoa học - công nghệ mới. Thực tế cho thấy, các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử đóng vai trò hết sức quan trọng, là động lực thúc đẩy, phổ biến và làm sâu sắc hơn các mô hình kinh tế - xã hội mới. Cụ thể:

- Khi chưa xuất hiện cách mạng công nghiệp, *xã hội loài người* đã chuyển dịch chậm từ *xã hội nguyên thuỷ* (*xã hội 1.0*), dựa vào săn bắt, hái lượm sang *xã hội nông nghiệp* (*xã hội 2.0*).
- Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất với nền tảng công nghệ là máy hơi nước tạo ra bước chuyển từ *xã hội nông nghiệp* (*xã hội 2.0*) lên *xã hội công nghiệp* (*xã hội 3.0*).
- Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai với nền tảng công nghệ là động cơ điện, đã phổ biến ra toàn cầu và làm sâu sắc hơn hình thái *xã hội công nghiệp* (*xã hội 3.0*).

- Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba với nền tảng công nghệ là máy tính, tạo ra bước chuyển từ xã hội công nghiệp (xã hội 3.0) lên xã hội thông tin (xã hội 4.0), tiếp tục phổ biến và làm sâu sắc hơn quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

- Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với nền tảng công nghệ là Internet kết nối vạn vật, cơ sở dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, robot, điện toán đám mây và sự hình thành các ngành “công nghiệp kết nối”, tạo ra bước chuyển từ xã hội thông tin (xã hội 4.0) lên xã hội siêu thông minh (xã hội 5.0)¹. Xã hội 5.0 là một mô hình xã hội mới, kế tiếp của xã hội 4.0.

Hình 1: Các bước hình thành xã hội 5.0



1. Center for Research and Development Strategy - Japan Science and Technology Agency: *Future Services & Societal Systems in Society 5.0*, November 2016.

Nhật Bản là nước đi tiên phong trong việc xây dựng xã hội 5.0. Tháng 01/2016, Chính phủ Nhật Bản đã ban hành Kế hoạch cơ bản về khoa học và công nghệ lần thứ 5 với nội dung trọng tâm là xã hội 5.0. Tháng 3/2017, Thủ tướng Shinzo Abe đã giới thiệu và quảng bá cho mô hình xã hội siêu thông minh (xã hội 5.0) tại Hội chợ máy tính CeBIT ở Hannover, Đức, nơi Nhật Bản là nước đối tác chính thức. Các quốc gia khác cũng xây dựng nhiều chiến lược và chính sách khác nhau để vươn tới những mô hình tương tự, thông qua việc huy động toàn bộ sức mạnh của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trước đó, Đức đã đưa ra mô hình Công nghiệp 4.0, chú trọng vào vấn đề phát triển kinh tế và công nghệ. Singapore đưa ra chiến lược xây dựng “Quốc gia thông minh”. Chính phủ Ấn Độ đã triển khai Đề án “Ấn Độ số” (Digital India) với mục tiêu tiến hành số hóa 14 thành phố với một trong những trụ cột quan trọng nhất là từng bước xây dựng chính phủ điện tử, chính phủ di động và chính phủ số. Estonia đưa ra kế hoạch xây dựng một đất nước điện tử (e-Estonia) và đã triển khai rất thành công, được Tạp chí *Wired* coi là một trong những xã hội số phát triển nhất thế giới¹.

2. Xã hội 5.0 hình thành trên nền tảng phát triển cao của lực lượng sản xuất hiện đại

Nền tảng công nghệ của xã hội siêu thông minh là công nghiệp 4.0. Với sự bùng nổ của công nghệ Internet kết nối vạn vật (IoT), hầu như tất cả các đối tượng, vật thể khác

1. <http://www.wired.co.uk/article/digital-estonia>.

nhau (từ máy móc trong công nghiệp, thiết bị gia đình, ôtô và điện thoại di động... và cả động vật lẫn con người) đều có thể được trang bị hệ thống cảm biến để thu, phát dữ liệu, thông tin. Điều này khiến cho lượng thông tin của thế giới tăng lên không ngừng; dữ liệu thông tin có dung lượng ngày càng lớn, được lưu trữ trong hệ thống cơ sở dữ liệu lớn và trở nên quá phức tạp, vượt xa khả năng phân tích, chọn lọc của con người. Trí tuệ nhân tạo (AI) trở thành công cụ hết sức quan trọng, đủ “thông minh” giúp trích xuất, phân tích “các thông tin có ý nghĩa” từ cơ sở dữ liệu khổng lồ do các hệ thống cảm biến thu được để phục vụ con người. Do vậy, dữ liệu thực sự đã trở thành “*nguồn nguyên liệu*” và có tiềm năng biến đổi kinh tế và xã hội. Dữ liệu “thô” có thể được chiết xuất, tinh chế để tăng cao giá trị. Cơ sở dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo là công cụ để “chế biến” các dữ liệu “thô”, gửi lại các dữ liệu “tinh” để con người sử dụng. Nếu dữ liệu được chia sẻ đúng cách giữa các quốc gia và cộng đồng xã hội, có thể được truy cập ở những thời điểm và địa điểm hữu ích nhất thì nó sẽ trở thành một công cụ có thể thay đổi hoàn toàn cách sống và làm việc.

Nếu như công nghiệp 4.0 đặt ra cách tiếp cận mới khi nghiên cứu lực lượng sản xuất thì xã hội 5.0 lại đặt ra cách tiếp cận mới khi nghiên cứu quan hệ sản xuất. Trong xã hội thông tin (xã hội 4.0), việc thu thập và phân tích thông tin chủ yếu được thực hiện bởi con người. Việc tạo ra tri thức từ thông tin vẫn do con người thực hiện. Mọi người sẽ truy cập vào dịch vụ điện toán đám mây (cơ sở dữ liệu) trong không gian mạng thông qua Internet để tìm kiếm, truy xuất và

phân tích thông tin, dữ liệu. Trong xã hội 5.0, máy móc và trí tuệ nhân tạo (AI) sẽ thay con người tạo ra tri thức từ thông tin. Con người, máy móc được nối mạng thông qua các cảm biến; thông tin được tự động thu thập qua mạng, phân tích bởi AI và kết quả được gửi trở lại cho con người sử dụng. Chính quá trình *tương tác liên tục* và mức độ *hội tụ cao* giữa không gian mạng (thế giới ảo) và không gian vật lý (thế giới thực) này đã mang lại các dịch vụ và tiện nghi mới cho con người và những giá trị mới cho xã hội.

Sự tương tác liên tục này được thực hiện và duy trì nhờ ngành “*công nghiệp kết nối*” phát triển. Kế hoạch cơ bản về khoa học và công nghệ lần thứ 5 của Nhật Bản xác định ngành “*công nghiệp kết nối*” gồm hai nhóm công nghệ cơ bản:

i) Nhóm công nghệ *nền tảng cho công nghiệp 4.0*, gồm: công nghệ cảm biến (đặc biệt là cảm biến quang học), công nghệ cơ khí chế tạo (đặc biệt là công nghệ hạ tầng viễn thông được điều khiển bởi máy tính - CMC), công nghệ robot, công nghệ in 3D (đặc biệt là in 3D trong công nghiệp), công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu nano, công nghệ quang học lượng tử; và

ii) Nhóm công nghệ *nền tảng cho dịch vụ xã hội 5.0*, gồm: an ninh số, phát triển hệ thống Internet kết nối vạn vật, phân tích dữ liệu lớn và phân tích dữ liệu nhờ trí tuệ nhân tạo¹.

Nhật Bản cũng xác định nền tảng dịch vụ của xã hội 5.0 gồm 11 thành phần: 1) giao thông thông minh; 2) sản xuất

1. Cabinet Office of Japan: *The 5th Science and Technology Basic Plan 2016 - 2020*, January 22, 2016.

thông minh; 3) chuỗi cung cấp thực phẩm thông minh; 4) chuỗi cung cấp năng lượng tối ưu; 5) hạ tầng thông tin môi trường toàn cầu; 6) hệ thống bảo trì và nâng cấp cơ sở hạ tầng hiệu quả; 7) hệ thống phòng chống thảm họa thiên nhiên; 8) hệ thống chế tạo tiên tiến; 9) hệ thống phát triển vật liệu tổng hợp; 10) hệ thống chăm sóc sức khỏe cộng đồng toàn diện; và 11) các loại hình dịch vụ thương mại mới.

Nhờ các công nghệ này, *các lĩnh vực công nghiệp, chính phủ, tổ chức, công ty, con người, dữ liệu, máy móc...* được kết nối thành hệ thống, qua đó tạo nên các sản phẩm và dịch vụ mới; mang lại những dư địa mới cho quá trình đổi mới sáng tạo; giải quyết các vấn đề xã hội như: tình trạng thất nghiệp do bị máy móc thay thế, già hóa dân số, thiếu nhân lực chất lượng cao, thiếu nguồn năng lượng, môi trường bị ô nhiễm...

Sự liên kết giữa các hệ thống không gian vật lý và không gian ảo là rất phức tạp. Do vậy, trong *công nghiệp 4.0* và *xã hội 5.0*, chính phủ sẽ giữ vai trò chủ đạo trong việc xây dựng nền tảng chung nhằm đẩy mạnh việc hệ thống hóa hoạt động kinh doanh và dịch vụ, cung cấp các giải pháp tiến bộ mang tính kết nối và hệ thống thông qua hợp tác giữa các ngành công nghiệp, viện nghiên cứu, chính phủ và các bộ, ngành liên quan.

3. Xã hội 5.0 mang thuộc tính nhân văn

Chính phủ Nhật Bản định nghĩa, *xã hội 5.0 là mô hình xã hội lấy con người làm trung tâm, đảm bảo sự cân bằng giữa thành quả phát triển kinh tế với việc giải quyết các vấn đề xã hội nhờ một hệ thống gắn kết chặt chẽ giữa không*

*gian thực và không gian ảo*¹. Nếu như công nghiệp 4.0 tạo ra nỗi lo ngại về một xã hội tương lai bị kiểm soát và chi phối bởi trí tuệ nhân tạo và robot thì việc hướng tới mô hình xã hội 5.0, con người là trung tâm của sự phát triển, được làm việc, được hưởng thụ và được phục vụ tốt hơn giúp giải tỏa nỗi lo ngại này.

a. *Xã hội hiện tại chủ yếu vẫn tập trung để cao vai trò của các hệ thống kinh tế - xã hội và tổ chức*. Việc huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực cũng như chia sẻ các kết quả của quá trình phát triển được thực hiện chủ yếu thông qua những hệ thống này và chịu ảnh hưởng bởi các thể chế của chúng, như: các quy trình, thủ tục, quy định, nguyên tắc và chuẩn mực. Hệ quả là, một hệ thống thể chế tốt hay tồi sẽ có thể thúc đẩy hay cản trở quá trình phát triển. Mô hình truyền thống đó hiện vấp phải những giới hạn nhất định khi muốn phát huy tối đa năng lực của các cá nhân, đồng thời tạo ra sự không tương xứng giữa mức độ hưởng thụ của mỗi cá nhân so với năng lực thực sự của chính họ. Điều đó tạo ra sự không công bằng và là rào cản trong bước tiến của nhân loại tới xã hội cộng sản “*làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu*” như lý tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen.

Xã hội 5.0 tích hợp cả ba yếu tố: *con người, thể chế và công nghệ*. Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Thể chế là yếu tố để kết nối con người về mặt xã hội và mang lại giá trị cho con người, gồm cả việc củng cố, duy trì những giá trị truyền thống và sáng tạo ra những giá

1. http://www8.cao.go.jp/cstp/english/society5_0/index.html.

trị mới. Công nghệ là phương tiện được sử dụng để khắc phục những yếu kém về mặt thể chế (như giúp tăng cường thông tin, minh bạch và kết nối) và để phục vụ con người tốt hơn. Nhờ những thành tựu công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo và robot, các cá nhân được giải phóng khỏi những công việc và thao tác mà họ không thuần thục, không chuyên môn. Các loại hàng hóa và dịch vụ cần thiết được điều phối, cung cấp theo nhu cầu, tại đúng thời điểm và đúng số lượng, có khả năng đáp ứng được nhu cầu xã hội đa dạng, nhờ vậy tối ưu hóa quá trình vận hành của các hệ thống kinh tế - xã hội và tổ chức đạt tới mức độ “siêu hiệu quả”.

b. Phạm vi và phương thức hoạt động của xã hội 5.0 mở rộng so với *công nghiệp 4.0*. Công nghiệp 4.0 chủ yếu bàn đến việc xây dựng một nền sản xuất thông minh và *khía cạnh kinh tế - kỹ thuật của mô hình phát triển*. Chiến lược tổng thể về khoa học, công nghệ và sáng tạo năm 2017 của Nhật Bản coi *xã hội 5.0 là một phương thức kinh tế - xã hội mới*¹. Do vậy, xã hội 5.0 bàn đến cả *khía cạnh kinh tế - xã hội của mô hình phát triển* với một quá trình hoàn chỉnh, từ sản xuất, tiêu dùng, phân phối phúc lợi xã hội, quản trị công cho đến phương thức phục vụ người dân, an sinh xã hội trên cơ sở ứng dụng công nghệ tiên bộ nhất. Nếu như công nghiệp 4.0 nói đến việc xóa mờ ranh giới giữa công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ; thì xã hội 5.0 nói đến sự xóa mờ ranh giới giữa người sản xuất, người cung ứng dịch vụ và khách hàng (như trường hợp của Uber, Grab và nhiều hình thức cung ứng dịch

1. http://www8.cao.go.jp/cstp/english/doc/2017stistrategy_summary.pdf.

vụ trong nền kinh tế chia sẻ khác). Điều này ngụ ý những thay đổi sẽ liên quan đến mọi mặt của xã hội, không chỉ về sản xuất như quan điểm về công nghiệp 4.0. Nếu công nghiệp 4.0 chỉ nhấn mạnh yếu tố “*thông minh*” thì xã hội 5.0 coi trọng yêu cầu khai thác cả hai yếu tố “*thông minh*” và “*nhân văn*” của công nghệ. Do đó, quan điểm tiếp cận xã hội 5.0 tuy có nhiều điểm tương đồng song “vượt trội” so với quan điểm tiếp cận *công nghiệp 4.0*¹.

4. Xã hội 5.0 là mô hình tốt nhất để bảo đảm phát triển bao trùm và bền vững

Trong xã hội *thông tin* hiện tại, việc phổ biến, phổ cập thông tin vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của các cá nhân và cộng đồng; hợp tác vẫn gặp nhiều khó khăn. Hơn nữa, quá trình thu thập, trích xuất và phân tích thông tin bị hạn chế bởi vấn đề tuổi tác, học vấn và năng lực. Đây là thách thức rất lớn đặt ra cho các quốc gia trong bối cảnh già hóa dân số. Thực tế cho thấy, việc nhấn mạnh yếu tố “*thông minh*” của công nghệ hay việc lấy “*công nghệ làm trung tâm*” trong một xã hội tương lai có thể khiến cho quá trình phát triển mang tính “loại trừ” và gây ra nhiều vấn đề xã hội bức xúc như: bất bình đẳng, tình trạng cô đơn hay mất việc làm.

a. Thế giới hiện nay đang hướng đến mục tiêu phát triển bao trùm và bền vững cho nhân loại. Điều này được thể hiện trong các chương trình nghị sự của Hội nghị cấp cao lần thứ 25

1. <https://www.japanindustrynews.com/2017/08/japans-society-5-0-going-beyond-industry-4-0/>.

của Diễn đàn Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, Diễn đàn Kinh tế thế giới tại Davos, Thụy Sỹ... cũng như chương trình hành động và hợp tác của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Các chương trình này đều chia sẻ nhận thức rằng, công nghiệp 4.0 mang lại nhiều thách thức song cũng là thời cơ chưa từng có để nhân loại thực hiện khát vọng phát triển chung đó.

Mục tiêu của xã hội 5.0 là mang đến cho con người cuộc sống tiện nghi, được hưởng thụ những dịch vụ có chất lượng tốt nhất, không phân biệt về tuổi tác, sức khỏe, giới tính, địa lý, ngôn ngữ, không để một ai bị tụt lại phía sau trong quá trình phát triển và hướng tới một cuộc sống tràn đầy sinh lực và viên mãn. Điều đó đạt được nhờ khai thác tốt cả hai thuộc tính “thông minh” và “nhân văn” của công nghệ. Ví dụ:

Trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe, việc sử dụng robot hỗ trợ sinh hoạt giúp những người già, những người bị tàn tật có thể sống một mình thoải mái; giảm bớt gánh nặng chăm sóc sức khoẻ và chăm sóc tại chỗ; giảm chi phí xã hội liên quan đến chăm sóc sức khoẻ và giải quyết các vấn đề thiếu lao động tại các cơ sở y tế...

Trong lĩnh vực thương mại, tiêu dùng, cho phép khách hàng và người tiêu dùng nhờ sự tư vấn của trí tuệ nhân tạo để tìm được hàng hóa giá rẻ, phù hợp với nhu cầu và thu nhập cá nhân; tạo ra các loại hàng hóa, dịch vụ khác biệt so với trước đây, thúc đẩy nhu cầu mới, trên cơ sở đó hình thành nhiều ngành mới và làm cho con người có những cách tiêu dùng mới.

Trong lĩnh vực thực phẩm, cho phép mua thực phẩm phù hợp, cung cấp cho người tiêu dùng để xuất về các sản phẩm phù hợp với tình trạng sức khoẻ và sở thích cá nhân; giảm lãng phí bằng cách tự quản lý thực phẩm trong tủ lạnh; cho phép đặt hàng các thực phẩm mới khi cần thiết; cho phép các nhà xuất khẩu, các cửa hàng bán lẻ quản lý sản phẩm, đặt hàng theo nhu cầu của khách hàng. Các giải pháp này có thể giúp giảm lượng thức ăn thừa, phân bổ lương thực một cách hợp lý, nhờ vậy thực hiện tốt hơn mục tiêu xóa đói, giảm nghèo.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ trong xã hội 5.0 theo hướng tối ưu hóa các quá trình sản xuất, sử dụng năng lượng tiết kiệm giúp giảm phát thải khí CO₂, bảo vệ môi trường và góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. Ví dụ:

Trong lĩnh vực giao thông vận tải, nhờ phân tích của trí tuệ nhân tạo đối với dữ liệu thu được từ cảm biến gắn ở xe ôtô, thông tin thời gian thực về thời tiết, giao thông; dữ liệu khách sạn trên đường, các cửa hàng, siêu thị thực phẩm và đồ uống... con người dễ dàng thực hiện các hoạt động di chuyển, đi lại, tham quan, du lịch dễ dàng, phù hợp với sở thích cá nhân; đề xuất các kế hoạch tối ưu về thời tiết, tắc nghẽn giao thông; triển khai các dịch vụ chia sẻ phương tiện giao thông cá nhân và công cộng.

Trong lĩnh vực sản xuất, cho phép thực hiện kế hoạch sản xuất linh hoạt và quản lý hàng tồn kho để đáp ứng nhu cầu hiện tại thông qua việc thiết lập liên kết với các lĩnh vực khác và các nhà cung cấp; tăng cường sự hợp tác giữa các nhà máy để giúp sản xuất hiệu quả hơn, tiết kiệm lao động, cho

phép kế thừa các kỹ năng, kỹ thuật và đạt được sản lượng cao; thực hiện phân phối hiệu quả hơn nhờ kết hợp các loại hình công nghiệp logistic với hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, thúc đẩy phát triển nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm lao động thông qua robot, tự động thu thập dữ liệu cây trồng thông qua máy bay không người lái, tự động hóa và tối ưu hóa quản lý Nhà nước dựa trên dự báo thời tiết, dữ liệu sông... Xây dựng kế hoạch nuôi trồng bằng cách điều chỉnh năng suất cây trồng phù hợp với nhu cầu, tối ưu hóa kế hoạch làm việc cùng với dự báo thời tiết, chia sẻ kinh nghiệm và bí quyết, mở rộng cơ sở khách hàng.

Trong lĩnh vực năng lượng, cung cấp một nguồn năng lượng ổn định thông qua các nguồn năng lượng khác nhau dựa trên dự báo nhu cầu và dự báo thời tiết chính xác; tiết kiệm năng lượng của từng hộ gia đình thông qua các đê xuất tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng. Những giải pháp này có thể giúp cung cấp năng lượng ổn định và giảm thiểu ô nhiễm môi trường bằng cách giảm phát thải khí nhà kính.

Trong lĩnh vực phòng chống thiên tai, cung cấp thông tin về nơi trú ẩn và thông tin cứu trợ thông qua điện thoại cá nhân và các thiết bị khác; thông tin và hướng dẫn mọi người di chuyển đến nơi trú ẩn an toàn; tìm kiếm nạn nhân ngay lập tức thông qua các bộ đồ giúp đỡ, cứu hộ robot...; giải cứu họ khỏi các địa điểm bị ảnh hưởng bởi thảm họa một cách nhanh chóng; thực hiện vận chuyển vật liệu cứu trợ tối ưu thông qua phương tiện vận chuyển tự lái...

b. Xã hội 5.0 bảo đảm sự tham gia của người dân trong quá trình xây dựng và thực thi chính sách nhờ sự phát triển của mô hình dân chủ điện tử. Mô hình này được hình thành trên nền tảng của chính phủ điện tử và xã hội điện tử - với những yếu tố cốt lõi là tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của chính phủ và sự tham gia của người dân.

Thứ nhất, việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông giúp công khai thông tin hoạt động của các cơ quan chính phủ. Qua đó, người dân có thể giám sát hiệu quả quá trình quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm giải trình của chính phủ cũng như hạn chế tối đa tình trạng tham nhũng.

Thứ hai, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông giúp thiết lập một cơ chế bầu cử trực tuyến, công bằng, công khai và dân chủ. Các ứng viên công khai thông tin cá nhân, chiến lược ứng cử để cử tri có thể tiếp cận được với nguồn thông tin về các ứng viên một cách đầy đủ và đa chiều.

Thứ ba, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông mở ra một không gian rộng lớn để người dân tham gia vào quá trình đề xuất, xây dựng, thực thi và phản biện chính sách; bảo đảm sự tham gia của người dân và tăng cường tính minh bạch. Công nghệ giúp cải thiện quan hệ giữa nhà nước với công dân, gia tăng cơ hội cho tất cả các cá nhân và cộng đồng tương tác với chính phủ¹. Thông qua các kênh đối thoại như các trang web chính thức và các trang mạng xã hội,

1. Meer, Toni, Dave Gelders and Sabine Rotthier: “E-Democracy: Exploring the Current Stage of e-Government”, *Journal of Information Policy*, Vol. 4, 2014, pp. 489-506.

người dân có thể chủ động thể hiện mong muốn, yêu cầu của mình; các cộng đồng có thể đứng ra bảo vệ lợi ích của tập thể nếu như chúng bị xâm hại. Việc ứng dụng công nghệ giúp xóa bỏ mọi rào cản về địa lý, địa vị xã hội và những yếu tố bất lợi khác, gắn kết những cá nhân, cộng đồng yếu thế vào quá trình chính trị.

Dưới tác động của công nghệ, *phương thức tham gia của người dân vào quá trình chính sách cũng thay đổi đáng kể*; chuyển từ một chiều, thụ động sang chủ động và tương tác với tác động diễn ra nhanh hơn và trực tiếp hơn. Trong môi trường dân chủ truyền thống, người dân tham gia vào quá trình chính sách thông qua các đại diện; trong môi trường dân chủ điện tử, mỗi cá nhân và mỗi nhóm có thể thể hiện ý kiến của mình trực tiếp đối với các nhà lập pháp và hoạch định chính sách, không giới hạn phạm vi và thời gian.

Mô hình dân chủ điện tử đã được triển khai tại nhiều nước thông qua việc ứng dụng công nghệ vào các quá trình bỏ phiếu, tham vấn và tranh luận chính sách. Các cơ quan chính phủ ở cấp trung ương và địa phương ở nhiều nước đã từng bước thí điểm hoạt động thảo luận và tham vấn với công dân trên mạng. Tuy nhiên, nền dân chủ điện tử thực sự cần dựa trên một nền tảng xã hội phù hợp, dân trí tiến bộ nếu không sẽ dẫn tới tình trạng lãng phí công nghệ, bất ổn xã hội và hiệu quả quản lý thấp. Nền dân chủ điện tử cũng đòi hỏi bộ máy nhà nước đạt tới năng lực quản lý nhất định, có sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa các cơ quan, tổ chức của nhà nước với nhau và giữa cơ quan chính phủ với các tầng lớp dân chúng.

5. Xã hội 5.0 là môi trường cho việc triển khai phương thức quản trị tiên tiến nhất

Phương thức quản lý thông minh hay quản trị xã hội thông minh hiện nay phải *hướng tới con người, lấy người dân làm trung tâm*. Một quốc gia thông minh hay một thành phố thông minh có thể được quản trị theo phương thức “từ trên xuống” hoặc “từ dưới lên”, song mục tiêu cuối cùng vẫn là vì lợi ích của người dân. Lợi ích này bao gồm cải thiện chất lượng sống của người dân và tăng sự tham gia chủ động của các cộng đồng dân cư, các cá nhân vào quá trình chính sách¹. Cụ thể hơn, đó là: (i) chất lượng cuộc sống được nâng cao về các mặt như sức khỏe, an toàn, nhà ở, các giá trị văn hóa, du lịch... (ii) chính quyền bảo đảm các dịch vụ công đạt được sự hài lòng của dân chúng. Chính quyền phải có các công cụ, thước đo đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với các dịch vụ công, từ đó tự điều chỉnh để nâng cao chất lượng phục vụ; (iii) mọi người dân đều được tham gia vào các diễn đàn chính trị - xã hội không phân biệt tôn giáo, văn hóa, trình độ học vấn, xuất thân...². Ví dụ, triết lý và mục tiêu của Sáng kiến “Thành phố thông minh” Dubai là mang tới hạnh phúc cho mọi người, xây dựng “thành phố của những người hạnh

1 Giffinger R., Fertner C., Kramar H., Kalasek R., Pichler-Milanović N. & Meijers E.: Smart Cities: Ranking of European Medium-Sized Cities. Vienna, Austria: Centre of Regional Science (SRF), Vienna University of Technology, 2007, [http://www.smartcities.eu/download/smart_cities_final_report.pdf].

2. Mishra, Mukesh: Role of Technology in SMART Governance “Smart City, Safe City”. Point of View Publication August 15 2013.

phúc, sáng tạo và được trao quyền”, trong một “xã hội đồng thuận và bao trùm”. Chính quyền Dubai đang đầu tư cho việc ứng dụng công nghệ để cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân, mang tới nhiều niềm vui hơn cho những cư dân đang và sẽ sinh sống ở Dubai, dù họ là công dân Dubai, hay là những người tạm trú, thậm chí chỉ là khách du lịch¹.

Trong giai đoạn trước đây, chính phủ điện tử được xây dựng dựa trên nền tảng, công cụ của công nghệ thông tin để phục vụ doanh nghiệp và người dân được tốt hơn. Làn sóng xây dựng chính phủ điện tử đầu tiên đã xuất hiện trên nền tảng công nghệ thông tin và truyền thông từ cuối những năm 1990 tại nhiều nước, từ Mỹ, Anh, Pháp cho tới Singapore và Nam Phi...². Đa phần các quốc gia khi triển khai mô hình này đều hướng tới mục tiêu cải thiện chất lượng và gia tăng số lượng dịch vụ công phục vụ người dân³. Một số quốc gia như Mỹ, Anh, Đức, Thụy Điển, Áo, Hàn Quốc, Singapore, Israel... là những điển hình thành công nhất về thiết lập hệ thống dịch vụ công trực tuyến, từ các thủ tục hành chính như khai sinh, chứng nhận kết hôn, đăng ký kinh doanh... cho tới

1. Salem, Fadi: *A Smart City for Public Value: Digital Transformation through Agile Governance – The Case of Smart Dubai*, Mohammed Bin Rashid School of Government, 2016.

2. Falk, Svenja, Andrea Rommele and Michael Siverman: *Digital Government: Leveraging Innovation to Improve Public Sector Performance and Outcomes for Citizens*. Switzerland: Springer International Publishing, 2017.

3. Lenihan, Donald: *Realigning Governance: From E-government to E-democracy*, Discussion Paper for the Public Sector Management Division's E-Government Working Group, March 2002.

các dịch vụ như hải quan và thuế, quản lý bãi đỗ xe, chăm sóc y tế...

Kinh nghiệm của các nước đi trước cho thấy, để xây dựng một hệ thống dịch vụ công trực tuyến hiệu quả, các chính phủ cần mở rộng tối đa phạm vi phủ sóng Internet các dịch vụ, giải quyết các thủ tục hành chính hoàn toàn thông qua Internet như cấp giấy phép, thanh toán dịch vụ công ích (như điện, nước), đóng thuế, đăng ký khám, chữa bệnh, bảo hiểm y tế, an sinh xã hội cho người cao tuổi... Đồng thời, chính phủ cần xây dựng các công cụ, thước đo đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với các dịch vụ công này, từ đó tự điều chỉnh để nâng cao chất lượng phục vụ. Ngoài ra, các chính phủ cũng phải tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ, đa dạng hóa các kênh tiếp cận với chi phí tối thiểu để mọi tầng lớp trong xã hội được sử dụng đầy đủ những dịch vụ trực tuyến này. Ví dụ, chính phủ có thể hỗ trợ kỹ thuật cho người nghèo, người có thu nhập thấp..., bảo đảm sự tham gia của họ vào đời sống kinh tế - xã hội đất nước.

Mặc dù vậy, *mô hình chính phủ điện tử mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp trực tuyến các dịch vụ công và số hóa các văn bản hành chính, chứ chưa thực sự tạo ra được một cuộc cách mạng toàn diện*. Năm 2011, sự ra đời của công nghệ SMAC - hội tụ bởi bốn yếu tố: truyền thông xã hội (Social), di động (Mobile), phân tích dữ liệu lớn (Analytics) và điện toán đám mây (Cloud) chính thức đánh dấu một bước ngoặt quan trọng, mở ra một phiên bản mới ở nấc thang phát triển cao

hơn của chính phủ điện tử¹, đó là *chính phủ di động* (chính phủ điện tử di động). Mô hình này đã bước đầu được triển khai ở một số quốc gia và kết quả thực hiện ban đầu mang lại nhiều tín hiệu tích cực.

Trong *công nghiệp 4.0* và *xã hội 5.0*, dữ liệu được coi là nền tảng phương thức quản lý của chính phủ, chính phủ điện tử được nâng cấp thành *chính phủ dữ liệu số*². Để điều đó xảy ra, chính phủ cần thiết kế, xây dựng các quy định mới và hình thành một nền văn hoá mới về quản lý dữ liệu. Chính phủ cũng cần xây dựng một số luật quy định trách nhiệm thu thập, quản lý và chia sẻ dữ liệu kịp thời, cũng như trách nhiệm bảo vệ dữ liệu của chính phủ, doanh nghiệp và người dân. Khi đã có một khuôn khổ pháp lý về quản lý dữ liệu, chính phủ cần có chiến lược, kế hoạch cung cấp nguồn dữ liệu phù hợp. Hầu hết các chính phủ trên thế giới phải giải quyết một số vấn đề khó khăn trong quản lý dữ liệu như: cơ sở dữ liệu không tương thích, không có khả năng thiết kế và chia sẻ dữ liệu, tốc độ thay đổi của dữ liệu nhanh hơn gấp nhiều lần tốc độ điều chỉnh luật pháp và các quy định có liên quan... Chính phủ cần xây dựng và ban hành các quy trình tiên tiến để quản lý dữ liệu, trong đó đặc biệt quan tâm đến khả năng nắm bắt và xử lý số lượng dữ liệu quá tải; quy trình đảm bảo chất lượng dữ liệu; hiệu quả thực thi các quy

1. Falk, Svenja, Andrea Rommele and Michael Siverman: Digital Government: Leveraging Innovation to Improve Public Sector Performance and Outcomes for Citizens, *Sđd*.

2. <https://www.weforum.org/agenda/2017/02/role-of-government-digital-age-data/>.

định về bảo vệ chống lại vi phạm dữ liệu... Bên cạnh đó, chính phủ phải tạo ra một nền văn hóa dữ liệu mở.

Có hai vấn đề mà các chính phủ cần chú ý trong quản lý xã hội tương lai:

Một là, sự bùng nổ của các “cộng đồng ảo” - những mạng xã hội mà ở đó các cá nhân tương tác với nhau và duy trì mối quan hệ thông qua các phương tiện truyền thông xã hội, vượt qua mọi ranh giới về địa lý và chính trị, cùng theo đuổi những mục tiêu chung hoặc chỉ chia sẻ thông tin, kiến thức và những mối quan tâm chung¹. Sự bùng nổ của công nghệ thông tin và truyền thông và các nền tảng web hiện đại đã giúp hình thành nhiều mô hình “cộng đồng” như: cộng đồng học tập trực tuyến, cộng đồng chăm sóc sức khỏe trực tuyến, cộng đồng thông tin trực tuyến hay cộng đồng mua sắm điện tử,... Các mô hình này đang ngày càng phát triển cả về số lượng, phạm vi cũng như chất lượng và hiệu quả hoạt động. Ví dụ, cộng đồng sức khỏe trực tuyến giúp những người mắc cùng một căn bệnh hoặc cùng gặp phải một vấn đề về sức khỏe chia sẻ kinh nghiệm, cổ vũ tinh thần, thảo luận các liệu pháp điều trị bệnh... Thành viên tham gia những cộng đồng này có thể tới từ bất kỳ quốc gia nào, vì thế những cộng đồng ảo hoạt động với phạm vi rộng hơn rất nhiều so với các cộng đồng thực. Cơ chế hoạt động của các cộng đồng ảo cũng tương tự với các cộng đồng thực, có thành viên tham gia, thậm chí có nguyên tắc, văn hóa hoạt động và các chuẩn mực riêng.

1. Hof, R. D., Browder, S., Elstrom, P.: Internet Communities. *Business Week*, 1997.

Hai là, sự xuất hiện của “công dân điện tử” hoặc “công dân số” cùng với sự phát triển của hệ thống chính phủ điện tử, đặc biệt là hệ thống quản lý hành chính điện tử. Trong hệ thống này, các thông tin, dữ liệu cá nhân, các giao dịch của công dân được lưu trữ trong hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quốc gia về dân cư. Người dân sẽ được quản lý dưới dạng mã số cá nhân, tích hợp và đồng bộ các phân hệ về quản lý con người như nhân khẩu, an sinh xã hội, giáo dục, y tế, việc làm, thuế... Cơ sở dữ liệu này không chỉ bảo đảm kết nối liên thông giữa tất cả các cơ quan chính phủ cũng như giữa các cấp chính quyền mà còn mang lại hiệu quả đáng kể về mặt thời gian, chi phí, tính chính xác cũng như tiết kiệm nguồn nhân lực giải quyết các thủ tục hành chính công. Ngoài ra, việc hình thành cơ sở dữ liệu về “dấu vết số” cũng giúp quản lý xã hội tốt hơn bởi nó cho phép tìm kiếm lịch sử các hoạt động trên mạng của các cá nhân, phục vụ các hoạt động điều tra, phân tích xu hướng tiêu dùng, thương mại, mối quan tâm, sở thích... của dân cư.

Thách thức lớn nhất của chính phủ là vấn đề *quản lý thông tin và an ninh thông tin*. Cộng đồng mạng tạo ra những diễn đàn chia sẻ và phát tán thông tin hết sức nhanh chóng, trong đó gồm cả những thông tin sai lệch, chưa được kiểm chứng, thậm chí cả những thông tin mang tính kích động tạo ra nguy cơ bất ổn chính trị - xã hội. Một nguy cơ thường xuyên xảy ra nữa là tội phạm mạng, ví dụ như ăn cắp dữ liệu cá nhân trước những lỗ hổng về bảo mật và sự bất cẩn của người dùng Internet. Bên cạnh nhiều lợi ích, việc để lại dấu vết số có thể mang lại nguy cơ thông tin và hoạt động

cá nhân bị xâm nhập và kiểm soát. Việc quản lý xã hội điện tử đòi hỏi những thiết chế mới và các chính phủ chắc chắn sẽ phải đổi mới với nhiều thách thức như: điều kiện thu nhập và kinh tế, trình độ khoa học - công nghệ, các chi phí về tài chính và thời gian do phải điều chỉnh về hạ tầng kỹ thuật, cơ cấu tổ chức bộ máy chính phủ cũng như khắc phục những nguy cơ mất an ninh mạng và lỗ hổng về luật pháp.

6. Xây dựng và hướng tới xã hội 5.0 ở một số quốc gia

Nhật Bản là nước đi tiên phong trong việc xây dựng xã hội siêu thông minh 5.0 hiện nay. Tháng 6/2017, tại Hội nghị tương lai châu Á lần thứ 23, Thủ tướng Shinzo Abe bày tỏ khát vọng đưa Nhật Bản trở thành quốc gia đầu tiên xây dựng thành công mô hình xã hội siêu thông minh, kỳ vọng rằng việc ứng dụng công nghệ có thể giúp Nhật Bản giải quyết được các thách thức bởi tình trạng già hóa dân số và tăng cường tính năng động của nền kinh tế nước này.

Nhật Bản đã triển khai xây dựng Chiến lược quốc gia về công nghiệp 4.0 và xã hội 5.0, đồng thời xây dựng hệ thống tổng thể các cơ chế, chính sách của các cơ quan Chính phủ thúc đẩy việc triển khai Chiến lược quốc gia. Theo kế hoạch, mỗi bộ, ngành sẽ thành lập một tổ chức (có thể dưới hình thức Ủy ban hoặc Hội đồng) để chỉ đạo việc xây dựng các cơ chế, chính sách của các cơ quan Chính phủ thúc đẩy việc triển khai Chiến lược quốc gia một cách toàn diện và linh hoạt. Hội đồng Khoa học, Công nghệ và Đổi mới do Thủ tướng Shinzo Abe làm Chủ tịch là tổ chức điều phối các bộ, ngành xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy việc triển

khai Chiến lược quốc gia. Các bộ, ngành thành lập các nhóm chuyên gia tư vấn để dự báo, định hình các giai đoạn phát triển công nghiệp 4.0 và xã hội 5.0, trong đó có sự tham gia của các doanh nghiệp.

Chính phủ Nhật Bản đã nỗ lực chia sẻ tầm nhìn, chiến lược quốc gia với các doanh nghiệp, người dân... để hình thành sự đồng thuận xã hội vì mục tiêu chính của chính phủ trong xã hội 5.0 là phục vụ nhu cầu, cuộc sống của người dân. Các vấn đề về khoa học nhân văn, khoa học xã hội, vấn đề đạo đức, pháp luật và xã hội được chính phủ xem xét đồng thời với sự phát triển các kỹ thuật hiện đại của công nghiệp 4.0 và xã hội 5.0, trong đó bao gồm mối quan hệ giữa con người và máy móc; các vấn đề triết học như định nghĩa hạnh phúc cá nhân và nhân loại trong xã hội 5.0;...

Nhật Bản cũng tiến hành xây dựng các quy định nhằm thúc đẩy việc sử dụng và ứng dụng của dữ liệu; xem xét, rà soát việc sửa đổi hệ thống pháp luật và các quy định có liên quan để phù hợp với hoạt động đổi mới, sáng tạo trong công nghiệp 4.0 và xã hội 5.0; đổi mới hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ, đặc biệt là hoạt động sở hữu trí tuệ đối với hệ thống dữ liệu khai thác chung, phục vụ công nghiệp và đời sống con người.

Nhật Bản đã bắt đầu thực hiện cải cách giáo dục hướng tới sự tham gia tích cực, chủ động của mọi công dân trong xã hội 5.0 theo hướng khuyến khích mọi công dân trở thành những con người suy nghĩ độc lập, luôn luôn cố gắng tạo ra các giá trị mới bằng cách cởi mở trao đổi các ý tưởng trong khi làm việc với người khác; thúc đẩy sáng tạo và nâng cao

kiến thức về công nghệ thông tin từ cấp tiểu học, trung học và đại học; khuyến khích xã hội học tập suốt đời.

Khác với cách tiếp cận truyền thống, để thực hiện công nghiệp 4.0 và xã hội 5.0 và giải quyết các vấn đề xã hội, các doanh nghiệp Nhật Bản được yêu cầu nhận dạng, xác định rõ “*khu vực phi cạnh tranh*” để tăng cường hợp tác, tránh sự cạnh tranh không cần thiết. Các doanh nghiệp sẽ cùng khám phá và chia sẻ tầm nhìn; ví dụ: định hình viễn cảnh, hình ảnh về một xã hội trong tương lai, thúc đẩy các nghiên cứu chung để giải quyết những vấn đề của doanh nghiệp, vấn đề của xã hội. Một mặt, các doanh nghiệp xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo riêng để thúc đẩy các hoạt động R&D của mình. Mặt khác, thông qua các dự án hợp tác thành công, các doanh nghiệp cùng hình thành một hệ sinh thái chung, qua đó góp phần xây dựng hệ sinh thái quốc gia, nâng cao năng suất của toàn bộ nền kinh tế.

Điều đáng chú ý là, nhiều nền kinh tế đã không chờ đợi mà chủ động tiếp cận công nghiệp 4.0 và những mô hình tương tự xã hội 5.0 bằng những chiến lược, biện pháp dưới các tên gọi khác nhau. Những khuynh hướng công nghệ mới nhất đã được một số nước trên thế giới tiếp nhận rất nhanh và triển khai những chính sách quan trọng nhằm chuyển đổi từ bộ máy chính phủ cho đến mô hình phát triển kinh tế - xã hội. Ví dụ, ngay từ những năm 2000, chính phủ Anh đã triển khai chính sách “Mặc định số” đặt ra yêu cầu sử dụng công nghệ để cung cấp các dịch vụ công. Năm 2009, Hàn Quốc đã công bố Chiến lược Hàn Quốc ảo trong thế kỷ XXI - trở thành

một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới có kế hoạch xây dựng mô hình xã hội thông tin hiện đại¹. Năm 2011, Australia đã đưa ra Chiến lược kinh tế số quốc gia nhằm đưa nước này trở thành nền kinh tế số hàng đầu thế giới vào năm 2020². Nhờ đó, những quốc gia này đã trở thành các quốc gia đi đầu trong việc ứng dụng công nghệ để phát triển kinh tế - xã hội và thiết lập những mô hình quản trị tiên tiến nhất.

Tại Trung Quốc, Internet đã phát triển bùng nổ và trở thành một phần tất yếu trong cuộc sống hằng ngày. Chính phủ điện tử ở Trung Quốc được triển khai theo năm hướng: hướng chính sách, hướng quản lý hành chính, hướng dịch vụ, hướng truyền thông và hướng kinh doanh. Đặc biệt, Trung Quốc đã có chiến lược tiến vào công nghiệp 4.0 bằng những doanh nghiệp công nghệ lớn, đang chiếm lĩnh những vị trí hàng đầu thế giới như Tập đoàn Huawei, ZTE, TCL, Lenovo, Xiaomi... Thành công của những tập đoàn này có nguyên nhân quan trọng là *sự kết hợp chặt chẽ giữa chính phủ với khu vực tư nhân nhằm hướng tới những ngành công nghệ trong buổi ban đầu* và chiến lược huy động vốn trên thị trường chứng khoán quốc tế phù hợp cùng với việc mua lại các thương hiệu nổi tiếng thế giới thành công trong giai đoạn sau³. ZTE là ví dụ điển hình của mô hình “sở hữu nhà nước,

1. EIU: *Smart policy to close the digital divide: Best practice from around the world*, London: UK, 2012, p.9.

2. http://www.nbn.gov.au/files/2011/05/National_Digital_Economy_Strategy.pdf

3. Có thể kể đến như việc TCL mua lại Alcatel; Lenovo mua lại mảng kinh doanh của IBM.

tư nhân điều hành”; còn cổ phiếu của Huawei sở hữu bởi nghiệp đoàn (gồm các đại diện cho các cổ đông) và của người sáng lập.

Trong tầm nhìn về một “Ấn Độ số”, Ấn Độ yêu cầu tất cả các cơ quan của chính phủ phải triển khai các ứng dụng di động để cung cấp dịch vụ công cho người dân thông qua thiết bị di động. Đồng thời, tất cả các trang web của chính phủ phải được thiết kế lại nhằm bảo đảm tính tương thích khi sử dụng chúng qua các thiết bị di động... Xu hướng này cũng nhận được sự hậu thuẫn của các công ty công nghệ Ấn Độ khi những dòng điện thoại thông minh với giá siêu rẻ liên tục được tung ra, góp phần mang các sản phẩm di động tới gần hơn cho đại bộ phận người dân. Chính phủ Ấn Độ cũng bắt tay với các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới như IBM hay CISCO để triển khai các dự án đầu tư phát triển công nghệ cho nhà nước. Một ví dụ khác là việc Thổ Nhĩ Kỳ đã bước đầu triển khai mô hình chính phủ di động thông qua tích hợp hệ thống điện tử di động trong các ngành tư pháp, giao thông và tài chính... Nhờ đó, cảnh sát có thể xác định được danh tính, lịch sử phạm tội của công dân, kiểm tra bằng lái và thông tin về phương tiện. Ngoài ra, người dân có thể sử dụng tin nhắn để trả tiền thuế, hay tham gia vào các cuộc điều tra của chính phủ.

Tại Estonia, sự thành công của chiến lược xây dựng quốc gia điện tử là nhờ quan hệ đối tác chặt chẽ giữa một chính phủ có tư duy nhìn về phía trước, một khu vực công nghệ thông tin và truyền thông phát triển hết sức năng động và người dân mong muốn sử dụng công nghệ. Các giải pháp

công nghệ hiện được sử dụng trong nhiều hoạt động ở Estonia như: bầu cử điện tử, thuế điện tử, cảnh sát điện tử, y tế điện tử, ngân hàng điện tử, trường học điện tử... Chính phủ đã phủ sóng wifi hầu hết khu vực dân cư từ năm 2002; áp dụng bỏ phiếu trực tuyến đối với tất cả các cuộc bầu cử kể từ năm 2007; từ năm 2009 đã có khoảng 94% các khoản hoàn thuế được khai trên mạng - tính bình quân chỉ mất khoảng 5 phút để điền một mẫu hoàn thuế ở Estonia. Tất cả các văn bản từ tuyên bố của tòa án cho đến bản ghi nhớ của Chính phủ Estonia đều là các bản mềm điện tử¹. Hằng năm, Estonia sử dụng khoảng 35 triệu chữ ký điện tử (trong tổng số 1,3 triệu dân), qua đó tiết kiệm thời gian giao dịch và thúc đẩy các hoạt động thương mại, đầu tư². Tại Estonia, người dân được cấp *chứng minh thư số* - là một thẻ điện tử tích hợp các thông tin để có thể sử dụng như thẻ bảo hiểm y tế, hộ chiếu đi lại trong EU, truy cập tài khoản ngân hàng, chữ ký điện tử, bỏ phiếu điện tử, thông tin y tế cá nhân, khai thuế, lưu giữ bệnh án. Đến đầu năm 2017, 98% người dân Estonia đã được cấp chứng minh thư số; 67% người dân đã sử dụng chứng minh thư này thường xuyên. Ngoài ra, Chính phủ Estonia còn triển khai các chương trình khác như cấp *chứng minh thư di động* - có các chức năng giống như chứng minh thư số nhưng người dân chỉ việc sử dụng điện thoại và không cần các đầu đọc thẻ; và chứng minh thư thông minh - một

1. http://www.huffingtonpost.com/apolitical/inside-the-worlds-most-ad_b_10856718.html.

2. <https://www.fairobsserver.com/region/europe/estonia-is-one-of-the-most-advanced-e-societies-in-the-world-48179/>.

phần mềm ứng dụng trên các điện thoại thông minh¹. Đầu năm 2015, Estonia là nước đầu tiên triển khai *Chương trình cư trú điện tử* cho phép tất cả công dân từ mọi quốc gia có thể tham gia nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi nhất để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Những người được cấp quy chế cư trú điện tử có thể tiếp cận được với môi trường kinh doanh điện tử của EU và sử dụng các dịch vụ điện tử nhờ chứng minh thư số. Đến đầu năm 2017, đã có khoảng 20.000 người từ 138 nước xin quy chế cư trú điện tử ở Estonia², trong đó có cả Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe.

7. Một số định hướng phát triển Việt Nam đến giữa thế kỷ XXI

Cách tiếp cận của thế giới hiện nay đối với xã hội 5.0 hay những mô hình tương tự thể hiện khát vọng chung của nhân loại hướng tới một mô hình xã hội hiện đại và nhân văn; đủ năng lực vượt qua những thách thức và khủng hoảng; bao đảm phát triển bền vững vì con người, lấy con người làm trung tâm, khai thác những giá trị tốt nhất của khoa học - công nghệ để phục vụ tốt hơn con người, giải phóng và phát triển con người. Đây chính là luận điểm căn bản mà C. Mác đã tiên lượng trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản cách ngày nay 170 năm; đồng thời phù hợp với bản chất nhân văn cao đẹp của chủ nghĩa xã hội mà Việt Nam đang xây dựng. Điều đó cũng khẳng định yêu cầu *xây dựng khát vọng và tâm*

1. <https://e-estonia.com/solutions/e-identity/id-card>.

2. <https://e-estonia.com/solutions/e-identity/e-residency>.

nhin phát triển Việt Nam hướng tới một xã hội hiện đại, nhân văn, vì con người, lấy con người làm trung tâm như một giá trị cốt lõi, phổ quát nhất của nhân loại. Đây cũng là thuộc tính nhân văn sâu sắc mà Đảng ta đã khẳng định trong mô hình tổng quát về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tại Đại hội lần thứ XII của Đảng.

Các quốc gia trên thế giới đã có những chiến lược hết sức linh hoạt để thích ứng với những thay đổi không ngừng trước tác động của các làn sóng cách mạng công nghiệp. Xã hội 5.0 là mô hình vừa giúp củng cố và phát huy những giá trị mang tính trường tồn như nhân văn và vì con người, vừa giúp sáng tạo và hình thành những giá trị mới như bao trùm, bền vững và kết nối để đảm bảo sự thích ứng nhanh với những thay đổi, ứng phó và xử lý hiệu quả các khủng hoảng xã hội hiện nay trong quá trình phát triển kinh tế. Xã hội 5.0 nhấn mạnh, đồng thời mang lại môi trường gắn kết tốt nhất ba yếu tố: con người, thể chế và công nghệ; trong đó, coi việc lấy con người làm trung tâm và vì người dân là tiêu chí quan trọng để thực hiện phát triển kinh tế thị trường đúng đắn và phù hợp. Cần khẳng định điều này để thấy rằng, việc phát triển mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam với những đặc trưng cơ bản: đầy đủ, hiện đại, hội nhập, công bằng và bền vững là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với những giá trị tiến bộ nhất của nhân loại.

Xã hội 5.0 là định hướng quan trọng để Việt Nam tiếp cận đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế không chỉ dưới góc độ kinh tế - kỹ thuật mà cả dưới góc độ kinh tế - xã hội, thể hiện được thuộc tính nhân văn và bản chất tốt đẹp của xã hội

xã hội chủ nghĩa trong mô hình này, trong đó đặt con người ở vị trí trung tâm của mọi giai đoạn trong quá trình phát triển, từ sản xuất đến trao đổi, phân phối và tiêu dùng. Trên nền tảng đổi mới sáng tạo, mô hình tăng trưởng của Việt Nam phải mang tính “kết nối” cao, cụ thể phải xây dựng: (i) một nền công nghiệp kết nối; (ii) một hệ thống doanh nghiệp và thương hiệu kết nối; (iii) một thị trường lao động kết nối, trong đó quan trọng nhất là kết nối mạng lưới nhân tài.

Việt Nam cần tận dụng lợi thế của người đi sau để tập trung nghiên cứu, phát triển nền “công nghiệp kết nối” thay cho nền công nghiệp truyền thống, trong đó:

Nhóm công nghệ dựa trên nền tảng công nghiệp chủ chốt, có giá trị kiến tạo gồm: công nghệ cảm biến (đặc biệt là cảm biến quang học), công nghệ cơ khí chế tạo (đặc biệt là công nghệ hạ tầng viễn thông được điều khiển bởi máy tính - CMC), công nghệ robot, công nghệ in 3D (đặc biệt là in 3D trong công nghiệp), công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu nano, công nghệ quang học lượng tử...

Nhóm công nghệ dựa nền tảng dịch vụ xã hội 5.0 gồm: an ninh số, phát triển hệ thống Internet kết nối vạn vật, phân tích dữ liệu lớn, phân tích dữ liệu nhờ trí tuệ nhân tạo... Tập trung phát triển các giải pháp công nghệ dựa trên nền tảng Internet kết nối vạn vật, cơ sở dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo là một “cánh cửa chiến lược” để Việt Nam tiếp cận đến công nghiệp 4.0 và xã hội 5.0.

Việt Nam hiện nay đang ở giai đoạn đầu của xã hội 3.0 (xã hội công nghiệp). Việc tập trung đẩy mạnh có lộ trình nhưng không được quá chậm trễ đối với nhóm công nghệ thứ

nhất là hết sức cần thiết. Hiện nay, chỉ một số ít quốc gia phát triển sở hữu công nghệ in 3D đối với kim loại (để sản xuất máy móc...); công nghệ robot, công nghệ cảm biến quang học (chỉ có Nhật Bản là quốc gia đứng đầu về hai công nghệ này); công nghệ nano (Mỹ đang là quốc gia hàng đầu sở hữu số lượng phát minh sáng chế về công nghệ nano)...

Trong nhóm công nghệ thứ nhất, Việt Nam có thể đặt mục tiêu tập trung xây dựng và triển khai công nghệ sinh học. Hiện nay, Chính phủ Việt Nam đã có một số chương trình, đề án quốc gia để phát triển công nghệ sinh học. Do đó, cần có đánh giá lại kết quả của các chương trình, đề án này để định hướng việc ứng dụng công nghệ sinh học trong công nghiệp 4.0 và xã hội 5.0. Việt Nam cũng nằm trong số ít quốc gia trên thế giới làm chủ và có thể phát triển một số công nghệ hạ tầng viễn thông hiện đại. Đây là lợi thế và là yếu tố quan trọng để Việt Nam chủ động rút ngắn lộ trình xây dựng xã hội 5.0.

Nhóm công nghệ thứ hai là lợi thế của Việt Nam; đặc biệt trong hai lĩnh vực công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo. Việt Nam cần có một chiến lược phát triển các giải pháp công nghệ thông tin (chủ yếu là Internet kết nối vạn vật, phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo) để giải quyết các vấn đề trong công nghiệp 4.0 và xã hội 5.0, trước mắt tập trung vào một số lĩnh vực: giao thông, y tế, giáo dục, môi trường, nông nghiệp và năng lượng. Việt Nam là một trong những quốc gia có số người sử dụng Internet cao nhất thế giới; đồng thời có những doanh nghiệp lớn đi tiên phong trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông như Tập đoàn công nghiệp -

Viễn thông quân đội (Viettel). Việc phát triển các giải pháp công nghệ thông tin sẽ giúp Việt Nam tận dụng được hạ tầng của các quốc gia phát triển, nhanh chóng tiếp cận được công nghiệp 4.0 và xã hội 5.0 về các giải pháp ứng dụng¹.

Cần xây dựng và triển khai Chương trình thí điểm nghiên cứu, phát triển trí tuệ nhân tạo và robot trong sản xuất từ đơn giản đến phức tạp. Nghiên cứu, phát triển trí tuệ nhân tạo và robot trong đời sống sinh hoạt hằng ngày vẫn còn là một thách thức đối với tất cả quốc gia. Trong tương lai gần, việc xây dựng các nhà máy sản xuất (chủ yếu sử dụng robot công nghiệp) tại các quốc gia đang phát triển là xu thế tất yếu để giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động. Việt Nam không thể trông chờ sự chuyển giao công nghệ trí tuệ nhân tạo từ nước ngoài để phát triển các ngành công nghiệp thông minh. Việc tăng cường năng lực nghiên cứu, phát triển trí tuệ nhân tạo và robot của các doanh nghiệp Việt Nam là hết sức cần thiết để tạo tiền đề cho một quá trình phát triển bứt phá.

Cần xây dựng Chiến lược Made in Việt Nam như là một cấu phần quan trọng của Chiến lược kết nối doanh nghiệp và thương hiệu, dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo của chính con người Việt Nam để phát triển một số công nghệ, sản phẩm và dịch vụ chủ chốt trong công nghiệp 4.0 và xã hội 5.0. Hiện nay, Trung Quốc có Chiến lược

1. Một ví dụ điển hình là APPLE đã xây dựng cơ sở dữ liệu hàng triệu phần mềm trước khi tung ra thị trường các loại điện thoại thông minh, đánh bại sự thống trị của điện thoại truyền thống Nokia.

Made in China 2025 (sản xuất tại Trung Quốc tới năm 2025); Thái Lan cũng bắt đầu có chiến lược Thailand 4.0 để tiếp cận và ứng phó linh hoạt, kịp thời đổi với những biến đổi muôn hình vạn trạng có thể xảy ra trong công nghiệp 4.0 và xã hội 5.0.

Trong giai đoạn vừa qua, Chính phủ đã có Chương trình cơ khí trọng điểm, Chương trình sản phẩm công nghệ quốc gia...; các địa phương có Chương trình sản phẩm chủ lực của địa phương. Đây là nền tảng để xây dựng và phát triển các sản phẩm Việt Nam trên một tầm cao mới. Chiến lược Made in Việt Nam và Đề án hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia sẽ thúc đẩy sự hình thành và phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp về khoa học và công nghệ, lấy đổi mới sáng tạo làm phương châm phát triển công nghiệp trong nước.

Các tập đoàn kinh tế nhà nước hoạt động trong lĩnh vực công nghệ đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc xây dựng nền công nghiệp kết nối. Sự thành bại của các tập đoàn kinh tế nhà nước thời gian qua ở Việt Nam cho thấy, sở hữu không phải là nguyên nhân mà quan trọng là có chiến lược phát triển đúng đắn, thích ứng linh hoạt với sự thay đổi và cần có sự lãnh đạo của Đảng. Doanh nghiệp nhà nước nào buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng, nơi đó sẽ xuất hiện nguy cơ tham nhũng trong việc quản lý nguồn lực công, hoạt động chủ yếu chạy theo lợi nhuận ngắn hạn, sai tôn chỉ, mục đích. Càng là doanh nghiệp nhà nước, tính Đảng càng phải mạnh, nghĩa vụ càng phải lớn, trách nhiệm càng phải cao vì đó là nghĩa vụ và trách nhiệm chung đối với sự phát triển của đất nước và dân tộc. Doanh nghiệp nhà nước phải đi vào những

lĩnh vực khó nhất mà khu vực kinh tế tư nhân không làm để khẳng định vai trò chủ đạo của mình. Trong công nghiệp 4.0, doanh nghiệp nhà nước phải đi tiên phong trong lĩnh vực công nghệ; phải có trách nhiệm chuyển giao, lan tỏa công nghệ cho khu vực kinh tế tư nhân trong nước; làm xương sống cho sự kết nối doanh nghiệp và chuỗi giá trị trong nước, tạo ra một khu vực “phi cạnh tranh” - những điều mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hay doanh nghiệp tư nhân không làm được hoặc không muốn làm. Điều này càng khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với doanh nghiệp nhà nước trong bối cảnh mới của cuộc cách mạng khoa học công nghệ.

Cần trọng dụng nhân tài, khai phóng tư duy phát triển, thực hiện sự đột phá sáng tạo, thu hút những người tài nhất vào những lĩnh vực tiên tiến nhất để tạo ra sự đột phá phát triển. Xây dựng chiến lược để lôi cuốn nhân tài trên cả cấp độ quốc gia và địa phương; chính quyền và doanh nghiệp; khuyến khích, lôi cuốn các nhà khoa học, các chuyên gia giỏi nhất cả trong và ngoài nước; định hướng, khuyến khích các doanh nghiệp khởi nghiệp tập trung vào các lĩnh vực đổi mới sáng tạo khó khăn và phức tạp nhất.

Bảo đảm sự lãnh đạo và thực hiện phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước thông qua việc ứng dụng những thành tựu tiên tiến nhất của nhân loại.

Việc ứng dụng công nghệ giúp nâng cao sức mạnh và sức chiến đấu của Đảng; bảo đảm tính đồng bộ, liên thông và hệ thống trong mọi khâu của xây dựng Đảng. Những thành tựu của công nghệ có thể được ứng dụng trong tất cả các lĩnh vực: từ kiểm tra, giám sát (qua việc tăng cường công khai, minh

bạch, xây dựng cơ sở dữ liệu) cho đến công tác thông tin, tuyên truyền (qua các công cụ mạng xã hội lành mạnh); tổ chức, nhân sự (qua các phần mềm quản lý hiện đại, cơ sở dữ liệu); đào tạo, bồi dưỡng (qua việc xây dựng các chương trình, bài giảng điện tử, giảng bài trực tuyến để bảo đảm những bài giảng tốt nhất bởi những con người giỏi nhất của Đảng có thể truyền tải đến cấp cơ sở thấp nhất); và dân vận (tăng cường mức độ gần dân, hiểu dân, đặc biệt với giới trẻ và tầng lớp trung lưu thông qua các quá trình truyền tải thông tin dễ dàng và liên tục).

Đảng trực tiếp lãnh đạo thực hiện khát vọng và tầm nhìn phát triển Việt Nam thích ứng với bối cảnh mới; đồng thời tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng những thành tựu mới nhất của *công nghiệp 4.0* và *xã hội 5.0* vào phương thức, phương pháp lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Đảng cần nhấn mạnh yếu tố “quản trị” như một quá trình lãnh đạo, định hướng ở tầm vĩ mô để truyền tải, cụ thể hóa khát vọng và tầm nhìn phát triển vào những chính sách và quá trình quản lý; ở tầm vi mô là triển khai các mô hình quản trị cụ thể, hiện đại nhờ ứng dụng công nghệ để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, thực chất, nhanh chóng và hiệu quả.

Việc ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao chất lượng quản trị và quản lý thường trải qua bốn giai đoạn:

(1) *Giai đoạn xuất hiện*: Trong giai đoạn đầu tiên này, chính phủ điện tử bắt đầu được xây dựng thông qua việc hình thành các trang web để phổ biến thông tin đến với tất cả các bên liên quan như người dân và doanh nghiệp. Các thông tin như: địa chỉ chính thức, giờ làm việc, các mẫu đơn

và hồ sơ, ý kiến tư pháp, kết quả điều tra thống kê, các quy định về kinh doanh và phân bổ ngân sách và chi tiêu của các cơ quan chính phủ... được công khai trên các trang web này. Hạn chế ở giai đoạn này là mặc dù các trang web có thể cung cấp và công khai thông tin song chúng không có khả năng mang lại sự tương tác giữa chính phủ với người dân.

(2) *Giai đoạn tương tác*: Trong giai đoạn này, nhiều chức năng của chính phủ điện tử đã được triển khai thông qua khả năng tự động hóa công việc. Ví dụ, người dân và doanh nghiệp có thể tra cứu thông tin trên trang web mà không cần phải đi đến các cơ quan công quyền. Các mẫu hồ sơ có thể tải xuống từ trên mạng để điền và gửi lại cho các cơ quan hành chính. Người dân cũng có thể gọi điện thoại để xin cung cấp thông tin và các biểu mẫu thông thường, hoặc liên hệ qua email để được trả lời các câu hỏi đơn giản.

(3) *Giai đoạn ứng dụng*: Trong giai đoạn này, hệ thống kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông đã được nâng cấp, do đó chính phủ có thể mở rộng dịch vụ trực tuyến, thực hiện sự tương tác trực tiếp với các bên liên quan. Người dân có thể khai thác các dịch vụ điện tử như hóa đơn dịch vụ điện, nước; thanh toán tiền phạt; gia hạn giấy phép; khai thuế trực tuyến... Một xã hội điện tử đã được sơ khai hình thành. Các quá trình giao tiếp qua mạng hai chiều bắt đầu xuất hiện tuy còn hạn chế.

(4) *Giai đoạn phát triển*: Đây là giai đoạn phát triển đầy đủ của quản trị điện tử trên nền của chính phủ điện tử và xã hội điện tử. Trong giai đoạn này, tương tác và kết nối qua mạng diễn ra mạnh mẽ và sâu sắc trong hầu hết lĩnh vực;

nhiều dịch vụ được cung cấp trực tuyến qua mạng; việc tra cứu thông tin trên mạng trở thành thói quen, thậm chí bắt buộc; nền hành chính “giấy tờ” bị xoá bỏ. Trên nền tảng này, mô hình quản trị điện tử sẽ được hiện đại hóa theo hướng quản trị số, quản trị di động và quản trị thông minh.

Môi trường quản trị điện tử của Việt Nam đang ở giai đoạn thứ hai (Giai đoạn tương tác) song được cải thiện rất nhanh. Theo báo cáo Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử năm 2016 của Liên hợp quốc, Việt Nam xếp hạng 89 trong tổng số 193 quốc gia trên thế giới về phát triển Chính phủ điện tử (tăng 10 bậc so với năm 2014)¹. Tuy vậy, Việt Nam vẫn đứng sau các nước trong khu vực như: Singapore (đứng thứ 4 thế giới); Malaysia (đứng thứ 60 thế giới); Philippines (đứng thứ 71 thế giới) và Thái Lan (đứng thứ 77 thế giới)². Với lợi thế của nước đi sau, Việt Nam có thể tận dụng sự phát triển nhanh chóng và hiện đại hóa của hạ tầng viễn thông để rút ngắn các giai đoạn nói trên, đi thẳng vào những mô hình và phương thức quản trị, quản lý tiên tiến nhất của thế giới.

1. Chỉ số này được dựa trên 3 chỉ số thành phần gồm: dịch vụ công trực tuyến, hạ tầng viễn thông và nguồn nhân lực.

2. <https://publicadministration.un.org/egovkb/en-us/Data-Center>.

**ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, NÂNG CAO
NĂNG LỰC CẠNH TRANH TẠI VÙNG KINH TẾ
TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM TRONG BỐI CẢNH
HỘI NHẬP QUỐC TẾ VÀ CÁCH MẠNG
CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TU***

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với quá trình số hóa, xu hướng kết hợp giữa các hệ thống thực và ảo, sự bùng nổ của nhiều lĩnh vực công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, internet kết nối vạn vật, cơ sở dữ liệu lớn, robot, v.v. mang đến những thay đổi vượt bậc trong cuộc sống, việc làm và hoạt động sản xuất, kinh doanh. Sự chuyển đổi của nền kinh tế số trong bối cảnh toàn cầu hóa phát lộ ra những cách tiếp cận phát triển mới: động lực tăng trưởng chủ yếu nhất là dựa vào công nghệ và đổi mới sáng tạo; nguồn lực phát triển quan trọng nhất là tri thức và tài nguyên số; cùng với đó là sự tham gia vào mạng sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu tạo cho các nước và các nhà sản xuất có được cơ hội phát triển hiệu quả nhất.

Xu thế hội nhập và đổi mới công nghệ đặt ra cho Việt Nam những vấn đề rất mới trong lộ trình phát triển “đi tắt,

* Bài đăng trên Tạp chí *Kinh tế và Quản lý*, số 32, tháng 12/2019; có chỉnh sửa.

đón đầu”; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế. Giai đoạn vừa qua, mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng, dựa vào vốn, tài nguyên thiên nhiên và lao động không có kỹ năng của nước ta đã tạo ra nhiều việc làm và thu nhập cho một bộ phận lớn dân cư. Tuy nhiên, việc dựa vào những lợi thế bậc thấp này là không bền vững và không thể giúp nền kinh tế Việt Nam tiến xa như kinh nghiệm phát triển của các nước đi trước cho thấy. Thậm chí, trong tiến trình hội nhập sâu rộng, mô hình đó có thể khiến nền kinh tế Việt Nam có nguy cơ lệ thuộc nhiều hơn vào bên ngoài, tiếp tục lún sâu vào “bẫy gia công, lắp ráp” và vướng vào những nấc thang thấp của chuỗi giá trị toàn cầu. Nếu không hóa giải được những thách thức này, các hiệp định tự do thương mại (FTA) thế hệ mới có nguy cơ trở thành “bẫy hội nhập” của Việt Nam trong tương lai. Do vậy, chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng mới dựa vào đổi mới sáng tạo, những yếu tố không có trần giới hạn, là điều kiện quan trọng để Việt Nam tiếp tục phát triển nhanh và bền vững, vượt qua bẫy thu nhập trung bình và hiện thực hóa mục tiêu trở thành một nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ.

Nhận thức rõ những cơ hội và thách thức mới đặt ra, Đảng ta đã ban hành nhiều chủ trương, định hướng quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, bám sát những thay đổi nhanh chóng của thế giới, nhất là tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động mạnh mẽ và sâu sắc đến quá trình phát triển của đất nước. Điều đó thể hiện ở việc ngay từ đầu nhiệm kỳ

Đại hội XII đến nay, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành 6 nghị quyết mang tính hệ thống và đồng bộ để chỉ đạo các vấn đề lớn, căn cốt của nền kinh tế. Đó là: tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; thực hiện có hiệu quả triển trình hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế. Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

Đặc biệt, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chính phủ đã ban hành Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”; Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ; Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; xây dựng Dự thảo đề án về chuyển đổi số ở Việt Nam; Dự thảo Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030. Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội lần thứ XIII cũng nhấn mạnh yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế phải trên nền tảng đổi mới sáng tạo và tận dụng những thành tựu của cuộc Cách

mạng công nghiệp lần thứ tư. Các chủ trương, chính sách đó đã thể hiện trí tuệ, tầm nhìn, khát vọng và quyết tâm của toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị, toàn xã hội trong đổi mới tư duy và hành động, thực hiện những giải pháp trọng tâm với bước đi và lộ trình phù hợp để Việt Nam bứt phá, vươn lên trong phát triển kinh tế - xã hội.

Nhờ những nỗ lực vượt bậc, năng lực đổi mới sáng tạo và cạnh tranh của nền kinh tế nước ta đã cải thiện đáng kể trong thời gian qua. Việt Nam đã đạt được những bước tiến trong việc tiếp cận, ứng dụng những thành tựu khoa học - công nghệ của thế giới. Ngày càng có nhiều tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam quan tâm đầu tư cho khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, với nhận thức đây là yếu tố quyết định nâng cao năng lực cạnh tranh. Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia từng bước được hình thành và chuyển dịch theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, chú trọng đưa các kết quả nghiên cứu thành sản phẩm trên thị trường. Nhiều sáng kiến đã được triển khai như: Chương trình kết nối mạng lưới đổi mới sáng tạo Việt Nam, Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia, v.v. nhằm tạo điều kiện chia sẻ, trao đổi tri thức, góp phần đưa Việt Nam nhanh chóng bắt kịp, tiến cùng và vượt lên về năng lực khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Kết quả tích cực còn được thể hiện qua nhiều chỉ số được cộng đồng quốc tế công nhận và đánh giá cao, như: Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam thời gian qua liên tục tăng cao, dẫn đầu nhóm quốc gia có thu nhập trung bình thấp (năm 2017 tăng 12 bậc, năm 2018 tăng tiếp 2 bậc, xếp

thứ 45/126 quốc gia, năm 2019 xếp thứ 42/129 quốc gia), trong đó, nhóm chỉ số về tri thức - công nghệ của Việt Nam có thứ hạng khá cao¹. Báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu của Diễn đàn kinh tế thế giới năm 2019 đánh giá Việt Nam là một trong những nền kinh tế dẫn đầu cuộc đua cải thiện thứ hạng về năng lực cạnh tranh. Nhờ những nỗ lực vượt bậc, nhất là trong việc thúc đẩy thực hiện chính phủ điện tử và nền kinh tế số, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh ở các địa phương, lần đầu tiên, Việt Nam vươn lên trong nửa trên của bảng xếp hạng thế giới, chỉ số Năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam tăng 10 bậc và 3,5 điểm, đứng vị trí 67 trên 141 nền kinh tế được xếp hạng năm 2019².

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, cái nôi của nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế trong tiến trình đổi mới, giữ vai trò là đầu tàu phát triển kinh tế, đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trung tâm chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ hàng đầu của cả nước. Mặc dù chỉ chiếm khoảng 9,2% diện tích cả nước, vùng có nguồn lực phát triển to lớn, với hơn 20 triệu dân (chiếm khoảng 20% dân số cả nước), trong đó có hơn 11 triệu lao động (chiếm gần 20% lực lượng lao động của cả nước) và hơn 295.000 doanh nghiệp

1. Cornell University, INSEAD, and the World Intellectual Property Organization (WIPO): The Global Innovation Index 2019: Creating Healthy Lives-The Future of Medical Innovation, WIPO, 2019.

2. World Economic Forum: Global Competitiveness Report 2019: How to end a lost decade of productivity growth, WEF, Geneva Switzerland, 2019.

(chiếm hơn 43% tổng số doanh nghiệp của cả nước)¹. Có lợi thế là hệ thống kết cấu hạ tầng gồm cảng biển, sân bay quốc tế lớn, một số tuyến đường cao tốc mới hình thành, có Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế lớn, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là trung tâm dịch vụ, công nghiệp, nơi tập trung phát triển các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông, logistics, v.v. của cả nước.

Kinh tế vùng phát triển năng động, đạt tốc độ tăng trưởng cao (gấp hơn 1,75 lần mức bình quân của cả nước), năng suất lao động gấp 1,8 lần cả nước; chiếm hơn 45% GDP, 40% kim ngạch xuất khẩu, thu ngân sách chiếm hơn 43% tổng thu ngân sách cả nước, thu hút hơn 56% số dự án và 45% số vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam². Theo Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh 2018, trong nhóm 10 tỉnh/thành phố có chỉ số PCI đứng đầu thì có 3 tỉnh/thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (Long An đứng thứ 3, Bình Dương đứng thứ 6 và Thành phố Hồ Chí Minh đứng thứ 10); 4 tỉnh đạt loại khá bao gồm Tây Ninh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu và Tiền Giang³.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam bắt đầu có xu hướng chậm dần. Dư địa phát triển dựa vào nguồn lực lao động giá rẻ đã tới hạn, trong khi những tiềm năng, lợi thế khác của vùng, nhất là dựa vào đổi mới sáng tạo, nguồn nhân

1, 2. Tập hợp các thông tin về vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Niên giám Thống kê 2017, 2018, Tổng cục Thống kê, 2019.

3. VCCI & USAID: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh 2018, 2019.

lực chất lượng cao, đột phá về thể chế và đẩy nhanh tiến trình hội nhập, chưa được phát huy đầy đủ, nhằm tạo ra những động lực tăng trưởng mới. Nhiều điểm nghẽn vẫn tồn tại như: liên kết vùng còn yếu, chưa thực sự lan tỏa và phát huy hiệu quả sức mạnh đầu tàu kinh tế của vùng là Thành phố Hồ Chí Minh; kết cấu hạ tầng chưa tương xứng và chưa tạo ra kết nối đồng bộ; chất lượng phát triển đô thị còn thấp, nhiều khu vực còn ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; chưa bảo đảm tốt và bao trùm nhu cầu an sinh xã hội; phát triển nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu về chất lượng cao; môi trường kinh doanh vẫn còn những bất cập ảnh hưởng tới sự phát triển của doanh nghiệp.

Thể hiện sự quan tâm sâu sắc đối với tầm quan trọng, tiềm năng và định hướng phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, năm 2005, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 53-NQ/TW về phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã xác định tầm nhìn đến năm 2030: vùng kinh tế trọng điểm phía Nam phát triển năng động, chất lượng tăng trưởng cao, là điển hình về phát triển bền vững, đi đầu trong phát triển kinh tế tri thức; là vùng kinh tế động lực đầu tàu của cả nước, trung tâm kinh tế của khu vực và châu Á; là trung tâm thương mại tài chính, dịch vụ tầm quốc tế. Ngày 19/7/2019, Thủ tướng Chính phủ ban

hành Chỉ thị số 19/CT-TTg về các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, tiếp tục khẳng định đây là vùng kinh tế động lực đầu tàu, trung tâm kinh tế, thương mại, văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế, nghiên cứu khoa học chất lượng cao của cả nước và khu vực, là trung tâm giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm chuyển giao và ứng dụng khoa học - công nghệ hàng đầu của cả nước; thực hiện vai trò cầu nối với khu vực đồng bằng sông Cửu Long và khu vực Tây Nguyên mà hạt nhân là Thành phố Hồ Chí Minh.

Để thực hiện những quan điểm, tầm nhìn trên trong bối cảnh mới, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam cần khẳng định vai trò, vị thế mới là “vùng đổi mới sáng tạo” trong tiến trình phát triển của đất nước với một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam phải là cái nôi hình thành và lan tỏa văn hóa đổi mới sáng tạo, là hình mẫu của chiến lược nâng cao năng lực cạnh tranh dựa vào khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo của cả nước. Cần đưa đổi mới sáng tạo trở thành thông điệp chính trong khát vọng, tầm nhìn và chiến lược phát triển của các địa phương trong vùng, từ đó có ý chí, quyết tâm lớn, tìm kiếm các động lực mới đem lại những bước đột phá để tiếp tục phát triển nhanh và bền vững.

Đổi mới sáng tạo trong cả cách nghĩ và cách làm, trong cả tư duy và hành động để thích ứng kịp thời với sự biến đổi rất nhanh của thế giới, nhất là trước sự xuất hiện của những mô hình, phương thức mới trong quản trị nhà nước, quản trị

doanh nghiệp, trong sản xuất kinh doanh, v.v.. từ đó nấm bốc cơ hội “đi tắt, đón đầu” và lợi thế của nước đi sau, đi thẳng vào phát triển những lĩnh vực mới của nền kinh tế số. Từ nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo chuyển thành những hành động cụ thể trong mọi lĩnh vực, của mọi doanh nghiệp, mọi cá nhân, tăng cường ứng dụng công nghệ, chú trọng sáng tạo, dám đột phá, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của cá nhân, doanh nghiệp, ngành và nền kinh tế.

Thứ hai, xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo vùng, phù hợp với những điều kiện đặc thù của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Chú trọng phát huy tối đa và gắn kết hiệu quả những lợi thế, điểm mạnh của vùng mà hiện vẫn là các “mảnh ghép” còn rời rạc của hệ sinh thái này. Đó là: chính quyền địa phương năng động; khu vực doanh nghiệp tư nhân phát triển; nơi thu hút lực lượng lao động có kỹ năng cao của cả nước; nơi tập trung của nhiều tổ chức khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo lớn, các vườn ươm khởi nghiệp và các quỹ đầu tư mạo hiểm có tiềm năng. Coi hoàn thiện hệ sinh thái đổi mới sáng tạo là yếu tố quan trọng để cải thiện môi trường kinh doanh, góp phần huy động hiệu quả các nguồn lực bên trong và bên ngoài cho phát triển. Xây dựng các mô hình, cụm liên kết đổi mới sáng tạo, phát huy lợi thế đặc thù của các địa phương trong xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo vùng, đặc biệt phát huy vai trò đầu tàu của Thành phố Hồ Chí Minh, nơi tiên phong về phát triển hệ sinh thái, ươm tạo gần 50% số doanh nghiệp khởi nghiệp trong nước và được

xếp hạng là thành phố có đóng góp quan trọng cho nền kinh tế sáng tạo phát triển nhanh nhất châu Á. Phát huy vai trò kết nối quan trọng của Đồng Nai trong trục tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Thứ ba, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của vùng thông qua đổi mới và tạo sự chuyển biến đồng bộ cả ba yếu tố mũi nhọn: công nghệ - cơ chế - con người.

Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng vùng đồng bộ, đi trước một bước để tương thích với nền kinh tế số, làm nền tảng cho hoạt động đổi mới sáng tạo, thúc đẩy sự kết nối và nâng cao năng lực cạnh tranh của vùng. Chú trọng đầu tư đồng bộ cả ba tuyến: hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật số và hạ tầng năng lượng thông qua huy động nguồn vốn xã hội hóa. Trên cơ sở đó, đẩy nhanh số hóa các ngành, lĩnh vực là lợi thế của vùng như logistic, tài chính, ngân hàng, thương mại, hiện đại hóa các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động, thúc đẩy các ngành công nghiệp kết nối v.v.. Thực hiện tốt cả hai nhiệm vụ quan trọng: chuyển đổi số trong chính quyền và chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

Nghiên cứu xây dựng những cơ chế, chính sách đặc thù của vùng để tạo sự vượt trội về môi trường thông thoáng huy động các nguồn lực trong và ngoài nước, nhất là nguồn lực tài chính của các quỹ đầu tư mạo hiểm, nguồn nhân tài, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo. Nhận thức rõ doanh nghiệp là trung tâm của đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh, nuôi dưỡng khát vọng của các doanh nghiệp công nghệ Việt Nam từ nơi đây vươn ra toàn cầu.

Cần chuyển đổi lợi thế của vùng về số lượng lao động sang lợi thế về chất lượng lao động. Phát huy thế mạnh của vùng là trung tâm giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với các lĩnh vực đổi mới sáng tạo và phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ. Phát huy lợi thế về điều kiện tự nhiên, hạ tầng và thể chế để xây dựng những đô thị đáng sống trong vùng để thu hút nhân tài, các nhà đầu tư và các doanh nhân khởi nghiệp sáng tạo đến sinh sống và làm việc.

CƠ ĐÔ DÂN TỘC, KHÁT VỌNG VÀ TÂM NHÌN PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XXI*

1. Khát vọng gây dựng cơ đô và “quốc bảo” lòng dân

Từ thuở hồng hoang dựng nước và suốt chiều dài lịch sử hàng nghìn năm chống giặc ngoại xâm, độc lập dân tộc là khát vọng cháy bỏng được ông cha ta không ngừng nuôi dưỡng và tranh đấu. Từ truyền thuyết Thánh Gióng đến việc xây thành Cổ Loa, từ cuộc khởi nghĩa của hai Bà Trưng, Bà Triệu cho đến các cuộc khởi nghĩa của Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng, v.v. trong suốt một nghìn năm Bắc thuộc, khát vọng đó đã được hiện thực hóa bởi lời tuyên bố thành lập Nhà nước Đại Cồ Việt - nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên tại Việt Nam cách đây hơn 1.050 năm (năm 968) sau khi Đinh Bộ Lĩnh (924-979) dẹp xong loạn 12 sứ quân, lên ngôi Đinh Tiên Hoàng Đế.

Khát vọng độc lập dân tộc đó còn được thể hiện qua lời thơ đanh thép của Lý Thường Kiệt - áng tuyên ngôn độc lập

* In trong cuốn sách: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Các chuyên đề Lớp bồi dưỡng kiến thức mới cho cán bộ quy hoạch cấp chiến lược khóa XIII của Đảng (Lưu hành nội bộ)*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2021, q.1, tr.9-39; có chỉnh sửa.

đầu tiên của dân tộc Việt Nam: “Sông núi nước Nam, vua Nam ở. Rành rành định phận tại sách trời” khiến cho quân Tống xâm lược phải run sợ. Đến đồi nhà Trần, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn viết *Hịch tướng sĩ* là lời hiệu triệu vang động non sông, kêu gọi toàn dân chống giặc giữ nước. Đầu thế kỷ XV, Nguyễn Trãi viết tiếp bản tuyên ngôn hùng tráng *Bình Ngô đại cáo* sau chiến thắng chống giặc Minh: “Như nước Đại Việt ta từ trước. Vốn xưng nền văn hiến đã lâu. Núi sông bờ cõi đã chia. Phong tục Bắc Nam cũng khác”.

Để đảm bảo thắng lợi cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước và để gây dựng cơ đồ của dân tộc Việt Nam, ông cha ta đã có những quyết định lịch sử, mang tầm nhìn lớn, vượt thời gian.

Đó là vào mùa Thu năm 1010, Đức Thái Tổ Lý Công Uẩn đã quyết định dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long, mở ra giai đoạn phát triển huy hoàng của kinh đô nước Đại Việt. Từ mốc son lịch sử đó, trải qua bao biến cố thăng trầm, Thăng Long - Hà Nội, trái tim của cả nước vẫn tư thế vững vàng, khí phách hiên ngang, với truyền thống văn hiến của mảnh đất “địa linh, nhân kiệt”, nơi lăng đọng hào khí dân tộc, hồn thiêng sông núi, nơi kết tinh trí tuệ, tỏa sáng lương tri và phẩm giá con người Việt Nam.

Đó còn là từ một tư duy mới về không gian phát triển đã thôi thúc ông cha ta đi mở mang bờ cõi. Lịch sử còn ghi nhận công lao của Chúa Nguyễn Hoàng trong công cuộc Nam tiến, lấn biển, khai hoang. Lãnh thổ được mở rộng, đất nước có không gian phát triển, văn hóa dân tộc có cơ hội giao thoa với văn hóa các tộc người ở vùng đất mới, tạo nên sự đa dạng

trong thống nhất của bản sắc văn hóa Việt Nam hôm nay. Từ công cuộc mở mang bờ cõi đã hình thành đất nước mang quốc hiệu Việt Nam liền một dải hình chữ S, từ mũi Cà Mau đến đầu Móng Cái, với các quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa... không thể tách rời, thuộc chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc.

Trong hàng nghìn năm gây dựng cơ đồ của dân tộc, lòng tin của nhân dân trở thành “quốc bảo”, sức mạnh của nhân dân là nền tảng để giữ vững nền độc lập và thúc đẩy phát triển đất nước. Đã là người Việt Nam, không một ai không biết câu chuyện lịch sử được ghi lại rằng, trước cuộc xâm lăng hung hãn của quân Nguyên Mông, tháng Chạp năm Giáp Thân (1285 dương lịch), Thượng hoàng Trần Thánh Tông cho mời các bô lão trong nước đến dự hội nghị tại điện Diên Hồng ân cần hỏi ý kiến: “nên đánh hay hòa trước thế giặc mạnh”. Các bô lão, đại diện cho lòng dân cả nước, muôn người như một đã đồng thanh hô “Đánh!”. Niềm tin, sự đồng thuận và sức mạnh của toàn dân đã làm nên chiến thắng của nhà Trần trước quân Nguyên Mông hùng mạnh nhất thế giới vào thế kỷ XIII - đội quân mà vó ngựa đã giày xéo, chinh phục khắp nơi, từ châu Á sang châu Âu.

Sức mạnh của lòng dân đã được Hồ Nguyên Trừng - con trai trưởng của Hồ Quý Ly khẳng định trước mối họa giặc Minh tràn sang xâm lược, qua câu nói thảng: “Thần không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân không theo!”. Chính vì không dựa vào dân, không có lòng tin của nhân dân nên những cải cách của Hồ Quý Ly, dù có thể hiện tư duy tiến bộ vượt trội so với thời đại song vẫn không thành công. Dù quân đội mạnh, thành

lũy nhiều, vũ khí hiện đại nhưng ông vẫn để mất nước trước họa ngoại xâm. Cũng bởi xa dân, sợ dân, thậm chí còn lo đối phó với dân đã khiến triều đình nhà Nguyễn không còn sức mạnh trước tiếng súng xâm lược của thực dân Pháp.

Không cam chịu kiếp nô lệ, gần một thế kỷ dưới ách thống trị của thực dân Pháp, các tầng lớp nhân dân ta đã liên tiếp vùng dậy tiếp nối truyền thống đấu tranh bất khuất chống giặc ngoại xâm của ông cha. Tiêu biểu là phong trào Cần Vương với các cuộc khởi nghĩa Ba Đình (Nga Sơn, Thanh Hóa), Bãi Sậy (Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh), Hương Khê (Hà Tĩnh)...; khởi nghĩa Yên Thế, Thái Nguyên, các cuộc bạo động ở Lạng Sơn, Yên Bái... Vào đầu thế kỷ XX, với tầm nhìn xa, vượt trội so với tư duy cùng thời, những chí sĩ yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh đã cùng những người đồng chí hướng khơi xướng phong trào Đông Du và công cuộc Duy Tân - bước đi tiên phong trong việc thực nghiệm con đường cứu nước mới của phong trào yêu nước Việt Nam. Mặc dù không hề dễ dàng và không thành công song con đường đó đã thể hiện khát vọng canh tân, hiện đại hóa đất nước, đưa Việt Nam đứng vào hàng ngũ các quốc gia tiến bộ trong thời đại của các bậc tiền nhân đó.

Thời đại Hồ Chí Minh đã mở ra một trang sử mới cho dân tộc Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đầu tiên đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, hình thành một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

Người đã nghiên cứu sâu sắc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lenin, tiếp thu hợp lý tinh thần *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* trong bối cảnh lịch sử mới của cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Người đã thấy rõ, không thể giải phóng được giai cấp nếu không giải quyết được vấn đề độc lập dân tộc. Đồng thời, độc lập dân tộc gắn liền và dựa trên cơ sở bảo đảm các quyền con người, như: quyền được sống, quyền bình đẳng, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Đó là những giá trị tinh hoa của nhân loại được Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa khi nghiên cứu bản *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mỹ và bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của cách mạng Pháp. Người cũng đã nghiên cứu Chủ nghĩa Tam dân của nhà cách mạng Tôn Trung Sơn và hiểu rằng khát vọng “dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc” khó thể đạt và duy trì bền vững qua con đường cách mạng dân chủ tư sản. Từ đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam là tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và tiếp theo là cách mạng xã hội chủ nghĩa để giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp. Là sự lựa chọn để phục vụ tốt nhất lợi ích của dân tộc, chủ nghĩa Mác - Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, là kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam, kiên định giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Là biểu tượng cao đẹp của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khơi dậy, phát huy truyền thống

yêu nước quý báu của dân tộc ta lên tầm cao của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, phát huy sức mạnh vô tận của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và công cuộc kháng chiến, kiến quốc. Người đã chỉ ra thời cơ lớn cho dân tộc Việt Nam với ý chí mãnh liệt: “Dù hy sinh tới đâu, dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”¹, động viên toàn dân ta vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền, làm nên thắng lợi vẻ vang của cuộc Cách mạng Tháng Tám, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, với quyết tâm “thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, cả dân tộc Việt Nam đã anh dũng chiến đấu làm nên một chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, mang tinh thần: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đã chung sức, đồng lòng viết nên một bản anh hùng ca của tình ruột thịt Bắc - Nam và khát vọng mãnh liệt của một dân tộc yêu chuông hòa bình, không bao giờ bị khuất phục trước mọi kẻ thù, lập nên những chiến công chói lọi, mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Suốt đời đấu tranh vì độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân, thấu hiểu giá trị và đạo lý sâu sắc “của dân,

1. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1994, tr.196.

do dân, vì dân”, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm: “nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”¹. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đảm bảo được vững chắc nền độc lập dân tộc, mới mang lại cho dân quyền tự do và hạnh phúc. Chủ nghĩa xã hội không phải là ước vọng cao sang mà là những điều rất gần gũi với nhân dân lao động, đó là “làm sao cho dân giàu, nước mạnh”²; “đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”³; “xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt”⁴. Hơn 90 năm qua kể từ khi có Đảng, hơn 75 năm qua kể từ khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, khát vọng về một nước Việt Nam “độc lập - tự do - hạnh phúc” là lời hiệu triệu khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết và sức mạnh của toàn dân tộc Việt Nam phấn đấu cho mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

2. Vững vàng trên nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc, nhân dân Việt Nam đã liên tục giành thắng lợi vẻ vang trong công cuộc đấu

1, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr.64, 187.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr.390.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.13, tr.438.

tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng là yếu tố quan trọng, quyết định nhất đối với mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng được trao sứ mệnh đi tiên phong trong việc định hướng tầm nhìn và khát vọng phát triển cho dân tộc. Đảng lãnh đạo toàn thể dân tộc, phát huy “quốc bảo” lòng dân và huy động sức mạnh của toàn dân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để hiện thực hóa tầm nhìn và khát vọng đó.

Nền tảng lý luận đúng đắn là linh hồn của công tác lãnh đạo về chính trị, tư tưởng của Đảng ta. Lý luận của Đảng có vững, quyết tâm chính trị mới cao; việc xây dựng và ban hành đường lối, chủ trương mới chắc; công tác tuyên truyền, vận động trong nhân dân mới thông; việc bảo vệ nền tảng tư tưởng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc đường lối của Đảng mới tự tin, kiên định và kiên quyết.

Trong những dòng đầu tiên của tác phẩm *Đường cách mệnh* in năm 1927, cuốn giáo trình đầu tiên để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin vào thực tiễn Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dẫn lại lời nói của Lênin: “Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiên phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong”¹. Người nhấn mạnh, “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.279.

chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê nin¹. Kiên định, vững vàng giương cao ngọn cờ “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội” - một cách tiếp cận hoàn toàn mới, chưa hề có tiền lệ trong lịch sử, là kết quả của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Ngọn cờ đó trở thành giá trị cốt lõi của nền tảng lý luận, tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam; là phương châm lãnh đạo sáng tạo của Đảng nhằm đưa cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và sự nghiệp phát triển đất nước đi đến thành công.

Sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, song đây không phải là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội nói chung, lại càng không phải là sự sụp đổ của chủ nghĩa Mác - Lê nin. Đó chỉ là sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội giáo điều, xa dân, đánh mất “quốc bảo” lòng dân, xa rời những nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, nhất là những nguyên tắc lịch sử - cụ thể, nguyên tắc thực tiễn và sự thiếu thốn ứng với những thay đổi thường xuyên của đời sống chính trị - xã hội. Đó còn là hệ quả của những sai lầm về đường lối phát triển kinh tế - xã hội; sai lầm nghiêm trọng về đường lối chính trị và sự buông lỏng công tác chính trị - tư tưởng, công tác cán bộ của đảng cầm quyền trong quá trình cải tổ. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định con đường đã

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.289.

chọn. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”¹. Cương lĩnh năm 2011 cũng chỉ ra những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, vừa mang giá trị, ý nguyện và khát vọng của dân tộc Việt Nam, vừa mang giá trị phổ quát của nhân loại và tầm nhìn của thời đại, đó là: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Để vững vàng trên nền tảng tư tưởng của Đảng, phải thấm nhuần và xử lý tốt mối quan hệ giữa kiên định đi đôi với vận dụng sáng tạo và phát triển tư duy lý luận. Học thuyết Mác - Lênin tự nó là học thuyết mở, mang tính sáng tạo và đổi mới trong vận dụng. Thực tiễn thế giới và Việt Nam đã chứng tỏ rằng: lúc nào, ở đâu chủ nghĩa Mác - Lênin

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.70.

được vận dụng đúng đắn, sáng tạo thì ở nơi đó, lúc đó tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội vượt qua được những thử thách phát triển để tiếp tục đi lên. Ngược lại, ở đâu và lúc nào, chủ nghĩa Mác - Lênin bị hiểu sai, vận dụng máy móc, giáo điều, thì con đường đó gặp nhiều khó khăn, thậm chí thụt lùi, thất bại.

C. Mác là một thiên tài, lý luận của ông có tầm nhìn xa nhưng vẫn bị quy định bởi những điều kiện lịch sử cụ thể. Chúng ta không thể đòi hỏi C. Mác phải tiên lượng được hết, suy nghĩ và giải quyết thay cho các thế hệ sau những vấn đề chưa hề đặt ra trong thời đại của ông. Ph. Ăngghen đã từng lưu ý: “Lý luận của chúng tôi là lý luận của sự phát triển, chứ không phải là một giáo điều mà người ta phải học thuộc lòng và lắp lại một cách máy móc”¹. Do vậy, những người mácxít phải biết tổng kết thực tiễn thời đại mình để vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với từng điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia, dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, cái căn cốt nhất trong học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là: “học tập tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin, học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng”²; là “học tập những chân lý

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1999, t.36, tr.796.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.95.

phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta”¹.

Tính lịch sử - cụ thể luôn là điểm then chốt trong phương pháp tiếp cận của học thuyết Mác. Bởi theo ông, lịch sử bắt đầu từ đâu thì tư duy bắt đầu từ đó; lý luận phải xuất phát từ thực tiễn, được tổng kết, khái quát từ thực tiễn. Bản thân C. Mác và Ph. Ăngghen cũng thường xuyên bổ sung, hoàn thiện lý luận của mình bằng thực tiễn hoạt động cách mạng. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời năm 1848 là kết quả của sự kết hợp giữa nghiên cứu khoa học với việc tổng kết thực tiễn phong trào cách mạng của giai cấp công nhân châu Âu giữa thế kỷ XIX. Trong *Lời tựa* (lần thứ nhất) viết cho lần xuất bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* bằng tiếng Đức vào năm 1872, C. Mác và Ph. Ăngghen đã nhấn mạnh, bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng các nguyên lý trong *Tuyên ngôn* cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời. Đó chính là thái độ mẫu mực, cách ứng xử khoa học nhất đối với việc vận dụng và phát triển lý luận trong thực tiễn.

Xuất phát từ thực tiễn cụ thể của bối cảnh nước Nga trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, V.I. Lênin đã bổ sung, phát triển lý luận của C. Mác và hình thành nên chủ nghĩa Mác - Lênin. Thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại mở đầu cho sự chuyển biến của chủ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.611.

nghĩa xã hội từ học thuyết trở thành hiện thực, từ hiện thực của một nước trở thành hiện thực của một hệ thống thế giới, mở ra một thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Sự hình thành hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa với những thành tựu phát triển to lớn là chỗ dựa cho các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đứng lên đấu tranh tự giải phóng, xóa bỏ ách thống trị của chế độ thực dân. Đồng thời, thực tiễn phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở những quốc gia mới giành được độc lập đã bổ sung, làm phong phú thêm hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin trong thế kỷ XX.

Hơn 170 năm qua, chứng kiến nhiều thăng trầm của lịch sử nhân loại và chịu sự công kích, chống phá từ nhiều kẻ thù tư tưởng khác nhau, nhiều giá trị lý luận của chủ nghĩa Mác mang sức sống trường tồn vẫn tiếp tục tỏa sáng, như: phương pháp biện chứng duy vật, quan niệm duy vật về lịch sử, học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, v.v.. Ngày nay, cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất hiện đại, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và sự hình thành nền kinh tế số, thực tiễn mới đang làm thay đổi nhanh chóng các quan niệm, tư duy tiếp cận truyền thống. Thế giới đang tụ về những giá trị chung phù hợp với bản chất nhân văn cao đẹp của chủ nghĩa xã hội, như: phát triển bao trùm và bền vững, không để một ai bị bỏ lại phía sau; phát triển toàn diện con người, vì con người, lấy con người là trung tâm, v.v.. Điều đó càng chứng tỏ rằng, lý luận của chủ nghĩa Mác để giải phẫu xã hội tư bản chủ nghĩa hiện đại vẫn đúng, lý tưởng cao đẹp

của chủ nghĩa xã hội vẫn giữ nguyên giá trị thực tiễn; đồng thời càng khẳng định một trong những giá trị vĩ đại nhất của chủ nghĩa Mác là tư tưởng nhân văn: vì con người, phát triển và giải phóng con người mà trước hết là những người lao động. Chúng ta tin tưởng và đi theo học thuyết Mác - Lênin bởi đó là học thuyết khoa học, cách mạng, nhân văn và phát triển; học thuyết giải phóng con người; và đây chính là nền tảng tư tưởng cốt lõi để chúng ta tư duy và định hình đường lối phát triển đất nước thích ứng với sự thay đổi, phù hợp với bối cảnh và điều kiện mới.

3. Đổi mới tư duy để phát triển đất nước

Xuất phát từ điều kiện lịch sử cụ thể và thực tiễn phát triển của Việt Nam, phù hợp với quy luật và xu thế phát triển chung của nhân loại, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới mà trước hết là “đổi mới về tư duy kinh tế”, chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Công cuộc đổi mới là sản phẩm sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, của nhân dân Việt Nam mang tầm vóc và ý nghĩa lịch sử to lớn trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội mang bản sắc Việt Nam và do nhân dân Việt Nam thực hiện. Đổi mới đặt ra những vấn đề lý luận và thực tiễn rất mới, có những vấn đề thậm chí trước đây chưa từng có. Đó là sự lựa chọn mang tính lịch sử, là một quá trình cải biến sâu sắc cả về phương diện tư duy, nhận

thức lý luận cả về đường lối lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội của Đảng.

Từ một nền kinh tế khép kín, tự cấp tự túc, bị bao vây, cô lập, cấm vận, Việt Nam đã tiến hành mở cửa, trở thành thành viên của ASEAN, APEC, WTO và nhiều tổ chức quốc tế khác, tham gia nhiều định chế thương mại tự do, nhất là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, hội nhập ngày càng sâu, rộng vào nền kinh tế toàn cầu. Từ chủ trương “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế”, Việt Nam đã nhấn mạnh phải “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế” rồi “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế” với sự thống nhất nhận thức rằng: hội nhập quốc tế không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà mở rộng ra tất cả các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh và văn hóa - xã hội, v.v.. Từ chỗ chỉ là thành viên tham gia các định chế quốc tế, Việt Nam đã chủ trương “chủ động và tích cực đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phương”, trở thành “đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”¹.

Từ chỗ nhìn nhận một cách cứng nhắc, nhất thành bất biến, quan niệm về độc lập, tự chủ đã được vận dụng thận trọng, đồng thời linh hoạt, khôn ngoan, cho phép mở ra những điều chỉnh phù hợp, nhằm đảm bảo mục tiêu an ninh, phát triển, khai thác hiệu quả các nguồn lực bên trong và

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Các Văn kiện Đại hội lần thứ IX, X, XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, 2006, 2011; Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

bên ngoài, nâng cao vị thế của đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng. Đó là: phải đảm bảo độc lập tự chủ về đường lối, chính sách và phương thức phát triển; độc lập, tự chủ trong đánh giá các thay đổi của bối cảnh quốc tế, từ đó có phản ứng chính sách phù hợp với điều kiện của đất nước, tương thích với thông lệ và cách tiếp cận chung của thế giới. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ đi đôi với “đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác cụ thể”¹. Trong hội nhập quốc tế, năng lực bên trong đóng vai trò quyết định để hóa giải nguy cơ, tận dụng những cơ hội phát triển bên ngoài mang lại.

Từ chỗ phủ nhận cơ chế thị trường, đổi lập kinh tế thị trường với chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã thống nhất nhận thức rằng, kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại, có nhiều mô hình có thể được phát triển và thích ứng với nhiều hình thái kinh tế - xã hội khác nhau, dưới chủ nghĩa tư bản cũng như dưới chủ nghĩa xã hội. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nền kinh tế Việt Nam, là một đột phá lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình lãnh đạo công cuộc đổi mới. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường; là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.111.

Định hướng xã hội chủ nghĩa được thể hiện nhất quán trên các phương diện của nền kinh tế - xã hội. Trong mục tiêu phát triển, đó là: lấy con người làm trung tâm, vì mọi người và do con người, đảm bảo cơ hội cho mọi người dân tham gia, mọi người dân hưởng lợi, nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Trong phương thức phát triển, đó là phát triển bền vững, bao trùm và hội nhập. Gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xây dựng con người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường trong từng bước đi và từng chính sách phát triển. Trong quản lý nền kinh tế, đó là phát huy đầy đủ vai trò chủ thể của nhân dân, đặt nhân dân ở vị trí trung tâm trong mọi khâu của quá trình phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo vai trò quản lý nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo¹.

Từ tư duy “quản lý xã hội”, chúng ta đã chuyển sang tư duy “quản lý phát triển xã hội”, thể hiện cách tiếp cận mới trong ứng phó với sự biến đổi xã hội nhanh chóng, nhất là xử lý hiệu quả những vấn đề xã hội mới phát sinh nhờ sự kết hợp giữa Nhà nước, thị trường và các thiết chế phi chính thức, hoạt động phi lợi nhuận trên nền tảng của những giá trị nhân văn và đạo đức. Cùng với bước chuyển sang cơ chế thị trường, hệ thống an sinh xã hội từ chối được Nhà nước bao cấp toàn bộ đã bước đầu

1. Nguyễn Xuân Thắng: “Một số luận điểm mới về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay”, Tạp chí Lý luận chính trị, số 8/2016.

chuyển sang hoạt động theo nguyên tắc đóng - hưởng và đẩy mạnh xã hội hóa, kết hợp với các chương trình quốc gia về giảm nghèo, giải quyết việc làm, cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm... từ đó được duy trì bền vững hơn.

Từ chỗ thực hiện chuyên chính vô sản xây dựng mô hình nhà nước dân chủ nhân dân nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, việc Đảng ta khẳng định xây dựng, hoàn thiện mô hình hệ thống chính trị và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là bước chuyển lớn trong cách thức tổ chức nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo tất cả quyền lực Nhà nước đều thuộc về nhân dân. Lần đầu tiên, trong lịch sử lập nước của Việt Nam quyền con người, quyền công dân được khẳng định trang trọng và nhất quán ở Chương II của Hiến pháp năm 2013. Nỗ lực xây dựng Chính phủ liêm chính, phục vụ và hành động thể hiện quyết tâm đoạn tuyệt với tư duy bao cấp, cơ chế xin - cho, thói quen mang tính tiêu cực và công tác hành chính quan liêu, mệnh lệnh trong bộ máy chính quyền.

Từ chỗ bao biện, ôm đodom mọi việc thay Nhà nước, Đảng đã chuyển sang thực hiện quyền và vai trò lãnh đạo thông qua bộ máy chính quyền nhà nước để thể chế hóa các chủ trương, đường lối và các chính sách lớn của Đảng; đồng thời, quyết liệt đổi mới tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước và của cả hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đảng không đứng trên ra lệnh, không hoàn toàn đứng bên cạnh để giám sát mà Đảng “hóa thân” vào Nhà nước là đặc trưng nổi bật, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, khoa học và

hiệu quả trong phương thức lãnh đạo mới của Đảng cầm quyền. Đặc biệt, Đảng tiến hành cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái, tiêu cực, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, thể hiện quyết tâm làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, cho cả hệ thống chính trị vận hành đồng bộ, có kỷ cương, kỷ luật nghiêm minh.

Đổi mới tư duy luôn là một quá trình cam go; phải táo bạo, quyết tâm và kiên trì đấu tranh trước mọi khó khăn để vượt qua các tư duy cổ hủ. Chủ trương phát triển kinh tế tư nhân là một ví dụ điển hình. Từ chỗ bị hạn chế và phân biệt đối xử, thậm chí có ý kiến cực đoan muốn xóa bỏ khu vực kinh tế tư nhân, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận định, kinh tế tư nhân có vị trí “quan trọng lâu dài”, “bộ phận cấu thành quan trọng” trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nếu không phát triển kinh tế tư nhân sẽ không thể phát huy được hết ưu thế của kinh tế thị trường, không thể khai thác và giải phóng được mọi nguồn lực phát triển to lớn của xã hội. Đặc biệt, Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định mạnh mẽ và dứt khoát rằng, kinh tế tư nhân là “một động lực quan trọng của nền kinh tế”. Đây là bước đột phá về nhận thức so với giai đoạn trước, khi Việt Nam chỉ coi kinh tế tư nhân là “một trong những động lực của nền kinh tế”. Những thay đổi nhận thức như vậy đã lan tỏa mạnh mẽ trong đời sống xã hội và trong nền kinh tế. Từ tâm lý thụ động, chỉ trông chờ vào Nhà nước và tập thể, các tầng lớp nhân dân đã chuyển sang ý thức chủ động và tích cực trong phát triển sản xuất kinh doanh. Từ chỗ chỉ tồn tại manh mún, nhỏ lẻ, phi chính thức

là chủ yếu, khu vực kinh tế tư nhân đã phát triển mạnh mẽ cả về lượng và chất. Từ chỗ xa lánh, coi nhẹ, xã hội đã ngày càng tôn trọng và vinh danh tầng lớp doanh nhân. Từ chỗ chỉ chú trọng chức năng quản lý, giám sát, kiểm tra, Chính phủ đã nhấn mạnh hơn vai trò phục vụ phát triển, đồng hành cùng doanh nghiệp, thúc đẩy làn sóng khởi nghiệp, tạo ra một sức sống mới cho nền kinh tế.

Việc cho phép đảng viên được làm kinh tế tư nhân cũng là một bước tiến nhận thức quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ thực tiễn trực tiếp lãnh đạo công cuộc đổi mới. Điều này xuất phát từ quan niệm đúng đắn rằng: với xuất phát điểm còn thấp, Việt Nam ngay từ đầu phải coi phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm, nâng cao trình độ lực lượng sản xuất; chú trọng huy động mọi nguồn lực, khai thác mọi tiềm năng, phát huy sức mạnh của mọi tầng lớp nhân dân, mọi thành phần kinh tế. Hơn ai hết, đảng viên lại càng phải đi đầu thực hiện mục tiêu này, vừa làm giàu cho chính mình, vừa góp phần làm giàu cho xã hội trên cơ sở nghiêm chỉnh chấp hành luật pháp, chính sách của Nhà nước, gương mẫu chấp hành quy định và Điều lệ Đảng. Với chủ trương đó, Đảng đã vượt qua những rào cản của tư duy cũ để có nhận thức mới rằng, thay vì gắn khu vực kinh tế tư nhân với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, cần phát triển khu vực này để thực hiện mục tiêu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Đặc biệt, vào những thời điểm khó khăn, Đảng đã có quyết sách đúng đắn, kịp thời, cho thấy tầm nhìn chiến lược về lộ trình phát triển bền vững của đất nước, phù hợp với xu thế

chung của thế giới. Đó là việc cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển từ mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng, chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên và lực lượng lao động có tiền công thấp, sang chiều sâu, từng bước hoàn thiện mô hình tăng trưởng đồng bộ trên cả phương diện kinh tế - kỹ thuật, kinh tế - xã hội và kinh tế - sinh thái, thúc đẩy phát triển trên nền tảng nâng cao năng suất lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy lợi thế so sánh và chủ động hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, việc triển khai quyết liệt ba đột phá chiến lược ngay từ Đại hội XI: 1) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; 2) Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; 3) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ¹, đã giúp nền kinh tế vượt qua được chu kỳ suy giảm, tạo ra động lực tăng trưởng mới.

Trong thời gian qua, mặc dù là một nước đang phát triển, với nguồn lực và trình độ công nghệ còn rất hạn chế, nhờ có sự lãnh đạo nhạy bén, đúng đắn của Đảng và Nhà nước, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời của Chính phủ, sự vào cuộc đồng bộ, tích cực của cả hệ thống chính trị; sự đồng tình, hưởng ứng, ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài, Việt Nam đã khống chế, cơ bản kiểm soát, ngăn chặn được sự lây lan của đại dịch Covid-19 trong cộng đồng, hạn chế tối đa những thiệt hại, tổn thất do dịch bệnh gây ra, được thế giới ghi nhận. Đó cũng là minh chứng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.106.

hùng hồn khẳng định tính ưu việt của chế độ ta, truyền thống đoàn kết, lòng yêu nước, tình nhân ái và ý chí kiên cường của nhân dân ta; càng trong khó khăn, thử thách, truyền thống và ý chí đó càng được nhân lên gấp bội¹.

4. Tâm nhìn phát triển Việt Nam đến thế kỷ XXI

Sau gần 35 năm đổi mới, đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay². Từ một nước nông nghiệp, lạc hậu, quy mô nền kinh tế nhỏ bé, với GDP chỉ 14 tỷ USD và GDP bình quân đầu người chỉ khoảng 250 USD trong những năm đầu đổi mới, Việt Nam đã trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Năm 2019, quy mô nền kinh tế Việt Nam đạt khoảng 262 tỷ USD. Thu nhập bình quân đầu người đạt gần 2.800 USD (nếu tính cả quy mô nền kinh tế bị bỏ sót thì đã trên 3.000 USD). Tỷ lệ người nghèo đã giảm mạnh, từ mức trên 60% vào những năm đầu đổi mới xuống mức khoảng dưới 4% năm 2019³. Văn hóa, xã hội, con người phát triển toàn diện; đời sống vật chất và tinh thần của mọi người dân được cải thiện, ngày càng trở nên phong phú; khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng

1. Phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng bế mạc Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, ngày 14/5/2020.

2. Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, tháng 4/2020, tr.24.

3. Phát biểu khai mạc của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị Chính phủ với các địa phương, ngày 30/12/2019, Hà Nội. Tổng Cục Thống kê, Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2019, Hà Nội.

được củng cố vững chắc. Chính trị, xã hội ổn định; quốc phòng - an ninh được tăng cường; độc lập, chủ quyền được giữ vững; đất nước hội nhập ngày càng sâu rộng. Những thành tựu rất đáng tự hào đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta và điều này càng khẳng định sự đúng đắn của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng, nhân dân ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã lựa chọn.

Tuy nhiên, chúng ta chưa hài lòng với kết quả đạt được, lại càng không thể tự mãn, chủ quan trước nguy cơ tụt hậu. Trong 31 năm kể từ khi tiến hành đổi mới (1986-2017), Việt Nam mới duy trì được mức tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 6,63%/năm, song tốc độ tăng trưởng các giai đoạn sau lại có xu hướng giảm dần¹. Trong khi đó, Hàn Quốc đã duy trì được mức tăng trưởng kinh tế bình quân 8,6%/năm trong suốt 37 năm (1963-2000); Đài Loan duy trì được mức tăng trưởng bình quân 9,2%/năm trong suốt 44 năm (1951-1995)². Theo Ngân hàng Thế giới, khi đạt đến mức GDP bình quân đầu người hiện nay của Việt Nam, trong một thập niên tiếp theo, Hàn Quốc (1987-1997) và Trung Quốc (2007-2017) vẫn duy trì được mức tăng trưởng GDP bình quân 8,8%/năm; Malaysia tăng trưởng ở mức 7,4%/năm (1990-2000) và Thái Lan tăng trưởng 7,2%/năm (1995-2005) cho dù chịu tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997-1998³. Mặc dù đã được thu hẹp đáng kể, thu nhập bình quân đầu

1. Trong giai đoạn 1986-2017, 20 năm gần nhất tăng bình quân 6,3%/năm, 10 năm gần nhất tăng 6%/năm.

2, 3. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam: *Báo cáo nghiên cứu*, Hà Nội, 2018.

người của Việt Nam vẫn thua Hoa Kỳ hơn 25 lần; Singapore 24 lần; Nhật Bản 16 lần; và các nước OECD 16 lần¹.

Khát vọng và ý chí phát triển là động lực hết sức quan trọng để đưa mọi dân tộc đi tới thịnh vượng và thành công. Điều này được minh chứng rõ ràng qua những kinh nghiệm phát triển hết sức quý báu của các quốc gia Đông Á. “Sự thần kỳ Nhật Bản” xuất hiện trong thế kỷ XX trước hết là nhờ khát vọng vươn lên và ý chí tự lực, tự cường, không chùn bước trước mọi khó khăn của người dân Nhật Bản để phục hưng đất nước trở thành một trong những quốc gia phát triển hàng đầu thế giới. Không dừng ở đỉnh cao thành công, người Nhật tiếp tục đặt ra những tầm nhìn phát triển mới để phấn đấu, như: trở thành một quốc gia mạnh mẽ, năng động và hấp dẫn nhất thế giới vào năm 2025²; hay trở thành một quốc gia có uy tín và phẩm giá, có được sự tín nhiệm của châu Á vào năm 2050³.

Bước ra khỏi chiến tranh, từ một trong những nước nghèo nhất trên thế giới, chỉ hơn 40 năm sau, Hàn Quốc đã trở thành thành viên thứ 25 của OECD. “Kỳ tích sông Hàn” được tạo ra không chỉ nhờ có chiến lược công nghiệp hóa đúng đắn, mà còn nhờ một cuộc cách mạng tinh thần đánh thức

1. Phát biểu của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Phiên giải trình và trả lời chất vấn kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV, ngày 01/11/2018.

2. Japan 2025: *Envisioning A Vibrant, Attractive Nation in the Twenty-First Century*, Keidanren, <https://www.keidanren.or.jp/english/policy/vision2025.pdf>

3. Japan 2050: *Principles of Strategic Science and Technology Policy toward 2020, Summary*, <http://www.scj.go.jp/en/vision2050.pdf>

khát vọng phát triển và ý chí chuyên cần, tự giác, hợp tác của người dân Hàn Quốc. Một thập kỷ sau khi trở thành thành viên OECD, năm 2006, Chính phủ Hàn Quốc lại đề ra Tầm nhìn 2030 nhằm đưa đất nước trở thành một quốc gia phát triển toàn diện, có được cả thành tựu về tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội. Năm 2009, Hàn Quốc tiếp tục công bố Chiến lược quốc gia tăng trưởng xanh với tầm nhìn đưa đất nước trở thành một cường quốc kinh tế xanh lớn thứ 7 thế giới vào năm 2020 và lớn thứ 5 thế giới vào năm 2050, nhằm đạt được cả ba mục tiêu: tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội và bền vững môi trường¹.

Ngay từ rất sớm, cố Thủ tướng Lý Quang Diệu đã xây dựng một tầm nhìn cho Singapore trở thành một “quốc đảo xanh”, một nền kinh tế hiện đại, hội nhập vào hệ thống sản xuất toàn cầu, đồng thời theo đuổi triết lý: đặt lợi ích của nhân dân vào trung tâm phụng sự của hệ thống công và mọi chính sách phát triển. Bằng những nỗ lực phi thường để tạo nên sự khác biệt, người dân Singapore đã đứng quanh Thủ tướng Lý Quang Diệu và Đảng Nhân dân hành động với tinh thần không sợ hãi trước mọi nghịch cảnh, quyết tâm biến Singapore từ một hòn đảo đầm lầy, hoang sơ, nghèo nàn trở thành một siêu đô thị phát triển.

Sau 40 năm cải cách và mở cửa, với tốc độ tăng trưởng kinh tế thần kỳ, từ một nước kém phát triển, Trung Quốc đã trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, khẳng định vị thế

1. http://www.greengrowthknowledge.org/sites/default/files/downloads/resource/Koreas-Green-Growth-Experience_GGGI.pdf

toàn cầu. Trên nền tảng phát triển đó, Đại hội lần thứ 19 Đảng Cộng sản Trung Quốc nêu rõ kiên trì và phát triển chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, thực hiện hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa và phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa. Đại hội này cũng xác định hai mục tiêu chiến lược: 1) từ năm 2020 đến năm 2035, trên cơ sở xây dựng toàn diện xã hội khá giả, phấn đấu thêm 15 năm nữa, cơ bản thực hiện hiện đại hóa chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc; và 2) từ năm 2035 đến giữa thế kỷ này, trên cơ sở cơ bản thực hiện hiện đại hóa, phấn đấu thêm 15 năm nữa, xây dựng Trung Quốc trở thành cường quốc xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc trong thời đại mới với phương châm: hiện đại, giàu mạnh, dân chủ, văn minh, hài hòa, tươi đẹp.

Bối cảnh quốc tế đang có nhiều biến động, đặt ra những cơ hội và thách thức rất mới, tác động trực tiếp đến môi trường phát triển của nước ta. Do tác động của đại dịch Covid-19, kinh tế thế giới rơi vào khủng hoảng sâu sắc và có nguy cơ suy thoái kéo dài. Cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại tiếp tục diễn ra gay gắt. Cục diện an ninh, chính trị thế giới đang chứng kiến sự chuyển dịch mạnh mẽ trong tương quan sức mạnh toàn cầu, quan hệ “bất thường” và cạnh tranh chiến lược quyết liệt giữa các nước lớn. Tại Đông Nam Á, môi trường an ninh, tình hình tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông tiếp tục diễn ra phức tạp.

Đặc biệt, Việt Nam đang và sẽ chịu tác động mạnh của ba vấn đề lớn:

Thứ nhất, tiến trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế diễn biến phức tạp. Sự đan xen của các quá trình hội

nhập đa phương và song phương đưa thế giới đến một “cấu trúc ma trận” các FTA, trong đó phải kể đến các FTA thế hệ mới, trên nhiều tuyến và nhiều cấp độ. Quốc gia nào trở thành tâm điểm, đâu mối của các FTA này sẽ có nhiều cơ hội phát triển, đóng vai trò quan trọng hơn trong hệ thống kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 và chiến tranh thương mại đang làm đứt gãy các chuỗi cung ứng toàn cầu. Tình trạng bất bình đẳng bắt nguồn từ mặt trái của chủ nghĩa tự do mới kích hoạt chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa dân tộc kinh tế, xu hướng phản kháng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Trước những động thái trái chiều đó, thế giới đang hướng đến những chương trình nghị sự mới như: “tổn cầu hóa bao trùm”, “tổn cầu hóa 4.0”, xây dựng nền kinh tế nhân văn, v.v. để đảm bảo công bằng và hòa nhập trong việc hưởng thụ các thành quả của tăng trưởng kinh tế, không để ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển.

Nằm ở trong một khu vực tăng trưởng kinh tế năng động và thiết lập được một mạng lưới FTA rộng khắp, Việt Nam trở thành cửa ngõ quan trọng để tiếp cận với các thị trường lớn của thế giới. Nước ta cũng có lợi thế trong chiến lược Trung Quốc+1 của các nhà đầu tư quốc tế¹. Tuy nhiên, tính phức tạp của tiến trình hội nhập quốc tế đang gây ra sức ép điều chỉnh chính sách theo nhiều kênh, nhiều tuyến, tạo ra

1. Xu hướng các nhà đầu tư chuyển dịch đầu tư ra những nước gần Trung Quốc để tận dụng lao động giá rẻ, tránh được các rủi ro chính trị, đồng thời vẫn khai thác được thị trường Trung Quốc và tận dụng được hệ thống công nghiệp phụ trợ phát triển của nước này.

tác động nhiều chiều, khó đối phó và kiểm soát. Sự hình thành những định chế mới do các nước lớn đề xuất vừa là cơ hội song cũng vừa là thách thức không nhỏ cho Việt Nam trong việc lựa chọn đối sách tham gia. Hơn nữa, bản thân các FTA không đủ để giúp Việt Nam hiện thực hóa các mục tiêu phát triển của mình. Mặc dù giúp tiếp cận tốt hơn thị trường của các đối tác, gia tăng khôi lượng thương mại và đầu tư trong ngắn hạn, nhưng các FTA vẫn không đảm được nền kinh tế Việt Nam có thể vượt lên khỏi phân khúc thấp của chuỗi giá trị toàn cầu hay đem lại nhiều việc làm có năng suất cao hơn bởi những điều này lại chủ yếu thuộc vào tiến độ hoàn thiện thể chế phát triển trong nước.

Thứ hai, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra nhanh chóng, đặc biệt với những đột phá công nghệ trong nhiều lĩnh vực đem đến sự thay đổi vượt bậc cho chất lượng cuộc sống, việc làm và sản xuất, kinh doanh. Bước chuyển nhanh sang nền kinh tế số và tầm quan trọng của tiến bộ khoa học - công nghệ trong bối cảnh toàn cầu hóa đưa đến ba cách tiếp cận phát triển mới: lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh thuộc về những ngành dựa trên tri thức, số hóa và công nghệ cao; nguồn lực phát triển quan trọng nhất là tri thức, tài nguyên số và trí tuệ con người; và tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu tạo cho các nước và các nhà sản xuất có được cơ hội phát triển hiệu quả nhất. Xu thế đổi mới công nghệ diễn ra nhanh đặt ra những vấn đề mới về mô hình phát triển và con đường “đi tắt, đón đầu” của các nước. Việt Nam có lợi thế của nước đi sau khi đi thẳng

vào phát triển những lĩnh vực mới của nền kinh tế số, nhất là nhanh chóng hình thành các ngành công nghiệp kết nối và thiết lập hạ tầng số. Song đây cũng là thách thức lớn đối với nền kinh tế Việt Nam nếu quá trình công nghiệp hóa vẫn theo chiều rộng, dựa vào lao động kỹ năng thấp và tài nguyên thiên nhiên. Giai đoạn vừa qua, mô hình này đã tạo ra nhiều việc làm và tạo thu nhập cho một bộ phận lớn dân cư, nhưng nếu tiếp tục duy trì thì càng hội nhập sâu hơn, nền kinh tế Việt Nam sẽ càng lệ thuộc vào bên ngoài, càng có nguy cơ tiếp tục lún sâu vào “bẫy gia công, lấp ráp” và vướng vào những nấc thang thấp của chuỗi giá trị toàn cầu. Hơn nữa, với việc ứng dụng các công nghệ mới như robots, các ngành sản xuất thâm dụng lao động sẽ dịch chuyển trở về những nước phát triển; do quá trình tự động hóa khiến chi phí giảm mạnh hơn, những nước này sẽ có lợi thế xuất khẩu ngược hàng hóa sang Việt Nam. Nếu không hóa giải được thách thức này, các FTA thế hệ mới thậm chí có nguy cơ trở thành “bẫy hội nhập” của Việt Nam trong thời gian tới.

Thứ ba, Việt Nam là một trong 5 nước bị tổn thương nhiều nhất bởi biến đổi khí hậu toàn cầu và nước biển dâng. Các áp lực về chuyển đổi phương thức phát triển trong bối cảnh thiếu hụt về tài nguyên, năng lượng,... rất có thể sẽ đặt nền kinh tế nước ta trước nhiều khó khăn về cạnh tranh và làm suy giảm tính hiệu quả. Việc nâng cao năng lực “thích ứng” với biến đổi khí hậu, nhất là chuẩn bị nguồn lực để sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp, đặc biệt là các loại

thiên tai thường xuyên xảy ra sẽ là thách thức lớn. Tuy nhiên, những phương thức phát triển mới như: tăng trưởng xanh; phát triển kinh tế sinh thái, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ; xây dựng thành phố “đáng sống”, thành phố xanh, v.v. cũng mang lại cho Việt Nam nhiều sự lựa chọn nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Việc thực hiện những phương thức mới này là cơ hội để mang lại sự thay đổi trong nhận thức và thực tiễn hành động: từ chuyển đổi mô hình công nghiệp hóa, hạn chế khai thác tài nguyên thiên nhiên, phát triển các ngành công nghệ cao, thay đổi phương thức sử dụng năng lượng, xây dựng các thể chế mới cho nền kinh tế cho đến thay đổi thói quen sinh hoạt, tiêu dùng và làm việc v.v.. Vấn đề quan trọng trong quá trình này là thiết lập một khung khổ chính sách, chiến lược mới, phù hợp để hỗ trợ thúc đẩy quá trình chuyển đổi của nền kinh tế. Cơ hội chuyển đổi sang một phương thức phát triển bền vững là như nhau đối với mọi quốc gia song bước quá độ ở các quốc gia khác nhau sẽ khác nhau bởi nó tùy thuộc vào đặc thù về vốn tự nhiên, vốn con người, thể chế và trình độ phát triển.

Việt Nam đã bước vào giai đoạn chuyển từ tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa trên gia tăng huy động và sử dụng nguồn lực sang tăng trưởng chủ yếu dựa trên gia tăng hiệu quả. Trong thời kỳ đầu của giai đoạn này, Việt Nam vẫn có thể tiếp tục nâng cao hiệu quả khai thác các dư địa còn lại của mô hình tăng trưởng cũ. Tuy nhiên, cách làm này là không đủ để giúp nền kinh tế Việt Nam tiến xa như khát vọng phát triển bởi các nguồn lực như vốn, tài nguyên (thông

thường) và lao động chỉ có hạn. Do đó, cần đẩy nhanh sự chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng mới dựa trên nền tảng là công nghệ và đổi mới sáng tạo - là những yếu tố không có trần giới hạn¹. Đây là điều kiện quan trọng để Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, vượt qua được bẫy thu nhập trung bình, thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Qua 35 năm đổi mới, Việt Nam đang tiến vào một quỹ đạo phát triển cao hơn; hoàn cảnh và điều kiện phát triển đã thay đổi, đặt ra những nhiệm vụ và mục tiêu mới. Trên nền tảng đã tạo lập, phát huy cao độ ý chí, tinh thần đoàn kết, sáng tạo, sức mạnh to lớn của “ý Đảng, lòng dân”, dân tộc ta sẽ vượt qua mọi khó khăn, thử thách, để thực hiện tầm nhìn đưa Việt Nam trở thành *nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa* vào giữa thế kỷ XXI, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh². Tầm nhìn đó được hiện thực hóa qua ba dấu mốc phát triển quan trọng của đất nước:

1) Đến năm 2025: là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

1. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam: *Báo cáo chính sách tháng 12/2016*, Hà Nội, 2016.

2. Báo cáo Việt Nam 2035 xác định, Việt Nam có khát vọng đến năm 2035 sẽ trở thành một nước công nghiệp hiện đại, hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ. Khung chính sách kinh tế Việt Nam nhấn mạnh tầm nhìn đến năm 2035 đưa Việt Nam trở thành một nước thu nhập trung bình cao, phồn vinh, thịnh vượng, hài hòa và bền vững.

2) Đến năm 2030 (kỷ niệm 100 năm ngày Đảng ta thành lập): là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, có thu nhập trung bình cao.

3) Đến năm 2045 (kỷ niệm 100 năm ngày thành lập nước): trở thành nước phát triển, có thu nhập cao¹.

Việc xác định trở thành “nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa” mở ra một giai đoạn mới, đồng thời thể hiện tính liên tục và hoàn chỉnh trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. “Định hướng xã hội chủ nghĩa” là nét đặc sắc nổi bật, thể hiện bản chất nhân văn, tiến bộ; sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là đặc trưng quan trọng nhất trong việc thực hiện tâm nhìn phát triển Việt Nam, do chính con người Việt Nam thực hiện. Tâm nhìn và mục tiêu phát triển đất nước là nguồn khơi dậy ý chí, quyết tâm phát triển của dân tộc; đồng thời, là cơ sở tạo sự thống nhất từ nhận thức cho đến hành động trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân để thực hiện thắng lợi các định hướng, nhiệm vụ quan trọng trong giai đoạn tới:

1. Theo kịch bản trước khi xảy ra đại dịch Covid-19: năm 2025, quy mô GDP ước sẽ đạt khoảng 440 tỷ USD, và thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 4.500 USD/năm; năm 2030, quy mô GDP ước sẽ đạt khoảng 670 tỷ USD, và thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 6.500 USD/năm; năm 2035, quy mô GDP ước sẽ đạt khoảng 1.050 tỷ USD, và thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 10.000 USD/năm; năm 2045, quy mô GDP của Việt Nam ước sẽ đạt khoảng 2.500 tỷ USD, và thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 18.000 USD/năm (Phát biểu của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Phiên giải trình và trả lời chất vấn kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV, ngày 01/11/2018. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Khung chính sách kinh tế Việt Nam, tháng 12/2018).

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Thứ hai, hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam; đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, xây dựng nền kinh tế thịnh vượng dựa trên tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững với khả năng chống chịu cao trước các rủi ro phát triển từ bên ngoài, trước các tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai.

Thứ ba, xây dựng xã hội văn minh, hạnh phúc, dân chủ, kỷ cương, có sự kết hợp hài hòa các giá trị truyền thống dân tộc với các giá trị chung, tiến bộ của nhân loại, không để ai bị bỏ lại phía sau, mọi người dân đều tham gia và đều được hưởng lợi từ thành quả phát triển; khơi dậy tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển, tài năng, trí tuệ, phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam.

Thứ tư, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh, thực hiện tốt các chức năng của mình, đảm bảo tinh thần thượng tôn pháp luật, quyền lực thuộc về nhân dân và có trách nhiệm giải trình cao; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tội phạm và tệ nạn xã hội.

Thứ năm, xây dựng một quốc gia phát triển có vị thế cao, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, đóng góp cho hòa bình, phát triển và ổn định của thế giới và

khu vực; kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Thứ sáu, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng để lãnh đạo thành công sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5. Xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ và trọng trách mới

Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, sự đồng lòng và chung sức của toàn dân là nhân tố quan trọng nhất, mang tính quyết định để đạt được tầm nhìn và khát vọng phát triển Việt Nam. Càng đi sâu vào quá trình đổi mới, đổi mới với nhiều vấn đề phức tạp, khó khăn nảy sinh, chúng ta càng ý thức được tầm quan trọng của “ý Đảng, lòng dân” và trách nhiệm xây dựng Đảng đủ năng lực, xứng tầm nhiệm vụ, hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lãnh đạo sự nghiệp chấn hưng, phát triển đất nước mà nhân dân giao phó. Qua hơn 50 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hơn lúc nào hết, chúng ta thấu hiểu hơn lời dặn của Người: “Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người dày tớ thật trung thành của nhân dân”¹.

Xuất phát từ yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, chúng ta đã xác định “phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm quốc phòng và an ninh là

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622.

nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên”¹. Uy tín của Đảng; niềm tin của nhân dân đối với Đảng, đối với sự nghiệp cách mạng; sự bền vững, ổn định của chế độ, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa muôn thành công đều bắt nguồn từ kết quả của các công tác này.

Trong thời gian qua, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XII đã ban hành nhiều nghị quyết, quy định, chỉ thị quan trọng, như: Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Quy định số 08-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; Chỉ thị của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những người không còn đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, v.v.. Trung ương xác định đây là những nhiệm vụ cần thực hiện cấp bách và thường xuyên của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, các địa phương, đơn vị theo phương châm xây dựng Đảng toàn diện cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức và tổ chức, cán bộ, đảm bảo Đảng ta trong

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.64.*

sạch, liêm chính, vững mạnh, luôn đổi mới về tư duy đáp ứng yêu cầu phát triển mới của đất nước.

Niềm tin của nhân dân là thước đo cho sự vững mạnh của Đảng. Hơn 90 năm qua, sự lãnh đạo của Đảng luôn dựa vào nhân dân, gắn bó mật thiết, bền chặt với nhân dân bởi Đảng ta là “*con nòi*” của dân tộc. Tư tưởng “dân là gốc” là truyền thống đạo lý muôn đời của dân tộc Việt Nam luôn được các bậc tiền nhân vận dụng trong quá trình dựng nước và giữ nước. Trong công việc của Đảng, của Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “*Dễ mười lần không dân cũng chịu. Khó trăm lần dân liệu cũng xong*”¹. Mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn ý thức được rằng: Đảng ta không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của nhân dân, của dân tộc; phải luôn vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đảng lấy lợi ích của nhân dân để định hướng mục tiêu lãnh đạo; lấy sự ủng hộ của nhân dân làm chỗ dựa cho hành động và lấy sự hài lòng của nhân dân làm thước đo kết quả. Để lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công, Đảng phải tăng cường niềm tin của nhân dân vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng ý chí và khát vọng phát triển của nhân dân; phát huy ý thức và trách nhiệm của nhân dân và làm cho toàn dân cảm nhận được hưởng thụ và giàu có từ quá trình phát triển.

Việc xây dựng đoàn kết, thống nhất trong Đảng gắn liền với sự đồng thuận trong nhân dân. Đảng vừa lắng nghe ý

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.280.

kiến, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, nhất là những ý kiến giám sát, phản biện mang tính xây dựng; vừa tuyên truyền, giải thích cho nhân dân hiểu rõ, hiểu đúng các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, đồng thời quyết liệt đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc đường lối của Đảng, xử phạt nghiêm minh các hành vi chống phá chế độ, vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Tư duy, trí tuệ, phẩm chất và bản lĩnh lãnh đạo của Đảng nằm trong và thể hiện ở đội ngũ cán bộ, đảng viên - những người có đức, có tài, gương mẫu, đi đầu trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng. Công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, tư tưởng của Đảng trong nhân dân được thực hiện không gì tốt bằng sự gương mẫu của các cán bộ, đảng viên, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”¹.

Trong thời gian qua, cùng với công tác xây dựng Đảng toàn diện, chúng ta đã rất chú trọng công tác cán bộ, lựa chọn những người có đức, có tài, tuyệt đối trung thành với lý tưởng của Đảng, coi đây là “then chốt” của “nhiệm vụ then chốt”. Đảng ta đã tiến hành đổi mới tư duy, cách làm, khắc phục những hạn chế, yếu kém trong từng khâu của công tác cán bộ; lựa chọn đội ngũ cán bộ, đảng viên hoạt động trong các lĩnh vực theo vị trí thích hợp, đúng quy trình, quy định, đúng năng lực sở trường. Đảng vừa bổ sung, hoàn thiện các cơ chế đánh giá, giám sát cán bộ, chuyển từ “định mức mềm” sang “tiêu chí cứng”; quan tâm hơn tới chính sách đãi ngộ và tiền lương; vừa yêu cầu phát huy vai trò nêu gương của người

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.284.

cán bộ, đảng viên, cán bộ có chức vụ càng cao càng phải gương mẫu; đồng thời, chú ý phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng cán bộ, trọng dụng nhân tài.

Từ công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhất là công tác cán bộ của Đảng hiện nay, chúng ta thấu hiểu hơn lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”¹. Học tập, tu dưỡng đạo đức cách mạng không chỉ ở nhà trường, trong lớp học mà mọi lúc, mọi nơi, trong những điều kiện và hoàn cảnh khác nhau, trong hoạt động lý luận và thực tiễn; trong đời tư cũng như trong sinh hoạt cộng đồng; trong các mối quan hệ với mình, với người và với công việc. Lời di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong buổi lễ khai giảng lớp học đầu tiên của Trường Đảng cao cấp mang tên Nguyễn Ái Quốc, tháng 9/1949: “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự Đoàn thể, phụng sự giai cấp và nhân dân, phụng sự Tổ quốc và nhân loại. Muốn đạt được mục đích, thì phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”² đã trở thành tinh chỉ mục đích trong công tác đào tạo của Đảng, trong việc học tập và tu dưỡng đạo đức mà mỗi cán bộ, đảng viên đều phải thấm nhuần, ghi nhớ.

Việc không ngừng rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của cán bộ, đảng viên, cũng giống như việc tạo ra những kháng thể

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.612.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.208.

tốt, ngăn chặn, miễn nhiệm, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn quyết liệt chống phá của các thế lực phản động, thù địch đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Phải hết sức vững vàng trên nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tuyệt đối không được dao động, mơ hồ. Phải đặc biệt coi trọng nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng; khắc phục bệnh “lười học lý luận chính trị” của cán bộ, đảng viên. Đây là yêu cầu trọng tâm của công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức đối với mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp chiến lược.

Kiên định, vững vàng trên nền tảng tư tưởng phải đi đôi với vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận trong thực tiễn. Cán bộ, đảng viên đi học không phải để tiếp nhận những thứ lý luận giáo điều, xơ cứng rồi nói lại, hoặc vận dụng một cách máy móc, áp đặt chủ quan; lại càng không phải để “lấy bằng, khoe chữ”, mà phải học thật sự, trước hết là học về phương pháp tư duy, phương châm hành động, phương cách vận dụng theo tinh thần đổi mới sáng tạo. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng cũng phải theo tinh thần bám sát thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn, cập nhật thực tiễn và tổng kết thực tiễn để phát triển và hoàn thiện. Bối cảnh trong nước và quốc tế đang thay đổi nhanh chóng đòi hỏi đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp phải thường xuyên được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng theo phương châm “cơ bản, hệ thống, thực tiễn và hiện đại”, nhất là luôn bám sát hơi thở của cuộc sống; từ cuộc sống gần dân, từ nguyện vọng của nhân dân mà học để phục vụ nhân dân. Đảng yêu cầu học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch

Hồ Chí Minh cũng là để cho cán bộ, đảng viên tự soi mình, sửa mình, tự rèn luyện những phẩm chất: cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư để được nhân dân tin yêu, quý mến, để Đảng ta “là đạo đức, là văn minh” như mong muốn của Người.

Vững vàng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy ý chí, khát vọng, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, phát triển nhanh và bền vững đất nước; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta nhất định sẽ thực hiện thành công khát vọng và tầm nhìn đến giữa thế kỷ XXI, đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

TÌNH HÌNH THẾ GIỚI, KHU VỰC: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆT NAM*

Thế giới đang trải qua một thời kỳ có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp và khó lường. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh kiềm chế lẫn nhau quyết liệt, giành vị thế và lợi ích gây ra tình hình phức tạp tại nhiều khu vực và nhiều nước. Xung đột dân tộc, tôn giáo, khủng bố quốc tế, chiến tranh cục bộ, chiến tranh kinh tế, chiến tranh mạng, các hoạt động can thiệp, lật đổ, bất tuân dân sự, tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ, tài nguyên... diễn ra dưới những hình thức mới, gay gắt hơn. Những vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống như: an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh tài chính, an ninh mạng, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh,... diễn biến nghiêm trọng. Chủ nghĩa dân tuý, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng gia tăng mạnh mẽ trong quan hệ quốc tế.

* Phát biểu tại cuộc Trao đổi lý luận lần thứ chín “Tình hình thế giới và khu vực - Cơ hội, thách thức đối với các nước” giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Nhật Bản, từ ngày 02-05/9/2019 tại Tokyo, Nhật Bản; có bổ sung, chỉnh sửa, cập nhật tình hình từ sau Đại hội XIII của Đảng.

Luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương toàn cầu đứng trước những thách thức lớn.

Nhìn toàn cục, sau 30 năm kết thúc Chiến tranh lạnh, trong những mức độ khác nhau, thế giới chưa bao giờ im tiếng súng. Những loại vũ khí giết người hàng loạt vẫn được đưa nhau sản xuất và nguy hiểm hơn là được đưa tới những điểm nóng. Việc đe dọa vũ lực và sử dụng vũ lực vẫn được nhiều thế lực xác định là công cụ quan trọng để thực hiện mục tiêu bành trướng, áp đặt. Xu hướng tập hợp lực lượng, liên kết - đấu tranh vì lợi ích quốc gia - dân tộc diễn ra gay gắt, đặt các nước đang phát triển, nhất là những nước vừa và nhỏ, trước nhiều sức ép, đặc biệt dưới tác động của cạnh tranh địa chính trị giữa các nước lớn.

Trong bối cảnh đó, sự gắn kết về lợi ích gia tăng cùng với nhận thức về trách nhiệm chung trong giải quyết những vấn đề toàn cầu trở thành yếu tố thuận lợi cho không khí hợp tác và đối thoại. Cùng với xu thế đa cực hóa và dân chủ hóa quan hệ quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh, các dân tộc nâng cao ý thức độc lập, tự chủ, tự cường, ngăn ngừa những hành vi áp đặt và can thiệp của các thế lực cường quyền; các nước có cơ hội để triển khai hiệu quả chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để phát triển.

Kinh tế thế giới vừa được phục hồi một bước sau khủng hoảng tài chính và suy thoái toàn cầu song tốc độ tăng trưởng đang chậm lại, tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng và suy thoái. Chiến tranh thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, thị trường, công nghệ, nhân lực chất lượng cao giữa

các nước ngày càng quyết liệt. Cách thức giải quyết, ứng phó với các vấn đề kinh tế - xã hội nảy sinh sau khủng hoảng, nhất là về ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, chú trọng đổi mới sáng tạo, là những kinh nghiệm quý giúp các nước vượt qua được những thách thức đó để phát triển nhanh và bền vững.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cùng với quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế đang là hai xu thế lớn, chi phối sâu sắc tiến trình phát triển của nhân loại. Những đột phá công nghệ diễn ra nhanh chóng trong nhiều lĩnh vực, như: trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, cơ sở dữ liệu lớn, Internet kết nối vạn vật, rôbốt, công nghệ in 3 chiều, công nghệ nano, công nghệ sinh học, lưu trữ năng lượng,... đem đến sự thay đổi vượt bậc cho chất lượng cuộc sống, việc làm và sản xuất, kinh doanh. Sự đan xen của các quá trình hội nhập đưa thế giới đến một “cấu trúc ma trận” các hiệp định tự do thương mại (FTA) trên nhiều tuyến và nhiều cấp độ, trong đó phải kể đến các FTA thế hệ mới. Nước nào trở thành tâm điểm, đầu mối của các FTA này sẽ có nhiều cơ hội phát triển, đóng vai trò quan trọng hơn trong hệ thống kinh tế toàn cầu. Bước chuyển nhanh sang nền kinh tế số trong bối cảnh toàn cầu hoá đưa đến ba cách tiếp cận phát triển mới: lợi thế thuộc về những ngành dựa trên tri thức, số hoá và công nghệ cao; nguồn lực phát triển quan trọng nhất là tri thức, tài nguyên số và trí tuệ con người; và tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu tạo cho các nước và các nhà sản xuất có được cơ hội phát triển hiệu quả nhất.

Xu thế đổi mới công nghệ diễn ra nhanh đặt ra nguy cơ lớn về tụt hậu song cũng là điều kiện cho các nước đi sau thực hiện các bước phát triển rút ngắn qua việc tận dụng những thành quả phát triển của nhân loại. Tuy không có ưu thế về công nghệ, vốn, nguồn nhân lực chất lượng cao, kinh nghiệm quản lý và điều hành nền kinh tế,... như các nước phát triển, nhưng nhờ hội nhập và chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, các nước đang phát triển có thể huy động và phân bổ hiệu quả hơn các nguồn lực, tiếp nhận kiến thức, công nghệ và kinh nghiệm quốc tế, để thực hiện “đi tắt, đón đầu”.

Tuy nhiên, toàn cầu hoá gắn liền với chủ nghĩa tự do mới đang làm gia tăng bất bình đẳng xã hội. Sự bùng nổ của phong trào “Chiếm Phố Wall” tại Mỹ, sự ủng hộ của người dân Anh đối với phương án rời khỏi EU (Brexit), làn sóng biểu tình áo vàng tại Pháp,... cho thấy trong lúc toàn cầu hóa mang lại sự giàu có cho một số ít người thì một số đông dân chúng bị đẩy ra bên lề xã hội. Tầng lớp dân nghèo mới xuất hiện và tăng nhanh làm thay đổi môi trường chính trị, là nguyên nhân quan trọng dẫn tới việc gia tăng chủ nghĩa bảo hộ trên thế giới. Xu hướng co cụm xuất hiện ngay cả ở những nền kinh tế lớn như thể hiện qua chính sách "Nước Mỹ trên hết" của Tổng thống Donald Trump đang làm suy yếu tiến trình đa phương. Bởi vậy, các nước đang hướng về những cách tiếp cận như “toàn cầu hóa bao trùm”, “toàn cầu hóa 4.0” để định hình những chuẩn mực, quy tắc mới về quản trị toàn cầu với yêu cầu phải quan tâm hơn tới những người bị bỏ lại phía sau trong tiến trình phát triển và hội nhập.

Khu vực Án Độ Dương - Thái Bình Dương, trong đó có Đông Nam Á, tiếp tục phát triển năng động có vị trí địa kinh tế - chính trị ngày càng quan trọng. Đây cũng là địa bàn cạnh tranh chiến lược gay gắt giữa các cường quốc, thể hiện qua những sáng kiến và kế hoạch lớn như: Án Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở, Vành đai và Con đường... buộc các nước vừa và nhỏ phải lựa chọn đối sách tham gia. Các hành vi đơn phương, chính trị cường quyền nước lớn và tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực, nhất là trên Biển Đông diễn ra căng thẳng, phức tạp hơn. ASEAN đã trở thành một lực lượng được các nước ngày càng coi trọng, đóng vai trò trung tâm trong tăng trưởng kinh tế, bảo đảm môi trường hòa bình và an ninh khu vực. Tuy nhiên, sự tranh thủ lôi kéo, gây sức ép và can thiệp của các nước lớn, đặc biệt là Trung Quốc và Mỹ, cùng với những tính toán lợi ích riêng của một số nước thành viên, là yếu tố cản trở ASEAN có tiếng nói chung trong một số vấn đề khu vực, tác động không nhỏ đến tính thống nhất của tổ chức này. Tiểu vùng Mêkông tiếp tục là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế nhờ quá trình mở cửa, cải cách, chuyển đổi sang kinh tế thị trường và tăng cường hợp tác xuyên biên giới; song các vấn đề về ô nhiễm môi trường, khan hiếm nguồn nước ngọt và nước biển dâng đang là thách thức không nhỏ đối với mục tiêu phát triển bền vững của các nước trong tiểu vùng.

Sự biến đổi của tình hình thế giới, khu vực đem lại cả thuận lợi và thời cơ, khó khăn và thách thức đan xen, đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong ngắn hạn, môi trường quốc tế vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định cho quá trình phát triển, đòi hỏi Việt Nam phải khẩn trương nâng cấp công tác dự báo và tăng cường năng lực nội tại để kịp thời xử lý được những tình huống phức tạp nảy sinh. Tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền trên Biển Đông tiếp tục là thách thức lớn đối với an ninh và phát triển của Việt Nam. Sự gia tăng chủ nghĩa đơn phương và quan hệ “bất thường” giữa các nước lớn đặt cho Việt Nam cần có những cân nhắc hợp lý về đối ngoại. Đứng ở một vị trí địa chiến lược quan trọng, việc lựa chọn phương cách ứng xử, tìm ra cách tiếp cận hợp lý, xác lập lòng tin, chia sẻ lợi ích và bảo đảm chủ quyền luôn là thách thức đối với Việt Nam trong nỗ lực duy trì quan hệ cân bằng và tốt đẹp với các nước lớn.

Các vấn đề toàn cầu và mất an ninh phi truyền thống sẽ tác động trực tiếp đến Việt Nam ngày một sâu sắc hơn. Đặc biệt, Việt Nam là một trong những nước bị tổn thương nhiều nhất bởi biến đổi khí hậu toàn cầu và nước biển dâng. Các áp lực về chuyển đổi phương thức phát triển trong bối cảnh thiếu hụt về tài nguyên, năng lượng,... rất có thể sẽ đặt nền kinh tế Việt Nam trước nhiều khó khăn. Việc nâng cao năng lực “thích ứng” với biến đổi khí hậu, nhất là chuẩn bị nguồn lực để sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp, thiên tai thường xuyên xảy ra, sẽ là thách thức lớn. Tuy nhiên, những phương thức và mô hình phát triển mới như: tăng trưởng xanh; phát triển kinh tế sinh thái, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ,... cùng với tiến bộ khoa học - công nghệ cũng đang mang lại cho nền kinh tế Việt Nam nhiều sự lựa chọn để tăng trưởng nhanh và bền vững.

Trong dài hạn, nhìn chung các xu hướng phát triển có ảnh hưởng tích cực cho sự cất cánh của Việt Nam. Các chương trình nghị sự về tăng trưởng bao trùm, phát triển bền vững, xây dựng nền kinh tế nhân văn của thế giới gợi mở cho Việt Nam tư duy và tầm nhìn mới để bảo đảm công bằng và hòa nhập trong việc hưởng thụ các thành quả của tăng trưởng kinh tế.

Việt Nam có cơ hội tốt để trở thành cửa ngõ quan trọng của một khu vực kinh tế năng động, tiếp cận với các thị trường lớn của thế giới khi thiết lập được một mạng lưới FTA rộng khắp và khai thác chiến lược Trung Quốc+1 của các nhà đầu tư quốc tế¹. Tuy nhiên, tiến trình hội nhập cũng đang gây ra sức ép điều chỉnh chính sách theo nhiều kênh, nhiều tuyến, tạo ra tác động nhiều chiều, khó kiểm soát. Bản thân các FTA không bảo đảm cho nền kinh tế Việt Nam vượt lên khỏi phân khúc thấp của chuỗi giá trị toàn cầu hay đem lại nhiều việc làm có năng suất cao hơn bởi những điều này lại chủ yếu phụ thuộc vào tiến độ hoàn thiện thể chế phát triển trong nước.

Việt Nam có lợi thế của nước đi sau khi có thể đi thẳng vào phát triển những lĩnh vực mới của nền kinh tế số; song đây cũng là thách thức lớn nếu mô hình tăng trưởng vẫn theo chiều rộng, dựa vào vốn, lao động kỹ năng thấp và tài nguyên

1. Xu hướng các nhà đầu tư chuyển dịch đầu tư ra những nước gần Trung Quốc để tận dụng lao động giá rẻ, tránh được các rủi ro chính trị, đồng thời vẫn khai thác được thị trường Trung Quốc và tận dụng được hệ thống công nghiệp phụ trợ phát triển của nước này.

thiên nhiên. Giai đoạn vừa qua, mô hình này đã tạo ra nhiều việc làm và thu nhập cho một bộ phận lớn dân cư, nhưng nếu tiếp tục duy trì thì càng hội nhập sâu hơn, nền kinh tế Việt Nam sẽ càng lệ thuộc vào bên ngoài, càng có nguy cơ lún sâu vào “bẫy gia công, lấp ráp” và vướng vào những nấc thang thấp của chuỗi giá trị toàn cầu. Thách thức đó yêu cầu nền kinh tế Việt Nam phải đẩy nhanh sự chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng mới, dựa trên công nghệ và đổi mới sáng tạo là những yếu tố không có trần giới hạn.

Nhìn lại gần 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới và gần 30 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* năm 1991, bổ sung, phát triển năm 2011, Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ, toàn diện, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử; chưa bao giờ đất nước có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay.

Tuy nhiên, thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam vẫn thua Mỹ hơn 25 lần; Singapore 24 lần; Nhật Bản 16 lần; và các nước OECD 16 lần¹. Việt Nam chưa thể tái lập được kỳ tích phát triển của các nền kinh tế Đông Á đi trước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và Đài Loan. “Sự thần kỳ Nhật Bản” có được trước hết là nhờ khát vọng vươn lên và ý chí tự lực, tự cường, không chùn bước trước mọi khó khăn

1. Xem Phát biểu của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Phiên giải trình và trả lời chất vấn kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XIV, ngày 01/11/2018.

của người dân Nhật Bản để phục hưng đất nước trở thành một trong những quốc gia phát triển hàng đầu thế giới.

Nền kinh tế Việt Nam hiện nay được đánh giá có triển vọng tốt, là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực và thế giới. Nếu duy trì được đà tăng trưởng như ba thập niên qua (7-8%/năm), Việt Nam đang đứng trước cơ hội mang tính lịch sử để đạt được những bước ngoặt phát triển trong ba thập niên tới: (i) đến năm 2030 - kỷ niệm 100 năm Ngày Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, trở thành nước công nghiệp, thuộc nhóm trên của các nước có thu nhập trung bình cao; và (ii) đến năm 2045 - kỷ niệm 100 năm Ngày Việt Nam độc lập (1945 - 2045), trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là tầm nhìn phát triển đất nước vừa mang những giá trị Việt Nam, vừa mang những giá trị toàn cầu, và trước hết là ý chí của dân tộc Việt Nam, do chính con người Việt Nam thực hiện. Việc xác định trở thành một quốc gia phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa mở ra một giai đoạn mới, đồng thời thể hiện tính liên tục và hoàn chỉnh trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. “Định hướng xã hội chủ nghĩa” chính là nét đặc sắc nổi bật, thể hiện bản chất nhân văn, tiến bộ; sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam chính là đặc trưng quan trọng nhất trong việc thực hiện tầm nhìn phát triển Việt Nam.

Để thực hiện tầm nhìn đó, trước hết phải vững vàng trên nền tảng tư tưởng, lý luận của Đảng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định sự lãnh đạo của

Đảng; và kiên định đường lối đổi mới của Đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định nhất quán quan điểm: Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm quốc phòng và an ninh là trọng yếu, thường xuyên.

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới tư duy, xây dựng thể chế phát triển đồng bộ cả về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường. Chú trọng hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; tạo nền tảng để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, không để người dân bị tụt lại phía sau trong quá trình phát triển.

Thứ hai, tăng cường xây dựng con người và nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; phát huy nguồn lực văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh của đất nước. Tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển, tài năng, trí tuệ, phẩm chất con người Việt Nam với tư cách là trung tâm, mục tiêu và là động lực phát triển quan trọng nhất.

Thứ ba, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, kỷ cương, bảo đảm an ninh kinh tế, xã hội, an ninh mạng, an ninh con người. Chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ xa, từ sớm; phát hiện sớm và xử lý kịp thời những nhân tố bất lợi, nhất là những nhân tố bên trong có thể gây đột biến. Tiếp tục thực hiện hiệu quả đường lối đổi ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hóa; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam.

Thứ tư, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện, nâng cao năng lực lãnh đạo - cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; làm tốt công tác tư tưởng, lý luận; chú trọng công tác kiểm tra, giám sát và dân vận của Đảng là nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Nhật Bản luôn gắn bó trong tình đồng chí hết sức mật thiết, tin cậy. Kiên định mục tiêu, lý tưởng cộng sản, dày dạn kinh nghiệm trong thực tiễn, Đảng Cộng sản Nhật Bản sẽ tiếp

tục đạt nhiều thành công trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ 27 và Cương lĩnh của Đảng, hướng tới kỷ niệm 100 năm Ngày thành lập Đảng vào năm 2022.

Mối quan hệ truyền thống tốt đẹp giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Nhật Bản sẽ ngày càng được củng cố và tăng cường, đóng góp tích cực cho quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa hai nước Việt Nam - Nhật Bản, góp phần củng cố hòa bình, ổn định và hợp tác trong khu vực và trên thế giới.

XỬ LÝ TỐT MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI*

Bảo đảm độc lập, tự chủ là nguyên tắc nhất quán trong hệ thống quan điểm hội nhập quốc tế của Đảng ta và là đường lối xuyên suốt trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới. Đổi mới tư duy về quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế góp phần đổi mới tư duy trong xây dựng và thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực hiện nay trước những thay đổi nhanh chóng của bối cảnh bên ngoài và tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng của đất nước. Văn kiện Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định, việc quán triệt và xử lý tốt các mối quan hệ lớn, trong đó có quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế, là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của đất nước ta trong giai đoạn tới.

1. Quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế của Việt Nam từ thực tiễn 30 năm đổi mới

Vào giữa thập niên 80 của thế kỷ XX, đất nước ta phải đối

* Bài đăng trên *Tạp chí Công sản*, số 891, tháng 01/2017; có chỉnh sửa.

mặt với những khó khăn nghiêm trọng. Cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp kéo dài đã làm triệt tiêu các động lực phát triển; đất nước bị cô lập, bị cấm vận và lệ thuộc vào viện trợ từ bên ngoài. Đời sống của nhân dân rất khó khăn, nghèo đói tăng nhanh, nền kinh tế - xã hội có thể sụp đổ bất cứ lúc nào, tư tưởng hoang mang trong xã hội lan rộng đặt chế độ chính trị trước thách thức to lớn.

Trước những khó khăn đó, Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đã khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, trong đó có chủ trương tham gia sự phân công lao động quốc tế, mở mang quan hệ kinh tế và khoa học - kỹ thuật với bên ngoài¹. Tinh thần của Đại hội VI toát lên một tiếp cận mới rằng, độc lập, tự chủ không có nghĩa là biệt lập, “đóng cửa” với thế giới, từ đó mở đường cho tư duy về hội nhập kinh tế quốc tế trong những năm đầu đổi mới. Đại hội VII của Đảng (năm 1991) tiến thêm một bước với chủ trương cụ thể hơn: Mở rộng, đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ kinh tế đối ngoại và theo quan điểm chỉ đạo thu hút các nguồn lực bên trong². Tuy nhiên, công cuộc đổi mới diễn ra chưa được bao lâu thì Liên Xô và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu lâm vào khủng hoảng trầm trọng và tan rã, khiến lòng dân dao động, lo ngại về con đường đi tiếp của đất nước ta. Trong hoàn cảnh đó, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong*

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.47, tr.415.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, 2007, t.51, tr.22.

thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 ra đời, khẳng định bản lĩnh, trí tuệ của Đảng ta trong sự nghiệp lãnh đạo toàn dân kiên định con đường đổi mới, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Đó là minh chứng hết sức sinh động và ý nghĩa về tầm quan trọng của việc giữ vững độc lập, tự chủ trong lựa chọn con đường phát triển của đất nước ta trước những biến động to lớn của thời đại.

Từ một nền kinh tế khép kín, tự cấp, tự túc theo cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp, chúng ta đã tiến hành cải cách, mở cửa, chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy xuất khẩu, tiếp nhận viện trợ phát triển và thu hút đầu tư nước ngoài. Từ chỗ bị cô lập, bị cấm vận, chúng ta đã chủ động phá thế bao vây; bình thường hóa quan hệ với các nước lớn; thực hiện chủ trương muôn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế; củng cố nền độc lập, tự chủ của đất nước. Từ chỗ bị khủng hoảng nghiêm trọng, đến giữa thập niên 90, nền kinh tế nước ta đã đạt mức tăng trưởng cao và bước đầu hội nhập vào khu vực. Thực tế này đã khẳng định tính đúng đắn của công cuộc đổi mới. Đại hội VIII của Đảng (năm 1996) đã xác lập niềm tin vững chắc vào đường lối đổi ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại¹, và tăng cường mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế nhằm tranh thủ các nguồn lực để phát triển. Tuy vậy, tiến trình thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế khu vực và cải cách

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.120.

trong nước giai đoạn này vẫn rất chậm bởi tâm lý sợ cạnh tranh và ngập ngừng, lo ngại trước những tác động tiêu cực từ bên ngoài, nhất là khi cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á 1997 - 1998 bùng nổ.

Phải đến năm 2001, lần đầu tiên trong Văn kiện Đại hội IX của Đảng mới xuất hiện cụm từ “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế”, đánh dấu sự thay đổi lớn trong tư duy phát triển và hội nhập của Việt Nam. Đại hội IX cũng nêu rõ quan điểm chỉ đạo: phải bảo đảm độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách... Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước. Mở rộng quan hệ với các nước nhưng không để nền kinh tế Việt Nam bị lệ thuộc và bị chi phối bởi bên ngoài¹. Năm 2006, Đại hội X đã bổ sung thêm cụm từ “tích cực” và đề ra chủ trương: “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác...”². Sự bổ sung tuy không mang tính đột phá, nhưng khẳng định rõ hơn niềm tin vào lợi ích và tính tất yếu của tiến trình hội nhập quốc tế. Đại hội X đã đề ra quan điểm chỉ đạo là hội nhập kinh tế quốc tế “... phải chủ động, có lộ trình phù hợp với bước đi tích cực, vững chắc, không do dự chần chờ, nhưng cũng không được nóng vội, giản đơn”³.

1. Xem Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương: *Tài liệu nghiên cứu Văn kiện Đại hội IX của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.216-217.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.112, 180-181.

Với việc chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 2007, nền kinh tế nước ta đã hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu. Các cam kết với WTO là khuôn khổ chung để chúng ta đẩy mạnh cải cách trong nước, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó, Đại hội XI của Đảng (năm 2011) đã nâng tầm chủ trương thành “... *chủ động và tích cực hội nhập quốc tế...*”¹, được cụ thể hóa bằng Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI (tháng 4/2013), để khẳng định rằng hội nhập quốc tế không còn bó hẹp trong lĩnh vực kinh tế mà mở rộng ra tất cả các lĩnh vực khác, kể cả chính trị, quốc phòng, an ninh và văn hóa - xã hội... Cũng kể từ Đại hội XI, các văn kiện của Đảng đã thống nhất dùng cụm từ “độc lập, tự chủ” (thêm dấu “,”) thay cho “độc lập tự chủ” để thể hiện đúng hai mặt “độc lập” và “tự chủ” của chủ quyền quốc gia trong phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Việc quán triệt, xử lý thành công mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế đã góp phần quan trọng giúp đất nước ta đạt được những thành tựu phát triển to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua 30 năm đổi mới. Nước ta đã tiến vào một chiều sâu mới trên quỹ đạo hội nhập quốc tế, thực hiện những điều chỉnh căn bản, nâng cao vị thế, quy mô và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; độc lập dân tộc được củng cố, năng lực tự chủ quốc gia được tăng cường. Từ chỗ chỉ có quan hệ ngoại giao với hơn 30 nước vào năm 1986, đến nay nước ta đã có quan hệ ngoại giao với 187 nước; có quan hệ kinh tế với

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.236.

hơn 223 quốc gia và vùng lãnh thổ¹. Quan hệ của nước ta với tất cả các nước lớn đều phát triển tốt đẹp; đặc biệt, quan hệ với một số nước bắt đầu đi vào chiều sâu, thực chất và hiệu quả thông qua việc xác lập những khuôn khổ đối tác toàn diện và đối tác chiến lược². Từ chỗ đứng ngoài, nước ta đã là thành viên của hơn 70 tổ chức khu vực và thế giới. Từ chỗ chỉ có các hiệp định kinh tế song phương dựa trên nguyên tắc lỏng lẻo, nước ta đã tiến tới có các hiệp định kinh tế mang tính thể chế cao hơn trên cả cấp độ song phương, đa phương khu vực và toàn cầu, trong đó có những hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, như Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định thương mại Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA),... thể hiện sự tích cực, chủ động đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu, rộng³.

Từ việc quán triệt, xử lý mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế trong thời gian qua, chúng ta có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm:

Một là, độc lập, tự chủ trong đánh giá các thay đổi của bối cảnh quốc tế, khu vực; từ đó có phản ứng chính sách phù hợp với điều kiện của đất nước, tương thích với thông lệ và cách tiếp cận chung của thế giới. Trong thời gian qua, nhận thức

1. Xem Bộ Ngoại giao: Dự thảo Đề án “Thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các FTA thế hệ mới, trong đó có Hiệp định TPP và Cộng đồng kinh tế ASEAN”, ngày 16/7/2016, Hà Nội.

2. Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 15 nước, quan hệ đối tác toàn diện với 10 nước.

3. Đến nay, Việt Nam đã tham gia và đang đàm phán 16 FTA.

của chúng ta về hội nhập quốc tế vẫn chưa theo kịp sự biến đổi của thế giới, đánh giá chưa đầy đủ về thách thức và cơ hội mà hội nhập quốc tế đem lại, nên có lúc mang nặng tính chủ quan, nóng vội, có lúc lại thiên về tư tưởng dè dặt, cầm chừng. Nhận thức và sự tự chuẩn bị của các doanh nghiệp cũng như hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp để chuẩn bị cho việc tham gia hội nhập còn hạn chế. Các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước, còn tồn tại suy nghĩ trông chờ, ỷ lại vào bao cấp và bảo hộ của Nhà nước. Vì vậy, không ít chủ trương, cơ chế, luật lệ và chính sách chậm được đổi mới để phù hợp với yêu cầu hội nhập, chưa tận dụng được hết những cơ hội để cải cách và phát triển.

Hai là, nhất thiết và luôn giữ độc lập, tự chủ trong việc xác định đường lối, chính sách và phương thức phát triển. Trong đó, cần giữ vững độc lập, tự chủ khi chọn lựa bước đi trong quá trình hội nhập: tham gia các tổ chức quốc tế nào, ký kết các hiệp định nào, với những điều kiện, lộ trình ra sao. Độc lập, tự chủ cần thể hiện ngay trong quá trình đàm phán, đấu tranh gia nhập; chủ động, sáng tạo thực thi các cam kết quốc tế để tận dụng những cơ hội mở ra và đối phó với những thách thức nảy sinh.

Để tránh những sức ép rất lớn từ bên ngoài, chúng ta không chỉ kiên định mà còn phải khôn khéo xử lý, giải tỏa những sức ép đó; và việc làm này phải tính đến những xu thế, những chiều hướng phát triển trên thế giới để có quyết sách thích hợp. Tuy nhiên, chúng ta cũng chưa đạt tới sự nhất trí cao trong nhận thức và hành động khi coi hội nhập

quốc tế và bảo đảm độc lập, tự chủ là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị.

Ba là, để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong quá trình đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, năng lực bên trong đóng vai trò quyết định để hóa giải nguy cơ từ bên ngoài, tận dụng cơ hội mà hội nhập đem lại.

2. Bối cảnh quốc tế mới và những vấn đề đặt ra cho độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế của Việt Nam

Cục diện thế giới và khu vực đang thay đổi nhanh chóng, phức tạp, ảnh hưởng sâu sắc đến xử lý mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế của nước ta.

Tính bất định, khó dự báo của các khuynh hướng phát triển toàn cầu đang đưa đến những rủi ro không nhỏ đối với quá trình hội nhập quốc tế của đất nước ta. Kinh tế thế giới vẫn đang trong thời kỳ chưa ổn định, tăng trưởng diễn ra không đều, nhiều nền kinh tế mới nổi rơi vào trì trệ hoặc suy thoái; giá cả của nhiều hàng hóa cơ bản, năng lượng, nguyên liệu giảm mạnh; tỷ giá của các đồng tiền lớn biến động; các dòng vốn đầu tư di chuyển khó lường. Hiệu ứng “lan truyền” nhanh chóng của những cú sốc bên ngoài sẽ đem lại thách thức phức tạp, nhất là khi năng lực đối phó của đất nước ta vẫn chưa đủ mạnh, các yếu kém nội tại của nền kinh tế vẫn chưa được xử lý.

Sự đan xen của các quá trình hội nhập đa phương và song phương đang đưa thế giới đến một “cấu trúc ma trận” các FTA trên nhiều tuyến và nhiều cấp độ, trong đó phải kể đến

các FTA thế hệ mới và những “siêu FTA” như TPP. Các quốc gia nào trở thành tâm điểm, đầu mối của các FTA này sẽ có nhiều cơ hội phát triển, đóng vai trò quan trọng hơn trong hệ thống kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, sự thay đổi chính sách trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng toàn diện và sâu sắc, tác động mạnh mẽ đến độc lập, tự chủ của nước ta. Việc quyết định tham gia các FTA thế hệ mới vừa là bước chuyển, vừa là thách thức mới đối với nền kinh tế nước ta. Sức ép làm thay đổi chính sách đến theo nhiều kênh, nhiều tuyến sẽ tạo ra tác động nhiều chiều, khó đối phó và kiểm soát. Nhiều nhóm lợi ích kinh tế khác nhau, thậm chí đối lập nhau, cũng sẽ hình thành và là một trong những nguyên nhân tiềm tàng gây mâu thuẫn trong xã hội, đặt nước ta vào những quyết định khó khăn khi phải xử lý các vấn đề này sinh trong tiến trình hội nhập. Hơn nữa, bản thân các FTA là không đủ để giúp Việt Nam hiện thực hóa các mục tiêu phát triển đất nước. Mặc dù có thể giúp tiếp cận tốt hơn thị trường của các đối tác, gia tăng khối lượng thương mại và đầu tư trong ngắn hạn, nhưng các FTA vẫn không đảm được nền kinh tế Việt Nam có thể vượt lên khỏi phân khúc thấp của chuỗi giá trị toàn cầu hay đem lại nhiều việc làm có năng suất cao hơn, bởi lẽ những điều này chủ yếu phụ thuộc vào tiến độ cải cách trong nước. Trong xu thế cạnh tranh ngày càng gay gắt, thách thức đối với nền kinh tế nước ta đã trở nên hiện hữu trong khi cơ hội mà hội nhập đem lại chủ yếu ở dạng tiềm năng.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra nhanh chóng, đặc biệt với những đột phá công nghệ trong các

lĩnh vực, như trí tuệ nhân tạo, rôbốt, Internet kết nối vạn vật, công nghệ in ba chiều, công nghệ nano, công nghệ sinh học, lưu trữ năng lượng... đem đến sự thay đổi vượt bậc cho chất lượng cuộc sống, việc làm, sản xuất và các quan hệ chính trị - xã hội. Xu thế đổi mới công nghệ diễn ra với tốc độ rất nhanh đặt ra nhiều vấn đề về mô hình phát triển và con đường “đi tắt, đón đầu” của các nước. Bước chuyển nhanh sang nền kinh tế tri thức và tầm quan trọng của tiến bộ khoa học và công nghệ trong bối cảnh toàn cầu hóa đưa đến ba cách tiếp cận phát triển mới: 1- Lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh thuộc về những ngành dựa trên tri thức và công nghệ cao; 2- Nguồn lực phát triển quan trọng nhất là tri thức và trí tuệ con người; 3- Việc tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu tạo cho các nước và các nhà sản xuất có được cơ hội phát triển hiệu quả nhất. Đây là thách thức rất lớn đối với nền kinh tế nước ta khi quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vẫn theo chiều rộng, dựa vào lao động kỹ năng thấp và khai thác tài nguyên. Thời gian qua, mô hình này đã tạo ra nhiều việc làm và tạo thu nhập cho một bộ phận lớn dân cư, nhưng nếu tiếp tục duy trì thì càng hội nhập sâu hơn, chúng ta càng có nguy cơ rơi vào “bẫy” gia công, lắp ráp và vướng vào những nấc thang thấp của chuỗi giá trị toàn cầu. Hơn nữa, kỳ vọng tận dụng mức thuế suất bằng 0 mà các FTA đem lại cho nước ta để đẩy mạnh xuất khẩu rất dễ bị đảo ngược. Với việc ứng dụng các công nghệ mới như rôbốt, các quá trình sản xuất thâm dụng lao động sẽ dịch chuyển trở về những nước phát triển; nhờ chi phí giảm mạnh hơn, những nước này sẽ có lợi thế xuất khẩu ngược hàng hóa sang

Việt Nam. Các FTA thế hệ mới như TPP hay VEFTA có nguy cơ trở thành “con ngựa thành Tōroa” và là “cái bẫy hội nhập” cho quá trình phát triển của nước ta trong thời gian tới.

Cùng với sự bấp bênh của môi trường kinh tế toàn cầu, môi trường chính trị và an ninh thế giới cũng biến động khó lường, ẩn chứa nhiều rủi ro cho quá trình phát triển. Các nước lớn cạnh tranh gay gắt với nhau để mở rộng ảnh hưởng. Tương quan sức mạnh và tập hợp lực lượng của các cường quốc thay đổi nhanh chóng, đặt các nước nhỏ đứng trước những lựa chọn chính sách khó khăn. Sự phức tạp trong quan hệ giữa các nước lớn đòi hỏi nước ta phải có đối sách thận trọng, mềm dẻo và khôn khéo để duy trì quan hệ cân bằng, tạo thế đan xen lợi ích, giữ vững độc lập, tự chủ, tránh bị rơi vào thế đối đầu hay lệ thuộc, không để các nước khác áp đặt hoặc lôi kéo, tạo môi trường bên ngoài thuận lợi cho phát triển. Ở một vị trí địa - chiến lược quan trọng, việc lựa chọn chiến lược đối tác sẽ rất khó khăn, rất khó giữ quan điểm “trung tính”, cần có thái độ rõ ràng. Xác lập “lòng tin chiến lược” và tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau luôn là thách thức của các nước nhỏ trong quan hệ với các nước lớn.

Bên cạnh đó, các vấn đề khủng bố, di dân, biến đổi khí hậu toàn cầu, nước biển dâng, các hiện tượng thời tiết cực đoan, thảm họa tự nhiên và dịch bệnh lây lan, ô nhiễm môi trường... đang trở thành những thách thức an ninh phi truyền thống, đòi hỏi nước ta phải tăng cường năng lực, chuẩn bị nguồn lực để sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp. Sự gia tăng các mâu thuẫn toàn cầu cùng các áp lực thiếu hụt về tài nguyên, năng lượng, đất đai, nguồn nước... rất có thể sẽ đặt

nên kinh tế Việt Nam phải đổi mới với nhiều khó khăn hơn về cạnh tranh, tranh chấp. Việc tăng cường hợp tác, tìm ra giải pháp hợp lý để quản lý và giải quyết xung đột phát triển với các nước láng giềng, cùng nhau xây dựng một cộng đồng khu vực hòa bình và thịnh vượng là vấn đề mà Việt Nam phải đặc biệt quan tâm trong thời gian tới.

Cục diện khu vực Đông Nam Á và Đông Á cũng đang chuyển biến nhanh chóng với việc hình thành Cộng đồng ASEAN (AC), thể hiện nỗ lực mạnh mẽ của khối này để trở thành tâm điểm của tiến trình hội nhập ở châu Á. Với vị thế của một nước lớn và là nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, Trung Quốc đang đẩy mạnh cạnh tranh chiếm lĩnh các không gian phát triển¹. Chiến lược biển - đại dương của Trung Quốc đặt mục tiêu hướng kinh tế nước này nhanh chóng quá độ từ ưu tiên “đại lục” sang đột phá “biển”, biến các vùng ven biển là “cầu nối” và là “cửa ngõ” với bên ngoài, đồng thời tăng cường chiếm lĩnh, kiểm soát các vùng tranh chấp trên biển, gây căng thẳng trong quan hệ với các nước láng giềng. Bằng việc triển khai một loạt sáng kiến liên kết kinh tế, Trung Quốc thể hiện rõ phương châm chi phối tiến trình phát triển ở Tiểu vùng Mêkông và khu vực Đông Nam Á, lấy đó làm một trọng điểm để vươn ra thế giới. Sự hình thành những cơ chế mới do Trung Quốc đề xuất, từ các khu kinh tế cửa khẩu xuyên biên giới, hành lang kinh tế Bắc - Nam thuộc Tiểu vùng

1. Phạm Sao Mai: “Trung Quốc và chiến lược đổi ngoại đến 2020”; Xem Phạm Bình Minh (Chủ biên): *Cục diện thế giới đến 2020*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.454.

Mêkông, trục đường sắt xuyên Á,... cho đến các định chế mang tầm ảnh hưởng toàn cầu, như “Một vành đai, một con đường”¹, Ngân hàng Đầu tư hạ tầng châu Á (AIIB), quốc tế hóa đồng nhân dân tệ... vừa là cơ hội, vừa là thách thức không nhỏ, tạo sức ép rất lớn cho các nước cận kề trong việc lựa chọn chính sách tham gia.

Với những chính sách đảo chiều, chuyển từ việc chỉ tiếp nhận đầu tư nước ngoài sang tích cực đầu tư ra thế giới, Trung Quốc đang “chuyển dịch” mạnh những ngành tiêu tốn nhiều năng lượng, nguyên liệu, lao động và không đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường ra các nước kém phát triển hơn. Ngoài ra, Trung Quốc sẽ vẫn tiếp tục có nhu cầu rất lớn về nguyên liệu, năng lượng, thị trường tiêu thụ hàng hóa dư thừa. Với phương châm: bảo toàn nguồn lực quốc gia, gia tăng khai thác và sử dụng các nguồn lực bên ngoài, xa trước, gần sau... sự phát triển mất cân bằng và nhiều thiếu hụt lớn của Trung Quốc sẽ gây áp lực lớn đối với những nước liền kề trong khu vực².

Quán triệt sâu sắc những quan điểm, đường lối của Đại hội XII về quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế

Giữ vững độc lập, tự chủ và thực hiện hiệu quả hội nhập quốc tế là vấn đề xuyên suốt trong các nội dung của Văn kiện

1. Gồm: “Vành đai kinh tế con đường tơ lụa” và “Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ XXI”.

2. Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Mạnh Hùng: “Cộng đồng kinh tế ASEAN trong bối cảnh quốc tế mới”, Tạp chí *Những vấn đề kinh tế và Chính trị thế giới*, số 7 (219), 2014.

Đại hội XII, đồng thời được đúc kết ở nhiệm vụ thứ tư trong sáu nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ này. Tinh thần của Đại hội XII làm nổi bật một số quan điểm, đường lối trong việc quán triệt và xử lý mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế trong giai đoạn tới, cụ thể là:

Thứ nhất, xác định lợi ích quốc gia là mục tiêu cao nhất trong việc quán triệt, xử lý mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế.

Độc lập, tự chủ là ước nguyện cao cả, nhưng không phải là mục đích cuối cùng của mỗi quốc gia. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: "... nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"¹. Độc lập, tự chủ của mỗi quốc gia gắn liền với các lợi ích cơ bản của quốc gia, dân tộc; là phương tiện để đạt được các lợi ích quốc gia, dân tộc.

Trong mỗi giai đoạn và hoàn cảnh khác nhau, các lợi ích và mục tiêu ưu tiên, cụ thể của quốc gia cũng thay đổi nên nhận thức về độc lập, tự chủ cũng cần phải thay đổi. Để hội nhập có hiệu quả, không thể tuyệt đối hóa độc lập, tự chủ và quan niệm về độc lập, tự chủ theo kiểu nhất thành bất biến. Đồng thời, cũng không thể tôn thờ hội nhập thái quá, cho rằng hội nhập là "liều thuốc trị bách bệnh" đối với sự phát triển và trong thời đại toàn cầu hóa, không cần và không thể duy trì độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia. Vận dụng hiệu quả, phù hợp với thời thế phương châm giữ vững độc lập,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr.64.

tự chủ sẽ mở ra nhiều cơ hội cho phép quốc gia phát triển nhanh, tích lũy năng lực, song nếu vận dụng sai có thể đánh mất các cơ hội, kìm hãm sự phát triển, xói mòn sức mạnh của đất nước. Chiến lược tổng thể hội nhập quốc tế của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được ban hành vào tháng 01/2016 khẳng định: “Mục tiêu tổng quát của hội nhập quốc tế đến năm 2030 là nhằm góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia”¹. Quan niệm về độc lập, tự chủ trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu, rộng của Việt Nam cần được vận dụng thận trọng, nhưng không chậm trễ; đồng thời phải linh hoạt, khôn khéo, cho phép mở ra những điều chỉnh phù hợp, nhằm bảo đảm mục tiêu an ninh, phát triển và nâng cao vị thế của đất nước.

Thứ hai, kiên định nguyên tắc độc lập, tự chủ; giữ vững phuơng châm đa phuơng hóa, đa dạng hóa trong hội nhập quốc tế; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ lợi ích, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ.

Đẩy mạnh hội nhập, đa phuơng hóa, đa dạng hóa quan hệ sẽ giúp tăng cường độc lập, tự chủ của đất nước thông qua sự gia tăng tùy thuộc lẫn nhau giữa nước ta với các đối tác. Do vậy, Đại hội XII tiếp tục chú trọng phuơng châm đối ngoại: Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế; chủ động và tích cực đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phuơng; đẩy mạnh và

1. Xem Chiến lược tổng thể hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, ban hành kèm theo Quyết định số 40/QĐ-TTg, ngày 07/01/2016, của Thủ tướng Chính phủ, tr. 8.

làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác chiến lược và các nước lớn có vai trò quan trọng đối với phát triển và an ninh của đất nước¹.

Trên phương diện kinh tế, Đại hội XII nhấn mạnh sự cần thiết phải đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác cụ thể², tránh sự “tùy thuộc lẫn nhau bất đối xứng”. Đây là điểm nhấn có ý nghĩa hết sức quan trọng trong bối cảnh hiện nay của đất nước ta. Sự lựa chọn không đầy đủ, hợp lý về đối tác là một trong những nguyên nhân gây ra mất độc lập, tự chủ vì nó làm cho quốc gia phải lệ thuộc vào chính sự lựa chọn này. Tăng cường đa dạng hóa và mở rộng quan hệ đối ngoại với nhiều đối tác, thực hiện nhiều cách thức hội nhập với các bộ phận linh hoạt theo nhiều phương, nhiều tuyến, nhiều tầng là cách thức để tạo ra một dải lựa chọn rộng lớn, khiến nước ta không bị lệ thuộc vào bên ngoài. Việc tham gia nhiều FTA giúp nước ta đa dạng hóa tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, tăng cường độc lập, tự chủ của nền kinh tế. Tuy nhiên, cần hướng tới các FTA thế hệ mới, theo những đẳng cấp, chuẩn mực cao và có sự tham gia của các nền kinh tế phát triển để từ đó có những cải cách trong nước phù hợp theo chuẩn mực quốc tế.

Thứ ba, tăng cường năng lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, tạo lập nền tảng để bảo đảm độc lập, tự chủ và đầy mạnh hội nhập quốc tế.

1, 2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.153-155, 111.

Tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước, trọng tâm là năng lực kinh tế, là định hướng cơ bản nhất để hóa giải nguy cơ mất độc lập, tự chủ và tận dụng tốt nhất các cơ hội phát triển mà hội nhập đem lại. Để làm được điều này, trước hết cần chủ động và tích cực xử lý các yếu kém, mất cân bằng phát triển nội tại tiềm ẩn nguy cơ phuơng hại đến độc lập, tự chủ trong tiến trình hội nhập. Áp lực gia tăng từ tiến trình hội nhập làm lộ diện những yếu kém, thậm chí làm trầm trọng thêm những bất cập hiện có. Tuy nhiên, hội nhập cũng gợi mở những giải pháp và đem lại nguồn lực mới giúp xử lý những yếu kém, bất cập này. Bởi vậy, cần bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa tiến trình cải cách trong nước và tiến trình hội nhập sâu, rộng và nhanh chóng. Nếu như trong thời kỳ đầu của đổi mới, chính hội nhập kinh tế quốc tế là sức ép quan trọng để thúc đẩy cải cách nền kinh tế, thì hiện nay chính tiến trình cải cách bên trong mới giữ vai trò quyết định hiệu quả của hội nhập quốc tế.

Từ nội dung của Văn kiện Đại hội XII, việc quán triệt, xử lý mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực phát triển cần nhận thức được những vấn đề cơ bản sau:

Trong lĩnh vực kinh tế, trọng tâm là đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; hoàn thiện thể chế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cần chú trọng tăng khả năng hấp thụ công nghệ, tri thức và nuôi dưỡng đổi mới sáng tạo của nền kinh tế. Các chính sách phải hướng vào việc hỗ trợ doanh nhân vượt qua những rào cản, rủi ro về vốn và nguồn nhân lực chất lượng cao... để hiện

thực hóa các ý tưởng khởi nghiệp liên quan đến công nghệ và đổi mới. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cần hướng nền kinh tế nước ta điều chỉnh trở thành một mắt xích trong mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu của các công ty xuyên quốc gia. Do vậy, để hội nhập hiệu quả, cần tăng cường mối liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước và khu vực nước ngoài sử dụng nhiều công nghệ. Không chấp nhận thu hút đầu tư nước ngoài bằng mọi giá; thay vào đó, kêu gọi đầu tư mạnh hơn vào các ngành dịch vụ trung gian, các ngành dựa trên công nghệ hiện đại... để *một mặt*, thúc đẩy phát triển các lĩnh vực này, hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng xương sống bảo đảm tính kết nối và sẵn sàng công nghệ; *mặt khác*, khắc phục được điểm yếu về hạn chế nguồn lực, tri thức, kỹ năng quản trị và thiếu kinh nghiệm của doanh nghiệp Việt Nam¹.

Cần thiết lập nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế². Đây là luận điểm lần đầu tiên được khẳng định trong Văn kiện Đại hội XII nhưng rất cần thiết và phù hợp với thực tiễn hội nhập và phát triển của đất nước hiện nay đã đưa nền kinh tế Việt Nam trở thành một bộ phận hữu cơ của nền kinh tế thị trường thế giới. Nhấn mạnh tính đầy đủ, hiện đại và hội nhập của nền kinh tế là sự khẳng định việc tuân thủ các chuẩn mực chung của thế giới để phát triển, và quan

1. Xem Nguyễn Xuân Thắng (Chủ biên): *Kinh tế thế giới và Việt Nam 2015-2016: Thúc đẩy tăng trưởng và phát triển trong bối cảnh có nhiều thay đổi*. Bản thảo, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2016.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.102.

trọng hơn, là phải tuân thủ các cam kết quốc tế đã ký, nỗ lực cải cách bên trong, đáp ứng các tiêu chí của nền kinh tế thị trường. Trong nỗ lực hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, Nhà nước phải chuyển từ vai trò can thiệp trực tiếp sang hỗ trợ và quản lý phát triển, trong đó tập trung ổn định kinh tế vĩ mô, xử lý các yếu kém nội tại của nền kinh tế, như nợ xấu, nợ công, rủi ro tỷ giá và lạm phát, cải cách doanh nghiệp nhà nước, lành mạnh hóa hệ thống ngân hàng thương mại...; thiết lập khuôn khổ pháp luật, chính sách và bộ máy thực thi bảo đảm các loại thị trường liên tục được hoàn thiện, hoạt động minh bạch, hiệu quả và có cạnh tranh bình đẳng. Ngoài ra, với một tư duy mới, linh hoạt hơn trong quan niệm về độc lập, tự chủ và chủ quyền quốc gia, Đại hội XII đã đề ra chủ trương: xây dựng một số đặc khu kinh tế để tạo cực tăng trưởng và thử nghiệm thể chế phát triển vùng có tính đột phá¹.

Trong lĩnh vực chính trị, trọng tâm là xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Để tiến trình đổi mới toàn diện đất nước tiếp tục đi lên, đổi mới kinh tế phải tiến hành đồng bộ, hài hòa với đổi mới chính trị, cải cách hành chính, cải cách lập pháp, tư pháp². Khâu then chốt ở đây là không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, năng lực quản trị của Nhà nước trong

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.96.

2. Xem Nguyễn Viết Thảo: “Đảm bảo mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 5/2011.

quá trình hội nhập, xây dựng một Chính phủ liêm chính, phục vụ và hỗ trợ phát triển. Dưới sức ép của hội nhập và nhờ tiến bộ khoa học công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp của Nhà nước chắc chắn sẽ chịu sự giám sát, phản biện ngày càng tăng từ phía cộng đồng xã hội, các doanh nghiệp và người dân. Không nên coi đây là sự giảm sút tự chủ mà từ thực tế đó, cần coi việc tăng cường dân chủ, minh bạch và trách nhiệm giải trình với nhân dân là yếu tố quan trọng tạo ra đồng thuận và ủng hộ của xã hội đối với các quyết sách của Nhà nước; đặc biệt cần thúc đẩy dân chủ, bảo đảm hơn các cơ hội cạnh tranh bình đẳng trong kinh tế.

Trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng, trọng tâm là bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Hội nhập quốc tế cần giúp tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ công cuộc đổi mới, xử lý tốt các thách thức xuyên quốc gia và những vấn đề an ninh phi truyền thống, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội¹. Đặc biệt, cần tăng cường năng lực quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng quân đội, công an cách mạng từng bước chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đủ sức đối phó với những

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.147-148.

thách thức mới nảy sinh trong bối cảnh quốc tế diễn biến phức tạp, các tình huống của thời đại công nghệ, như mất an ninh mạng, an ninh thông tin; các tác động bên ngoài đang trở nên nghiêm trọng hơn, như khủng bố, bạo loạn, âm mưu kích động chống phá chế độ...; các nguy cơ có khả năng xảy ra thường xuyên hơn, như dịch bệnh, thiên tai và thảm họa công nghiệp... Cả nước và các địa phương cần vừa nâng cao năng lực ứng phó, vừa tích cực tham gia nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế để đối phó với các thách thức an ninh phi truyền thống và phát triển.

Trong lĩnh vực xã hội, văn hóa và phát triển con người, trọng tâm là thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện. Chủ động và tích cực hội nhập, bảo đảm độc lập, tự chủ là nhằm hướng tới những thuộc tính nhân văn của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, vì lợi ích của đại đa số nhân dân, hướng vào con người, vì con người, lấy con người làm trung tâm của sự phát triển, mọi người được tham gia và mọi người được hưởng lợi. Do vậy, cần nhận diện đúng đắn bản chất của mâu thuẫn và nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn và các xung đột trong xã hội, đặc biệt những mâu thuẫn có nguồn gốc kinh tế, dân tộc, tôn giáo, môi trường..., từ đó lựa chọn và thực thi các biện pháp giải quyết mềm dẻo, kiên trì đối thoại và xử lý dứt điểm. Chú trọng giải quyết các vấn đề nông nghiệp - nông dân - nông thôn để thu hẹp khoảng cách giàu nghèo. Đồng thời với việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chú trọng xây dựng các thiết chế

xã hội tương thích để dự báo và ngăn ngừa các rủi ro, xung đột nảy sinh trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa.

*

* * *

Để triển khai thực hiện thắng lợi và đưa Nghị quyết Đại hội XII của Đảng vào cuộc sống đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục có tư duy đổi mới, có những giải pháp đồng bộ, sáng tạo; đặc biệt phải có quyết tâm chính trị cao và hành động quyết liệt, cụ thể, bám sát thực tiễn hết sức sinh động của đất nước. Các quan điểm mới, linh hoạt về độc lập, tự chủ và chủ quyền quốc gia, về tăng cường năng lực nội tại của đất nước, bảo đảm sự phối hợp đồng bộ giữa tiến trình cải cách trong nước với tiến trình hội nhập quốc tế, giữa đổi mới kinh tế với đổi mới hệ thống chính trị,... cần được nhận thức rõ, luận giải một cách đúng đắn trong việc quán triệt, xử lý mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế trong giai đoạn phát triển mới.

55 NĂM QUAN HỆ HỮU NGHỊ ĐẶC BIỆT HỢP TÁC TOÀN DIỆN VIỆT NAM - LÀO*

Năm 2017 đánh dấu hai sự kiện quan trọng trong lịch sử quan hệ Việt Nam - Lào: 55 năm¹ kể từ ngày Việt Nam và Lào chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao (05/9/1962 – 05/9/2017) và tròn 40 năm tính từ thời điểm hai nước ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác (18/7/1977 – 18/7/2017). Đây là những dấu mốc quan trọng trong quan hệ truyền thống, hữu nghị, láng giềng giữa hai quốc gia. Nhìn lại chặng đường lịch sử hào hùng đã qua, chúng ta có thể tự hào về quá trình hình thành và phát triển của mối quan hệ đặc biệt, hiếm có giữa hai dân tộc.

1. Quan hệ Việt - Lào: 55 năm xây dựng và phát triển

Việt Nam và Lào là hai nước láng giềng rất mực thân thiết, gần gũi, quan hệ gắn kết nghĩa tình anh em giữa hai

* Bài đăng trên Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 320, tháng 7/2017; có chỉnh sửa.

1. Xem Đảng Nhân dân cách mạng Lào - Đảng Cộng sản Việt Nam: *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1930-2007) - Biên niên sự kiện, tập 1 (1930-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, 2011, tr. 570.

dân tộc được hình thành, hun đúc trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Đặc biệt trong hơn tám thập kỷ qua kể từ khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời và lãnh đạo phong trào cách mạng chung, mối quan hệ truyền thống tốt đẹp, sự gắn bó thủy chung giữa nhân dân hai nước Việt Nam - Lào được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Cayxón Phômvihản đặt nền móng, được các thế hệ lãnh đạo kế tục của hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước dày công vun đắp đã trở thành tài sản vô giá của cả hai dân tộc trên con đường phát triển đất nước phồn vinh, nhân dân ấm no, hạnh phúc.

Giai đoạn đấu tranh giải phóng dân tộc của hai nước trong thế kỷ XX là giai đoạn mà quan hệ chính trị - ngoại giao giữa Việt Nam và Lào có những nét độc đáo hiếm thấy trong lịch sử phong trào cách mạng thế giới. Để chiến đấu chống ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ, hai nước đã thành lập Liên quân Việt - Lào; nhiều chiến sĩ quân tình nguyện Việt Nam đã sang Lào sát cánh chiến đấu bên lực lượng vũ trang Pathét Lào. Tinh thần chiến đấu ngoan cường, sự phối hợp chặt chẽ và sự hy sinh xương máu của những người con ưu tú của hai dân tộc đã góp phần đưa sự nghiệp kháng chiến chống thực dân cũ của hai nước đi đến thắng lợi vẻ vang, với việc ký Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương.

Tiếp đó, tinh thần đoàn kết Việt Nam - Lào tiếp tục được hun đúc và tôi luyện khi hai nước không ngừng hỗ trợ nhau trên các mặt trận quân sự và đối ngoại, làm thất bại âm mưu phá hoại và tiến hành chiến tranh của chủ nghĩa thực dân

mới. Ngày 05/9/1962, Việt Nam và Lào chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao, mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử quan hệ hai nước. Liên minh chiến đấu của quân và dân hai nước Việt - Lào ngày càng được tăng cường. Dãy Trường Sơn hùng vĩ với hai nửa Trường Sơn Đông - Trường Sơn Tây đã trở thành biểu tượng sinh động của mối quan hệ keo sơn “hạt muối cắn đôi, cọng rau bẻ nửa” trong những năm tháng gian khổ nhưng đầy vinh quang, góp phần to lớn giúp nhân dân và các lực lượng vũ trang hai nước đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, mà đỉnh cao là Đại thắng Mùa xuân năm 1975 tại Việt Nam và Chiến thắng ngày 02/12/1975 tại Lào.

Bước vào thời kỳ mới, thời kỳ xây dựng đất nước trong hoà bình và quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, quan hệ hai nước chuyển từ quan hệ đoàn kết trong chiến đấu chống kẻ thù chung sang quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Ngày 18/7/1977, hai nước ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác. Hiệp ước có ý nghĩa vô cùng quan trọng, là cơ sở pháp lý vững chắc cho việc tăng cường và mở rộng mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào trong thời kỳ mới; tạo cơ sở để hai nước thúc đẩy ký kết hàng loạt các thỏa thuận, hợp tác sau này. Sau chiến tranh, Việt Nam đã cử nhiều đoàn chuyên gia sang giúp Lào bảo đảm an ninh, ổn định đời sống, khôi phục sản xuất và phát triển kinh tế. Quan hệ hợp tác đó được thực hiện trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau; đề cao ý chí tự lực, tự cường, hợp tác bình đẳng và cùng có lợi.

Trong công cuộc đổi mới của mỗi nước hơn 30 năm qua, Việt Nam và Lào đều giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Quan hệ hợp tác gắn bó giữa hai nước Việt - Lào được đẩy mạnh và mở rộng trên nhiều lĩnh vực. Quan hệ chính trị giữa hai nước đã và đang phát triển trên một nền tảng sâu rộng và ngày càng gắn bó, tin cậy. Hai bên thường xuyên tiếp xúc cấp cao giữa lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ và địa phương; Ủy ban liên Chính phủ thường niên được duy trì và củng cố. Giao lưu giữa các tổ chức, các tầng lớp nhân dân được đẩy mạnh với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Đặc biệt, gần đây nhất là các chuyến thăm chính thức nước ngoài đầu tiên trên cương vị mới, nhiệm kỳ 2016-2020 của Tổng Bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào Bounnhang Volachit tới Việt Nam và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng tới Lào; các chuyến thăm của các đồng chí Bộ Chính trị hai bên đã góp phần đưa quan hệ hai Đảng, hai nước lên một tầm cao mới.

Về phương diện kinh tế, hai nước đã thiết lập cơ chế Ủy ban liên Chính phủ để cụ thể hoá chỉ đạo của lãnh đạo cấp cao về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật... thông qua việc xây dựng nội dung hợp tác của từng thời kỳ, từng giai đoạn và hàng năm. Tính đến năm 2017, Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam - Lào đã tiến hành 39 kỳ họp định kỳ hàng năm luân phiên tại mỗi nước. Tại kỳ họp lần thứ 39 được tổ chức vào các ngày 07, 08/02/2017 tại Hà Nội dưới sự chủ trì của Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Xuân Phúc và Thủ tướng Lào Thongloun Sisoulith, hai bên đã đánh giá cao kết quả hợp tác giữa hai nước và thống nhất nâng cao hơn nữa

hiệu quả hợp tác trên tất cả các lĩnh vực, tập trung thực hiện tốt chỉ đạo của hai Bộ Chính trị, thúc đẩy quan hệ chính trị - đối ngoại - an ninh quốc phòng, đầu tư, thương mại, du lịch..., mở rộng hợp tác đào tạo nguồn nhân lực, đầu tư các dự án hạ tầng giao thông kết nối hai nước, hợp tác quản lý sử dụng bền vững nguồn nước và các nguồn tài nguyên thiên nhiên,...

Nhờ các chính sách ưu tiên, ưu đãi hợp lý của cả hai bên, trong những năm gần đây, thương mại và đầu tư Việt Nam - Lào tăng trưởng khá nhanh, tạo nền tảng vật chất để liên kết và củng cố mối quan hệ đặc biệt giữa hai nước. Từ năm 1989 đến năm 2016, đầu tư của Việt Nam vào Lào đạt giá trị trên 5 tỷ USD. Năm 2016, kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam - Lào đạt 801 triệu USD; trong đó, nhập khẩu của Việt Nam từ Lào đạt 342 triệu USD và xuất khẩu từ Việt Nam sang Lào đạt 459 triệu USD. Các dự án đầu tư của Việt Nam vào Lào tập trung vào các lĩnh vực thủy điện, khai khoáng, giao thông vận tải, trồng cây công nghiệp... Không chỉ giới hạn trong hợp tác kinh tế, hợp tác trên các lĩnh vực khác cũng được quan tâm thúc đẩy. Hợp tác giáo dục, đào tạo đã và đang là lĩnh vực được hai bên ưu tiên và được nâng cao cả về số lượng và chất lượng. Hai bên cũng hợp tác chặt chẽ trong các lĩnh vực y tế, nông nghiệp và phát triển nông thôn. Hợp tác giữa các địa phương giáp biên được chú trọng thúc đẩy, với việc hình thành các khu kinh tế và giao lưu buôn bán qua các cửa khẩu quốc tế và quốc gia. Hợp tác an ninh - quốc phòng tiếp tục duy trì tốt với mức độ tin cậy cao.

Cùng với sự hợp tác trong khuôn khổ song phương, tình đoàn kết hữu nghị giữa Việt Nam và Lào còn được thể hiện rõ nét tại các diễn đàn khu vực và quốc tế như Liên hợp quốc, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Tổ chức hợp tác kinh tế chiến lược ba dòng sông (ACMECS), Tiểu vùng Mêkông mở rộng (GMS), Hợp tác bốn nước Campuchia - Lào - Myanmar - Việt Nam (CLMV), Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia, góp phần nâng cao uy tín và vị thế của mỗi nước ở khu vực và trên thế giới.

2. Một số định hướng

Trải qua 55 năm thử thách, mối quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam ngày càng được khẳng định là mối quan hệ mẫu mực, trong sáng, thủy chung, vừa là thành quả cách mạng, vừa là tài sản chung vô giá được xây dựng bằng máu và mồ hôi của nhiều thế hệ nhân dân hai nước, là minh chứng cho mối quan hệ đặc biệt hiếm có giữa hai dân tộc như lời Chủ tịch Cayxon Phômvihản từng nói “Núi có thể mòn, sông có thể cạn, song tình nghĩa Lào - Việt sẽ mãi mãi vững bền hơn núi, hơn sông”, hay như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phác họa “Việt - Lào, hai nước chúng ta, tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long”.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu to lớn, mối quan hệ hợp tác quan hệ Việt - Lào đang phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức từ sự phát triển của bản thân mỗi nước và môi trường quốc tế, khu vực. Hiệu quả của một số chương trình hợp tác chưa thực sự tương xứng với mong muốn, nỗ lực của Chính phủ và nhân dân hai nước; chưa phát huy hiệu

quả tiềm năng, thế mạnh của mỗi quốc gia và những cơ hội, thuận lợi mà xu thế toàn cầu hoá, khu vực hoá mang lại. Việc xử lý mối quan hệ lợi ích giữa các quốc gia và lợi ích quốc tế vẫn luôn là vấn đề lớn, ẩn chứa nhiều yếu tố phức tạp và chi phối mối quan hệ hợp tác giữa hai nước. Bên cạnh đó, cũng cần thẳng thắn thừa nhận mối quan hệ Việt - Lào còn bị chi phối bởi những động thái tranh giành ảnh hưởng của các nước lớn, khiến việc duy trì mối quan hệ và sự gắn kết, đặc biệt là tầm ảnh hưởng lẫn nhau giữa hai nước gặp không ít khó khăn, thách thức. Một số khía cạnh như vấn đề dân tộc, tôn giáo, di cư xuyên biên giới,... đang thực sự là những trở ngại, thậm chí ẩn chứa những nguy cơ làm rạn nứt mối quan hệ Việt - Lào hiện tại và tương lai.

Trong thời gian tới, trước những biến động phức tạp và khó lường của tình hình thế giới và yêu cầu phát triển của mỗi nước, hai nước đặt ưu tiên cao nhất là cùng phấn đấu tập trung mọi nỗ lực nhằm nâng quan hệ hữu nghị truyền thống, tình đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện Việt - Lào lên tầm cao mới, với phương châm thực chất, chất lượng và hiệu quả, góp phần giữ vững ổn định an ninh chính trị, phát triển kinh tế, hội nhập ngày càng sâu rộng và có vị thế xứng đáng trên trường quốc tế. Để đạt được mục tiêu này, lãnh đạo cấp cao hai nước đã nhất trí quyết tâm chỉ đạo các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương phấn đấu phối hợp thực hiện tốt những trọng tâm sau:

Một là, không ngừng củng cố, giáo dục, phát triển và làm sâu sắc hơn nữa mối quan hệ chính trị đặc biệt không chỉ ở lãnh đạo cấp cao mà cả các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là

thế hệ trẻ; để thế hệ trẻ hai nước - những người sẽ viết tiếp trang sử vẻ vang giữa hai dân tộc-hiểu được tình đoàn kết đặc biệt Việt - Lào, Lào - Việt là bài học lịch sử thiêng liêng, là tài sản vô giá cần được duy trì, bảo vệ và phát huy, vì sự trường tồn và phát triển của hai dân tộc.

Hai là, nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế song phương tương xứng với quan hệ chính trị tốt đẹp săn có. Phát triển hợp tác giữa các vùng, miền, các địa phương có biên giới liền kề; hoàn thiện hơn nữa các chính sách ưu tiên, ưu đãi giữa hai nước. Chủ động thúc đẩy hợp tác ở cả ba cấp: Chính phủ với Chính phủ, địa phương với địa phương và doanh nghiệp với doanh nghiệp, nhằm tạo sự gắn kết và hỗ trợ lẫn nhau giữa hai nền kinh tế. Trong từng thời kỳ, xác định một số trọng tâm hợp tác kinh tế cụ thể, phù hợp với khả năng, nhu cầu của mỗi nước và mang lại lợi ích cho cả hai bên; tập trung tổ chức thực hiện triệt để, thường xuyên theo dõi giám sát để tháo gỡ kịp thời các vướng mắc phát sinh.

Ba là, tiếp tục tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, phối hợp nhằm chống lại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của mỗi nước, các âm mưu chia rẽ quan hệ hai nước.

Bốn là, tích cực trao đổi thông tin về tình hình quốc tế; phối hợp chặt chẽ tại các diễn đàn quốc tế và khu vực, nhất là trong khuôn khổ các tổ chức mà hai bên cùng là thành viên.

Năm là, tăng cường hợp tác trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý; đồng thời tăng cường trao đổi học thuật, lý luận và khoa học xã hội giữa hai nước.

Là nước láng giềng anh em gần gũi, nhân dân Việt Nam luôn tự hào có nhân dân Lào là người bạn thủy chung, son sắt trong suốt thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc trước đây cũng như trong công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước hiện nay. Mỗi người dân Việt Nam đều vui mừng chứng kiến các thành tựu, những đổi thay nhanh chóng đang diễn ra hằng ngày, hằng giờ trên đất nước Triệu Voi tươi đẹp và chân thành mong muốn nhân dân các bộ tộc Lào anh em, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Nhân dân cách mạng Lào sẽ xây dựng thành công một nước Lào phồn vinh và vững mạnh, có quan hệ đối ngoại rộng mở, có vai trò và vị thế không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế.

Kỷ niệm 55 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao và 40 năm Ngày ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt - Lào, chúng ta cùng khẳng định quyết tâm phấn đấu, kế thừa và vun đắp tình đoàn kết đặc biệt, quan hệ hữu nghị thủy chung, gắn bó, hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt - Lào mãi mãi xanh tươi, đời đời bền vững, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở mỗi nước, cũng như hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

QUAN HỆ VIỆT NAM - NHẬT BẢN: NỀN TẢNG VỮNG CHẮC CHO TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN MỚI*

Ngày 21/9/1973, Việt Nam và Nhật Bản đã thiết lập quan hệ ngoại giao, đánh dấu một bước tiến dài trong quan hệ giữa hai nước, vượt qua những chia rẽ của bối cảnh chiến tranh và các quan điểm chính trị còn nhiều phức tạp. 45 năm qua không phải là một chặng đường dài trong tiến trình nghìn năm lịch sử giao lưu giữa hai dân tộc Việt Nam và Nhật Bản, song chúng ta hoàn toàn có thể tự hào rằng, trải qua nhiều khó khăn và thử thách, quan hệ hữu nghị giữa hai nước đã không ngừng phát triển, với những khuôn khổ hợp tác mới, hiệu quả, thực chất hơn, như một bức tranh luôn được tô thêm những đường nét sống động và các gam màu tươi sáng.

1. Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản có truyền thống lịch sử nghìn năm với nhiều biểu tượng tốt đẹp

Cùng nằm ở châu Á - Thái Bình Dương, sự gần gũi, tương đồng về mặt văn hóa đã đưa nhân dân hai nước Nhật Bản và

* Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo quốc tế “Phát triển quan hệ Việt - Nhật: Lịch sử và triển vọng” tổ chức ngày 21/9/2018; bài đăng trên Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 10/2018; có chỉnh sửa.

Việt Nam đến với nhau như một lẽ tự nhiên trong quá trình phát triển. Lịch sử quan hệ hai nước có nhiều biểu tượng tốt đẹp về những mối giao thương, sự kết nối, tình thâm giao và cả những mối lương duyên bền chặt, sâu sắc. Vào thế kỷ VIII, nhà sư Phật Triết từ miền Trung Việt Nam đã được người dân địa phương tiếp đón tại Chùa Đại An ở cố đô Nara của Nhật Bản khi ông sang truyền đạo và dạy nhạc Lâm Ấp. Năm 1604, thương nhân Hunamoto Yabeiji, đồng thời là phái viên ngoại giao của chính quyền Mạc phủ Éđô, đã được chúa Nguyễn Hoàng nhận làm con nuôi. Năm 1622, chúa Nguyễn Phúc Nguyên đã gả công chúa Ngọc Hoa cho thương nhân Araki Sotaro, sau này ông được phong làm Hoàng thân của triều Nguyễn và có tên Việt là Nguyễn Đại Lượng¹.

Ngay từ thế kỷ XVII, thương cảng Hội An thuộc miền Trung Việt Nam đã đón nhiều tàu buôn và thương nhân Nhật Bản đến làm ăn, sinh sống. Nơi đây còn lưu lại những công trình văn hóa, kiến trúc độc đáo mang đậm dấu ấn Nhật Bản, làm nên những giá trị không thể tách rời của đô thị cổ Hội An - di sản văn hóa thế giới.

Đến đầu thế kỷ XX, những chí sĩ cách mạng Việt Nam yêu nước, đi đầu là Phan Bội Châu đã khởi xướng phong trào Đông Du, giương cao khẩu hiệu “chấn hưng quốc gia, cách tân đất nước”, “đánh đuổi thực dân Pháp, khôi phục nước Việt Nam độc lập”, với mong muốn học hỏi từ sự thành công

1. “Tầm nhìn về phát triển quan hệ Việt Nam - Nhật Bản vì hòa bình và phồn vinh châu Á”, bài nói chuyện của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng tại chuyến thăm Nhật Bản, tháng 9/2015.

của Nhật Bản để cứu nước, cứu dân thoát khỏi cảnh lầm than, nô lệ. Lịch sử còn ghi lại một tình bạn lớn, cao cả và đầy tính nhân văn giữa Phan Bội Châu và bác sĩ Asaba Sakitaro. Dù khác biệt về ngôn ngữ và thân phận mỗi người, nhưng sự đồng điệu về tâm hồn, tình cảm và niềm tin vào chính nghĩa đã tạo nên một tượng đài về mối quan hệ “cộng sự đặc biệt”, về sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước chân chính và tình yêu thương nhân loại cao cả. Tấm bia mà Phan Bội Châu cùng các đồng chí đã dựng 100 năm trước để tri ân nghĩa cử cao đẹp của bác sĩ Asaba Sakitaro là biểu tượng thiêng liêng cho đạo lý uống nước nhớ nguồn và giá trị nhân văn sâu sắc của dân tộc Việt Nam, là hình ảnh sinh động phản ánh tình thâm giao sâu sắc giữa người dân Việt Nam và Nhật Bản.

2. Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản đang chứng kiến những bước phát triển vượt bậc chưa từng có

Từ khuôn khổ quan hệ “Đối tác tin cậy, ổn định lâu dài”, Việt Nam và Nhật Bản đã nâng cấp quan hệ lên thành “Đối tác chiến lược vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á” và hiện nay là “Đối tác chiến lược sâu rộng vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á”. Mỗi quan hệ đó được khẳng định bằng những chuyến viếng thăm lẫn nhau thường xuyên và liên tục của lãnh đạo cấp cao hai nước. Tháng 9/2015, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng đã tới thăm Nhật Bản và hai nước đã ra Tuyên bố về Tầm nhìn chung quan hệ Việt Nam - Nhật Bản, cho thấy bước phát triển mới, tích cực, sâu sắc và vững chắc hơn của quan hệ song phương trong

nhiều năm tới. Năm 2017, trước thềm kỷ niệm 45 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước, chúng ta đã chứng kiến nhiều sự kiện quan trọng: Nhà vua và Hoàng hậu Nhật Bản lần đầu tiên đến thăm Việt Nam; Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe hai lần sang thăm Việt Nam; Chủ tịch Hạ viện Nhật Bản Oshima Tadamori thăm Việt Nam; Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc thăm chính thức Nhật Bản. Tháng 5/2018, chuyến thăm chính thức Nhật Bản của Chủ tịch nước Trần Đại Quang trong dịp hai nước kỷ niệm 45 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao để lại nhiều dấu ấn lớn, là cột mốc quan trọng đánh dấu sự phát triển trên tầm cao mới của quan hệ hai nước.

Cùng với việc thúc đẩy quan hệ song phương, Việt Nam và Nhật Bản còn hợp tác chặt chẽ trong các cơ chế hợp tác đa phương như: Liên hợp quốc, Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Diễn đàn hợp tác Á - Âu, các cơ chế Hội nghị thương đỉnh Đông Á, ASEAN+1, ASEAN+3, Hợp tác Tiểu vùng Mêkông,... Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe là nguyên thủ đầu tiên trong Nhóm 7 nước công nghiệp phát triển (G7) mời Thủ tướng Chính phủ Việt Nam tham dự Hội nghị thương đỉnh G7 mở rộng. Cùng với vai trò nổi bật của Nhật Bản, Việt Nam đã nỗ lực thúc đẩy đàm phán và là một trong những nhân tố góp phần tích cực cho việc thông qua sớm các văn kiện của Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Với vai trò là nước điều phối quan hệ ASEAN - Nhật Bản từ tháng 8/2018 đến tháng 8/2021, Việt Nam là cầu nối để thúc đẩy mạnh mẽ khuôn khổ hợp tác ASEAN - Nhật Bản.

Thúc đẩy hiệu quả quan hệ kinh tế luôn là ưu tiên hàng đầu và là một thành công lớn trong quan hệ hai nước. Năm 2017, tổng kim ngạch thương mại giữa hai nước đạt hơn 33,84 tỷ USD. Chỉ tính riêng Quý I/2018, tổng kim ngạch thương mại giữa hai nước đạt 8,7 tỷ USD, tăng gần 16% so với cùng kỳ¹. Nhật Bản là đối tác thương mại lớn thứ tư của Việt Nam, song là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam trong CPTPP. Năm 2017, đầu tư của Nhật Bản vào Việt Nam đạt 9,1 tỷ USD, đưa Nhật Bản trở lại là nhà đầu tư lớn nhất ở Việt Nam. Tính đến cuối Quý I/2018, Nhật Bản có khoảng 3.700 dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 50 tỷ USD. Hiện có hơn 2.500 doanh nghiệp, trong đó hầu hết các tập đoàn lớn của Nhật Bản đã có mặt tại Việt Nam². Nhật Bản cũng là nước đầu tiên trong khối G7 công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường, thể hiện sự ghi nhận tích cực đối với tiến trình cải cách kinh tế của Việt Nam.

Từ nhiều năm qua, Nhật Bản luôn là nước cung cấp viện trợ phát triển chính thức (ODA) lớn nhất cho Việt Nam. Nhiều dự án của Nhật Bản đã hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả, đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam như: cầu Nhật Tân, nhà ga, sân bay Nội Bài, sân bay Tân Sơn Nhất, cầu Cần Thơ, cảng Lạch Huyện - Hải Phòng, cảng Cái Mép - Thị Vải; cầu Bãi Cháy, cầu Tân Đệ,

1. Xem Báo cáo của Tổng cục Hải quan Việt Nam về “Xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam với Nhóm G7 và Canada trong năm 2017, cập nhật năm 2018”, Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan Việt Nam.

2. Xem “Đưa quan hệ Việt Nam - Nhật Bản lên tầm cao mới”, vov.vn.

cầu Cần Thơ, Đại lộ Đông - Tây, đường hầm Hải Vân, đường hầm Thủ Thiêm, nhà máy nhiệt điện Phả Lại, nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ... Ngoài ra, trong khuôn khổ Hợp tác Việt Nam - Nhật Bản đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030, Nhật Bản đang tích cực hỗ trợ và thực sự đã trở thành đối tác quan trọng hàng đầu trong chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam.

Giao lưu văn hóa và nhân dân giữa hai nước đã liên tục được thúc đẩy mạnh mẽ, sôi động với nhiều hình thức phong phú. Năm 2017, có gần 800 nghìn lượt du khách Nhật Bản sang thăm Việt Nam. Nhật Bản đứng thứ ba trong số các nước có số lượng người vào Việt Nam du lịch, trong khi số du khách Việt Nam thăm Nhật Bản cũng vượt qua con số 300 nghìn lượt người¹. Số du học sinh và thực tập sinh Việt Nam ở Nhật Bản cũng như số sinh viên Nhật Bản học tập ở Việt Nam đã tăng nhanh trong những năm gần đây. Nhân dân hai nước hiểu biết lẫn nhau ngày càng nhiều hơn, dành cho nhau những tình cảm tốt đẹp nhất, gắn bó và chia sẻ với nhau trước mọi niềm vui hoặc đau thương, mất mát, như khi hai nước phải hứng chịu các thảm họa sóng thần, bão lũ vừa qua với tất cả tấm lòng sâu nặng và cao cả.

Trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh, Việt Nam và Nhật Bản có điểm chung về lợi ích, mục tiêu và quan điểm là duy trì môi trường hòa bình và ổn định ở khu vực Đông Á,

1. Xem “Lượng khách Nhật Bản đến Việt Nam đứng thứ hai Đông Nam Á”, vtv.vn.

đặc biệt là đảm bảo tự do hàng hải ở Đông Nam Á. Hai nước đều có tư duy mới khi nhìn nhận, đánh giá các vấn đề quan hệ quốc tế để thích ứng với một thế giới đang thay đổi nhanh chóng. Việt Nam và Nhật Bản cũng đạt được những kết quả nổi bật trong hợp tác về phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia và về đảm bảo an toàn, an ninh trên biển.

3. Phát huy nền tảng vững chắc, đưa quan hệ đối tác chiến lược sâu rộng Việt Nam - Nhật Bản vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á lên một tầm cao mới

Những kết quả có được từ mối quan hệ hữu nghị giữa hai nước trong 45 năm qua cùng với sự tin cậy cao về chính trị, chân thành và hiệu quả trong hợp tác, tương đồng về văn hóa, gắn bó về lịch sử, luôn vì lợi ích chung là nền tảng vững chắc để Việt Nam và Nhật Bản tiếp tục thúc đẩy và phát triển quan hệ hai nước trong một tầm nhìn chiến lược mới thích ứng với những thay đổi nhanh của bối cảnh thế giới, khu vực và mỗi nước.

Thứ nhất, kế thừa nền tảng phát triển tốt đẹp, hai nước cần không ngừng thúc đẩy hợp tác, đưa quan hệ “Đối tác chiến lược sâu rộng vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á” tiếp tục đi vào thực chất, trở thành mối quan hệ đối tác chiến lược *kiểu mẫu ở Đông Á - Thái Bình Dương*, trên cơ sở củng cố vững chắc lòng tin chiến lược, hợp tác toàn diện và cùng gánh vác trách nhiệm chung đối với những vấn đề của khu vực và toàn cầu.

Thứ hai, tiếp tục nâng cao hiệu quả kết nối và hợp tác kinh tế thích ứng với xu hướng tăng cường hội nhập khu vực

và diễn biến nhanh chóng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nhật Bản và Việt Nam cần đóng vai trò đầu tàu thúc đẩy hiện thực hóa Hiệp định CPTPP, tích cực phối hợp đàm phán Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), nỗ lực kiến tạo và kết nối hai nước trong sáng kiến về một khu vực kinh tế Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương theo hướng tự do và rộng mở. Hai nước cần chủ động thúc đẩy kết nối bao trùm ở nhiều cấp, nhiều tuyến, nhiều điểm và nhiều diện khác nhau: chính phủ với chính phủ, địa phương với địa phương, doanh nghiệp với doanh nghiệp và giữa các lĩnh vực, ngành nghề; phát triển và kết nối ngành công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam vào mạng sản xuất toàn cầu, nhất là mạng sản xuất do những tập đoàn công nghiệp Nhật Bản dẫn dắt.

Trước mắt, hai bên nỗ lực hơn nữa để đạt mục tiêu tăng gấp đôi kim ngạch thương mại và đầu tư vào năm 2020 so với năm 2014; triển khai hiệu quả Sáng kiến chung Việt Nam - Nhật Bản giai đoạn 7, thu hút mạnh hơn nữa làn sóng đầu tư có chất lượng cao của Nhật Bản, duy trì vị trí nhà đầu tư nước ngoài số một của Nhật Bản tại Việt Nam. Hai nước cần tháo gỡ những vấn đề còn vướng mắc như thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các nhà thầu Nhật Bản thực hiện các dự án ODA không hoàn lại, ban hành cơ chế tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư chiến lược Nhật Bản tham gia vào quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam.

Thứ ba, hai nước cần tiếp tục ủng hộ mạnh mẽ hơn những nỗ lực của nhau, đóng góp cho hòa bình, ổn định và phát triển tại khu vực và thế giới; trong đó duy trì trao

đối thường xuyên về các vấn đề hai bên cùng quan tâm, như: vấn đề phi hạt nhân hóa Bán đảo Triều Tiên; bảo đảm an ninh, an toàn, tự do hàng hải và hàng không trên Biển Đông; giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế. Đồng thời, hai nước cần tiếp tục đẩy mạnh hợp tác thực chất và có hiệu quả trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, nhất là an ninh, an toàn hàng hải, cùng nhau đối phó với những vấn đề an ninh phi truyền thống như an ninh mạng, biến đổi khí hậu toàn cầu... đang là những thách thức lớn đối với sự phát triển của nhân loại.

Thứ tư, tiếp tục phát huy tốt và nâng cao hiệu quả quan hệ hỗ trợ phát triển. Việt Nam cần khai thác hiệu quả hơn nữa sự hỗ trợ của Nhật Bản cho các Chương trình “Đối tác cơ sở hạ tầng chất lượng” và “Sáng kiến kết nối Mêkông - Nhật Bản”, đặc biệt là xây dựng các tuyến hành lang kinh tế kết nối trong Tiểu vùng Mêkông giữa các nước Campuchia, Lào, Myanmar với các tỉnh miền Trung của Việt Nam ra biển. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Việt Nam cần tranh thủ sự hỗ trợ công nghệ của Nhật Bản để phát triển những lĩnh vực, ngành nghề mới như: nông nghiệp công nghệ cao, các ngành công nghiệp và dịch vụ kết nối... nghiên cứu học tập kinh nghiệm của Nhật Bản trong việc xây dựng mô hình xã hội 5.0.

Thứ năm, tăng cường hợp tác trong lĩnh vực văn hóa - xã hội; đào tạo, bồi dưỡng, nhất là đối với công tác đào tạo cán bộ lãnh đạo quản lý - một định hướng ưu tiên của Chính phủ Nhật Bản dành cho Việt Nam lâu nay; đẩy mạnh giao lưu nhân dân, đặc biệt là giữa thế hệ trẻ để tăng cường hiểu biết,

sẽ chia, tạo nền móng bền chặt cho quan hệ sâu sắc, toàn diện giữa hai nước trong tương lai.

Trên nền tảng vững chắc, với những bước tiến vượt bậc trong thời gian qua, kỷ niệm 45 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam - Nhật Bản là dịp để chúng ta suy nghĩ về một giai đoạn phát triển mới, mạnh mẽ và sâu sắc hơn cho quan hệ đối tác chiến lược sâu rộng Việt Nam - Nhật Bản vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á - mỗi quan hệ đối tác chiến lược kiểu mẫu vì sự phát triển của hai nước, vì hòa bình, hợp tác, phồn vinh của khu vực và thế giới.

MỤC LỤC

	Trang
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
Phần thứ nhất	
VŨNG VÀNG TRÊN NỀN TẢNG TƯ TUỞNG CỦA ĐẢNG	7
- C. Mác - Nhà tư tưởng thiên tài, nhà cách mạng vĩ đại	9
- Sức sống của chủ nghĩa Mác trong thời đại ngày nay	21
- Di sản tư tưởng Ph. Ăngghen: Giá trị và sức sống thời đại	35
- Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản: Giá trị lý luận và thực tiễn trong thời đại ngày nay	47
- Di sản của V.I. Lê nin: Giá trị lý luận và thực tiễn đối với cách mạng thế giới và Việt Nam	58
- Cách mạng Tháng Mười Nga và chủ nghĩa xã hội hiện thực - Giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại	77
- Hồ Chí Minh - Tâm nhìn thời đại	88
- Hồ Chí Minh - Hành trình lịch sử sáng tạo với sự ra đời của Mặt trận Việt Minh	101
- Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại với sự nghiệp đổi mới, phát triển và bảo vệ Tổ quốc	109
- Tư tưởng Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam, tư tưởng Cayxòn Phôm vihản với cách mạng Lào	123

- Sửa đổi lỗi làm việc - Nhũng vấn đề lý luận và thực tiễn	135
- “Lời kêu gọi thi đua ái quốc” của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Giá trị lịch sử và ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam	148
- Giá trị lý luận và thực tiễn của tác phẩm <i>Đạo đức cách mạng</i> đối với công tác xây dựng Đảng hiện nay	157
- 70 năm tác phẩm <i>Dân vận</i> của Chủ tịch Hồ Chí Minh	169
- 70 năm tác phẩm <i>Đời sống mới</i> của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Giá trị lý luận và thực tiễn đối với phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh	180
- Không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức của Đảng	187
- Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng - Giá trị lý luận và thực tiễn	202
- Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội và công tác chính trị, tư tưởng	215
- Đảng Cộng sản Việt Nam - Trí tuệ, bản lĩnh, đổi mới vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	230
- 50 năm thực hiện <i>Đi chúc</i> của Chủ tịch Hồ Chí Minh	239

Phần thứ hai
**BẢN HÙNG CA CỦA DÂN TỘC
VÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ,
VĂN HÓA VÀ CÁCH MẠNG DƯỚI SỰ
LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG**

- Từ thời đại Hùng Vương đến thời đại Hồ Chí Minh -
Dòng chảy liên tục của lịch sử, văn hóa Việt Nam 253
- Xôviết Nghệ - Tinh thần mạnh mẽ của chúng làm nên
lịch sử 260

- 90 năm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc	270
- Tuyên Quang trong tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh	284
- Chiến thắng Đồng Lộc - Biểu tượng cao quý của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và khát vọng cống hiến của thanh niên Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh	296
- Cụ Huỳnh Thúc Kháng với cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Nam	305
- Cụ Nguyễn Văn Tố với cách mạng Việt Nam	318
- Cụ Bùi Bằng Đoàn với cách mạng Việt Nam	326
- Đồng chí Lê Duẩn - Nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng	336
- Đồng chí Trường Chinh - Nhà lý luận, nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam	350
- Đồng chí Hoàng Đình Giong với cách mạng Việt Nam và quê hương Cao Bằng	362
- Đồng chí Hoàng Văn Thụ - Nhà lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng, người con ưu tú của quê hương Lạng Sơn	371
- Đồng chí Tố Hữu với cách mạng Việt Nam và quê hương Thừa Thiên Huế	381
- Đồng chí Lương Khánh Thiện với cách mạng Việt Nam và quê hương Hà Nam	391
- Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai với cách mạng Việt Nam và quê hương Nghệ An	401
- Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh - Nhà lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam người cộng sản kiên trung, mẫu mực	412
- Đồng chí Hồ Tùng Mậu - Người cộng sản kiên trung, mẫu mực	420

- Đồng chí Nguyễn Chí Diểu với cách mạng Việt Nam và quê hương Thừa Thiên Huế	431
- Chủ tịch Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực, nhà lãnh đạo nổi tiếng của cách mạng Việt Nam	441
<i>Phần thứ ba</i>	
CƠ ĐỒ DÂN TỘC, KHÁT VỌNG VÀ TÂM NHÌN PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC	449
- Văn kiện Đại hội XII của Đảng - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn	451
- Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới	466
- Xây dựng Đảng về đạo đức trong giai đoạn hiện nay	480
- Đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, đẩy mạnh xây dựng Đảng về đạo đức trong tình hình mới	488
- Công tác dân vận của Đảng trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế	503
- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đổi mới, tăng cường công tác dạy và học lý luận chính trị, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ	512
- Xây dựng trường chính trị chuẩn thực sự là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của địa phương	527
- Sách lý luận, chính trị với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	541
- Công đoàn Việt Nam - 90 năm xây dựng và trưởng thành	551

- Công đoàn Việt Nam tích cực, chủ động sát cánh, đồng hành với người lao động	561
- Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước và tinh thần cống hiến của thanh niên Việt Nam trong giai đoạn mới	570
- Đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa	581
- Một số luận điểm mới về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay	593
- Mô hình xã hội siêu thông minh (xã hội 5.0) và một số định hướng phát triển đối với Việt Nam	602
- Đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh tại vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	639
- Cơ đồ dân tộc, khát vọng và tầm nhìn phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI	650
- Tình hình thế giới, khu vực: Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam	690
- Xử lý tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh mới	702
- 55 năm quan hệ hữu nghị đặc biệt hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào	724
- Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản: Nền tảng vững chắc cho tầm nhìn phát triển mới	733

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn
Sách điện tử: www.stbook.vn, www.thuvienicoso.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Nguyễn Phú Trọng

- * **VỮNG BƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI** (Xuất bản lần thứ hai)
TẬP 1 (2011 - 2014)
TẬP 2 (2015 - 2017)

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng

Hội đồng Lý luận Trung ương

- * **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - TRÍ TUỆ, BẢN LĨNH,
ĐỔI MỚI VÌ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**
(KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC)

Thông tấn xã Việt Nam

Vietnam News Agency

- * **VIỆT NAM - 35 NĂM ĐỔI MỚI**
VIETNAM - 35 YEARS OF RENEWAL
1986 - 2021

ISBN 978-604-57-6798-6

9 786045 767986



MÃ ĐỊNH DANH
CUỐN SÁCH



8935279133734

SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẶT HÀNG